

LƯU VĂN LỢI - NGUYỄN ANH VŨ



CÁC COẶC
THƯỜNG LƯỢNG

LÊ ĐỨC THỌ
KISSINGER
TẠI PARIS

HOÀNG GIAO LẬP QUẢN ĐÓNG CHẤM

vinabooks.com



CÁC CUỘC THƯƠNG LƯỢNG LÊ ĐỨC THỌ - KISSINGER TẠI PARIS

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

LỜI TỰA CHO LẦN TÁI BẢN	5
CHƯƠNG 1 - 1968: CHẤM DỨT NÉM BOM MIỀN BẮC VÀ HỘI ĐÀM BỐN BÊN	7
Hội nghị Paris bắt đầu	7
Cấp Phó trưởng đoàn: Thẩm dò	9
Cấp Trưởng đoàn: Đi vào thực chất	12
Cuộc gặp thứ nhất	13
Cuộc gặp thứ hai: ngày 12 tháng 9.	14
Cuộc gặp thứ ba: ngày 15 tháng 9	16
Cuộc gặp thứ tư: ngày 20 tháng 9	18
CHƯƠNG II - CHẤM DỨT NÉM BOM: MẮC KÊ THIÊU!	21
Hà Nội mở đường	22
Một chỉ thị quá khó khăn với Lê Đức Thọ	22
Ngày chấm dứt ném bom và ngày bắt đầu nói chuyện	23
Ngày 26 tháng 10: cời nút	25
Thieu chống Johnson	27
Mắc kê Thiêu!	29
CHƯƠNG III - ĐỀ KHỞI ĐỒNG HAI KẾ HOẠCH HOÀ BÌNH Nixon trước hậu quả của thất bại Tết Mậu Thân	31
Mất trận Dân tộc Giải phóng trước những hậu quả của chiến thắng Tết Mậu Thân	32
Câu chuyện cái bàn	33
Cuộc gặp đầu tiên C.Lodge - Xuân Thuỷ	37
Giải pháp mười điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng: một bất ngờ đối với Mỹ	39
Chính quyền Nixon ở trong tình thế bị đông.	40
Cuộc gặp C.Lodge và Đức Thọ	41
Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam: Người đối thoại mới.	43
CHƯƠNG IV - VIỆT NAM HOÁ VÀ THƯƠNG LƯƠNG	48
Một diễn đàn mới	48
Đánh vào “đất thánh” Campuchia	51
Hiệp đầu Lê Đức Thọ - Kissinger	55
Cái chung chung: Không Leninít – Cái cụ thể: Không đồng ý	61
Giữa kẻ thù không chịu nổi và sự chống đối bên trong cũng không chịu nổi	69
Cuộc họp vẫn ở 11 phố Darthé.	72
Đợt tấn công ngoại giao tháng 9 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời	75
CHƯƠNG V - TIẾN ĐẾN VẤN ĐỀ THUỐC CHẤT	79
Năm mới 1971, năm mới với mọi người	79
Niềm hy vọng khác thường của Kissinger	83
Thời cơ: Sớm hay muộn đều có hai	95
Tám điểm: Khung mới, lập trường cũ	100
CHƯƠNG VI - THỜI CƠ CHUYỂN SANG CHIẾN LƯỢC HOÀ BÌNH	106
Nixon xấu chơi	106
Vấn đề quan hệ Trung - Mỹ	107
Hà Nội trả lời: Mức độ và thời điểm	108
Cuộc gặp riêng ngày 2 tháng 5	112
Vấn đề Việt Nam và Hội nghị cấp cao Xô - Mỹ	116
Chuyển sang chiến lược hoà bình	119
CHƯƠNG VII - THĂM DÒ VÀ MẮC CẢ	121
Cuộc hẹn ngày 19 tháng 7: Bước chuyển	121
Cuộc họp ngày 1 tháng 8: Hai phương án để thăm dò và mắc cả	126
Cuộc họp ngày 14 tháng 8: Vừa thăm dò vừa vừa mắc cả.	131
Kết quả hai tháng thăm dò.	134
Kissinger: Chấm dứt trước 15 tháng 10	139
Hà Nội tăng sức ép - Washington trì hoãn.	142

CHƯƠNG VIII - THỎA THUẬN THÁNG 10 VÀ SỰ LẬT LONG CỦA NHÀ TRẮNG	147
Dư thảo Hiệp định ngày 8 tháng 10 năm 1972, một sáng kiến quyết định.	147
Đề nghị mới của Việt Nam: không thể bác bỏ được	150
Thỏa thuận về cơ bản	158
Nixon: Hiệp định xem như đã hoàn thành.	164
Thieu căn đường. Nixon lật long	169
CHƯƠNG IX - THỎA THUẬN VÀ THƯƠNG LƯƠNG LAI	174
Sau khi vượt bầu cử	174
Thương lương lai	178
Hop hep - Gián đoạn	187
CHƯƠNG X - ĐỔI CHÁC VÀ BỀ TẮC	191
Mỹ lai đề nghị hoãn	191
Lê Đức Thọ: Có hai cách lựa chọn... Tuỳ các ông!	194
Bề tắc	200
Mùa Noel của Nixon	203
CHƯƠNG XI - HIỆP ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ HIỆP ĐỊNH PARIS	207
Pháo đài bay không lật được thế cờ	207
Hai vấn đề lớn tồn tại của Hiệp định	209
Các hiểu biết	210
Cách ký Hiệp định	212
Các Nghị định thư	214
Vấn đề Mỹ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh	215
Ngày hop cuối cùng	216
Hiệp định ngày 20 tháng 10 năm 1972 và Hiệp định chính thức	218
LỜI BAT	221
PHU LUC	224
PHU LUC 1 -CÔNG HÀM CỦA MỸ GỬI VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ NGÀY 18 THÁNG 10 NĂM 1972	224
PHU LUC II - CÔNG HÀM CỦA VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ GỬI MỸ NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1972	225
PHU LUC III - CÔNG HÀM CỦA MỸ GỬI VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1972	227
PHU LUC IV - VĂN BẢN THỎA THUẬN NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1972 Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam	230
PHU LUC V - HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	237
PHU LUC VI - HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH - LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	245
PHU LUC VII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	245
PHU LUC VIII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	252
PHU LUC IX - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	252
PHU LUC X - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	256
PHU LUC XI - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	257
PHU LUC XII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	262
PHU LUC XIII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LAI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM	263
PHU LUC XIV - CÁC HIỂU BIẾT	265
PHU LUC XV - CÔNG HÀM CỦA TỔNG THỐNG HOA KỲ GỬI THỦ TƯỚNG VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ	266
NHỮNG SỰ KIẾN CHÍNH (1945-1976)	268
SÁCH THAM KHẢO CHÍNH	277
SÁCH, BÁO TIẾNG VIỆT	277
SÁCH, BÁO XUẤT BẢN Ở NƯỚC NGOÀI	277

"Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn".
Trích Di chúc của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH

LỜI TỰA CHO LẦN TÁI BẢN

Chúng tôi đã xuất bản cuốn “Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ” trước Hội nghị Paris (năm 1990, tái bản năm 2000) và cuốn “Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris” (năm 1996). Theo yêu cầu của nhiều bạn trong và ngoài nước, nay chúng tôi tái bản hai cuốn thành một tập duy nhất với những bổ sung cần thiết để người đọc có thể có bức tranh liên hoàn của quá trình chuyển

biên ngoại giao từ chiến tranh sang hoà bình ở Việt Nam. Cuộc chiến tranh đến nay đã kết thúc gần ba mươi năm, mà các chiến sĩ đã xanh bất chấp lòng người chưa vơi bớt nhớ thương.

Trong thời gian đó, ông Mac Namara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng của Tổng thống L.B. Johnson, suy nghĩ ngày đêm để tìm xem có cơ hội hoà bình nào ở Việt Nam bị bỏ lỡ hay không. Ông bà cùng nhiều tướng tá Mỹ đã tham chiến ở Việt Nam và nhiều nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu Mỹ sang Việt Nam trao đổi ý kiến với các cựu đối thủ của họ với lòng mong muốn cùng nhau tìm sự xác nhận rằng bên này hay bên kia đã bỏ lỡ những cơ hội kết thúc cuộc chiến tranh. Là người cùng dự hội thảo với họ, tôi thấy họ đã phân tích mọi tài liệu có thể có, lật đi lật lại các vấn đề, xem xét mọi khía cạnh trong những cuộc tranh luận cởi mở, thẳng thắn. Rất tiếc, sau nhiều cuộc gặp nhau, các nhà nghiên cứu Mỹ đi đến kết luận "tranh cãi không cùng" (argument without end).

Vấn đề đúng là phức tạp, lô-gích của người Việt Nam và lô-gích của người Mỹ dùng là khác nhau, nhưng chỉ có một sự thật, sao mà khó tìm thế.

Chúng tôi nghĩ như mọi người rằng chiến tranh là chiến tranh và nó có quy luật của nó. Khi Johnson quyết định đưa lính Mỹ sang trực tiếp chiến đấu ở miền Nam Việt Nam và cho máy bay Mỹ trực tiếp ném bom miền Bắc Việt Nam, ông tuyên bố tại Baltimore "sẵn sàng thương lượng không điều kiện" với Hà Nội, hay khi ông quyết định đưa 500.000 quân Mỹ sang miền Nam Việt Nam, ông mở chiến dịch ngoại giao lớn nhất trong nhiệm kỳ Tổng thống của ông, có phải ông thật sự muốn chấm dứt chiến tranh không? Trước Chúa, chắc ông cũng không dám nói thật, địch thủ của ông làm sao tin được. Nhưng dư luận Mỹ cũng như dư luận thế giới cũng hiểu rằng ông cần tỏ thiện chí hoà bình để che giấu ý đồ mở rộng chiến tranh ở Việt Nam sau khi "chiến tranh đặc biệt" thất bại.

Khi chiến tranh lớn bắt đầu giữa nước Việt Nam nhỏ bé và lạc hậu và nước Mỹ siêu cường hùng mạnh, so sánh lực lượng nghiêng hẳn về phía Mỹ và người ta gọi đó là cuộc đấu tranh giữa David và Goliath của thế kỷ. Tất nhiên nhân dân Việt Nam phải chống lại xâm lược bằng mọi khả năng, kể cả việc tập hợp lực lượng hoà bình thế giới và Mỹ đồng tình và ủng hộ với cuộc chiến đấu tự vệ chính đáng của mình và khi đó tất nhiên họ không thể tin những "sáng kiến hoà bình" của Nhà trắng. Bất cứ ở đâu và bất cứ thời nào khi chiến tranh mới nổ ra, tất cả các bên tham chiến đều tìm thêm đồng minh, tranh thủ thêm sự đồng tình làm cho so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho mình, đó là điều tất nhiên, là nhu cầu cần thiết vì như một tướng Mỹ đã nói "trong chiến tranh không gì thay thế được chiến thắng". Nhưng cao quý hơn, đúng ra là tối cần thiết hơn chiến thắng là hoà bình, hoà bình giữa các Quốc gia, hữu nghị giữa các dân tộc. Khát vọng hoà bình của con người sâu sắc đến mức người ta cho rằng "một nền hoà bình tồi còn tốt hơn chiến tranh".

Người ta có lý do, có thể nói bằng chứng, rằng trong những năm 60 thế kỷ trước, những người cầm quyền ở Mỹ luôn nói hoà bình nhưng khi hoà bình nằm trong tầm tay họ thì họ lại vứt bỏ. Hiệp định Genève năm 1954 nhằm chấm dứt chiến tranh Đông Dương hoàn toàn phù hợp với giải pháp bảy điểm mà Tổng thống Eisenhower đã thoả thuận với Thủ tướng Churchill ngày 29 tháng 6 năm 1954 nhưng ngày 23 tháng 10 năm 1954 chính Eisenhower lại gửi thư cho Ngô Đình Diệm báo rằng Mỹ sẽ cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự cho Ngô Đình Diệm, Chính phủ và quân đội của ông ta để xây dựng miền Nam Việt Nam thành một Quốc gia độc lập và chống cộng.

Năm 1962, Mỹ ký Hiệp định Genève về trung lập của Vương quốc Lào nhưng ngay sau đó lại bác bỏ một đề nghị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam về việc chấm dứt chiến tranh và đưa miền Nam Việt Nam vào con đường hoà bình trung lập theo mô hình Lào. Một lần nữa, Washington đã bác bỏ một giải pháp mà chính họ đã chấp nhận. Chẳng phải đó là hai cơ hội hoà bình mà Mỹ đã bỏ lỡ đó sao?

Từ thực tế đó người ta buộc phải đặt câu hỏi họ muốn gì, hoà bình hay chiến tranh, khi họ nói thiện chí hoà bình. Chỉ kể từ Westphalie, cái gì bảo đảm hoà bình giữa các Quốc gia, từ khi có Liên

Hiệp Quốc cái gì bảo đảm an ninh thế giới? Ai cũng hiểu rằng đó là sự tôn trọng chủ quyền của các Quốc gia, đó là sự từ bỏ sử dụng vũ lực trong quan hệ giữa các Quốc gia. Ông Mac Namara muốn chấm dứt chiến tranh nhưng quyền tiếp tục hay chấm dứt chiến tranh nằm trong tay Tổng thống Johnson, việc ông rời bỏ Lầu Năm Góc là chuyện dễ hiểu. Mà chừng nào ông Johnson còn ảo tưởng chặn được chủ nghĩa cộng sản ở vĩ tuyến 17 Việt Nam thì ông còn chưa chịu xem xét mọi cơ hội hoà bình ở Việt Nam. Ngay ông Nixon đã ở trong tình thế phải chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, chịu rút quân Mỹ về nước rồi mà vẫn còn muốn duy trì Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để Thiệu tiếp tục chiến tranh với vũ khí và Cố vấn Mỹ. Rõ ràng chừng nào những người cầm quyền Mỹ còn nghĩ có thể chiến thắng Việt cộng thì không làm gì có cơ hội hoà bình trừ trường hợp Việt cộng chịu chấm dứt chiến tranh theo điều kiện của Mỹ.

Cái gốc của vấn đề không phải là có hay không có cơ hội hoà bình, là chấp nhận hay khước từ cơ hội, mà là tôn trọng hay không tôn trọng chủ quyền của nhau, là sử dụng hay không sử dụng vũ lực trong quan hệ với nhau, đơn giản là tôn trọng hay không tôn trọng hoà bình, an ninh thế giới.

Có người Mỹ đã nhắc đến bài thơ của thi sĩ Samuel Taylor Coleridge về người thủy thủ già giết con hải âu, con chim thành kính mang điềm lành tới người đi biển, để rồi con tàu gặp không biết bao nhiêu gian nan, hiểm họa. Đó chính là bài học của chiến tranh Việt Nam về xử lý quan hệ ngoại giao giữa các Quốc gia.

Việc tìm kiếm hoà bình ở Việt Nam đã kéo dài, đầy khó khăn và trở ngại. Nhưng
“Đến khi kết thúc mọi sự tìm kiếm
Ta sẽ tới nơi mà chúng ta đã bắt đầu.”
T.S. Eliot

Cuối cùng chiến tranh đã chấm dứt ở Việt Nam. Chúng ta vui mừng là hai nước đã khép lại quá khứ, ra sức lấp bằng cái hố ngăn cách mà chiến tranh đã khơi ra, bình thường hoá quan hệ với nhau. Một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên hữu nghị và hợp tác, bắt đầu vì hoà bình và phát triển.

Hà Nội, mùa Xuân năm 2002
Lưu Văn Lợi

CHƯƠNG 1 - 1968: CHẤM DỨT NÉM BOM MIỀN BẮC VÀ HỘI ĐÀM BÓN BÊN

Hội nghị Paris bắt đầu

Hãy cho phép chúng tôi nhắc lại một sự kiện mà thế hệ thanh niên hôm nay không biết đến nhưng cách đây hơn một phần tư thế kỷ đã đưa hình ảnh chiến tranh Việt Nam đến từng nhà người dân Mỹ, làm nứt lòng bạn bè của Việt Nam nhưng đã làm điên đầu các vị lãnh đạo Nhà Trắng và Lầu Năm Góc: Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân (1968).

Sau cuộc tiến công đó, Tổng thống Johnson gửi 20.000 quân tăng viện cho tướng Westmoreland. Ngày 31 tháng 3 tuyên bố đình chỉ các hoạt động của không quân, hải quân Mỹ chống Bắc Việt Nam, trừ khu vực giáp khu phi quân sự, và khước từ việc Đảng Dân chủ cử ông ra ứng cử cuộc bầu cử Tổng thống sắp tới. Ông nhắc lại đề nghị sẵn sàng đi bước trước trên con đường thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Đó là sự thất bại rõ ràng của kế hoạch chiến lược hai năm của Mac Namara mà ông đã thông qua nhằm đảo ngược tình hình miền Nam Việt Nam và bước vào năm bầu cử Tổng thống 1968 với một

chiến thắng lấy lòng.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không để Nhà Trắng chờ đợi lâu, và ngày 3 tháng 4 đã chính thức tuyên bố.

"Rõ ràng Chính phủ Mỹ chưa đáp ứng nghiêm chỉnh và đầy đủ đòi hỏi chính đáng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, của dư luận tiến bộ Mỹ và dư luận thế giới. Tuy nhiên về phía mình, Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện" (Báo Nhân dân, Cơ quan Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ngày 4 tháng 4 năm 1968.).

Gần một tháng trôi qua mà hai bên không thoả thuận được về vấn đề địa điểm họp. Cuối cùng Hà Nội đề nghị họp ở Paris đồng thời cử Bộ trưởng Xuân Thuỷ làm trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Washington chấp nhận và cử Averell Harriman, nhà thương lượng có tiếng của Hoa Kỳ, rất thông thạo các vấn đề của Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa, đã từng tham gia các cuộc hội đàm cấp cao của các nước Đồng minh chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Chính phủ Pháp đã có nhã ý dành Trung tâm các Hội nghị Quốc tế tại đại lộ Kléber cho các cuộc thương lượng Việt - Mỹ.

Khi cuộc chiến tranh Việt Nam đã trở thành nỗi trăn trở của cả loài người, vấn đề lương tri của thời đại, thì không có gì ngạc nhiên là từ tất cả các nước người ta mong chờ, hướng về Hội nghị Paris này. Hàng nghìn nhà báo, điện ảnh, nhiếp ảnh, đã đổ về Hội trường Kléber, đông hơn bất kỳ Hội nghị Quốc tế nào từ nhiều năm nay. Ngày 13 tháng 5 năm 1968, ngày chính thức bắt đầu cuộc chiến tranh mới giữa Việt Nam và Hoa Kỳ; cuộc chiến tranh quanh tằm thắm xanh trong lúc bom vẫn nổ trên chiến trường. Nhiều người nghĩ: người Việt Nam đã lần lượt làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của Mỹ, không thể nghi ngờ tài năng quân sự của họ, nhưng rồi đây chiến lược ngoại giao của họ liệu có đạt hiệu quả như chiến lược quân sự hay không?

Điều chắc chắn là hai bên đã đi vào trận với đội ngũ mạnh, báo hiệu một cuộc giao tranh ít nhất cũng là quyết liệt.

Phía Mỹ, ngoài Harriman còn có Cyrus Vance, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, sau này là Bộ trưởng Ngoại giao của Tổng thống Jimmy Carter, Philippe Habib, một chuyên gia kỳ cựu về vấn đề Việt Nam, W.Jordan, một nhà ngoại giao năng động, tác giả văn kiện "Vì sao có vấn đề Việt Nam" của Bộ Ngoại giao Mỹ để giải thích vì sao Nhà Trắng phải ném bom Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà và đưa quân Mỹ sang chiến đấu ở miền Nam Việt Nam.

Phía Việt Nam có Xuân Thuỷ, một chiến sĩ cách mạng lão luyện, một nhà báo, nhà thơ, đã từng giữ trọng trách Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Phó trưởng đoàn là đại sứ Hà Văn Lâu, nguyên Cục trưởng cục Tác Chiến Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, thành viên Đoàn Đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Genève năm 1954 về Đông Dương, tại Hội nghị Genève 1961-1962 về Lào. Ngoài ra còn có Phan Hiền, một luật gia, Vụ trưởng Vụ Báo chí Bộ Ngoại giao và sau này là Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Nguyễn Thành Lê, Phó Tổng biên tập nhật báo Nhân dân, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam. Cả Nguyễn Minh Vỹ và Nguyễn Thành Lê đều đã tham gia Hội nghị Genève 1961-1962 về Lào. Lần này, Nguyễn Thành Lê là người phát ngôn của Đoàn Việt Nam.

Xuân Thuỷ bắt tay Harriman (ông đã biết từ Hội nghị Genève 1961 - 1962 về Lào), với nụ cười đôn hậu và tươi tắn. Báo chí đều nói đến cái bắt tay "lịch sử". Kể cũng là lịch sử thật vì đây là lần đầu tiên đại diện chính thức của hai bên tham chiến ngoan cường đang chiến đấu quyết liệt bằng tất cả khả năng của mình để giành chiến thắng tiếp xúc với nhau. Nhưng ý nghĩa của cái bắt tay chỉ có thể thật sự là "lịch sử" khi các cuộc thương lượng mang lại một giải pháp cho cuộc chiến tranh.

Các cuộc tranh cãi lúc đầu "nảy lửa", phân tích các khía cạnh của cuộc chiến tranh với những con số mới lạ, những sự việc người ta chưa biết và cũng còn quá sớm để cho phép có một kết luận nào, dần dần trở thành tẻ nhạt. Những nhà báo mong sớm có một sự thoả thuận nào đó cũng rút dần.

Ông Xuân Thuỷ nêu khái quát nguyên nhân cuộc chiến tranh là chính sách can thiệp và xâm lược của Hoa Kỳ, phá hoại Hiệp nghị Genève năm 1954 về Việt Nam, phá hoại các điều khoản về tổng tuyển cử để tái thống nhất nước Việt Nam, xây dựng miền Nam Việt Nam thành một Quốc gia riêng, xây dựng nguy quân, nguy quyền làm công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Hoa Kỳ đã đưa máy bay ném bom Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng thời đưa quân Mỹ vào chiến đấu ở miền Nam Việt Nam, gây nên rất nhiều tội ác. Lập trường giải quyết vấn đề Việt Nam là bốn điểm của Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và năm điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến tranh, rút quân Mỹ về nước, để nhân dân Việt Nam giải quyết công việc của mình, trước mắt là chấm dứt hoàn toàn, không điều kiện các cuộc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để có thể bắt đầu bàn về một giải pháp cho vấn đề Việt Nam.

Ông Harriman tố cáo Bắc Việt xâm lược miền Nam, đã vi phạm qui chế khu phi quân sự, khẳng định Hoa Kỳ không có tham vọng gì ở Đông Dương, không muốn mở rộng chiến tranh nhưng sẽ tiếp tục bảo vệ tự do và có hành động thích đáng và cần thiết trước sự xâm lược của kẻ khác. Hoa Kỳ không có ý định xâu xé với lãnh thổ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, không có ý định lật đổ nhà cầm quyền Hà Nội. Hoa Kỳ chỉ muốn giúp đỡ miền Nam Việt Nam duy trì tự do, độc lập, chống lại sự xâm lược do cộng sản Hà Nội chi viện và lãnh đạo. Hoa Kỳ sẽ sung sướng nếu tất cả các bên hữu quan tôn trọng Hiệp nghị Genève năm 1954 và như vậy thì sẽ có giải pháp thoả đáng về vấn đề Việt Nam. Bất cứ dấu hiệu nào của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muốn trở lại Hiệp nghị đó sẽ được hoan nghênh.

"Đường gươm" của hai ông Xuân Thuỷ, Harriman vẫn là: "Mỹ xâm lược Việt Nam và miền Bắc xâm lược miền Nam."

Khi bước vào nói chuyện với phía Mỹ, Đoàn Đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã xác định ba mục tiêu: tranh thủ sự đồng tình của dư luận đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, phân hoá và cô lập đối phương phục vụ chiến đấu trên chiến trường; đòi Mỹ chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam; tìm hiểu ý đồ của Mỹ. Sau một tháng "đọ gươm" ở Hội trường Kléber, phía Việt Nam thấy mặt tuyên truyền có đạt được một số kết quả nhưng chưa tìm hiểu được thêm ý đồ của Mỹ.

Ngày 3 tháng 6, Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, chỉ thị cho Đoàn:

"Tiếp tục làm tốt việc đấu tranh công khai và chuẩn bị lúc nào thuận lợi thì vừa nói chuyện công khai vừa nói chuyện hậu trường. Nói chuyện hậu trường khác với nói chuyện bí mật của Mỹ. Nhưng không cho Mỹ dùng việc nói chuyện hậu trường để lừa bịp, gây ảo tưởng trong dư luận".

Ngày 15 tháng 6. Bộ Chính trị nói rõ thêm:

"Ta chủ trương tiếp xúc riêng để thăm dò, chưa mặc cả".

Cuối phiên họp ngày 12 tháng 6, Nguyễn Thành Lê, người phát ngôn của đoàn Việt Nam nhận lời mời đi ăn cơm của Jordan, người phát ngôn của đoàn Mỹ. Sự ngăn cách bắt đầu được khai thông. Liên sau đó, Hà Văn Lâu, Phó trưởng đoàn Việt Nam nhận lời gặp riêng Cyrus Vance, Phó trưởng đoàn Mỹ.

Ngày 12 tháng 6, người ta thấy xuất hiện trong đoàn Đại biểu Việt Nam một gương mặt mới: Lê Đức Thọ, Cố vấn đặc biệt của Bộ trưởng Xuân Thuỷ. Những người quan tâm đến tự hỏi con người đó là ai, nhưng cơ quan tình báo Pháp và Mỹ có hồ sơ đầy đủ. Ông là một nhà hoạt động cách mạng từ khi còn đi học, tên thật là Phan Đình Khải, quê ở huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Từ nhà pha Hoả Lò ở Hà Nội đến nhà tù Sơn La, ngục Côn Đảo, ông đã trải nhiều năm tháng trong lao tù. Cuộc sống đã rèn luyện ông thành một chiến sĩ cộng sản kiên cường và sớm đưa ông vào hàng ngũ những nhà lãnh đạo

cách mạng Việt Nam. Năm 1968 ông đang là Ủy viên Bộ Chính trị, ông được coi là người có mưu lược, vững vàng, biết quyết đoán khi cần thiết. Sau Tết Mậu Thân, ông được điều vào miền Nam Việt Nam tăng cường cho Trung ương cục để phát huy kết quả của đợt tiến công Tết. Cuối đợt hai của cuộc tổng tiến công bắt đầu từ ngày 4 tháng 5, Hồ Chủ tịch gọi ông ra Hà Nội và cử ông làm Cố vấn đặc biệt cho Bộ trưởng Xuân Thủy.

Sự có mặt của ông trong đoàn Đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chứng tỏ phía Việt Nam muốn đẩy các cuộc thương lượng đi tới. Và cũng từ những ngày tháng 6, tiếp xúc riêng trở thành diễn đàn chính song song và quan trọng hơn diễn đàn đại lộ Kléber.

Cấp Phó trưởng đoàn: Thăm dò

Cuộc tiếp xúc đầu tiên diễn ra tối 26 tháng 6 năm 1968, tại nhà riêng của Đoàn Việt Nam, ở Vitry-sur-seine. Cyrus Vance đến với Philippe Habib. Phía Việt Nam, cùng tiếp với Hà Văn Lâu có Nguyễn Minh Vỹ.

Sau những câu trao đổi lễ tân, Vance rút trong túi ra một tờ giấy đánh máy và đọc:

“Hoa Kỳ sẽ chấm dứt các cuộc ném bom trên toàn miền Bắc vào một ngày sẽ được thông báo cho phía Việt Nam biết trước. Trước ngày đó hai bên sẽ thoả thuận về “hoàn cảnh” (circonstances) sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt ném bom. Đó là cách vượt qua những trở ngại trên đường đi của chúng ta. Tôi nghĩ điều đó có thể thoả mãn gợi ý của các ông đề ra cũng như thoả mãn đòi hỏi của chúng tôi. Chúng tôi có thể chấm dứt ném bom mà không làm tổn hại đến tính mệnh binh lính Mỹ và đồng minh”.

Ông cũng nói hai bên sẽ thảo luận về "hoàn cảnh" và giữ bí mật, không công bố.

Đại sứ Hà Văn Lâu nhắc lại đòi hỏi của ta, như đã trình bày ở hội trường Kléber. C.Vance nói rằng một trong những vấn đề sẽ phải thảo luận là "hành động chiến tranh khác". Habib thêm: "Việc chấm dứt ném bom không đặt ra nữa vì ngày chấm dứt ném bom sẽ được định trước".

Trả lời câu hỏi thế nào là "hoàn cảnh", Vance nhắc lại vấn đề khu phi quân sự và nói Hoa Kỳ lo ngại về các việc sau đây: “Bắn pháo từ khu phi quân sự và từ miền Bắc Việt Nam vào quân Mỹ và quân đồng minh, tấn công bằng bộ binh qua khu phi quân sự”. Habib thêm: "và từ trong khu phi quân sự”.

C Vance tiếp:

- Việc tăng cường lực lượng ồ ạt vào miền Nam Việt Nam và việc tấn công vào dân thường ở thành phố miền Nam như Sài Gòn... Đó là những điều phải bàn đến khi nói chữ “hoàn cảnh”.

Hà Văn Lâu bình luận:

- Không có đề nghị gì mới trong lập trường của Mỹ - có chăng là ở chỗ thêm việc định ngày chấm dứt ném bom.

Habib:

- Có những điều mới khác: “Hoàn cảnh” chỉ thực hiện sau khi chấm dứt ném bom, như vậy không thành điều kiện để chấm dứt ném bom, như thế là thoả mãn cả yêu cầu của Việt Nam và của Hoa Kỳ. Điều mới thứ ba là ngay từ bây giờ Hoa Kỳ không đòi Việt Nam phải làm gì cả mà chỉ đòi Việt Nam phải làm gì sau khi ngừng ném bom.

C. Vance cố gắng thuyết phục các nhà thương lượng Việt Nam về tính hợp lý của đề nghị đó và cho rằng:

- Việc lập lại khu phi quân sự đối với thế giới là hành động liên quan đến cả hai bên... không liên quan đến việc chấm dứt ném bom... Lập lại khu phi quân sự tiếp sau việc chấm dứt ném bom không phải là điều kiện.

Hà Văn Lâu:

- Đề nghị của Hoa Kỳ vẫn là có đi có lại. Nếu cuộc thảo luận không đi đến thoả thuận thì thế nào?

Vance:

- Hoa Kỳ sẽ không chấm dứt ném bom.

Cuộc trao đổi đầu tiên này chấm dứt lúc quá nửa đêm sau hai giờ làm việc.

Điều đáng chú ý là mặc dầu Hà Văn Lâu lên án mạnh mẽ việc Mỹ xâm lược, Vance không trả lời mà chỉ tập trung vào vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc.

Giữa tháng 7, hai đại sứ gặp nhau lại. Ông C.Vance cũng đọc trong một tờ giấy chuẩn bị sẵn:

"Hoa Kỳ sẵn sàng chấm dứt ném bom vào một ngày cụ thể không có hành động có đi có lại, nếu chúng ta có thể có hiểu biết về những hành động chung sau khi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom".

Tiếp đó ông trình bày một kế hoạch hai giai đoạn cách nhau độ một tháng - khoảng cách càng ngắn càng tốt. Ông nói:

Trước khi chấm dứt ném bom Hoa Kỳ cần biết rõ những điều gì sẽ xảy ra ở giai đoạn hai - nghĩa là những biện pháp thích hợp cho cả hai bên.

Rồi ông vẽ một sơ đồ trên giấy, tóm tắt như sau:

Giai đoạn 1: Hoa Kỳ chấm dứt những cuộc ném bom bắn phá bằng không quân, hải quân và pháo binh chống Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cùng tất cả các hành động liên quan đến việc dùng vũ lực ở trên và trong Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trước đó hai bên sẽ thảo luận về những vấn đề liên quan mà mỗi bên sẽ thực hiện sau khi chấm dứt ném bom.

Giai đoạn 2: Hai bên sẽ thực hiện:

1. Khôi phục khu phi quân sự theo qui chế đề ra năm 1954 (không có nhân viên quân sự hay thiết bị quân sự để bên trong hay vận chuyển qua khu này, mời ủy ban quốc tế trở lại và mở rộng hoạt động để giám sát việc thực hiện, không bắn pháo qua khu phi quân sự, không tập trung lực lượng trong khu này).

2- Không tăng thêm lực lượng của Hoa Kỳ cũng như của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quá mức hiện có sau khi chấm dứt ném bom.

3- Bắt đầu thảo luận những vấn đề về thực chất. Hoa Kỳ cũng như Việt Nam có thể nêu bất cứ vấn đề gì liên quan đến giải pháp hoà bình.

Trong cuộc thảo luận đó phía Hoa Kỳ sẽ gồm có đại diện của Việt Nam Cộng hoà. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể có bất kỳ đại diện nào mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muốn mời tham dự.

4- Hoa Kỳ sẵn sàng xét các vấn đề tương tự mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể nêu ra.

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ không có tấn công không phân biệt vào Sài Gòn - Đà Nẵng - Huế.

Ý kiến Mỹ đưa ra chỉ thêm một vài điểm mới về hình thức và danh từ như đề ra giai đoạn 1, giai đoạn 2, dùng chữ "biện pháp" thay chữ "hoàn cảnh", còn thực chất vẫn đặt điều kiện cho việc chấm dứt ném bom.

Hà Văn Lâu:

- Nếu thảo luận vấn đề của giai đoạn 2 mà không thoả thuận được thì Hoa Kỳ có chấm dứt ném bom không?

C Vance không trả lời "Không chấm dứt" như lần trước, mà nói:

- Cứ thảo luận đi, biết đâu là có thể thoả thuận được. Thảo luận trước có mất gì?

Đầu tháng 8, trước khi về Mỹ, C.Vance lại yêu cầu gặp Hà Văn Lâu. Trong cuộc họp hôm 4 tháng 8 có lẽ ông ta muốn tìm hiểu ý đồ Việt Nam để giúp cho Washington lượng định bước đi trong những tháng tới, lúc cuộc chạy đua vào Nhà Trắng đang đến gần. Lần này ông giải thích nhiều về các

biện pháp ở giai đoạn 2 mà lần trước ông nói chưa đủ liều, và nhắc lại đề nghị của Mỹ đưa ra không có vấn đề có đi có lại.

Ngày 19 tháng 8, Hà Văn Lâu và Cyrus Vance lại gặp nhau. Hà Văn Lâu muốn nghe xem người đối thoại của mình sau khi đã gặp các nhân vật cấp cao ở Washington - và các ứng cử viên hai đảng: Dân chủ (H.Humphrey) và Cộng hoà (R.Nixon) - có mang theo gì mới đến Paris không?

Là con người cẩn thận, C.Vance lại đọc một bài chuẩn bị sẵn, đại ý nói rằng: Hoa Kỳ đã xem lại các cuộc gặp trước, và đi đến kết luận rằng "chưa có hiểu nhau về khía cạnh" đề nghị của Hoa Kỳ. Đó là vấn đề tham dự thêm sẽ trở nên cần thiết nếu có đàm phán nghiêm chỉnh sau khi chấm dứt ném bom. Hoa Kỳ cho rằng đàm phán nghiêm chỉnh cần có sự tham gia của đại diện của Việt Nam Cộng hoà. Điều thiết yếu là phải có sự tham gia đó nếu muốn có đàm phán nghiêm chỉnh về tương lai của Nam Việt Nam. Tuy nhiên, Chính phủ Hoa Kỳ không đòi Chính phủ ngài công nhận Việt Nam Cộng hoà là Chính phủ chân chính... Đây là tham gia chứ không phải công nhận... cũng như Hoa Kỳ không công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng nhưng đồng ý sự tham gia của hai bên này... Hoa Kỳ thấy sự tham gia này là sự cần thiết đối với cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh.

Ông ta than phiền về tình trạng "nghẽn đường" hiện nay và nói có vẻ thành thật rằng ông ta rất bối rối - có phải Việt Nam không tán thành cho đại diện của Nam Việt Nam vào cuộc đàm phán không? Không biết ông hiểu lập trường của Việt Nam như thế có đúng không? ông ta nhấn mạnh đến mối quan tâm và tìm kiếm của Johnson là cái gì sẽ xảy ra ở chiến trường sau khi chấm dứt ném bom, và chờ đợi một lời nói trực tiếp hay gián tiếp việc gì sẽ xảy ra.

Hà Văn Lâu:

- Chúng tôi đã nói rõ lập trường của phía Việt Nam là Hoa Kỳ hãy chấm dứt ném bom đi thì hai bên sẽ đề cập đến mọi vấn đề liên quan đến giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Nguyễn Minh Vỹ:

- Chấm dứt ném bom rồi sẽ có nói chuyện, nhất định sẽ có nói chuyện.

Qua mấy cuộc gặp này, Hà Nội thấy rõ Washington lúc đầu đặt vấn đề một cách toàn diện - cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, ở Việt Nam và Lào, Campuchia, nay tập trung vào một vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc. Đó là điều tất yếu nếu muốn giải quyết hoà bình vấn đề miền Nam. Họ nêu ra nhiều điều kiện cho việc chấm dứt ném bom. Nhưng chúng ta cũng thấy Hoa Kỳ muốn có cuộc nói chuyện mở rộng ở giai đoạn hai. Họ chấp nhận trước việc tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tuy nêu rõ: không có nghĩa là công nhận, và muốn Chính quyền Sài Gòn tham gia như Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

Cấp Trưởng đoàn: Đi vào thực chất

Ngày 21 tháng 8 năm 1968, phiên họp lần thứ 18 tại hội trường Kléber. Hai đoàn đang nghỉ uống cà phê. Harriman gợi ý gặp riêng Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ.

Lê Đức Thọ vui vẻ nhận lời.

Để hiểu yêu cầu của Harriman, cần nhìn lại tình hình chung cuộc chiến tranh Việt Nam và tình hình cuộc tranh cử Tổng thống ở Mỹ.

Sau đợt hai của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tháng 5 không đạt kết quả lắm, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam tiến hành đợt ba Tổng tiến công với nhận thức rằng tổng tiến công và tổng khởi nghĩa là một quá trình tiến công liên tục, đợt này đến đợt khác để thực hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ trong mọi tình huống. Chiến trường trọng điểm là Sài Gòn - Gia Định và miền Đông Nam Bộ. Nhưng chẳng những ta không thực hiện được ý đồ chiến lược tiến công vào Sài Gòn và một số thị xã khác thuộc các tỉnh đồng bằng Khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ, mà thương vong lại tăng lên. Sức ép quân sự của ta không đủ mạnh để tạo điều kiện cho quần chúng nông thôn nổi dậy tổng khởi nghĩa như đã

định (Viện Lịch sử, Bộ Quốc phòng. “Lịch sử kháng chiến chống Mỹ. Tập 1. Nhà Xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1990. tr. 307. (Sau đây sẽ gọi: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ).).

Ở Mỹ, người ta hiểu rằng kế hoạch chiến lược giành thắng lợi để chuẩn bị năm bầu cử 1968 đã thất bại, các cuộc vận động ngoại giao trên cơ sở các công thức Baltimore, San Antonio kết hợp với các cuộc ngừng ném bom cũng đã thất bại.

Trên chiến trường Việt Nam, quân Mỹ đã phải từ bỏ chiến lược phản công, chuyển hẳn sang chiến lược phòng ngự, từ bỏ biện pháp chiến lược "tìm và diệt" chủ lực của Mặt trận Dân tộc Giải phóng chuyển sang chủ trương "quét và giữ", "phi Mỹ hoá" chiến tranh. Trong cuộc tranh cử Tổng thống, ứng cử viên của Đảng Cộng hoà, và H.Humphrey, đương kim Phó Tổng thống, ứng cử viên của Đảng Dân chủ, vận động với một chương trình cơ bản giống nhau.

Cương lĩnh đảng Dân chủ nhấn mạnh việc chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam với điều kiện Hà Nội đáp ứng. Đảng Cộng hoà không đi vào nhưng vấn đề cụ thể nhưng phê phán việc đưa quân Mỹ vào Đông Nam Á là một sai lầm. Humphrey vẫn cứ gắn với Tổng thống chiến bại, còn Nixon nhấn mạnh phải có lãnh đạo mới có khả năng suy nghĩ và hành động theo kiểu mới.

Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy uy tín của Humphrey ngày càng sút kém so với uy tín của Nixon. Khi Johnson chấp nhận công thức hoà bình của Dean Rusk - ngừng ném bom Bắc Việt trên thực tế, không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì - ông ta đã tính đến việc kết hợp hoạt động quân sự ở Việt Nam với việc thương lượng, khi ông ta thấy cần tạo thêm điều kiện giành thắng lợi trong bầu cử trong khi không giành được thắng lợi quân sự, Johnson đã nghĩ đến tận dụng cuộc gặp gỡ ở Paris để tạo thuận lợi cho Humphrey.

Hà Nội không phải chỉ là những nhà chiến lược quân sự, mà trước hết còn là những nhà chiến lược chính trị, nên đã nắm bắt đúng lúc vị trí của vấn đề Việt Nam trong cuộc tranh cử Tổng thống ở Mỹ. Đầu tháng 8 năm 1968, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam quyết định: "Nếu Mỹ muốn giải quyết vấn đề Việt Nam theo lập trường tối thiểu của ta trước khi ta giành thắng lợi quyết định thì ta không để lỡ thời cơ"

Mọi việc nay càng rõ khi Harriman chủ động đề nghị có cuộc gặp với Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ. Ở đây, một con én có thể làm nên mùa xuân.

Cuộc gặp thứ nhất

Ngày gặp: Mùng 8 tháng 9 năm 1968. Về địa điểm, lúc đầu đoàn Mỹ đề nghị một biệt thự nhỏ, hẻo lánh ở phố Boileau, sau họ nhận hợp tại nhà riêng của đoàn Việt Nam ở Vitry-sur-seine.

Phía Việt Nam, ngoài các ông Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ, có Hà Văn Lâu và phiên dịch Nguyễn Đình Phương. Phía Mỹ, ngoài Harriman có Vance, Philippe Habib.

Sau những câu chuyện xã giao giáo đầu, Harriman vào đề trước.

Ông ta nói nhiệm vụ của người đàm phán là tìm cách vượt qua khó khăn để đạt được thoả thuận và có cảm giác rằng những ý kiến của hai bên khác nhau là về hình thức hơn là về thực chất. Ví dụ hai bên cùng tán thành về vấn đề cơ bản là Hoa Kỳ chấm dứt ném bom rồi chuyển sang nói chuyện nghiêm chỉnh để tiến tới một giải pháp hoà bình. Hiện nay chỉ còn khác nhau ở chỗ thực hiện việc chấm dứt ném bom trong "hoàn cảnh" như thế nào, còn khác nhau ở cách hiểu chữ "nghiêm chỉnh" trong câu "nói chuyện nghiêm chỉnh".

Rồi ông ta nhắc lại, quan tâm lớn nhất của Tổng thống Johnson là cái gì sẽ xảy ra ở khu phi quân sự. Vấn đề "nói chuyện nghiêm chỉnh" là phải có đại diện của Chính phủ Sài Gòn, và cũng với tinh thần đó Việt Nam sẽ có đại diện của Mặt trận Dân tộc Giải phóng hoặc người nào khác tùy phía Việt Nam. Ông ta cũng nói không phản đối nói chuyện tay đôi về tương lai của hai nước, các vấn đề lợi ích lớn hiện nay và tương lai của Bắc Việt Nam.

Bộ trưởng Xuân Thủy nhắc lại rằng thái độ của Việt Nam lúc nào cũng nghiêm chỉnh - ở Kléber hay trong gặp riêng - Bộ trưởng cũng xác nhận những tuyên bố của Hà Văn Lâu với Vance trong các cuộc gặp trước đây là quan điểm của Đoàn và Chính phủ Việt Nam. Tiếp đó Xuân Thủy nhường lời cho Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ.

Lê Đức Thọ:

- *“Hôm nay tôi chưa đi vào cụ thể. Tôi chỉ phát biểu một số ý kiến tổng quát về tình hình thực tế của cuộc chiến tranh xâm lược mà các ông đã tiến hành chống lại đất nước chúng tôi, vì... có hiểu đúng và đánh giá đúng tình hình thực tế mới tìm ra được giải pháp đúng...”*.

Trước hết ông nói về qui mô chiến tranh, một cuộc chiến tranh lớn nhất, tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ. Ông đem số dân miền Nam so sánh với số lượng quân Mỹ, số bom đạn Mỹ đã dùng, ngân sách Mỹ đã chi tiêu, thương vong của Mỹ, thất bại của Mỹ từ lúc ủng hộ Ngô Đình Diệm, đến chiến tranh đặc biệt và sau hai mùa khô vừa qua ... chỗ yếu của Mỹ và thế thua chắc chắn của Mỹ v.v. Sau đoạn tổng quát ngắn gọn - cũng mười trang đánh máy dày đặc, dài gần một giờ đồng hồ. Xuân Thủy thấy không khí có phần nặng nề bèn đề nghị tạm nghỉ.

Harriman vui lòng ngay:

- Bởi vì tôi đã có nhiều cái nhét vào trong đầu quá.

Trước khi nghỉ, ông Thọ còn nói:

- Các ông phải đọc cho kỹ và hiểu cho kỹ những điều tôi nói để thấy rõ tình hình thực tế.

Gần nửa giờ nghỉ qua, mọi người trở lại phòng họp. Cố vấn Lê Đức Thọ lại nói về miền Bắc Việt Nam, về âm mưu và thất bại của Mỹ ở chiến trường Việt Nam, về ngân sách hao hụt, cán cân thanh toán mất thăng bằng, chảy máu vàng, nhân dân phản đối, binh lính chán ghét chiến tranh, cô lập trên thế giới, v.v... Ông không quên trích dẫn những nhận xét của nhiều chính khách Anh, Pháp, để chứng minh thất bại của Mỹ (tất cả thêm bốn trang đánh máy nữa). Cuối cùng ông nói:

- *“Nếu Mỹ thật sự có thiện chí để giải quyết vấn đề Việt Nam thì phía Việt Nam cũng sẵn sàng cùng Mỹ giải quyết. Nếu Mỹ cứ tiếp tục theo đuổi chính sách thực dân mới thì sẽ không giải quyết được và trách nhiệm thuộc về Mỹ”*.

Harriman bình tĩnh lắng nghe - không phải không sốt ruột và có lúc ông Thọ tạm dừng, bèn hỏi:

- Tôi sẽ đợi ông nói hết phần thứ hai rồi mới bình luận hay sao?

- Được để tôi nói hết rồi ông hãy bình luận - ông Thọ nói.

Nhưng cả sáng chủ nhật hôm đó, Harriman không có thì giờ bình luận. Hai bên định ngày cho phiên họp sau. Phía Mỹ muốn họp sớm vào thứ ba (10 tháng 9) nhưng sau đồng ý vào thứ năm, (12 tháng 9). Harriman còn đề nghị gặp riêng mỗi tuần hai lần. Lê Đức Thọ đồng ý về nguyên tắc. Harriman cảm ơn lòng mến khách của chủ nhà và hy vọng có dịp đón đoàn Việt Nam tại chỗ ở của đoàn Mỹ, cũng vắng vẻ và kín đáo.

Cuộc gặp thứ hai: ngày 12 tháng 9.

Thành phần như cuộc họp trước

Lê Đức Thọ:

- Hôm trước ông Harriman đã nói bị nhồi sọ nhiều, hôm nay tôi lại tiếp tục làm việc đó (ông cười).

Xuân Thủy:

- Chịu khó nghe vậy.

Harriman:

- Chúng tôi kiên nhẫn thôi.

Ông Thọ bắt đầu nói về chủ trương của Việt Nam và của Mỹ về giải pháp chính trị. Việt Nam

sẵn sàng tạo điều kiện cho Mỹ ra khỏi Việt Nam một cách danh dự. Việt Nam có thiện chí - ông đưa ra ví dụ: Hà Nội đi vào nói chuyện ngay với Mỹ khi Mỹ chưa đáp ứng yêu cầu của Việt Nam mà mới chỉ hạn chế ném bom miền Bắc. Hai là, bốn tháng nói chuyện chưa chuyển biến nhưng đoàn Việt Nam vẫn nhận nói chuyện riêng.

Ông nhắc đến lập trường cơ bản của Việt Nam là đòi độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; miền Nam Việt Nam độc lập hoà bình, trung lập, có quan hệ với Mỹ, miền Bắc cũng có thể quan hệ với Mỹ. Nhưng trước khi đi vào giải pháp chính trị thì Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ông tố cáo Mỹ hạn chế ném bom miền Bắc, nhưng lại tập trung lực lượng đánh vào khu vực "cán xoong" (vùng hẹp, phía nam Khu IV cũ) một cách ác liệt, phê phán hai giai đoạn do Vance đề ra, thực chất là có đi có lại, phê phán công thức Manila, theo đó việc rút quân của Mỹ sẽ hoàn tất sáu tháng sau khi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam, cho đó là không có đạo lý, là tìm cách đóng quân lâu dài ở miền Nam, củng cố lực lượng cho Thiệu - Kỳ để "phi Mỹ hoá" chiến tranh, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới.

- *"Nếu các ông cứ giữ chủ trương một giải pháp theo yêu cầu của các ông thì chiến tranh sẽ tiếp diễn.. Các ông sẽ tăng cường chiến tranh ở miền Nam, ném bom trở lại miền Bắc, nhưng thế nào rồi cũng thất bại.*

Mong phía Mỹ có thiện chí để giải quyết vấn đề".

Cuộc họp tạm nghỉ.

Khi trở lại phòng họp" Harriman cảm ơn sự thẳng thắn của ông Cố vấn đặc biệt, nhưng trước khi trả lời, trưởng đoàn Mỹ nhắc lại đề nghị cũ là gặp riêng hai hoặc ba lần một tuần. Hai bên thoả thuận lần họp tới cũng ở Vitry-sur-seine, và sẽ định địa điểm cho kỳ họp tiếp theo.

Đi vào nội dung, Harriman nói:

- Chúng ta đồng ý với nhau là muốn có nói chuyện tốt hơn phải chấm dứt tất cả các cuộc ném bom. Các ông đòi chấm dứt ném bom không điều kiện, chúng tôi chấp nhận điều đó. Nhưng chúng tôi có đưa ra là làm sao có "hoàn cảnh" để cho Hoa Kỳ có thể chấm dứt ném bom không điều kiện... Chúng tôi đã đưa ra những đề nghị cụ thể với đại sứ Hà Văn Lâu, nhưng hình như các ông không ưa lắm. Nếu các ông vui lòng nói chuyện điều đó thì chúng ta có thể bàn về hoàn cảnh để Tổng thống chúng tôi tiến bước lên.

Nhưng Harriman cũng nói hôm nay ông ta chưa thảo luận việc đó mà chủ yếu ông ta bình luận ý kiến của Lê Đức Thọ nói hôm trước!

- Trước hết tôi bác bỏ việc ông mô tả lịch sử như là có sự xâm lược của Hoa Kỳ. Tình hình chủ yếu là cơ sở trên sự xâm lược của Hà Nội... Cuộc chiến tranh này được vạch ra, khởi đầu và chỉ huy từ Hà Nội... là sự xâm lược của chủ nghĩa cộng sản chống chủ nghĩa Quốc gia ở miền Nam Việt Nam... Còn Mỹ vào miền Nam là "do nhân dân miền Nam Việt Nam yêu cầu để chống lại sự xâm lược của Hà Nội bằng vũ lực và khủng bố"

Ông ta cũng cho rằng chiến tranh Việt Nam không phải là tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ, chỉ khoảng từ 3 đến 3,5% giá trị tổng sản phẩm quốc dân của Mỹ, còn chiến tranh Triều Tiên năm 1953 là 14% và chiến tranh thế giới năm 1945 là 50% giá trị tổng sản phẩm của Mỹ. Nhưng Harriman cũng thừa nhận đó là một gánh nặng không thích thú (unpleasant burden).

Về tình hình chiến sự gần đây, Trưởng đoàn Mỹ nói là: Bắc Việt Nam và Việt cộng đã thất bại - từ Tết đến nay đã mất mười bốn vạn người... không chiếm được một thành phố nào... không một căn cứ của Mỹ nào bị mất... quân Quốc gia ngày càng được tăng cường về khả năng chiến đấu và lòng tin. Chưa bao giờ Cộng hoà Việt Nam và đồng minh mạnh như lúc này... Cái gọi là khởi nghĩa đồng loạt cũng thất bại...

Về chính trị, Harriman nói:

- Chính phủ Nam Việt Nam là một thực thể mà các ông không thể lờ đi được. Chính quyền của nó, quân đội của nó cũng là những thực thể. Nó phải được tham gia vào bất cứ cuộc nói chuyện nào về tương lai chính trị của Nam Việt Nam. Mặt trận Dân tộc Giải phóng được thành lập ở Hà Nội, là tay sai cho Bắc Việt ở Nam Việt Nam. Quân đội của nó do các sĩ quan Bắc Việt Nam chỉ đạo.

Harriman nhấn mạnh:

- Cả Hà Nội và Washington đều không có quyền định đoạt tương lai của Nam Việt Nam. Chúng ta cần tập trung tìm cách chấm dứt chiến tranh để nhân dân Nam Việt Nam quyết định tương lai chính trị của mình...

Nhân dân Mỹ muốn hoà bình nhưng là một nền hoà bình trong danh dự. Nhân dân Mỹ không chờ trải thảm đỏ hoặc được tặng hoa. Họ tìm kiếm thực chất của giải pháp.

Nghỉ một lát rồi Harriman tiếp:

- Chúng tôi tôn trọng và ủng hộ mạnh mẽ nguyện vọng Quốc gia, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới bất cứ hình thức nào, chống lại sự chiếm lấy đất nước bằng xâm lược cộng sản từ bên ngoài hay bất cứ sự xâm lược nào khác.

Nhắc tới lời của ông Thọ ủng hộ cương lĩnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng chủ trương có sự độc lập cho Nam Việt Nam, Trưởng đoàn Mỹ nói:

- Nếu thế thì chúng ta có thể đạt được một giải pháp thực hiện mục đích đó. Có nhiều điểm trong cương lĩnh của Mặt trận cũng phù hợp với ý nghĩ của phía Mỹ.

Ông ta nói:

- Để đi tới thoả thuận về quyền tự quyết cho nhân dân Nam Việt Nam, chúng tôi đã yêu cầu có đại diện Chính phủ Cộng hoà Việt Nam ở phía chúng tôi. Còn chúng tôi hoàn toàn chấp nhận là phía các ông có đại diện của Mặt trận, của Liên minh hoặc người nào khác.

Ông cũng đồng ý với Lê Đức Thọ rằng cơ sở thoả đáng để đảm bảo hoà bình ở Đông Nam Á là Hiệp nghị Genève năm 1954 và 1962 về Lào, và nhấn mạnh không có sự có mặt hoặc sức ép của các lực lượng quân sự ở bên ngoài hoặc những lực lượng lật đổ. Ở Nam Việt Nam cũng thế. Vì vậy các lực lượng nước ngoài phải rút khỏi các nước này.

Harriman nhấn mạnh:

- Chúng tôi sẵn sàng rút quân khi nào các ông rút quân của các ông. Hoa Kỳ sẵn sàng thảo luận về thời gian và thể thức của việc cùng rút quân đó.

Harriman cũng chia sẻ mong muốn của Lê Đức Thọ rằng Bắc Việt Nam và Hoa Kỳ có quan hệ hai bên cùng có lợi sau khi hoà bình lập lại để nhân dân Việt Nam quyết định tương lai của mình, kể cả vấn đề thống nhất.

Ông tỏ ý muốn giúp đỡ các nước trong khu vực, kể cả Bắc Việt Nam, xây dựng lại.

Cuối cùng Harriman nhắc lại:

- Cái gì sẽ xảy ra sau khi chấm dứt ném bom. Đó là điều rất quan trọng để hai bên cùng xuống thang, cùng giảm mức độ bạo lực để Tổng thống Mỹ có thể quyết định chấm dứt ném bom không điều kiện.

Cuối buổi họp, hai bên hứa nghiên cứu quan điểm của nhau.

Cuộc gặp thứ ba: ngày 15 tháng 9

Harriman mở đầu nói rằng đoàn Mỹ là phi chính trị, rằng ông ta làm nhiệm vụ về Đông Dương từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đã nhiều lần ông được giao trách nhiệm khuyên người Pháp đừng trở lại đó. Kể thì nhiều vấn đề đã được giải quyết rồi nếu chính sách đó đã được nghe theo.

Bình luận về phát biểu của Cố vấn đặc biệt, ông ta nói:

- Phía Hoa Kỳ rất quan tâm tới lời tuyên bố của ông Thọ nói rằng công việc nội bộ của Nam Việt Nam phải do chính nhân dân Nam Việt Nam giải quyết không có sự can thiệp của bên ngoài. Điều đó phù hợp với quan điểm của Hoa Kỳ.

Nhắc tới lời Lê Đức Thọ nói rằng trong khi chờ đợi thống nhất Việt Nam, những điều khoản của Hiệp nghị Genève năm 1954 cần được triệt để tôn trọng, “điều đó cũng phù hợp với quan điểm của Hoa Kỳ”. Ông ta thấy rằng hình như cả hai lời tuyên bố này đều nhấn mạnh vào sự cần thiết của việc rút mọi quân đội bên ngoài ra khỏi Nam Việt Nam. Ông ta còn nói việc rút quân Mỹ là mấu chốt, nhưng việc rút tất cả quân đội bên ngoài cũng là mấu chốt. Hình như đó là lĩnh vực chung trên đó hai bên có thể đi tới thoả thuận.

Rồi Harriman đưa ra một tuyên bố về chính sách mà ông ta nói là quan trọng, đòi cả quân Mỹ và quân miền Bắc rút đồng thời ra khỏi miền Nam. Nhưng vì quân Mỹ đông hơn, nhiều trang bị, sẽ rút xong sáu tháng sau khi quân miền Bắc đã rút.

Xuân Thuỷ chất vấn:

- Thế thì đồng thời ở chỗ nào?

Harriman:

- Tôi xin nói hết đã. Khi quân Bắc Việt Nam cũng như quân Hoa Kỳ đã rút xong thì sẽ không được đưa vào nữa. Trong công thức Manila (do Johnson và những người đứng đầu các nước có quân tham chiến ở Việt Nam đưa ra năm 1966 - Tác giả) có câu "khi mức độ bạo lực giảm". Câu này không nhằm nói đến bất kỳ sự bạo lực nào có thể xảy ra giữa người Nam Việt Nam với nhau khi quân miền Bắc đã rút."

Xuân Thuỷ:

- Nghĩa là sau khi quân đội nước ngoài rút khỏi miền Nam Việt Nam, nếu ở miền Nam Việt Nam có bạo lực giữa người Nam Việt Nam thì là chuyện của họ?

Harriman:

- Đúng rồi, như vậy.

Xuân Thuỷ bác bỏ quan điểm của Mỹ thì Harriman nói rằng điều ông ta đưa ra không phải là một điều kiện, mà đó là bảo đảm có tính khẳng định là quân đội nước ngoài sẽ rút càng sớm càng tốt chậm nhất không quá sáu tháng.

Sang vấn đề chấm dứt ném bom, Harriman nói rằng một trong những nhân tố liên quan tới việc chấm dứt ném bom rất quan trọng mà Tổng thống Mỹ gần đây nhấn mạnh là vấn đề hoạt động quân sự ở bên trong hoặc xuyên qua khu phi quân sự và tập trung quân ở Bắc khu phi quân sự phải chấm dứt. Ông ta cũng nhắc lại sẵn sàng bàn việc giám sát quốc tế trong khu này, rồi yêu cầu giải thích câu mà Hà Văn Lâu đã nói với C.Vance: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà biết phải làm gì sau khi Mỹ chấm dứt ném bom.

Cuối cùng ông ta nêu lại việc chính quyền Sài Gòn và Mặt trận phải tham gia trong bất cứ cuộc thảo luận nào liên quan đến tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam.

Lê Đức Thọ lại nói một bài dài: Ai là kẻ xâm lược, ai phá hoại Hiệp nghị Genève, đến tính chất bù nhìn và thái độ hiếu chiến của Chính quyền Sài Gòn, nhắc lại quyền thiêng liêng của nhân dân Việt Nam bảo vệ đất nước của mình, đến thắng lợi của Mặt trận...

Trả lời về những điểm đồng nhất của hai bên mà Harriman nêu ra, ông Thọ nói cách hiểu của hai bên khác nhau, và thêm:

- Sau khi chấm dứt ném bom, các ông cùng chúng tôi sẽ đề ra các vấn đề thảo luận. Vấn đề quân đội nước ngoài rút khỏi miền Nam, sau khi chấm dứt ném bom sẽ thảo luận. Việc chấm dứt ném bom là không có điều kiện. Các ông đã nhận điều đó. Sau khi các ông chấm dứt (ném bom) chúng ta sẽ

bước sang giai đoạn hai. Các ông sẽ đưa vấn đề của các ông, chúng tôi sẽ đưa vấn đề của chúng tôi. Hai bên sẽ bàn đề đi tới chương trình nghị sự. Cái gì sẽ xảy ra sau khi chấm dứt ném bom mà ông Lầu nói là cái đó. Vấn đề có đại diện Việt Nam Cộng hoà (tham gia) sau khi chấm dứt ném bom, chúng ta sẽ bàn.

Xuân Thuỷ thêm:

- Chúng tôi đã nghiên cứu, đã chiếu cố đến ý kiến các ông, các ông có đề ra hai giai đoạn, chúng tôi đồng ý là sau chấm dứt ném bom sẽ vào giai đoạn hai.

Điểm 2, sau chấm dứt ném bom chúng tôi đồng ý bàn chương trình nghị sự và toàn bộ vấn đề Việt Nam. Ông C.Vance có nói sau chấm dứt ném bom một thời gian mới sang giai đoạn hai, chúng tôi còn tích cực hơn nữa. Ngay. ngày hôm sau khi các ông chấm dứt ném bom, nếu cần chúng tôi sẽ bàn ngay các vấn đề khác. .

Harriman cho lời Xuân Thuỷ là quan trọng, nhưng vẫn nhắc lại vấn đề khu phi quân sự và “hoàn cảnh”. Lê Đức Thọ nói chấm dứt ném bom là cái nút, chỉ chờ Mỹ làm việc đó để bàn các vấn đề

Harriman lấp lửng:

- Bước khó nhất là ném bom miền Bắc thì chúng tôi phải đi. Bước sau dễ hơn thì đến phần các ông. Mỗi bên phải được một cái gì. Đó là mấu chốt.

Qua phiên họp này, phía Mỹ đã có phần hạ giọng. Từ bốn điều kiện, Harriman chỉ nhấn mạnh vấn đề khu phi quân sự (không nói đến tấn công các thành phố miền Nam, mức độ thâm nhập). Còn vấn đề Chính quyền Sài Gòn và Mặt trận tham gia giai đoạn hai, Hà Nội đã trù liệu và xem như tất yếu nhưng chưa đưa ra.

Cuộc gặp thứ tư. ngày 20 tháng 9

Harriman vừa ở Washington trở lại Paris. Ông ta kể lại việc đã gặp những ai ở Washington và nhận xét rằng bầu cử ở Mỹ đã lôi cuốn sự chú ý của mọi người. Ông ta nói:

- *Sau khi bàn chi tiết với các nhân vật chính trị quan trọng ở Mỹ, "chúng tôi đã quyết định là cuộc nói chuyện của chúng ta phải mềm dẻo hơn trước"*

. *Tôi và đại sứ C. Vance đã đi tới kết luận là nếu như cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh bắt đầu thì về phía các ông cũng muốn cuộc nói chuyện đó phải có kết quả và mỗi bên đều có cho và có nhận được cái gì, "chúng tôi sẽ không thảo luận về tương lai chính trị về giải pháp chính trị của Nam Việt Nam nếu không có mặt của Việt Nam Cộng hoà và sẵn sàng nhận ở phía các ông có đại diện của Mặt trận hay của Liên minh tham gia"*

Harriman nhấn mạnh rằng sự thoả thuận này có thể là một yếu tố quan trọng làm dễ dàng cho việc quyết định chấm dứt ném bom

Xuân Thuỷ hỏi:

- Hôm trước ông có nói về "hoàn cảnh" để chấm dứt ném bom. Đó là việc có đi có lại mà chúng tôi không đồng ý. Hôm nay ông lại đưa vấn đề Việt Nam Cộng hoà ra. Như thế ông rút vấn đề "hoàn cảnh" và thay vào vấn đề Việt Nam Cộng hoà hay vẫn giữ "hoàn cảnh" và thêm vấn đề Việt Nam Cộng hoà vào?

Harriman nói rằng ông ta có nêu hai vấn đề đó, rằng không bao giờ coi việc những người nào ở phía Mỹ tham gia đàm phán hoà bình là một điều kiện... đây chỉ là một bộ phận của chữ "nói chuyện nghiêm chỉnh".

Lê Đức Thọ hỏi:

1. Đây có phải là điều kiện duy nhất phải thoả thuận trước khi chấm dứt ném bom không?
2. Chỉ khi nào hai bên thoả thuận được vấn đề đó rồi các ông mới chấm dứt ném bom, có phải không?

Harriman trả lời câu thứ hai trước. Ông ta nói:

- Chúng tôi nghĩ rằng Chính phủ chúng tôi không đồng ý chấm dứt ném bom nếu chúng ta không thoả thuận được vấn đề này. Còn câu thứ nhất, chúng tôi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Chúng tôi chỉ được chỉ thị trả lời là nếu thoả thuận được vấn đề thì có thể là yếu tố quan trọng làm dễ dàng cho việc quyết định chấm dứt ném bom.

Xuân Thuỷ hỏi lại vấn đề khu phi quân sự thì Harriman nói:

- Tổng thống chúng tôi muốn có một lời cam kết rõ ràng của các ông về vấn đề này, nhưng chúng tôi có cảm giác là các ông không muốn như vậy, vì vậy tôi không muốn nêu lại vấn đề này nữa.

Cả Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ đều nhận xét rằng đại sứ Harriman mới ở Washington sang cũng không đem đến điều gì mới cả. Harriman phản ứng ngay: "Không đúng tí nào", rồi nhắc lại tầm quan trọng Mỹ đặt vào việc Chính quyền Sài Gòn tham gia.

Lê Đức Thọ lại phê phán Mỹ cố bám lấy Thiệu - Kỳ, những kẻ không bao giờ nhận nói chuyện với Mặt trận, không nhận lập Chính phủ liên hiệp thì không giải quyết được vấn đề.

Harriman không sa vào tranh luận vấn đề này mà nói:

- Nếu như Chính phủ Hoa Kỳ quyết định chấm dứt ném bom không điều kiện thì Hoa Kỳ có quyền được biết là cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh có được tiến hành không? Hoa Kỳ hy vọng là phiên họp đầu tiên sau chấm dứt ném bom, khi vào bàn Hội nghị sẽ có đại diện Chính quyền Sài Gòn ở phía Mỹ. Nếu lúc đó phía Việt Nam từ chối không vào họp thì thành ra là một trò hề. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể có đại diện của Mặt trận, điều đó là cần thiết cho sự tiến bộ.

Xuân Thuỷ lại phê phán:

- Đó là vấn đề có điều kiện, mà điều kiện lại cao hơn cho việc chấm dứt ném bom.

Lê Đức Thọ hỏi thêm:

- Đó có phải là điều kiện duy nhất không?

Harriman không nói đó là điều kiện mà chỉ nêu lại là:

- Nếu thoả thuận được vấn đề đó thì đã đi được một bước xa để Tổng thống chúng tôi quyết định chấm dứt ném bom, và yêu cầu đoàn Việt Nam xin chỉ thị của Chính phủ.

Sau khi nghỉ giải lao, Trưởng đoàn Mỹ cho rằng hai bên gần đi tới thoả thuận, rằng ông ta rất mong Việt Nam cho biết bao giờ Việt Nam chấp nhận yêu cầu đó. Ông ta mong có trả lời sớm.

Một lần nữa ông ta bác bỏ điều phía Việt Nam nói rằng yêu cầu đó là có đi có lại ông ta cũng cho rằng Hoa Kỳ có quyền muốn để ai tham gia vào phía Mỹ đó là việc của Hoa Kỳ. Ông ta cho thái độ của phía Việt Nam là một hành động phủ quyết.

Khi Xuân Thuỷ nói lại rằng đó là vấn đề có đi có lại cho việc chấm dứt ném bom thì vị đại sứ bảy mươi lăm tuổi của Hoa Kỳ không bình tĩnh được nữa. Ông nổi cáu, to tiếng:

- Tôi xin lỗi phải ngắt lời ông - Vì các ông nói là muốn có nói chuyện nghiêm chỉnh nên chúng tôi nói: muốn nói chuyện nghiêm chỉnh thì phải có đại diện Cộng hoà Việt Nam. Tại sao ông lại bác bỏ điều đó. Chính ông đã bác bỏ điều đó.

Xuân Thuỷ sáng giọng:

- Tôi nói thẳng để ông biết, ngay quyền Sài Gòn không phải là đại diện cho nhân dân Nam Việt Nam. Chúng tôi không thừa nhận bọn Thiệu - Kỳ, ông biết chưa?

Harriman:

- Ông xuyên tạc tất cả. Đây không phải là điều kiện. Nếu các ông muốn chiến tranh thì bom sẽ rơi trên đầu các ông.

Xuân Thuỷ:

- À! ông muốn ném bom trở lại miền Bắc ư? Chúng tôi sẵn sàng chống lại. Nhân dân chúng tôi đã quen chống lại bọn xâm lược rồi. Chúng tôi đã chiến đấu chống lại các ông hàng chục năm rồi. Ông

định đưa chiến tranh ra dọa chúng tôi sao được.

Lê Đức Thọ cũng phê phán thêm.

Cuối cùng Harriman xin rút câu đó và thanh minh:

- Chúng tôi chỉ đề nghị các ông xin chỉ thị Chính phủ các ông. Chúng tôi muốn các ông hiểu ý định của chúng tôi và không phản đối. Tôi nói thành thật và điều đó là cần thiết.

Ông ta nhắc lại đề nghị đó. Lê Đức Thọ nói một câu bằng quơ:

- Không biết lúc nào có trả lời của Chính phủ chúng tôi.

Phiên sau Mỹ muốn họp sớm, nhưng chưa định ngày được vì còn chờ ý kiến của Hà Nội.

Qua cuộc họp này, rõ ràng Mỹ chỉ còn tập trung vào một vấn đề: sự tham gia của Chính quyền Sài Gòn vào giai đoạn hai. Họ muốn đi nhanh.

Trong phiên họp công khai thứ 23, ngày 25 tháng 9, Harriman lại đề cập đến vấn đề này. Ngày 2 tháng 10, cũng vào lúc uống trà, trong phiên 24, ông ta lại hỏi Xuân Thuỷ; Xuân Thuỷ nói:

- Chấm dứt ném bom đi đã sau đó sẽ bàn các vấn đề.

- Vấn đề thành phần mà các ông nêu ra muốn bàn đầu tiên cũng được.

Harriman:

- Mục 1 trong chương trình nghị sự?

Xuân Thuỷ:

- Muốn thế cũng được

Harriman:

- Và ngay ngày hôm sau?

Xuân Thuỷ:

- Được chúng tôi vẫn giữ ý kiến cũ.

Trong phiên họp công khai thứ 25 - tức một tuần sau - Vance mới về Mỹ qua nói với Xuân Thuỷ rằng: việc để Chính quyền Sài Gòn tham gia sau chấm dứt ném bom là điều nhất thiết phải có, là điều tôi cần thiết.

Ông nói:

- Mọi cuộc khủng hoảng đều được giải quyết bằng cách hai bên ngồi lại bàn bạc. Tình hình này tôi không thấy lý do gì lại khác thế.

Xuân Thuỷ nói rằng ở đây không đủ thời gian và hẹn một lúc khác

Harriman mừng rỡ:

- Tốt lắm.

CHƯƠNG II - CHẤM DỨT NÉM BOM: MẶC KÊ THIỆU!

Cuối tháng 9, hoạt động quân sự của ta ở miền Nam đã ngừng lại. Sau một thời gian dài liên tục tấn công vào đô thị - chỗ mạnh của địch trong điều kiện chúng đã bố phòng, lực lượng ta bị tiêu hao, bổ sung không kịp, tiếp tế khó khăn, phải rút về củng cố. Sự uy hiếp qua khu phi quân sự cũng không còn nữa. Hơn nữa, ta lại để vùng nông thôn sơ hở kéo dài. Địch liên tiếp phản kích, tăng cường bình định, làm cho vùng giải phóng bị thu hẹp. Rõ ràng phía Việt Nam không còn khả năng giành thắng lợi quyết định trong năm 1968 nữa. Chính lúc này Mỹ cho rằng “Hà Nội đã chuyển từ chiến trường sang bàn Hội nghị” (L.B.Jonhson. Ma vie de President. Edition Buchet/Chastel Paris, 1972, tr. 619.).

Mặt khác Hà Nội cũng cho rằng Mỹ không thể thắng ở Việt Nam được và phải đi vào con đường chấm dứt chiến tranh để giải quyết những vấn đề trong chiến lược toàn cầu của họ. Nhưng dù phải kết thúc chiến tranh, Mỹ phải bảo vệ quyền lợi của họ cũng như bảo vệ quyền lợi của bọn tay sai và giữ cho miền Nam Việt Nam vẫn trong phạm vi ảnh hưởng của Mỹ. Đó là điều thống nhất giữa các tập đoàn thống trị Mỹ, giữa Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ, giữa Humphrey và Nixon. Hà Nội cũng thấy rằng khả năng Humphrey trúng cử còn ít, mà Humphrey thất bại tức là Johnson thất bại, cho nên Johnson phải xuống thang thêm để giúp Humphrey trúng cử và để Johnson được tiếng là "Tổng thống vĩ đại của nước Mỹ".

Xuất phát từ thực tế chiến trường và nhận định trên, ngày 3 tháng 10, Nguyễn Duy Trinh điện cho đoàn đàm phán của ta ở Paris:

"Trong tình hình hiện nay phương hướng của ta là phải biết kéo Mỹ xuống thang để thắng họ, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của ta. Ta cần lợi dụng đầy đủ chiều hướng chính sách của Mỹ, lợi dụng mâu thuẫn giữa các tập đoàn thống trị Mỹ, khéo vận dụng sách lược ép Chính quyền Johnson phải xuống thang thêm một bước quan trọng, chấm dứt đánh phá miền Bắc để có thể tìm lối thoát danh dự ra khỏi chiến tranh. ép được Mỹ thực hiện được bước xuống thang này là thắng lợi rất có ý nghĩa chiến lược của ta. Thời gian từ nay đến ngày bầu cử Tổng thống Mỹ là thời cơ thuận lợi để ta ép Mỹ xuống thang".

Hà Nội chỉ cho Đoàn, 4 điểm đấu tranh trong nói chuyện với đối phương:

1. Phía Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và tuyên bố lên điều đó.

2 - Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chấm dứt bắn pháo qua khu phi quân sự, tôn trọng khu phi quân sự.

3 - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho rằng có thể họp một Hội nghị bốn bên để bàn về giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam Việt Nam, nhưng chính quyền Sài Gòn phải công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng, phải công nhận đường lối hoà bình trung lập, phải có thái độ tích cực đối với việc thành lập Chính phủ liên hiệp và phải có thiện chí.

4 - Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tiếp tục bàn với Mỹ về những vấn đề mà mỗi bên đã hoặc sẽ nêu lên. Trong lập trường này có vấn đề về nguyên tắc, có vấn đề về sách lược, có vấn đề lâu

dài có thể để lại giai đoạn hai của cuộc nói chuyện, có yêu cầu đúng mức nhưng cũng có đòi hỏi quá cao, và có điểm đã lạc hậu so với diễn biến của cuộc hoà đàm. Vì vậy theo đề nghị của đoàn ta ở Paris, ngày 8 tháng 10, Hà Nội đồng ý để đoàn tùy tình hình mà đưa ra, nếu có điều gì chưa cần thì có thể chưa đưa ra, nhưng khẳng định bốn điểm sách lược trên là đúng mức.

Hà Nội mở đường

Cuộc gặp riêng, ngày 11 tháng 10 diễn ra tại nhà riêng của đoàn Mỹ ở phố Touraine, thị trấn Sceaux. Đây là một nhà nhỏ, ở một nơi vắng vẻ yên tĩnh, khách có thể từ trên ô tô bước xuống là vào thẳng trong nhà không ai trông thấy. Chỉ có một điều là không có buồng riêng nên lúc giải lao cũng như lúc hội đàm đều ở cả trong một phòng.

Bắt đầu cuộc gặp gỡ, hai bên trao đổi qua về bài diễn văn hôm qua của Tổng thống Johnson vận động tranh cử cho Humphrey. Sau đó Cố vấn Lê Đức Thọ đi vào thực chất của vấn đề:

- Bây giờ tôi muốn hỏi hai câu:

1- Có phải các ông yêu cầu cho Chính quyền Sài Gòn là một bên tham gia đàm phán và sau khi các ông đã biết rõ trả lời của chúng tôi đối với yêu cầu này thì các ông có chấm dứt ném bom không?

2- Có phải các ông biết trước được như vậy thì như thế chỉ để có lý do để chấm dứt ném bom chứ không phải là điều kiện có đi có lại cho việc chấm dứt ném bom?

Phía Mỹ cảm thấy có điều gì mới rất quan trọng mà họ chờ đợi từ lâu nên yêu cầu nhắc lại. Nghe xong, Harriman không giấu nổi sự vui mừng hiện trên nét mặt ông, nhưng nhường lời cho C Vance trả lời vì ông này vừa về Washington và đã gặp ông chủ Nhà Trắng. C.Vance trả lời câu thứ hai trước, khẳng định rằng đây không phải là điều kiện, không phải yêu cầu có đi có lại mà chỉ là định nghĩa chữ "nói chuyện nghiêm chỉnh" thôi.

Harriman quay lại hỏi Phó đoàn của mình:

- Ông đã được xác định điều này ở Washington chưa?

C.Vance trả lời xác nhận rồi và tiếp:

- Còn về câu hỏi một, chúng tôi phải báo cáo về cho Tổng thống và Chính phủ chúng tôi.

Rồi ông ta nhắc lại lần nữa rằng Hoa Kỳ không coi việc Chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán là điều kiện để chấm dứt ném bom, mà chỉ là để mô tả tình hình làm cho cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh có thể tiến hành được và làm cho việc chấm dứt ném bom có thể tiếp tục được.

Cả Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ đều ghi nhận lời tuyên bố trên của Mỹ về chấm dứt ném bom không điều kiện. Ông Thọ nói thêm:

- Nhưng chúng tôi muốn biết là giả sử như chúng tôi tán thành cho Chính quyền Sài Gòn là một bên tham gia đàm phán nhưng rồi các ông không chấm dứt ném bom thì sao? Ví dụ chúng tôi đồng ý thì các ông có chấm dứt ném bom không?

Harriman:

- Tôi chưa được phép trả lời câu đó ... Tôi cũng công nhận quan điểm của các ông là không có nói chuyện nghiêm chỉnh nếu không chấm dứt ném bom.

Cuộc gặp kéo dài độ một tiếng đồng hồ, Harriman cho rằng lời tuyên bố của ông Thọ là rất bổ ích và đưa món trứng cá ra mời khách nói rằng món này là của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Còxughin tặng ông.

Một chỉ thị quá khó khăn với Lê Đức Thọ

Suốt buổi chiều hôm đó và cả ngày hôm sau, tất cả các cán bộ trong đoàn đàm phán của ta ở

Paris đều phải làm việc vất vả, nhưng tỏ ra vui vẻ thoải mái hơn mọi ngày. Ai cũng thấy rằng triển vọng đàm phán trong giai đoạn đầu đã rõ ràng và rất hứa hẹn. Tuy phía ta chỉ nêu ra câu hỏi, mới dùng các ngôn từ giả sử... ví dụ ... nhưng không riêng gì phía Mỹ và tất cả mọi người ngồi nghe đều thấy rõ là phía ta đã chấp nhận yêu cầu của đối phương. Vấn đề còn lại là thảo luận việc Mỹ chấm dứt ném bom vào lúc nào, Hội nghị bốn bên họp lúc nào và các thể thức liên quan đến vấn đề này.

Bống chiều 13 tháng 10, Cố vấn Lê Đức Thọ nhận được chỉ thị của Hà Nội với nội dung:

1- Nếu Mỹ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì Việt Nam đồng ý họp Hội nghị bốn bên, nhưng Mỹ phải nói chuyện với Mặt trận và Chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách. Như vậy mới có Hội nghị bốn bên được. Vì vấn đề xâm lược và chống xâm lược ở miền Nam trước hết là giữa Mỹ và Mặt trận. Mỹ phải nói chuyện với Mặt trận và Mặt trận đồng ý họp Hội nghị thì mới có Hội nghị bốn bên được.

2 - Thời gian họp Hội nghị bốn bên phụ thuộc vào việc Mỹ bàn với Mặt trận.

Đoàn Hà Nội chưa nên bàn với Mỹ về thời gian”.

Nhận được chỉ thị, Lê Đức Thọ suy nghĩ rất nhiều. Ông đi đi lại lại trong phòng. Bộ trưởng Xuân Thuỷ và các thành viên trong đoàn từ buổi chiều đã họp để thảo luận việc thi hành chỉ thị này. Đòi Mỹ nói chuyện với Mặt trận, đòi Chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách trước khi họp Hội nghị bốn bên là quá cao, không thực hiện được... và có nguy cơ làm tan vỡ Hội nghị. Nhiều người nêu lên câu hỏi: Không hiểu ở nhà căn cứ vào yếu tố nào mà đề ra chủ trương đó. Ta cần đề cao vai trò và vị trí của Mặt trận, nhưng trong điều kiện còn trên nửa triệu quân Mỹ cùng với bảy trăm nghìn quân Ngụy và hệ thống Chính quyền địch kiểm soát phần lớn miền Nam thì chủ trương đó rõ ràng không phản ánh tương quan lực lượng trên chiến trường. Ngay cả ngụy quyền Sài Gòn cũng không chịu nói chuyện với Mặt trận nữa là Mỹ! Đòi Mỹ nói chuyện với Mặt trận như một điều kiện không có không được, rõ ràng là không thực tế. Và cứ theo chỉ thị trên thì sẽ không lợi dụng được thời cơ như chỉ thị trước, mà còn dồn đối phương vào đường cùng có thể chúng phải liều lĩnh.

Suốt trong đêm đó đoàn họp rất căng thẳng. Tất cả anh em đều rất băn khoăn... Làm thế nào... thời gian không còn bao lâu nữa. Nhiều ý kiến đề xuất cách giải quyết. Cần báo cáo hoả tốc về Hà Nội vì rõ ràng Hà Nội chưa có đủ thông tin. Nhưng làm sao có thể nói hết được tình hình. Ông đã suy nghĩ rất nhiều về vấn đề này. Và cuối cùng, Lê Đức Thọ đã quyết định về ngay Hà Nội. Còn kịp!

Tất cả anh em được huy động để thu xếp cho ông về gấp. Sứ quán Việt Nam ở Matxcova và Bắc Kinh được điện tìm cách dành chỗ cho Lê Đức Thọ vào chuyến máy bay gần nhất.

Sáng 14 ông Thọ cấp tốc rời Paris. Tới Bắc Kinh, đã có một chuyên cơ chờ ông. Ngày 16 đã về tới Hà Nội. Đó là chuyến đi nhanh nhất của Cố vấn Lê Đức Thọ từ Paris về Hà Nội suốt trong thời gian đàm phán ở Paris.

Ngày chấm dứt ném bom và ngày bắt đầu nói chuyện

Tối 15 tháng 10, hai đoàn Việt Nam và Mỹ lại gặp riêng ở đường Touraine. Thấy vắng Lê Đức Thọ, Harriman hỏi:

- Hình như hôm nay ông Thọ đi gặp ông Côxurghin?

Xuân Thuỷ trả lời:

- Phải

Harriman đọc chỉ thị của Washington để trả lời cho phía Việt Nam:

"Quan điểm của chúng tôi là việc chấm dứt ném bom không điều kiện sẽ chỉ được thực hiện và duy trì khi có các "cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh" và "hoàn cảnh" cần phải được duy trì cùng với cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh. Câu trả lời của chúng tôi nêu ra là tùy thuộc vào trả lời của các ông về vấn đề đại diện đó. Chúng tôi sẵn sàng ra lệnh chấm dứt ném bom và mọi hành động

khác liên quan đến việc dùng vũ lực trên toàn lãnh thổ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nếu các ông đồng ý bắt đầu cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh ngày hôm sau, sau khi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom và trong những cuộc thảo luận đó, đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hoà sẽ tham gia bên phía chúng tôi”.

Tuyên bố này còn được bổ sung bằng một đoạn viết tay như

“Nếu các ông trả lời đồng ý về việc tham gia của đại diện của Chính phủ Nam Việt Nam thì chúng tôi có thể nói với ông rằng lệnh chấm dứt ném bom sẽ được ban hành một, hai ngày sau đó. Chúng tôi sẽ liên hệ để nói cho ông biết thời giờ chính xác. Chúng tôi hy vọng là chiều mai (15 tháng 10)”.

Sau khi nhắc lại rằng hôm trước Hoa Kỳ đã tuyên bố việc chấm dứt ném bom là không có đi có lại, Xuân Thuỷ cũng đọc một tuyên bố viết sẵn:

“Nếu Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì sau khi Hoa Kỳ làm việc đó chúng tôi đồng ý sẽ có đàm phán bốn bên, trong đó có đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đại diện Chính phủ Hoa Kỳ, đại diện Chính quyền Sài Gòn, để bàn một giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam Việt Nam”.

Bộ trưởng nhấn mạnh thêm:

"Hoa Kỳ phải nói chuyện với Mặt trận, và Chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách, phải tỏ ra thực sự muốn hoà bình, công nhận Mặt trận, công nhận miền Nam trung lập, nhận lập Chính phủ liên hiệp".

Cách nêu của Xuân Thuỷ cho thấy đây không phải là một điều kiện, mà chỉ là một yêu cầu.

Im lặng một phút. Harriman từ vui vẻ tỏ ra lưỡng lự. Ông ấy cho rằng phía Việt Nam đưa ra điều kiện mới là đòi hợp bốn bên. Hai bên tranh luận về vấn đề này. Xuân Thuỷ nói có đại diện bốn bên thì gọi là Hội nghị bốn bên. Còn Harriman thì vẫn giữ ý kiến là hợp hai bên, phía Mỹ có đại diện Chính quyền Sài Gòn, phía Việt Nam cho Mặt trận tham gia. Và điều đó sẽ xảy ra ngay hôm sau khi chấm dứt ném bom.

Xuân Thuỷ lại hỏi:

- Bao giờ các ông chấm dứt ném bom, ngày mai hay ngày kia?

Harriman:

- Tôi chưa thể bảo đảm chính xác được. Có thể là khoảng hai mươi tư giờ tới.

Về ngày hợp, Harriman đòi hợp ngay hôm sau vì ông cho việc đó sẽ gây ấn tượng sâu sắc với Johnson. Ở đây có một sự hiểu lầm của Mỹ về một tuyên bố của Xuân Thuỷ trước đây nói rằng: ngay sau khi chấm dứt ném bom thì Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ bàn các vấn đề có liên quan chứ không phải là hợp ngay Hội nghị bốn bên. Sau khi nhắc lại như vậy, Xuân Thuỷ cho rằng việc Mỹ đòi hợp Hội nghị bốn bên ngay hôm sau là một điều kiện mới.

Sự hiểu lầm này cũng nhanh chóng được giải quyết. Mỹ muốn biết thời gian nào hợp Hội nghị mở rộng. Theo Harriman thì càng nhanh càng tốt, và trong buổi đầu, hai thành viên mới này chưa cần có một đoàn Đại biểu đầy đủ mà mỗi bên có một người đại diện cũng được. Chính quyền Sài Gòn đã có đại sứ ở Paris, còn Mặt trận nếu đại diện (phòng thông tin - Tác giả) ở Paris không đủ thẩm quyền thì đã có đại sứ ở một số nước châu Âu có thể đến ngay Paris được và như vậy là đủ rồi, là đã tượng trưng cho sự tiến bộ rồi. Ông tin là đại diện Chính quyền Sài Gòn sẽ đến họp Hội nghị mở rộng một cách nhanh chóng.

Còn phía Việt Nam thì đòi Mỹ cho biết ngày chấm dứt ném bom. Đoàn cần phải báo cáo về Hà Nội để Hà Nội liên hệ với Mặt trận. Phía Việt Nam cần có thời gian, nhưng cũng cho Mỹ biết là yêu cầu của họ sẽ được đáp ứng. Cuộc thảo luận về khoảng cách và tên gọi của hai việc chấm dứt ném

bom và Hội nghị mở rộng, không giải quyết được. Hai bên thống nhất sẽ xin chỉ thị của Chính phủ mình.

Hôm sau, trong giờ giải lao phiên họp công khai thứ 26, Harriman trao cho Việt Nam trả lời, trong đó có đoạn:

“Khi nào ngài cho chúng tôi biết ngày có thể bắt đầu cuộc nói chuyện với sự có mặt của Chính phủ Việt Nam (tức Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) và của Mặt trận Dân tộc Giải phóng thì chúng tôi sẽ chấm dứt ném bom hôm trước ngày đó”.

Ông nhắc lại rằng Hoa Kỳ thấy không nên để chậm và yêu cầu họp càng sớm càng tốt với đại diện tạm thời của Chính quyền Sài Gòn và Mặt trận cũng được.

Tối hôm sau, 17 tháng 10, trong một cuộc họp ngắn tại nhà riêng đoàn Mỹ, vẫn ở phố Touraine, Harriman nói rằng ông ta đã giải thích lại sự hiểu lầm vừa qua cho Washington, thì bây giờ ngày họp chính xác sau khi chấm dứt ném bom cũng không cứng nhắc như đã nói... *“Nếu như các ông cho tôi biết ngày nhất định của cuộc họp sau khi chấm dứt ném bom thì Tổng thống chúng tôi sẽ cho lệnh chấm dứt ném bom hai, ba ngày trước đó”.*

Xuân Thuỷ hứa báo cáo ngay về Hà Nội.

Trở lại việc Lê Đức Thọ về Hà Nội. Trong các ngày 17, 18 và 19 tháng 10, các nhà lãnh đạo ở Hà Nội đã liên tục họp để nghe báo cáo và bàn bạc về tình hình đàm phán. Và chỉ thị gửi cho đoàn ở Paris ngày 20 tháng 10 như sau:

1 - Tranh thủ buộc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc. Nếu Mỹ chịu chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác thì sẽ họp Hội nghị bốn bên, đối với các hành động chiến tranh khác gồm hoạt động liên quan đến việc dùng vũ lực, trinh sát, rải truyền đơn, thả hàng tâm lý chiến... nếu Mỹ chưa chịu thì sau này sẽ tiếp tục đấu tranh.

2 - Vấn đề đòi Mỹ nói chuyện với Mặt trận và đòi Sài Gòn thay đổi chính sách không phải là điều kiện bắt buộc Mỹ phải chấp nhận trước, sau này vào Hội nghị bốn bên ta sẽ tiếp tục đấu tranh.

3 - Về thời gian triệu tập Hội nghị trừ bị bốn bên, ta chủ trương từ bảy đến mười ngày, nhưng khi ra đàm phán cần đi từng bước để Mỹ khỏi hiểu là ta chấp nhận dễ dàng. Có thể lúc đầu nêu càng sớm càng tốt, sau nêu mười lăm ngày, cuối cùng mới đưa ra thời gian nói trên.

4 - Về hình thức thoả thuận, dự kiến hai khả năng:

- Cố gắng đấu tranh để hai bên ra một thông cáo chung.

- Nếu Mỹ không chịu, ta ra tuyên bố riêng”.

Ngày 26 tháng 10: cởi nút

Ngày 21 tháng 10, tại một địa điểm mới, nhà riêng của đoàn ta ở Le Vesinet, ngoại ô Paris, Xuân Thuỷ báo cho Harriman biết;

“Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau khi đã trao đổi ý kiến với Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng đồng ý rằng sau khi Hoa Kỳ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ có cuộc Hội nghị bốn bên gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hoà, nhằm tìm một giải pháp chính trị đúng đắn cho vấn đề Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Muốn cho Hội nghị đó tiến hành được tốt, đại diện bốn bên cần họp trừ bị càng sớm càng tốt”.

Bộ trưởng cũng đưa ra một dự thảo thông cáo chung về sự thoả thuận giữa hai bên trong vấn đề này. Một phút im lặng rồi đoàn Mỹ xin nghỉ mười phút. Trở lại phòng họp, Harriman trình trọng nói

với một giọng không vui:

- “Ông (Xuân Thuỷ) đã nêu lên một số vấn đề trong những ngày muộn màng như thế này và chỗ đó là một điều không khôn ngoan”.

Cuộc tranh luận kéo dài gần bốn tiếng đồng hồ chung quanh các vấn đề:

Chấm dứt ném bom: Mỹ nhắc lại rằng việc chấm dứt đó là không có điều kiện (Without condition), còn ta nói là việc chấm dứt là không điều kiện (unconditionau).

Phía Mỹ và cả phiên dịch của ta cũng nói là hai chữ đó nghĩa giống nhau - nhưng Mỹ vẫn giữ ý của họ.

Về tên gọi Hội nghị mở rộng: Phía Mỹ vẫn nói rằng đó vẫn là Hội nghị hai phía, phía chúng tôi và phía các ông. Phía Mỹ có hai đoàn Đại biểu, một của Mỹ, một của Chính quyền Nam Việt Nam, nhưng Nam Việt Nam không phải là một bộ phận của đoàn Mỹ. Còn phía Việt Nam tổ chức thế nào là tùy Việt Nam.

Xuân Thuỷ nói:

- Chúng ta cứ gọi theo thực tế. Có bốn đoàn thì gọi là Hội nghị bốn đoàn. Phía Mỹ không phản đối nhưng cũng không thoả thuận. Rốt cục, Mỹ nói theo cách Mỹ, Việt Nam nói theo cách Việt Nam.

Về ngày họp: Lúc đầu Xuân Thuỷ nói chưa định ngày cụ thể được còn chờ ý kiến Mặt trận, sau nói ít nhất vài tuần sau khi chấm dứt ném bom. Harriman muốn biết ngày cụ thể cho phiên họp đầu tiên. Ông lại đề nghị mời đại diện Mặt trận ở châu Âu sang để có thể bắt đầu sớm, hai hoặc ba ngày sau chấm dứt ném bom. Mỹ không muốn có họp trừ bị như ta đề nghị mà đi ngay vào bàn các vấn đề thực chất.

Về thông cáo chung: Xuân Thuỷ nói rằng để tránh những cách hiểu khác nhau nên cần có thông cáo chung và thủ tục quốc tế cũng vậy. Phía Mỹ không đồng ý vì như vậy sẽ mất thời gian bàn cãi về câu chữ. Harriman nêu ra bốn hình thức để suy nghĩ:

- Mỗi bên cứ hành động theo như mình hiểu.

- Hai là ra thông cáo chung.

- Ba là mỗi bên cho bên kia xem nội dung những điều mà mình sẽ công bố

- Bốn là sẽ có một biên bản mà hai bên đều thoả thuận nhưng không công bố.

Phía Mỹ ngả về cách cuối cùng này.

Cuộc thảo luận hôm đó chưa giải quyết được. Găng nhất là hai vấn đề: Ngày chấm dứt ném bom và ngày họp phiên đầu tiên giai đoạn hai.

Ngày 24 tháng 10, Harriman gợi ý là ngày họp đầu tiên sau khi chấm dứt ném bom là ngày 2 tháng 11. Trong trường hợp đó phía Mỹ sẽ chấm dứt ném bom trước đó hai hoặc ba ngày tức là 31 hoặc 30 tháng 10. Ông cũng đề nghị khi công bố việc chấm dứt ném bom thì công bố cả ngày họp phiên đầu tiên của Hội nghị có bốn đoàn.

Xuân Thuỷ cứ đòi chấm dứt ném bom sớm.

- Các ông muốn họp sớm thì chấm dứt sớm. Nếu chỉ chấm dứt ném bom trước hôm họp có hai, ba ngày thì không đủ để cho Mặt trận thu xếp và không đủ để cho nhân dân Việt Nam tin rằng các ông đã chấm dứt ném bom thật sự hay chỉ vì thời tiết xấu.

Harriman cho rằng điều Xuân Thuỷ nói đó là quan trọng chẳng khác gì khi người ta nói "mua lợn khi lợn còn để trong bị".

Xuân Thuỷ đưa ra đề nghị khoảng cách mười ngày từ lúc chấm dứt ném bom đến ngày họp phiên đầu tiên giai đoạn hai.

Ngày 26 tháng 10, hai bên tiếp tục thảo luận về vấn đề trên dựa theo dự thảo một biên bản chung để hai bên sẽ ký. Dự thảo này do phía Mỹ chuẩn bị và thoả thuận được điểm thứ hai về tính chất Hội nghị. Còn lại là vấn đề khoảng cách. Xuân Thuỷ hạ mức từ mười ngày xuống còn tám ngày, và nói với

Harriman:

- Nếu ngài chỉ muốn chấm dứt ném bom vào 30 thì ngày 6 hay 7 (tháng 11) mới hợp được.

Harriman nói rằng đây không phải vấn đề mặc cả... buôn bán, thêm bớt với chúng tôi một vài giờ. Đây là đứng trước thực tế những vấn đề Tổng thống chúng tôi phải đối phó.

Cuối cùng Xuân Thuỷ nói:

- Nếu ngày 2 tháng 11 các ông muốn họp phiên đầu tiên thì ngày 27 tháng 10 các ông phải chấm dứt ném bom đi. Như vậy chỉ còn năm ngày thôi.

Đoàn Mỹ ngồi tính. Harriman đếm trên đầu ngón tay từ 27 tháng 10 đến 2 tháng 11, rồi nói: Là sáu ngày chứ.

Xuân Thuỷ:

- Ngài tính cả ngày đó nữa à?

Và mọi người cùng cười, trừ Harriman.

Harriman:

- Như thế là ngài muốn nói năm ngày trước ngày họp?

Xuân Thuỷ:

- Đúng thế.

Kết thúc buổi họp, vị trưởng đoàn Mỹ vẫn nắn nì về việc họp bốn đoàn hai, ba ngày sau khi chấm dứt ném bom.

Cuối cùng hai bên thoả thuận được biên bản chung như sau:

1. Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân, pháo binh và mọi hành động khác liên quan tới việc dùng vũ lực trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bắt đầu từ... giờ, giờ GMT ngày... tháng 10 năm 1968.

2. Một cuộc họp để tìm một giải pháp hoà bình cho vấn đề Việt Nam sẽ được tiến hành ở Paris ngày...

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nói rằng sẽ có mặt của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam; Hoa Kỳ đã nói rằng sẽ có mặt của Việt Nam Cộng hoà.

Do đó cuộc họp sẽ gồm có Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hoà.

Phía Mỹ vui mừng thấy ta nhận không ghi chữ "không điều kiện" và "mọi hành động chiến tranh khác".

Về việc ký biên bản, C.Vance nói rằng Harriman và cả ông ta nữa sẽ thay mặt Chính phủ Mỹ ký; Phía ta, Bộ trưởng Xuân Thuỷ

Harriman hứa sẽ báo cho ta rất sớm ngày Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc.

Thiệu chống Johnson

Trong hồi ký L.B.Johnson viết: "Khi chúng ta đạt được sự sắp xếp với Hà Nội thì sự hoà hợp với Tổng thống Thiệu lại tan vỡ" (L.B.Johnson. sđd, tr. 621.)

Suốt trong quá trình hội đàm ở Paris với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Washington đều thông báo cho Sài Gòn nội dung và diễn biến các cuộc nói chuyện. Mọi người đều thấy giữa Washington và Sài Gòn từ lâu đã có nhiều mâu thuẫn. Tháng 7 năm đó, Johnson và Thiệu đã gặp nhau ở Honolulu để bàn bạc và dàn xếp.

"Những người Nam Việt Nam (tức Thiệu) đã chấp nhận lập trường của chúng ta đến giữa tháng 10 và sau đó nữa" (L.B.Johnson. Maviede Président. sđd, tr. 621.).

Ngày 28 tháng 10, Thiệu còn nói với đại sứ Mỹ ở Sài Gòn rằng "không thể đòi hỏi hơn được nữa". Nhưng hôm sau Thiệu đòi thêm thời gian và bảo đảm để họ có thể nói chuyện với Hà Nội chứ không phải với Mặt trận Dân tộc Giải phóng".

"Hai đòi hỏi đó là không thực tế. Người Nam Việt Nam biết rằng chúng ta phải tuyên bố (về chấm dứt ném bom - tác giả) vào lúc 20 giờ ngày 31 tháng 10. Sau 19 giờ Bunker báo cho chúng ta rằng Thiệu còn đòi thêm hai điều kiện sửa đổi nữa. Chúng ta buộc phải đi một mình".

Ai cũng biết rằng tập đoàn Thiệu - Kỳ không thể tiếp tục chiến tranh nếu mất sự chi viện tinh thần, chính trị và vật chất của Mỹ. Tại sao họ lại dám đi ngược lại chủ trương chấm dứt ném bom của Johnson? Là những người thực dụng, quen với những thủ đoạn lật lọng trong bầu cử, họ không phải không hiểu thế của Đảng Dân chủ trong năm bầu cử đã giảm sút sau Tết Mậu Thân, và họ tính toán đến người sẽ thay thế Tổng thống Johnson.

Ngay sau ngày 10 tháng 10 năm 1968, sau khi ông Lê Đức Thọ và ông Xuân Thuỷ tuyên bố không phản đối Sài Gòn tham gia các cuộc đàm phán hoà bình, ở cả Sài Gòn và Washington các Cố vấn quân sự và dân sự của Johnson đều thống nhất thúc giục phải nhanh chóng nắm lấy cơ hội này. Trong một bức thư bạn đọc đăng trên New York Times ngày 13 tháng 6 năm 1991, William Bundy, với tư cách trợ lý ngoại trưởng phụ trách Đông Á - Thái Bình Dương từ 1964 - 1969, Tổng biên tập tờ Foreign Affairs từ 1972 - 1974, đã tham gia các sự kiện hồi tháng 10 năm 1968, cho biết Tổng thống Johnson đã thông báo cho ba ứng cử viên Tổng thống là Nixon, Humphrey và Wallace biết thoả thuận mới về sự tham gia của Chính quyền Sài Gòn; Nixon

khẳng định lại sự ủng hộ của ông ta đối với một thoả thuận trên cơ sở đó.

Clark Clifford, cựu Bộ trưởng Quốc phòng của Johnson, cho biết Tổng thống đã biết qua nhiều bức điện của sứ quán miền Nam Việt Nam, đặc biệt là bức điện ngày 27 tháng 10, rằng bà An na Chennault - người Mỹ gốc Trung Quốc ủng hộ Nixon và quen biết Thiệu - đã chuyển qua Bùi Diễm, đại sứ của Thiệu, những bức thông điệp rõ ràng "có thẩm quyền của Đảng Cộng hoà" thúc giục Thiệu từ bỏ hoặc làm què quặt thoả thuận giữa Washington và Hà Nội bằng cách từ chối không tham gia.

Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI) đã theo dõi bà Chennault và khẳng định các hoạt động của bà ta. Rõ ràng tính toán của Thiệu - Kỳ là đánh canh bạc phút chót để Nixon thắng cử. Họ không muốn cho Humphrey thắng lợi. Johnson viết: "Tôi có đầy đủ lý do để nghĩ rằng người ta đã yêu cầu họ hoãn việc tham gia vào cuộc nói chuyện ở Paris và người ta đã hứa với họ rằng họ sẽ đạt được nhiều điều kiện tốt hơn dưới Chính quyền Nixon" (B.Jonhson. Maviede Président, tr. 622, 624)

Ở Paris, đoàn Mỹ mừng đã đạt được thoả thuận với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhưng rất lúng túng trước thái độ của Thiệu-Kỳ.

Đêm 29 tháng 10, Johnson phải gọi cấp tốc tướng Abrams về để tham dự cuộc họp bất thường với các Cố vấn thân cận của Nhà Trắng lúc hơn hai giờ sáng. Tại Paris, Cyrus Vance đã phải hoãn cuộc họp với Hà Văn Lâu hai lần - lúc đầu dự định vào mười sáu giờ, sau hoãn đến mười tám giờ, rồi đến hai mươi giờ. Đây là một cuộc họp khổ sở cho ông ta. Vừa bước vào phòng họp, ông ta đã yêu cầu Negroponte, thư ký, báo ngay số điện thoại nơi họp về sứ quán Mỹ. Ông tỏ ý tiếc phải hoãn cuộc họp và nói: "Tôi biết các ông bạn mà chúng tôi cũng bạn", rồi ngồi im đợi ta nói.

Hà Văn Lâu hỏi:

- Ngài đã có tin gì chưa?

C. Vance:

- Có, lần trước khi về chúng tôi đã điện ngay cho Chính phủ chúng tôi. Nhưng ông rõ. Mỗi bên chúng ta đều có chuyện phức tạp phải giải quyết. Chúng tôi có nhiều yếu tố phải giải quyết, nhiều sự trao đổi phải làm. Thời gian lại chênh nhau nhiều. Hôm nay tôi đang chờ chỉ thị.

- Nghĩa là bây giờ ông chưa có tin?

- Vâng - C.Vance đáp rồi ngồi im.
- Còn quá ít thời giờ - Hà Văn Lâu nhận xét.
- Vâng, tôi hiểu - Đại sứ Vance đáp rồi lại im lặng.

Khi hỏi về việc ký biên bản, C.Vance nói ông hy vọng sẽ được tin vào đêm khuya nay - hoặc sáng sớm mai. Tôi không dám bảo đảm.

Rồi lại im lặng. Habib ngồi bên cạnh nhắc C.Vance cáo từ ra về Nhưng ông này hình như không nghe thấy gì.

- Vậy lúc nào thì ông có tin? - Hà Văn Lâu hỏi.
- Tôi không thể nào nói chính xác được - C.Vance ngừng lại - Washington đang làm việc rất khẩn trương - Rồi ngồi im.

Lần thứ hai Habib nhắc ông ra về. Ông ta vẫn ngồi đó.

- Nếu ông thấy khó khăn thì ông cho chúng tôi biết - ông Lâu nói.

C.Vance đáp ứng:

- Tôi hy vọng đêm nay hoặc sáng mai.

Cả Hà Văn Lâu và Nguyễn Minh Vũ đều nói:

- Nếu các ông thật có khó khăn thì cứ cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ chiều cổ.

C.Vance và Habib cảm ơn rơi rít và nói đó sẽ là một thoả thuận quân tử.

Hai mươi ba giờ, phía Mỹ xin gặp lại ta. Nửa giờ sau, Habib đến báo cho Hà Văn Lâu biết là Mỹ không thể chấm dứt ném bom vào 00 giờ giờ GMT ngày 30 tháng 10 được, và hôm sau cứ họp ở Kléber như thường lệ.

Mặc kệ Thiệu!

Thất vọng quá đáng (L.B.Jonhson: Maviede Président. Sđd, tr 626.) vì sự lãn khan của Thiệu, Johnson không đợi được nữa. Nửa đêm 30 tháng 10 năm 1968, đoàn Mỹ xin gặp ta. Hơn nửa giờ sau, Harriman, C.Vance, Habib cùng những người giúp việc kéo đến nơi ở của đoàn ta, nhà số 11 phố Darthé, vùng Choisy le Roi. Cuộc họp bắt đầu hồi 1 giờ 35 và kết thúc sau đó một giờ.

Harriman đọc:

"Tôi được phép tuyên bố với ngài rằng Tổng thống sắp sửa ra những mệnh lệnh vào buổi tối ngày 31 tháng 10, tức là 7 giờ hoặc 8 giờ, giờ Washington, theo giờ GMT là 24 giờ GMT ngày 31 tháng 10, hoặc 01 giờ sáng ngày 1 tháng 11 để chấm dứt mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân và pháo binh và mọi hành động khác liên quan đến việc dùng vũ lực chống toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Những mệnh lệnh đó sẽ hoàn toàn có hiệu lực 12 giờ sau đó.

Tổng thống sẽ có một công bố về hành động này vào khoảng khi những mệnh lệnh này được ban hành...

Cuộc họp như đã thoả thuận sẽ không tiến hành trước ngày 6 tháng 11 năm 1968.

Hành động này được tiến hành trên cơ sở các cuộc nói chuyện chúng ta đã có, có tính đến những điều các ông đã nói và những điều chúng tôi đã nói".

Đoàn Việt Nam hội ý. Khi trở lại họp, Bộ trưởng Xuân Thuỷ đọc một bản chuẩn bị sẵn, tóm tắt công việc từ 6 tháng nay, nhấn mạnh rằng phía Việt Nam luôn đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và qua tuyên bố của Harriman, phía Việt Nam hiểu như vậy là không điều kiện.

“Các ngài đã nói thực chất không có một điều kiện có đi có lại nào và còn nói trong tất cả các tuyên bố của Hoa Kỳ không một chỗ nào có chữ “có điều kiện”. Như vậy chúng tôi khẳng định là Hoa Kỳ chấm dứt ném bom không điều kiện”.

Bộ trưởng còn phê phán thái độ kéo dài của Mỹ, không nhất quán trong việc làm biên bản, nói

khác, viết khác, làm khác. Xuân Thuỷ tuyên bố không cần ký biên bản thoả thuận, đồng ý hợp bốn bên không trước ngày 6 tháng 11 năm 1968 và đòi Mỹ phải thực hiện đúng những điều đã thoả thuận.

Xuân Thuỷ cũng chấp nhận yêu cầu giữ bí mật của Mỹ cho đến khi Johnson đọc diễn văn. Hai bên cùng trao đổi việc báo cho chủ nhà Pháp biết.

Hôm đó, chưa phải là buổi chia tay, nhưng Harriman cũng đã tặng Xuân Thuỷ quyển sách nhan đề "Nhân quyền" do ông ta viết, trong đó có trích dẫn một số thơ và lời đề tặng "Kính tặng Bộ trưởng Xuân Thuỷ, nhà thơ, Paris, ngày 31 tháng 10 năm 1968".

Mọi người đều vui vẻ.

Ngày 31 tháng 10, Johnson vẫn đợi, tuy không nhiều hy vọng, rằng Sài Gòn sẽ cùng tham gia với Mỹ vào bản tuyên bố chung. Nhưng Thiệu vẫn đưa ra những đòi hỏi quá đáng. Cuối cùng, đến 20 giờ ông ta đành phải đọc diễn văn về chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.

Johnson hy vọng rằng con chủ bài này sẽ nâng cao hình ảnh của ông ta và uy tín của ứng cử viên Humphrey. Điều đó đúng. Nhưng đã quá muộn.

Ngày 6 tháng 11, Nixon, ứng cử viên Đảng Cộng hoà, đã trúng cử Tổng thống Mỹ, với 43,3% tổng số phiếu, còn Humphrey chỉ thua sát nút ông ta, 42,7%, kém Nixon 500.000 phiếu (0,6%).

Nếu như Johnson chấm dứt ném bom miền Bắc sớm hơn năm, bảy ngày thì có lẽ tình hình đã khác.

Đến đây kết thúc một giai đoạn của cuộc đàm phán Việt - Mỹ.

CHƯƠNG III - ĐỂ KHỞI ĐỘNG HAI KẾ HOẠCH HOÀ BÌNH

Nixon trước hậu quả của thất bại Tết Mậu Thân

Tổng thống R.Nixon thừa hưởng của L.B.Johnson cuộc chiến tranh chết chóc ở Việt Nam cùng những vấn đề gây cản khác. Ông coi cuộc chiến tranh ở Đông Dương là “vấn đề đối ngoại cấp bách nhất” và “một giải pháp ở Việt Nam là chìa khoá cho mọi chuyện” (R.Nixon. The memoirs of R.Nixon. Grosset + Dunlop - New York 1978, tr. 347-391.).

Trong khi Mỹ sa lầy ở Đông Nam Á thì những kẻ đối đầu cũng như đồng minh của Mỹ được rảnh tay và họ đã tăng cường tiềm lực một cách đáng kể. Liên Xô không còn thua kém Mỹ bao nhiêu trong lĩnh vực vũ khí chiến lược. Trung Hoa nhân dân đã giành nhiều tiến bộ trong lĩnh vực hạt nhân. Các đồng minh châu Á và châu Âu của Mỹ đã trở thành những kẻ cạnh tranh gay gắt với Mỹ trên thị trường quốc tế. Trong quan hệ với Nhật, ngoài vấn đề thâm hụt về cán cân thương mại, Nixon còn phải đương đầu với việc “đất nước Mặt trời mọc” đòi chủ quyền về quần đảo Okinaoa mà Mỹ chiếm từ sau chiến

tranh thế giới thứ hai. Các đồng minh châu Âu trong khối Bắc Đại Tây Dương (NATO) cũng đòi độc lập hơn với Mỹ, đòi hạn chế bớt quyền hành của Washington, nhất là từ khi tướng De Gaulle không chấp nhận nữa trụ sở khối NATO đóng trên đất Pháp. Rồi còn chính sách mở cửa sang phương Đông của Thủ tướng W.Brant ở Bon.

Tuy nhiên, về mặt nào đó, Tổng thống mới của Hoa Kỳ cũng gặp nhiều thuận lợi. Là kẻ thù không đội trời chung với chủ nghĩa cộng sản, Nixon có lý do để vui mừng trước mâu thuẫn gay gắt giữa hai nước xã hội chủ nghĩa lớn - Liên Xô và Trung Quốc - và đi đến chỗ xung đột ở trên sông Utxuri hai tháng sau khi Nixon lên cầm quyền. Trời đã cho ông ta một đồng minh không ngờ mà ông ta không thể không dùng đến để giúp ông giải quyết vấn đề Việt Nam. Trong cuộc xung đột không cân sức giữa hai lực lượng cộng sản đó có thể một ngày nào đó bên này hay bên kia phải tính đến vai trò của Hoa Kỳ nếu không được sự ủng hộ thì cũng tìm thấy một lực lượng đối trọng, nhất là Trung Quốc lúc này đang ở cao trào của cách mạng văn hoá, tức là ở bên bờ vực thẳm.

Ở Tây Âu, nếu như Hoa Kỳ phải đối phó với các yêu sách của các nước đồng minh trong "Liên minh khó khăn" thì Liên Xô từ sau khi Hồng quân vào Tiệp Khắc (1968) cũng phải đương đầu với xu hướng độc lập ngày càng tăng của các nước Đông Âu.

Sáu tháng sau khi lên cầm quyền, dừng chân trên đảo Guam trên đường thăm một số nước châu Á, Tổng thống Nixon phác họa ra chiến lược mới, học thuyết Nixon, hay còn gọi là học thuyết Guam. Ông nói rằng:

“Sau chiến tranh Việt Nam, chúng ta cần có một chính sách châu Á mới để đảm bảo không có một Việt Nam trong tương lai... Nhưng ngay từ lúc này về sau chúng ta chỉ cung cấp vật liệu và viện trợ quân sự, kinh tế cho những nước nào sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm cung cấp sức người để tự bảo vệ lấy mình" (R.Nixon. The memoirs of R.Nixon, Sđd. tr. 395.).

Ông nói rằng chính sách đó không phải là rút ra khỏi châu Á mà "đó là cơ sở vững chắc duy nhất để Hoa Kỳ ở lại đây". Hoa Kỳ vẫn là một cường quốc ở Thái Bình Dương.

Tóm lại, người ta có thể nói rằng học thuyết của ông là dựa trên các yếu tố, sức mạnh của Mỹ và chia sẻ trách nhiệm - chứ không phải một mình gánh lấy nhiệm vụ sen đầm quốc tế như trước đây. Lúc này đang có cuộc thương lượng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam ở Paris, cho nên người ta có thể thấy thêm một nhân tố khác của học thuyết Nixon: thương lượng trên thế mạnh?

Cũng như nhiều Tổng thống tiền nhiệm, Nixon có học thuyết riêng của mình là chuyện bình thường. Thực tế khách quan đã chỉ rõ cái học thuyết Guam nổi tiếng một thời đó là chiến lược xuất phát từ sự suy yếu, một học thuyết với “hình bóng thấp”.

Trong vấn đề Việt Nam, Washington đổi danh từ "phi Mỹ hoá chiến tranh" thành "Việt Nam hoá chiến tranh", tức là biến cuộc chiến tranh của Mỹ thành cuộc chiến tranh giữa người Việt Nam với nhau. Nội dung chủ yếu của Việt Nam hoá là tăng cường sức mạnh mọi mặt cho quân nguy Sài Gòn, để Mỹ rút được quân về nước. Đó là việc áp dụng học thuyết Nixon ở Đông Dương. Nhưng như người ta thấy sau này, trong vấn đề Campuchia, chính Nixon cũng không theo đúng học thuyết của ông!

Trên lĩnh vực quân sự, sau thất bại của chiến lược "tìm và diệt" của tướng Westmoreland trước đây, Lầu Năm Góc Phương Đông (ở Sài Gòn) do tướng Abrams cầm đầu đã đề ra chiến lược mới "quét và giữ" cho phù hợp với yêu cầu của Việt Nam hoá chiến tranh.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng trước những hậu quả của chiến thắng Tết Mậu Thân

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968 của quân và dân miền Nam Việt Nam đã giành được thắng lợi lớn về chính trị và tâm lý, đánh mạnh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải đi vào nói chuyện với ta ở Paris để giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam ... Nhưng ta cũng bị thiệt hại nặng nề.

“Khi tổng tiến công chúng ta đã tung hết lực lượng... cho nên đến khi địch phản kích thì chúng ta không có lực lượng, chúng ta gần như mất thế, và đối phó phản kích rất khó khăn. Chúng ta lâm vào tình hình rất khó khăn trong những năm 1969, 1970, 1971” (Trần Độ. Tạp chí Lịch sử Quân sự - Bộ Quốc phòng - Tháng 2 năm 1988 tr. 47.).

Từ nửa cuối năm 1968, địch tập trung đánh phá ác liệt các vùng giải phóng nhằm tiêu diệt và đẩy lùi các đơn vị chủ lực ta ra khỏi các nơi đứng chân như Trị - Thiên, Khu V, Nam Bộ...

Chúng còn đánh phá ác liệt ven các căn cứ quân sự lớn "dùng xe cơ giới san ủi làng mạc ruộng vườn thành những vùng trắng rộng hàng chục kilômét vuông... Quân nguy đóng thêm hàng nghìn đồn bót".

“Sáu xã ở Gò Nổi (huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) bị xe tăng, xe ủi san phẳng. Nhiều xã ở phía Bắc huyện Củ Chi không còn một lùm cây nhỏ” (Bộ Quốc phòng, Lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân - Sự Thật, 1991, tr. 311.)

“Tháng 10, các đơn vị chủ lực của ta ở Trị - Thiên đã rút ra Quảng Bình để củng cố. Quân chúng mất chỗ dựa. Địch tập trung đánh phá, dồn dân quyết liệt, lập lại hầu hết các khu đã mất... Ở Nam Bộ, đến cuối năm 1968, địch lập lại số áp chiến lược, khôi phục lại vùng tranh chấp” (Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, Tập 1, Sách đã dẫn, tr. 311.)

Lực lượng vũ trang bị tiêu hao không được bổ sung. Tiếp tế lương thực rất khó khăn. Ở Tây Nguyên, toàn bộ số gạo còn lại của năm 1968, chỉ còn một phần ba so với số lượng tồn kho năm 1967. Dự trữ lương thực đến giữa năm 1969 chỉ đủ nuôi bộ đội ta trong khoảng một tuần

Bước vào năm 1969 tại Đông Nam Bộ và Khu VI, địch lần chiếm và hầu như kiểm soát toàn bộ vùng nông thôn bao quanh Sài Gòn và các tỉnh Phước Long, Bình Tuy và vùng đồng bằng các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận...

Cơ sở cách mạng bị tổn thất, lực lượng vũ trang bị tiêu hao và tiếp tục phải lùi dần lên rừng núi...

Sau khi nêu lên thắng lợi cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân, Lê Đức Thọ đã nói:

“Cuộc tổng tiến công ấy đã mắc sai lầm là chủ quan đánh giá không đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch, đánh giá quá cao về phong trào quần chúng nổi dậy và khởi nghĩa ở đô thị. Vì thế chúng ta đề ra lấy tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành Chính quyền toàn miền Nam... nhằm kết thúc chiến tranh. Đến cuối năm 1968, lực lượng ta đã tổn thất nhiều, yếu tố bất ngờ không còn nữa mà ta vẫn còn chủ quan sai lầm như hồi Tết Mậu Thân, vì thế, địch đã tập trung lực lượng bình định nông thôn gây cho ta khó khăn trong hai năm 1969, 1970. Từ khi đế quốc Mỹ trực tiếp đưa quân vào miền Nam Việt Nam, chưa bao giờ chúng ta gặp khó khăn như hai năm này, cơ sở ở nông thôn bị tổn thất, căn cứ bị thu hẹp ở nhiều nơi, chủ lực của ta bị tổn thất không còn chỗ đứng chân ở miền Nam, phải trú chân trên đất bạn” (Lê Đức Thọ. Tạp chí Lịch sử Quân sự Bộ Quốc phòng tháng 2 năm 1998 tr. 8-9.)

Cuộc hội; đàm ở Paris giữa ta và địch bắt đầu vào giai đoạn hai trong hoàn cảnh như vậy.

Câu chuyện cái bàn

Cuộc chiến tranh thành Troie bắt đầu từ quả trứng Lê da (Trong thần thoại Hy Lạp - Tác giả). Cuộc đấu tranh ngoại giao ở Paris lại bắt đầu từ cái bàn.

Ngày 31 tháng 10 năm 1968, Mỹ chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam. Ngày 3 tháng 11, đại diện Mỹ đã gặp ta đề nghị hai bên họp vào mùng 6 tháng 11 bàn sắp xếp cho "cuộc họp thực chất dưới hình thức mới". Ta chấp nhận nhưng lưu ý phía Mỹ rằng cuộc họp bốn bên vào ngày đó chưa được hai bên thoả thuận - và cuộc họp đó phải là cuộc họp bốn bên. Bà Nguyễn Thị Bình, đại diện Mặt trận Dân tộc

Giải phóng sẽ họp phiên đó. Nội dung cuộc họp đó là các bên sẽ bàn về thủ tục.

Đại diện Mỹ tỏ ra lúng túng vì lúc này đại diện Chính quyền Sài Gòn vẫn chưa cử người tham dự, tuy đại sứ Phạm Đăng Lâm của họ vẫn có mặt tại Paris - và sau này là trưởng đoàn chính thức của họ - Phía Mỹ nói bây giờ có vấn đề phức tạp về ngày khai mạc "phiên họp mở rộng" ngoài sự kiểm soát của họ. Hai hôm sau đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lại thúc ép Mỹ và tuyên bố rằng ngày mai Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẵn sàng đến họp vào buổi sáng, buổi chiều hay buổi tối cũng được, tại hội trường phố Kléber. Đại diện Sài Gòn chưa đến thì họp ba đoàn, khi nào họ đến họ sẽ vào họp sau. Đại diện Mỹ lại thanh minh là họ có khó khăn tuy họ đã cố gắng để cùng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bắt đầu cuộc họp giai đoạn mới.

Cuộc tranh luận lại nổ ra chung quanh khái niệm này. Và hai bên gọi theo cách của mình. Ta gọi là cuộc họp bốn bên, còn Mỹ gọi là cuộc họp hai phía.

Về sắp xếp chỗ ngồi, phía Mỹ đề nghị nhờ Pháp thu xếp - Ta không đồng ý. Việt Nam cho rằng đi vào đàm phán bốn bên các đoàn phải bình đẳng, độc lập với nhau, thể hiện vai trò và vị trí của mỗi bên và phản ánh tương quan lực lượng trên chiến trường. Do yêu cầu đề cao vai trò của Mặt trận Dân tộc Giải phóng ta đề nghị một bàn vuông, bốn đoàn ngồi bốn cạnh - hoặc một bàn hình thoi.

Piazza Mỹ có nhiều sáng kiến để thể hiện khái niệm hai phía của họ. Lúc đầu họ đề ra cái bàn chữ nhật: Phía Mỹ và Chính quyền Sài Gòn ngồi một bên, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mặt trận Dân tộc Giải phóng ngồi một bên.

Tiếp đó họ gợi ý ra ba kiểu bàn khác:

- Hai bàn hình cung đối diện nhau, không tách rời nhau.
- Hai nửa vòng tròn đối diện nhau, tách rời nhau.
- Hai nửa vòng tròn đối diện nhau, ở giữa có khoảng cách, hai đầu có hai bàn chữ nhật cho thư ký ngồi.

Piazza ta đề nghị lấy kiểu thứ hai của Mỹ nhưng không tách ra mà ghép lại thành một bàn tròn.

Cứ như thế là đã mất hết hai tháng cuối năm 1968 rồi. Sang tháng giêng năm sau, Mỹ lại đề nghị ba kiểu bàn khác:

- Một bàn tròn liên tiếp có hai phần dành cho thư ký đối diện nhau - và hai phần đó tụt xuống thấp hơn, một nửa về phía Việt Nam, một nửa dành cho phía Mỹ.
- Một bàn trong có kê hai chiếc bàn cho thư ký đối diện nhau và dính sát vào bàn tròn.
- Hai bàn dài khép kín bằng hai nửa vòng tròn dành cho thư ký.

Họ cũng đề nghị không cờ, không có biển ghi tên các đoàn trước mặt họ. Ta không đồng ý hình thù cái bàn mà còn đòi họ theo đúng thủ tục quốc tế, có cờ, có biển ghi tên trước mặt các đoàn!

Piazza Mỹ lại đưa ra sáng kiến mới: một bàn tròn có băng to bằng thảm đỏ ở giữa. Bị phản đối, họ thay cái băng thảm bằng một vạch nhỏ (trip).

Trong quá trình thảo luận, nước chủ nhà và đại diện Liên Xô ở Pháp, đại sứ Obôrencô có tham gia ý kiến.

Ngày 15 tháng 1 năm 1969, hai bên chấp nhận gợi ý của Liên Xô:

- Về sắp xếp chỗ ngồi: sẽ là một bàn tròn phẳng lì, có hai bàn chữ nhật kê cách bàn tròn 0,45 mét đặt ở hai địa điểm đối diện nhau; các bàn này dành cho thư ký.

- Không có cờ và biển.

- Còn thứ tự phát biểu - cũng là vấn đề. Thông thường ở các Hội nghị Quốc tế, ai cũng muốn phát biểu đầu tiên, lúc các nhân vật quan trọng còn có mặt, chứ không ai đợi lúc chiều tà, chợ đã vắng mới nói vì ít người chú ý.

Theo ý kiến của Liên Xô, thứ tự phát biểu trong Hội nghị này là nhờ Pháp rút thăm cầu may. Phía nào thắng sẽ phát biểu trước. Nếu ta thắng, có thể Bộ trưởng Xuân Thuỷ hay bà Nguyễn Thị Bình

phát biểu trước. Phía Mỹ cũng vậy.

Hôm sau, đại diện ta vì muốn giải quyết cho xong vấn đề thủ tục, ta không câu chấp gì về thứ tự phát biểu, và nhường cho phía Mỹ phát biểu trước, nhưng nói rõ đó không phải là chấp nhận quan điểm "hai phía" của Mỹ. Ta cũng chấp nhận phiên họp đầu tiên bốn đoàn vào 18 tháng 1 năm 1969, như Mỹ đề nghị. Còn hai ngày nữa Tổng thống L.B Johnson rời Nhà Trắng nhưng Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu vẫn không muốn cho vị Tổng thống này của Hoa Kỳ dính dáng vào. Một tuần sau họ mới cử người đi họp. R.Nixon đã vào Nhà Trắng được năm ngày!

Ngày 10 tháng 1, đại sứ quán Mỹ ở Paris nhân danh Harriman gửi thư cho đoàn Việt Nam đề nghị gặp Bộ trưởng Xuân Thuỷ và Cố vấn Lê Đức Thọ để xem lại kết quả công việc sau 9 tháng đến Paris thảo luận về tương lai quan hệ hai nước. Phía Mỹ đề nghị họp ở nhà riêng của họ ở thị trấn Sceaux để cho cuộc gặp gỡ được lặng lẽ và hoàn toàn riêng tư. Thư có thêm một câu viết tay "Rất mong được gặp ngài với mọi sự tốt lành". Ký tên: Harriman

Cuộc họp tiền biệt đó diễn ra hôm 14 tháng 1 năm 1969 tại địa điểm trên. Đại sứ Mỹ thông báo cho ta biết là ông Cabot Lodge, người bạn cũ của Tổng thống Nixon, người đã hai lần làm đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn - sẽ cầm đầu phái đoàn Mỹ tại Paris. Ông Walsh, một luật gia có tên tuổi ở New York sẽ thay ông C.Vance. Ngoài ra còn có thêm ông M. Green, nguyên đại sứ Mỹ ở Indônêxia.

Harriman muốn biết quan điểm của Việt Nam về tương lai cuộc đàm phán trước khi về Mỹ. Ông nói, và phía Việt Nam cũng thông cảm, rằng ông không thể nói về chính sách của Chính quyền mới ở Washington, nhưng ông nghĩ rằng quan điểm chung cũng giống như điều ông đã nói là làm sao xuống thang chiến sự, tôn trọng khu phi quân sự và cùng rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam. Về chính trị, người Việt Nam phải đứng hàng đầu trong cuộc nói chuyện với nhau để tìm một giải pháp. Lê Đức Thọ tỏ ý tiếc là đại sứ Harriman không ở lại Paris được, và điểm lại quá trình nói chuyện, ông nói:

“Nếu như chỉ hai, ba tháng các ngài đã chấm dứt ném bom thì tình hình bây giờ đã khác rồi”.

Đề cập đến việc dư luận báo chí nói Nixon không muốn giải quyết chiến tranh, việc Sài Gòn đưa tướng Nguyễn Cao Kỳ sang làm Cố vấn cho đoàn họ là một dấu hiệu không hay, Lê Đức Thọ nêu ra ba khả năng:

“1 - Trường hợp thứ nhất. Chúng tôi nghiêm chỉnh và có thiện chí, Chính quyền mới ở Mỹ và đoàn đàm phán mới của Mỹ ở Paris thật sự nghiêm chỉnh và có thiện chí có thể tiến lên giải quyết vấn đề.

2 - Nếu các ngài muốn dùng thế mạnh để ép chúng tôi, không coi trọng những quyền lợi dân tộc cơ bản của Việt Nam thì khó có thể giải quyết được và cuộc đàm phán sẽ kéo dài.

3 - Còn trường hợp thứ ba các ngài không muốn giải quyết mà tiếp tục đánh thì chúng tôi cũng sẵn sàng tiếp tục chiến đấu cho đến khi giành lại được các quyền dân tộc cơ bản của chúng tôi.

Tôi cho rằng trường hợp một là đúng đắn nhất, nhưng không biết rồi đây ông Nixon, ông Lodge có nghĩ như vậy không hay lại chọn trường hợp thứ hai và thứ ba. Nếu như vậy thì không phải lỗi ở chúng tôi.”

Lê Đức Thọ nhấn mạnh rằng khó khăn là do bọn Thiệu - Kỳ - Hương không muốn giải quyết vấn đề. Với thái độ như vậy thì ngồi vào cũng khó giải quyết được.

Còn quan hệ giữa Mỹ và miền Bắc sẽ là quan hệ bình thường, cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào nội bộ nhau.

Harriman nói rằng có thể loại bỏ khả năng thứ ba. Ông ta cũng nói rằng ông Nixon và ông Lodge sẽ nhìn vấn đề theo khả năng một và khả năng thứ hai. Vị đại sứ Mỹ còn hỏi thêm rằng nếu như ở miền Nam Việt Nam lập một Chính phủ muốn chấm dứt chiến tranh và có cảm tình với miền Bắc thì phía Việt Nam thấy thế nào? Ông ta cũng hỏi về thời gian thống nhất hai miền, Việt Nam sẽ thành một liên

bang hay một Quốc gia thông nhất.

Ba hôm sau mới là cuộc từ biệt chính thức. Đại sứ Mỹ tặng mỗi người tham dự một bao diêm bằng giấy làm kỷ niệm và bộ trưởng Xuân Thủy tặng ông tập san "Nghiên cứu về Việt Nam" chuyên đề về văn học, và tặng ông C.Vance một cuốn về giáo dục ở Việt Nam bằng tiếng Pháp. Hôm ấy người ta chúc mừng nhau, không khí vui vẻ. Nhưng đại sứ Harriman không quên nhắc tới vấn đề giặc lái Mỹ bị bắt ở miền Bắc Việt Nam. Còn Lê Đức Thọ nêu lên nhận định của ông rằng "phi Mỹ hoá chiến tranh" của Mỹ sẽ thất bại như đã xảy ra trước khi quân Mỹ vào.

"Chúng tôi có cả một dân tộc đứng lên chiến đấu... Chúng tôi biết đánh, chúng tôi cũng biết nói chuyện. Chúng tôi mong đạt được hoà bình chính đáng. Chúng tôi sẽ thảo luận với ông Lodge về vấn đề rút quân hoặc bất cứ vấn đề nào khác mà các ngài nêu ra... Nếu như các ngài không nhìn vào thực tế, tuy muốn giải quyết nhưng kéo dài việc rút quân bằng chờ đợi việc củng cố nguy quân, nguy quyền, gây sức ép với chúng tôi, điều đó không thể được đâu".

Harriman có vẻ bi quan, mong muốn thấy được hoà bình ở Việt Nam trước khi ông qua đời
Hội nghị bốn bên bắt đầu

Mười giờ ba mươi phút sáng 25 tháng 1 năm 1969, khai mạc trọng thể Hội nghị bốn bên tại phòng lớn của Trung tâm Hội nghị Quốc tế phố Kléber.

Trước cửa của Trung tâm, đông đảo bà con Việt kiều ở Paris, tay cầm cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận đứng chật ních bên đường vẫy chào hai đoàn Đại biểu Việt Nam. Các phóng viên báo chí, vô tuyến truyền hình, các hãng thông tấn của nhiều nước trên thế giới đều có mặt để ghi lại hình ảnh ban đầu của sự kiện lịch sử này. Họ chú ý nhiều đến đoàn Mặt trận do ông Trần Bửu Kiếm dẫn đầu.

Sau phút náo nhiệt ban đầu, các đoàn lần lượt vào ngồi quanh chiếc bàn đường kính tám mét phủ thảm xanh - Các trưởng đoàn lần lượt phát biểu ý kiến và có tranh luận ngắn - sau đó người phát ngôn ra hốp báo.

Lần lượt từ tháng này qua tháng khác, mỗi tuần một lần vào thứ tư, các bên đối địch nhau ngồi đối diện nhau tố cáo nhau gay gắt và quyết liệt Những vấn đề về nguồn gốc chiến tranh và giải pháp là những vấn đề lớn, bên cạnh những lời lẽ về thiện chí, nghiêm chỉnh được lặp đi lặp lại nhiều lần - một cuộc đấu lý kéo dài lại diễn ra như những tháng đầu của Hội nghị hai bên. Các Đại biểu ngồi ở đây nhưng cái hy vọng chính của họ là ở chiến trường.

Một tuần sau phiên khai mạc, Trưởng đoàn Mỹ đưa ra một giải pháp ba điểm: Hai bên cùng rút quân, bảo đảm quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và thả tù binh - là vấn đề họ nhấn mạnh nhiều lần sau này - tố cáo phía Việt Nam vi phạm công ước Genève 1958 đối với bọn giặc lái bị bắt quả tang khi đang gây tội ác ở miền Bắc.

Phía Mỹ còn nói nhiều về việc ta vi phạm khu phi quân sự và đòi ta nói chuyện với Chính quyền Sài Gòn.

Về phía Việt Nam: từ tháng 11 năm 1968, Hà Nội đã vạch ra phương hướng mới là: Đẩy mạnh đấu tranh trên ba mặt trận quân sự chính trị, ngoại giao giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định và mở đường cho một giải pháp bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta mà đối phương có thể chấp nhận được

Ngày 1 tháng 1 năm 1969, Nguyễn Duy Trinh lại thông báo cho đoàn Việt Nam ở Paris:

"Tình hình ngày càng xác minh nhận định trước đây là đúng: chiều hướng của Mỹ là sớm chấm dứt chiến tranh. Nixon cũng phải theo chiều hướng đó. Nhưng Mỹ muốn rút trong danh dự. Nixon muốn đàm phán trên thế mạnh, rút quân Mỹ nhưng phải giữ được nguy quân làm công cụ thi hành chính sách thực dân mới ở miền Nam Việt Nam."

Đấu tranh ngoại giao phải kiên trì và tích cực tập trung vào 4 điểm chính sau đây:

"1 - Đẩy địch xuống thang một bước trên chiến trường chính, ép Mỹ đơn phương rút một bộ

phân quân Mỹ.

2 - Khoét sâu mâu thuẫn khó khăn nội bộ Mỹ, nội bộ nguy, mâu thuẫn Mỹ - Nguy.

3 - Đề cao vai trò quốc tế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

4 - Tranh thủ các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ ta về vật chất và chính trị. Đồng thời tranh thủ sự ủng hộ ngày càng mạnh mẽ và có hiệu quả của phong trào nhân dân thế giới bao gồm cả nhân dân Mỹ: đấu tranh đòi Mỹ rút nhanh, rút hết và không điều kiện khỏi miền Nam Việt Nam”.

Về chủ trương "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ, Hà Nội cũng nhìn thấy từ đầu tuy chưa đầy đủ và toàn diện tất cả sự thâm độc nguy hiểm của nó, nhưng cũng đã thấy chỗ yếu cơ bản trong bản thân chiến lược đó không thể nào khắc phục nổi. Trong tình thế đã thất bại phải xuống thang để rút lực lượng Mỹ, nhưng Mỹ lại muốn giao cho quân nguy một nhiệm vụ mà cả quân Mỹ và quân nguy trước đây không làm nổi. Chủ trương đó không tạo ra cho Mỹ thế mạnh cần thiết. Mỹ muốn giảm thương vong, giảm chi phí nhưng Việt Nam hoá không thể làm nhanh được, do đó Mỹ không thể rút quân nhanh, và thương vong tổn phí cho chiến tranh lại càng lớn, nhân dân Mỹ không chịu đựng nổi.

Mỹ muốn rút đi, Sài Gòn muốn Mỹ ở lại, do đó mâu thuẫn hai bên lại tăng lên. Trong chiến lược quân sự “quét và giữ” cũng có nhiều mâu thuẫn. Trước đây “tìm và diệt” đã không thành, lực lượng đối phương có bị tổn thất nhưng vẫn còn nhiều - và cũng không nằm im bị động

Tuy nhiên Hà Nội cũng tính đến hai khả năng:

- Có thể do bị tổn thất nặng và gặp khó khăn lớn, Mỹ phải kết thúc chiến tranh sớm bằng một giải pháp chính trị mà họ có thể chấp nhận được.

- Hai là nếu Việt Nam tiến công không đủ mạnh, Mỹ tạm thời khắc phục một phần khó khăn của Mỹ thì Mỹ còn cố gắng kéo dài chiến tranh ở miền Nam một thời gian.

Trong hai khả năng đó, để gây sức ép với ta trước khi kết thúc chiến tranh trong tình hình nào đó, Mỹ có thể ném bom bắn phá lại miền Bắc hoặc mở rộng chiến tranh trên đất Lào và Campuchia (Nghị quyết tháng 4 năm 1969. Những sự kiện lịch sử Đảng, Tập III. Nhà xuất bản Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1985, tr. 461-462.).

Trong khi ở Paris, các đoàn Đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mặt trận tổ cáo mạnh mẽ kẻ địch thì ở miền Nam lực lượng giải phóng mở hai đợt tấn công: đợt mùa xuân từ 22 tháng 2 đến 30 tháng 3, và đợt tiếp vào mùa hè từ 11 tháng 5 đến 23 tháng 6, gây cho địch một số thiệt hại nhưng không tạo được chuyển biến gì đáng kể (Đại tướng Văn Tiến Dũng. Toàn thắng. Sdd, tr. 44).

Khả năng thứ hai trong nhận định trên đã xuất hiện.

Cuộc gặp đầu tiên C.Lodge - Xuân Thuỷ

Ngày 8 tháng 3, hơn một tháng sau khi bắt đầu Hội nghị bốn bên và sau khi ta pháo kích vào căn cứ Mỹ ở Tân Sơn Nhất (22 tháng 2), một cuộc tấn công xảy ra trước ngày Tổng thống Nixon đi châu Âu "Làm mất khả năng trả đũa và làm nhục Tổng thống mới" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Fayard, Paris 1979, tr. 252.) đại sứ Lodge đến gặp Bộ trưởng Xuân Thuỷ tại số nhà 11 phố Darthé.

Ông nói rằng ông không có ý định nói gì về tính chất, nội dung hoặc hoàn cảnh trình bày lập trường của Mỹ mà đây mới là bắt đầu một cách làm việc lặng lẽ và có hiệu quả để giải quyết những vấn đề của nhau. Nhưng đi vào chuyện ông đã nói ngay đến việc ta tấn công quân Mỹ ở Sài Gòn. Ông ta đọc ngay một bản đã chuẩn bị sẵn:

“Chúng tôi không hành động một cách hấp tấp nhưng sự thật là việc chúng tôi tỏ ra kiên nhẫn không thể được coi là một dấu hiệu yếu đuối”.

Rồi ông nói rằng sẽ không dung thứ những việc tiếp tục vi phạm các điều đã thoả thuận, không dung thứ những cuộc tấn công gây cho binh lính Mỹ thương vong hơn nữa

"... Tôi được chỉ thị của Chính phủ tôi nhấn mạnh vào tính chất nghiêm trọng của những trận pháo kích vào Sài Gòn vi phạm thoả thuận của chúng ta..."

Ông ta đe dọa cụ thể rằng sẽ có những hành động thích đáng đáp lại như Tổng thống chúng tôi đã tuyên bố.

Xuân Thuỷ:

- Mỹ đã vi phạm Hiệp nghị Genève năm 1954, đã gây ra chiến tranh ở Việt Nam. Thất bại, Mỹ phải đơn phương chấm dứt ném bom miền Bắc, nhưng lại muốn giải quyết vấn đề trên thế mạnh, tăng cường nguy quân, nguy quyền. Mỹ vẫn bắn phá miền Bắc: tháng 1 năm 1969: 11 lần, tháng 2: 26 lần.

Xuân Thuỷ bác bỏ điều mà Lodge nói về thoả thuận trước đây và nhấn mạnh Mỹ đã làm trái với điều đã cam kết: chấm dứt ném bom không điều kiện. Ông nói: làm thế nào để giải quyết vấn đề và nêu ra:

1 - Hoa Kỳ phải rút hết quân Mỹ và chur hầu không điều kiện.

2 - Hoa Kỳ phải từ bỏ Chính quyền Sài Gòn. Nếu Hoa Kỳ cứ bám lấy Chính quyền Thiệu - Kỳ - Hương, một Chính quyền phát xít và hiếu chiến, thì không nói chuyện hoà bình được.

3 - Chiến sự đang diễn ra trên đất Nam Việt Nam. Hoa Kỳ phải nói chuyện với Mặt trận. Hoa Kỳ không nói chuyện với Mặt trận là không hợp lý và không giải quyết được vấn đề.

Tất nhiên Mỹ không chấp nhận và Lodge còn nói rằng: miền Bắc đã được hưởng lợi ích trước mắt và trực tiếp của việc ngừng ném bom - và phía Mỹ sẵn sàng thảo luận các đề nghị của phía Việt Nam.

Xuân Thuỷ:

- Thử hỏi: nếu máy bay Việt Nam bay trinh sát trên bầu trời nước Hoa Kỳ, liệu Hoa Kỳ có để yên không? Nếu Quân đội Việt Nam đến quấy rối trên đất Hoa Kỳ, liệu Hoa Kỳ có để yên không? Cho nên quân và dân miền Nam phải chống lại quân Mỹ và chur hầu. Chúng tôi không có trách nhiệm về những việc xảy ra ở miền Nam.

Cuộc gặp đầu tiên giữa hai trưởng đoàn là như vậy. Lúc này, trên chiến trường ta gặp khó khăn. Một số đơn vị chủ lực phải tạm trú chân trên biên giới Campuchia - và vùng này đã trở nên đất thánh mà Mỹ chưa đụng chạm tới.

Washington tính toán những lựa chọn khác nhau: Một là trả đũa ném bom trở lại miền Bắc - điều này sẽ đụng chạm đến phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ, và cũng không hứa hẹn một kết quả mong muốn - hai là ném bom các căn cứ hậu cần của Việt cộng trên đất Campuchia.

Và ngày 18 tháng 3 năm 1969, Mỹ đã cho máy bay chiến lược B52 làm việc đó. Lầu Năm Góc gọi đó là "Cuộc hành quân Thực đơn" (menu), đặc biệt vào căn cứ 353 ở vùng Lưỡi Câu - nơi mà theo họ là Chỉ huy sở của Việt cộng ở miền Nam Việt Nam.

Chiến dịch này của Mỹ kéo dài cho đến tháng 5 năm 1970, Những cuộc rải bom ác liệt vào dân thường sinh sống ở vùng này được Lầu Năm Góc gọi là "bữa ăn sáng", "ăn trưa" - "ăn chiều", - "điểm tâm", v. v... (H.Kissinger: Ở Nhà Trắng, tr.258.)

Bốn ngày sau khi Washington mở "Chiến dịch Thực đơn", C Lodge lại gặp Xuân Thuỷ. Ông ta nói rằng muốn có cuộc họp này để trao đổi một cách thành thật. Ông ta nói Hoa Kỳ tin rằng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam phải được tôn trọng - Hoa Kỳ ủng hộ và tiếp tục ủng hộ ý muốn chính đáng của nhân dân Việt Nam là hoà bình, độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam... Hà Nội cũng như Washington đều không có quyền ép buộc nhân dân Nam Việt Nam tuân theo ý muốn của mình. Vì vậy Hoa Kỳ luôn luôn nhấn mạnh tính chất quan trọng của việc rút khỏi miền Nam Việt Nam tất cả lực lượng từ bên ngoài vào. Ông ta nói thêm: lực lượng bên ngoài là

lực lượng không phải của Nam Việt Nam, là "lực lượng của hai chúng ta".

Sợ Xuân Thuỷ không hiểu, ông ta lại nói: là lực lượng miền Bắc và lực lượng của Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa Kỳ. Lực lượng miền Bắc thâm nhập vào phải rút về miền Bắc - Cuộc rút quân có thể đồng thời càng sớm càng tốt. Rồi ông ta tuyên bố sẵn sàng bàn chi tiết về thời gian và các sắp xếp cho việc rút quân đồng thời đó.

Xuân Thuỷ nhận xét rằng lời lẽ của Lodge không có gì mới và nói:

- Ông Nixon đã nói đến hoà bình rất nhiều, nhưng việc làm thực tế thì rõ ràng ông Nixon không ngừng tăng cường chiến tranh... Số lượng quân nguy và quân chur hầu Mỹ được tăng thêm, việc triệt phá làng mạc gom dân lập ấp chiến lược ở miền Nam được đẩy mạnh, việc đánh phá miền Bắc cũng tăng lên.

Bộ trưởng cũng bác bỏ việc cùng rút quân mà Lodge đưa ra. Lodge trả lời rằng: phía Việt Nam đã không đạt được những thắng lợi quân sự khả dĩ đưa ra được yêu sách chỉ đòi quân Mỹ rút. Lodge còn đòi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nói chuyện với Chính quyền Sài Gòn.

Lodge vui mừng thấy Xuân Thuỷ không nhắc gì đến việc Mỹ cho máy bay chiến lược ném bom Campuchia - điều mà ông ta và Washington muốn biết. Một điều khác có lẽ làm cho C.Lodge và cả Washington hơi bất ngờ là việc Xuân Thuỷ đề cập đến xung đột Trung - Xô mới xảy ra đầu tháng ba - và cảnh cáo Mỹ đừng lợi dụng sự bất đồng giữa các nước xã hội chủ nghĩa để kéo dài chiến tranh xâm lược Việt Nam. Về việc này Kissinger có thừa nhận lúc đó tại Washington mọi người còn bị lôi cuốn quá nhiều vào vấn đề Việt Nam để phản ứng trước sự kiện mà họ chưa hiểu rõ nguyên nhân (H.Kissinger: Ở Nhà Trắng tr. 180-181.)

Giải pháp mười điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng: một bất ngờ đối với Mỹ

Trong mấy tháng đầu của cuộc đàm phán bốn bên, Việt Nam chưa có một lập trường giải pháp mới cho vấn đề Việt Nam. Đoàn ta ở Paris vẫn căn cứ vào lập trường bốn điểm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng đề ra từ ngày 8 tháng 4 năm 1965 khi Mỹ mới đưa quân vào miền Nam Việt Nam mà đấu tranh. Còn Mặt trận Dân tộc Giải phóng thì căn cứ vào cương lĩnh đã công bố để đấu lý, chủ yếu là lên án Mỹ, đòi chấm dứt xâm lược, đòi rút hết quân Mỹ và đòi Mỹ từ bỏ Chính quyền Sài Gòn.

Ngày 7 tháng 5 năm 1969, trong cuộc gặp riêng với Xuân Thuỷ, Lodge nói rằng ông ta muốn đề nghị một giải pháp mới. Ông ta đã nghiên cứu bốn điểm

(Tóm tắt bốn điểm ngày 8 tháng 4 năm 1965:

1. Thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Mỹ phải rút hết quân, tháo gỡ các căn cứ quân sự, huỷ bỏ liên minh quân sự với miền Nam.
2. Trong khi chờ đợi thống nhất Việt Nam, các điều khoản quân sự của Hiệp nghị Genève phải được thi hành: Không có quân đội, căn cứ quân sự nước ngoài, không liên minh quân sự ở hai miền.
3. Công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam phải giải quyết theo cương lĩnh của Mặt trận.
4. Hoà bình thống nhất Việt Nam.)

của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Rồi ông ta đưa ra từng điểm của lập trường đó, bình luận:

Về điểm 1 - Mỹ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Mỹ chỉ tìm cách tạo ra một tình hình trong đó Bắc Việt Nam chung sống với các nước láng giềng ở Đông Nam Á nhưng miền Nam Việt Nam không thể thực hiện được quyền cơ bản đó chừng nào còn có mặt của các lực lượng từ bên ngoài xâm nhập vào miền Nam Việt Nam. Ông ta đòi cùng rút quân.

Về điểm 2 - ông ta muốn bỏ sung vấn đề khôi phục giới tuyến và khu phi quân sự. Ông ta còn nói đến tập kết quân và thả tù binh.

Ông ta đồng ý về điểm 4 - còn điểm 3 thì hơi khác nhau.

Nhưng ông ta thấy tuyên bố của ông Trần Bửu Kiếm trong phiên họp thứ 14 (ngày 26 tháng 4

năm 1969 - Tác giả) nói rằng tổng tuyển cử tự do có thể mở đường cho một cuộc thảo luận bổ ích, và đề nghị Mặt trận nói chuyện với Sài Gòn.

Trước khi nhận xét về phát biểu của Lodge, Xuân Thuỷ nói:

- Trước hết tôi muốn hỏi ông đại sứ rằng đối với cuộc gặp riêng ngày hôm nay, chúng ta có công bố hay không?

C. Lodge :

- Như lần gặp trước chúng ta không công bố bất kỳ điều gì về các cuộc gặp riêng.

Xuân Thuỷ:

- Tuy ông đại sứ nói như vậy nhưng Chính phủ Hoa Kỳ đã công bố về những cuộc gặp riêng như thế này. Ông Nixon ngày 6 tháng 4, ông Roger (Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ - Tác giả) ngày 27 tháng 3 đều nói đến những cuộc gặp riêng này. Như thế là Hoa Kỳ đã không làm đúng những điều ông đại sứ đã nói với chúng tôi.

Xuân Thuỷ nói rằng đó là chỉ để lưu ý phía Mỹ là đã thoả thuận với nhau thì cần làm cho đúng, còn đối với ta, công bố hay không các cuộc gặp riêng cũng được.

C. Lodge ngồi lặng im - Xuân Thuỷ nhận xét về nội dung của điều Lodge nói không có gì mới - và nhắc lại ba điểm đã nói với C. Lodge hôm trước .

Hôm đó Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ cũng có mặt. Ông Thọ nói:

- Từ khi ông Nixon vào Nhà Trắng, ông nói nhiều về hoà bình ... nhưng giải pháp mà ông Nixon muốn tìm vẫn là giải pháp trên thế mạnh.

Tiếp đó Lê Đức Thọ nói đến chủ trương Việt Nam hoá chiến tranh, tăng cường nguy quân, nguy quyền của Mỹ ở miền Nam nhằm thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, và kết luận:

- Những đề nghị của các ông cũng nhằm mục đích đó chứ không nhằm thiết thực giải quyết vấn đề. Do đó đã ba tháng rồi mà Hội nghị Paris vẫn giậm chân tại chỗ.

Đến đây lại nổ ra cuộc tranh luận về nguồn gốc chiến tranh, ai là kẻ xâm lược, vai trò của Chính quyền Sài Gòn, của Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

Sáng hôm sau, vị trưởng đoàn Hoa Kỳ đến phiên họp toàn thể của Hội nghị bốn bên với phong thái dửng dưng xem như chẳng có gì quan trọng trong buổi họp như các kỳ trước. Bỗng dưng ông ta ngồi thẳng dậy và chú ý khi ông Trần Bửu Kiếm đưa ra đề nghị giải pháp mười điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam. Đại diện Mặt trận đọc thông thả từng điểm một, gồm các mặt quân sự, chính trị, đối nội, đối ngoại của miền Nam Việt Nam sau này - và vấn đề thống nhất lại Việt Nam. Đại sứ Mỹ càng chú ý: mười điểm còn nói đến cả việc giải quyết hậu quả chiến tranh và giám sát quốc tế. Ông ta chú ý nhiều đến hai điểm chủ yếu của giải pháp là: Hoa Kỳ phải rút hết không điều kiện và lập Chính phủ Liên hiệp lâm thời để tổ chức tổng tuyển cử... (Ông Lodge đã rõ từ lâu) nhưng khi Trần Bửu Kiếm nói:

"Lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam do các bên miền Nam giải quyết" thì Lodge ghi vội vài dòng vào cuốn sổ của ông ta.

Thực ra đây là vấn đề có ý nghĩa nhất trong giải pháp mười điểm. Đề nghị này mở đường cho Mỹ rút trong danh dự mà vẫn có khả năng giữ được Chính quyền thân Mỹ. Lần đầu tiên Mặt trận đưa ra một giải pháp thực tế tỏ rõ thiện chí muốn có nói chuyện giữa những người Nam Việt Nam để giải quyết không những vấn đề quân sự mà cả vấn đề chính trị...

Giải pháp đó còn quá cao, đòi đuổi cả Mỹ và xoá cả nguy cùng một lúc, nhưng dư luận thấy rõ đó là cơ sở đầu tiên và rõ ràng có thể thúc đẩy cuộc nói chuyện tiến lên.

Cố vấn An ninh Quốc gia của Nhà Trắng, H.Kissinger sau này nhận xét rằng:

"Kế hoạch đó vừa hỗn láo trong lời nói và đơn phương trong nội dung. Tuy vậy, riêng việc tồn tại một kế hoạch hoà bình của cộng sản, mặc dù bản thân nó là một sự bất ngờ đã gây ra ngay lập tức sự phản ứng trong Quốc hội, trong các phương tiện truyền thông và trong dư luận công chúng. Họ gây

sức ép với Chính phủ, đừng bỏ qua cơ hội đó". (H.Kissinger: Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 282.).

Chính quyền Nixon ở trong tình thế bị động.

Trước đó hai tuần Bộ trưởng Xuân Thuỷ đã hỏi Lodge:

- Nếu Chính phủ Nixon đã chuẩn bị một kế hoạch hoà bình quan trọng như ông ta thường nói, tại sao ông ấy không đưa ra công khai kế hoạch đó?

Trước tình hình bị động đó, ngày 14 tháng 5, R.Nixon phải lên truyền hình và đưa ra kế hoạch đầu tiên về giải pháp cho vấn đề Việt Nam.

Trước tiên ông ta nói về thành công trong bốn tháng cầm quyền của ông như thế nào, rồi sau đó đưa ra kế hoạch hoà bình tám điểm. Ông ta nói Mỹ muốn rút quân nhanh chóng ra khỏi Nam Việt Nam, không muốn tìm kiếm căn cứ quân sự, không phản bội lại trách nhiệm của Tổng thống... Nhưng ông ta vẫn đòi hai bên cùng rút số lớn quân trong vòng 12 tháng sau khi có Hiệp định. Ông ta còn tuyên bố một cách trịch thượng rằng "Hoa Kỳ đồng ý để Mặt trận tham gia vào đời sống chính trị ở miền Nam Việt Nam, tham gia vào tổng tuyển cử tự do, có giám sát và kiểm soát quốc tế" (R.Nixon: Thememoirs.fr.Nixon. Sđd, tr39. và Bernard Kalb. Kissinger. (N.Y. Dell, 1975), tr. 59-63.). Tất nhiên ông ta không quên nói đến ngừng bắn, thả tù binh, đến Hội định Genève năm 1954 và 1962... Ông ta cũng không quên đe dọa dùng những biện pháp cứng rắn, nếu Bắc Việt Nam cho sự mềm dẻo của ông là sự suy yếu.

Đề nghị này cũng có những điểm trùng hợp với giải pháp mười điểm của Mặt trận, nhưng thực chất vẫn xem kẻ xâm lược và người bị xâm lược như nhau, vẫn giữ Chính quyền thân Mỹ và giảm nhẹ vai trò của Mặt trận. Do chênh lệch về thời gian giữa Paris và Washington, hôm ấy đoàn ta ở Paris được tin Nixon sẽ đọc diễn văn vào lúc hai giờ sáng 15 tháng 5 (giờ Paris), các cán bộ có trách nhiệm đã được động viên thức để theo dõi. Hơn một giờ sau, đoàn có văn bản đầy đủ để đánh giá và có biện pháp trả lời. Các cây bút phải thức suốt đêm để soạn bài phát biểu của Xuân Thuỷ... mười giờ sáng, khi bắt đầu làm việc ở Kléber, Bộ trưởng đã có một bài phân tích sơ bộ nhưng toàn diện tám điểm của Nixon trước sự ngạc nhiên của Lodge và đoàn Mỹ.

Loại trừ khẩu khí về ngôn từ trong đề nghị của hai bên, lần đầu tiên trên bàn đàm phán có hai kế hoạch giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam.

Hai điểm chủ yếu của Mỹ là: quân miền Bắc rút cùng quân Mỹ - và giữ Chính quyền Sài Gòn.

Còn phía Việt Nam đòi:

- Giữ quân miền Bắc ở lại miền Nam sau khi Mỹ rút.

- Xoá bỏ Chính quyền Sài Gòn.

Đó là hai vấn đề then chốt mà hai bên mặc cả với nhau để đi tới thoả thuận sau này.

Cuộc gặp C.Lodge và Đức Thọ

Khi đó Mỹ đang có ưu thế ở miền Nam Việt Nam, và tất nhiên Mỹ muốn giải quyết vấn đề trên thế mạnh. Phía Việt Nam phải chờ đợi thời cơ. Chúng ta cần có thời gian để khôi phục lại tình thế cách mạng và chiến tranh nhân dân ở miền Nam. Ngay trong vấn đề "Chính phủ liên hiệp" đưa ra trong hoàn cảnh hạ tầng cơ sở của ta tan rã như lúc đó, nếu địch nhận ra thì có thể cũng là một khó khăn cho ta, giống như Chính phủ Hoà hợp Quốc gia lần thứ nhất năm 1957 ở Lào. (chỉ sau một năm tồn tại, phái hữu đã đảo chính bắt giam các đại diện Pathet Lào trong đó có Hoàng thân Suphanuvông).

Tất nhiên Việt Nam phải giữ kín ý đồ của mình, và sử dụng ưu thế về chính trị để tấn công địch trên mặt trận ngoại giao cũng như trong dư luận, phục vụ cho chiến trường. Đợt tấn công ngoại giao tháng 5 năm 1969 đã đạt mục đích mong muốn và có ý nghĩa riêng của nó.

Mỹ cũng nuôi hy vọng ép được Việt Nam trong lúc cách mạng miền Nam có khó khăn trên chiến trường.

Trong giờ nghỉ phiên họp công khai thứ mười chín, ngày 29 tháng 5, e. Lodge xin gặp riêng Lê Đức Thọ vào 31 tháng 5 tại nhà riêng của đoàn Mỹ vào mười giờ ba mươi phút. Ông Thọ đồng ý ngay. Lodge tỏ ra rất mừng.

Vào cuộc họp, đại sứ Mỹ nói ngay ý định của ông là "thăm dò tìm ra cách nào tốt đẹp nhất cho cuộc thảo luận của chúng ta tiến triển".

Xuất phát từ các kế hoạch đã có, ông ta đề ra hai vấn đề cơ bản:

1. Việc rút khỏi miền Nam mọi lực lượng không phải Nam Việt Nam.
- 2- Giải pháp chính trị nội bộ ở miền Nam.

Ngoài ra ông ta còn đề ra một số vấn đề cụ thể khác nữa có thể thảo luận trên cơ sở hai kế hoạch của hai bên. Nhưng ông ta nhấn mạnh là vấn đề quân sự chỉ bàn giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ, còn vấn đề chính trị thì Chính phủ Việt Nam Cộng hoà và Mặt trận nên bàn với nhau. Hai cuộc thảo luận này có thể tiến hành song song.

Hôm đó Lê Đức Thọ cũng nói một số vấn đề khái quát, sau đó phát biểu một số ý kiến về tám điểm của Nixon, và cuối cùng đưa ra một số đề nghị.

Cũng như lần đầu gặp Harriman, vài ý tổng quát của Cố vấn đặc biệt là cả một bài dài về âm mưu của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai: bành trướng thế lực, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc ở Á-Phi-Mỹ Latinh... rồi thất bại của Mỹ ở Trung Quốc, Triều Tiên, Cu Ba, quá trình xâm lược của Mỹ vào Việt Nam đến Tết Mậu Thân, rồi kết luận:

- Các ông đã không thể chiếm được miền Nam Việt Nam bằng quân sự mà phải buông ra, nhưng lại muốn nắm lại miền Nam bằng phương pháp khác. Chủ trương nói trên của các ông thể hiện trong diễn văn ngày 14 tháng 5 của ông Nixon: vẫn duy trì cam kết với nguy quyền Sài Gòn, tăng cường nguy quân, đòi cái gọi là quân miền Bắc rút đi để làm suy yếu Mặt trận Dân tộc Giải phóng, không chấp nhận Chính phủ liên hiệp mà đề Thiệu - Kỳ - Hương đứng ra tổ chức tuyển cử...

- Với tất cả những điều nói trên thì làm sao chúng tôi và Mặt trận có thể chấp nhận được.

Lê Đức Thọ lại nhắc lại những sai lầm của Mỹ và kết thúc bằng câu khẳng định:

- Việt Nam hoá của Mỹ nhất định thất bại.

Về đề nghị mới, ông nói:

- Chúng tôi thấy cần thảo luận mười điểm của Mặt trận và tám điểm của các ông để đi tới một thoả thuận toàn bộ các vấn đề, sau đó đi đến ký kết hiệp nghị ngừng bắn.

C.Lodge liền hỏi ngay:

- Như vậy là có ký kết hiệp nghị ngừng bắn?

Lê Đức Thọ:

- Sau khi thoả thuận giải quyết toàn bộ vấn đề thì đi đến ký kết hiệp nghị ngừng bắn. Sau đó các bên sẽ thi hành tất cả các hiệp nghị được ký kết.

Về cách thức tiến hành thảo luận, ông Thọ đề nghị: Có những vấn đề liên quan đến hai bên, đến ba bên, và có những vấn đề liên quan đến bốn bên.

Hiện nay Mỹ chưa chịu nói chuyện với Mặt trận, còn Mặt trận thì chưa chịu nói chuyện với Chính quyền Sài Gòn, như vậy làm sao mà tiến hành Hội nghị được?

Lê Đức Thọ lại lên án chính quyền Sài Gòn và kết luận Thiệu - Kỳ - Hương là trở ngại lớn nhất cho hoà bình, làm cho Hội nghị chưa tiến triển được. Nếu các ông muốn tiến hành chiến tranh, các ông cũng không thể giữ Thiệu - Kỳ - Hương được. Còn nếu các ông muốn giải quyết vấn đề thì các ông cũng không thể duy trì Chính quyền Thiệu - Kỳ - Hương được.

C. Lodge bào chữa và cải chính những lời lên án của ông Thọ và thúc giục Mặt trận nên nói

chuyện với Chính quyền Sài Gòn. Ông cũng đề nghị bốn bên gặp riêng, và trong các cuộc gặp riêng đó ai muốn nêu vấn đề gì thì nêu. Ông nói rằng Hoa Kỳ không phải người tạo nên những ông vua, nhưng bàn các vấn đề chính trị miền Nam Việt Nam thì Chính quyền Sài Gòn phải là một bên trong cuộc thảo luận đó.

Lê Đức Thọ nói lại:

- Giữ Thiệu - Kỳ - Hương là một sai lầm lớn của Mỹ. Còn những vấn đề thảo luận giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không phải chỉ thảo luận những vấn đề liên quan đến hai bên mà phải dựa trên cơ sở giải pháp mười điểm của Mặt trận mà thảo luận.

C. Lodge cho đó là ta đặt ra điều kiện mới nhưng cũng đồng ý là hai bên nghiên cứu quan điểm của nhau và sẽ gặp lại.

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam: Người đối thoại mới.

Ngày 8 tháng 6 năm 1969, Tổng thống Nixon gặp Nguyễn Văn Thiệu giữa Thái Bình Dương, không phải chỉ ở đảo Hawaii như Johnson đã làm mà ở đảo Midway, xa đất liền Mỹ đang sôi sục các cuộc biểu tình phản chiến. Mục đích là động viên Thiệu chấp nhận đợt rút đầu 25.000 quân Mỹ trong kế hoạch Việt Nam hoá chiến tranh. Nixon rất hài lòng với thái độ biết điều của Thiệu và coi đó là một thắng lợi chính trị.

Không ngờ cũng trong thời gian đó, từ 6 đến 8 tháng 6 - sự trùng hợp ngẫu nhiên mà chua chát - tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành vùng giải phóng Tây Ninh, một địa điểm không xa Sài Gòn, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình Việt Nam ở miền Nam cùng các lực lượng yêu nước khác họp Đại hội Đại biểu quốc dân miền Nam để xem xét tình hình chống Mỹ - Thiệu và nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam do Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch, và Hội đồng Cố vấn Chính phủ do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Đại hội ra lời hiệu triệu quân và dân miền Nam tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà. Chính phủ Cách mạng Lâm thời vạch chương trình hành động mười hai điểm và các mặt đối nội và đối ngoại, trong đó đáng chú ý là tinh thần hoà hợp dân tộc và đề nghị thành lập một Chính phủ liên hiệp dân tộc rộng rãi.

Việc thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đánh dấu bước tiến mạnh mẽ của cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta, đồng thời biểu thị quyết tâm của nhân dân Việt Nam đánh bại kế hoạch "Việt Nam hoá chiến tranh" của Nixon. Nó tạo ra tình hình mới sẽ gắn với các cuộc thương lượng ở Paris cho đến ngày kết thúc, thậm chí trở thành một vấn đề gay go hàng đầu trong thương lượng: sự xuất hiện hình thái hai Chính quyền song song tồn tại ở miền Nam Việt Nam. Không có gì đáng ngạc nhiên là ngay trong tháng 6 năm 1969, hai mươi ba nước đã công nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong đó hai mươi một nước đặt quan hệ ngoại giao.

Chính phủ Cách mạng Lâm thời trở thành người đối thoại thật sự của Mỹ dù họ muốn hay không. Cuộc thương lượng chịu sự tác động của một yếu tố mới: học thuyết mà Nixon đã khởi xướng tại Guam tháng 7 năm 1969 và được hoàn thiện đầu năm 1970 làm phương hướng cho chính sách châu Á mới của Mỹ sau chiến tranh Việt Nam. Sau khi tuyên bố rút 25.000 quân Mỹ tại Midway, Nixon nói sẽ tiếp tục rút nữa dựa trên cơ sở ba tiêu chuẩn: tiến bộ trong việc huấn luyện và trang bị lực lượng vũ trang Sài Gòn, tiến bộ của các cuộc thương lượng ở Paris và mức độ hoạt động quân sự của địch.

Như vậy vấn đề rút quân Mỹ gắn với thái độ thương lượng của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời và với khả năng chiến đấu của Quân đội Sài Gòn sau khi Mỹ rút quân. Có thể nói kế hoạch "Việt Nam hoá chiến tranh" là việc thử nghiệm đầu tiên học thuyết Nixon trong chiến tranh Việt Nam.

Những tháng đầu vào Nhà Trắng, Nixon cho rằng chính sách Việt Nam của ông ta muốn đạt tới kết quả cần phải kết hợp sức ép quân sự với sức ép công khai và sức ép của ngoại giao. Kể ra đó cũng là cách suy nghĩ và hành động của Tổng thống Johnson trước đây. Đối với Nixon, sức ép quân sự đây là các cuộc ném bom bí mật bằng B52 xuống Campuchia để đánh thẳng vào "đất thánh". Sức ép ngoại giao đây là lợi dụng nhu cầu cải thiện quan hệ với Mỹ của Liên Xô để thúc ép Liên Xô cắt viện trợ quân sự cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 30 tháng 4 năm 1969, đại sứ Liên Xô ở Hà Nội, I.Secbacôp gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng chuyển những ý kiến mà Nixon và Kissinger đã nói với đại sứ Liên Xô Đôbrinin ở Washington:

- Nixon muốn tìm ra một giải pháp danh dự có thể chấp nhận được nhưng Nixon không chấp nhận những điều kiện có tính chất đầu hàng. Nixon cố gắng một lần nữa, nếu thất bại thì tìm cách khác.

- Nixon đề nghị hai bên gặp nhau ở Matxcova và sẵn sàng tiếp đại diện Việt Nam ở Washington, thảo luận trong vòng hai tháng và mong đạt được những thoả thuận về những nét chung của một giải pháp.

Nixon nêu hai vấn đề cụ thể:

- Cùng rút quân trên nguyên tắc bình đẳng và đình chỉ chiến sự.

- Về chính trị, bảo đảm cho Mặt trận không bị chèn ép và có quyền tham gia vào đời sống chính trị và xã hội của đất nước đòi lấy việc Mặt trận và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ bỏ việc dùng sức mạnh. Miền Nam sẽ độc lập, tự chủ trong năm năm, sau đó sẽ không phản đối thống nhất Việt Nam. (Kissinger nói thêm: năm năm hay là thời hạn khác là vấn đề có thể thảo luận) (Kissinger: Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 278.).

Hoa Kỳ mong muốn đạt được thoả thuận trước tháng 8. Hoa Kỳ không thể dùng bạo lực để thay đổi những thủ lĩnh hiện nay ở Sài Gòn và thành lập Chính phủ liên hiệp với sự tham gia của Mặt trận. Nhưng nếu Mặt trận tham gia Chính phủ qua bầu cử thì Hoa Kỳ không phản đối.

Tóm lại Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận con đường chính trị mà sau thời gian nào đó miền Nam Việt Nam tự mình lựa chọn.

Kissinger đề nghị giữ bí mật không để cho Sài Gòn biết nếu không thì Hoa Kỳ buộc phải hoàn toàn phủ nhận.

Lúc này Liên Xô và Mỹ đã thoả thuận bắt đầu mở cuộc đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược (SALT). Ông C.Vance, sau khi rời Hội nghị Paris đã trở thành Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ. Ông được giao nhiệm vụ đi Matxcova đòi Liên Xô "gắn việc mở đầu cuộc nói chuyện về SALT với giải pháp tổng quát về Việt Nam" như Kissinger đã nói (Xem thêm: Kissinger, ở Nhà Trắng, Sdd, tr. 278-279.).

Việc Nixon phải chịu đơn phương rút quân Mỹ bất kể vì động cơ ban đầu nào cũng thật sự mở đầu một quá trình không thể đảo ngược được và chứng tỏ ông không có con đường nào khác là đi theo chính sách phi Mỹ hoá chiến tranh của Tổng thống tiền nhiệm. Ông ta đã có nhiều sáng kiến, mở nhiều con đường, nhưng vẫn chưa thấy tín hiệu nào về phía Việt Nam nên càng sốt ruột. Những người Việt Nam, những nạn nhân trực tiếp của cuộc xâm lược của Mỹ, làm sao có thể tin dễ dàng khi Mỹ vẫn muốn duy trì Chính quyền tay sai sau khi rút quân Mỹ, làm sao họ có thể chấp nhận kiểu đàm phán trên thế mạnh, chưa đưa đề nghị đã tung lời đe dọa?

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ký Hiệp nghị Genève về Đông Dương, ngày 17 tháng 7 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố.

“Nhân dân Việt Nam quyết đòi tất cả quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ phải rút hết sạch, chứ không phải chỉ rút 25.000 hoặc 250.000 hay là 500.000, mà phải rút hết toàn bộ không điều kiện. Chỉ có như thế giới lấy lại được danh dự của nước Mỹ và tránh cho hàng vạn thanh niên Mỹ tiếp tục phải chết một cách vô ích ở miền Nam Việt Nam, tránh cho hàng chục vạn gia đình Mỹ khỏi bị tang tóc đau thương”. (Hồ Chí Minh tuyển tập, Tập II. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1980, tr. 537-538.).

Nixon còn nghĩ đến mở một con đường tiếp xúc với Hà Nội, chính là con đường Kissinger - Lê Đức Thọ sẽ kéo dài đến khi Hiệp định về Việt Nam được ký kết.

Tháng 12 năm 1968, khi còn là Tổng thống đắc cử, ông Nixon đã chọn Henry Kissinger làm Cố vấn đặc biệt về An ninh Quốc gia của Nhà Trắng. Kissinger đã dạy tại trường Đại học Havard, còn là nhà ngoại giao có tài, hiểu sâu về vấn đề Việt Nam

Kissinger đã cải chính việc ông ta lấy C. Metternich (1773- 1859), nhà hoạt động chính trị áo nổi tiếng thế kỷ XIX - Tác giả) làm kiểu mẫu cho sự nghiệp của ông, "nhưng việc sử dụng giống như vậy của sự xảo trá và lừa dối, việc thao túng một cách vô lương tâm con người và sự kiện, việc dùng

bạo lực và việc dựa vào sự bí mật là những bằng chứng rõ ràng" (Marvin Kalb và Bernard Kalb. Kissinger. (N. Y. Dell, 1975), tr. 59-63).

Khi chưa chính thức nhậm chức, ngày 22 tháng 12 năm 1968, Kissinger đã gặp R.Aubrac, người bạn cũ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để nói lên quan điểm của ông ta về vấn đề Việt Nam. (Aubrac cho biết Kissinger nói với ông ta hôm 20 tháng 12 tại một khách sạn).

Aubrac đã nói lại với Mai Văn Bộ, đại diện Việt Nam ở Pháp:

"1 - Chúng tôi (tức Hoa Kỳ - Tác giả) sẵn sàng nói chuyện rất nghiêm chỉnh với họ.

2 - Chúng tôi cho rằng trước hết nên đi vào thoả thuận trên nguyên tắc về một mục tiêu cấp bách thì có hiệu quả hơn là đi vào một chương trình nghị sự phức tạp, tuy nhiên chúng tôi sẵn sàng đi vào chương trình nghị sự nếu cần.

3 - Chúng tôi không có ý định làm xấu họ, chúng tôi thấy rằng bất cứ một giải pháp nào cũng đều chú ý đến sự tôn trọng và tinh thần anh dũng của họ.

4 - Chúng tôi mong rằng họ cũng tỏ thái độ tương tự như vậy đối với chúng tôi và họ sẽ thấy ông Nixon trong khi kiên quyết có một quan điểm mới về vấn đề này thì cũng đồng thời kiên quyết đi vào một giải pháp danh dự.

5 - Với tinh thần đó, nếu họ muốn thông báo cho chúng tôi một số ý kiến chung của họ thì chúng tôi sẽ nghiên cứu với thái độ xây dựng và triệt để bí mật. Chúng tôi mong họ có thái độ như vậy."

Ngày 31 tháng 12 năm 1968, Mai Văn Bộ đọc cho Aubrac trả lời của Hà Nội:

"1 - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến Paris với thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí - Hoa Kỳ cũng phải nghiêm chỉnh và thiện chí.

2 - Cơ sở để giải quyết vấn đề (Việt Nam) là lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và năm điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng trong việc tìm giải pháp hoà bình.

3 - Hội nghị bốn bên có họp được mới có thể thảo luận về những vấn đề thực chất tiến tới một giải pháp hoà bình - Nếu Mỹ muốn thông báo thêm ý kiến chung và cụ thể, Việt Nam sẵn sàng nghiên cứu" ((H.Kissinger đã viết không hoàn toàn chính xác lời của R.Aubrac chuyển cho Mai Văn Bộ- và trả lời của Mai Văn Bộ. Xem H.Kissinger, Sdd, tr.269).

Bốn hôm sau, Aubrac lại đọc cho Mai Văn Bộ ý kiến của Mỹ:

"1 - Chính quyền Nixon sẵn sàng thương lượng nghiêm chỉnh và có thiện chí.

2 - Chính quyền Nixon trình trọng khẳng định sẵn sàng rút quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, xem đó là bộ phận của một giải pháp danh dự. Giải pháp đó bao gồm cả việc rút quân miền Bắc Việt Nam.

3 - Chúng tôi tin rằng sự tiến bộ là tùy thuộc vào những đề nghị cụ thể thực hiện một nền hoà bình trong danh dự.

4 - Chúng tôi khẳng định lại chúng tôi sẵn sàng xem xét những ý kiến của Hà Nội một cách thận trọng, thiện chí và hoàn toàn bí mật."

Aubrac nói:

- Kissinger bình luận thêm như sau: Thời gian bắt đầu của một Chính quyền là một dịp tốt hiếm có để làm những việc mà sau đó có thể khó khăn.

Con đường Aubrac vẫn được sử dụng cho đến sau khi Nixon đưa ra tám điểm ngày 14 tháng 5 năm 1969. Tháng 6, ông Aubrac lúc đó là một quan chức của Tổ chức Lương nông của Liên Hợp Quốc (FAO) - đi công tác ở Lào. Ngày 14 tháng 6 ông đến sứ quán Việt Nam ở Viêng Chăn dự định sang Hà Nội gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhưng lúc này Chủ tịch đã mệt không tiếp ông được. Ông đã

thông báo cho ông Nguyễn Chân, đại biện Việt Nam ở Lào, những điểm mà

Kissinger đã nói cho ông biết hôm 22 tháng 5 như sau:

“1 - Tổng thống muốn nhắc lại lòng tin tưởng của ông rằng một nền hoà bình công bằng có thể thương lượng được.

2 - Tổng thống muốn khai thác nhiều con đường khác ngoài khuôn khổ hiện nay của cuộc thương lượng. Thí dụ nếu có thể, các nhà thương lượng Hoa Kỳ và Việt Nam gặp nhau ngoài khuôn khổ Paris để thảo luận những nguyên tắc chung của một giải pháp. Nếu các nhà thương lượng đặc biệt của Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể đạt tới thoả thuận về nguyên tắc thì những cuộc thương lượng về kỹ thuật cuối cùng có thể trở lại Paris

3 - Chính phủ Hoa Kỳ tin rằng tất cả các bên liên quan đang ở ngã ba đường và những biện pháp đặc biệt là cần thiết để đảo ngược chiều hướng chiến tranh.” (Xem thêm: R.Nixon, Thememoirs fr.Nixon Sdd, tr. 391.)

Dưới thời Johnson, Washington đã dùng con đường Pháp để tiếp xúc với Việt Nam qua ông Jean Sainteny, người rất quen biết ở Việt Nam từ 1946 và năm 1966 đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Lần này, Nixon gặp Sainteny (16 tháng 7 năm 1969) nhờ trao thư cho Hồ Chủ tịch và yêu cầu ông ta nói thêm rằng nếu từ nay đến 1 tháng 11 là hạn cuối cùng không có sự khai thông nào trong thương lượng, Mỹ sẽ dùng những biện pháp gây hậu quả lớn, những biện pháp mạnh mẽ.

Ngày 19 tháng 7, Sainteny gặp Bộ trưởng Xuân Thuỷ chuyển thư của Nixon gửi Hồ Chủ tịch. Thư của Tổng thống Hoa Kỳ không đề ngày tháng, nhưng ông cho biết thư này gửi ngày 18 tháng 7 năm 1969.

Bức thư viết:

“Thưa Chủ tịch!

Tôi biết rằng khó có thể thông cảm với nhau một cách có ý nghĩa qua cái hố của bốn năm chiến tranh. Nhưng chính vì cái hố đó mà tôi muốn nhân dịp này khẳng định lại một cách hết sức trịnh trọng ý muốn của tôi làm việc cho một nền hoà bình chân chính”.

Thư nhắc lại đề nghị trong diễn văn ngày 14 tháng 5 của Nixon mà ông ta cho là "thích đáng cho các bên" và cũng nói đến “sẵn sàng thảo luận cả những kế hoạch khác", đặc biệt là mười điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

Bức thư kết luận:

“Đã đến lúc phải đưa bàn Hội nghị đến một giải pháp nhanh chóng cho cuộc chiến tranh bi thảm này. Ngài sẽ thấy chúng tôi sẵn sàng và cởi mở trong một nỗ lực chung để đem lại những lợi ích của một nền hoà bình cho nhân dân Việt Nam anh dũng. Hãy để cho lịch sử ghi lại rằng trong giai đoạn quyết liệt này hai bên đã hướng về phía hoà bình chứ không phải hướng về gây hấn và chiến tranh”

Ngày 25 tháng 8, Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời:

“Mỹ vẫn kéo dài chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam... gây nhiều tội ác với nhân dân miền Nam Việt Nam và làm cho nước Mỹ càng hao người tốn của. Tôi công phần về những tổn thất và tàn phá do quân Mỹ gây ra cho nhân dân và đất nước chúng tôi. Tôi cũng rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam”

Hồ Chủ tịch nói Kế hoạch mười điểm của Mặt trận là cơ sở logic và hợp lý để giải quyết vấn đề Việt Nam.

“Muốn có hoà bình, Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và của dân tộc Việt Nam. Đó là con đường để Mỹ rút khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự”.

Người kết luận:

“Với thiện chí của phía ngài và phía chúng tôi, chúng ta có thể đi tới những cố gắng chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam”.

Đây cũng là văn kiện đối ngoại cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG IV - VIỆT NAM HOÁ VÀ THƯƠNG LƯỢNG

Một diễn đàn mới

Trong cuộc gặp gỡ tháng 7 với Xuân Thuỷ, J.Sainteny nói rằng Tổng thống Mỹ nhờ ông hai việc. Thứ nhất là chuyển thư của Nixon gửi Hồ Chủ tịch, ông đã làm xong; việc này chỉ có ba người biết và bây giờ có thêm Xuân Thuỷ nữa. Phó Tổng thống Agnew và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ cũng không biết. C. Lodge, trưởng đoàn Mỹ ở Hội nghị Paris cũng không biết. Thứ hai là bố trí cho H.Kissinger gặp Xuân Thuỷ. Ông J. Sainteny đề nghị cuộc gặp giữa hai người sẽ vào ngày 4 tháng 8, hôm đó Kissinger sẽ từ Lon don đến. J.Sainteny còn sẵn sàng dành nhà riêng của ông ta cho cuộc tiếp xúc đó.

Bộ trưởng Xuân Thuỷ đồng ý.

Cũng trong tháng 7 này, toàn thế giới nín thở nhìn Neil Amstrong, con người đầu tiên của Trái Đất, từ con tàu Apollo XI đặt bước chân đầu tiên xuống bề mặt Mặt Trăng. Ngày 23 tháng 7, Nixon đi tới Nam Thái Bình Dương để đón Amstrong đổ bộ xuống biển. Đây là cơ hội tốt để ông đi thăm một loạt nước: Guam, Philippin, Indônêxia, Thái Lan, miền Nam Việt Nam, Ấn Độ, Pakistan, Rumania và Anh. Trong dịp này, Kissinger sẽ bí mật qua Paris để gặp Bộ trưởng Xuân Thuỷ.

Cuộc gặp diễn ra tại nhà riêng của ông Sainteny, số 204 phố Rivoli. Chiều hôm đó, Kissinger cùng đi với Anthony La ke, người phụ tá thân cận, và tướng Vernon Walters, tùy viên quân sự của Mỹ, Xuân Thuỷ đi cùng Mai Văn Bộ và Nguyễn Đình Phương. Đây là lần đầu tiên Kissinger gặp Xuân Thuỷ. Ông ta chưa gặp Xuân Thuỷ nhưng cũng đã nghe tiếng.

Ngay trong lần gặp đầu, cũng như sau này, Kissinger thấy sự đàng hoàng và sự tự tin của ông Xuân Thuỷ cũng như ông Lê Đức Thọ và các đồng chí khác của các ông đã gây ấn tượng sâu sắc đến ông ta. Họ là những người đánh du kích, sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài thất thường, chỉ xảy ra trong khuôn khổ những lần đấu tranh của họ. Mặc dầu vậy “khi họ đối diện với người đại diện của cường quốc hùng mạnh nhất thế giới, họ tỏ ra tinh tế, kỷ luật và kiên nhẫn biết bao” (H.Kissinger Sdd, tr. 292.). Ít nhất khi tiếp xúc với các chiến sĩ Việt Nam, ông Kissinger đã thấy phẩm chất khác thường của họ làm cho người đại diện của cường quốc hùng mạnh nhất thế giới phải kiêng nể?

Vào câu chuyện, Kissinger hoan nghênh cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa hai bên như thế này. Nhìn Mai Văn Bộ hôm ấy làm phiên dịch cho Xuân Thuỷ, ông nói đã biết Mai Văn Bộ từ năm 1967 và rất tiếc khi đó tìm mọi cách mà không gặp được vì ông ta có mang theo thông điệp của Johnson. Ông nhắc lại quá trình theo dõi của ông ta về vấn đề Việt Nam và biết tinh thần dũng cảm và phẩm giá của nhân dân Việt Nam. Ông ta nói rằng trong bất cứ cuộc thảo luận nào giữa hai bên đều được phía Mỹ tiến hành với sự kính trọng tinh thần dũng cảm và phẩm giá của nhân dân Việt Nam. Ông ta hỏi là đã có thư trả lời cho bức thư của Nixon chưa?

Xuân Thuỷ:

- Chúng tôi đã được ông Sainteny chuyển bức thư không đề ngày tháng của Tổng thống Nixon gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bức thư đó đã được chuyển về Hà Nội.

Kissinger:

- Đó là lẽ lỗi làm việc quan liêu của Hoa Kỳ, không đề ngày tháng vào bức thư của Tổng thống. Tôi không biết lý do vì sao như vậy Nhưng ngày của bức thư đó là ba ngày trước khi bức thư đó được chuyển đến các ngài.

Tiếp đó Kissinger bắt đầu nói về một số vấn đề mà Tổng thống Nixon yêu cầu ông ta thông báo lại cho ta. Ông ta nói rằng ở Washington người ta đọc rất kỹ tất cả những lời phát biểu của Xuân Thuỷ, nhưng "chúng tôi khó mà đánh giá là các ngài làm như vậy chỉ để đạt mục đích tâm lý hay các ngài thành thật nghĩ như vậy".

Sau khi nhắc lại Mỹ có thiện chí và thành thật muốn hoà bình, ông nói: Đến tháng 11 này thì cuộc đàm phán đã được một năm (ý ông ta muốn nói thoả mái chấm dứt ném bom miền Bắc - Tác giả). Trong thời gian đó, Hoa Kỳ đã làm những việc đơn phương rất có ý nghĩa: ngừng tăng quân, ngừng ném bom bộ phận rồi chấm dứt ném bom hoàn toàn, rút 25.000 quân chiến đấu Mỹ, đã tuyên bố chấp nhận kết quả bầu cử tự do ở miền Nam. Rồi ông ta phàn nàn: Hầu như chưa có đáp ứng có ý nghĩa nào. Ở cấp cao nhất có thể được và hết sức thành thật, Hoa Kỳ định có một cố gắng nữa để giải quyết cuộc tranh chấp này trên một cơ sở đúng đắn ... vào thời gian chấm dứt ném bom cách đây một năm, ngày 1 tháng 11.

Rồi ông ta xin phép đọc trả lời những điểm mà phía Việt Nam đã nêu lên nhiều lần, câu trả lời

đã được đích thân Tổng thống thông qua:

- Hoa Kỳ sẵn sàng rút tất cả lực lượng của Mỹ không trừ một loại nào ra khỏi Việt Nam, xem đó như là một bộ phận của chương trình rút các lực lượng ngoại nhập.

"Tôi nói điều này hoàn toàn không có một sự bảo lưu nào".

- Hoa Kỳ không có ý định duy trì một căn cứ nào trên lãnh thổ Việt Nam.

"Điều này cũng hoàn toàn không có sự bảo lưu nào".

- Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận bất kỳ kết quả nào của một quá trình chính trị tự do.

Ông ta đưa ra một số ý kiến về quá trình chính trị đó:

- Quá trình chính trị hợp lý phải ghi nhận tương quan lực lượng hiện có... Không bên nào có thể đòi bên kia chấp nhận một cương lĩnh chính trị trên cơ sở những đề nghị tỏ ra bên kia thất bại mà không có sự phản đối ... Chúng tôi không đòi hỏi các ngài phải giải tán các lực lượng cộng sản, các ngài cũng không được đòi hỏi chúng tôi phải giải tán lực lượng không phải cộng sản.

Ông cũng nhắc lại sẵn sàng thảo luận mười điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng và các điểm khác của Mỹ. Ông ta cho Bộ trưởng Xuân Thủy biết rằng để chứng tỏ thiện chí của Hoa Kỳ, từ nay đến ngày 1 tháng 11, Mỹ sẽ rút thêm một số quân nữa khỏi miền Nam, phần nào nhiều hơn số lượng lần trước... sẽ giảm bớt mười phần trăm số phi vụ của máy bay B52 và hoạt động của máy bay chiến thuật.

Ông ta tiếp:

- Để làm cho cuộc đàm phán được nhanh chóng, Tổng thống Hoa Kỳ sẵn sàng mở thêm một con đường tiếp xúc nữa với Việt Nam ... cử một phái viên cao cấp có thẩm quyền để đàm phán đi đến kết quả... Nếu cuộc đàm phán này có được thì Hoa Kỳ sẽ điều chỉnh các hoạt động quân sự để tạo ra một hoàn cảnh thuận lợi nhất để đi đến một giải pháp.

Người ta hiểu người phái viên cao cấp có thẩm quyền đó không phải ai khác mà chính là Kissinger. Ông ta nói tiếp:

- "Tổng thống cũng yêu cầu tôi nói với các ngài một cách hết sức trân trọng là nếu đến 1 tháng 11 không có sự tiến bộ quan trọng nào để đi đến một giải pháp thì chúng tôi buộc phải tiến hành một cách hết sức miễn cưỡng những biện pháp có hiệu quả lớn lao".

Ông Kissinger cải chính rằng cuộc chiến tranh này không phải là cuộc chiến tranh của Nixon vì nếu cuộc chiến tranh là của ông Nixon thì ông ta không thể tự cho phép mình không thắng trong cuộc chiến tranh đó.

Ông ta không quên phàn nàn về đặc điểm các cuộc tiếp xúc giữa hai bên ở Hội nghị Paris và cho rằng Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận tình trạng đó quá thời hạn mà ông ta đã nói ở trên.

Xuân Thủy hỏi rõ thêm một số vấn đề như ý nghĩa và mối liên quan giữa việc rút thêm quân và giải quyết tất cả các vấn đề từ nay đến 1 tháng 11, vấn đề diễn đàn mới ngoài Kléber. Ông Cố vấn Nhà trắng giải thích thêm và nói rõ về điểm sau cùng này như sau:

Ông sẵn sàng đến Paris hoặc một nơi nào khác thuận tiện vào những ngày cuối tuần để thảo luận với Xuân Thủy hoặc một người nào khác, chẳng hạn Bộ trưởng Ngoại giao hoặc Thủ tướng của Việt Nam, miễn là có sự bảo đảm rằng các cuộc gặp gỡ đó dẫn đến một giải pháp nhanh chóng và giải quyết những vấn đề quan trọng nhất. Ông ta nhấn mạnh "Việc tôi tham gia là bí mật".

Xuân Thủy nói tóm tắt quá trình can thiệp và xâm lược của Mỹ, truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc qua các thời kỳ lịch sử, mục tiêu đấu tranh của ta hiện nay, giải pháp mười điểm của Mặt trận và thái độ của Việt Nam đối với Lào và Campuchia. Đồng chí nhấn mạnh: Mỹ phải rút quân, từ bỏ Thiệu- Kỳ-Hương, lập Chính phủ liên hiệp.

Kissinger ngắt lời Xuân Thủy:

- Chúng tôi sẵn sàng thảo luận giải pháp mười điểm nhưng chúng tôi không sẵn sàng thảo luận bất cứ giải pháp nào với tính chất như một học sinh đi thi phải hỏi vấn đáp về Thập Điều, chúng tôi

cho rằng mười điểm là mười điểm chứ không phải là mười điều lệnh. Về vấn đề rút quân Hoa Kỳ không điều kiện ... ngài cũng như chúng tôi đều biết rằng cần phải có sự có đi có lại để thiết lập một mối tương quan lực lượng trong trường hợp có sự rút quân đó.

Bộ trưởng Xuân Thuỷ nhắc lại việc rút quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ là không điều kiện. Còn lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam do các bên miền Nam Việt Nam giải quyết với nhau.

Nhắc đến tám điểm của Nixon, Xuân Thuỷ nói:

- Chúng tôi phải đặt câu hỏi tại sao Mỹ đưa quân đến nhanh được mà lại không rút nhanh được?

Tại sao các ngài không đề ra năm hoặc sáu tháng rút hết quân Mỹ khỏi miền Nam?

Kissinger:

- Tôi xin trả lời ngay, hay đợi ngài nói hết?

Xuân Thuỷ:

- Tôi xin nói hết đã. Mỹ nói rút 25.000 quân - 25.000 so với 540.000 quân Mỹ không có nghĩa lý gì. Dù nay mai Mỹ có rút thêm phần nào lớn hơn 25.000 quân nữa thì cũng không có nghĩa lý gì. Chính sách của các ngài là chính sách rút quân nhỏ giọt, kéo dài sự chiếm đóng quân sự của các ngài ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi nghi ngờ thiện chí của các ngài. Vấn đề thứ hai là chế độ ở miền Nam, Chính quyền ở miền Nam, tuyển cử ở miền Nam, ông Nixon chỉ nói phớt qua nhưng vấn đề quan trọng là ai đứng ra tổ chức tuyển cử. Tổng thống Nixon nói Chính quyền Sài Gòn hiện nay là hợp hiến, hợp pháp và tán thành đề nghị tuyển cử của Nguyễn Văn Thiệu. Nếu chúng ta ngồi ở đây nói chuyện với nhau một cách thẳng thắn và thực tế thì chúng ta không nên nói như thế, bởi vì cái hợp hiến, hợp pháp của Chính quyền đó như thế nào thì nhân dân Việt Nam, nhân dân thế giới đều biết.

Xuân Thuỷ tiếp tục lên án Thiệu-Kỳ-Hương là phát xít, không muốn hoà bình. Nếu Mỹ cứ duy trì Chính quyền đó thì không giải quyết được vấn đề - và đòi thay đổi con người và chính sách của Chính quyền đó.

- Chính quyền Sài Gòn còn lại - chúng tôi cũng thừa nhận nó là một thực tế, nhưng phải có một Chính phủ liên hiệp lâm thời ba thành phần đứng ra tổ chức bầu cử mới là hợp tình hợp lý...

Kissinger hỏi về những điểm khác so với những điều đã nói tại chỗ Kléber. Xuân Thuỷ nói:

- Điều khác hôm nay là tôi đã nói rõ với ngài về rút quân thế nào, thứ hai là Chính phủ liên hiệp lâm thời là thế nào, thành phần nó ra sao, nó không phải hoàn toàn của Chính phủ Cách mạng Lâm thời mà là nhiều thành phần: một bên là Chính phủ Cách mạng Lâm thời, một bên là phần còn lại của Chính quyền Sài Gòn sau khi đã thay đổi Thiệu-Kỳ-Hương và thay đổi chính sách tán thành hoà bình, độc lập, trung lập, dân chủ, hai bên sẽ thương lượng với nhau cùng với những người khác tán thành hoà bình, độc lập, trung lập, dân chủ để thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời.

Kissinger nhắc lại về vấn đề rút quân là kết quả của một giải pháp:

- "Các ngài có thể điều chỉnh tốc độ rút quân của chúng tôi bằng tốc độ rút quân của các ngài. Nếu các ngài không muốn xem lực lượng Mỹ và lực lượng của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà như nhau thì chúng ta có thể thảo luận một phương thức khác trong đó vẫn giữ được sự khác nhau".

Ông ta nhắc lại Hoa Kỳ sẽ không thay Thiệu hoặc Kỳ hoặc Hương, cũng như không đòi thay đổi người lãnh đạo nào đó của Chính phủ Cách mạng Lâm thời, rồi ông nói rằng không có ý định giành ở bàn Hội nghị lợi thế nào cả mà Hoa Kỳ không thực hiện được trong chiến tranh, không có ý định làm nhục ai cả.

So sánh hai vấn đề quân sự và chính trị, Kissinger cho rằng phía Việt Nam cho Mỹ nói chưa thật chính xác về vấn đề rút quân, còn phía Mỹ lại cho rằng Việt Nam quá chính xác về vấn đề chính trị. Rồi ông kêu gọi đi vào vấn đề chứ không nói về các điểm nữa nếu muốn hoàn thành công việc vào 1 tháng 11.

Kissinger thừa nhận vấn đề chính trị là phức tạp hơn nhiều nhưng bây giờ chưa phải là lúc thảo luận. Ông ta nói rằng không thể đánh lừa ta đi vào một giải pháp không phù hợp và Hoa Kỳ cũng không chấp nhận một giải pháp mất thể diện.

Cuộc tranh luận còn kéo dài thêm, nhưng cuối cùng chấm dứt với sự thoả thuận giữ bí mật cuộc nói chuyện và có gì mới sẽ thông báo cho nhau. Theo yêu cầu của Việt Nam, ông ta để lại địa chỉ của tướng V.Walters để ta liên hệ. Phía ta giới thiệu Mai Văn Bộ.

Kissinger xin rút lui trước để ra sân bay đi Bỉ, nhưng Xuân Thuỷ và Mai Văn Bộ đã đứng dậy bắt tay những người đối thoại của mình và bước ra trước. Đây là lần đầu tiên đại diện có thẩm quyền cao nhất của Tổng thống Nixon chính thức trình bày quan điểm của họ một cách rõ ràng đồng thời đây là một cuộc thăm dò có ý nghĩa chiến lược mà Mỹ tiến hành trong lúc ta gặp khó khăn.

Cuộc gặp đầu tiên Xuân Thuỷ - Kissinger đã giúp hai bên trình bày quan điểm của mình. Điều quan trọng hơn là nó đã mở ra một diễn đàn mới, song song với diễn đàn Kléber, vạch con đường để đi tới một giải pháp cho vấn đề Việt Nam.

Đánh vào “đất thánh” Campuchia

Từ mùa hè đến cuối năm 1969, trên chiến trường miền Nam nhân dân ta tiếp tục gặp khó khăn. Hoạt động quân sự giảm, chủ yếu là pháo kích vào một số căn cứ địch, đợt mạnh nhất là vào tháng 11 nhưng ít kết quả. Trong khi đó "ở khu V, vùng giải phóng ở đồng bằng và giáp ranh bị thu hẹp". Ở Nam Bộ, đến cuối năm 1969 địch đã lấn và chiếm gần hết vùng giải phóng của ta ở nông thôn đồng bằng Nam Bộ. Địch tăng tỷ lệ quân cơ động tại chỗ và lực lượng tổng dự bị chiến lược lên hơn hai lần... Hình thái cuộc chiến tranh đang xấu đi theo chiều hướng bất lợi cho cách mạng và chiến tranh cách mạng... Lịch sử đi vào một khúc quanh co (Đại tướng Văn Tiến Dũng. Toàn thắng Sđd, tr. 47-48.).

Trên toàn chiến trường địch lập 5800 ấp chiến lược, đóng 6964 đồn bắt kiểm soát 10.000.000 dân. Vùng giải phóng và làm chủ của ta từ 7.700.000 dân đầu năm 1968 nay tụt xuống còn 4.700.000 dân. Địch còn tăng cường đánh phá rất ác liệt các tuyến vận tải Bắc - Nam hòng cắt đứt việc tiếp tế hậu cần cho miền Nam (Lịch sử kháng chiến chống Mỹ. Tập II, tr. 40.)

Giữa lúc đó thì Hồ Chủ tịch qua đời, để lại di chúc thiêng liêng:

“Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa nhưng nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là điều chắc chắn”.

Những lời tâm huyết đó không chỉ là niềm tin mà còn là tâm tư của Người lúc ra đi khi miền Nam còn gặp khó khăn.

Mỹ nuôi nhiều hy vọng. Họ tích cực tìm thắng lợi trên chiến trường. Trong cuộc gặp gỡ với Xuân Thuỷ hôm 18 tháng 7, C. Lodge nói: .

- “Chúng tôi nhận thấy các hoạt động quân sự và thâm nhập vào miền Nam Việt Nam ở mức độ thấp hơn trước. Nếu chúng tôi có thể tin chắc rằng sự thay đổi ấy là một khuynh hướng lâu dài thì Tổng thống Nixon sẽ chú ý tới điều đó trong khi quyết định về mức quân số và thời gian biểu của việc giảm bớt lực lượng Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Nếu ngài có thể bảo đảm với chúng tôi điều đó thì chúng tôi hoan nghênh”.

Đề tăng sức ép với Việt Nam và tranh thủ dư luận, ngày 15 tháng 9, Nixon tuyên bố đợt rút quân mới 35.000 người và nhắc lại rằng: "Thời gian cho các cuộc thương lượng có ý nghĩa đã đến".

Hai hôm sau, trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, ông ta lại nói "thời gian cho hoà bình đã tới" và kêu gọi Đại biểu 126 nước dùng các cố gắng tốt nhất về ngoại giao để thuyết phục Hà Nội đi vào nghiêm chỉnh thương lượng để chấm dứt chiến tranh (R.Nixon. Hồi ký. Sđd tr. 397-398.)

Washington còn gây sức ép với các nước có tàu chở hàng viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam

nư Chypre, Malta, Singapor, Somalie. Nước nào không nghe thì Mỹ cắt viện trợ, Mỹ còn tung tin sẽ phong toả cảng Hải Phòng và tiến công miền Bắc nước ta.

Nếu như tình hình trên chiến trường tạm thời thuận lợi cho Washington thì tình hình chống chiến tranh Việt Nam ở trong nước làm ông ta rất lo ngại.

Trong sáu tháng đầu cầm quyền của Nixon, nhân dân Mỹ còn giữ thái độ chờ xem. Nhưng lúc nào họ đã thấy rằng không phải Bắc Việt Nam mà chính là Mỹ đang kéo dài chiến tranh. Vì vậy cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Mỹ nổi lên ngày càng mạnh.

Từ đầu tháng 7, Phụ nữ Đấu tranh cho hoà bình đã tổ chức đốt thẻ gọi quân dịch ở New York. Họ cử người sang Canada gặp Đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Nhiều thị trường gửi thư lên Nixon đòi đình chỉ gọi con em của họ sang Việt Nam. Các cuộc biểu tình chống chiến tranh liên tiếp diễn ra trước Lầu Năm Góc. Tổ chức các nhà kinh doanh vì hoà bình ở Việt Nam báo cho Nixon biết là "tuần trăng mật" đã qua rồi. Nhiều cuộc biểu tình trước nhà riêng của Nixon tại miền Tây nước Mỹ đã xảy ra khi ông về nghỉ. Ngày 3 tháng 9, 250 nhà tâm lý học Mỹ biểu tình trước Nhà Trắng tố cáo cuộc chiến tranh là một sự điên rồ.

Các hoạt động trên được các báo chí Mỹ hết sức ủng hộ và đưa lên trang nhất. Sau khi Hồ Chủ tịch mất, phong trào lại rộ lên.

Sau kỳ nghỉ hè, các nghị sĩ ở hai Viện liên tiếp lên tiếng phản đối chính sách của Nixon ở Việt Nam. Họ nói kế hoạch hoà bình của Nixon là quá mập mờ và đòi ông có sáng kiến mới cho hoà bình sau cái chết của Hồ Chủ tịch. Họ tố cáo Chính quyền Sài Gòn là trở ngại chính cho hoà bình. Có người đòi rút quân Mỹ trước cuối năm 1970.

Càng gần đến ngày "tạm ngừng hoạt động", các nghị sĩ chống chiến tranh càng đẩy mạnh hoạt động đòi Hoa Kỳ phải chấm dứt các cuộc tấn công ở miền Nam chừng nào Việt cộng không lợi dụng tình hình. Nhiều nghị quyết đòi cắt kinh phí cho chiến tranh Việt Nam được đưa ra bắt đầu cuối năm 1970. Ngày 10 tháng 10, giám đốc của 79 Trường Đại học và Cao đẳng gửi thư cho Nixon đòi đưa ra một chương trình rút hết quân Mỹ về nước.

Ngày 15 tháng 10, bắt đầu đợt "tạm ngừng hoạt động", 20.000 người biểu tình ở New York, 30.000 người ở New Haven Green, 50.000 người trước Đài kỷ niệm Washington, 100.000 người ở Boston. Hàng ngàn cờ Mặt trận được giương cao. Tất cả đòi hoà bình ngay tức khắc.

Đó là hình ảnh của nước Mỹ bị chia rẽ sâu sắc về một cuộc chiến tranh "không ai muốn" mà Nhà Trắng rất đau lòng. Uy tín của Nixon giảm sút mạnh mẽ. Kissinger phải cay đắng mà nhận xét rằng:

"Các con chim bồ câu đã tỏ ra là một giống chim đặc biệt dữ tợn và những năm tháng qua đi đã không làm cho chúng hiền hơn" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd. tr. 308.).

Nixon phải chống đỡ với tình hình nội bộ mà ông không kiểm soát nổi, nhưng vẫn theo đuổi ý đồ tìm chiến thắng trong chiến tranh.

Ngày 3 tháng 11 năm 1969, Nixon đọc diễn văn bác bỏ tất cả các yêu sách của lực lượng chống chiến tranh. Ông nói rằng kế hoạch để chấm dứt chiến tranh của ông là chiến lược gồm hai mặt: Việt Nam hoá và thương lượng. Mỹ sẽ tiếp tục cuộc chiến tranh cho đến khi có một giải pháp hoà bình công bằng và danh dự và cho đến khi Nam Việt Nam có thể tự bảo vệ được. Ông ta đưa ra thời hạn rút hết quân trong một năm. Tiếp đó kêu gọi "đa số thầm lặng" trong nhân dân Mỹ ủng hộ ông.

Mấy hôm sau, đại sứ Liên Xô ở Hà Nội thông báo cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

"Diễn văn ngày 3 tháng 11 của Nixon hoàn toàn không có nghĩa là để không muốn tiếp tục đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Paris hoặc ở một nơi nào khác, hoặc thông qua những nước khác".

- Hoa Kỳ sẵn sàng thảo luận bất cứ đề nghị nào... nhằm giải quyết vấn đề Việt Nam, sẵn sàng giải thích diễn văn ngày 3 tháng 11 của Nixon nếu phía bên kia có vấn đề gì đặt ra liên quan đến

bài phát biểu đó.

- Hoa Kỳ tiến hành thương lượng với thái độ nghiêm chỉnh và muốn tìm giải pháp thoả hiệp nếu phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không đòi chỉ thảo luận mười điểm của họ và đòi thực hiện không điều kiện mười điểm đó.

- Chính phủ Hoa Kỳ hy vọng rằng việc giảm thâm nhập của quân miền Bắc, giảm thương vong của Mỹ và giảm các hoạt động quân sự ở miền Nam Việt Nam trong thời gian qua là kết quả của một quá trình nào đó của Hà Nội bắt đầu từ khi Kissinger gặp Xuân Thuỷ ngày 4 tháng 8 đến nay.

- Chính phủ Hoa Kỳ sẽ hoan nghênh quá trình này (tức ba việc nói trên) nếu nó phù hợp với đường lối chính trị của nhà lãnh đạo Việt Nam. Tuy nhiên, nếu Washington hiểu như vậy không đúng và phía bên kia muốn xét lại quá trình đó thì Hoa Kỳ buộc phải có biện pháp trả đũa".

Người Mỹ hy vọng Hà Nội thay đổi đường lối sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

Ngày 29 tháng 11, tướng Walters đến gặp Mai Văn Bộ, nói rằng Cố vấn về an ninh của Nhà Trắng, Tiến sĩ Kissinger mong được gặp Bộ trưởng Xuân Thuỷ vào ngày 13 hoặc 14 tháng 12 (H.Kissinger nói tướng Walters gặp Xuân Thuỷ là không đúng. Xem: H. Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 456.).

Mấy hôm sau, C. Lodge từ biệt Xuân Thuỷ vì ông không còn đảm đương trách nhiệm trưởng đoàn đàm phán của Mỹ ở Paris nữa - và cũng không nói ai sẽ thay ông ta.

Ngày 10 tháng 12, Hà Nội chỉ thị cho đoàn Việt Nam ở Paris:

"Xuất phát từ tình hình chung, nhất là sau diễn văn ngày 3 tháng 11 của Nixon, ta tỏ thái độ cứng để tấn công lại Mỹ, không chịu sức ép của họ".

Ngày 12 tháng 12, Mai Văn Bộ trả lời cho tướng Walters:

"Hoa Kỳ vẫn giữ lập trường như trong diễn văn chiến tranh ngày 3 tháng 11 năm 1969 của ông Nixon. Hơn thế nữa, ông Nixon còn hạ thấp Hội nghị Paris về Việt Nam, đòi chúng tôi có đáp ứng thì mới cử người chính thức thay thế ông Lodge. Từ tháng 8 năm 1969, ông Nixon đã bác bỏ tuyên bố của Chính phủ Cách mạng Lâm thời: "Nếu Hoa Kỳ tuyên bố rút hết toàn bộ và không điều kiện quân Mỹ và quân nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam trong thời hạn sáu tháng thì các bên sẽ thảo luận về lịch rút quân Mỹ và quân nước ngoài thuộc phe Mỹ và vấn đề bảo đảm an toàn cho việc rút quân đó.

Rõ ràng Hoa Kỳ vẫn đòi chúng tôi phải trả giá cho việc thay thế ông Lodge và không chịu xem xét đề nghị của đối phương một cách nghiêm chỉnh mà chỉ đòi chúng tôi phải chấp nhận điều kiện của Hoa Kỳ... Hoa Kỳ vẫn cố tìm thắng lợi quân sự, chưa muốn giải quyết đúng đắn vấn đề Việt Nam bằng đàm phán. Vì vậy nếu có cuộc gặp riêng giữa Cố vấn Kissinger và Bộ trưởng Xuân Thuỷ như ông Kissinger đề nghị thì cũng không có gì bổ ích. Cho nên khi nào có hoàn cảnh thuận lợi, phía Hoa Kỳ có gì mới thì hai bên có thể sẽ lại gặp nhau".

Vào đầu năm 1970, trên chiến trường miền Nam Việt Nam lực lượng kháng chiến vẫn ở trong thời kỳ khó khăn lớn. Trái lại, Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn thu được những thắng lợi đáng kể trong chính sách Việt Nam hoá chiến tranh.

Nhưng họ cũng thấy rằng thắng lợi đó chưa vững chắc. Họ nhận định:

"Hà Nội tìm cách tranh thủ thời gian đến lúc quân Mỹ đã giảm đi một cách đủ cho họ đương đầu với quân lực Sài Gòn với các phương tiện cân bằng hơn " (H.Kissinger. Sdd, tr. 453.).

Tướng A.Haig, Cố vấn quân sự và phụ tá cho Kissinger trong đàm phán bí mật ở Paris, đã nhận xét sau mười ngày điều tra ở chín tỉnh miền Nam rằng. "Sự cải thiện đã chậm lại trong những tháng cuối năm 1969. Không có gì tin rằng đối phương đã bỏ cuộc...".

Thực tế khách quan là các lực lượng giải phóng miền Nam Việt Nam dọc biên giới Campuchia -

Nam Việt Nam, nhất là ở vùng Mỏ Vẹt và Móc Câu, vẫn là một mối uy hiếp cho Sài Gòn. Mỹ phải tìm cách thanh toán mối đe dọa đó, bảo đảm cho Việt Nam hoá thắng lợi. Họ đang tính toán những nước cờ mới: Bảo vệ Sài Gòn từ xa.

Người Mỹ biết, vì sự thật là như thế, rằng Chính phủ Campuchia để cho Quân giải phóng qua lại và đóng quân trên đất Campuchia, đặc biệt là vùng căn cứ 353, tổng hành dinh của Trung ương cục miền Nam chính là vùng Mỏ Vẹt - Móc Câu.

Thực hiện cái mà ông ta gọi là “điểm ngoặt đầu tiên trong cách tiến hành chiến tranh Việt Nam” của Chính quyền ông, Tổng thống Nixon ra lệnh cho máy bay B52 ném bom vùng Mỏ Vẹt-Móc Câu từ ngày 18 tháng 3 năm 1969. Nhưng Cơ quan Tình báo Mỹ thấy sau 3600 phi vụ B52 (tính đến ngày lực quân Mỹ đánh vào Campuchia), Trung ương cục miền Nam vẫn còn nguyên vẹn và tiếp tục chỉ đạo chiến tranh.

Ngày 18 tháng 3 năm 1970, lực lượng thân Mỹ do tướng Lon Non cầm đầu làm đảo chính lật đổ Hoàng thân Norodom Sihanouk. Ngày 24 tháng 4 năm 1970, Nixon quyết định cho quân Mỹ tiến công lớn vào Campuchia, bất chấp sự phản đối của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao W.Roger và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng M. Laird. Phát biểu trên Đài truyền hình ngày 30 tháng 4 năm 1970, Nixon tuyên bố cuộc tiến công quân sự đó không phải vì mục đích mở rộng chiến tranh sang Campuchia mà vì mục đích chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Tuy ông ta nói mạnh “đã dám chơi với lửa thì phải chơi đến cùng” (J.Amter. Vietnam Verdict - Continm, N. Y. 1982, tr. 197).

Trước sự phản đối ngày càng mạnh của dư luận Mỹ và thế giới, ngày 30 tháng 6, nghĩa là hai tháng sau khi đánh vào Campuchia, Nixon đã phải ra lệnh cho quân Mỹ rút khỏi Campuchia. Cũng nên nói thêm ở đây là ông còn phải trả giá đắt hơn nữa cho các cuộc ném bom B52 bí mật xuống Campuchia.

Trên chiến trường Lào, từ năm trước Mỹ đã tổ chức cuộc hành quân hỗn hợp Mỹ - Thái Lan và phi Vàng Pao đánh chiếm khu Cánh Đồng Chum tháng 9 năm 1969, và tháng 10 họ đã đánh rộng ra khu vực Xiêng Khoảng, tiến gần tới phía tây Nghệ An (Lịch Sử KCCM. t.II, tr. 42.). Nhưng sang đầu năm 1970, liên quân Lào - Việt đã tiến công mạnh vào vùng mới chiếm đóng của địch và tháng 2 năm 1970 toàn bộ địch phải rút khỏi Cánh Đồng Chum, căn cứ bọn phi Vàng Pao ở Long Chẹng bị uy hiếp

Các thương lượng bí mật của Kissinger ở Paris nhằm che giấu ý đồ tăng cường chiến tranh trong kế hoạch "Việt Nam hoá chiến tranh", lợi dụng tình hình để thương lượng trên thế mạnh.

Tháng 1 năm 1970, Hà Nội cho rằng Chính quyền Nixon đang tập trung giải quyết vấn đề chủ yếu là số quân Mỹ cần và có thể rút và rút trong thời gian bao lâu để quân nguy miền Nam không đổ vỡ lớn, làm thế nào vấn đề miền Nam không còn là vấn đề gây cản trở nhất trong cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ mới của Nixon vào năm 1972. Vì thế thời gian có tính chất quyết định là cuối năm 1970 và trong năm 1971 chúng ta phải đẩy mạnh tiến công toàn diện đập tan âm mưu Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ (Văn Tiến Dũng. Sđd, tr. 53.).

Tháng 3 năm 1970, Ban lãnh đạo Hà Nội đề ra nhiệm vụ, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến... đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và kinh tế kết hợp tiến công ngoại giao... đánh bại âm mưu địch xuống thang từng bước, kéo dài chiến tranh để tạo thế mạnh làm thất bại thế chiến lược phòng ngự của địch, tạo ra chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi quyết định (Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước, t.II. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1968, tr. 169.)

Hiệp đầu Lê Đức Thọ - Kissinger

Đã năm tháng trôi qua mà không có cuộc gặp gỡ riêng nào giữa Mỹ và Việt Nam. Ngày 14 tháng

1 năm 1970, tướng V.Walters gặp Mai Văn Bộ đề nghị có cuộc gặp riêng giữa Kissinger và Bộ trưởng Xuân Thuỷ ngoài khuôn khổ hiện nay "với mục đích tạo ra một khung cảnh cho một giải pháp nhanh chóng cho cuộc xung đột trên cơ sở công bằng cho tất cả". Mỹ đề nghị cuộc gặp đó không trước ngày 8 tháng 2 vào cuối tuần.

Hơn một tháng sau, vào ngày 16 tháng 2, Mai Văn Bộ trả lời cho Walters rằng Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẵn sàng gặp Kissinger ngày 20 hoặc 21 tháng 2 năm 1970.

Trong lúc uống trà, viên tướng Mỹ nói:

- Ông Kissinger cũng muốn gặp ông Lê Đức Thọ.

- Ông Cố vấn đặc biệt - Mai Văn Bộ đáp - có thể tham gia cuộc gặp này nếu ông Thọ còn ở Paris.

-Ồ thế thì tốt lắm.

Lúc ấy Lê Đức Thọ sang dự Đại hội Đảng Cộng sản Pháp đồng thời để chuẩn bị gặp Kissinger. Mỹ muốn thăm dò ý đồ chiến lược và quan điểm cụ thể của ta về giải pháp. Trong lúc chiến trường miền Nam im ắng, dự kiến phía Việt Nam có thể chuẩn bị các hoạt động Đông Xuân, họ cũng muốn tìm cách ngăn cản ta đẩy mạnh hoạt động ở miền Nam hoặc Lào.

Cuộc họp diễn ra hồi mười giờ ngày 21 tháng 2 tại số nhà 11 phố Darthé, Choisy-le-roi.

Kissinger đến cùng với Richard Smyer, chuyên gia về vấn đề Việt Nam, Tong La ke, và tướng Walters. Xuân Thuỷ ra đón ông và dẫn vào phòng khách nhỏ bên phòng ăn. Đây là giây phút đáng gọi là lịch sử: Kissinger gặp Lê Đức Thọ lần đầu tiên, hai con người hoàn toàn khác nhau về nguồn gốc xã hội, bản chất con người, lý tưởng chính trị, gặp nhau để rồi cùng nhau bàn cãi quyết liệt trong ba năm để tìm một giải pháp cho vấn đề Việt Nam, và cuối cùng chia nhau giải Nobel về hoà bình. Kissinger đã tả phút đầu gặp gỡ này như sau:

"Tóc hoa râu, đường bệ, Lê Đức Thọ bao giờ cũng mặc bộ đại cán xám hoặc marông. Đôi mắt to và sáng, ít khi để lộ sự cuồng tín đã thúc đẩy ông hồi mười sáu tuổi đi theo phong trào du kích cộng sản chống Pháp. Ông bao giờ cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một hai lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng của ông một cách tận tụy và khéo léo... Lê Đức Thọ tiếp tôi với sự lễ phép có khoảng cách của con người mà ưu thế hiển nhiên đến mức không thể làm khác được bằng một kiểu lễ phép gần như sự hạ cố" (H.Kissinger. Sđd, tr. 459.).

Phát biểu đầu tiên, Kissinger xin lỗi đến chậm và đề nghị giữ bí mật cuộc gặp này vì ông đến Paris bí mật. Ông ta nói vui mừng được gặp lại ông Xuân Thuỷ vì ông ta cho rằng ông ta hiểu Xuân Thuỷ hơn nhiều người trong đoàn Mỹ. Ông ta tỏ ý vui mừng được gặp Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ.

Đi vào nội dung, ông ta nhắc lại ba khả năng mà ông Lê Đức Thọ đã nói với ông Harriman ngày 14 tháng 1 năm 1969, và khẳng định rằng Mỹ muốn tiến hành đàm phán trên cơ sở thiện chí và với thái độ nghiêm chỉnh. Ông ta biết rằng cuộc đàm phán là rất khó khăn vì một là khó xác định được mục đích của mỗi bên muốn đạt, thứ hai cũng rất khó khăn là làm thế nào đạt được mục đích đó... Cuộc đàm phán càng thêm khó khăn bởi vì có sự nghi ngờ rất lớn từ lâu trong lịch sử. Ông ta nhấn mạnh:

- Dù bây giờ khắc phục được sự nghi ngờ này có khó khăn đến đâu đi nữa thì một năm nữa, hai năm nữa nó còn khó khăn hơn nữa cho đến khi chúng ta đạt được hoà bình, vì sớm hay muộn thế nào chúng ta cũng phải lập lại hoà bình.

Ông ta cố gắng tỏ ra thành thật nói rằng Việt Nam đã bị đánh lừa năm 1956:

- Bây giờ thì Hoa Kỳ không có lợi gì trong việc đánh lừa Việt Nam nữa, vì nếu Việt Nam cho rằng bị đánh lừa thì họ lại tiếp tục chiến đấu. Các ông gần Nam Việt Nam hơn Mỹ. Vì vậy Hoa Kỳ muốn tìm một giải pháp mà cả hai bên đều muốn đạt được. Nếu muốn đưa đàm phán đến thành công thì có hai yêu cầu:

- Phải nhất trí với nhau về những mục tiêu cần phải đạt được.
- Khi đã có mục tiêu rồi thì phải nhất trí với nhau về một chương trình làm việc để đạt mục tiêu đó.

Ông ta nhắc lại gợi ý hồi tháng 8 năm ngoái và cho rằng Việt Nam đã bỏ lỡ thời cơ vì tình hình của "các ngài không được cải thiện gì và dù có lâu hơn nữa nó vẫn không được cải thiện". Ông ta phân tích: tình hình nước Mỹ có lợi hơn cho Nixon, tình hình miền Nam hiện nay khó khăn cho Việt Nam hơn năm ngoái, trên thế giới vấn đề Việt Nam không còn là vấn đề trung tâm mà mọi người nhất trí chú ý. Phía Việt Nam không còn sự ủng hộ như trước nữa, kể cả một số nước vẫn ủng hộ Việt Nam.

Ông ta khen ông Xuân Thuỷ giỏi trong việc đưa ra những tuyên bố bí ẩn có hàm ý, rồi nói:

"Tình hình có thể như thế này: Theo chúng tôi hình như các ngài muốn được bảo đảm - coi như một điều kiện cho đàm phán - là sẽ được ưu tiên chính trị, và lúc đó, chúng tôi phải tùy thuộc vào sự thành thật và sự kiềm chế của các ngài sau này. Có lẽ theo các ngài thì hình như chúng tôi muốn giành được ưu thế về quân sự và chúng tôi yêu cầu các ngài phải tin vào sự thành thật và sự kiềm chế của chúng tôi sau này. Hai là chúng tôi thừa nhận các ngài có vấn đề đặc biệt là đặt vấn đề quân đội của các ngài ở miền Nam Việt Nam trên cùng một cơ sở pháp lý như Quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam. Chúng tôi biết rằng chưa bao giờ các ngài chính thức thừa nhận rằng các ngài có quân đội ở Nam Việt Nam và không bao giờ thừa nhận quân đội đó là quân đội nước ngoài ở Nam Việt Nam. Chúng tôi thừa nhận vấn đề này, chúng tôi tôn trọng thái độ của các ngài về vấn đề này. Chúng ta thử tìm xem có thể có một giải pháp cho vấn đề đặc biệt khó khăn này không, một giải pháp thực tế chứ không phải một giải pháp có tính lý thuyết."

Về giải pháp chính trị, chúng tôi nghĩ rằng có hai cơ sở để giải quyết: một là khi các lực lượng bên ngoài rút ra khỏi Nam Việt Nam rồi thì người Việt Nam giải quyết với nhau. Nhưng nếu việc giải quyết vấn đề này là một bộ phận của nội dung đàm phán của chúng ta thì chúng tôi xin nêu ra hai nguyên tắc dưới đây:

- Bất cứ giải pháp chính trị công bằng nào cũng phải phản ánh tương quan lực lượng chính trị hiện có ở Nam Việt Nam.

- Chúng ta phải thừa nhận rằng không một bên nào có thể cho rằng phía bên kia sẽ từ bỏ ở bàn đàm phán những gì mà họ không chịu bỏ ở chiến trường".

Kissinger cũng đề ra hai cách làm việc: thảo luận cả mười điểm của Mặt trận và tám điểm của Nixon; hai là gạt mười điểm và tám điểm ra mà xác định với nhau những nguyên tắc chung. Khi đã thống nhất rồi thì đề cho các đoàn ở Kléber giải quyết các chi tiết. Hoa Kỳ không cứng nhắc, Hoa Kỳ muốn chấm dứt chiến tranh một cách thực tế chứ không phải về lý thuyết. Ông nhấn mạnh rằng sự tiến bộ của việc làm này tùy thuộc vào việc không có sự tăng cường bạo lực ở Nam Việt Nam. (xin hiểu là hoạt động quân sự của Việt cộng - Tác giả). Đó là điều không có lợi cho cả hai bên mà có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng... Ông nói Tổng thống Nixon còn cầm quyền bảy năm nữa, không phải là điều đáng mong muốn gì cho cả hai bên nếu muốn thử thách lòng dũng cảm của mình hơn nữa. (lời nói bao hàm một sự đe dọa không che giấu - Tác giả). Sau khi chiến tranh chấm dứt, Mỹ sẽ sẵn sàng giúp nhân dân Việt Nam - toàn thể nhân dân Việt Nam - đổi mới và xây dựng lại... Một Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà độc lập phồn vinh và tự tin vào mình là phù hợp với quyền lợi Quốc gia của Hoa Kỳ, và trong bất cứ giai đoạn lịch sử nào Hoa Kỳ sẽ không bao giờ là mối đe dọa cho nền độc lập của Việt Nam.

Ông ta kết thúc bằng cách xin lỗi đã nói dài, "nhưng là một giáo sư Trường Đại học Havard thì bao giờ cũng nói trong năm mươi năm phút".

Mọi người cùng cười rồi nghỉ.

Bộ trưởng Xuân Thuỷ nhắc lại rằng tình hình đàm phán từ sau cuộc gặp riêng tháng 8 năm ngoái

đã xấu đi. Mỹ nói muốn giải quyết nhanh trước ngày 1 tháng 11 năm 1969, nhưng không đưa ra nội dung cụ thể gì mà chỉ mở ra một diễn đàn mới với Cố vấn Kissinger.

“Trong khi đó chúng tôi đưa ra hai nội dung cụ thể. Một là Mỹ rút hết quân và rút nhanh trong vòng năm, sáu tháng - Hai là lập Chính phủ liên hiệp ba thành phần. Tổng thống Nixon trong diễn văn ngày 3 tháng 11 năm 1959 lại nhấn mạnh dùng Việt Nam hoá để giải quyết chiến tranh... chúng tôi cho rằng tin Việt Nam hoá sẽ thắng lợi là chủ quan và lừa dối dư luận”.

Xuân Thuỷ phê phán việc Mỹ không cử trưởng đoàn mới ở Paris rồi nhấn mạnh rằng Mỹ nói thành thật nhưng phía Việt Nam không thấy điều đó. Bộ trưởng cũng phê phán việc Mỹ đẩy mạnh hoạt động quân sự ở Lào và miền Nam. Về lời đe dọa của Kissinger, Xuân Thuỷ nói:

- Chúng tôi không muốn đo sức với Mỹ, chúng tôi chỉ muốn bảo vệ độc lập tự do của chúng tôi. Chúng tôi tin tưởng ở tinh thần, ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam, không trông chờ ở phong trào chống chiến tranh ở Mỹ và thế giới. Mục đích đàm phán của chúng tôi là đạt được một nước Việt Nam hoà bình, độc lập thật sự.

Ông nhấn mạnh:

- “Chúng tôi muốn rằng đã giải quyết với nhau thì giải quyết toàn bộ vấn đề làm sao thật sự chấm dứt được chiến tranh, thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Còn về hình thức nói chuyện thì không phải là vấn đề khó khăn lớn”

Trả lời Xuân Thuỷ, Kissinger cho rằng đàm phán chưa tiến bộ thì mức độ của đoàn Đại biểu Mỹ hiện nay ở Paris là thích hợp, nếu đàm phán tiến bộ trên cơ sở mới thì phía Mỹ sẵn sàng cử sang một đoàn đàm phán mới.

Ông ta cũng cho rằng hai vấn đề: rút quân Mỹ và lập Chính phủ liên hiệp là hai vấn đề đã đặt ra trước khi ông ta đến, và hai đề nghị đó cũng không đòi hỏi sự có mặt của ông ta ở Paris.

Cuộc thảo luận buổi sáng gần kết thúc thì Xuân Thuỷ nhận xét là phía Mỹ đã tiết lộ bí mật cuộc gặp riêng. Kissinger bào chữa rằng "Không ai đánh lừa được các ông hai lần đâu".

Lê Đức Thọ :

- “Chúng tôi đã bị lừa nhiều nhưng không lừa được.”

Kissinger:

- Vấn đề bí mật không phải là sự thật phải đương đầu với sự dối trá mà bí mật là sự thật phải đương đầu với sự thật.

Cuộc gặp gỡ buổi chiều bắt đầu bằng việc hai bên trả lời các câu hỏi của phía bên kia. Kissinger nhấn mạnh rằng Tổng thống Nixon đã đồng ý cho ông hành động như là một nhân vật chính trên cơ sở không chính thức để giải quyết những vấn đề cơ bản thật quan trọng trong các cuộc gặp nhau đều đặn với những nhân vật mà phía Việt Nam chỉ định. Nhưng vấn đề lớn đối với ông ta là phía Việt Nam có thật sự đàm phán như phía Hoa Kỳ hiểu chữ đàm phán không? "Quả thật đối với những người đã tỏ ra là những người dũng cảm tận tụy thì bây giờ cũng khó mà xem xét việc chấm dứt chiến tranh mà lại không được bảo đảm tất cả các mục tiêu đầu tiên của mình". Vì vậy mà ông ta cũng chưa đưa ra một danh sách đề nghị cụ thể cho Việt Nam mà chỉ nhắc lại thiện chí và sự mềm dẻo của Mỹ trong vấn đề rút quân không phải là Nam Việt Nam.

Nhưng buổi chiều chủ yếu là phát biểu tổng quát của Cố vấn Lê Đức Thọ. Ông nói:

- Theo ông đánh giá về tình hình chúng tôi thì không đúng với thực tế chiến trường hiện nay. Đó là quyền của ông. Trong suốt mười lăm năm qua, khi đánh giá về tương quan lực lượng hai bên, các ông đã đánh giá rất sai về tình hình chúng tôi. Tôi muốn nhắc lại điều này để từ đó các ông có thể thấy phải đánh giá như thế nào cho đúng. Có đánh giá đúng thì giải quyết vấn đề mới đúng được.

Tiếp đó Lê Đức Thọ nêu lên bốn lần Mỹ đánh giá sai:

"Lần thứ nhất, khi Mỹ dựng lên Chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm với một đội quân tàn sát nhân dân.

Lần thứ hai, việc Mỹ phát động chiến tranh đặc biệt ở miền Nam tưởng có thể đàn áp được nhân dân miền Nam bằng chính sách ấp chiến lược, nhưng đã không thực hiện được.

Lần thứ ba, Mỹ đưa quân ồ ạt vào miền Nam, dùng một khối bom đạn có thể nói là cao hơn tất cả các cuộc chiến tranh từ trước tới nay của Mỹ.

Sau Tết Mậu Thân đến nay ông lại đánh giá tình hình không đúng. "Các ông nói Việt Nam hoá chiến tranh thắng lợi nhưng thực ra nó đã bắt đầu thất bại".

"Các ông định mở thêm một chiến trường ở Lào để phối hợp với chiến trường miền Nam, nhưng bây giờ Cánh đồng Chum đã bị mất về tay Pathet Lào".

Cố vấn Lê Đức Thọ còn nói về phong trào chống chiến tranh Việt Nam ở Mỹ và điều này Kissinger tỏ ra bức bối và xót xa vì sự chia rẽ trong nước ông. Lê Đức Thọ nói đến phong trào thế giới ủng hộ Chính phủ Cách mạng Lâm thời, đến ảo tưởng của Mỹ về sự thay đổi đường lối của Hà Nội sau khi Hồ Chủ tịch mất, và kết luận:

"Không phải chúng tôi không có hy sinh mất mát lớn và cũng có nhiều gian khổ nhưng chúng tôi đã thắng!".

- Đã thắng trong chiến tranh? - Kissinger hỏi.

- Chúng tôi đã thắng và các ông đã thất bại. Đến nay các ông chưa thấy sự thật khách quan. Các ông vẫn tin có thể dùng áp lực quân sự tối đa với chúng tôi trên chiến trường. Các ông chưa muốn giải quyết vấn đề một cách nghiêm chỉnh... Ông Nixon nói nhiều về Việt Nam hoá chiến tranh để thúc đẩy thương lượng. Có phải các ông định dùng Việt Nam hoá chiến tranh để làm sức ép ở bàn Hội nghị không?

Các ông định rút quân từng bước, rút quân chiến đấu đến mức nào đó mà nhân dân Mỹ có thể chịu đựng được về người và của. Sau đó các ông để lại một lực lượng hỗ trợ yểm trợ cho nguy quân, nguy quyền để kéo dài chiến tranh. Khi nguy quân, nguy quyền đã mạnh lên, các ông để lại một lực lượng Cố vấn và tiếp tục trang bị thêm cho nguy quân.

Nhưng thử hỏi nguy quân, nguy quyền có đảm nhận được gánh nặng chiến tranh không và bao giờ thì đảm nhận được việc đó?

Trước đây hơn một triệu quân Mỹ và quân nguy mà các ông đã thất bại. Bây giờ các ông làm thế nào mà thắng nếu chỉ để cho quân đội bù nhìn một mình tiến hành chiến tranh và chỉ có sự yểm trợ của Mỹ không thôi làm sao các ông có thể thắng được?.

Lê Đức Thọ dừng một lát. Kissinger suy nghĩ. "Chỉ có sự yểm hộ của Mỹ không thôi làm sao các ông có thể thắng được ". Sau này ông viết trong Hồi ký rằng đó cũng là câu hỏi làm ông day dứt (H. Kissinger. Ở Nhà Trắng, Sđd, trang 462.).

Lê Đức Thọ nói tiếp: Các ông đã dọa chúng tôi nhiều rồi. Chúng tôi đã đánh với các ông trong bao nhiêu năm, ông biết rồi. Dù các ông có tiếp tục chiến tranh như thế nào nữa thì cũng không thay đổi được chiều hướng cuộc chiến tranh này. Về đàm phán, Lê Đức Thọ tỏ vẻ nghi ngờ lòng thành thật của Mỹ, ông nói:

- Chúng tôi là một dân tộc đã bị người ta lừa gạt nhiều rồi. Muốn tạo điều kiện để giải quyết vấn đề thì phải thành thật. Các ông nêu điểm một là vấn đề rút quân. Ngay điều này đã cho chúng tôi thấy các ông không nghiêm chỉnh. Chúng tôi muốn thảo luận toàn bộ các vấn đề rồi ký kết Hiệp định và thực hiện Hiệp định. Toàn bộ vấn đề là mười điểm. Hai bên phát biểu ý kiến không bên nào bị ép phải nhận điều kiện phía bên kia đưa ra.

Về cách tiến hành Hội nghị, Lê Đức Thọ nói: có nói chuyện công khai và nói chuyện riêng, rồi hỏi Kissinger:

- Có phải ông Nixon cử ông sang đây nói chuyện riêng để giải quyết vấn đề hay thỉnh thoảng ông sang đây để thăm dò thế này thôi? Còn ở Hội nghị công khai thì các ông không chịu cử trưởng đoàn. Sau khi nói chuyện riêng giải quyết được vấn đề thì ở diễn đàn công khai cũng phải có người để nói chuyện chứ.

Còn vấn đề nữa là Chính phủ Cách mạng Lâm thời chưa chịu nói chuyện với Chính quyền Thiệu-Kỳ-Hương, một Chính quyền phát xít và đàn áp, không tán thành hoà bình. Làm sao mà giải quyết vấn đề với một chính quyền như vậy? Chúng tôi muốn nói chuyện với những người có thiện chí để tìm một giải pháp chứ không phải chúng tôi hoàn toàn phủ nhận nói chuyện với Chính quyền của các ông ở Sài Gòn đâu?

Trong khi chúng tôi và Chính phủ Cách mạng Lâm thời chưa chịu nói chuyện với Chính quyền Sài Gòn thì chúng tôi và các ông thảo luận giải quyết toàn bộ vấn đề. Sau khi giải quyết các vấn đề cơ bản rồi thì sẽ thảo luận cụ thể ở Hội nghị bốn bên, nhưng các ông phải cử trưởng đoàn mới có thẩm quyền.

Kết luận, Lê Đức Thọ nói:

- Trong hai con đường hoà bình và chiến tranh, các ông nên chọn lấy một. Nếu các ông chọn con đường hoà bình thì chúng ta có thể giải quyết vấn đề một cách hoà bình, và như ông nói sau khi hoà bình lập lại, quan hệ hai nước chúng ta sẽ mở ra một trang sử mới.

Kissinger hoan nghênh sự thẳng thắn của Lê Đức Thọ và đặt ra một số câu hỏi. Hai bên nhanh chóng đồng ý về cách thảo luận mười điểm và tám điểm. Phía Mỹ hiểu thái độ của ta đối với Chính quyền miền Nam là phải thay người (Thiệu - Kỳ - Hương) và thay đổi chính sách. Đó là một điều kiện.

Về việc cử trưởng đoàn mới ở Hội nghị bốn bên, Kissinger nói: Điều này có thể sắp "ép được" ông ta nói: Hoa Kỳ không bỏ Hội nghị bốn bên tuy họ rút cả trưởng, phó đoàn đi và chỉ để lại P.Habib, người thứ ba, ở Paris - (Tác giả).

Xuân Thuỷ và Lê Đức Thọ cho Kissinger biết là nếu Mỹ không cử trưởng đoàn thì Xuân Thuỷ không ở lại Paris được, và ông Thọ với cương vị Cố vấn cũng không còn ở đây nữa.

Kissinger:

- Đây là ngài Bộ trưởng dọa tôi?

Xuân Thuỷ:

- Chính ông đe dọa tôi trước.

Cuộc thảo luận đã kéo dài. Ông Cố vấn Nhà Trắng thấy rằng hôm ấy không đi xa hơn được nữa. Ông sẽ nghiên cứu ý kiến của phía Việt Nam và sớm gặp lại nhau khi có dấu hiệu tiến bộ. Nhưng ông nhắc lại rằng Hoa Kỳ không thể thay đổi chính quyền Sài Gòn. Trả lời Lê Đức Thọ về vấn đề Lào, Kissinger nói:

- Chúng tôi quan sát thấy hầu hết quân Pathet Lào đều nói tiếng Việt cả.

Rồi ông ta kể:

"Vào thế kỷ XIX, có một câu chuyện tương tự như vấn đề Lào xảy ra ở một tỉnh thuộc nước Đức. Bộ trưởng Ngoại giao Anh là Palmerston (Huân tước H. Palmerson, 1784 - 1785 - Tác giả nói vấn đề này phức tạp đến nỗi chỉ có ba người biết mà thôi. Một người thì đã chết, người thứ hai đã điên, người thứ ba là bạn thân của ông Bộ trưởng Ngoại giao đó, nhưng ông ta đã quên mất rồi".

Hoá ra Kissinger muốn nhắc lại câu chuyện thời Bismark muốn lấy hai xứ Holstein và Schleswig đang thuộc Vương quốc Đan Mạch để thành lập nước Đức thống nhất. Ý ông ta không phải là muốn tỏ

ra là người thứ tư biết bí mật về Lào mà chỉ muốn ché giấu rằng ai cũng biết Việt Nam có quân ở Lào. Kissinger nói thêm:

- Những điều tôi học tập về Lào vẫn chưa quên.

Xuân Thủy:

- Tôi là người đàm phán ở Hội nghị Genève về Lào. Ông nhớ, tôi cũng nhớ.

- Thôi, chúng ta nghỉ.

Mọi người cùng cười.

Hai bên hẹn gặp lại nhau ba tuần sau vào thứ hai, 16 tháng 3 năm 1970.

Sau cuộc gặp ngày 21 tháng 2 này, Kissinger rất hy vọng. Về Mỹ, ông "báo cho Nixon rằng đây là cuộc gặp quan trọng chắc chắn là quan trọng nhất từ khi bắt đầu Chính quyền của ngài và quan trọng nhất kể cả từ khi bắt đầu cuộc nói chuyện năm 1958 (R.Nixon. Sdd. tr. 4461).

Về mặt ngoại giao, ông ta "tiếc đã nhận gặp vào ngày 21 tháng 2, nghĩa là theo lịch do Hà Nội ấn định. Đó là một bước lùi, chấp nhận một đòi hỏi vô lý, chúng ta đã gây nên một cảm giác vội vàng vô ích cho phép Hà Nội ghi một bàn thắng về tâm lý " mà họ vẫn kiên trì từ lâu " (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr.456.2).

Cái chung chung: Không Lêninit – Cái cụ thể: Không đồng ý

Ngày 16 tháng 3. Đến địa điểm họp, Kissinger kêu quá mệt vì phải hạ cánh xuống Tây Đức - Đúng thế, máy bay riêng của ông không xuống được sân bay quân sự Avord (miền Trung nước Pháp) vì trục trặc kỹ thuật mà phải hạ xuống một sân bay Đức rồi mới quay về Pháp.

Nghỉ một lúc, vào cuộc họp ông yêu cầu Lê Đức Thọ giải thích một câu đã nói lần trước rằng không bên nào buộc phía bên kia phải chấp nhận một giải pháp bằng áp lực. Khi được giải thích, Kissinger nói ngay:

- Trong khi chúng ta nói chuyện ở đây, nếu như một bên nào làm áp lực với phía bên kia hoặc ở Việt Nam hoặc ở một nước nào liên quan đến Việt Nam thì như vậy là không phù hợp với mục đích cuộc nói chuyện của chúng ta ở đây.

Lê Đức Thọ:

- Đây là ông đặt câu hỏi hay là ông phát biểu quan điểm?

Kissinger:

- Tôi nói để xem có đúng ý kiến của ông Cố vấn đặc biệt không.

Lê Đức Thọ nhấn mạnh lại rằng trong đàm phán mỗi bên có lập trường và quan điểm của mình. Như vậy không phải chúng tôi cứ bắt các ông phải theo quan điểm của chúng tôi. Và các ông cũng không thể bắt chúng tôi phải theo quan điểm của các ông. Phải qua thảo luận rồi đi đến thoả thuận.

Kissinger:

- Tức là không bên nào làm áp lực quân sự thêm với bên kia để buộc bên kia phải chấp nhận sự thoả thuận.

Lê Đức Thọ:

- Câu nói của tôi là đối với một cuộc thương lượng với nhau. Còn điểm ông nói về áp lực quân sự lại là vấn đề khác. Mà vấn đề này chính các ông làm áp lực quân sự đối với chúng tôi.

Kissinger nói phía Mỹ muốn đi vào thực chất. Và ông đọc một chỉ thị của Nixon gửi cho ông ta trước khi qua Paris rằng phải nói với người Việt Nam "phải đi vào trung tâm của vấn đề". Rồi ông ta trình bày hai vấn đề: việc rút quân Mỹ và thời gian biểu của việc rút quân đó.

- Chúng tôi sẵn sàng đàm phán về việc rút lui toàn bộ quân Hoa Kỳ, điều đó bao gồm rút tất cả quân và rút hết các căn cứ quân sự Hoa Kỳ mà không có điều ngoại lệ nào. Về thời gian biểu rút quân, căn cứ vào số quân Mỹ có mặt ở miền Nam Việt Nam đến 15 tháng 4 năm 1970 là 422.000 người. Ông

ta nói sẽ rút hết trong 16 tháng.

Tháng thứ nhất: 5000. Tháng thứ hai và thứ ba: mỗi tháng 10.000. Tháng thứ tư: 27.000. Năm tháng sau đó: mỗi tháng 35.000. Tháng thứ 10: 10.000. Tháng thứ 11: 15.000. Tháng thứ 12: 10.000. Tháng thứ 13, 14, và 15: mỗi tháng 40.000. Tháng thứ 16: 4.000.

Ông ta giải thích một số điểm về kỹ thuật rút và nhắc lại rằng trong việc rút quân này “thực tế đòi hỏi phải có đi có lại chừng nào đó, và chính vì thế mà chúng ta có mặt ở đây để đàm phán”

Nhắc lại phía Việt Nam không thừa nhận có quân ở miền Nam, ông ta nói:

- Chúng tôi rất chú ý đến quan điểm đặc biệt này của các ông. Chúng tôi cũng đã có ý kiến cụ thể về vấn đề này. Nhưng tốt nhất là để các ông trình bày ý kiến của các ông. Như vậy lúc đó chúng ta có thoả thuận về hai kế hoạch, hai kế hoạch này cũng được thực hiện đồng thời nhưng không liên quan với nhau.

Kissinger còn nói về vấn đề kiểm soát và vấn đề thả tù binh. Bộ trưởng Xuân Thuỷ nhận xét ngay rằng thời hạn rút quân mà Kissinger đưa ra không phù hợp với tuyên bố trước đây của Mỹ rút quân trong 12 tháng. Điều đó làm cho người ta nghĩ Mỹ kéo dài việc rút quân để gắn với kế hoạch Việt Nam hoá. Như vậy không giải quyết được vấn đề. Xuân Thuỷ cũng thúc giục Kissinger nói luôn ý kiến của ông ta về các lực lượng không phải Nam Việt Nam, vì ông ta đã có ý kiến cụ thể còn phía ta chưa có ý kiến. Bộ trưởng cũng lưu ý Kissinger là ông ta chưa nói gì đến vấn đề chính trị.

Kissinger lại giải thích mối liên quan giữa thương lượng và Việt Nam hoá, và nói thêm: thời gian rút quân vẫn có yếu tố mềm dẻo. Về việc rút quân miền Bắc, ông nói:

- Chúng tôi khó có thể nghĩ rằng Bộ trưởng Xuân Thuỷ và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ lại chưa hề nghĩ đến một vấn đề liên quan đến Việt Nam như vậy.

Ông ta cười, rồi một lúc sau nói tiếp:

- Chúng tôi nghĩ rằng nếu như vì những lý do tinh thần, pháp lý, lịch sử mà các ông cho rằng nếu có hai chương trình song song với nhau thì dễ thực hiện hơn, chúng tôi vui lòng tán thành ý kiến đó. Chúng tôi đáp ứng yêu cầu của các ông. Trước hết chúng tôi phải nói ngay đến những lực lượng không phải Nam Việt Nam ở những khu vực gọi là “đất thánh” ở những nước có liên quan đến Việt Nam. Những lực lượng này có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến tranh ở Việt Nam thì những lực lượng đó cũng phải là một phần trong quá trình rút quân kia. Tôi muốn nói đến những trại ở dọc biên giới Nam Việt Nam.

Trước sự thúc giục của Xuân Thuỷ, Kissinger đề nghị: 25% các lực lượng không phải Nam Việt Nam phải hoàn thành trong 5 tháng. Sau 8 tháng rút hết 50%. Sau 12 tháng rút hết 75%. Sau 16 tháng rút hết hoàn toàn. Và những trại trên đất Campuchia và Lào và các con đường thâm nhập cũng phải rút.

Lê Đức Thọ nhận xét:

- Chúng tôi công nhận là ông đã đi vào một phần thực chất. Theo ông trình bày thì việc rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ là một nguyên tắc pháp lý. Còn việc rút quân mà các ông cho là của miền Bắc như ông nói thì không phải là một nguyên tắc pháp lý mà là một vấn đề thực tế và kỹ thuật. Nhưng khi ông trình bày về vấn đề rút quân mà các ông gọi là của miền Bắc cũng phải hoàn thành trong cùng một thời gian, như vậy thì thực chất cũng là đòi hai bên cùng rút quân và rút hết toàn bộ. Thế mà ông nói chỉ là vấn đề kỹ thuật. Chính cách trình bày của ông mới là kỹ thuật.

Lê Đức Thọ nói tiếp:

- Đề nghị về thời hạn rút quân là một bước lùi so với thời gian các ông nêu ra ở Kléber. Cách rút quân mà ông trình bày còn có tính chất nhỏ giọt hơn cả kế hoạch Việt Nam hoá. Có tháng chỉ có 5000 so với mỗi tháng trước các ông rút đến 10.000 mà chúng tôi đã nói là quá nhỏ giọt. Bởi vậy ông nói là đi vào thực chất và không nên mặc cả thì lời nói đó trái với thực tế này.

Cuối cùng Lê Đức Thọ nhấn mạnh:

- Các ông càng dùng áp lực quân sự với chúng tôi thì các ông càng thất bại hơn nữa. Các ông đã xé bỏ Hiệp định Genève về Lào và cuối cùng các ông cũng không thắng được Pathet Lào. Nếu các ông không rút bài học đó mà cứ muốn biến Campuchia thành một Lào thứ hai thì chính các ông cũng sẽ thất bại như ở Nam Việt Nam và Lào.

Lúc này chưa xảy ra đảo chính lật đổ Sihanuc ở Campuchia nhưng chúng ta cũng đã có nhiều tin tức về việc Mỹ sẽ mở rộng chiến tranh sang Campuchia. Vì vậy Lê Đức Thọ cảnh cáo trước:

- Nếu các ông không tôn trọng những điều đã ký kết thì ba dân tộc chúng tôi sẽ đoàn kết chiến đấu và các ông nhất định thất bại

Cố vấn Nhà Trắng bào chữa và nói rằng Mỹ đã giảm 25% hoạt động của không quân ở Campuchia. Riêng về vấn đề Lào thì đã nổ ra một cuộc tranh luận ai là kẻ phá hoại Hiệp định Genève về Lào. Phía Mỹ cũng thanh minh là không có ý định chiếm lại đất đai hiện nay do Pathet Lào kiểm soát. Nhưng lúc này “địch đang điều động cấp tốc lực lượng các Quân khu 1, 2, 3 ở Lào về tăng cường phòng thủ Long Chặng, sào huyệt của bọn phi Vàng Pao ở Lào”. (Lịch sử KCCM, t I, Sdd, tr. 45.)

Kissinger cũng nói Mỹ không có cố gắng nào để buộc Campuchia từ bỏ chính sách trung lập. Ông ta nhắc lại: Lịch rút quân không phải là trở ngại không vượt qua được ông cũng xác nhận: lần sau, theo yêu cầu của Việt Nam, thảo luận cả vấn đề quân sự và chính trị: Phía Mỹ sẵn sàng thảo luận cả hai vấn đề đó cùng nhau.

Ông ta cũng yêu cầu lần sau phía ta phát biểu trước vì theo ông "Không thể tiến hành đàm phán theo khuôn khổ các ông là những nhà giáo hời học trò xem đã hiểu đúng lập trường của các ông chưa".

Lê Đức Thọ cải chính điều đó.

Hai bên hẹn gặp lại nhau vào ngày 4 hoặc 5 tháng 4 và sẽ đi vào cụ thể. Khi chào từ biệt, Kissinger đã ra ngoài một lúc rồi lại quay lại nói:

- Lênin nói: một bước lùi, hai bước tiến. Tôi học tập Lênin đây.

Lê Đức Thọ:

- Chủ nghĩa Lênin phải vận dụng linh hoạt. Còn ông thì máy móc.

Kissinger:

- Thế thì một vài phiên họp nữa chúng tôi sẽ học tập Lênin tốt hơn.

Kissinger báo cáo về cho Nixon rằng: Bắc Việt Nam có vẻ quan tâm đến thời hạn rút quân và kết luận là "thêm hai cuộc họp nữa sẽ rõ chuyện" (R.Nixon. Hồi ký Sdd, tr 446.).

Cuộc họp lần này diễn ra trong lúc Đông Dương chuyển sang một bước ngoặt.

Ở Lào, ngày 27 tháng 3, quân phái hữu cùng quân Thái, với sự hỗ trợ của không quân Mỹ mở đợt tấn công chung quanh Long Chặng, chiếm lại khu vực Sầm Thông, tạo điều kiện cho Mỹ tiếp tế cho lực lượng Vàng Pao. Nhưng sự kiện nghiêm trọng hơn lại xảy ra trên đất Angko. Chỉ hai ngày sau cuộc gặp bí mật giữa Lê Đức Thọ - Xuân Thuỷ và Kissinger nói trên, các lực lượng thân Mỹ do Lonnot, Thủ tướng, và Sirik Maták, Phó Thủ tướng thứ nhất chỉ huy đã lật đổ Quốc trưởng Sihanuc và phát động chiến tranh chống Việt Nam. Đây là một đòn kinh khủng đánh vào ông Hoàng Campuchia, mở đầu trận bão tố kéo dài mấy thập kỷ qua xuống cái mà người ta tưởng là một "ốc đảo hoà bình" ở Đông Nam Á.

Từ sau Hiệp định Genève năm 1954, suốt trong mười lăm năm, vận dụng một cách khéo léo các lối chơi trong ván bài chính trị, Sihanuc đã giữ cho đất nước ông được hoà bình giữa xứ Đông Dương rực cháy. Nhưng ít lâu sau khi Mỹ bí mật thực hiện chiến dịch "Thực đơn" ném bom đánh phá Campuchia, Sihanuc lập lại quan hệ ngoại giao với Washington tháng 6 năm 1969, tưởng sẽ được yên ổn. Nhưng các lực lượng phản động trong nước ông càng đẩy mạnh hoạt động chống Việt Nam và hạ bệ ông.

Cuộc đảo chính xảy ra lúc ông đang từ Liên Xô đi thăm Trung Quốc sau khi chữa bệnh ở Pháp, Liên Xô vẫn duy trì sứ quán ở Phnom Pênh, Trung Quốc vẫn có cảm tình với Sihanuc. Tuy vẫn đón tiếp ông với cương vị Quốc trưởng nhưng còn dè dặt trước diễn biến của tình hình. Bắc Kinh báo cho ông biết:

“Bắc Kinh sẽ tôn trọng một cách đầy đủ mọi quyết định của Hoàng thân Sihanuc hoặc chấm dứt cuộc đời chính trị... hoặc cầm đầu một phong trào “Quốc gia chống Mỹ” (N. Sihanuc. Tù binh Khome đỏ. Hachette, Paris 1986, tr. 415. Xem thêm: Navan Chanda. Les frères ennemis. CNRS, Paris 1987, tr. 70.). Hà Nội nhận định rằng cuộc đảo chính ở Phnom Pênh là một nấc thang mới của Mỹ nhằm dựng lên một Chính quyền tay sai ở Campuchia, xoá bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược của Mặt trận Dân tộc Giải phóng cắt đứt tuyến tiếp tế hậu cần chi viện cho chiến trường miền Nam. Hà Nội chủ trương ủng hộ ông Sihanuc giúp đỡ cách mạng Campuchia”

Ngày 21 tháng 3, Thủ tướng Phạm Văn Đồng sang Bắc Kinh bằng một chuyên cơ đặc biệt. Ngày 22, trong cuộc nói chuyện thẳng thắn và tình nghĩa, Thủ tướng đã mang lại cho Hoàng thân Sihanuc sự ủng hộ chân thành của nhân dân Việt Nam và khuyến khích Hoàng thân kiên quyết chống lại bọn đảo chính. Ngày 23 tháng 3, Sihanuc ra lời kêu gọi chống Mỹ gồm năm điểm trong đó có vấn đề lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Khơ Me (FUNK) và quân đội giải phóng.

Ngày 4 tháng 4, Thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố ủng hộ chủ trương kháng chiến của ông.

Ngày 28 tháng 4, Sihanuc lập Chính phủ Kháng chiến Khơ Me (GRUNK).

Các đơn vị vũ trang của Việt Nam được chỉ thị phối hợp với bạn mở vùng giải phóng giành quyền làm chủ ở bảy tỉnh phía Đông - Đông Bắc và ba tỉnh phía Tây - Nam, xây dựng Chính quyền cách mạng, phát triển chiến tranh du kích.

Chỉ trong một thời gian ngắn, vùng nông thôn tỉnh Kratié... sáu huyện ở Takeo, Cămpôt... đã được giải phóng (Lịch sử KCCM, t.I, tr 47 - 48.).

Mỹ vội vàng tăng cường viện trợ - 200 triệu đô la - cho bọn tay sai ở Campuchia, cố gắng đưa lực lượng của Lonnot từ 35.000 lên 60.000 người.

Ngày 28 tháng 4, các đơn vị quân nguy Sài Gòn mở chiến dịch "Toàn thắng 42" vượt biên giới Campuchia đánh vào vùng Mỏ Vẹt.

Ngày 30 tháng 4, Mỹ cho một lực lượng hỗn hợp gồm 50.000 quân Mỹ, 50.000 quân Sài Gòn tiến vào vùng Móc Câu, tiến sâu vào đất Campuchia từ 30 đến 40 ki-lô-mét. Đồng thời máy bay Mỹ ném bom miền Bắc nước ta ở vùng Quảng Bình, Vĩnh Linh trong mấy ngày liền.

Cùng ngày 30 tháng 4, sau khi được tin quân Mỹ vào Campuchia, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta điện cho Trung ương cục miền Nam: "Đông Dương đã trở nên một chiến trường “thống nhất”, và chỉ thị “Đánh cho quân nguy ở miền Nam những đòn chí mạng ở Campuchia, đồng thời phá kế hoạch bình định ở chiến trường miền Nam”.

Việc mở rộng chiến tranh sang Campuchia là một sai lầm chiến lược của Nixon. Trong tình thế phải "phi Mỹ hoá", rút dần quân Mỹ ra khỏi chiến trường chính, Mỹ lại đưa quân Mỹ sang Campuchia tạo nên một chiến trường mới, do đó bỏ trống cả miền Nam Việt Nam và giơ lưng cho đối phương đánh.

Họ đã tạo cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời thời cơ vừa giúp cách mạng Campuchia, vừa đưa lực lượng trở lại miền Nam, từng bước phá âm mưu của địch, tạo chuyển biến lớn trong cục diện chiến tranh có lợi cho ta.

Cuộc gặp riêng giữa Lê Đức Thọ và Kissinger hôm 4 tháng 4 năm 1970 trong bối cảnh một Đông Dương đang bị mây đen bao phủ.

Kissinger đến nơi họp - vẫn ở số 11 phố Darthe - khệ nệ mang theo nhiều hành lý. Trước con

mặt ngạc nhiên của đoàn Việt Nam, ông ta vội giải thích: "Sau khi nói chuyện xong, chúng tôi phải đi thẳng ra sân bay". Hôm ấy là thứ bảy, Kissinger cười và nói thêm: "Tôi phải hy sinh ba ngày nghỉ vì sự nghiệp hoà bình". Lê Đức Thọ cũng cười và nói: "Như vậy ít quá, làm sao mà giải quyết được".

Đi vào nội dung, Kissinger bắt đầu nói về một số điều chính trong lịch rút quân ông đưa ra lần trước, nâng con số sẽ rút trong tháng thứ tư và thứ năm lên một chút. Xuân Thuỷ bác bỏ việc Mỹ đòi hai bên cùng rút quân trong thời gian mười sáu tháng của Mỹ là một bước thụt lùi - và phê phán Mỹ vẫn chưa cử trưởng đoàn mới ở Hội nghị công khai.

Nhắc lại các sự kiện ở Lào và Campuchia, Xuân Thuỷ nói:

- Chính các ông đang dùng áp lực quân sự và áp lực chính trị để hòng ép chúng tôi nhận những điều kiện của các ông.

Bộ trưởng ủng hộ đề nghị rút quân Mỹ trong sáu tháng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời và chuyển sang vấn đề chính trị:

- Mỹ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, thừa nhận độc lập và trung lập của miền Nam Việt Nam. Cụ thể:

1 - Chúng tôi thừa nhận Chính quyền Sài Gòn là một thực thể nhưng phải thay đổi bọn cầm đầu hiện nay là Thiệu - Kỳ - Khiêm, kẻ đang cản trở việc giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam.

2 - Thành lập Chính phủ Lâm thời gồm ba thành phần: Những Đại biểu của Chính phủ Cách mạng Lâm thời, những Đại biểu của Chính quyền Sài Gòn không có Thiệu - Kỳ - Khiêm, và những Đại biểu các lực lượng chính trị ngoài hai lực lượng trên.

3 - Sau khi Mỹ rút, tổ chức tuyển cử bầu ra Quốc hội, thông qua Hiến pháp mới và tổ chức Chính phủ Liên hiệp chính thức.

Về vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam, sau khi thoả thuận về vấn đề chính trị và quân sự trên, chúng tôi sẵn sàng thảo luận.

Kissinger thừa nhận rằng vấn đề chính trị là vấn đề khó khăn nhất trong cuộc đàm phán này. Đó là trung tâm vấn đề đối với người Việt Nam. Đó cũng là lý do làm cho có tình hình chiến tranh trong hơn ba mươi năm qua. Ông nhắc lại hai nguyên tắc đã nêu ra là: phải thoả thuận với nhau xem tương quan lực lượng hiện có giữa các lực lượng hiện nay thế nào và phải thoả thuận với nhau về quá trình chính trị phải thực hiện để phản ánh tương quan lực lượng đó.

Là những người leninist, các ngài hiểu rõ luận điểm về quá trình chính trị không bao giờ ổn định cả. Và vì vậy phía Hoa Kỳ muốn tạo ra được một quá trình chính trị không loại trừ bất cứ kết quả nào, làm cho tất cả các nhóm chính trị đều có khả năng tham gia vào cuộc đấu tranh về các vấn đề chính trị Quốc gia. Chúng tôi đang tìm cách tách cuộc đấu tranh quân sự ra khỏi cuộc đấu tranh chính trị. Hoa Kỳ không chấp nhận một giải pháp bị ép buộc bằng quân sự, Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận kết quả của quá trình chính trị phản ánh nguyện vọng của nhân dân... Chúng tôi phản đối không phải các mục tiêu các ngài đề ra mà là tác dụng thực tế của các mục tiêu đó. Các ngài chỉ chọn những người mà các ngài cho là yêu chuộng hoà bình và đè bẹp tất cả các lực lượng chính trị có tổ chức của những người đối lập... chỉ thảo luận vấn đề chính trị đã có thể thay đổi thực tế chính trị rồi.

Lê Đức Thọ:

- Tôi thấy triết học của các ông quanh co, khó hiểu và khác với triết học macxit.

Kissinger:

- Tôi thấy khó thoả mãn những đồng sự người Hà Nội của tôi, vì nói cái gì chung chung thì các ngài bảo là không leninist, nói cái gì cụ thể thì các ngài lại không ưa.

Rồi ông ta kể một câu chuyện vui: Có người hỏi Anatole France (nhà văn Pháp, 1844-1924 - Tác giả) là ông đã đọc triết học của Kant chưa? A.France trả lời: tôi mới đọc ít lắm, mới được có 9

cuốn thời, nhưng tất cả cái gì quan trọng lại ở phần cuối

Lê Đức Thọ:

- Thế thì bây giờ tôi đang chờ phần cuối đó.

Kissinger không nói phần cuối mà tiếp tục đưa ra thí dụ để minh hoạ ý kiến của ông ta. Thí dụ hai bên bàn về thay đổi bà Bình thì sẽ ảnh hưởng đến tinh thần bà Bình... rồi ông ta nói phía Việt Nam đòi thay thế một số người cầm đầu trong Chính quyền Sài Gòn hiện nay như là một tiền đề cho quá trình chính trị thì Mỹ không nhận được. Ông cũng thừa nhận ta có khúc mắc trong vấn đề tuyển cử, ai sẽ đứng ra tuyển cử.

"Chúng tôi nghĩ rằng có nhiều mặt sáng tạo, thí dụ có ủy ban hỗn hợp tuyển cử, vì ủy ban này có thể đáp ứng rất xa những yêu cầu hợp lý của các ông!".

Lê Đức Thọ:

- Nó chưa nhích được một bước nào chứ không phải đi xa. Tôi chờ mãi câu chủ chốt nhưng rốt cục vẫn là ủy ban hỗn hợp như đã đề nghị ở Kléber.

Kissinger còn nói nhiều nữa rằng ông ta sẵn sàng bàn đến quan hệ giữa bầu cử tự do và phân chia quyền lực - việc bầu cử cơ quan hành pháp và trực tiếp hay gián tiếp - bầu Quốc hội, rồi Quốc hội bầu ra Chính phủ hay trực tiếp bầu ra Chính phủ... mối quan hệ giữa cơ quan hành pháp và lập pháp, giữa các tỉnh và Sài Gòn, v.v... . rồi vấn đề quân sự như ngừng bắn ảnh hưởng đến quá trình chính trị như thế nào...

Kissinger tóm tắt các đề nghị của ông ta như sau:

1 - Chúng tôi đồng ý - về nguyên tắc phải rút toàn bộ quân Hoa Kỳ và quân đồng minh.

2 - Chúng tôi đã trình bày một kế hoạch chi tiết về việc rút quân đó và chúng tôi cũng đã nói rằng vấn đề thời gian rút quân là vấn đề mềm dẻo và sẽ không để nó thành một trở ngại cho việc giải quyết.

3 - Chúng tôi đã nói chúng tôi không cam kết duy trì một lực lượng chính trị nào trong Chính quyền một khi đạt được một giải pháp.

4 - Chúng tôi đã nói về phương pháp thích hợp để biết được ý muốn của nhân dân nhưng chúng tôi cũng sẵn sàng bàn những đề nghị khác về các vấn đề đó.

5 - Chúng tôi đã nói là chúng tôi không những sẵn sàng bàn vấn đề tuyển cử một cách trù tượng mà còn sẵn sàng bàn mối liên quan giữa tuyển cử và quyền lực chính trị... mối liên quan giữa các vấn đề quân sự và chính trị, giữa quyền hành pháp và quyền lập pháp, vấn đề bảo vệ các lực lượng thiểu số... Nói cách khác, chúng tôi không nói đến bầu cử một cách trù tượng mà nói đến một cơ cấu chính trị cụ thể.

6 - Chúng tôi sẵn sàng xem xét vấn đề chính trị và vấn đề quân sự có liên quan với nhau không những một cách chung chung mà cả vấn đề cụ thể nữa, đặc biệt qua thảo luận vấn đề ngừng bắn.

Kissinger còn nói rằng Mỹ không có ý định dùng vấn đề Lào làm áp lực quân sự đối với Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng tiến tới một giải pháp thực hiện trên cơ sở giữ nguyên trạng ở Lào... sẵn sàng thực hiện với ta một sự thoả thuận để bảo đảm nền trung lập của Lào và bảo đảm an ninh cho lực lượng của Việt Nam khỏi bị những hoạt động đối địch xuất phát từ Lào.

Về vấn đề Campuchia, ông nói Mỹ đã không dính dáng vào và đã không dùng vấn đề Campuchia làm áp lực với Việt Nam và tuyên bố sẵn sàng hôm nay thoả thuận với Việt Nam về những sự sắp xếp để bảo đảm nền trung lập của Campuchia không bị vi phạm ...

Hoa Kỳ không có ý định gây ra một tình hình tương tự (như ở Việt Nam) ở một nơi khác ở Đông Nam Á. Còn về phía Việt Nam, hình như đã tiến hành tiến công ở Nam Việt Nam bốn ngày trước khi ông đến đây để đàm phán một cách nghiêm chỉnh.

Cuối cùng ông nói, trong cuộc đàm phán hiện nay, Hoa Kỳ đã có đại diện đứng đắn rồi và chính

ông đã bốn lần vượt đại dương sang đây đàm phán với Việt Nam một cách trung thực.

Xuân Thủy đề nghị nghỉ giải lao. Nhưng ông Cố vấn Nhà Trắng còn yêu cầu Bộ trưởng giải thích một câu ông nói rằng sẽ bàn rút quân của Việt Nam nếu hai bên đạt được thoả thuận.

Kissinger hỏi:

- Các ông sẽ bàn với ai?

Xuân Thủy:

- Với ai thì sẽ liệu.

Lê Đức Thọ:

- Chưa thoả thuận được với nhau thì làm sao biết bàn với ai.

Kissinger:

- Tôi cho rằng Bộ trưởng còn khó tính hơn tôi?

Xuân Thủy:

- Từ khi gặp ông đến giờ, tôi sinh ra khó tính thế đấy. Tôi học cái tính của ông đấy.

Kissinger:

- Ngay từ ngày đầu tiên gặp ông tôi đã thấy ông hắc lăm rồi.

Xuân Thủy:

- Không thể đâu. Chính là tôi cứ nghe cái triết lý quanh co của ông nên tôi mới trở nên khó tính.

Kissinger:

- Chúng tôi bất ngờ gặp phải các ông là đối phương chứ chúng tôi không lựa chọn. Nếu chúng tôi lựa chọn thì chúng tôi lựa chọn đối phương dễ tính hơn.

Sau khi nghỉ, Lê Đức Thọ phát biểu. Bằng lời lẽ mạnh mẽ, ông nói một cách thẳng thắn.

- Trong hai lần gặp vừa qua ông đều nói rằng các ông muốn giải quyết hoà bình, không muốn dùng áp lực quyết định, không muốn đàm phán trên thế mạnh, nhưng những việc làm thực tế của các ông làm cho chúng tôi không thể tin được những lời nói của ông.

Qua những sự kiện xảy ra ở Việt Nam, Lào và Campuchia, nhất là những sự kiện xảy ra ở Lào và Campuchia, chúng tôi cho rằng các ông vẫn tích cực thực hiện Việt Nam hoá chiến tranh, kéo dài và mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương...

Về Lào, trong hai, ba năm qua chiến sự vẫn diễn ra bình thường nhưng thử hỏi: Ai đã đánh chiếm Cánh Đồng Chum cho nên nhân dân Lào phải đánh trả lại và chiếm lại Cánh Đồng Chum, và bây giờ các ông lại đưa quân Thái vào Lào ném bom Cánh Đồng Chum rất ác liệt!

Về Campuchia, ai đã tổ chức cuộc đảo chính ở Campuchia, đã xoá bỏ nền độc lập và trung lập của Campuchia và đưa một tập đoàn phản động ở đó lên cầm quyền? Không ai khác hơn là Mỹ. Các ông nói các ông không uy hiếp Việt Nam trong vấn đề Lào và các ông không dính dáng đến vấn đề Campuchia. Điều đó hoàn toàn không đúng sự thật. Phương ngôn Việt Nam có câu "Không thể lấy thúng úp voi được".

Kissinger xen vào:

- Tôi thích câu nói ấy đấy.

Lê Đức Thọ tiếp tục lên án Mỹ định dùng lực lượng tay sai ở Campuchia phối hợp với lực lượng tay sai ở Nam Việt Nam tiêu diệt lực lượng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam và phong trào cách mạng Campuchia, thực hiện học thuyết của Nixon: dùng người châu Á đánh người châu Á.

"Rõ ràng các ông muốn dùng sức mạnh để giải quyết vấn đề và đàm phán trên thế mạnh, buộc nhân dân chúng tôi cũng như nhân dân Lào và nhân dân Campuchia phải khuất phục sức mạnh của các ông. Nhưng tôi cho đó chỉ là ảo tưởng... Các ông đã làm to. Bao nhiêu sức mạnh của các ông cũng không thể nào khuất phục được nhân dân chúng tôi cũng như nhân dân Lào và nhân dân Campuchia... Các ông không đánh giá đúng và không lường được hết lực lượng của toàn dân

tộc chúng tôi đứng dậy chống các ông. Bây giờ các ông lại muốn mở rộng chiến tranh sang Campuchia và lại muốn bước vào những vết xe cũ. Các ông tưởng dùng một số phản động trong quân đội lật đổ Sihanuc thế là xong. Nếu nghĩ như vậy thì thật đơn giản quá. Chính việc làm đó của các ông đã tạo ra ở Campuchia một tình hình là quần chúng nhân dân đã đoàn kết chống lại các ông và bọn phản động. Họ đã theo lời kêu gọi của ông Sihanuc và của Mặt trận Thống nhất Dân tộc Campuchia ở đây nổi lên với tất cả tinh thần dũng cảm của họ để bảo vệ độc lập và trung lập của Campuchia. Chỉ trong mười ngày thôi mà tình hình đã biến chuyển rất nhanh. Đó là báo hiệu sự thất bại của các ông”.

Lê Đức Thọ nói rõ thái độ của ta là ủng hộ tuyên bố năm điểm của Sihanuc, và chừng nào Chính quyền Lonnot-Sirik Matăk còn ở Phnom Pênh thì không giải quyết được vấn đề Campuchia.

Ông nói tiếp:

- Trong tình hình các ông đang thất bại ở Việt Nam và Lào thì làm sao lại thắng ở Campuchia được. Các ông đã gieo gió thì các ông sẽ gặt bão. Các ông đã gây ra mối hận thù dân tộc giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia, nhưng nhân dân ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào đã có truyền thống đoàn kết chống Pháp chín năm trước đây và đã gắn bó với nhau từ lâu, các ông không phá vỡ nổi sự đoàn kết đó. Ngày nay nhân dân ba nước Việt Nam - Lào càng kiên quyết chiến đấu và nhất định giành thắng lợi. Các ông nhất định sẽ thất bại lớn hơn nữa.

Vậy ngày nay có giải quyết được vấn đề hoà bình ở Việt Nam, Lào và Campuchia hay không, điều đó không tùy thuộc ở chúng tôi mà chính là tùy thuộc ở các ông.

Ông cũng nói đến hai khả năng giải quyết vấn đề Việt Nam: hoà bình hay chiến tranh, và tiếp:

- Chúng tôi vẫn đề nghị cánh cửa cho một giải pháp hoà bình. Nhưng ông Nixon chưa muốn giải quyết vấn đề và còn nhiều tham vọng

Mong rằng giáo sư Kissinger có đầu óc nghiên cứu nắm vấn đề để giải quyết, hãy tỉnh táo nhìn vào thực tế.

Về tương quan lực lượng chính trị ở miền Nam Việt Nam, Lê Đức Thọ nhấn mạnh:

- Lực lượng Thiệu - Kỳ - Khiêm mà các ông nói, có thể đếm được trên đầu ngón tay. Còn nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân miền Nam là hoà bình, trung lập. Chỉ có một thiểu số tướng tá là thích chiến tranh thôi ..

Khi Lê Đức Thọ kết thúc lời phát biểu của mình, Kissinger nhận xét ngay là Có vấn đề đặc biệt Lê Đức Thọ đã nói đúng 55 phút không kém ông ta và hứa sẽ nghiên cứu ý kiến của ông Thọ.

Kissinger nói đi nói lại rằng Mỹ không chủ mưu gây ra đảo chính ở Campuchia, rằng ông Thọ đã quá đề cao Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA). (Sau này Kissinger cũng viết như vậy trong cuốn sách "Ở Nhà Trắng" của ông ta, và cũng ghi lại một số đoạn phát biểu của Lê Đức Thọ đã gây cho ông ta ấn tượng sâu sắc).

Kissinger nói lại một cách lâm li, cố thuyết phục ông Thọ:

- Chúng ta phải chọn một trong hai điều: một là chúng ta vẫn tiếp tục nhưng chúng ta cứ trốn đằng sau những phức tạp của Việt Nam. Cả hai bên chúng ta đều có đủ thông minh, đặc biệt là các ông có tài về biện chứng, để kéo dài mãi mãi cũng được. Đó là một sự tập luyện về lý luận không dẫn tới đâu cả mà không cần sự tham gia của tôi. Hai là chúng ta cố gắng theo tinh thần của Bộ trưởng Xuân Thuỷ... là hai bên phải tìm cách đề cập đến những vấn đề cơ bản và đưa ra những đề nghị cụ thể mới để có thể chấm dứt chiến tranh trong năm nay.

Hai bên còn tranh luận thêm về vấn đề Lào và Campuchia và hứa nghiên cứu ý kiến của nhau.

Kissinger đề nghị có thêm một phiên gặp riêng nữa, nhưng Cố vấn Lê Đức Thọ đề nghị hai bên nghiên cứu ý kiến của nhau, đến lúc nào đó thấy có gì mới sẽ gặp lại.

Hiệp đầu đàm phán giữa Lê Đức Thọ và Kissinger chấm dứt với phiên họp ngày 4 tháng 4.

Trong đợt này hai bên có đi vào vấn đề thực chất, nhưng nói chung vẫn giữ quan điểm của mình. Mỹ vẫn muốn đàm phán trên thế mạnh, tuy có rút một số quân Mỹ nhưng mở rộng chiến tranh sang Campuchia, tăng cường chiến sự ở Lào, họ chưa thật muốn bàn bạc nghiêm chỉnh một giải pháp.

Trong Hồi ký, ông Kissinger nhận định như sau:

“Hiệp đầu đàm phán với Lê Đức Thọ thất bại vì ngoại giao bao giờ cũng phản ánh một so sánh lực lượng nào đó và Lê Đức Thọ không làm lầm đâu. Ông ta đánh giá đúng dư luận công chúng ở Hoa Kỳ - và đặc biệt là thái độ các tổ chức lãnh đạo mà ông đã xác minh được. Những vấn đề do Việt Nam hoá đặt ra là có thật. Tình trạng thiếu kỷ luật trong Chính quyền Mỹ bộc lộ những bất đồng tư tưởng chia rẽ hành pháp. Trong những hoàn cảnh như thế, Lê Đức Thọ không có lý do gì để thay đổi yêu cầu rút quân Mỹ không điều kiện và đánh đổ Chính phủ Sài Gòn” (H.Kissinger. Ở Nhà trắng Sdd, tr. 485-486.).

Lúc chia tay với Kissinger, ngày 4 tháng 4, Lê Đức Thọ nói:

“Bây giờ quan điểm của hai bên còn xa nhau”.

Với sự thoả thuận của hai bên, các cuộc gặp riêng hoãn không thời hạn. Và lại, không khí chính trị ở Mỹ, ở Đông Dương đang chuyển biến nhanh và phức tạp.

Giữa kẻ thù không chịu nổi và sự chống đối bên trong cũng không chịu nổi

Tại Lào, ngày 1 tháng 5, liên quân Lào - Việt tiến đánh Atôpơ, giải phóng thị xã và vùng lân cận. Ngày 9 tháng 6 lại giải phóng tỉnh lỵ Saravan và khu vực chung quanh. Cả miền Nam Lào hầu như được giải phóng.

Một bộ phận liên quân Lào - Việt tiến sang đất Campuchia vào tỉnh Stung-treng, đánh tan một lực lượng đáng kể của quân Lonol, giải phóng một số quận lỵ và thị xã, và tiến sát đến biên giới Thái Lan. Tỉnh lỵ Sêkông thuộc tỉnh Mônđukiri bị mất, quân Lonol phải bỏ chạy khỏi Ratanakin.

Ngày 5 tháng 6, Kratié rơi vào tay lực lượng giải phóng. Lực lượng giải phóng Campuchia, với sự giúp đỡ của Việt Nam, đánh chiếm nhiều vùng rộng lớn ở phía Nam và phía Bắc đường số 5, đánh Kôngpôngsơ và nhiều nơi khác. Từ tháng 5 năm 1970, Phnom Pênh đã bị cắt đứt với cảng

Kôngpôngxom (Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, Sđd, tr. 50-51.).

Cuộc hành quân của Mỹ đánh vào vùng Móc Câu với mục tiêu chính là tiêu diệt cơ quan đầu não của cách mạng miền Nam cũng bị bẻ gãy.

Như vậy, trong hai tháng, Quân giải phóng Campuchia với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang Việt Nam đã giải phóng hoàn toàn năm tỉnh Đông Bắc Campuchia: Kratié, Tung trong, Ratanakiri, Mondunkiri, Kôngpông Cham (Lịch sử kháng chiến chống Mỹ. Sđd t.2, tr 5051.).

Trên chiến trường miền Nam, nhân lúc Mỹ - Ngụy bị hút sang Campuchia, các quân khu, các mặt trận kịp thời tiến công - chủ yếu bằng lực lượng đặc công và pháo binh - nhiều căn cứ Mỹ - Ngụy ở nhiều thành phố và thị xã và phòng tuyến phòng thủ vành ngoài của chúng từ Trị - Thiên đến Quảng Nam - Đà Nẵng và Tây Nguyên, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân của địch.

Riêng ở đồng bằng sông Cửu Long, lực lượng Chính phủ Cách mạng Lâm thời bao vây bức rút 1000 đồn bót, phá rã và phá lỏng gần 1600 ấp chiến lược và khu dồn dân của địch. Nửa đầu năm 1970, Mỹ - Ngụy không dồn thêm được dân, lần thêm được đất. Tình hình cách mạng miền Nam không còn quá khó khăn như năm 1969. Phong trào chống chiến tranh, chống Mỹ - Thiệu, đòi hoà bình, đòi Mỹ rút quân và thay Thiệu cũng phát triển ở các đô thị.

Ngày 24 tháng 4 năm 1970, Hội nghị cấp cao của nhân dân ba nước Đông Dương - gồm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Hoàng thân Sihanuc, Hoàng thân Suphanuvông - được triệu tập ở Quảng Châu (Trung Quốc) đánh dấu một sự phát triển mới của sự đoàn kết chiến đấu chống đế quốc giữa nhân dân ba nước Đông Dương.

Tại Mỹ, trước sức ép của nhân dân và Quốc hội đòi rút thêm quân, ngày 20 tháng 4 năm 1970, Tổng thống Nixon công bố lệnh rút thêm 150.000 quân nữa, từ đó cho đến hết năm 1971. Ông hy vọng rằng đợt rút quân lớn này sẽ làm yên lòng nhân dân Mỹ, đồng thời tăng thêm sức ép Việt Nam. Nhưng việc đưa quân Mỹ sang Campuchia, dù ông gọi là "một hành động tạm thời và hạn chế" nhằm "chấm dứt chiến tranh Việt Nam" đã gây nên một làn sóng phản đối mạnh mẽ trong nhân dân và Quốc hội Mỹ.

Cuối tháng 4 đã có biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam ở hai trăm thành phố lớn nhỏ tố cáo Nixon leo thang chiến tranh. Các báo lớn ở Mỹ lên án ông nuốt lời hứa sẽ rút cam kết ở Đông Nam Á và đi sâu một cách nguy hiểm vào chiến tranh. Họ cho rằng cuộc hành quân của Nixon vào Campuchia là một sự lừa dối, một ảo tưởng. Các cuộc bãi công và biểu tình nổ ra ở khắp nơi trong ngày 1 tháng 5. Phong trào chống chiến tranh mạnh nhất là tại các Trường Cao đẳng và Đại học. Nhiều nơi đã xảy ra xô xát với cảnh sát

Ngày 4 tháng 5, trong một cuộc tập hợp chống chiến tranh tại Trường Đại học Kent, cảnh sát đã bắn chết 4 sinh viên, đổ thêm dầu vào ngọn lửa phản chiến đang bốc cao trong toàn quốc. Hàng ngàn học sinh, sinh viên cùng các giáo sư tiến về Washington tố cáo việc leo thang điên rồ của Chính phủ. Chiều thứ bảy ngày 9 tháng 5, ngày phản đối toàn quốc, một cuộc mít tinh khổng lồ gồm hơn 100.000 người diễn ra cạnh Nhà Trắng. Chính quyền phải điều động quân đội và xe bọc thép đến bảo vệ. Ở các

Trường Đại học trong toàn quốc sinh viên bãi khoá, biểu tình ngòi, đốt lửa cầu nguyện cho hoà bình. Nixon phải ra lệnh đóng cửa các trường Đại học. Theo Kissinger, ngay ở Bộ Ngoại giao, 250 viên chức đã ký một bản tuyên bố tỏ ý không tán thành chính sách của Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao Wilham Roger, Bộ trưởng Quốc phòng Melvin Laird cũng không tán thành đưa quân vào Campuchia, Bộ trưởng Nội vụ Walter Hickel phản đối công khai.

Tại quốc hội Mỹ, ngày 26 tháng 4, đa số Đại biểu đã bỏ phiếu huỷ Nghị quyết về Vịnh Bắc Bộ tháng 8 năm 1964 cho phép Tổng thống đưa quân sang Đông Nam Á. Tiếp đó các cuộc tranh luận về chính sách của Nixon ở Đông Dương diễn ra rất gay gắt. Có dự luật đòi cắt viện trợ cho bọn Lonol sau 30 tháng 6 năm 1971, có dự luật đòi chấm dứt ngân sách cho chiến tranh Đông Dương vào cuối năm đó hoặc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 1971. Cay đắng nhất cho Nixon là Quốc hội Mỹ đã thông qua quyết định đòi Chính quyền rút quân khỏi Campuchia trước ngày 1 tháng 7 năm đó. Ngày 30 tháng 6, Nixon phải ra lệnh rút hết quân Mỹ khỏi Campuchia.

Sau này Nixon viết rằng "Những ngày sau sự kiện xảy ra ở Kent là những ngày đen tối nhất trong nhiệm kỳ Tổng thống của tôi. Tôi thấy vô cùng chán nản" (R. Nixon Hồi ký. Sđd, tr 457).

Kissinger viết: "Chúng ta chấm dứt cuộc hành quân ở Campuchia mà không giải quyết được vấn đề trong một cuộc đấu tranh với một kẻ thù không chịu nổi cùng với một sự chống đối bên trong cũng không chịu nổi" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sđd, tr 532).

Mỹ đưa quân vào Campuchia, tiếp tục ném bom miền Bắc nhưng vẫn tỏ ra muốn thương lượng.

Ngày 6 tháng 5 năm 1970, một tuần sau khi Mỹ đưa quân vào Campuchia, tướng V. Walters gọi điện thoại ba lần xin gặp Mai Văn Bộ nói là có công hàm của Washington.

Trong phiên họp công khai thứ 66 ngày hôm ấy, trước việc Mỹ ném bom bắn phá liên tục miền Bắc, cả đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời ra tuyên bố phản đối các hành động chiến tranh nói trên của Mỹ, vi phạm thoả thuận giữa hai bên ngày 30 tháng 10 năm 1968, rồi bỏ về. Bộ trưởng Xuân Thuỷ tuyên bố sẽ rời Paris về nước.

Ngày Bộ trưởng Xuân Thuỷ và bà Nguyễn Thị Bình, Trưởng đoàn Đại biểu Chính phủ Cách mạng Lâm thời, rời Paris thì cũng là ngày Mai Văn Bộ tiếp tướng Walters.

Viên tướng Mỹ đọc thông điệp sau đây cho Mai Văn Bộ:

"Chính phủ tôi đã xem xét một cách đầy đủ những điều liên quan xảy ra từ cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng ta và cho rằng những cuộc thảo luận đó cũng như những sự kiện gần đây nêu rõ sự cần thiết phải có những đề cập mới có thể làm dễ dàng việc tiếp tục cuộc đối thoại có tính chất xây dựng trong diễn đàn này.

Xuất phát từ thái độ đó và từ lòng mong muốn đi tới chấm dứt nhanh chóng cuộc xung đột trên cơ sở công bằng, Chính phủ chúng tôi đề nghị một cuộc gặp nữa giữa Tiến sĩ Kissinger với Bộ trưởng Xuân Thuỷ và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ... từ sau ngày 6 tháng 5, vào bất cứ ngày cuối tuần nào thuận tiện đối với Bộ trưởng và Cố vấn đặc biệt".

Hà Nội không vồ vập. Gần một tháng sau, ngày 3 tháng 6, Mai Văn Bộ trao trả lời cho tướng Walters.

"Những lời nói hoà bình của Hoa Kỳ chỉ là lời nói suông, cho nên trong tình hình như vậy một cuộc gặp giữa Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ với Tiến sĩ Kissinger như đề nghị đầu tháng 5 của Hoa Kỳ sẽ không đem lại điều gì bổ ích. Tuy nhiên khi nào Hoa Kỳ từ bỏ việc dùng áp lực quân sự và có thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí thì Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẵn sàng gặp lại Cố vấn Kissinger để tìm một giải pháp hoà bình cho vấn đề Việt Nam."

Mỹ càng tỏ ra hiếu chiến và ngoan cố, ta càng tỏ thái độ vững vàng, cứng rắn. Nhưng ta không cắt cầu.

Tháng 7, sau khi rút quân khỏi Campuchia, theo đề nghị của Kissinger, Nixon cử David K.E. Bruce, khi đó bảy mươi hai tuổi, làm Trưởng đoàn Đại biểu Mỹ tại Hội nghị Kléber. Con một gia đình lớn ở Maryland, ông đã 30 năm trong ngành ngoại giao, đã từng là đại sứ ở Lon don, Paris, Bone. Kissinger thấy ở ông ta một con người có bản lĩnh, một con người "hiểu rằng danh dự một Quốc gia không phải là chuyện thường, người Mỹ không vượt các thế kỷ để phản bội những người đã tin vào lời hứa của Mỹ". Ông cho rằng ông Bruce sẽ phải cùng đi một đoạn đường dài và gian khổ, nhưng tin rằng bên cạnh Bruce gánh nặng sẽ giảm nhẹ đi.

Ngày 5 tháng 7, tướng Walters chuyển cho Trần Viết Dung, đại diện lâm thời Việt Nam ở Paris, một công hàm của Mỹ đề nghị một cuộc gặp mới vào bất kỳ lúc nào sau 25 tháng 7.

Ngày 18 tháng 7, Trần Viết Dung được chỉ thị trả lời:

"Theo công hàm ông Walters nhờ ông Trần Viết Dung chuyển ngày 5 tháng 7 năm 1970 trong đó Chính phủ Hoa Kỳ đề nghị một cuộc gặp mặt mới... Bộ trưởng Xuân Thuỷ đồng ý gặp Cố vấn Kissinger vào 28 tháng 8 tại Paris"

Nhưng phía Mỹ có lẽ bị ám ảnh là nhận thời hạn do đối phương ấn định là bị động như hồi tháng 2, nên họ đề nghị lui ngày họp vào 7 tháng 9.

Cuộc họp vẫn ở 11 phố Darthé.

Kissinger tỏ vẻ vui mừng được gặp lại Xuân Thuỷ, gửi lời chào Cố vấn Lê Đức Thọ (vắng mặt hôm đó) và cho ta biết đại sứ D.Bruce, nhà ngoại giao có tài, người có đủ thẩm quyền đàm phán về mọi vấn đề, ông nhấn mạnh rằng việc cử Bruce cầm đầu phái đoàn Mỹ ở Hội nghị bốn bên là một việc có ý nghĩa, đáp ứng yêu cầu của ta, là dấu hiệu về thiện chí và đàm phán nghiêm chỉnh của Mỹ.

Đi vào nội dung cuộc gặp, ông ta nói Hoa Kỳ muốn chấm dứt chiến tranh nhanh chóng bằng đàm phán, nhưng vì Hoa Kỳ không làm cho phía Việt Nam đàm phán nghiêm chỉnh được nên Hoa Kỳ buộc phải đi theo con đường khác là rút quân dần dần đi liền với việc tăng cường quân đội Nam Việt Nam.

"Đối với chúng tôi các ngài có nghi kỵ sâu sắc. Sự nghi kỵ sẽ không giảm bớt nếu thời gian trôi đi ..."

"Chúng ta sắp sửa đến thời gian mà khả năng giải pháp có thể trôi qua. Vượt quá một mức nào đó thì các ngài sẽ đưa mình vào một cuộc đọ sức bằng vũ khí. Tôi thì không đoán trước được rằng một cuộc đọ sức như vậy với một quân đội Nam Việt Nam được tăng cường và được chúng tôi ủng hộ sẽ chấm dứt như thế nào và bao lâu mới chấm dứt được. Nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng một tuyên bố như vậy làm cho một giải pháp thương lượng với Hoa Kỳ càng khó khăn hơn. Thế thì hãy tìm cách đạt được một giải pháp khi còn thì giờ".

Ông ta nêu ba diễn đàn để làm việc: diễn đàn thứ nhất có ông ta tham gia, diễn đàn thứ hai: gặp gỡ riêng giữa hai Trưởng đoàn, và diễn đàn ở Kléber. Kissinger lại kể ra những hành động thiện chí của Mỹ: chấm dứt ném bom miền Bắc, đã rút quân, đồng ý đàm phán có Mặt trận Dân tộc Giải phóng, đã tuyên bố sẽ rút hết quân Mỹ, và trong một năm rưỡi đã rút gần 200.000 quân... Rồi nói rằng hai điều kiện tiên quyết mà ta đặt ra là không phù hợp như đòi rút đơn phương toàn bộ quân Mỹ và đòi Mỹ gạt những người lãnh đạo Nam Việt Nam.

"Nếu như Hoa Kỳ rút quân không điều kiện và các ngài muốn thay thế Chính phủ Nam Việt Nam thì đó là vấn đề của các ngài, không phải là vấn đề của chúng tôi nữa. Nếu như các ngài muốn đàm phán về vấn đề chính trị với chúng tôi thì các ngài phải bỏ các điều kiện tiên quyết đó đi".

Tiếp đó ông ta muốn đi vào thảo luận cụ thể và đưa ra lịch rút quân 12 tháng: Tháng đầu 5.000, tháng thứ 2 và thứ 3: mỗi tháng 10.000, tháng thứ 4: 45.000, tháng thứ 5: 35.000, tháng thứ 6: 44.000.

Ba tháng tiếp theo mỗi tháng 60.000. Tháng thứ 10 và 11: mỗi tháng 20.000. Tháng thứ 12: 15.000.

Ông ta chấp nhận hai nguyên tắc rút quân toàn bộ và cả căn cứ quân sự, đã đưa ra lịch rút quân toàn bộ và nếu được đáp ứng bằng một sự có đi có lại thì có thể đi đến chấm dứt chiến tranh.

Về chính trị, ông ta nhắc lại ba nguyên tắc mà Nixon đã nói hôm 20 tháng 4 là phải phản ánh nguyện vọng của nhân dân Nam Việt Nam, phải phản ánh tương quan lực lượng hiện có, không có sự can thiệp từ bên ngoài, và Hoa Kỳ sẽ tôn trọng kết quả quá trình chính trị mà hai bên đã thoả thuận.

Ông ta thừa nhận nhiệm vụ như vậy là rất khó khăn, nhưng điều quan trọng là chúng ta phải hiểu rõ những giới hạn trong lập trường của mỗi bên. Sự mềm dẻo của Hoa Kỳ là rõ nhưng Hoa Kỳ không nhận thay đổi trước các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam. Về Mặt trận, ông nói: dĩ nhiên đó là một thực tế hiện có, và nói chung điều chúng ta phải thoả thuận là phải thừa nhận rằng tất cả các lực lượng chính trị hiện có ở Nam Việt Nam là những thực tế.

Ông ta nhắc lại việc muốn tạo ra một quá trình chính trị, tạo ra các khả năng cho mỗi bên phát huy được sự ủng hộ của nhân dân Nam Việt Nam, *"chứ chúng ta không thể bảo đảm rằng bên này hay bên kia sẽ thắng, và hai bên phải thoả thuận tôn trọng kết quả của quá trình đó"*.

Cuối cùng Cố vấn Kissinger nói rằng Hoa Kỳ không có ý định đánh lừa Việt Nam như hồi năm 1954 và kêu gọi thảo ra một chương trình làm việc để sớm kết thúc chiến tranh.

Bộ trưởng Xuân Thuỷ cũng tỏ ra vui mừng được gặp lại Kissinger, cũng đồng ý về ba diễn đàn như ông ta nêu ra, nhưng thấy rằng phần nói về lý do của Kissinger thì rất dài còn phần nói về thực chất thì quá ngắn.

Một lần nữa Xuân Thuỷ nói: Việt Nam là một nước nhỏ, chỉ muốn sống trong hoà bình và độc lập, tự do, nhưng lại bị xâm lược nên phải chống lại, bất kể đối phương lớn mạnh như thế nào. Không phải chúng tôi thích dùng vũ lực mà chính kẻ xâm lược buộc chúng tôi phải dùng vũ lực để bảo vệ đất nước và cuộc sống.

Bộ trưởng lên án Mỹ dùng vũ lực đẩy mạnh càn quét ở miền Nam Việt Nam, mở rộng chiến tranh sang Campuchia để ép Việt Nam trên bàn đàm phán, nhưng Mỹ đã đẩy nhân dân Campuchia chống lại Mỹ, Mỹ sẽ sa lầy thêm. Thời gian sẽ trả lời.

Hai bên trình bày cách hiểu khác nhau về quyền tự quyết của nhân dân Nam Việt Nam, về vấn đề ai sẽ đứng ra tổ chức tuyển cử ở Nam Việt Nam, làm sao để có tuyển cử công bằng.

Kissinger nhấn mạnh hai điểm mới trong vấn đề rút quân của ông: thừa nhận rút toàn bộ kể cả căn cứ quân sự, và lần đầu tiên ông ta đưa ra một kế hoạch cụ thể từng tháng mà 4/5 quân số sẽ rút trong chín tháng. Ông ta cũng nói áp lực của Bắc Việt Nam là áp lực từ bên ngoài và sẵn sàng tìm ra những phương pháp làm cho nhân dân Nam Việt Nam có thể tự do phát biểu nguyện vọng của mình thông qua các tổ chức mà người ta có thể tìm; phía Việt Nam đã thiếu kiên nhẫn đối với quan niệm về Ủy ban tuyển cử hỗn hợp; phía Mỹ không quan tâm người ta gọi cái đó là cái gì.

Ông ta đề nghị bàn cụ thể về việc thành lập Chính phủ như thế nào. Ông ta nói rằng ông tin vào sức thuyết phục của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đối với Chính phủ Cách mạng Lâm thời và phía Việt Nam hãy tin vào sức thuyết phục của Mỹ còn nhiều khi quân Mỹ còn đông, nếu như còn lâu mới đạt được một giải pháp thì sự có mặt của quân Mỹ ít đi, sức thuyết phục của Mỹ cũng ít đi.

Kissinger đề nghị bàn vấn đề rút quân trong một vài phiên họp nữa. Còn về chính trị nên bàn một cách chính xác việc tổ chức tuyển cử ở miền Nam như thế nào. Ông ta cho rằng nếu thoả thuận được về một cuộc bầu cử tự do thật sự thì việc Bộ trưởng Xuân Thuỷ đòi thay thế Thiệu - Kỳ - Khiêm chỉ còn là lý thuyết thôi.

Kissinger tiếp:

- Tôi xin hỏi Bộ trưởng, tôi có thể báo cáo với ông Nixon rằng cách đề cập tổng quát như vậy về nguyên tắc có thoả thuận được không?

Xuân Thuỷ không trả lời câu này mà nhắc lại việc lập Chính phủ liên hiệp theo ba bước đã nói trước đây, rồi thêm:

- Chúng tôi không sợ gì cả - đe dọa cũng không sợ - kéo dài hay mở rộng chiến tranh cũng không sợ, chỉ muốn giải quyết thế nào cho hợp lý.

Kissinger lại hỏi:

- Nếu ông Nixon hỏi tôi, và chắc chắn ông ta sẽ hỏi, là tôi sang đây đạt được gì, Bộ trưởng nói gì khác hơn ở Kléber, thì Bộ trưởng bảo tôi thế nào?

Xuân Thuỷ vui vẻ trả lời:

- Khó gì đâu, ông hãy trả lời rằng: vì ông Tổng thống giao cho ông Cố vấn nhiệm vụ sang đây không nói gì mới, nhất là về vấn đề chính trị, nên Bộ trưởng Xuân Thuỷ cũng không nói gì mới. Tuy ông Xuân Thuỷ không nói gì mới nhưng sau khi trao đổi, ông Xuân Thuỷ giải thích rõ hơn và có lý hơn, cho nên vấn đề chính là Tổng thống phải thay đổi chính sách hiện nay. Còn về vấn đề quân sự, các ông đề ra 12 tháng rút hết quân, bà Bình đề ra 6 tháng, phải xem cái nào hợp hơn.

Kissinger từ đầu đến giờ không nói gì đến việc rút quân miền Bắc liền đáp:

- Giải quyết vấn đề rút quân phải tùy thuộc vào việc giải quyết các vấn đề khác. Nếu không phải giải quyết các vấn đề khác thì vấn đề rút quân cũng không giải quyết được.

Ông lại hỏi Xuân Thuỷ:

- Có thể về lý thuyết có khả năng là sau khi nghiên cứu ý kiến của chúng tôi, Bộ trưởng thấy có một số điểm nào hợp lý thì Bộ trưởng có thay đổi gì không?

Hai bên phải nghiên cứu ý kiến của nhau. Về điểm Thiệu - Kỳ - Khiêm thì tôi không đồng ý với ông. Ông có thể nói với Nhà Trắng nhiều cách: ông nói là ông đã nói hết lý lẽ rồi, cũng có đe dọa một tý rồi, nhưng không hề làm cho ông Xuân Thuỷ lung lay. Sau đó thoả thuận là hai bên trở về nghiên cứu ý kiến của nhau.

- Tôi không bao giờ đe dọa Bộ trưởng đâu?

Hai bên hẹn gặp lại nhau ngày 27 tháng 9. Kissinger nói thêm rằng:

- “Chúng tôi biết các ngài đã tồn tại hai ngàn năm không phải là do nhân nhượng và mềm dẻo đâu, và... tôi không tìm cách đánh lừa các ngài... Con đường này là con đường tốt nhất, duy nhất để nhanh chóng chấm dứt chiến tranh”.

Rồi ông ta kêu gọi phía Việt Nam hãy xem xét những điểm thay đổi đem lại sức sống và sự khấn trương trong đàm phán. Về điểm này Bộ trưởng Xuân Thuỷ tán thành.

Trước khi ra về, nhân việc Xuân Thuỷ nói về Mỹ sa lầy, Kissinger kể một câu chuyện Nga:

- “Có một người hót hơ hót hải chạy vào làng kêu cứu ông Mikhailôvic vì ông đã ngấp đến đầu gối rồi. Dân làng chạy ra và bảo: hót hoảng gì vì ông ta mới ngấp tới mắt cá chân. Nhưng khổ là ông ta đã ngã đầu chúc xuống vũng lầy, chứ không phải đi vào vũng lầy đâu!”.

Xuân Thuỷ không bình luận về câu chuyện này, nhưng khi Kissinger yêu cầu giữ bí mật cuộc họp thì nói:

- Sẽ không bị sa lầy trong việc bị lộ.

Đây là lần đầu tiên Mỹ đưa ra lịch rút quân Mỹ trong 12 tháng mà không nói gì đến việc đòi miền Bắc rút thế nào, chỉ nói lấp lửng “đáp ứng” đồng thời lại nói có giải quyết được vấn đề khác (chính trị) mới giải quyết vấn đề rút quân. So với lần trước thì hình như có sự nhân nhượng và có phần mềm dẻo hơn, nhất là về quân sự. Đây là một cái bẫy. Tuy Mỹ còn nhiều khó khăn, nhưng lực lượng của họ còn mạnh, họ còn rất ngoan cố. Khó khăn chưa buộc Mỹ phải nhân nhượng mà tình hình chiến trường lại đang có lợi cho Mỹ để giải quyết trong lúc này, đồng thời giải quyết trong lúc này cũng có lợi cho Mỹ trong bầu cử Quốc hội.

Trước đây Kissinger nhấn mạnh hai bên cùng rút quân vì lúc đó chủ lực của ta còn nhiều ở miền

Nam. Nay Mỹ biết rõ chủ lực ta đã rút đi nhiều và lực lượng du kích cũng yếu cho nên họ đặt vấn đề rút mà không nói rõ lực lượng ta phải rút - đồng thời lại nhấn mạnh giải quyết vấn đề chính trị. Đặt vấn đề như vậy rất có lợi cho họ vì so sánh lực lượng vẫn nghiêng và có lợi cho Mỹ sau khi rút quân Mỹ. Hơn nữa, sau khi ký kết hai bên sẽ không được tăng lực lượng, lực lượng ta ở Campuchia không trở lại miền Nam được và họ sẽ đặt vấn đề giải quyết cùng lực lượng nguy trong đàm phán riêng về Campuchia. Như vậy họ định lấy vấn đề ta rút quân để đổi lấy việc ta nhân nhượng họ về chính trị. Họ muốn có cả ưu thế quân sự và ưu thế chính trị.

Kissinger không nhắc đến vấn đề Lào và Campuchia, vì có thể muốn tìm cách giải quyết riêng ba vấn đề, sau đó có Hội nghị Quốc tế bảo đảm cho cả ba nơi.

Đột tấn công ngoại giao tháng 9 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời

Ngày 1 tháng 9 năm 1970, Quốc hội Mỹ lại thảo luận dự luật bổ sung của hai Thượng nghị sĩ Mc Govern và Hatfield đòi rút quân Mỹ khỏi miền Nam chậm nhất vào 31 tháng 12 năm 1971. Từ khi mới đưa ra, dự luật này đã được các nhà bình luận thời sự của các báo lớn ở Mỹ ủng hộ rộng rãi. Họ cho rằng với dự luật này sẽ chấm dứt lối bài bầy của Chính quyền và nếu Chính quyền chống lại thì tự mình sẽ bỏ rơi mặt nạ hoà bình mà chỉ cốt tìm kiếm thắng lợi quân sự. Nếu dự luật đó được thông qua thì Chính quyền Nixon sẽ bị bó tay, Chiến lược Việt Nam hoá sẽ lâm nguy, Mỹ sẽ mất một sự ủng hộ của đồng minh đã gửi quân tham chiến ở Việt Nam, và thế thương lượng của Mỹ ở Paris sẽ bị suy yếu nghiêm trọng, và đôi phương sẽ được cổ vũ thêm, càng quyết tâm hơn.

Dự luật đó đã bị bác bỏ với năm mươi lăm phiếu chống và ba mươi chín phiếu thuận, nhưng có tới ba mươi chín Thượng nghị sĩ ủng hộ là một con số không lấy gì làm vui cho Chính quyền Nixon. Chắc chắn con số đó sẽ tăng lên nếu chiến tranh kéo dài.

Đàm phán vẫn bế tắc, dư luận thế giới cũng đòi hỏi phải phá vỡ bế tắc ở Hội nghị Paris. Ở miền Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời chưa đánh được những trận lớn, nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân các đô thị chống Mỹ - Thiệu, đòi Mỹ rút quân, lập lại hoà bình, phát triển. Trước tình hình đó, Chính phủ Cách mạng Lâm thời chủ trương mở đột tấn công ngoại giao phục vụ cho chiến trường, tranh thủ dư luận và cô lập thêm Chính quyền Nixon.

Ngày 17 tháng 9, sau cuộc gặp Xuân Thuỷ - Kissinger, tại Hội trường Kléber, bà Bộ trưởng Trưởng đoàn Đại biểu Chính phủ Cách mạng Lâm thời đưa ra đề nghị tám điểm - nói rõ thêm về một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam. Những điểm chủ yếu trong kế hoạch này là:

1 - Rút hết quân Hoa Kỳ và quân nước ngoài thuộc phe Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam trước ngày 30 tháng 6 năm 1971. Trong trường hợp đó, các lực lượng vũ trang giải phóng sẽ không đánh vào quân Mỹ đang rút và các bên sẽ thảo luận ngay.

Vấn đề bảo đảm an toàn cho quân Mỹ rút;

Vấn đề thả các quân nhân bị bắt.

2 - Thành lập ở Sài Gòn một Chính quyền không có Thiệu - Kỳ - Khiêm, một Chính quyền tán thành hoà bình, độc lập, trung lập chăm lo cải thiện đời sống cho dân, thi hành các quyền tự do dân chủ, trả lại tự do cho những người bị giam giữ vì lý do chính trị, giải tán các khu tập trung để nhân dân trở về quê cũ làm ăn. Chính phủ Cách mạng Lâm thời sẵn sàng nói chuyện ngay với một Chính quyền như vậy để tìm một giải pháp chính trị nhằm chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Kế hoạch còn đưa ra công khai việc lập Chính phủ liên hiệp lâm thời ba thành phần đứng ra tổ chức bầu cử, thành lập Quốc hội, và bầu ra Chính phủ chính thức.

Còn các vấn đề khác như: giải quyết các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam, vấn đề thống nhất, bảo đảm ngừng bắn... Chính phủ Cách mạng Lâm thời nêu như trong mười điểm năm 1969.

Vấn đề rút quân và thả tù binh trong đó có phi công Mỹ bị bắt là hai vấn đề lớn được dư luận

Mỹ quan tâm. Chính phủ Cách mạng Lâm thời còn tuyên bố sẵn sàng nói chuyện ngay với các lực lượng hoặc cá nhân thuộc mọi xu hướng chính trị, tôn giáo ở trong và ngoài nước để tiến tới một giải pháp nhanh chóng.

Đề nghị tám điểm nói rõ thêm được dư luận thế giới quan tâm. Nhiều báo Mỹ nhận thấy có điểm mới và lại yêu cầu Chính quyền Nixon nắm lấy cơ hội. Ở miền Nam Việt Nam nhiều báo trích đăng, có báo đăng toàn văn. Có Đại biểu trong Quốc hội Sài Gòn họp báo đưa ra tuyên bố trong đó có một số nội dung như tám điểm.

Các nước không liên kết cũng tỏ vẻ ủng hộ tám điểm - và ít lâu sau, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được mời đi dự Hội nghị cấp cao của phong trào không liên kết ở Lusaka.

Một sự kiện có nhiều ý nghĩa là Trung Quốc thay đổi thái độ. Trước đây Trung Quốc cho ta đã sai lầm khi nhận đàm phán với Mỹ thì ngày 23 tháng 9 năm đó, Chủ tịch Mao Trạch Đông nói với Thủ tướng Phạm Văn Đồng đang ở thăm Bắc Kinh rằng: "Đàm phán đã hai năm rồi, năm đầu chúng tôi lo các đồng chí mắc lừa địch. Nhưng bây giờ chúng tôi không lo nữa. Nói tóm lại một câu: ở tiền tuyến các đồng chí đánh tốt, trong đàm phán ngoại giao phương châm của các đồng chí là đúng".

Ngày 27 tháng 9, diễn ra cuộc họp riêng mới giữa Xuân Thuỷ và Kissinger. Xuân Thuỷ trình bày rõ hơn tám điểm, nhấn mạnh lịch rút quân của Chính phủ Cách mạng Lâm thời dài hơn thời hạn đã đưa ra trước đây và nhấn mạnh Mỹ phải rút quân nhiều ngay từ đầu, rút quân chiến đấu trước, bao gồm bộ binh, pháo binh, không quân... Bộ trưởng lại phê phán việc Mỹ bám giữ Thiệu - Kỳ - Khiêm, nhắc lại ba bước lập Chính phủ liên hiệp ở miền Nam.

Kissinger đặt ra nhiều câu hỏi và nhận xét rằng đề nghị mới này có hậu quả thực tế là trở lại đề nghị rút quân sáu tháng trước đây mà Mỹ đã bác bỏ. Về vấn đề chính trị, ông nhận xét rằng khi Xuân Thuỷ nói gạt bỏ Thiệu - Kỳ - Khiêm thì không phải chỉ gạt bỏ ba người đó mà gạt cả lực lượng mà ba người đó đại diện. Ông cũng cho rằng phía Việt Nam giành quyền xác định ai là người tán thành hoà bình trung lập, tức là phía ta đã quyết định hai trong ba thành phần của Chính phủ liên hiệp và thực tế có thể nói là phía ta quyết định ba thành phần trong Chính phủ liên hiệp. Ông thuyết phục Xuân Thuỷ cứ tổ chức quá trình chính trị như ông đã nói để nhân dân Nam Việt Nam phát biểu sự lựa chọn của mình. Nếu nhận định của ta là đúng thì Thiệu - Kỳ - Khiêm sẽ bị gạt ra. Nếu nhận định của ta không đúng thì yêu cầu ta chấp nhận kết quả của quá trình chính trị đó. Ông cũng kêu gọi ta thả những tù binh Mỹ cho họ trở về gia đình như một cử chỉ thiện chí.

Trước thái độ cứng rắn của Xuân Thuỷ, ông ta tỏ vẻ buồn, cho là không thể tiếp tục để đạt được kết quả ở diễn đàn này nữa. Nhưng ông cũng kết luận:

"Về khía cạnh quân sự, sự khác nhau giữa hai bên đã khá thu hẹp để cho mọi điều khác có thể giải quyết được và chúng ta có thể đi đến giải quyết vấn đề này".

Còn về vấn đề chính trị, tất nhiên ông ta không đồng ý với Xuân Thuỷ rằng còn Thiệu - Kỳ - Khiêm thì không giải quyết được vấn đề. Nhưng ông ta cũng thêm:

- "Chúng tôi chấp nhận cùng các ngài định ra các phương pháp để các nhóm tham gia vào cuộc đo sức chính trị ở miền Nam Việt Nam được tổ chức lãnh đạo và giám sát tuyển cử, nghĩa là các lực lượng gồm Chính quyền Sài Gòn, Chính phủ Cách mạng Lâm thời và các lực lượng chính trị khác sẽ tham gia bầu cử".

Đối với Nixon, cuộc hành quân ở Campuchia là "Cuộc hành quân thắng lợi nhất của cuộc chiến tranh Việt Nam", do đó ông cho rằng lần đầu tiên Mỹ có thể tính đến một Hiệp định ngừng bắn ở Nam Việt Nam mà không coi việc rút quân miền Bắc Việt Nam làm một điều kiện tiên quyết. Từ ý nghĩ đó, ông vạch ra một kế hoạch năm điểm trình bày trước truyền hình ngày 7 tháng 10 năm 1970:

1 - Ngừng bắn trên toàn Đông Dương và giữ nguyên trạng.

2 - Hợp Hội nghị hoà bình về Đông Dương.

3 - Thương lượng một lịch rút hết quân Mỹ, coi đó là một bộ phận của giải pháp toàn bộ.

4 - Giải pháp chính trị dựa trên hai nguyên tắc: phản ánh ý chí của nhân dân miền Nam, phản ánh tương quan lực lượng chính trị hiện nay ở miền Nam.

5 - Thả ngay và không điều kiện toàn bộ tù binh và những người của hai bên bị giam giữ (R.Nixon. Hồi ký Sdd, tr 468-469).

Năm ngày sau, Nixon lại thông báo thêm một đợt rút 40.000 quân trước Noel.

Với hai quyết định đó, ông ta tin rằng sẽ đẩy được trách nhiệm trì hoãn thương lượng về phía người Việt Nam.

Trong điều kiện tương quan lực lượng ở miền Nam không thuận lợi cho cách mạng thì những đề nghị ngừng bắn nói trên của Nixon có lợi cho quân Mỹ và quân Ngụy. Hơn nữa Nixon còn tranh thủ dư luận Mỹ và dư luận thế giới với đề nghị thả tù binh và hợp Hội nghị quốc tế về vấn đề Đông Dương lúc Hội nghị Paris về Việt Nam bế tắc.

Hôm sau, tại Hội nghị bốn bên, Xuân Thuỷ phê phán mạnh mẽ kế hoạch của Nixon. Một số báo chí Mỹ lại cho rằng việc Việt Nam đòi có một thứ Chính phủ liên hiệp nào đó là một mục tiêu mà họ đã đấu tranh trong nhiều năm, họ sẽ không chịu từ bỏ, và A.Harriman cho rằng Chính quyền Nixon đã không có cố gắng nào để đi đến một sự thoả thuận.

Cuối năm, cuộc bầu cử bỏ sung vào Quốc hội Mỹ diễn ra sôi nổi. Trong khi vận động cho các ứng cử viên của Đảng Cộng hoà. Nixon luôn tìm cách đả kích phong trào chống chiến tranh. Nhưng khi đi thăm San Jose (California) ông ta đã bị 2.000 người biểu tình vây quanh và hô vang khẩu hiệu: "Chúng tôi không muốn cuộc chiến tranh chết tiệt của ông", "Nixon là tên tội phạm chiến tranh"... và ông đã được tặng hàng loạt... trứng thối và cà chua (Như trên, tr 492-493.).

Ở miền Bắc Việt Nam, trong hai ngày 20 và 21 tháng 11, Mỹ cho máy bay bắn phá ồ ạt - trên 200 lần chiếc một ngày, ngang mức trung bình trước khi chấm dứt ném bom, và đêm hôm đó chúng dùng máy bay tập kích vào trại giam tù binh Mỹ ở gần thị xã Sơn Tây hòng cứu bọn giặc lái, nhưng họ chỉ thấy mấy con trâu và bỏ lại một máy bay trực thăng bị gãy cánh.

Ngày 10 tháng 12, tại Hội nghị bốn bên, bà Nguyễn Thị Bình lại đưa ra đề nghị ba điểm về ngừng bắn:

- Ngừng bắn với quân Mỹ, với thời hạn rút quân là 30 tháng 6 năm 1971;

- Ngừng bắn với quân Ngụy, ngay sau khi Chính phủ Cách mạng Lâm thời thoả thuận với Chính phủ Việt Nam Cộng hoà không có Thiệu - Kỳ - Khiêm thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời ba thành phần;

- Các bên liên quan bàn các biện pháp tôn trọng và thi hành ngừng bắn.

Vào dịp Noel, đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Paris trao danh sách các phi công Mỹ bị bắt ở miền Bắc cho một số Thượng nghị sĩ Mỹ chống chiến tranh, trong đó có Fulbright, Kennedy, và đại diện phong trào chống chiến tranh, tức đi của Nixon một con bài quan trọng mà ông ta thường dùng để kích động dư luận Mỹ chống ta.

Trong hai năm đầu cầm quyền, Tổng thống Nixon đã ra sức thực hiện Việt Nam hoá chiến tranh, lén lút dùng B52 ném bom cơ quan đầu não của Mặt trận Dân tộc Giải phóng trong 14 tháng, liên lần đưa quân Mỹ vào nước Campuchia trung lập, đẩy mạnh hoạt động quân sự của bọn tay sai Lào, hạ thấp Hội nghị bốn bên ở Paris, nhưng Mỹ vẫn chưa thoát khỏi thế bị động ở miền Nam Việt Nam, trong nước Mỹ và trên thế giới. Ông ta lo sợ phái bỏ câu ở Quốc hội thắng thế và thông qua loạt một nghị quyết đòi rút hết quân Mỹ hay cắt hết mọi ngân sách cho Đông Dương. Cuộc đàm phán với Liên Xô về SALT thụt lùi. Từ Bắc Kinh chưa có một tín hiệu nào về sự khai thông. Nền kinh tế sa sút thảm hại,

đồng đô la xuống mức thấp nhất từ năm 1949. Tỷ lệ thất nghiệp cao nhất từ năm 1961. Khó khăn tưởng như không giải quyết được. Và Nixon lo năm 1972 không trúng cử một nhiệm kỳ mới.

Sang năm 1971, Việt Nam còn là vấn đề hàng đầu.

CHƯƠNG V - TIẾN ĐẾN VẤN ĐỀ THỰC CHẤT

Năm mới 1971, năm mới với mọi người

Để có thể rút được quân Mỹ về, Nixon đã ra sức xây dựng Quân đội Sài Gòn và thúc đẩy các

cuộc hành quân bình định ở miền Nam Việt Nam, đưa quân đánh vào "đất thánh" ở Campuchia. Ông cho rằng cuộc hành quân ở Campuchia đã đánh một đòn chí tử vào lực lượng Việt cộng, cắt được con đường tiếp tế qua Campuchia.

Bây giờ còn con đường mòn Hồ Chí Minh. Phải cắt nốt con đường này để cô lập hoàn toàn miền Nam.

Ngày 18 tháng 1 năm 1971, Nixon triệu tập Rogers, Kissinger, Alexander Haig, đô Đốc Thomas H. Moorer, Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân, Helms, Giám đốc CIA. Sau khi nghe Bộ trưởng Quốc phòng Melvin Laird vừa mới bí mật đi điều tra tình hình miền Nam Việt Nam về báo cáo, Nixon cho phép tiến hành một cuộc hành quân qui mô để cắt đường mòn Hồ Chí Minh, bằng cách đánh vào lực lượng Bắc Việt ở Lào.

Để dư luận Mỹ khỏi phản đối và cũng là để chứng minh sự lớn mạnh của Quân đội Sài Gòn, tức là chứng minh thành công của Việt Nam hoá, ông quyết định lấy Quân đội Sài Gòn làm chủ lực, Mỹ chỉ chi viện máy bay và pháo binh.

Đóng góp chính của Mỹ là dùng trực thăng chở quân và hậu cần, dùng pháo thuyền nhỏ và B52. Để cuộc hành quân ở Lào này mang nhãn hiệu Việt Nam đích thực, các nhà chiến lược Mỹ còn tìm cho nó cái tên Lam Sơn 719, cho nó càng là của Việt Nam Cộng hoà. Mục tiêu là cắt đứt con đường tiếp tế chiến lược của cộng sản ở điểm nút Sêpôn, Hạ Lào.

Từ 30 tháng 1, quân Mỹ đã triển khai lực lượng ở phía Nam khu phi quân sự làm bàn đạp cho cuộc tiến quân sang Lào của quân nguy Sài Gòn, đồng thời quân Nguy cũng chiếm lĩnh các vị trí then chốt ở vùng Quảng Trị. Đến 7 tháng 2 thì đã hình thành đội hình tiến công.

Ngày 8 tháng 2 năm 1971, ba cánh quân của quân nguy Sài Gòn gồm bộ binh, lính dù, thiết giáp vượt biên giới Việt - Lào ở Nam Bắc đường số 9, tiến về phía Sêpôn. Trong ngày đầu cuộc hành quân tỏ ra thuận lợi, hy vọng sẽ chiếm được Sêpôn vào hôm sau, hoặc chậm lắm là ít lâu sau đó.

Đây là những ngày mong đợi khá sốt ruột và đầy hy vọng lúc đầu của Bộ Tham mưu ở Nhà Trắng.

Nhưng, thật không ngờ. Thời gian qua đi mà tin tức chiến thắng cũng ít đi. Ngày 12 tháng 2, quân Nguy đã bị đánh khá đau và phải dừng lại, 3000 quân đã bị thương vong.

Từ Washington, Kissinger luôn thúc giục đại sứ Mỹ ở Sài Gòn cho ông ta biết tin về cuộc thử nghiệm qui mô đầu tiên này của chiến lược Việt Nam hoá.

Ông được báo tin rằng: người ta không thể nghi ngờ quyết tâm và nghị lực của Chính phủ Nam Việt Nam tiến hành tốt cuộc hành quân. Hôm đó đã là 20 tháng 2 rồi. Thời hạn dự định cho việc đánh chiếm Sêpôn đã sắp hết.

Ngày 23 tháng 2, thời hạn định cho việc chiếm Sêpôn đã qua, Kissinger hỏi Westmoreland, nguyên Tư lệnh Mỹ ở Sài Gòn, thì ông này đưa ra một dự đoán đen tối, vì ít nhất phải có bốn sư đoàn Mỹ mới đánh chiếm và giữ được Sêpôn, nhưng quân Nguy chỉ tung vào đó có hai sư đoàn (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sdd, tr 1059.).

Ngày 1 tháng 3, Kissinger lại cho đại sứ Mỹ ở Sài Gòn biết mối lo lắng của ông và vẫn được E.Bunker trả lời rằng "chiến dịch ở Lào và Campuchia sẽ đem lại kết quả đã dự tính ban đầu" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr 1061).

Nhưng ngày 8 tháng 3, Abrams báo về Washington rằng Bộ Tư lệnh Nam Việt Nam cho rằng "nhiệm vụ đã hoàn thành và đang cấp tốc rút lui quân" (Như trên, tr 1061.)

Thật ra thì trong hai ngày 3 và 4 tháng 3, các cánh quân địch ở phía Bắc và phía Nam đường 9 khi đổ quân xuống gần Sêpôn đã bị đánh tơi tả và ngày 18 quân Sài Gòn phải "rút lui chiến lược" trong sự hoảng loạn. Chắc người dân Mỹ chưa quên cảnh quân nguy bám càng máy bay để tháo chạy.

Chiến lược cuối cùng ở Đông Dương có quân Mỹ tham gia yểm trợ đã kết thúc như thế đó.

Đưa ra một lực lượng khá đông quân nguy vào một chiến trường mà địch thủ đã quen thuộc và chuẩn bị sẵn, Mỹ đã mắc sai lầm lần thứ hai sau cuộc hành quân vào Campuchia năm trước. Họ đã tạo thuận lợi cho đối phương tiêu diệt nhiều đơn vị được xem là tinh nhuệ của Sài Gòn, đồng thời để sơ hở ở tuyến trong làm cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời có điều kiện phá kế hoạch bình định.

Thất bại của việc hành quân sang Lào là tai hại cho Washington và Sài Gòn. Nó làm cho toàn bộ quân Nguy miền Nam vốn đã suy yếu về tinh thần, càng bị chấn động thêm, báo hiệu sự phá sản hoàn toàn chủ trương Việt Nam hoá chiến tranh của Nixon.

Song song với cuộc hành quân Lam Sơn 719, quân Nguy còn tiến sang Campuchia bằng hai mũi: một về hướng Snun, và một về phía tây Công Tum, đánh vào khu vực ngã ba biên giới để phá các căn cứ và đường vận chuyển chiến lược của Việt cộng. Cuộc tiến quân đó đã không mang lại những kết quả mong muốn, tuy kéo dài mãi đến tháng 5 năm 1971.

Thừa cơ lực lượng địch bị thu hút sang Lào và Campuchia, các lực lượng kháng chiến ở miền Nam Việt Nam đẩy mạnh hoạt động, và kết quả là "một số vùng bị địch bình định không chế trong hai năm 1969, 1970 ở đồng bằng khu V đã được giải phóng"... "vùng nông thôn Nam Bộ về cơ bản đã vượt qua thời kỳ khó khăn thử thách nghiêm trọng nhất của cuộc kháng chiến" (Văn Tiến Dũng. Toàn thắng. Sdd, tr 87-89.).

Trước thất bại ở Lào, phong trào chống đối Chính quyền Nixon ở trong nước lại nổi lên, lòng tin của nhân dân Mỹ vào Nhà Trắng càng giảm sút. Họ đòi Nixon phải nhanh chóng đưa con em họ về nước, xem đó là một mục tiêu cấp bách, còn việc duy trì chính quyền Sài Gòn nếu họ "không tự mình thoát ra được thì nay đã quá muộn. Hoa Kỳ không thể chịu đựng lâu hơn nữa sự đảo lộn ở trong nước do cuộc chiến tranh đẫm máu, bi thảm và vô đạo đức mang lại" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr 1066.). Họ tố cáo Việt Nam hoá chiến tranh của Nixon là kéo dài chiến tranh, và đòi định thời hạn rút quân có bảo đảm an toàn và lấy được tù binh về nước. Họ lên án Thiệu là trở ngại chính cho việc thương lượng hoà bình.

Từ cuối tháng 4 đến tháng 5 luôn có biểu tình chống chiến tranh ở Washington. Lực lượng chống chiến tranh có cả cựu chiến binh Mỹ tham gia, từ nhiều nơi đổ về Washington phân phát tài liệu chống chiến tranh trong các cơ quan của Chính phủ. Họ tổ chức tuần lễ "không tuân lệnh" nhằm làm ngưng trệ hoạt động của Chính quyền. Phong trào đã lan sang cả các nhà kinh doanh, các nhà tu hành.

Ngày 22 tháng 2, Ủy ban chính trị của Đảng Dân chủ ở Thượng viện đòi rút tất cả lực lượng Mỹ - cả lực lượng yểm trợ và không quân - trước 31 tháng 12 năm 1972.

Tại Quốc hội, trong ba tháng, từ tháng 4 đến tháng 7 đã có mười bảy dự luật đưa ra đòi hạn chế quyền của Tổng thống trong việc điều hành chiến tranh hoặc đòi qui định một thời hạn cuối cùng đơn phương rút quân Mỹ khỏi Việt Nam.

Ngày 22 tháng 6, Thượng viện Hoa Kỳ với năm mươi bảy phiếu thuận và bốn mươi hai phiếu chống, thông qua một nghị quyết bày tỏ tình cảm của Thượng viện đòi chấm dứt chiến tranh sớm và đưa quân nhanh chóng về nước với điều kiện tất cả tù binh Mỹ được thả ra

Bên cạnh phong trào chống chiến tranh, nạn thất nghiệp trong thanh niên Mỹ lại tăng lên chưa từng có trong mười năm qua, kinh tế Mỹ khó khăn, đồng đô la mất giá.

*

* *

Bước vào năm 1971, miền Bắc đã có được hai năm hoà bình để củng cố hậu phương lớn làm nhiệm vụ chi viện cho cả ba chiến trường. Đường vận tải chiến lược Hồ Chí Minh vẫn được giữ vững và mở rộng. Trong năm 1970 đã đưa được bốn vạn tấn hàng vào miền Nam, gấp mười lần năm 1969. Và sau thắng lợi đầu năm 1971, lượng tiếp tế vào Nam lại tăng lên. Riêng Nam Bộ, chiến trường xa nhất cũng nhận được 4000 tấn, so với 1700 tấn hàng năm 1970 (Lịch Sử KCCM, t I, tr 68.)

Ở Campuchia, cách mạng đã đạt được bước nhảy vọt. Chỉ trong thời gian ngắn, giải phóng được hai phần ba đất đai và ba phần tư số dân... Đến cuối năm 1970, đã xây dựng được một số đơn vị bộ đội địa phương và chủ lực

Còn ở Lào, ta và bạn đã phối hợp tiến công mở rộng vùng giải phóng Trung Hạ Lào (Atôpxaravan) mở rộng tuyến hành lang chiến lược, tích cực xây dựng lực lượng cách mạng Lào (Văn Tiến Dũng. Toàn thắng, Sđd, tr 72.). Trong thương lượng, vấn đề rút quân Mỹ hiện nay không còn là vấn đề mấu chốt như trước nữa mà dần dần vấn đề Chính quyền ở miền Nam nổi lên. Ta đặt hai vấn đề cơ bản rút quân Mỹ và Chính quyền ở miền Nam song song với nhau. Bởi vì có giải quyết hai vấn đề đó mới thật sự chấm dứt chiến tranh xâm lược và can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Các vấn đề của một giải pháp có thể chia làm ba loại:

Các vấn đề giữa Mỹ và Nam Việt Nam.

Các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Các vấn đề nội bộ của Việt Nam.

Âm mưu của Chính quyền Nixon là tách vấn đề quân sự và chính trị và chỉ giải quyết vấn đề quân sự nhằm thực hiện việc rút quân ngừng bắn toàn bộ cả với Mỹ và Ngụy để duy trì và củng cố Ngụy. Quan điểm của Việt Nam là phải giải quyết toàn bộ và chỉ ngừng bắn sau khi giải quyết cả vấn đề quân sự và chính trị, do đó phải giải quyết hai vấn đề quan trọng là:

Mỹ phải định thời hạn rút quân khỏi miền Nam.

Mỹ phải chấm dứt việc ủng hộ nhóm cầm quyền hiếu chiến hiện nay do Thiệu cầm đầu.

Lúc này ở Mỹ, Đảng Dân chủ và phong trào quần chúng cũng muốn tách vấn đề quân sự và chính trị, muốn giải quyết vấn đề rút quân và thả tù binh, còn vấn đề chính trị nội bộ miền Nam thì họ không quan tâm lắm. Còn ở miền Nam, mâu thuẫn trong tập đoàn lãnh đạo Ngụy đang bộc lộ gay gắt, nhất là giữa Thiệu và Kỳ, phong trào đòi Mỹ rút, đòi thay Thiệu, đòi hoà bình, chống luật lệ bầu cử phản dân chủ của Thiệu, phát triển mạnh.

Vấn đề đối với Việt Nam là tiếp tục đòi giải quyết toàn bộ và tăng sức ép đòi Mỹ rút quân, buộc Mỹ định thời hạn rút hết quân trong năm 1971. Phía Việt Nam gắn vấn đề tù binh vào vấn đề rút hết quân Mỹ. Vấn đề tù binh mà Chính quyền Nixon dùng để kích động dư luận Mỹ và thế giới chống Việt Nam nay trở thành vấn đề mà họ phải đối phó.

Chính phủ Cách mạng Lâm thời tập trung mũi nhọn vào Thiệu, vừa tăng sức mạnh tấn công vừa phân hoá tập đoàn lãnh đạo Sài Gòn, tranh thủ được dư luận. Chính phủ cách mạng Lâm thời chủ trương lập Chính phủ hòa hợp dân tộc thay vì lập Chính phủ liên hiệp lâm thời.

Ngoài ra, Chính phủ Cách mạng Lâm thời nói rõ thêm về chính sách hoà bình trung lập của miền Nam Việt Nam, nhấn mạnh khả năng mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá sau chiến tranh giữa miền Nam Việt Nam và các nước trên thế giới và với Mỹ.

Từ tháng 10 năm 1970, không có cuộc gặp riêng nào giữa Xuân Thuỷ và Kissinger nữa.

Cuối tháng 1 năm 1971, đại sứ Liên Xô I, Secbacốp ở Hà Nội thông báo cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng rằng: “Trung tuần tháng 1, Kissinger đã nói với Đôbrinin - đại sứ Liên Xô tại Washington - như sau:

- “Nếu như Mỹ cam kết đến một thời hạn cụ thể nào đó (mà Mỹ sẽ thông báo cho Việt Nam) rút hết quân Mỹ và Mỹ có thể không đòi cùng rút Quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra khỏi miền Nam Việt Nam (vì đòi hỏi đó đối với Hà Nội là điều không chấp nhận được, Hà Nội không bao giờ thừa nhận có quân đội của mình ở đó) thì quan trọng là người Bắc Việt Nam cam kết ngừng bắn trong thời gian quân Mỹ rút, cộng thêm một thời gian nào đó không dài lắm sau khi quân Mỹ đã rút (Kissinger không nêu thời gian cụ thể).

- Nếu bản thân người Việt Nam sớm thoả thuận được với nhau về một sự thoả hiệp hợp lý và

nếu sau đó chiến tranh lại nổ ra giữa miền Bắc và Nam Việt Nam thì việc đó không còn là việc của người Mỹ nữa mà là việc của bản thân người Việt Nam vì Mỹ sẽ không còn nữa, nó sẽ vượt thời gian Nixon cầm quyền.

- Sự diễn biến như vậy sẽ làm cho bản thân người Mỹ thoát khỏi sự cần thiết phải tiến hành những cuộc đàm phán kéo dài và thực tế là không có kết quả về một giải pháp chính trị ở Nam Việt Nam và trong trường hợp Quân đội Mỹ rút ra khỏi nơi đó rồi thì tất cả công việc này sẽ chỉ liên quan trực tiếp đến bản thân người Việt Nam".

Ngày 3 tháng 2, Thủ tướng nói với Secbacốp: Mở đầu cuộc nói chuyện với Đôbrinin, Kissinger đã đe dọa Việt Nam. Thật ra ý của Kissinger không có gì mới. Đại diện Việt Nam đã nhiều lần nói với Mỹ ở Paris về ngừng bắn. (Thủ tướng nhắc lại ba điểm Xuân Thuỷ đưa ra ngày 10 tháng 12). Về việc Kissinger nói sẵn sàng gặp lại Việt Nam thì thái độ Việt Nam đã rõ ràng: Việt Nam sẵn sàng, vẫn đề ngỏ cửa ít ra cũng để tỏ thiện chí và trình bày lập trường của mình.

Năm ngày sau, ngày 8 tháng 2, chiến dịch Lam Sơn 719 bắt đầu.

*

* *

Tháng 4 năm 1971, Giải vô địch bóng bàn thế giới đang diễn ra tại Tokyo. Ngày 6, Trương Tác Đông, trưởng đoàn Trung Quốc gặp trưởng đoàn bóng bàn Mỹ và chuyển lời mời đoàn Mỹ sang thăm Trung Quốc trước sự ngạc nhiên của chính trưởng đoàn Mỹ. Trái với mọi dự đoán. Mỹ đã nhận lời và một đoàn bóng bàn Mỹ đã tới Bắc Kinh. Đoàn không chỉ được các vận động viên Trung Quốc đón tiếp nhiệt tình mà còn được Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp trọng thể tại Đại lễ đường. Ngày 21 tháng 4, Thủ tướng Chu Ân Lai chính thức gửi thư mời Tổng thống Nixon sang thăm Trung Quốc.

Trung Quốc, dù có những bất đồng với Việt Nam, vẫn là người đang tích cực chi viện cho Việt Nam đánh Mỹ, tại sao họ lại cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ lúc này? Nhất là trong lúc Mỹ vừa thất bại nặng nề ở cả Campuchia và Lào. Thật ra cái gọi là "ngoại giao bóng bàn" là một cử chỉ cụ thể phản ánh một quá trình đã bắt đầu trước đó.

Năm 1969, cuộc đại cách mạng văn hoá ở Trung Quốc về cơ bản đã hoàn thành, Chủ tịch Mao Trạch Đông ra sức củng cố quyền lãnh đạo của mình. Về đối ngoại, Trung Quốc điều chỉnh chính sách của mình, coi Liên Xô là kẻ thù số một và tìm cách cải thiện tiên đến bình thường hoá quan hệ với Mỹ, nhất là sau khi Nixon vào Nhà Trắng. Từ tháng 11 năm 1968, Trung Quốc tỏ ý muốn nối lại các cuộc đàm phán Trung - Mỹ ở Vacxava và cùng với Mỹ ký một thoả thuận cùng tồn tại hoà bình. Tháng 6 năm 1970, Trung Quốc và Mỹ thoả thuận là đại sứ Trung Quốc ở Paris Hoàng Chấn và Kissinger sẽ tiến hành những cuộc đàm phán bí mật mỗi lần Kissinger đến Paris đàm phán với phía Việt Nam. Ngày 10 tháng 12, Chủ tịch Mao Trạch Đông, qua Edgar Snow, gửi lời mời Tổng thống Nixon sang thăm Trung Quốc.

Lời mời đoàn bóng bàn Mỹ sang thăm Trung Quốc mở một con đường liên lạc tiếp tục cuộc gặp gỡ Vacxava và sẽ được con đường liên lạc Pakistan nối tiếp: Kissinger rồi Tổng thống Nixon sẽ đi Trung Quốc.

Trước đó Trung Quốc không tán thành Việt Nam vừa đánh vừa đàm vì Trung Quốc còn gặp khó khăn bên trong. Nay cách mạng văn hoá đã hoàn thành, Chính quyền của Mao Trạch Đông được củng cố, Trung Quốc lại có con chủ bài Việt Nam nên tìm cách bình thường hoá quan hệ với Mỹ. Tất nhiên Trung Quốc trước hết tính đến lợi ích của Trung Quốc. Mỹ có một chỗ dựa mới để ép Việt Nam. Việt Nam phải tiếp tục cuộc chiến tranh chống Mỹ trong những điều kiện mới, khó khăn, phức tạp.

Niềm hy vọng khác thường của Kissinger

Ngày 24 tháng 4 năm 1971, ba ngày sau khi Chu Ân Lai mời Nixon sang thăm Trung Quốc, tại

Paris tướng Walters gặp Võ Văn Sung để chuyển thông điệp của Kissinger đề nghị gặp lại Bộ trưởng Xuân Thuỷ và Cố vấn Lê Đức Thọ vào ngày 16 tháng 5 "để nối lại cuộc thảo luận trên cơ sở những đề cập mới".

Ngày 14 tháng 5, Võ Văn Sung báo cho phía Mỹ biết Bộ trưởng Xuân Thuỷ chấp nhận cuộc gặp đó nhưng đề nghị ngày họp vào 30 tháng 5. Mỹ không chịu nhận thời hạn do ta ấn định nên đề nghị lui lại một ngày.

Cuộc họp ngày 31 tháng 5 vẫn diễn ra ở 11 phố Darthé.

Đến cuộc họp, sau khi chào Xuân Thuỷ, Kissinger gửi lời chào Lê Đức Thọ và ngỏ lời mời Bộ trưởng và Cố vấn đặc biệt của ông sang Mỹ sau khi chiến tranh chấm dứt. Đáp lại, Xuân Thuỷ mong được đón Kissinger ở Hà Nội.

Kissinger nói rằng ông ta đã đi thăm Sài Gòn và rất muốn đi thăm Hà Nội, rằng ông khâm phục sâu sắc lòng dũng cảm và sự tự trọng của nhân dân Việt Nam. Ông ta còn nói càng kính trọng và khâm phục sự thông minh của hai ông Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ. Nếu có phản đối thì phản đối sự quá kiên trì của hai ông.

Đi vào nội dung, ông ta nói:

- Tôi đến đây nhằm đạt được tiến bộ thật sự kèm theo nụ cười. Nhưng muốn có đàm phán thật sự thì bắt đầu vào lúc này... Tổng thống Nixon cử tôi đến đây để cố gắng một lần cuối cùng phá vỡ sự bế tắc hiện nay. “Đó là đề nghị cuối cùng của chúng tôi”. Rồi ông ta đưa ra một chương trình bảy điểm, tóm tắt như sau:

1 - Hoa Kỳ sẵn sàng ấn định một thời hạn cho việc rút tất cả lực lượng Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

2 - Người Việt Nam và người các nước Đông Dương sẽ thảo luận với nhau cách thức rút tất cả lực lượng ngoại nhập khác ra khỏi Đông Dương.

3 - Ngừng bắn tại chỗ trên toàn Đông Dương bắt đầu khi rút quân Mỹ.

4 - Không được đưa thêm vào các nước Đông Dương các lực lượng ngoại nhập.

5 - Giám sát quốc tế về ngừng bắn và các điều khoản quân sự.

6 - Tôn trọng các Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và năm 1962 về Lào, có thể được chính thức hoá tại một Hội nghị Quốc tế.

7 - Phóng thích tất cả tù binh và thường dân vô tội toàn Đông Dương trên cơ sở nhân đạo hoặc một bộ phận của giải pháp bắt đầu với việc rút quân Mỹ (Toàn văn. Xem. Kissinger, nhà Trắng. Sdd, tr 1537-1538.).

Mong phía Việt Nam xem xét các đề nghị cuối cùng của Mỹ với tinh thần xây dựng.

Kết thúc bản trình bày, ông ta nhấn mạnh sẵn sàng thảo luận cụ thể và đạt tiến bộ nhanh chóng và mong Việt Nam cũng có “những đề nghị cuối cùng” có tính xây dựng như thế. Ông ta cũng không quên đe dọa rằng: Tất nhiên tùy phía Việt Nam xem xét.

- Nếu chiến đấu thêm với những người không còn là mối đe dọa lâu dài của Việt Nam nữa thì các ông chỉ đạt thêm một số thắng lợi phụ nhưng phải xem những thắng lợi đó có bổ với những đau thương và thiệt hại thêm hay không...

Ông ta cũng nói hai bên cần chấm dứt làm áp lực quân sự với nhau trong khi hai bên tiến bộ nhanh trong đàm phán. Kissinger trả lời các câu hỏi của Xuân Thuỷ như thường lệ rồi nghỉ.

Sau đó Bộ trưởng phát biểu, nhắc lại ba điểm mà ông đã đưa ra trong phiên họp công khai thứ 109 sau khi gặp Kissinger tháng 9 năm 1970.

- Hoặc Mỹ rút hết quân vào 30 tháng 6 năm 1971, hoặc đưa ra một thời hạn để thảo luận, và nhấn mạnh là điểm cấp thiết nhất.

- Thành lập ở Sài Gòn một Chính quyền không có Thiệu - Kỳ - Khiêm như Chính phủ Cách mạng

Lâm thời đề nghị.

- Chính phủ Hoa Kỳ phải thật sự cam kết chấm dứt mọi sự vi phạm chủ quyền và an ninh của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tiếp đó Bộ trưởng nói về hai điểm trong bảy điểm của Mỹ:

- Hoa Kỳ chỉ nói là sẵn sàng đưa ra một thời hạn rút quân chứ không nói dứt khoát ngày nào tháng nào năm nào Mỹ sẽ rút hết. (Kissinger xen vào: Suốt đời tôi cũng không làm được việc đó).

Xuân Thuỷ xem như không nghe thấy câu đó. cứ tiếp:

- Thứ hai là ông Cố vấn đã thoả thuận là trong gặp riêng thì thảo luận cả vấn đề quân sự và chính trị, nay ông lại tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị... Nếu các ông trở lại ý kiến ban đầu là không bàn vấn đề chính trị thì không giải quyết được một trong những vấn đề cơ bản. Bây giờ ở miền Nam Việt Nam dư luận nói nhiều đến cuộc bầu cử sắp tới. Các ông thường nói với chúng tôi rằng các ông không muốn tự nhiên lại có thay đổi gì ở miền Nam Việt Nam... Chính lúc này là lúc các ông phải tính nếu có thay đổi gì thì không có gì là đột ngột cả. Chính lúc này là dịp các ông biểu thị thật sự muốn giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam cả về quân sự lẫn chính trị.

Bộ trưởng cũng nói đến vấn đề tù binh mà Mỹ đã dùng để tuyên truyền lừa bịp dư luận.

Về vấn đề Lào và Campuchia, Xuân Thuỷ nhắc lại Việt Nam tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và năm 1962 về Lào, và thêm:

- Hiện nay ở Viêng Chăn đang có cuộc gặp gỡ giữa đại diện của ông Suphanuvông và đại diện của ông Phuma. Chúng tôi mong muốn những người Lào sẽ giải quyết hoà bình với nhau công việc của họ theo hướng đó.

Bộ trưởng nhấn mạnh:

- Việt Nam sẵn sàng giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam. Bộ trưởng đã ở Paris từ 1968. Ông và Cố vấn Lê Đức Thọ, một nhà lãnh đạo Việt Nam có đủ thẩm quyền để giải quyết. Xuân Thuỷ nhắc lại lần thứ hai sẽ nghiên cứu kỹ bảy điểm của Mỹ và hỏi Kissinger điểm nào phía Việt Nam thật sự phải chú ý hoặc điểm nào Kissinger thấy phía Việt Nam hiểu chưa thật rõ thì đề nghị giải thích thêm.

Kissinger không trả lời thẳng câu này mà nói:

- Chừng nào Bộ trưởng nói rằng đề nghị cơ bản này chấp nhận được nghĩa là tất cả các điều được nêu lên kể cả vấn đề tù binh thì lúc đó chúng tôi mới nói ngày rút quân.

Về vấn đề chính trị và bầu cử ở Nam Việt Nam, ông nói:

- Hoa Kỳ không can thiệp vào quá trình chính trị của cuộc bầu cử sắp tới ở Nam Việt Nam.

- Nếu chúng ta đạt được thoả thuận về quân sự mùa hè năm nay với sự hiểu biết đầy đủ về tình hình quân sự sẽ xảy ra như thế nào trong năm tới thì nhân dân Nam Việt Nam có thể có sự quyết định của mình đối với quá trình đó. Họ sẽ biết mức độ về sự có mặt của quân Hoa Kỳ trong thời gian tới như thế nào. Khi biết như vậy họ sẽ có quyết định phù hợp với tình hình.

Hai bên định ngày gặp lại nhau. Kissinger có ý muốn vào tháng 7, nhưng Xuân Thuỷ muốn sớm hơn và đồng ý sẽ gặp lại vào 26 tháng 6. Xuân Thuỷ một lần nữa hứa nghiên cứu kỹ đề nghị của Mỹ. Còn Kissinger đề nghị rằng giữa khoảng cách hai cuộc gặp riêng, hai bên không có hành động gì nổi bồng và yêu cầu ta không đưa ra công khai nội dung cuộc gặp.

Kế hoạch bảy điểm của Kissinger đã được sự đồng ý của Nguyễn Văn Thiệu, và được ông coi là bước ngoặt trong chính sách ngoại giao của Mỹ về Việt Nam. Đây là lần đầu tiên Mỹ đưa ra một giải pháp toàn Đông Dương, nhưng họ lại tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị mặc dù trước đây họ đã nhận sẽ bàn cả gói.

Đây cũng là lần đầu tiên Mỹ nói sẵn sàng ấn định một thời hạn rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, nêu vấn đề rút quân ngoại nhập (quân miền Bắc) thành một điểm riêng giải quyết giữa các nước Đông Dương, mặc dù trước đây họ gắn vấn đề rút quân miền Bắc với vấn đề rút quân Mỹ trong một

lịch cùng rút quân. Mỹ đề nghị ngừng bắn sau khi Mỹ bắt đầu rút quân theo thời gian biểu thoả thuận và nhận vấn đề tù binh là một bộ phận trong giải pháp.

So với đề nghị của Kissinger mà đại sứ Liên Xô ở Mỹ Đôbrinin nói, có hai điểm giống nhau cơ bản: Mỹ ấn định thời hạn rút quân đổi lấy việc Việt Nam chấp nhận ngừng bắn toàn Đông Dương. Đề nghị mới này của Mỹ không nêu cách giải quyết cả gói về quân sự và chính trị mà chỉ tập trung giải quyết vấn đề quân sự. Thực tế Mỹ bị thúc ép về thời gian muốn giải quyết sớm vấn đề quân sự trong mùa hè này hoặc trong năm nay, nhằm ngăn chặn hành động sắp tới của Việt Nam, chuẩn bị cho đợt rút quân mới vào tháng 11 tới và tạo điều kiện củng cố nguy quyền trong tuyến cử vào tháng 10 năm đó.

Mỹ dùng việc ấn định thời hạn rút hết quân Mỹ đổi lấy việc ta chấp nhận ngừng bắn toàn bộ và thả tù binh trước khi họ rút hết quân mà vẫn duy trì nguyên trạng chính trị. Hoa Kỳ còn đòi lực lượng Việt Nam rút ra khỏi ba chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia cùng một lúc hoặc sau khi Mỹ rút.

Tuy nhiên Mỹ tỏ ra mềm dẻo hơn trước trong một số vấn đề, thăm dò ý đồ ta nhằm đi tới một giải pháp có lợi cho Mỹ như: Mỹ sẵn sàng định thời hạn rút hết quân Mỹ, còn việc rút quân của Việt Nam do người Đông Dương giải quyết với nhau ... ngừng bắn toàn Đông Dương sau khi quân Mỹ bắt đầu rút theo thời gian biểu thoả thuận... Mỹ công nhận vấn đề tù binh là một bộ phận của giải pháp và gắn với thời hạn rút quân. Về chính trị, họ nói mập mờ giải quyết vấn đề quân sự sẽ có tác động đến vấn đề chính trị.

Nếu Việt Nam có đáp ứng kế hoạch bảy điểm, tỏ ra muốn giải quyết thì có khả năng Mỹ đi vào mặc cả với Việt Nam tìm ra một giải pháp hai bên đều chấp nhận được vào cuối năm 1972.

Nếu trong thăm dò, Mỹ thấy ta không muốn giải quyết thì có khả năng Mỹ tiếp tục Việt Nam hoá, không tìm giải pháp trong năm 1972.

Xuất phát từ đánh giá và chủ trương trên, trước thời hạn họp ít lâu Hà Nội đưa tin công khai: Lê Đức Thọ, Cố vấn đặc biệt của Bộ trưởng Xuân Thuỷ, trở lại Paris sau gần 14 tháng vắng mặt.

Ngày 2 tháng 6, Kissinger đã nhận được lời mời sang thăm Bắc Kinh, nay lại thêm tin sẽ được gặp Cố vấn Lê Đức Thọ tại Paris. Như ông đã viết trong hồi ký: “Đây là thời điểm hy vọng khác thường” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sđd, tr 1074.).

Tuy vậy, trên đường đi Paris gặp các nhà thương lượng Việt Nam, ông không phải không vấp vưng nhiều lo âu thật sự. Ngày 22 tháng 6, Thượng nghị viện chấp thuận bằng 57 phiếu thuận trên 42, một tu bổ án của Mansfield yêu cầu Tổng thống rút tất cả các lực lượng Mỹ khỏi Việt Nam trong vòng 9 tháng nếu Hà Nội bằng lòng thả hết tù binh. Thế thì kế hoạch năm điểm của ông hỏng bét vì năm trong bảy điểm đó, do nghị quyết này, sẽ mất tác dụng. Như thế Hà Nội biết khả năng của Chính quyền Nixon bị hạn chế, phía Việt Nam có thể không cần thương lượng một cuộc ngừng bắn hay định một thời hạn chấm dứt thâm nhập miền Nam.

Tuy nhiên ông vẫn hy vọng. Bước vào số nhà 11 phố Darthé quen thuộc, ông đã nhận thấy ngay hình ảnh về một cuộc nói chuyện hoà bình: Không nói về thái độ vui vẻ của chủ nhà, lần đầu tiên trên bàn làm việc có trái thơm xanh! Và trong giờ giải lao Lê Đức Thọ còn mời ông ra ngoài vườn nói chuyện có vẻ ý hợp tâm đầu.

Theo yêu cầu của Xuân Thuỷ, Kissinger lại giải thích thêm một lần nữa đề nghị bảy điểm đưa ra lần trước. Rõ ràng là Hà Nội rất quan tâm. Ông nói vui sau khi giải thích:

- Chúng tôi đã cố gắng theo sự chỉ dẫn của ngài Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ năm ngoái là phải nhìn vào thực tế khách quan.

Lê Đức Thọ:

- Nhưng ông chưa khách quan lắm!

Kissinger:

- Đã có tiến bộ chút nào chưa?

Lê Đức Thọ:

- Chưa nhích được tí nào.

Kissinger:

- Ngài là một giáo sư khó tính quá.

Xuân Thuỷ lại hỏi Kissinger về Hội nghị Quốc tế trong đề nghị của Mỹ và sau khi được giải thích, nhường lời cho Lê Đức Thọ.

Ông Thọ nói:

- Tính đến nay, ông Bộ trưởng Xuân Thuỷ và tôi đã gặp ông bảy lần (Kissinger thêm: đây là lần thứ tám), chúng tôi đã nhìn lại các cuộc gặp đó để rút ra những kết luận và để xem gặp ông có thể giải quyết được gì.

- Lần gặp thứ nhất, tháng 8 năm 1969 thì đến tháng 9 các ông mở cuộc tấn công Cánh Đồng Chum ở Lào.

- Lần thứ hai, chúng tôi gặp ông tháng 2 năm 1970. Lần này chúng tôi gặp ông đến hai, ba buổi liền. Nếu ông xem lại thì chúng tôi đang đi vào thực chất của vấn đề.

Kissinger:

- Đồng ý.

Lê Đức Thọ:

- Nhưng các ông lại tiến hành đảo chính ở Campuchia và mở cuộc tấn công lên Campuchia nên cuộc hội đàm giữa chúng tôi và các ông lại gián đoạn.

Kissinger cải chính là Mỹ không dính líu gì đến cuộc đảo chính ở Campuchia, thì Lê Đức Thọ nói tiếp:

- Chúng tôi tạm thời cho là các ông không làm đảo chính ở Campuchia, nhưng vào cuối tháng 4 năm 1970 ai đưa hàng chục vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn tấn công Campuchia?

Kissinger nói rằng quan điểm hai bên về vấn đề trung lập Campuchia có khác nhau và không muốn nhắc lại quá khứ. Ông cũng cho lời ông Thọ nói rằng Hoa Kỳ phá hoại nền trung lập của Campuchia là không đúng. Lê Đức Thọ cũng không tranh cãi về vấn đề này mà chỉ nói rằng sự thật vẫn là sự thật, rồi tiếp:

- Lần thứ ba, Bộ trưởng Xuân Thuỷ gặp ông tháng 9 năm 1970 thì đến tháng 11 các ông dùng không quân đánh ra miền Bắc, một cuộc tấn công lớn nhất kể từ khi Mỹ chính thức chấm dứt ném bom miền Bắc. Các ông đã dùng trực thăng đổ biệt kích xuống gần Hà Nội.

Đến tháng 1 năm 1971, qua đại sứ Liên Xô ở Mỹ ông đề nghị gặp chúng tôi và đưa ra một số đề nghị. Chúng tôi đã trả lời là chúng tôi đồng ý gặp thì tháng 2 năm 1971, các ông mở cuộc tấn công lên đường 9 Nam Lào.

Thành ra mỗi lần chúng tôi gặp các ông để giải quyết vấn đề thì sau đó các ông đều tiến hành các cuộc tấn công quân sự, dùng sức mạnh quân sự ép chúng tôi trong đàm phán.

Kissinger nói rằng ông gặp Đôbrinin hôm 9 tháng 1 năm 1971 và chỉ nhận được trả lời của đại sứ Liên Xô hôm 23 tháng 2, tức là hai tuần lễ sau cuộc tấn công ở Lào.

Hai bên không bàn thêm về điều này và Lê Đức Thọ tiếp:

- Chúng tôi không dùng trung gian, nhưng chính các ông dùng trung gian nên chúng tôi phải trả lời qua trung gian.

Kết luận Lê Đức Thọ nói:

- Không biết sau lần gặp này các ông định làm gì nữa đây. Các ông có thật sự giải quyết hay còn giờ nhiều thủ đoạn nữa. Đó là điều chúng tôi rất băn khoăn nghi ngờ vì qua các đề nghị của ông chúng tôi thấy các ông chưa thật sự muốn giải quyết. Các ông đặt cách giải quyết vấn đề chưa đúng.

Trước hết, các ông muốn tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị. Nhưng đó là một đề nghị

không thực tế. Hồi đầu năm 1970, các ông đã đồng ý thảo luận vấn đề quân sự và vấn đề chính trị đi đôi. Không có cuộc chiến tranh nào mà lại không có mục đích chính trị. Quân sự chỉ là một thủ đoạn, một phương tiện để đạt mục đích chính trị mà thôi. Nếu tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị thì không giải quyết được vấn đề. Nếu cuộc chiến đấu của chúng tôi không đạt được mục đích chính trị, tức là hoà bình, tự do, độc lập thật sự, thì cuộc chiến đấu đó còn tiếp tục. Các ông đề nghị giải quyết vấn đề quân sự rồi ngừng bắn ngay trong khi chưa giải quyết vấn đề chính trị là nhằm mục đích củng cố nguy quyền tay sai. Các ông dùng bọn tay sai để tiếp tục thực hiện Việt Nam hoá chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới.

Các ông lấy đề nghị quân sự để ép chúng tôi về vấn đề chính trị. Các ông lại nói đề nghị bảy điểm của các ông là đề nghị cuối cùng. Đó là tối hậu thư. Chúng tôi nghĩ rằng trong cuộc đàm phán thương lượng thật sự thì không có đề nghị cuối cùng được. Với tất cả đề nghị như vậy thì làm sao giải quyết được vấn đề và tin được rằng các ông muốn thương lượng nghiêm chỉnh.

Lê Đức Thọ còn nói nhiều đến sai lầm trước đây của Mỹ, đến tương lai thất bại của Việt Nam hoá chiến tranh. Ông nói:

“Các ông đã đưa chủ lực Ngụy ra mở các cuộc tấn công, nhưng quân Ngụy, cái xương sống của Việt Nam hoá chiến tranh, vừa qua đã liên tiếp bị đánh bại... Các cuộc bình định của các ông cũng không đạt được mục đích, chúng tôi nghĩ từ nay đến hết nhiệm kỳ của ông Nixon hoặc ông Nixon có trúng cử một nhiệm kỳ nữa cũng không thể thực hiện được. Thời gian không ủng hộ các ông...

Chiến tranh đã diễn ra trên toàn Đông Dương. Chúng tôi muốn giải quyết hoà bình khu vực này. Chúng tôi muốn Nam Việt Nam, Lào và Campuchia là một khu vực hoà bình, độc lập, trung lập và không liên kết thật sự. Miền Nam Việt Nam không thể trở thành thuộc địa kiểu thực dân mới, nhưng cũng không phải xã hội chủ nghĩa mà phải thật sự độc lập và trung lập, phải có một Chính phủ hoà hợp dân tộc gồm có các bên. Phải có một Chính quyền thật sự độc lập, dân chủ, trung lập, mong muốn hoà bình để nói chuyện thật sự với Chính phủ Cách mạng Lâm thời, giải quyết hoà bình vấn đề Nam Việt Nam. Nếu các ông còn duy trì Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thì không giải quyết được vấn đề”.

Về vấn đề Lào và Campuchia, Lê Đức Thọ nói Việt Nam sẵn sàng góp phần vào việc giải quyết vấn đề Lào và Campuchia sẵn sàng bàn với các bạn Lào và Campuchia... rồi lại nhắc lại phải giải quyết cả vấn đề quân sự và chính trị. Có giải quyết xong toàn bộ vấn đề như vậy mới có thể đi đến ngừng bắn có giám sát quốc tế và bảo đảm quốc tế.

Kissinger cho rằng phát biểu của Lê Đức Thọ là rất hùng hồn và quan trọng. Ông ta cũng nói rằng hai bên nghi ngờ lẫn nhau muốn dùng lợi thế quân sự để ép đối phương. Ông ta cho rằng phía Việt Nam có cách đề cập dựa trên những nguyên tắc chặt chẽ, lập luận của phía Việt Nam xuất phát từ các nguyên tắc chung, cho nên Việt Nam chỉ nhân nhượng một điểm nào đó. sau một thời gian rất dài. Người Hoa Kỳ nghĩ rằng người Việt Nam chẳng thương lượng gì cả. Ông nhắc lại mục tiêu của Mỹ và nói thêm:

- Quả thật đây là đề nghị cuối cùng của chúng tôi, nhưng các ngài có thể đưa ra đề nghị của các ngài. Chúng tôi đàm phán chứ không phải chúng tôi đưa ra tối hậu thư!

Kissinger cũng bào chữa cho Chính quyền Thiệu và nói Nixon thành thật muốn hoà bình. Xuân Thuỷ đề nghị nghỉ giải lao. Lê Đức Thọ mời Kissinger ra vườn dạo chơi. Còn Xuân Thuỷ lên gác, có lẽ để sửa chữa bản phát biểu của mình.

Khi trở lại phòng họp, nỗi vui mừng của Kissinger tăng thêm - và đúng như ông ta nói - thấy hy vọng khác thường khi Xuân Thuỷ trình bày đề nghị chín điểm:

- 1 - Rút hết quân Hoa Kỳ và quân nước ngoài thuộc phe Hoa Kỳ trong năm 1971.
- 2 - Việc thả hết quân nhân và thường dân bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành cùng một

lúc với việc rút quân nói trên.

3 - Hoa Kỳ phải chấm dứt ủng hộ Thiệu - Kỳ - Khiêm, lập ra ở Sài Gòn một Chính quyền mới tán thành hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập. Chính phủ Cách mạng Lâm thời sẽ nói chuyện với Chính quyền đó để giải quyết công việc nội bộ miền Nam và thực hiện hoà hợp dân tộc.

4 - Hoa Kỳ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, phải bồi thường những thiệt hại do Mỹ gây ra cho cả nước Việt Nam.

5 - Hoa Kỳ phải tôn trọng các Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và năm 1962 về Lào, chấm dứt can thiệp và xâm lược các nước Đông Dương.

6 - Các vấn đề liên quan đến các nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng tham gia vào việc giải quyết các vấn đề đó.

7 - Các bên sẽ thực hiện ngừng bắn sau khi Hiệp nghị được ký kết.

8 - Qui định giám sát quốc tế.

9 - Có bảo đảm quốc tế đối với các quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương.

Những điểm trên đây là một thể thống nhất.

Kissinger hỏi rõ thêm nhiều điểm, hứa sẽ nghiên cứu kỹ, nhưng trước hết ông có nhận xét về điểm 4 (bồi thường chiến tranh). Ông nói rằng Mỹ không thể chấp nhận được vì Hoa Kỳ là một nước lớn. Chúng tôi đã nói nhiều lần là chúng tôi đồng ý cung cấp viện trợ kinh tế tự nguyện và thiện chí vì đó là nguyên tắc và danh dự của Tổng thống.

Xuân Thuỷ:

- Nước Mỹ được người ta quý trọng không phải Mỹ có nhiều vũ khí và đô la. Điều cao quý ở đời là sự bình đẳng giữa các dân tộc dù lớn hay nhỏ. Mỹ đã gây ra thiệt hại, tất nhiên Mỹ phải đền bù. Đó là chuyện bình thường.

Đến đây cuộc gặp tạm dừng. Hai bên nói sẽ giữ bí mật và nghiên cứu ý kiến của nhau. Xuân Thuỷ cho Kissinger biết rằng bà Nguyễn Thị Bình muốn gặp đại diện cấp cao của Chính phủ Mỹ để nói rõ ý kiến của bà ấy.

Kissinger:

- Tôi sợ bà ấy lắm!

Xuân Thuỷ:

- Bà ấy là một phụ nữ mềm mỏng.

Kissinger:

- Nhưng bà ấy ghê lắm. Để xem chúng ta có tiến bộ trong nói chuyện hay không, để xem triển vọng thế nào đã.

Kissinger nhấn mạnh rằng:

- Nếu bà Bình công bố chín điểm thì Hoa Kỳ sẽ công bố bảy

Xuân Thuỷ:

- Chúng tôi giữ bí mật những điều nói trong diễn đàn này, nhưng chúng tôi làm sao ảnh hưởng đến bà Bình được.

Khi từ biệt, Kissinger còn nói thêm rằng ông ta xem xét chín điểm với thiện cảm và cố gắng tìm những điểm tương đồng chứ không phải giữ bất đồng. Ông tin rằng đây là thời gian then chốt để hai bên có những cố gắng lớn lao nhằm đạt được thoả thuận.

Về sau, ông ta viết về cuộc họp đó:

"Các dòng nghiệp của tôi và tôi tràn đầy phấn khởi khi nghĩ rằng lần đầu tiên Hà Nội đã đáp ứng lại một trong các đề nghị của chúng ta, dù rằng sự đáp ứng đó còn rất khó để nói là một dấu ấn của sự độ lượng" (Ở nhà Trắng. Sdd, tr 1078.).

Trong báo cáo về Nhà Trắng ông ta cũng viết:

"Những nhà lãnh đạo của họ (Hà Nội - Tác giả) đã đi gần tới cách nhìn của chúng ta... Đề nghị của họ có nhiều điểm tích cực đồng thời có nhiều điểm khó nuốt - Rõ ràng họ muốn thúc đẩy cuộc thương lượng xa hơn và một cách cụ thể" (H.Kissinger. Ở nhà trắng, tr 1079.).

Cũng trong thời gian này, Hà Nội hạ quyết tâm:

"Giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời chuẩn bị kiên trì đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài" (Lịch sử KCCM. 1./1, tr 1021).

Trong thư ngày 29 tháng 6 năm 1971 gửi Trung ương cục miền Nam, Tổng Bí thư Lê Duẩn viết:

"Lúc này ta có khả năng kéo Mỹ xuống một bước nữa để giành một thắng lợi căn bản tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn... Muốn kéo Mỹ xuống nữa... phải dùng chính trị, ngoại giao kết hợp với quân sự... Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của ta trong mùa Xuân 1971, việc Mỹ rút thêm quân cuối năm nay và cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1972 là những sự kiện do trùng hợp với nhau mà tạo nên thời cơ thuận lợi" (Lê Duẩn, Thư vào Nam. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1985, tr 271-272.).

Đề phối hợp đấu tranh công khai và thương lượng bí mật, ngày 1 tháng 7 năm 1971 - tức là năm ngày sau cuộc gặp riêng - giữa hai bên nói trên - Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình, Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời tại Hội nghị bốn bên đưa ra đề nghị bảy điểm.

Vấn đề đầu tiên là đòi Mỹ rút quân Mỹ và quân nước ngoài thuộc phe Mỹ trong năm 1971 đồng thời thả tù binh cùng thời gian đó. Điều này phù hợp với Nghị quyết của Thượng nghị viện Mỹ thông qua ngày 22 tháng 6 năm đó.

Vấn đề lớn thứ hai là đòi chấm dứt ủng hộ nhóm cầm quyền do Thiệu cầm đầu, đòi chấm dứt mọi thủ đoạn, kể cả tuyển cử gian lận để duy trì bọn này và lập một Chính phủ hoà hợp dân tộc rộng rãi gồm ba thành phần ở miền Nam Việt Nam

Về các vấn đề khác như vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam, vấn đề thống nhất Việt Nam, chính sách ngoại giao hoà bình, trung lập của miền Nam, vấn đề trách nhiệm của Mỹ trong việc giải quyết hậu quả chiến tranh, bảo đảm quốc tế... Chính phủ Cách mạng Lâm thời vẫn giữ như cũ không có gì mới.

Bảy điểm này gần giống như chín điểm nhưng chỉ thu hẹp trong phạm vi miền Nam Việt Nam và chĩa vào Thiệu nhằm tác động đến tuyển cử sắp tới ở Sài Gòn.

Việc đưa ra đề nghị này lại làm cho dư luận rộ lên về vấn đề Việt Nam và Hội nghị Paris. Có vấn đề đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ cũng luôn gặp gỡ các báo chí Mỹ và đại diện các nước. Phong trào chống chiến tranh ở Mỹ lại bùng lên. Kissinger nhận xét rằng "Kế hoạch của bà Bình đã được soạn thảo một cách rất thông minh để lồng nó vào cuộc tranh luận công khai đang diễn ra ở Hoa Kỳ" (H.Kissinger. Ở nhà Trắng. Sđd, tr 1079.).

Quốc hội và báo chí Mỹ lại đòi Chính phủ đừng bỏ qua một dịp chưa từng có để lập lại hoà bình.

Chính quyền Nixon không dám bác bỏ ngay, mà còn nghiên cứu. Tại Sài Gòn, lúc đầu Chính quyền Thiệu cũng lên tiếng bác bỏ, nhưng trước sự hưởng ứng của dư luận cũng phải tìm cách né tránh, nói giống như Nixon.

Ngày 3 tháng 7, Kissinger đi Sài Gòn gặp Thiệu - Kỳ và Chủ tịch Thượng nghị viện ở đây. Ông còn gặp cả tướng Dương Văn Minh, người đã nắm quyền ba tháng sau khi Ngô Đình Liệm bị Mỹ lật đổ năm 1963, lúc đó có tin sẽ ra tranh cử Tổng thống với Thiệu vào tháng 10 tới.

Từ Sài Gòn, Kissinger bí mật bay đi Bắc Kinh, gặp các nhà lãnh đạo Trung Quốc (9 tháng 7 năm 1971) chuẩn bị cho chuyến đi thăm của Nixon sang Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa năm sau. Và sau đó, ngày 12 tháng 7, như qui định của hai bên trong phiên họp trước, Kissinger trở lại Paris hội

đàm riêng với Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ suốt trong ba giờ, một cuộc họp mà ông cho là "đáng khích lệ nhất chưa từng có" (Như trên, tr 817.).

Kissinger trách Xuân Thuỷ về việc bà Bình đưa ra bảy điểm mà nội dung gần giống chín điểm của Xuân Thuỷ, tỏ ý nghi ngờ về thái độ nghiêm chỉnh của phía Việt Nam và nói rằng: "Các ngài cần lựa chọn giữa tuyên truyền và thương lượng... Các ngài đánh giá sai về tình hình Hoa Kỳ từ năm 1969, đến nay các ngài lại dựa vào tình hình Hoa Kỳ năm 1971, các ngài cũng sẽ sai lầm nữa...".

Xuân Thuỷ tỏ ra ngạc nhiên trước những lời nói mở đầu của Kissinger, ông nói:

- Những ý kiến ông nêu ra để trách chúng tôi thì đáng lẽ ra chúng tôi phải trách các ông mới đúng. Ông nói với chúng tôi là không gây ra những sự nổ bùng, nhưng ông vừa rời Paris được mấy hôm thì đã có sự nổ bùng trên chiến trường Đông Dương: Mỹ đang chỉ huy cuộc tấn công lấn chiếm Cánh Đồng Chum, ở Campuchia chiến sự nổ ra ở vùng Mỏ Vẹt. Tại Nam Việt Nam, máy bay B52 ném bom rất dữ dội ở nhiều vùng cùng với các cuộc càn quét ác liệt đang diễn ra. Ở miền Bắc, các ông đánh phá vùng giáp danh giữa Bắc Việt Nam và Lào, và cách đây mấy hôm lại ném bom lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Kissinger ngắt lời Xuân Thuỷ và hỏi rõ ở vùng nào. Xuân Thuỷ:

- Ở vùng Quảng Bình và Vĩnh Linh (ngày 30 tháng 6 và mùng 1 tháng 7 - Lê Đức Thọ thêm vào).

Xuân Thuỷ tiếp:

- Ông nói với chúng tôi là phải giữ bí mật nhưng ông đi châu Á được mấy hôm thì Washington tung tin là có những cuộc gặp bí mật. Bà Bình yêu cầu gặp ông, ông không gặp, tất nhiên bà ấy phải nói ở Hội nghị Kléber, nhất là ngày 30 tháng 6 đã qua, ngày mà bà Bình đề ra thời hạn rút hết quân Mỹ, nhưng các ông không đáp ứng thì bà ấy phải có tuyên bố khác.

Bộ trưởng còn nhấn mạnh Việt Nam dựa vào lực lượng của mình mà chiến đấu chứ không chờ tình hình biến chuyển ở Mỹ.

- Năm 1964 khi các ông ồ ạt đánh Việt Nam, Thượng viện, Hạ viện, và nhân dân Mỹ đều ủng hộ Chính phủ Mỹ cả, sao chúng tôi vẫn kháng chiến. Tóm lại, chúng tôi không làm tuyên truyền. Chúng tôi đưa ra chín điểm là thật sự muốn giải quyết nhanh chóng. Tôi tin rằng những đề nghị của bà Bình cũng là để giải quyết chứ không phải để tuyên truyền.

Kissinger nhắc lại sự nghi ngờ của ông nhưng cũng nói muốn đi vào thương lượng nghiêm chỉnh.

Lê Đức Thọ nhắc lại việc hai bên nghi ngờ nhau:

- Chúng tôi đã thương lượng với Hoa Kỳ ba năm rồi. Hội nghị Paris không tiến triển được là do phía Mỹ liên tiếp mở các cuộc họp tấn công quân sự rồi hạ thấp Hội nghị Paris hàng năm trời không có trưởng đoàn, trong khi Bộ trưởng Xuân Thuỷ vẫn ngồi nói chuyện với người thứ ba trong đoàn Mỹ...

Nhưng Lê Đức Thọ không tranh luận về vấn đề này mà đi vào bình luận đề nghị của Kissinger. Ông nói:

- Trong bảy điểm của các ông có những điểm mà chúng tôi đồng ý về nguyên tắc nhưng chưa đi vào cụ thể, nhưng có điểm về nguyên tắc chúng tôi chưa đồng ý. Ví dụ:

- Việc giám sát quốc tế về ngừng bắn tuy còn phải thảo luận nhưng về nguyên tắc thì đồng ý.

- Việc tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và Hiệp định Genève năm 1962 về Lào, chúng tôi cũng đồng ý và chúng tôi đã làm. Các ông nói phải có thể thức bảo đảm quốc tế, chúng tôi cũng đồng ý.

Còn vấn đề tù binh của hai bên, chúng tôi nói thả tù binh chiến tranh, các ông nói thả cả tù binh ở Đông Dương. Để thả tù binh, chúng tôi đòi Hoa Kỳ phải định ngày rút quân. Chính ông Nixon cũng nói thả tù binh thì Hoa Kỳ rút hết quân.

Có những điểm ông đưa ra chúng tôi không đồng ý. Thí dụ: điểm hai của các ông (rút quân ngoại

nhập ra khỏi các nước Đông Dương - Tác giả) và điểm sáu của chúng tôi về việc giải quyết các vấn đề giữa người Đông Dương với nhau còn khác xa lắm ...

Theo yêu cầu Lê Đức Thọ, Kissinger bình luận chín điểm của Việt Nam, nhưng trước khi trình bày, ông ta bào chữa cho việc Hoa Kỳ ném bom Vĩnh Linh, Quảng Bình là do Việt Nam tập trung ở phía Bắc khu phi quân sự uy hiếp quân Mỹ. Ông ta vẫn cay cú về việc đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời đưa công khai bảy điểm và nói Mỹ đàm phán với Việt Nam chứ không phải với tờ Thời báo New York (trong hai ngày liền, 2 và 3 tháng 7 báo này có phê phán thái độ thiếu thiện chí của Chính quyền Nixon đối với đề nghị của bà Bình, và thúc giục Mỹ phải nắm lấy thời cơ - Tác giả).

Sau đó Kissinger bình luận từng điểm một trong đề nghị của Việt Nam:

* Về điểm 1 - Chúng tôi sẵn sàng đưa ra một thời hạn rút toàn bộ lực lượng Hoa Kỳ và đồng minh như mục 1 của chương trình làm việc một khi chúng ta đã đạt được thoả thuận về cái khung, chưa đi vào cụ thể của cái khung đó.

* Về điểm 2 - Chúng tôi chấp nhận cách viết của các ngài với hai điểm nói rõ thêm như sau:

- Hai bên sẽ đưa danh sách quân nhân và thường dân vô tội bị giam giữ trên toàn Đông Dương vào ngày đạt được thoả thuận.

- Việc thả tù binh sẽ bắt đầu cùng ngày với việc rút quân của chúng tôi theo một thời gian biểu được thoả thuận và sẽ hoàn thành cùng ngày với các cuộc rút quân.

Các ngài nhận thấy chúng tôi bỏ điểm nói rằng tù binh phải được thả hết hai tháng trước khi hoàn thành các cuộc rút quân xem đó là cử chỉ thiện chí và nhằm đẩy nhanh tiến bộ.

* Về điểm 3 - Tôi muốn gác lại và thảo luận riêng trong phần cuối những nhận xét của chúng tôi.

* Điểm 4 - Không thể chấp nhận được về nguyên tắc như tôi đã nói lần trước. Tôi sẽ bình luận về điểm này sau khi tôi đã phát biểu về các điểm khác.

* Điểm 5 - Chúng tôi chấp nhận về nguyên tắc nhưng không theo lời lẽ dự thảo hiện nay. Chúng tôi sẵn sàng tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 và năm 1962 trên cơ sở có đi có lại áp dụng cho tất cả các nước. Chúng tôi xem những từ ngữ như "Hoa Kỳ xâm lược" là những sáo ngữ không thể chấp nhận được và phải bỏ đi. (Có trao đổi ngoài lề một chút về vấn đề này, không quan trọng lắm).

Về điểm 6 - Chúng tôi chấp nhận nguyên tắc là tương lai của Đông Dương phải do các bên Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và không can thiệp vào nội bộ của nhau. Nhưng câu cuối của các ngài là không cần thiết ...

* Về điểm 7 - Chúng tôi chấp nhận về nguyên tắc, nhưng muốn viết lại: sẽ có một cuộc ngừng bắn chung trên toàn Đông Dương bắt đầu khi Hiệp định được ký kết, xem như một phần của ngừng bắn, không được đưa thêm lực lượng ngoại nhập vào các nước Đông Dương.

Chúng tôi chấp nhận điều 8 và điều 9. Như thế là chúng tôi đồng ý các điểm 8 và 9, đồng ý về nguyên tắc các điểm 1, 2, 5, 6, 7.

Tiếp đó ông nói về điểm 3 và điểm 4.

Về điểm 4, Kissinger nói:

- Như tôi đã nói trong phiên họp lần trước, quan niệm về bồi thường là không thể chấp nhận được. Tuy nhiên Tổng thống cho phép tôi nói với các ngài rằng chúng tôi muốn khởi đầu một mối quan hệ với các ngài cũng như với các nước Đông Dương.

Do đó, sau khi ký kết hoà bình, Tổng thống sẵn sàng mở đầu một chương trình viện trợ lớn tất cả các nước Đông Dương xem như một cử chỉ thiện chí. Chúng tôi sẽ làm việc đó như một hành động tự nguyện mà các ngài có thể tin cậy, chứ không xem như một nghĩa vụ hay một điều kiện hoà bình...

Mặt khác, chúng tôi có thể chấp nhận về nguyên tắc điểm 3 của các ngài theo nghĩa chung của nó. Chúng tôi có thể đồng ý là chúng tôi không cam kết với bất cứ một Chính phủ nào ở Sài Gòn, nhưng cũng theo nguyên tắc ấy chúng tôi phải được quan hệ với bất cứ Chính phủ nào tồn tại ở đó.

Chúng tôi sẵn sàng đồng ý về một mối quan hệ được quy định với bất cứ một chính phủ nào ở Sài Gòn sau khi Hiệp định hoà bình được ký kết. Nghĩa là chúng tôi sẵn sàng xác định mối quan hệ cụ thể về kinh tế, quân sự và chính trị mà một Chính phủ Sài Gòn có thể có với chúng tôi trong điều kiện hoà bình. Về vấn đề này chúng tôi sẵn sàng xem xét nghiêm chỉnh một số ý kiến nêu trong điểm 4b và điểm 5 trong đề nghị ngày 1 tháng 7 của bà Bình.

Đó là mức xa nhất chúng tôi có thể đi, cũng là mức tối đa các ngài có thể nêu ra một cách thực tế.

Chuyến đi Sài Gòn đã làm cho tôi tin rằng cách nhanh nhất để bắt đầu sự tiến triển chính trị đó là chúng ta thoả thuận trong mùa hè này một giải pháp cho cuộc xung đột.

Hoa Kỳ không chống ý kiến về vấn đề thống nhất Việt Nam nêu ở đoạn 4a trong tuyên bố của bà Bình. Tôi cũng cần phải vạch rõ rằng chúng tôi giữ thêm điểm 2 trong đề nghị bảy điểm của chúng tôi.

Cuối cùng, Kissinger kết luận:

- Bây giờ là thời gian chủ chốt để hai bên có những cố gắng to lớn nhằm thực hiện những tiến bộ để đi đến thoả thuận. Không có lúc nào thuận lợi hơn để đem lại hoà bình cho nhân dân chúng ta và nhân dân thế giới.

Xuân Thuỷ nêu ra một loạt câu hỏi, và cuộc thảo luận kéo dài. Xuân Thuỷ muốn gây sức ép để Kissinger đưa ra một ngày cụ thể để về việc rút quân Mỹ. Nhưng ông ta không chịu mà chỉ nói rằng đó là điểm thứ nhất trong chương trình làm việc khi hai bên thoả thuận về cái khung.

Về vấn đề thay Nguyễn Văn Thiệu vào lúc trước bầu cử tháng 10 được trao đổi nhiều.

Xuân Thuỷ nhấn mạnh:

- Thế nào cũng phải thay Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu... Các ông đã cung cấp cho họ một bộ máy quân sự, cảnh sát và hành chính để đàn áp nhân dân và những người đối lập. Như vậy là trên thực tế các ông vẫn duy trì Chính quyền Thiệu. Tôi xin nói nếu không thay Chính quyền Thiệu thì không thể giải quyết hoà bình được vấn đề Việt Nam... Ông nói không thể làm được nhưng chúng tôi lại cho rằng các ông có khả năng làm nhưng các ông không chịu làm. Nếu các ông không chịu làm việc này thì không những đàm phán không có kết quả được mà dư luận sẽ cho rằng Mỹ không muốn rút khỏi miền Nam Việt Nam. Các ông không muốn giải quyết vấn đề này tức là các ông không có thiện chí.

Lê Đức Thọ tiếp lời Xuân Thuỷ:

- Có lẽ đây là trở ngại lớn nhất vì Chính quyền này rất độc tài, hiếu chiến... còn Thiệu thì không thể có hoà bình được... Có thể nói vấn đề thay Thiệu hay không là thước đo ý định của các ông muốn hoà bình hay tiếp tục Việt Nam hoá chiến tranh. Nếu các ông thay Thiệu thì chúng tôi sẵn sàng giải quyết vấn đề chiến tranh một cách nhanh chóng không những ở Việt Nam mà ở cả Đông Dương. Chúng tôi đã đàm phán năm 1954 và 1962, các ông cũng đã thấy chúng tôi giải quyết hợp tình hợp lý như thế nào. Do đó nếu các ông thay Thiệu thì chúng tôi sẽ bước những bước dài nhanh chóng và thoả đáng đối với các bên. Những lời tôi nói hôm nay với ông là nghiêm chỉnh...

Kissinger:

- Tổng thống Nixon sẽ bảo tôi rằng: Nếu chúng ta thực hiện những điều cụ thể như họ nói với chúng ta thì họ sẽ có những bước tiến, những bước tiến đó không rõ ràng. Vậy thì chúng ta phải làm thế nào?

Lê Đức Thọ:

- Nếu các ông sẵn sàng thay Chính quyền Thiệu thì chúng tôi sẽ đáp ứng.

Kissinger:

- Đáp ứng thế nào?

Lê Đức Thọ:

- Sẽ thảo luận các vấn đề nêu ra.

- Nếu giải quyết như vậy rồi thì còn gì mà thảo luận nữa.

Lê Đức Thọ:

- Nếu các ông đồng ý thay Thiệu thì chúng tôi sẽ thảo luận các vấn đề ông nêu ra và giải quyết một cách thoả đáng.

Kissinger:

- Như thế nghĩa là nếu chúng tôi không thoả thuận thì các ông không thảo luận nữa hay sao?

Lê Đức Thọ:

- Nếu các ông không giải quyết vấn đề thì khó mà tiến lên được. Chúng tôi cũng như Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam muốn nói chuyện với một Chính quyền ở miền Nam Việt Nam tán thành hoà bình và muốn nghiêm chỉnh giải quyết vấn đề. Nhưng nếu các ông cố giữ Thiệu thì làm sao giải quyết được?

Kissinger:

- Các ông cứ nói chúng tôi phải thay Thiệu thì cụ thể các ông muốn chúng tôi phải làm gì?

Lê Đức Thọ:

- Các ông có nhiều cách để thay thế. Tôi có thể nêu một ví dụ. Thiệu do các ông đưa lên, bây giờ nhân dịp bầu cử các ông muốn thay Thiệu thì thay được vì đó là một cơ hội để các ông thay Thiệu. Dư luận báo chí và những người đối lập ở Sài Gòn đều biết rằng nếu các ông ủng hộ Thiệu thì Thiệu sẽ trúng cử, còn nếu các ông không ủng hộ Thiệu thì Thiệu sẽ không trúng cử được.

Kissinger:

- Mùa hè này là cơ hội cuối cùng để hai bên đạt được hoà bình bằng cách thương lượng với nhau. Nếu không đạt được kết quả thì Mỹ tiếp tục Việt Nam hoá chiến tranh. Cuộc chiến tranh đẫm máu sẽ tiếp tục kéo dài. Có thể các ngài sẽ thắng và có thể các ngài sẽ không thắng. Nhưng dù sao chiến tranh cũng sẽ chấm dứt không phải bằng thương lượng.

Lê Đức Thọ nhấn mạnh quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta cho đến khi đạt được độc lập tự do... và nhắc lại việc thay Thiệu.

Kissinger nêu lên hai điểm. Điểm thứ nhất Mỹ không dùng thủ đoạn vật vờ với ta, Tổng thống Nixon đã sốt ruột lắm rồi, chắc ông ta không thể cho Kissinger tiếp tục như thế này nữa. Điểm thứ hai là nói đến vấn đề thay Thiệu là Việt Nam phải nói trong phạm vi khả năng của Mỹ. Nếu các ngài đòi Hoa Kỳ không ủng hộ bất cứ một ứng cử viên nào trong bầu cử thì điều đó Hoa Kỳ có thể dễ làm nếu Hoa Kỳ hứa... Nhưng nếu các ngài lại muốn có một văn kiện viết trong đó chúng tôi hứa bảo đảm thay Thiệu bằng bất cứ cách nào thì chắc chắn Tổng thống Nixon sẽ không đồng ý.

Xuân Thuỷ:

- Nếu các ông nói các ông không ủng hộ ứng cử viên nào tức là các ông đã ủng hộ Thiệu. Tôi thấy các ông có nhiều cách để thay Thiệu hoặc trong bầu cử như ông Cố vấn Lê Đức Thọ có nói, hoặc trước bầu cử các ông khuyên Thiệu không ra ứng cử.

- Cách đó nhẹ nhàng hơn - Lê Đức Thọ thêm.

Sau này Lê Đức Thọ kể lại: Khi nói chuyện riêng với Kissinger, tôi bảo: "ông muốn hạ Thiệu thì thiếu gì cách". Ông ta cho câu nói đó của tôi có nghĩa là ám sát Thiệu (Lê Đức Thọ. Những ý kiến về cuộc thương lượng ở Paris, ngày 14 tháng 11 năm 1988. Xem thêm Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd. Tr 1086.). Cả hai bên thấy cần dừng cuộc họp ở đây để nghiên cứu ý kiến của nhau.

Hai bên hẹn gặp lại nhau vào 26 tháng 7.

Về cuộc họp này, Xuân Thuỷ báo cáo về Hà Nội rằng Mỹ vẫn giữ hai vấn đề cơ bản: chưa chịu ấn định thời hạn rút hết quân Mỹ, chưa chịu thay Thiệu - nhưng từ thái độ của Mỹ đến nội dung các vấn đề nêu ra cũng như cách đặt vấn đề của Kissinger đều chứng tỏ Mỹ có bước lùi, tỏ ra yếu và tỏ ý muốn thương lượng để giải quyết vấn đề. Điều đáng chú ý là Mỹ muốn tỏ ra mặc cả với ta không

những về vấn đề quân sự mà cả về chính trị.

Các chuyên gia ở Bộ Ngoại giao tại Hà Nội cũng thấy rằng Mỹ muốn sớm giải quyết vấn đề, tỏ ra có một số điểm mềm dẻo: không nhắc đến vấn đề quân miền Bắc rút khỏi miền Nam, đồng ý ngừng bắn sau khi có Hiệp định, giải quyết vấn đề tù binh đồng thời với việc rút quân Mỹ và hé ra sẽ có viện trợ đáng kể không hoàn lại sau chiến tranh.

Đoàn Đại biểu ta ở Paris đề xuất với trong nước nên đưa ra đề nghị mới để ép Mỹ xuống thang về chính trị (thay Thiệu) và định thời hạn rút quân. Hà Nội đang cân nhắc.

Thời cơ: Sớm hay muộn đều có hại

Ngày 13 tháng 7 năm 1971, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai bí mật qua Hà Nội thông báo việc Kissinger đi Bắc Kinh. Sau khi kể qua một số chuyện về ý muốn xích lại gần nhau của cả hai phía Trung Quốc và Mỹ, ông nói rằng Trung Quốc thấy đã đến lúc để Kissinger vào Trung Quốc vì ông ta đã tiếp xúc với Việt Nam. Kissinger sang Trung Quốc với hai nhiệm vụ: bàn việc Nixon sang Trung Quốc, còn Nixon sang Trung Quốc bàn vấn đề gì? Chu Ân Lai nói:

“Vấn đề Đông Dương là quan trọng nhất trong cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi và Kissinger. Kissinger nói rằng Mỹ gắn việc giải quyết vấn đề Đông Dương với việc giải quyết vấn đề Đài Loan đối với Trung Quốc, vấn đề rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam là một vấn đề số một. Còn vấn đề Trung Quốc vào Liên Hiệp Quốc là vấn đề thứ hai”

. Chu Ân Lai cũng nói:

“Vấn đề quan trọng hơn hết là vấn đề Việt Nam. Chúng tôi nói với Kissinger rằng chúng tôi kiên quyết ủng hộ bảy điểm của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Các ông phải rút khỏi Đông Dương không điều kiện, phải rút hết, phải định thời hạn rút hết lực lượng, hải, không quân, lính thủy đánh bộ, căn cứ quân sự, quân cảng... Nhưng Kissinger nói Mỹ sẽ giữ lại một số Cố vấn kỹ thuật. Về chính trị Mỹ không muốn có Nguyễn Văn Thiệu. Kissinger còn nói khi về Paris sẽ gặp lại Lê Đức Thọ nêu bốn điểm:

- Mỹ rút quân trong mười hai tháng.
- Tù binh cũng thả trong mười hai tháng
- Phải ngừng bắn toàn diện.
- Phải tôn trọng Hiệp định Genève"

(Vụ Thông tin báo chí Bộ Ngoại giao: Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua. Nhà xuất bản Sự Thật, Hiệp định 1979, trang 57).

Trao đổi với Việt Nam, Chu Ân Lai nói rõ thêm; Hoa Kỳ không đòi Quân đội miền Bắc rút khỏi miền Nam, nhưng họ đòi Quân đội miền Bắc phải rút khỏi Lào và Campuchia... Theo ý ông Chu, vấn đề rút quân khỏi Việt Nam trở thành vấn đề số một của Mỹ, việc công nhận Trung Quốc là vấn đề số hai. Cuộc đàm phán Paris trở thành vấn đề then chốt... giai đoạn mấu chốt là từ nay đến tháng 5 năm 1972. Các đồng chí Việt Nam bắt họ rút trong năm nay. Trung Quốc ủng hộ các đồng chí đòi rút trong năm nay.

Ngày 15 tháng 7 năm 1971 tại Washington, Nixon công bố sẽ đi thăm Trung Quốc trước tháng 5 năm 1972. Đây là một tin giật gân được dư luận Mỹ và thế giới hết sức quan tâm, đặc biệt trong điều kiện hai nước đã giữ thái độ thù địch trong hơn hai mươi năm.

Ngày 25 tháng 7 tại Paris, Đại sứ Hoàng Chấn cũng thông báo cho Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ nội dung về cuộc hội đàm Chu Ân Lai - Kissinger giống như ông Chu đã thông báo cho Hà Nội, nhưng nhấn mạnh hai trở ngại chính trong đàm phán:

1- Bắc Việt Nam cứ đòi lật đổ chế độ hiện nay ở Sài Gòn như là một điều kiện cho việc tìm kiếm hoà bình.

2- Bắc Việt Nam từ chối một cuộc ngừng bắn toàn Đông Dương trong khi quân Hoa Kỳ rút.

Qua thông báo của Thủ tướng Chu Ân Lai, Hà Nội thấy rằng việc cải thiện quan hệ Trung - Mỹ là vì quyền lợi của hai bên. Nhưng Hà Nội chưa hiểu hết ý nghĩa và nội dung trao đổi giữa hai bên.

Lúc này, so sánh lực lượng trên chiến trường chính chưa lợi cho Việt Nam, lực lượng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời đang chuẩn bị cho hoạt động xuân hè năm 1972 nhằm "giành thắng lợi quyết định".

Ngày 17 tháng 7, Nguyễn Duy Trinh thông báo cho Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ:

“Đối với Việt Nam thời gian trước mắt chưa phải là thời cơ giải quyết. Năm vững thời cơ là

vấn đề rất quan trọng, sớm hay muộn đều có hại. Tương quan mà chúng ta phải nắm không phải là tương quan hiện tại mà là tương quan không diễn biến có lợi cho ta, rất khó khăn cho địch. Vì vậy anh Ba (tức Lê Duẩn - Tác giả) và các anh khác thấy trước mắt ta chưa nên làm gì khác ngoài chín điểm đã đưa. Địch sẽ cho ta là yếu và tăng sức ép. Mỹ đặt yêu cầu có cái khung chung, cái khung chung hiện nay là chín điểm. Cứ tiếp tục đi sâu vào chín điểm, xoáy vào hai điểm chính: vấn đề rút quân Mỹ và vấn đề thay thế chế độ Thiệu...”

Cuộc họp ngày 26 tháng 7 bắt đầu bằng phát biểu của Xuân Thuỷ, với một loạt câu hỏi nêu ra cho Kissinger về hầu hết các vấn đề tập trung vào hai vấn đề chủ yếu: Thời hạn rút quân Mỹ và Chính quyền ở Sài Gòn. Và khi Kissinger trả lời mập mờ thì Xuân Thuỷ lại hỏi lại. Có lúc Kissinger đã phải nói: "Tôi không thoát được điểm nào khỏi sự chú ý của Bộ trưởng"

Về vấn đề rút quân, Xuân Thuỷ nhắc lại Mỹ không chịu đưa ra một ngày cụ thể tuy đã đồng ý về nguyên tắc, như vậy là kéo dài chứ không phải giải quyết nhanh chóng.

Ông chất vấn Kissinger:

- Có phải các ông từ chối không thay đổi Chính quyền Sài Gòn do nhóm Nguyễn Văn Thiệu cầm đầu không?

Và nhận xét thêm rằng: trong đề nghị của Mỹ, vấn đề Chính quyền ở Sài Gòn không được ghi thành một điểm riêng, rõ ràng là chúng ta không giải quyết cả vấn đề quân sự và chính trị ở miền Nam thì không giải quyết được vấn đề.

Đối với những điểm mà phía Mỹ đã đồng ý về nguyên tắc nhưng sẽ viết lại hoặc bổ sung thêm thì phía Việt Nam sẽ nghiên cứu không có vấn đề gì khó khăn lắm. Kể cả việc Kissinger nói về viện trợ. Xuân Thuỷ kết luận:

- Chúng ta có một vài tiến bộ là đồng ý lấy chín điểm của chúng tôi và bảy điểm của các ông để thảo luận. Nhưng có hai điểm mấu chốt các ông vẫn không nói gì cả là: thời hạn rút quân gắn liền với vấn đề tù binh, và Chính quyền ở miền Nam. Chúng tôi đã nói rõ là phải thay nhóm Nguyễn Văn Thiệu. Điều 7 của các ông không ghi vấn đề này cũng không nói gì thêm. Ông nói phải thoả thuận cái khung, nhưng những vấn đề mấu chốt này là xương sống của cái khung mà không nói gì cụ thể thì làm sao có được cái khung?

Lê Đức Thọ:

- Một cái khung không có xương sống.

Kissinger

- Ông Cố vấn đặc biệt lại muốn làm văn.

Lê Đức Thọ:

- Một cái khung không có xương sống thì nó sẽ đổ.

Rồi tiếp:

- Tôi muốn nhìn lại một cách tổng quát ý kiến của các ông về cách giải quyết vấn đề Việt Nam và cách đặt vấn đề giải quyết các vấn đề Đông Dương như thế nào?

Các ông đã nhúng tay quá sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và chiến tranh ở Đông Dương. Trong quá trình đó các ông lại gặp nhiều thất bại, và hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc làm thế nào để giải quyết vấn đề Việt Nam và Đông Dương. Chúng tôi nhận thấy là hiện nay các ông cũng muốn rút ra khỏi chiến tranh Việt Nam và chiến tranh Đông Dương nhưng lại tính toán làm sao có lợi nhất cho các ông. Vì vậy các ông tính rút bằng hai cách: thương lượng và Việt Nam hoá chiến tranh. Ý định của các ông là lấy hai vấn đề này hỗ trợ cho nhau. Việt Nam hoá chiến tranh nhằm duy trì một Chính quyền và một quân đội mạnh mẽ ở miền Nam Việt Nam bảo đảm cho các ông thực hiện ý định chủ nghĩa thực dân mới. Còn nếu không thương lượng được thì các ông cũng tích cực thực hiện Việt Nam hoá chiến tranh để đạt được ý định của các ông là biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu

mới .

Cách thương lượng của các ông chính là nhằm đạt được mục đích đó. Vì vậy, các ông muốn tách vấn đề quân sự, với vấn đề chính trị ... lẩn tránh vấn đề chính trị, chỉ chú ý vấn đề quân sự, mà giải quyết vấn đề quân sự thì ý định các ông cũng là rút từ từ để giải quyết bằng thương lượng hay không các ông vẫn duy trì được Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Vì thế các ông không đưa ra một thời hạn cụ thể nào cho việc rút quân mà còn đặt điều kiện cho việc rút quân. Nghiên cứu cái khung của các ông chúng tôi thấy rõ những điểm nào các ông đồng ý đều là có lợi cho các ông, những điểm nào các ông đề nghị sửa đổi thì cũng vậy. Nhưng có hai điểm mâu chốt như Bộ trưởng Xuân Thuỷ đã nói là cái xương sống của cái khung thì các ông lại loại ra khỏi cái khung.

Tóm lại, những điểm các ông đồng ý hay đề nghị sửa chữa là những điểm phụ, nhưng về những điểm chính thì cách đặt vấn đề của các ông lại khác chúng tôi. Trong hai điểm chính các ông gọi là nhân nhượng và tiến bộ là các ông rút việc thả tù binh trước khi rút hết quân. Lần trước chúng tôi nhận xét đó là tiến bộ, nhưng là tiến bộ nhỏ giọt so với những điểm chúng tôi đưa ra mà các ông đã đồng ý chấp nhận. Các ông nói giải quyết nhanh nhưng ý muốn của các ông lại mâu thuẫn với mục tiêu của các ông.

Lê Đức Thọ nhấn mạnh:

- Chúng tôi đồng ý với cái khung và từ đó đi vào từng vấn đề cụ thể, cái khung chung đó là cái khung hai bên có thể chấp nhận được nhưng trước hết phải thoả thuận về hai vấn đề lớn: điểm 1 (thời hạn rút quân) và điểm 3 (chính quyền ở Sài Gòn).

Cuối cùng Lê Đức Thọ nói thêm:

- Trong mấy năm nay các ông đã chạy vạy chỗ này chỗ kia để tìm ra lối thoát nhưng không biết các ông có rút được kinh nghiệm không? Thực ra các ông uống công vô ích, làm phức tạp thêm vấn đề cho các ông.

Ông Thọ nói chậm và rõ ràng:

- “Không có cách thần kỳ nào để giải quyết vấn đề Việt Nam ngoài cách đàm phán nghiêm chỉnh với chúng tôi ở Hội nghị Paris trên cơ sở những đề nghị của chúng tôi và những đề nghị của các ông. Trong một ván cờ, quyết định thắng bại phải là người trong cuộc không có cách nào khác. Chúng tôi độc lập giải quyết vấn đề của chúng tôi”.

Kissinger hoan nghênh những ý kiến của Xuân Thuỷ và Lê Đức Thọ, và nói rằng phần lớn những ý kiến đó là xây dựng và phát biểu với tinh thần tích cực, rồi ông cũng nêu ra nhiều câu hỏi: về mức độ ảnh hưởng của Xuân Thuỷ và Lê Đức Thọ đối với đồng minh ở miền Nam, và về phía Việt Nam có chấp nhận Quân đội Bắc Việt đóng trên biên giới của mình không? Và nhất là về thay thế Thiệu: khác nhau giữa thay thế Thiệu và thay thế Chính quyền Thiệu, thay con người hay cả con người lẫn chính sách, bộ mặt Chính phủ sau này ở Sài Gòn như thế nào? v.v...

Ông cũng nói sự phân tích của Lê Đức Thọ về chiến lược của Hoa Kỳ là đúng và khôn ngoan, rồi nói về chiến lược của Việt Nam:

- "Nếu tôi hiểu đúng thì chiến lược của các ngài làm sao đạt được hai kết quả: muốn quân đội chúng tôi rút càng nhanh càng tốt và khi chúng tôi rút đi thì lật đổ cơ cấu chính trị hiện nay ở Nam Việt Nam. Đòi hỏi của các ngài đề ra không phải là nhân nhượng mà để đòi chúng tôi dâng cho Hà Nội các mục tiêu mà các ngài muốn đạt. Nếu các ngài tự mình đạt được thì chúng tôi tôn trọng nhưng chắc rằng các ngài không đạt được trong đàm phán này. Cả hai phía chúng ta chắc rằng không một bên nào lại muốn ký một Hiệp nghị để hiến dâng cho đối phương tất cả mục tiêu mà đối phương đã đặt ra ... " .

Kissinger nói tiếp về ba vấn đề lớn:

- Vấn đề viện trợ. Khi ký kết được một thoả thuận về nguyên tắc Tổng thống Nixon sẽ kiến nghị

Quốc hội đề thông qua một chương trình viện trợ kinh tế năm năm cho các nước Đông Dương... có thể đến 7 tỷ rưỡi đô la, trong đó dành từ 2 đến 3 tỷ rưỡi cho Bắc Việt Nam. Vấn đề hoàn lại không thành vấn đề. Quá 2/3 sẽ là biểu không, 1/3 còn lại là cho vay rất dài hạn... lãi suất rất thấp... không kèm theo điều kiện nào.

Về thời hạn rút quân. "Chúng tôi sẵn sàng ấn định một ngày để hoàn thành việc rút quân của chúng tôi và đồng minh trong vòng 9 tháng kể từ ngày ký Hiệp nghị".

Về vấn đề chính trị ở miền Nam. Kissinger thừa nhận rằng đây là vấn đề mấu chốt đối với Việt Nam, rằng Việt Nam muốn đạt được mục tiêu chiến đấu của mình thông qua hành động của Mỹ. Ông nói rằng Việt Nam không thể đòi Mỹ vừa rút quân nhanh vừa làm tất cả các vấn đề chính trị hộ, rồi ông phân tích thêm? Việc rút quân Hoa Kỳ sẽ có tác động chính trị trước khi việc rút quân nhanh hoàn thành ... Nếu Hoa Kỳ chấp nhận điểm trung lập trong năm điểm của bà Bình đã là có tác động chính trị quan trọng ở miền Nam Việt Nam rồi và nếu Hoa Kỳ công bố hạn chế viện trợ cho Sài Gòn hoặc đứng trung lập trong tuyến cử sắp tới sẽ có tác động chính trị quan trọng ở Nam Việt Nam. Ông cũng nhắc lại Hoa Kỳ không muốn có xáo động chính trị ở Sài Gòn... sẵn sàng đóng vai trò tích cực trong việc mang lại một giải pháp... nhưng sau khi Hoa Kỳ rút, Việt Nam hoá thành công, Hoa Kỳ không còn quyền lực để tác động vào chính trị ở Nam Việt Nam. Ông nhấn mạnh:

- Trong giai đoạn lịch sử này, Hoa Kỳ không phải là mối đe dọa đối với nền độc lập của Việt Nam mà còn có những nước khác gần hơn có thể là mối đe dọa đó.

Trả lời ám chỉ của Lê Đức Thọ về việc đi Trung Quốc của ông, Kissinger nói:

- Chúng tôi biết muốn giải quyết chiến tranh Việt Nam bằng thương lượng thì phải giải quyết ở Paris ... Chúng tôi tôn trọng và khâm phục tinh thần độc lập mà các ngài luôn tỏ ra... Chúng tôi không muốn tìm một giải pháp ở nơi nào khác ngoài nơi đây

Cuối cùng ông đề nghị hai bên thoả thuận với nhau một tuyên bố về nguyên tắc coi như một chỉ thị cho đàm phán ở Kléber để thảo luận thêm những chi tiết.

Xuân Thuỷ lại bắt đầu ra một số câu hỏi về thời hạn rút quân chín tháng, thời gian bắt đầu, việc để lại nhân viên kỹ thuật, về cách giải quyết vấn đề Đông Dương, về Hội nghị Quốc tế, v.v.

Xuân Thuỷ nhận xét rằng nếu không định ngày cụ thể cho việc rút quân thì cũng giống như người ta nói: ngày mai ăn cơm không mất tiền?

Nhưng vấn đề tranh luận nhiều nhất là vấn đề Chính quyền ở Sài Gòn. Xuân Thuỷ nói:

- Nếu các ông cứ duy trì Thiệu thì đó mới là mất danh dự của Mỹ, còn các ông thay Thiệu thì được nhân dân miền Nam cũng như nhân dân Mỹ hoan nghênh. Và lại chúng tôi không yêu cầu các ông tuyên bố công khai... Các ông làm thì cứ làm, chúng tôi không yêu cầu các ông công bố.

Kissinger:

- Như thế thì nó hiển nhiên quá.

Xuân Thuỷ:

- Làm sao mà hiển nhiên được. Có ai biết đâu. Chỉ giữa các ông và chúng tôi biết thôi ... Nếu không thì chúng tỏ các ông muốn giữ Thiệu... Có hai vấn đề thời hạn rút quân và thay thế Thiệu nếu không giải quyết được thì chúng ta có muốn đi nhanh nhưng cũng vẫn kéo dài.

Lê Đức Thọ:

- Vấn đề chính trị hôm nay coi như không thảo luận gì. Ông vẫn giữ quan điểm là chỉ giải quyết vấn đề quân sự thôi. Không có cuộc chiến tranh nào chỉ giải quyết vấn đề quân sự không giải quyết vấn đề chính trị mà có thể kết thúc được... Trong thương lượng các ông đi rất chậm.

Kissinger:

- Các ngài cứ theo chiến thuật đưa ra đòi hỏi của mình rồi phê phán trả lời của chúng tôi như kiểm tra một thí sinh vào vấn đáp, như thế thì không đi đến thoả thuận được.

Ông ta không đồng ý với Lê Đức Thọ nói rằng hôm nay không thảo luận vấn đề chính trị và nhân mạnh lại điều mà Hoa Kỳ không làm được là thoả thuận bí mật với ta thay thế người lãnh đạo một nước đang là đồng minh của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ làm theo những tuyên bố mà ông Thọ đưa ra thì đã rất không có lợi cho Thiệu và một ứng cử viên khác hợp ý Việt Nam sẽ có thể trúng cử.

Cuộc thảo luận trở nên căng thẳng. Lê Đức Thọ nói:

- Không có người Việt Nam nào chiến đấu bao nhiêu năm nay mà lại không biết kết quả chính trị ở miền Nam Việt Nam như thế nào. Không thể nói một câu chung chung, ra một tuyên bố trung lập mà đủ được!

Kissinger cải chính ngay:

- Điều tôi muốn nói là ra một tuyên bố không cam kết chứ không phải một tuyên bố về nền trung lập. Bất cứ một Chính phủ nào ở miền Nam cũng phải thi hành một chính sách ngoại giao trung lập, chỉ có thể nhận một số lượng viện trợ quân sự nào đấy và một số điểm trong tuyên bố bảy điểm của bà Bình (không liên minh quân sự, không có căn cứ quân sự nước ngoài - Tác giả). Tuyên bố này là tuyên bố không cam kết đối với hai bên...

Lê Đức Thọ:

- Nhưng có vấn đề mấu chốt không thoả thuận được thì làm sao thành cái khung được.

Cuộc họp kết thúc. Lê Đức Thọ nói rằng hai bên cần nghiên cứu ý kiến của nhau. "Nếu các ông thấy cần gặp lại thì sẽ gặp".

Kissinger nói:

- Năm 1954, F.Dulles muốn có căn cứ quân sự, bây giờ các ngài đang đàm phán với một Chính quyền không quan tâm gì đến duy trì căn cứ quân sự ở Nam Việt Nam nữa... Đối với Hoa Kỳ, Việt Nam không còn là vấn đề mấu chốt nữa. "Chúng tôi biết các ngài còn nghi kỵ nhiều! Đó là thảm kịch".

Hai bên hẹn gặp nhau lại một lần nữa. Xuân Thuỷ đòi Kissinger đến cuộc họp sau đưa ra nội dung cụ thể thiết thực. Kissinger nói:

- Sẽ khó đả thông ông Nixon để tôi đi một chuyến nữa, nhưng hy vọng là sẽ thuyết phục được.

Ông đề nghị ấn định phiên họp sau vào ngày 7 tháng 8, thứ bảy.

Xuân Thuỷ:

- Để ông có thì giờ thuyết phục ông Nixon, chúng ta hẹn xa xa một chút, thí dụ vào hạ tuần tháng 8 năm 1971.

Cuối cùng hai bên thoả thuận sẽ gặp lại ngày 16 tháng 8.

Tám điểm: Khung mới, lập trường cũ

Mỹ tăng cường các hoạt động quân sự trên cả ba chiến trường. Ở miền Bắc, chúng tăng nhịp độ đánh phá. Trong tháng 7, đã có mười bảy lần chúng ném bom vào các vùng đông dân ở khu vực Vĩnh Linh và tỉnh Quảng Bình, cả một phần phía Nam tỉnh Nghệ An. Máy bay B.52 cũng ném bom rải thảm nhiều lần phía Bắc khu phi quân sự và cả ở Quảng Bình. Trong tháng 8, máy bay chiến thuật và máy bay chiến lược Mỹ tiếp tục đánh phá nhiều lần khu vực Vĩnh Linh. Ngày 15 tháng 8, Mỹ lại oanh tạc Quảng Bình.

Ở miền Nam, một mặt Mỹ - Ngụy ráo riết chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng thống vào đầu tháng 10, mặt khác đẩy mạnh chiến dịch "Phượng hoàng" truy lùng ráo riết các cán bộ cơ sở của Chính phủ Cách mạng Lâm thời, khủng bố nhân dân và đàn áp phe đối lập.

Ở Lào, Mỹ dùng lực lượng đặc biệt của Vàng Pao cùng quân phái hữu và quân Thái tấn công lần chiếm Cánh Đồng Chum và tổ chức các cuộc hành quân nhằm chiếm lại cao nguyên Bôlôven. Ngày 9 tháng 8, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ra tuyên bố nói rằng Chính phủ Hoa Kỳ có quyền không thi hành đầy đủ Hiệp định Genève về Lào.

Ở Campuchia, Mỹ huy động hàng vạn quân nguy Sài Gòn và quân của Lonol mở các cuộc hành quân qui mô ở nhiều vùng thuộc phía Đông và Đông Bắc Campuchia.

Còn Chính phủ Cách mạng Lâm thời chủ trương tiếp tục chống bình định ở miền Nam cũng như phối hợp với lực lượng giải phóng ở Campuchia, quân Pathet Lào và quân Việt Nam ở Lào phá tan các cuộc hành quân của địch.

Tại các đô thị miền Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời chủ trương đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng đòi lập “một Chính quyền ít phản động hơn tạo điều kiện cho phong trào cách mạng miền Nam phát triển và tiến lên giành thắng lợi quyết định sau này” (Lê Duẩn. Thư vào Nam: Sdd, tr 266.).

Trong hoàn cảnh đó diễn ra một cuộc gặp lần này giữa Xuân Thuỷ và Kissinger. (Lê Đức Thọ còn ở Hà Nội).

Kissinger trao cho Võ Văn Sung một số tài liệu công khai về việc Mỹ sắp phóng tàu Apollo lên mặt trăng - theo yêu cầu của ông Thọ lần trước - và nói:

- Trong này không có bảy điểm, cũng không có chín điểm.

Xuân Thuỷ:

- Nhưng cũng nói đi được bao nhiêu xa chứ?

Mọi người cùng cười. Kissinger hỏi thăm sức khoẻ của Lê Đức Thọ và xin lỗi đến chậm vì những lý do không tránh khỏi.

Thật ra hôm ấy ông ta gặp đại sứ Trung Quốc Hoàng Chấn quá lâu. (H. Kissinger. Ở Nhà trắng Sdd, tr.1091)

Xuân Thuỷ:

- Dù có lên được mặt trăng cũng có khi đi chậm.

Tướng V.Walters không hiểu vô tình hay hữu ý nói:

- Chúng ta hẹn gặp nhau vào mười một giờ.

Xuân Thuỷ nhìn đồng hồ:

- Bây giờ đã mười một giờ hai mươi phút.

Kissinger:

- Bộ trưởng nói tôi đến chậm chứ gì. Người ta cũng có lúc nhanh lúc chậm

Xuân Thuỷ đáp:

- Tôi sẵn sàng chờ, miễn là ông thật sự muốn giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam.

Kissinger:

- Nhưng cũng không nên để xảy ra như vậy. Con đường lên mặt trăng còn ít trở ngại hơn con đường chúng ta đi.

Tiếp đó Kissinger chủ động đưa ra một cái khung tám điểm mà ông ta nói là một cố gắng để phối hợp bảy điểm của Mỹ và chín điểm của Việt Nam, cho rằng đó có thể là cơ sở để đưa ra một tuyên bố về nguyên tắc. Ông ta đề nghị hai bên thoả thuận về nguyên tắc rồi chuyển tuyên bố đó cho nhóm đàm phán chính thức của hai bên để thảo luận chi tiết. Kissinger đọc tám điểm tóm tắt như sau:

1. Hoa Kỳ sẽ rút hết quân vào ngày 01 tháng 8 năm 1972 nếu Hiệp định cuối cùng ký vào 01 tháng 11 năm 1971

2. Việc thả các tù binh sẽ bắt đầu cùng ngày và kết thúc cùng ngày với việc rút quân Hoa Kỳ.

3. Tương lai chính trị của Nam Việt Nam do nhân dân Nam Việt Nam quyết định không có sự can thiệp của nước ngoài. Hoa Kỳ tuyên bố:

- Không ủng hộ bất cứ ứng cử viên nào và sẽ giữ hoàn toàn trung lập trong bầu cử sắp tới ở Nam Việt Nam.

- Sẽ tôn trọng kết quả cuộc bầu cử và mọi quá trình chính trị khác do nhân dân Nam Việt Nam tự

đặt ra.

- Sẵn sàng qui định mối quan hệ về viện trợ quân sự và chính trị giữa Hoa Kỳ với bất cứ Chính phủ nào tồn tại ở Nam Việt Nam, kể cả việc qui định những giới hạn về viện trợ quân sự cho Nam Việt Nam coi như một phần của giới hạn chung về viện trợ quân sự của bên ngoài cho cả Bắc và Nam Việt Nam.

Trong điểm 3 còn qui định Nam Việt Nam cùng các nước Đông Dương theo chính sách ngoại giao trung lập, vấn đề thống nhất Việt Nam...

4. Hai bên tôn trọng các Hiệp định Genève năm 1954 và năm 1962

5. Vấn đề giữa các nước Đông Dương do các bên Đông Dương giải quyết... trong đó có nguyên tắc lực lượng vũ trang của nước nào đóng trong phạm vi biên giới của nước đó.

6. Ngừng bắn toàn Đông Dương.

7. Giám sát quốc tế về ngừng bắn, rút quân và thả tù binh.

8. Bảo đảm quốc tế.

Ngoài ra Kissinger còn được phép chuyển đến Bộ trưởng Xuân Thuỷ lời cam kết miệng của Tổng thống:

“Một tháng sau khi thoả thuận về nguyên tắc, Tổng thống sẽ yêu cầu Quốc hội cho phép và cho tiền để thực hiện chương trình 5 năm viện trợ cho các nước Đông Dương... khoảng 7 tỷ rưỡi đô la trong đó dưới hai tỷ sẽ dành cho Việt Nam Dân chủ cộng hoà”.

Kissinger giải thích tính công bằng và hợp lý của tám điểm và kêu gọi bỏ nghi kỵ trong quá khứ và không để trở thành tù nhân của lịch sử.

Trước khi bình luận, Xuân Thuỷ phê phán Mỹ tăng cường chiến tranh, không giữ lời hứa của các cuộc gặp riêng và chạy vạy chỗ nọ chỗ kia... Kissinger thanh minh một lần nữa và nói rằng Hoa Kỳ muốn hoà bình, Hoa Kỳ nhận thức một cách rõ ràng là muốn lập lại hoà bình thì phải lập lại với Hà Nội. Rồi ông ta nói:

- Chắc Bộ trưởng đã được chỉ thị là không để cho tôi thuyết phục Bộ trưởng, và tôi biết Bộ trưởng sẽ trả lời tôi rằng tất cả những việc xảy ra là do trách nhiệm phía chúng tôi. Thật là đáng tiếc. Cái bi kịch là nếu chiến tranh tiếp tục một năm nữa thì chúng ta quay lại tình hình đại khái như bây giờ... Chúng tôi không cản trở con đường tiến của các ngài. Rõ ràng tôi thấy Bộ trưởng chưa sẵn sàng làm công việc đó.

Tạm nghỉ, Kissinger trao tám điểm cho ta và cho Xuân Thuỷ xem bức ảnh chụp chung với Dương Văn Minh và đại sứ Bunker, do Dương Văn Minh gửi tặng. Sau giờ nghỉ, Xuân Thuỷ nói Mỹ đã có một cố gắng vì đã đề ra ngày cụ thể cho việc rút quân, tuy so với ngày cụ thể của Việt Nam đòi rút hết quân trong năm 1971 thì còn cách xa nhiều. Nhưng chủ yếu Bộ trưởng nói về vấn đề thay Thiệu ở miền Nam.

- Sự có mặt của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam đã gây ra nhiều xáo trộn chính trị Biểu hiện cụ thể đó là sự thành lập và tồn tại Chính quyền Thiệu. Thiệu đã tuyên bố bốn không (không liên hiệp, không trung lập, không công nhận Mặt trận, không nhượng đất - Tác giả) và từ trước tới nay thi hành chính sách của Hoa Kỳ... Chúng ta thương lượng ở đây không thể thương lượng về một giả thuyết, một dự đoán trừu tượng, một tác động tâm lý, mà phải giải quyết vấn đề thực chất. Nếu Chính phủ Hoa Kỳ tìm mọi cách để giữ Thiệu thì chắc chắn không giải quyết được vấn đề.

Kissinger trả lời rằng việc ta đòi hỏi rút hết vào 31 tháng 12 năm 1971 là không thể được và sẽ gây ra một sự đảo lộn hoàn toàn ở Sài Gòn. Nhưng ông ta nghĩ rằng nếu giải quyết được các điểm khác thì Hoa Kỳ có thể điều chỉnh chút ít về cái ngày đó để đáp lại thiện chí của Việt Nam về các vấn đề khác.

Còn vấn đề Chính quyền ở Sài Gòn “điều mà các ngài muốn - ông nói - là chúng tôi tạo ra một

tình thế để Chính quyền Sài Gòn phải sụp đổ ngay một cách chắc chắn, chúng tôi muốn tạo ra một tình hình làm cho việc thay thế Chính quyền Sài Gòn có thể xảy ra, chứ Hoa Kỳ không đảm bảo thực chất việc đó. Quân Hoa Kỳ có thể thêm năm, sáu tháng nữa nhưng luôn luôn giảm bớt thì càng không thể thay đổi được tình hình chính trị ở miền Nam Việt Nam".

Dừng một lúc, quay lại phía Walter, Kissinger nói:

- Tướng Walter muốn nói các ngài muốn ăn tráng miệng trước khi ăn xúp.

Xuân Thuỷ:

- Ông Cố vấn đã đi Trung Quốc. Ông biết ở đây người ta ăn tráng miệng nửa chừng bữa cơm rồi lại tiếp tục ăn mặn

Mọi người cùng cười. Kissinger lại mời Xuân Thuỷ tháng 11 sang Mỹ dự việc phóng tàu vũ trụ lên mặt trăng.

Xuân Thuỷ lại tiếp tục nêu ra những mâu thuẫn của Kissinger trong tám điểm thì ông ta nói:

- Tôi cứ tưởng nói lên mặt trăng thì Bộ trưởng ký ngay tám điểm của tôi

Xuân Thuỷ:

- Tôi muốn nói chuyện quả đất chứ chưa muốn nói chuyện mặt trăng.

Kissinger đề nghị chia ra hai giai đoạn: Ký thoả thuận về nguyên tắc càng sớm càng tốt vì tám điểm này chưa phải là Hiệp định cuối cùng. Còn Hiệp định cuối cùng thì ký trước ngày 1 tháng 11 năm 1971. Ông nói rằng nếu từ nay đến bầu cử mà không xảy ra điều gì thì chắc chắn chính phủ hiện nay ở Sài Gòn sẽ thắng cử. Nếu ta thoả thuận tuyên bố về nguyên tắc thì có khả năng tướng Dương Văn Minh thắng cử.

Xuân Thuỷ:

- Trong điều kiện Thiệu có gần một triệu quân, có bộ máy cảnh sát lớn, có gần hai mươi vạn quân Mỹ yểm trợ và giúp Thiệu, toà đại sứ Mỹ chỉ đạo cả về quân sự và chính trị, có các đội binh định, mạng lưới CIA, mà các ông nói không có cách nào để ảnh hưởng ngoài lời tuyên bố giữ thái độ trung lập. Những điều ông nói đối với những người hiểu biết không ai tin được.

Việc Hoa Kỳ đứng trung lập thật ra là ủng hộ Thiệu.

Xuân Thuỷ đề nghị một cuộc họp khác vào 13 tháng 9 năm 1971.

Ngày 20 tháng 8 và sau đó ngày 23 tháng 8, Nguyễn Cao Kỳ, rồi Dương Văn Minh lần lượt rút khỏi cuộc chạy đua tranh cử với Nguyễn Văn Thiệu. Việc bầu cử ở Sài Gòn trở thành một trò hề: độc diễn. Phong trào chống bầu cử gian lận ở các đô thị miền Nam lại càng phát triển thêm.

Kissinger đến cuộc họp hôm 13 tháng 9 có lẽ có hy vọng có gì mới vì cuộc họp này do ta đề xuất. Hơn nữa, ông ta đã đề nghị phía Việt Nam đưa ra phản đề nghị về vấn đề Chính quyền ở miền Nam. Còn Xuân Thuỷ muốn dùng phiên họp này để ép Mỹ xuống thang thêm.

Sau một bài dài của Xuân Thuỷ phê phán tám điểm của Hoa Kỳ, Kissinger tỏ ra thất vọng và hỗn xược:

- Tôi biết Bộ trưởng đã phát biểu theo chỉ thị mà Bộ trưởng đã nhận nên tôi trả lời đây là trả lời người đã thảo ra chỉ thị đó.

Xuân Thuỷ nghiêm nghị:

- Tôi xin ngắt lời ông. Tôi hỏi ông trả lời đây là theo chỉ thị của Nhà Trắng hay theo ý kiến riêng ông?

Kissinger:

- Thay mặt Nhà Trắng.

Xuân Thuỷ:

- Thay mặt Nhà Trắng thì tôi sẵn sàng nghe, còn nếu là của cá nhân ông thì chỉ nghe một phần thôi. Vì tôi chỉ nghe những điều mà ông nói theo chỉ thị của Nhà Trắng và những điều tôi nói cũng để

cho Nhà Trắng nghe.

Kissinger:

- Ngài sẵn sàng nghe chứ?

Xuân Thủy:

- Được, nếu là của Nhà Trắng.

Kissinger đọc một bản kể lại những đề nghị của Mỹ từ 31 tháng 5 đến nay nói lên thiện chí của Mỹ và đổ trách nhiệm cho phía Việt Nam không muốn giải quyết vấn đề. Ông ta còn nói thêm là bản thân đã bốn lần sang Paris khi không có người từ Hà Nội đến

Khi Kissinger nói đến đòi hỏi của Mỹ hạn chế viện trợ quân sự cho miền Bắc Việt Nam đi đôi với việc Mỹ hạn chế viện trợ quân sự cho miền Nam theo tỷ lệ tương đương thì Xuân Thủy sẵn giọng:

- Ông làm như Việt Nam là của các ông. Ông làm như miền Nam và cả miền Bắc Việt Nam là thuộc Hoa Kỳ cả. Không? Việt Nam là của người Việt Nam!

Cuộc tranh luận bế tắc trong vấn đề Chính quyền ở miền Nam. Cuộc họp kết thúc sau hai giờ, ngắn nhất so với những lần gặp trước.

Không hẹn cụ thể ngày gặp lại, hai bên đồng ý sẽ báo cho nhau nếu có gì mới.

*

* *

Qua hai cuộc gặp sau cùng này, người ta thấy rõ Mỹ muốn đạt được thoả thuận về vấn đề chính trị, giải quyết xong cái khung với ta để công bố ra, lấy vốn chính trị có lợi cho họ về đối nội và đối ngoại. Sau khi công bố cái khung thì coi như căn bản giải quyết vấn đề còn cụ thể thế nào thì Mỹ để đây hoặc có thể kéo dài việc thương lượng.

Việc Mỹ công bố cái khung chung như thế sẽ có tác động đến tình hình chính trị ở miền Nam, có lợi cho Nguyễn Văn Thiệu trong bầu cử sắp tới.

Mỹ chủ động ngừng cuộc gặp riêng. Nhưng Mỹ không cắt cầu thì ta cũng không cắt.

Ngày 30 tháng 9, Thượng viện Mỹ hầu như nhất trí thông qua quyết nghị đòi Nixon rút quân trong sáu tháng với điều kiện duy nhất là đưa được tù binh về nước.

Ngày 4 tháng 10, tướng Walters gọi điện thoại cho Võ Văn Sung đề nghị gặp Bộ trưởng Xuân Thủy để trao một công hàm của Washington. Không gặp được Xuân Thủy, ngày 11 tháng 10, Walters trao đề nghị tám điểm mới của Mỹ cho Võ Văn Sung.

Trong công hàm có đoạn viết: "Tiến sĩ H.Kissinger sẵn sàng gặp vào ngày 1 tháng 11 năm 1972 ông Lê Đức Thọ hoặc một nhân vật khác tương đương của Hà Nội cùng với Bộ trưởng Xuân Thủy. Trong cuộc họp đó ông ta sẵn sàng tính đến các điểm khác đã được thảo luận trong các cuộc họp trước đây của diễn đàn này".

Phía Mỹ còn nói đây là một giải pháp toàn diện, một cố gắng cuối cùng để thương lượng một giải pháp công bằng trước cuối năm 1971.

Điểm mới trong tám điểm ngày 11 tháng 10 của Mỹ là:

- Hoa Kỳ sẽ rút hết quân vào ngày 1 tháng 7 năm 1972 miễn là tuyên bố về nguyên tắc sẽ ký vào ngày 1 tháng 12 năm 1971. Tức là thời hạn rút quân Mỹ chỉ còn bảy tháng.

Vấn đề chính trị ở miền Nam đã trở thành một điểm riêng, và:

- Sẽ có bầu cử Tổng thống tự do và dân chủ sau khi Hiệp định cuối cùng được ký.
- Sẽ có cơ quan độc lập gồm đại diện các lực lượng chính trị ở miền Nam tham gia chịu trách nhiệm tổ chức tuyển cử...
- Một tháng trước cuộc bầu cử Tổng thống đó, Tổng thống và Phó Tổng thống đương quyền sẽ từ chức.

Nhưng Mỹ vẫn đòi ta rút quân khỏi Lào và Campuchia. Mỹ tỏ ra đáp ứng bảy điểm công khai

của Chính phủ Cách mạng Lâm thời và chín điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thời hạn rút quân Mỹ có ngắn hơn trước nhưng vẫn phụ thuộc vào việc ký Hiệp định cuối cùng. Về chính trị, Mỹ nói đến việc Thiệu từ chức, nhưng đòi ta phải chấp nhận chế độ Nguy quyền trong hiến pháp của Sài Gòn và như vậy bảo đảm cho Nguy thắng cử.

Về cơ bản Mỹ vẫn giữ lập trường cũ: không muốn giải quyết toàn bộ vấn đề mà chỉ muốn giải quyết vấn đề quân sự, lấy được tù binh.

Từ đầu tháng 10 năm đó, Hà Nội đã tiếp Chủ tịch Xô-viết Tối cao Liên Xô Pôtgoócni và được thông báo những ý kiến tương tự.

Ngày 20 tháng 11, trong cuộc hội đàm với Thủ tướng Phạm Văn Đồng ở Bắc Kinh, Thủ tướng Chu Ân Lai nói:

"Việt Nam nên tranh thủ thời cơ giải quyết trước vấn đề rút quân Mỹ và quan tâm giải quyết vấn đề tù binh Mỹ, việc đánh đổ nguy quyền Sài Gòn là lâu dài" (Vụ Thông tin Báo chí Bộ Ngoại giao. Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc 30 năm qua. Sđd, tr.58).

Ngày 12 tháng 10, Nixon công bố sẽ đi thăm Liên Xô tháng 5 năm 1972, và ngày 20 tháng 10 công bố tin Kissinger đi Trung Quốc lần thứ hai.

Rõ ràng nếu đề nghị này được Việt Nam chấp nhận sẽ tạo thế mạnh cho Nixon đối với cả Liên Xô và Trung Quốc. Còn nếu Việt Nam không nhận thì có thể công bố và đổ trách nhiệm cho Việt Nam trước dư luận thế giới.

Ngày 25 tháng 10, Võ Văn Sung báo cho Walters biết là Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẵn sàng gặp Cố vấn Nhà Trắng vào ngày 20 tháng 11.

Nhưng ba ngày trước cuộc gặp đó, Võ Văn Sung lại báo cho Walters là Cố vấn Lê Đức Thọ bị ốm bất ngờ nên không tới dự cuộc gặp riêng đó được. Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẵn sàng gặp Tiến sĩ Kissinger vào ngày 20 tháng 11 như đã thoả thuận.

Hai hôm sau, Walters gặp lại Võ Văn Sung nói rằng: Rất tiếc về việc Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ bị ốm. Trong trường hợp đó cuộc gặp nói trên sẽ không có ý nghĩa.

Nhưng phía Mỹ vẫn đề nghị cửa sẽ có cuộc gặp lại vào thời gian thích hợp với Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ hoặc với bất cứ đại diện nào của Bộ Chính trị để nhanh chóng giải quyết cuộc chiến tranh... Mỹ mong đợi Việt Nam đưa ra những gợi ý về một thời hạn thích hợp cho cuộc gặp.

Đây là một trường hợp ốm về chính trị.

Lúc đó trên chiến trường miền Nam, tương quan lực lượng vẫn chưa có lợi cho cách mạng, Chính phủ Cách mạng Lâm thời chưa có thắng lớn mà còn đang chuẩn bị cho hoạt động xuân - hè năm sau.

Mặt khác, trên bàn đàm phán về quân sự hai bên đã gần nhau nhưng còn về chính trị Mỹ vẫn giữ lập trường như trước - và trước thái độ đó, Hà Nội thấy cần tỏ ra không nóng vội.

Một vấn đề nữa là ba nước lớn sẽ bàn nhau về vấn đề Việt Nam như thế nào ta chưa rõ. Còn phải chờ xem.

Trước đây Hà Nội quyết định Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ gặp Kissinger vào ngày 20 tháng 11 năm 1971 và có thể đưa phản đề nghị của ta. Nhưng lúc này phía Việt Nam chưa biết đích xác Nixon sẽ tuyên bố vấn đề Việt Nam vào ngày nào. Nếu sau khi phía Việt Nam đưa phản đề nghị, Nixon mới tuyên bố vấn đề Việt Nam thì ông ta đã biết rõ ý đồ của Hà Nội và sẽ có những tuyên bố lừa bịp dư luận và đi trước để phá tuyên bố của phía Việt Nam. Như thế không có lợi cho Việt Nam. Do đó Hà Nội quyết định trong cuộc gặp 20 tháng 11, chưa đưa phản đề nghị, ông Thọ chưa cần sang và để một mình ông Xuân Thuỷ gặp Kissinger để giữ cầu nếu Kissinger vẫn đồng ý gặp.

Ngày 12 tháng 11, Nixon tuyên bố về đợt rút quân mới, nhưng không đưa ra sáng kiến gì mới về chính trị.

Ngày 17, đoàn Việt Nam lại nhận được chỉ thị chưa đưa ra phản đề nghị vì hai lẽ:

a) Qua tuyên bố ngày 12 tháng 11, thấy Nixon tỏ ra rất ngoan cố âm mưu rút quân từng bước để thực hiện Việt Nam hoá, đồng thời duy trì một số quân vô thời hạn để làm con bài mặc cả. Do đó Việt Nam nên tỏ thái độ cứng và chưa cần đưa phản đề nghị.

b) Phương hướng đấu tranh ngoại giao năm 1972, đang được nghiên cứu xem, nên giải quyết trước xuân - hè 1972 nếu đối phương nhận một giải pháp phù hợp với yêu cầu hay là đợi sau khi thực hiện ý đồ chiến lược của ta trên chiến trường.

Từ đó đến cuối năm 1971 không có cuộc gặp riêng nào.

Ngày 15 tháng 12, Hoa Kỳ gửi công hàm đổ trách nhiệm cho Việt Nam làm bế tắc Hội nghị Paris và hoãn phiên họp 139 Hội nghị bốn bên tới 23 tháng 12 - rồi lại hoãn tới 30 tháng 12 năm 1971.

CHƯƠNG VI - THỜI CƠ CHUYỂN SANG CHIẾN LƯỢC HOÀ BÌNH

Nixon xấu chơi

Quan hệ với Trung Quốc được khai thông, với Liên Xô tiến thêm một bước, Nixon quyết định ra tranh cử một nhiệm kỳ nữa, và ngay từ ngày 5 tháng 1 đã đăng ký tham gia vào các cuộc bầu cử sơ bộ.

Tuy vấn đề Việt Nam còn đó, lạm phát, thất nghiệp, sự không ổn định xã hội còn đó, ông ta tính những biện pháp có lợi cho vận động bầu cử và các chuyến đi Trung Quốc, Liên Xô sắp tới.

Ngày 13 tháng 1, Nixon công bố quyết định rút thêm một đợt mới đáng kể 70.000 người, giảm quân số Mỹ ở Nam Việt Nam xuống còn 69.000 vào ngày 1 tháng 7 năm 1972.

Ngày 25 tháng 1, ông ta công bố nội dung các cuộc gặp riêng giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ từ năm 1969 tới nay, đặc biệt đưa ra công khai các đề nghị của Hoa Kỳ ngày 31 tháng 5 năm 1971 và 11 tháng 10 năm đó và cả đề nghị mới.

Hôm sau, tại Paris, phía Mỹ gửi công hàm cho đoàn Việt Nam thanh minh rằng đó là "việc làm rất miễn cưỡng" và đề nghị nối lại cuộc thương lượng bí mật giữa hai bên.

Trước ống kính của đông đảo các phóng viên, Nixon nói rằng phía Việt Nam đã bác bỏ mọi đề nghị của Hoa Kỳ, khẳng khái đòi lật đổ Thiệu, lợi dụng tiếp xúc bí mật để tấn công công khai, hẹn gặp riêng rồi lại thôi, không trả lời tám điểm của Hoa Kỳ mà lại tấn công quân sự. Tóm lại đề cao thiện chí của Nixon, đổ trách nhiệm cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Đợt tấn công vừa công khai vừa bí mật khá quy mô này nhằm nhiều mục tiêu.

Trước hết, để chứng minh cho nhân dân Mỹ và phe đối lập rằng Nixon đã làm mọi cách để tìm kiếm giải pháp thương lượng, muốn chấm dứt dính líu và chiến tranh, ông ta đã đi xa hơn phe đối lập và nhân dân Mỹ. Ông ta đề cao thành tích lớn lao của Việt Nam hoá chiến tranh, nhất là đã rút được gần nửa triệu quân Mỹ về nước.

Thứ hai là ngăn chặn Việt Nam hoạt động mạnh ở miền Nam, tạo thuận lợi cho ông ta đi Trung

Quốc, Liên Xô.

Thứ ba là phục vụ cho chiến dịch bầu cử ở trong nước.

Nixon có đạt được các mục tiêu trên không?

Những đề nghị mới của ông ta có những điểm yếu như: rút quân mà thực tế kéo dài chiến tranh, do đó không lấy được tù binh, và tiếp tục duy trì Nguyễn Văn Thiệu.

Chính vì vậy mà cuộc tấn công hoà bình này của Nixon chỉ thu được kết quả hạn chế trong một tuần. Sau đó dư luận Mỹ lại tiếp tục lên án ông ta, cho tám điểm mới của ông ta đưa ra là “một kiểu bài bầy mới”. Kissinger chua chát mà nhận thấy rằng:

“Một tuần chưa trôi qua những người chỉ trích chúng tôi lại hoà chung tiếng nói của họ. Một lần nữa sự bế tắc mà chúng tôi gặp phải sau khi Hà Nội từ chối hoàn toàn đồ lên đầu Chính phủ” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sdd, trang. 1100).

Ngày 31 tháng 1 năm 1972, Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công bố giải pháp chín điểm đã trao cho Kissinger ngày 26 tháng 6 năm 1971, đồng thời vạch rõ sự tráo trở của Nhà Trắng đã vi phạm thoả thuận hai bên không công bố các nội dung cuộc họp riêng theo đề nghị của chính Kissinger. Việt Nam cũng phân phối cho các báo những công hàm trao đổi giữa hai bên về cuộc gặp ngày 20 tháng 11 năm 1971. Dư luận xôn xao.

Ngày 2 tháng 2, tại Hội nghị bốn bên, bà Nguyễn Thị Bình nói rõ thêm hai vấn đề then chốt trong lập trường bảy điểm đã đưa ra ngày 1 tháng 7 năm 1971.

* Về quân sự, Chính phủ Cách mạng Lâm thời đòi Hoa Kỳ định ra một thời hạn dứt khoát cho việc rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, đồng thời đòi Hoa Kỳ chấm dứt chiến tranh bằng không quân ở cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam. Thời hạn rút quân đó sẽ là thời hạn trao trả tất cả tù binh của các bên (kể cả phi công Mỹ bị bắt ở Bắc Việt Nam).

* Về chính trị, Thiệu phải từ chức ngay và Chính quyền Sài Gòn phải chấm dứt chiến tranh hiếu chiến, thủ tiêu bộ máy kìm kẹp, khủng bố nhân dân, chấm dứt chính sách bình định, giải tán các trại tập trung, trả lại tự do cho những người bị bắt vì lý do chính trị, bảo đảm các quyền tự do dân chủ cho nhân dân như Hiệp định Genève năm 1954 đã quy định.

Như vậy Chính phủ Cách mạng Lâm thời không đòi thay tập đoàn cầm quyền của Thiệu mà đòi Thiệu từ chức và huỷ bỏ công cụ chủ yếu của chính sách Việt Nam hoá chiến tranh. Thay chính sách là mặt chủ yếu trong đề nghị mới này. Đây là một bước uyển chuyển để tiến lên có những đề nghị khác sau này.

Đề nghị mới này của Chính phủ Cách mạng Lâm thời lại gây được tiếng vang trong dư luận thế giới và dư luận Mỹ. Hai hôm sau, Thượng nghị sĩ E. Muskie, một ứng cử viên Tổng thống, đòi Nixon chấm dứt viện trợ cho Thiệu ngay sau khi Hoa Kỳ đơn phương rút hết quân, trừ phi Thiệu phải thoả thuận với cộng sản. Từ đó trở đi vấn đề này trở thành chủ đề của phe đối lập ở Mỹ chống lại việc kéo dài chiến tranh của Nixon.

Vấn đề quan hệ Trung - Mỹ

Ngày 21 tháng 2 năm 1972, Tổng thống Nixon đến Bắc Kinh mở đầu chuyến đi thăm Trung Quốc, đánh dấu một bước quyết định trong quan hệ mới giữa hai nước sau hơn hai mươi năm thù địch. Một nước lớn như Trung Quốc phải giữ đầy đủ vai trò của mình trong cộng đồng quốc tế. Đó là quyền và trách nhiệm của Trung Quốc. Việc nối lại quan hệ với Hoa Kỳ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc trở lại Liên Hợp Quốc và có quan hệ bình thường với tất cả các nước. Trung Quốc sẽ bàn bạc với Hoa Kỳ về vấn đề Đài Loan, vấn đề buôn bán giữa hai nước.

Dư luận cho rằng Trung Quốc đi với Mỹ để chống Liên Xô, hay ít nhất cũng lợi dụng sức mạnh của Mỹ làm đối trọng cân bằng với mối đe dọa của Liên Xô. Còn Mỹ thì cần Trung Quốc giúp đỡ để

giải quyết vấn đề Việt Nam. Và cũng lúc đó thôi, hai bên mới cần đến nhau - còn chậm lại sau khi Mỹ đã thoả thuận được với Việt Nam rồi thì đương nhiên là không cần thiết nữa.

Trong hội đàm giữa Chủ tịch Mao Trạch Đông và Tổng thống Nixon hai bên tập trung vào vấn đề chiến lược toàn cầu. Như thông báo của Thủ tướng Chu Ân Lai cho Việt Nam hồi năm ngoái, vấn đề Đông Dương là vấn đề số một, và thực tế trong hội đàm giữa hai vị lãnh tụ đó "vấn đề Đài Loan trở thành vấn đề thứ yếu, Chủ tịch Mao Trạch Đông đề cập đến sự có mặt về quân sự của Mỹ ở đây".

Ám chỉ đến vấn đề Việt Nam, Mao Trạch Đông nói

"Các ông muốn đưa một số binh lính các ông về nước, binh lính của chúng tôi sẽ không được ra nước ngoài" và "điều này đã đánh tan ác mộng của hai Chính quyền Mỹ (tức Johnson và Nixon - Tác giả) lo sợ Trung Quốc can thiệp vào Đông Dương" Kissinger nhận thấy rằng "Trung Quốc đã mở ra một mặt trận chung bằng một hiệp ước ngầm, không xâm lược với chúng ta". "Mối bất hoà giữa Hoa Kỳ và nước Trung Hoa mới đã chấm dứt. Nhiệm vụ hiện nay của hai bên là phải đối phó với khát vọng bá quyền" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 1118).

Trong cuộc hội đàm với Thủ tướng Trung Quốc, Tổng thống Mỹ đã nói nhiều về chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Dương và Việt Nam. Đáp lại, Thủ tướng Chu cho rằng Trung Quốc ủng hộ Hà Nội. "Ông yêu cầu chúng ta rút lui về quân sự ở Việt Nam, nhưng không bảo vệ chương trình chính trị về một Chính phủ liên hiệp và lật đổ Thiệu như Hà Nội và những người chống đối chúng ta đòi hỏi..." (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, trang 1129)

Kissinger kết luận:

"Hai nước lớn tìm kiếm sự hợp tác không phải thông qua một hiệp nghị chính thức mà bằng điều hoà một cách nhịp nhàng những sự thông cảm của nhau trong các vấn đề quốc tế có lợi ích của hai bên"... Cả hai bên đều hiểu rằng một chiến lược hành động song song sẽ xuất phát từ đó" (Như trên. sdd, trang 1130).

Trong thông cáo Mỹ - Trung ở Thượng Hải ngày 28 tháng 2 năm đó, hai bên tuyên bố "không tìm kiếm bá quyền ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương". Về Vấn đề Đài Loan, thông cáo viết "Tuỳ tình hình căng thẳng trong khu vực này giảm đi, Mỹ sẽ dần dần giảm lực lượng và cơ sở quân sự của Mỹ ở Đài Loan" (nghĩa là gắn vấn đề Đài Loan với tình hình khu vực).

Năm hôm sau, khi thông báo cho các nhà lãnh đạo Hà Nội kết quả chuyến đi thăm của Nixon ở Bắc Kinh, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nhấn mạnh lại:

"Muốn bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, muốn làm dịu tình hình ở Viễn Đông thì trước hết phải giải quyết vấn đề Việt Nam và Đông Dương - Vấn đề Đài Loan là bước sau" (Vụ thông tin Báo chí Bộ Ngoại giao. Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc 30 năm qua. Sdd, trang 57.).

Nhân dân Việt Nam qua lịch sử của mình cũng hiểu vì sao Trung Quốc đặt vấn đề Việt Nam lên trên cả vấn đề Đài Loan.

Nixon rất hài lòng về kết quả chuyến thăm Trung Quốc. Giờ đây Mỹ chỉ còn "nhìn về phía Matxcova để nghiền nát Việt Nam" (Trần Hà, Tạp chí Thông tin Lịch sử Quân sự, số 4, tháng 4 năm 1991. Trang 2).

Hà Nội trả lời: Mức độ và thời điểm

Bước vào năm 1972, quân nguy Sài Gòn đã có tổng số quân 1,04 triệu, quân nguy Campuchia có 17 vạn, quân nguy Lào có trên 8 vạn. Về bình định, chúng vẫn kiểm soát được trên 70% tổng số thôn ấp và 80% tổng số dân, lại là những vùng đông dân và kinh tế trù phú.

"Về ta, cuối năm 1971, các đơn vị chủ lực của ta lần lượt trở lại chiến trường miền Nam, củng cố được địa bàn đứng chân dọc miền Tây các tỉnh Trung Bộ, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ đến đồng bằng sông Cửu Long. Vùng căn cứ giải phóng được tăng cường và có phần được củng cố từ U

Minh - Đồng Tháp, rừng núi miền Đông Nam Bộ, qua Tây Nguyên đến Trị - Thiên, lại được nối thông với vùng giải phóng của nước bạn ở Hạ Lào kéo thẳng xuống Đông Bắc Campuchia. Số dân trong các vùng giải phóng ở miền Nam là 2,78 triệu, đông gấp hai lần so với cuối năm 1970" (Trần Hà. Tạp chí Thông tin Lịch sử Quân sự, số 4, tháng 4, 1991, Trang 4).

Giữa tháng 3 năm 1972, Hà Nội đánh giá:

"Năm 1972 là năm hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Nhiệm vụ quân sự cần kíp là đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị, binh vận, phát triển thế tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam, đồng thời đẩy mạnh tấn công ngoại giao, phối hợp chặt chẽ với quân và dân Lào, quân và dân Campuchia đẩy mạnh tấn công trên các chiến trường Đông Dương, đánh bại chính sách Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ, tạo ra một chuyển biến căn bản làm thay đổi cục diện chiến trường ở miền Nam và cả trên bán đảo Đông Dương giành thắng lợi to lớn buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh trên thế thua bằng một giải pháp chính trị có lợi cho ta mà chúng phải và có thể chấp nhận được".

Ngày 30 tháng 3 năm 1972, quân dân miền Nam bất ngờ mở cuộc tấn công qui mô ở miền Nam trên các hướng Quảng Trị - Thừa Thiên, Bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ (các tỉnh Bình Dương, Phước Long, Bình Long, Tây Ninh) và đồng bằng Khu V.

Hướng chủ yếu của đòn tấn công này là Quảng Trị, nơi tiếp giáp với miền Bắc, nơi có điều kiện để tập trung lực lượng và chỉ đạo cũng như bảo đảm vật chất cho một chiến dịch qui mô.

Chỉ trong mấy ngày, tuyến phòng thủ vành ngoài kiên cố nhất của Mỹ - Ngụy ở đường 9 - Quảng Trị, phía Nam sông Bến Hải - Khu phi quân sự đã bị đập tan. Tuyến phòng ngự của chúng ở Bắc Tây Nguyên (vùng Đắc Tô - Tân Cảnh) và Tây - Bắc Sài Gòn cũng bị phá vỡ. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Ngày 24 tháng 4 quân ta giải phóng vùng Bắc Kontum và một số khu vực thuộc Khu V và đồng bằng Sông Cửu Long. Ngày 1 tháng 5, quân ngụy bỏ chạy khỏi Quảng Trị, hôm sau quân giải phóng tiến vào giải phóng tỉnh lỵ và tiếp tục truy kích quân địch về hướng Huế. Quân Mỹ và quân ngụy phản kích quyết liệt. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt cả mùa hè cho đến giáp mùa khô năm đó.

Ngày 6 tháng 4 năm 1972, bất chấp cam kết của Mỹ năm 1968, Nixon hạ lệnh ném bom trở lại miền Bắc nước ta - cả Hà Nội, Hải Phòng - dùng cả lực lượng không quân chiến lược và chiến thuật.

Trước đó, kết hợp với hoạt động quân sự, từ ngày 24 tháng 3, Nixon tuyên bố hoãn vô thời hạn các phiên họp công khai Hội nghị Paris.

Một vấn đề đặt ra cho ta lúc này: Có tiếp tục nói chuyện với Mỹ nữa không?

Ngày 17 tháng 4, một ngày sau khi Mỹ dùng B52 ném bom Thành phố Vinh, Lê Đức Thọ lúc đó còn ở Hà Nội và Nguyễn Duy Trinh điện cho Xuân Thuỷ như sau:

"1- Việc Mỹ ném bom lại Hà Nội - Hải Phòng, đó là một bước leo thang rất nghiêm trọng để cứu vãn tình thế đang suy sụp ở miền Nam và gây áp lực đối với ta.

Hành động này không chứng tỏ chúng mạnh mà còn làm rõ thêm chỗ yếu nhưng liều lĩnh của Nixon. Bộ Chính trị đã thảo luận và quyết định tiến hành cuộc chiến đấu ở miền Nam như kế hoạch đã định và có kế hoạch mọi mặt đối phó với cuộc chiến tranh không quân, hải quân đối với miền Bắc để đánh bại Mỹ. Chúng càng thua ở miền Nam thì việc đánh phá miền Bắc sẽ ác liệt hơn.

2- Hiện nay mặc dù Mỹ tăng cường đánh phá miền Bắc, ta vẫn chủ trương duy trì Hội nghị Paris. Nếu ta bỏ Hội nghị Paris thì không lợi vì Mỹ sẽ đổ trách nhiệm cho ta và sẽ vin vào cớ đó để đòi triệu tập Hội nghị Quốc tế về Việt Nam và Đông Dương. Trong hoàn cảnh Liên Xô và Trung Quốc đều hoà hoãn với Mỹ, họp Hội nghị Quốc tế để giải quyết sẽ bất lợi cho ta. Ta cần duy trì Hội nghị Paris để làm diễn đàn tuyên truyền có lợi cho ta và sau này trực tiếp giải quyết với Mỹ. Việc duy trì diễn đàn Paris không phải ta yếu mà chính là dùng diễn đàn này phối hợp với chiến trường để đấu tranh với Mỹ.

3- Cho nên hiện nay tại Paris ta vẫn đấu tranh vừa lên án Mỹ và đòi Mỹ chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc vừa đòi Mỹ họp lại Hội nghị Paris như thường lệ. Ta vạch rõ nếu Mỹ tiếp tục ném bom và đánh phá miền Bắc và tiếp tục ngừng không thời hạn Hội nghị Paris thì Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm".

Tại Paris, một cuộc đấu tranh khá gay gắt bằng công hàm diễn ra giữa hai đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ, lúc đầu xoay quanh việc ấn định ngày họp riêng giữa Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ với Kissinger mà phía Mỹ đã đề nghị vào tháng 2, tiếp sau đó là chung quanh việc ấn định ngày họp bí mật và ngày họp lại Hội nghị công khai.

Việt Nam đòi Mỹ có họp lại như thường lệ phiên công khai thứ 146 tại phố Kléber thì ta mới đồng ý họp bí mật vào 15 tháng 3 năm 1972. Mỹ đồng ý nhưng hoãn cuộc họp bí mật đến 20 tháng 3. Nhưng từ 1 đến 5 tháng 3, Mỹ liên tục ném bom nhiều nơi ở miền Bắc và cũng chưa ấn định ngày họp thường lệ của Hội nghị công khai nên ta lùi ngày họp riêng đến 20 tháng 4.

Ngày 2 tháng 4 phía Mỹ báo cho ta biết họ sẽ họp lại phiên toàn thể ở Kléber vào 13 tháng 4, nhưng bốn hôm sau đúng ngày Nixon hạ lệnh ném bom trở lại miền Bắc, đoàn Mỹ lại hoãn phiên họp công khai đến 20 tháng 4 để phản đối ta "tiếp tục tấn công qua khu phi quân sự", vi phạm qui chế khu phi quân sự và tấn công tiếp vào quân Khu III và quân Khu IV của Chính quyền Sài Gòn, vi phạm "thỏa thuận ngầm" năm 1968.

Ngày 15 tháng 4, trong công hàm với lời lẽ gay gắt gửi cho Mỹ, đoàn ta vạch rõ:

1- Hoa Kỳ đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, vi phạm Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam.

2- Hoa Kỳ đã cam kết chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc. Hành động của Hoa Kỳ đã vi phạm cam kết đó. Không có thỏa thuận ngầm nào khác cả.

3- Hai bên đã thỏa thuận rằng các cuộc gặp riêng phải song song với phiên họp Hội nghị bốn bên. Và Việt Nam đề nghị họp công khai vào 27 tháng 4 và họp bí mật vào 6 tháng 5 năm 1972.

Lý do ta đưa ra là cần có đủ thì giờ cho Cố vấn Lê Đức Thọ, đang bận những việc quan trọng ở Hà Nội, qua Paris.

Mỹ tuyên bố sẵn sàng họp lại Hội nghị bốn bên vào 27 tháng 4, nhưng vẫn yêu cầu gặp riêng vào 24 tháng 4.

Cuối cùng hai bên thỏa thuận họp công khai 27 tháng 4 và gặp riêng vào 2 tháng 5 năm đó.

Tháng 4 năm 1972, Liên Xô và Mỹ chuẩn bị Hội nghị cấp cao hai nước. Lợi dụng cơ hội này Mỹ ra sức gây áp lực với Liên Xô.

Đại sứ Liên Xô ở Hà Nội Secbacôp đã liên tiếp gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng (14 tháng 4), Nguyễn Duy Trinh (15 tháng 4) và Tổng Bí thư Lê Duẩn (17 tháng 4) thông báo nội dung sau đây:

1- Trong hội đàm gần đây với đại sứ Đôbrinin ở Washington, Kissinger nói nếu tại cuộc gặp riêng 24 tháng 4 tới, phía Việt Nam muốn thảo luận nghiêm túc các con đường đi tới giải pháp thì Hoa Kỳ sẽ có thái độ tương tự; hy vọng cuộc họp đó có thể giúp cho quan điểm hai bên gần lại nhau mà không để cho cuộc thảo luận công khai làm băng giá những quan điểm đó, có thể là hước ngoặt quyết định trong việc tìm kiếm hoà bình.

Nếu không như vậy thì bế tắc, cuộc xung đột vẫn tiếp diễn. Nixon không để Quân đội Mỹ và Sài Gòn bị đánh tan, và sau khi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà "thực tế tung hết vào miền Nam các đơn vị chính quy của mình có thể rơi vào tình thế hết sức khó khăn nếu đối phương mở một chiến dịch lớn ngay trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà".

(Nixon còn đề lộ nếu tổ chức một cuộc gặp bí mật giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Kissinger thì tốt, nhân dịp Kissinger đi Liên Xô từ ngày 21 đến 23 tháng 4 để chuẩn bị cho chuyến đi của Nixon. Nhưng Kissinger cũng sẵn sàng gặp ở Paris).

2- Kissinger nói Nhà Trắng đánh giá Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khước từ cuộc gặp ngày 24 tháng 4 là một bằng chứng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không muốn thương lượng nghiêm chỉnh và muốn đánh đổ thêm một Tổng thống nữa của Mỹ. Do đó Nixon đã ra lệnh đánh phá khu vực Hà Nội - Hải Phòng.

Song Mỹ sẽ không đánh phá Hải Phòng, Hà Nội và các mục tiêu quân sự chiến lược quan trọng khác của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chừng nào còn đàm phán thông qua Liên Xô về việc tổ chức gặp bí mật.

Nixon đồng ý tiếp tục cuộc đàm phán chính thức ở Paris vào ngày 27 tháng 4. Như vậy điều kiện tiến hành song song những cuộc gặp gỡ đó với cuộc đàm phán chính thức do Hà Nội đưa ra sẽ được đáp ứng.

Mỹ cũng đồng ý là hai hình thức đàm phán phải hỗ trợ cho nhau. Nếu Hà Nội muốn chuyển ngày gặp bí mật đến gần ngày 27 tháng 4 hơn nữa để thực hiện công thức song song của mình thì Nixon cũng có thể đồng ý tổ chức cuộc gặp vào 25 tháng 4.

Mỹ vẫn tiếp tục lợi dụng hoà hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để tác động đến vấn đề Việt Nam, lợi dụng chuyến đi thăm Liên Xô của Nixon để thúc đẩy vai trò trung gian của Liên Xô trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam.

Mặt khác Liên Xô vẫn tiếp tục có ý đồ muốn làm trung gian trong vấn đề Việt Nam, nhất là trong hoàn cảnh gần đến ngày Nixon đi Liên Xô, ta đang đánh mạnh ở miền Nam, Mỹ ném bom miền Bắc, nếu hai bên cứ tiếp tục căng về quân sự mà không nối lại cuộc đàm phán thì sẽ gây khó khăn cho việc Liên Xô tiếp Nixon.

Ta từ chối không gặp Kissinger ở Matxcova.

Ngày 25 tháng 4, sau khi Cố vấn Nhà Trắng rời Liên Xô, C. Katussep, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô sang Hà Nội, thông báo cho ta những nét lớn về giải pháp mà Mỹ đề ra như sau:

1- Quân sự - Giảm bạo lực đi đến một giải pháp chính trị

- Hoa Kỳ sẵn sàng rút hết quân Mỹ (cả căn cứ và nhân viên quân sự) trong một thời gian khi hai bên thoả thuận về nguyên tắc của giải pháp. Đây là nhượng bộ lớn của Hoa Kỳ. Song song với việc này, Việt Nam phải thả hết tù binh Mỹ.

- Hoa Kỳ sẵn sàng chấm dứt cung cấp vũ khí cho Sài Gòn nếu Việt Nam cam kết không tranh thủ thêm vũ khí của đồng minh. Như vậy Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiếp tục đấu tranh chống Chính quyền Sài Gòn mà không có bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài. Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận bất cứ kết cục nào của cuộc đấu tranh này.

- Hoa Kỳ sẵn sàng rút lui các lực lượng không, hải quân được tăng cường sau 29 tháng 3, nếu Việt Nam rút sáu sư đoàn mới đưa vào (miền Nam) sau 29 tháng 3.

- Hoa Kỳ sẵn sàng chấm dứt mọi hành động đánh phá miền Bắc nếu Việt Nam tôn trọng khu phi quân sự.

2- Chính trị

- Giải quyết tiếp tục sau vấn đề quân sự, trên cơ sở lực lượng so sánh thực tế ở miền Nam.

- Giữa điểm hai của Việt Nam và điểm tương ứng trong tám điểm của Hoa Kỳ có những nhân tố giống nhau. (Việt Nam: Chính phủ ba thành phần; Mỹ: bộ máy tuyên cử ba thành phần và Chính quyền Sài Gòn không có Thiệu - Tác giả) từ đó có thể đi đến thoả hiệp - Trong gặp riêng, Hoa Kỳ muốn Việt Nam cho biết tên người muốn đưa vào Chính phủ Sài Gòn.

- Hoa Kỳ không sẵn sàng lật Thiệu một cách đơn giản.

- Giải quyết giữa các bên miền Nam về các vấn đề chính trị (Mỹ và miền Bắc chỉ giải quyết vấn đề quân sự), Mỹ sẵn sàng chấp nhận kết quả giải quyết này.

3- Về đàm phán

- Hoa Kỳ muốn đàm phán nghiêm chỉnh đi đến kết quả cụ thể dù chỉ là tạm thời.

- Trong cuộc gặp riêng ngày 2 tháng 5, Mỹ đề nghị hai bên ra tuyên bố sẽ có những cố gắng nghiêm chỉnh trong đàm phán để đi đến giải quyết vấn đề Việt Nam trong năm.

Trước và trong đàm phán sắp tới, hai bên giảm mức độ bạo lực không đánh lớn. Để tạo không khí, Việt Nam tôn trọng khu phi quân sự, Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc, hai bên thả tù binh bị giam lâu - trên bốn năm.

- Hoa Kỳ sẵn sàng nghe phản đề nghị đối với tám điểm

. Trong khi thông báo, Katussep còn nói thêm một số ý Mỹ đe dọa:

- Mỹ không cho phép kéo dài trong năm bầu cử Tổng thống. Nếu phía Việt Nam không thỏa hiệp, Mỹ sẵn sàng mở rộng chiến tranh đối với miền Bắc Việt Nam - sẽ có biện pháp kiên quyết làm cho miền Bắc không còn tiềm lực quân sự, kinh tế để đánh lớn.

- Mỹ kiên quyết rút ra khỏi chiến tranh với bất cứ giá nào, bất cứ biện pháp nào, bất chấp mọi áp lực quân sự đối với Mỹ.

Khi nói về điểm này, Katussep cũng đề lộ cho Mỹ có thể phong tỏa cảng Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 4, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp phái viên của Matxcova. Thủ tướng phê phán mạnh mẽ ý kiến của Mỹ. Có lúc Thủ tướng đã nói: “Ai cho phép họ đe dọa chúng tôi? Ai cho phép họ nói cho chúng tôi làm việc này, không cho chúng tôi làm việc nọ? Ai cho phép họ nói: Nhà Trắng không cho phép kéo dài đàm phán trong thời gian có bầu cử ở Mỹ?”.

Katussep hỏi:

- Về mục tiêu chiến lược thì phải tăng cường lực lượng quân sự ở miền Nam, nhưng còn về sách lược mà nói, làm thế nào để kết hợp việc đánh ở miền Nam và Hội nghị Paris?

Phạm Văn Đồng:

- Đây là vấn đề mức độ. Nếu ta không có hành động quân sự mạnh hơn thì họ không nói chuyện với ta. Ta cần phải hành động để chứng minh cho họ hiểu rằng: Việt Nam hoá chiến tranh nhất định thất bại, bọn Ngụy nhất định bị quét, không có gì cứu được.

Vấn đề mức độ là cần làm thế nào vừa đủ để họ ngồi nói chuyện với ta, ta không muốn làm nhục họ. Vấn đề mức độ cũng đồng thời là vấn đề thời điểm.

Cuộc gặp riêng ngày 2 tháng 5

Ngày 28 tháng 4, trong tình hình quân Ngụy đang thua ở miền Nam, Nixon vẫn phải tuyên bố rút thêm một đợt phụ nữa gồm 20.000 người, đưa quân Mỹ xuống còn 49.000 tên vào 1 tháng 7 năm 1972.

Ngày 2 tháng 5, quân Chính phủ Cách mạng Lâm thời tiến vào chiếm giữ khu Thành cổ Quảng Trị và tiếp tục đuổi truy kích địch về phía Nam. Toàn tỉnh Quảng Trị đã được giải phóng. Tại miền Đông Nam Bộ, sau khi giải phóng Lộc Ninh - sau này trở thành nơi đóng trụ sở của Chính phủ Cách mạng Lâm thời - quân ta tiến công bao vây An Lộc - tỉnh lỵ tỉnh Bình Long - và ở Tây Nguyên quân ta cũng đang chuẩn bị đánh vào Kontum.

Mười giờ sáng ngày 2 tháng 5, tại Paris bắt đầu cuộc gặp riêng lần thứ mười ba giữa Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ với Kissinger.

Đây là một cuộc họp nặng nề trong không khí căng thẳng của bom đạn đang gầm thét trên chiến trường.

Hôm đó người ta không thấy ở Kissinger - một giáo sư Đại học sôi nổi nói dài dòng hay bông đùa như trước, mà là một người ít nói có vẻ ngưng nghỉ, suy nghĩ. Còn Lê Đức Thọ đã được những tin đầu tiên thắng lợi ở Quảng Trị, địa đầu của miền Nam đang nóng lòng chờ kết quả cụ thể ở vùng đất

miền Trung cũng như ở nhiều nơi khác.

Người ta có thể dự đoán trước được kết quả cuộc gặp gỡ này.

Mở đầu, Kissinger đã nói đến hoàn cảnh của phiên họp không diễn ra như Mỹ mong muốn, còn Xuân Thuỷ lên án ngay phía Mỹ về việc công bố nội dung các cuộc gặp riêng và hoãn các phiên họp thường lệ ở Kléber và hỏi Kissinger:

- Từ cuộc gặp riêng này trở đi, thái độ hai bên như thế nào?

Và không đợi bên kia trả lời, Bộ trưởng nói tiếp:

- Nếu phía Mỹ muốn công bố thì chúng tôi sẽ công bố, nếu Mỹ muốn giữ bí mật thì chúng tôi giữ bí mật.

Xuân Thuỷ cũng đòi phía Mỹ họp lại Hội nghị bốn bên như thường lệ.

Kissinger bào chữa cho hai việc trên, nhưng cuối cùng cũng chấp nhận giữ bí mật các cuộc gặp riêng và các phiên họp thường lệ của Hội nghị công khai sẽ được tiến hành song song với việc gặp riêng.

Vào nội dung, Xuân Thuỷ thúc giục Kissinger nói trước. Kissinger nói rằng thật ra ông ta không có gì mới để nói vì phía ta chưa trả lời đề nghị tháng 10 năm ngoái và tám điểm tháng 1 năm nay của Nixon, rồi ông ta đọc tuyên bố ngắn, đại ý như sau:

- Tổng thống không cử tôi vượt trùng dương lần này là lần thứ mười ba trừ phi ông ta biết rằng có thể đạt được một giải pháp nhanh chóng và công bằng cho cuộc chiến tranh... Hoa Kỳ sẵn sàng tôn trọng kết quả của giải pháp đó... Sau khi Hoa Kỳ rút đi rồi thì bên Việt Nam vẫn ở tại chỗ cho nên giải pháp phải đáp ứng được sự quan tâm của Việt Nam... Vì vậy bây giờ Hoa Kỳ sẵn sàng đạt được một giải pháp như thế... Nhưng yêu cầu Việt Nam đừng hiểu lầm. Hoa Kỳ không đàm phán dưới mũi súng. Không có một lý do nào để bàn đến thoả thuận sau này nếu "lực lượng xâm lăng" của miền Bắc cứ tràn vào phía chúng tôi.

Ông cũng nói rằng trong những tháng qua, phía Việt Nam đã lẫn tránh việc tìm một giải pháp thương lượng và đưa cho ta một số tư liệu về vấn đề này, và nói "Chúng tôi không muốn chơi cái trò đó nữa". Ông nêu ra ba yêu cầu:

1- Chấm dứt các cuộc tấn công.

2- Khôi phục lại thoả thuận ngừng năm 1968.

3- Phải có đàm phán nghiêm chỉnh, cụ thể, xây dựng, để đi đến kết thúc chiến tranh.

Xuân Thuỷ nhận xét ngay rằng Kissinger đã không đưa ra điều gì mới mà chỉ nhắc lại những điều mà phía Việt Nam đã biết và bác bỏ.

Về cái gọi là thoả thuận ngừng, ông nói:

- Chính tôi và Lê Đức Thọ nói chuyện riêng nhiều lần với ông Harriman và cuối cùng không có "thoả thuận ngừng" nào hết.

Lê Đức Thọ cũng bác bỏ cái mà Cố vấn Kissinger gọi là "thoả thuận ngừng 1968".

(Sau này có lúc Kissinger viết đúng về vấn đề đó, nhưng có đoạn ông ta cố xuyên tạc) (H.Kissinger, Ở Nhà Trắng Sdd, tr. 247 - 249, 1252).

Lê Đức Thọ nói tiếp rằng sau bảy, tám tháng không gặp nhau, cứ tưởng rằng sẽ được nghe Kissinger đi ngay vào các vấn đề của giải pháp, nhưng tiếc rằng đã không nghe được gì mới. Ông Thọ nói rằng đã phải đi xa hơn Kissinger mới đến được Paris, rồi nhắc lại một loạt sự kiện về leo thang chiến tranh của Mỹ ở Campuchia, ở Lào và ở miền Bắc Việt Nam... nói rằng để thấy ai vi phạm Hiệp định Genève, ai vi phạm thoả thuận năm 1968 và kết luận:

"Chính các ông đã dùng áp lực quân sự trong quá trình đàm phán để buộc chúng tôi phải chấp nhận điều kiện của các ông. Cho nên nhân dân miền Nam Việt Nam phải chống lại các cuộc tấn công đó. Đó là lẽ đương nhiên. Ngay thượng nghị sĩ Fulbright cũng phải thừa nhận sự thật đó".

Kissinger vừa bực bội vừa xót xa ngắt lời Lê Đức Thọ:

- Tôi không muốn bàn về tình hình nội bộ Hoa Kỳ.

Lê Đức Thọ:

- Tôi muốn nhắc câu đó để thấy sự thật như vậy. Ngay người Mỹ cũng nói chứ không phải chúng tôi.

Kissinger cố gắng để Lê Đức Thọ không nói điều đó nữa:

- Việc bàn bạc công việc nước Hoa Kỳ là việc của chúng tôi.

Ông Thọ cũng không ngừng mà còn xoáy thêm:

- Tôi nêu một dẫn chứng để nói rằng không phải chỉ chúng tôi mà cả người Mỹ cũng nói, và nhắc lại: ngày 8 tháng 4, ông Fulbright đã nói: Việc các lực lượng vũ trang yêu nước tăng cường hoạt động quân sự này là một đòn giáng trả tự nhiên vào chính sách của Hoa Kỳ phá hoại Hiệp định Genève năm 1954.

Kissinger:

- Tôi biết rồi. Ngài không phải nói

Lê Đức Thọ:

- Tôi cũng chỉ nói qua cho ông biết thôi.

Kissinger:

- Tôi đã nghe rồi.

Lê Đức Thọ vẫn chưa thôi:

- Không phải chỉ chúng tôi nói chân lý đó mà những người Mỹ có chút lương tâm cũng biết lẽ phải đó. Cho nên ông nói chúng tôi xâm lược Nam Việt Nam là điều vô lý.

Lê Đức Thọ còn dẫn chứng Tài liệu mật của Lầu Năm Góc (lúc đó mới được tiết lộ - Tác giả) để vạch rõ quá trình can thiệp và xâm lược của Mỹ làm cho Kissinger không chối cãi được.

Kissinger buồn ra mặt. Không biết lúc đó ông ta nghĩ gì nhưng sau này ông viết nhiều lần rằng sự xâu xé trong nước Mỹ làm cho ông đau lòng. Ông đưa ra đề nghị sơ bộ:

“Chúng tôi đề nghị chúng ta trở lại tình hình trước ngày 29 tháng 3 tức là trước ngày các ngài bắt đầu tấn công quân sự, thì chúng tôi sẽ rút những lực lượng chúng tôi đã đưa thêm đến khu vực này và chúng tôi sẽ chấm dứt ném bom. Sau đó chúng ta sẽ tiến hành cuộc nói chuyện trong một bầu không khí êm ả hơn.

Thứ hai, chúng tôi muốn vạch ra với các ngài rằng, trong đề nghị ngày 11 tháng 10 của chúng tôi, chúng tôi đã rút ngắn thời hạn rút quân. Các ngài phản đối để lại các Cố vấn kỹ thuật, chúng tôi đã huỷ bỏ điều này. Tháng 9, các ngài phản nản rằng đề nghị về chính trị của chúng tôi là không cởi mở và không cụ thể, chúng tôi đã viết ra với nhiều chi tiết. Nếu các ngài không thích thì đề nghị các ngài đưa ra phản đề nghị”.

Xuân Thuỷ.

- Ông nhìn vào thực tế mà chỉ nói lý về mình. Khi nào có lợi cho các ông thì các ông làm, khi nào không có lợi cho các ông thì các ông không làm. Việc các ông mở rộng chiến tranh ra Đông Dương thì các ông xem là việc các ông được làm. Còn bây giờ nhân dân Việt Nam chống lại sự xâm lược của các ông thì các ông lại đòi ngừng lại.

Về phản đề nghị của Việt Nam mà Kissinger yêu cầu, Xuân Thuỷ và Lê Đức Thọ nhắc lại tuyên bố ngày 2 tháng 2 năm 1972 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Ông Thọ nói:

- Có hai vấn đề: Về rút quân, chúng tôi muốn có một ngày nhất định, Mỹ chỉ nói sáu tháng sau khi thoả thuận. Như vậy cũng vẫn kéo dài. Còn về vấn đề chính trị, các ông nói Thiệu từ chức một tháng trước khi bầu cử, chúng tôi đòi Thiệu từ chức ngay và Chính quyền còn lại phải thay đổi chính

sách.

Kissinger hỏi.

- Tất cả các thành phần khác, trừ Thiệu, vẫn có thể ở lại trong Chính quyền?.

Xuân Thuỷ:

- Họ ở lại nhưng phải thay đổi chính sách.

Kissinger:

- Thay đổi chính sách là thế nào?

Lê Đức Thọ.

- Thay đổi chính sách tức là phải bỏ tất cả những gì kìm kẹp áp bức nhân dân, thực hiện các quyền tự do dân chủ thực sự.

Kissinger

- Làm thế nào để xác định được rằng đã thay đổi chính sách rồi?

Lê Đức Thọ:

- Không những phải tuyên bố mà còn phải hành động.

Xuân Thuỷ thêm vào:

- Thí dụ: Thiệu thành lập bao nhiêu trại tập trung thì nay phải huỷ bỏ đi, giam bao nhiêu tù chính trị phải thả họ ra, cấm bao nhiêu tờ báo nay phải để họ xuất bản trở lại.

Kissinger:

- Thiệu từ chức ngay sau khi có thoả thuận hay bây giờ?

Xuân Thuỷ:

- Từ chức ngay là từ chức ngay. Từ chức ngày mai là tốt nhất.

Kissinger tỏ ra chờ đợi và ngạc nhiên không thấy phía Việt Nam đã động gì đến các vấn đề mà Mỹ đã chuyển cho ta qua Liên Xô ông liền nói:

- Qua đồng minh của các ngài, chúng tôi đã đưa ra những vấn đề thảo luận và đồng minh của các ngài đã chuyển cho các ngài rồi, tôi lấy làm lạ đến đây không thấy các ngài thảo luận gì về vấn đề mà các ngài đã biết.

Rồi ông ta nhắc lại:

- Hoa Kỳ sẵn sàng thảo luận bất cứ một quá trình chính trị nào có thể giải quyết thực sự tương lai chính trị của Nam Việt Nam... sẵn sàng thảo luận việc xây dựng một Chính quyền ở Sài Gòn theo cách đặt vấn đề của Việt Nam... rằng mục tiêu của Hoa Kỳ không phải là duy trì một Chính quyền cụ thể nào mà làm sao cho tất cả các lực lượng có thực ở miền Nam có khả năng hợp lý để giành thắng lợi.

Lê Đức Thọ không hưởng ứng gợi ý thảo luận các vấn đề ông Cố vấn Nhà Trắng nêu ra, mà chỉ nói:

- Từ trước tới nay chúng tôi đã nói nhiều lần rằng có vấn đề gì các ông nói chuyện trực tiếp với chúng tôi, và chúng tôi trực tiếp nói chuyện với các ông. Chúng tôi không qua một người thứ ba nào cả. Bây giờ có gì thì chúng tôi sẵn sàng thảo luận với các ông.

Phía Việt Nam muốn nghe cụ thể những ý kiến của Nixon trực tiếp từ Kissinger, nhưng ông ta cũng không nói gì thêm, và cho rằng:

- Chúng ta hãy ngừng lại ở đây... chúng tôi sẵn sàng gặp lại các ông, sẵn sàng tiếp tục cuộc nói chuyện này về một chương trình chính trị thực tế với một số thay đổi trong tám điểm của chúng tôi nếu có thể được miễn là hai bên đều có ý muốn thật sự để cho nhân dân Nam Việt Nam tự quyết định tương lai của mình.

Lê Đức Thọ nói tiếp:

- Chúng tôi sẵn sàng gặp lại ông và sẵn sàng thảo luận để tìm một giải pháp hợp tình hợp lý, có

lợi cho cả hai bên.

Hai bên chia tay nhau mà không hẹn gặp lại một ngày cụ thể nào. Khi chia tay, Kissinger đồng ý giữ bí mật nội dung cuộc gặp và hẹn trở lại trong một hoàn cảnh tốt hơn. Ông Thọ đồng ý.

Sau cuộc gặp này, Hà Nội đánh giá:

1- Hiện nay ta đang thắng lớn nhưng chưa đến mức buộc Mỹ phải buông con bài Việt Nam và Đông Dương. Mỹ còn ra sức tăng cường lực lượng miền Nam và tăng cường đánh phá miền Bắc, ngăn chặn ta đánh Huế và Kontum... làm cho cuộc tiến công của ta chậm lại, tạo điều kiện cho Mỹ củng cố lại thế phòng ngự để làm chủ bài mặc cả với ta lúc họ buộc phải đi vào giải quyết.

Về ngoại giao, Mỹ mưu toan dùng Liên Xô, Trung Quốc để hạn chế thắng lợi của ta trên chiến trường và ép ta đi vào giải quyết sớm. Nhân việc Nixon đi Liên Xô, Mỹ dùng Liên Xô để hạn chế ta tiếp tục tấn công và để buộc ta giải quyết về quân sự cho Mỹ rút, còn vấn đề chính trị để cho các bên miền Nam giải quyết với nhau.

Giữa Mỹ và Liên Xô có sự mua bán và đổi chác về vấn đề Việt Nam. Không ngoại trừ khả năng từ nay đến khi Nixon đi Liên Xô. Kissinger lại sang Matxcova một lần nữa (bí mật hoặc công khai) để ép Liên Xô về vấn đề Việt Nam hòng gỡ bớt khó khăn hiện nay của Mỹ. Ta cần cảnh giác với âm mưu phá hoại Hội nghị Paris và tạo ra cách giải quyết khác để giải quyết sớm vấn đề Việt Nam, kể cả Hội nghị Quốc tế.

2- Ta tiếp tục thực hiện tốt ý đồ quân sự và chính trị trên chiến trường, có như vậy mới có cơ sở để đạt một giải pháp vững chắc, đề phòng và đánh trả tốt việc đánh phá miền Bắc.

Về gặp riêng, chúng ta chủ trương từ nay đến khi Nixon kết thúc chuyến đi Liên Xô, không gặp thêm một lần nào nữa mà chỉ gặp sau khi Nixon đi Liên Xô. Nếu gặp riêng lúc này thì ta phải có gì mới và do đó lại tạo điều kiện cho Liên Xô làm trung gian và dùng vấn đề Việt Nam mua bán với Mỹ. Nếu Mỹ chủ động hẹn gặp, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ tìm cách lùi đến sau khi Nixon đi Liên Xô xong mới gặp riêng”.

Ngày 8 tháng 5, chưa đầy một tuần sau phiên gặp riêng giữa Lê Đức Thọ, Xuân Thuỷ và Kissinger, Nixon tuyên bố tiến hành một bước leo thang mới mở rộng quy mô đánh phá miền Bắc, kể cả bằng lực lượng không quân chiến lược, thả mìn cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, lạch trên vùng biển phong toả miền Bắc nước ta.

Đây là những biện pháp có tính chiến lược cho cuộc chiến ở miền Nam chứ không phải hỗ trợ như chiến tranh phá hoại dưới thời Johnson.

Cùng ngày, Nixon đưa ra đề nghị hoà bình mới:

- Thả tất cả các tù binh Mỹ.
- Có giám sát quốc tế về ngừng bắn toàn Đông Dương.
- Sau đó Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hành động vũ lực trên toàn Đông Dương.
- Hoa Kỳ sẽ tiến hành rút hoàn toàn quân Hoa Kỳ khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng bốn tháng (R.Nixon. Hồi ký Sđd tr 602-602).

Qua đề nghị trên người ta thấy rõ, Mỹ tỏ ra cứng rắn, nhưng mặt khác cũng không tin tưởng quá vào khả năng đánh bại ý chí chiến đấu của quân và dân ta bằng chiến tranh phá hoại. Ông ta cũng không tin tưởng nhiều vào kết quả hoạt động đối ngoại với các cường quốc khác trong vấn đề Việt Nam. Giải pháp mà ông ta đưa ra chỉ giải quyết vấn đề quân sự mà vấn đề hàng đầu được nêu ra là vấn đề tù binh Mỹ thì cả chương trình Việt Nam hoá lẫn những mưu tính toàn cầu đều không giải quyết được dù muốn hay không và Nhà Trắng vẫn phải quay lại Hội nghị Paris để thương lượng với Hà Nội.

Một điều nữa cũng đáng lưu ý là chỉ cách đây không lâu con “điều hâu” này còn gọi Bắc Việt Nam là xâm lược thì hôm nay lại từ bỏ yêu sách đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Vấn đề Việt Nam và Hội nghị cấp cao Xô - Mỹ

Cuộc tiến công Xuân Hè của ta diễn ra sau khi Nixon đi Trung Quốc và trước khi ông ta đi Liên Xô. Không những thế nó còn kéo dài nhiều tháng nữa.

Điều đó cho thế giới thấy rõ công việc của Việt Nam do người Việt Nam giải quyết, và cũng chứng minh cho Washington biết cả Trung Quốc và Liên Xô vẫn giúp ta.

Sự thất bại không ngờ của quân Ngụy làm cho Nixon bức bối và đau xót. Ông ta than thở "Thật là trớ trêu của định mệnh đã đưa đến tình cảnh này: số phận của chúng ta lại nằm trong tay người Nam Việt Nam" (R.Nixon. Hồi ký Sđd, tr 588, 590 - 591). Tất nhiên Washington không thể ngồi yên. Họ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động ngoại giao song song với các biện pháp quân sự. Tháng 4 năm đó, khi Kissinger lên đường sang Liên Xô cũng là lúc quân Ngụy Sài Gòn được Mỹ trang bị những vũ khí tối tân đang phải chạy dài ở nhiều nơi... Nixon bảo Kissinger rằng:

"Điều người Nga muốn là Kissinger có mặt ở Matxcova để thảo luận về Hội nghị cấp cao, điều tôi muốn là có ông ở Matxcova để thảo luận vấn đề Việt Nam... Điều chúng ta thật sự phải nghĩ tới là huỷ bỏ Hội nghị cấp cao và tỏ ra cứng rắn ở Việt Nam, kể cả phải dùng đến phong toả" (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr 588, 590-591)

Nixon đã tính đến một sự thất bại trước mắt ở Đông Nam Á, đã phải xem xét đến việc rút lui và tìm người thay thế. Ông soát lại danh sách những nhân vật có thể lực trong Đảng Cộng hoà, từ Rockefeller đến Reagan và Connally, xem ai có khả năng cầm đầu Đảng Con Voi để chọi với Đảng Con Lừa.

Nixon nhấn mạnh với Kissinger trước khi ông này đi Liên Xô rằng:

"Điều tiên quyết là phải có một giải pháp cho vấn đề Việt Nam trước khi thảo luận mọi vấn đề... Tôi định huỷ bỏ Hội nghị cấp cao trừ phi chúng ta có được một sự cam kết chắc chắn của người Nga công bố một thoả thuận chung ở Hội nghị cấp cao dùng ảnh hưởng của cả hai bên để kết thúc chiến tranh" (R.Nixon. Hồi ký Sđd tr 602.).

Chiều 1 tháng 5, khi tướng C.Abrams, Tư lệnh Lầu Năm Góc ở Phương Đông, báo cáo về Nhà Trắng rằng "Quảng Trị đã rơi vào tay cộng sản" thì cả Nixon và những Cố vấn có mặt của ông đều lặng đi. Ông bảo Kissinger rằng:

"Chúng ta phải nói cho người Nga biết rằng tôi muốn huỷ bỏ Hội nghị cấp cao nếu họ nghĩ rằng chúng ta phải trả bằng cái giá thất bại ở Việt Nam... Trong bất cứ trường hợp nào tôi sẽ không dự Hội nghị thượng đỉnh nếu chúng ta còn bị khó khăn ở Việt Nam".

"Tôi không thể dự Hội nghị cấp cao và chạm cốc với Brêgionép khi xe tăng Xô viết chạy ầm ầm qua Huế hay Quảng Trị, Hội nghị cấp cao chẳng đáng một trinh, không cần mua bằng thất bại ở Việt Nam" (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr.593,594-595, 601, 609.).

Rồi Nixon biên thư cho Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô rằng trang bị của Liên Xô đang cung cấp các phương tiện cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hành động và đòi Liên Xô chấm dứt viện trợ cho Việt Nam.

Việt Nam hiểu rằng đối với Liên Xô dầu sao vấn đề Việt Nam cũng chỉ là vấn đề lớn hơn ở sát nách mình, như vấn đề Trung Quốc, Trung Đông và châu Âu nữa. Và vì vậy khi Nixon đã hoà hoãn với Trung Quốc thì Liên Xô không thể tiếp tục việc hoà dịu với Mỹ bắt đầu từ thập kỷ 60. Nixon nói nhiều đến việc huỷ bỏ Hội nghị thượng đỉnh, điều đó có thật lòng ông ta nghĩ như vậy không? Có điều chắc chắn Nixon muốn ghi dấu ấn vào cái mốc lịch sử trong quan hệ Đông - Tây, điều chưa từng có khi chuyến viếng thăm Matxcova của Tổng thống Eisenhower bị huỷ bỏ do việc Mỹ cho máy bay U2 do thám Liên Xô và bị bắn rơi.

Ngày 20 tháng 5 năm 1972, Nixon lên đường sang Matxcova. Trên máy bay Kissinger nói với ông ta rằng: "Đây là một trong những đòn ngoại giao lớn của mọi thời đại" (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr

543, 594, 595, 601, 602, 609.).

Hà Nội tỏ ra không đồng tình trước việc Liên Xô đón Nixon. Hà Nội cũng không đồng tình với lập trường của Liên Xô về vấn đề Việt Nam được nêu ra trong thông cáo chung của hai bên: Không nói gì đến việc Mỹ phong tỏa miền Bắc, tỏ thái độ không mạnh dạn đối với việc họ ném bom ở và trở lại miền Bắc Việt Nam.

Thực tế Việt Nam đã trở thành món hàng mặc cả để giữ thế cân bằng lực lượng giữa các nước lớn ở Đông Nam Á.

Sau chuyến đi của Tổng thống Mỹ sang Matxcova, ngày 11 tháng 6, đoàn Mỹ gửi công hàm cho đoàn ta ở Paris đề nghị nối lại cuộc gặp riêng vào 28 tháng 6.

Từ ngày 14 đến 17 tháng 6, Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô Pôtgotnuri sang Hà Nội, thông báo cho ta biết kết quả cuộc đi thăm của Nixon ở Matxcova, đồng thời thăm dò ý kiến ta. Liên Xô muốn tuyên truyền cho chuyến đi này để chứng minh cho dư luận thấy việc đón Nixon là đúng, Matxcova và Hà Nội vẫn có quan hệ chặt chẽ. Nhưng Hà Nội chỉ đưa tin khi chuyến đi đã kết thúc.

Ai cũng thấy rằng cuộc gặp riêng mà phía Mỹ đề nghị và việc Pôtgotnuri sang ta liên quan với nhau. Hà Nội điện cho Xuân Thuỷ chưa vội trả lời, đợi hiểu rõ ý đồ của Mỹ sau khi Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô sang Hà Nội.

Hà Nội cũng điện thêm cho Xuân Thuỷ: ta có thể hẹn gặp vào trung tuần tháng 7 sau khi Hội nghị Kléber họp phiên thường lệ. Ta vẫn đòi họp Hội nghị công khai trước khi gặp riêng.

Lúc ấy Cố vấn Lê Đức Thọ đang ở Xôphía dự Đại hội Đảng Cộng sản Bungari đã được mời về gấp dự Hội nghị Bộ Chính trị. Xuân Thuỷ cũng về dự họp.

Ngày 14 tháng 6 tại Paris, phía Mỹ lại trao cho ta một bản ghi nhớ hoãn cuộc họp thường lệ đó "Vì hành động quân sự của Bắc Việt Nam vẫn tiếp tục. Còn các phiên họp sau sẽ do các yếu tố xác đáng quy định". Họ không đưa ra một ngày cụ thể nào họp lại.

Ngày 20 tháng 6, Võ Văn Sung trao cho đại tá Guay, người liên lạc của Mỹ, trả lời của ta cho công hàm 11 tháng 6 của Mỹ, trong đó có đoạn viết:

"Với thiện chí của mình, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý gặp riêng và cho rằng cần phải họp lại các phiên họp toàn thể của Hội nghị Paris như thường lệ làm cơ sở cho việc gặp riêng như đã thoả thuận trước đây.

Từ nay đến hết tuần đầu tháng 7, Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ đã có chương trình làm việc từ trước tại Hà Nội. Do đó Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẵn sàng gặp riêng Tiến sĩ Kissinger tại địa điểm chậm nhất là ngày thứ năm 15 tháng 7 năm 1972".

Đại hội Đảng Dân chủ Mỹ năm đó họp vào tháng 7. Ta không ủng hộ Nixon bằng cách gặp đại diện của ông ta trước hoặc đúng ngày hôm đó và cũng để dư luận rõ ta không can thiệp vào bầu cử ở Mỹ.

Hôm 11 tháng 6, khi chuyển công hàm cho ta, đại tá Guay nói thêm với Võ Văn Sung: "Từ ngày 29 tháng 6, Kissinger đi vắng bốn tuần sang California làm việc với Nixon". Nhưng khi nghe đọc công hàm của ta hẹn gặp vào ngày 15 tháng 7, Guay nhắc lại chuyện đó và nói:

- Nay các ông lại đưa ra ngày 15 tháng 7 là rơi vào đúng bốn tuần lễ đó.

Võ Văn Sung đáp:

- Tôi đã chuyển lời nói thêm của ông hôm trước về Hà Nội.

Guay:

- Như vậy là Hà Nội đã biết điều đó. Tôi chỉ hỏi lại ông thế thôi. Còn nhiệm vụ của tôi là chuyển công hàm này. Có gì tôi sẽ gọi cho ông.

Ngay trưa hôm đó (20 tháng 6) viên đại tá Mỹ lại gặp Võ Văn Sung và trao công hàm của Mỹ cho ta chấp nhận việc gặp riêng nhưng xin lui lại đến 19 tháng 7 năm 1972. Họ cũng đồng ý họp Hội

ngặt toàn thể ngày 13 tháng 7.

Sự nhanh nhạy này của Mỹ cho thấy rõ ý nghĩa của nó.

Chuyển sang chiến lược hoà bình

Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7 năm 1972, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp liên tục để đánh giá tình hình một cách toàn diện.

Trong hơn ba tháng liên tục chiến đấu dẻo dai, vượt mọi hy sinh gian khổ, quân và dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn: tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá tan các tuyến phòng ngự kiên cố nhất của địch, tiến sâu vào hậu phương của chúng, lập được những vùng giải phóng mới rộng lớn không những ở rừng núi mà còn ở đồng bằng Khu V và đồng bằng Nam Bộ, thiết lập được những nơi đứng chân vững chắc cho các đơn vị chủ lực ở các địa bàn chiến lược. Lực lượng chính trị, cơ sở quần chúng và du kích cùng bộ đội địa phương được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực phát triển nhanh chóng. Chương trình bình định của địch bị phá vỡ từng mảng lớn, cơ sở nhân dân được phục hồi và củng cố. Vùng kiểm soát của Chính quyền ta được mở rộng.

Tóm lại, tuy chưa giành được thắng lợi căn bản, cục diện chiến trường đã có một hình thái mới có lợi cho Việt Nam tạo cho cách mạng miền Nam phát triển cuộc đấu tranh một cách vững chắc sau này.

Quân Mỹ còn lại rất ít, nếu chúng rút hết đi thì cách mạng miền Nam có thuận lợi đối phó riêng với quân Ngụy.

Ở miền Bắc, ta đã đánh thắng một bước quan trọng trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, giữ vững và mở rộng tuyến tiếp tế vào miền Nam.

Tóm lại, thế của Việt Nam là thế thắng vững vàng, tương quan lực lượng đã thay đổi và sẽ thay đổi có lợi cho cách mạng.

Lực lượng Mỹ và Chính quyền Sài Gòn tuy có tổn thất nhưng đã được bổ sung và đang giằng co quyết liệt với Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Chúng vẫn giữ được Kontum, An Lộc và các tỉnh lỵ khác và đang cố gắng giành lại Quảng Trị. Tuy nhiên, chỗ dựa chủ yếu là quân Mỹ thì lại ngày càng giảm đi. Đó là nhân tố rất quan trọng có tác động lớn đến tinh thần Quân đội Sài Gòn. Mặt khác, việc Mỹ đánh phá ác liệt và phong tỏa miền Bắc gây cho ta không ít khó khăn trong việc tiếp nhận viện trợ bên ngoài.

Trên trường quốc tế, cả Liên Xô và Trung Quốc đều muốn Việt Nam giải quyết vấn đề với Mỹ trước hết là về quân sự.

Diễn biến chiến sự trên chiến trường Việt Nam lúc đó cho mọi người thấy Nixon đánh phá ác liệt miền Bắc, phong tỏa cảng Hải Phòng sau khi đi Bắc Kinh về.

Còn Liên Xô từ tháng 4, Kissinger đã báo cáo với Nixon rằng “Người Xô viết đã không đáp ứng yêu cầu mới nào về trang bị của Bắc Việt Nam” (R.Nixon. Sđd, tr.592). Liên Xô cũng không đáp ứng yêu cầu của Việt Nam chờ hàng viện trợ vào Hải Phòng, mà chờ vòng vèo qua Trung Quốc.

Trong thương lượng, Chính quyền Nixon đã đáp ứng một yêu cầu cơ bản của ta, không đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam nữa. Về Chính quyền Thiệu ở miền Nam, họ đã lùi một bước chấp nhận Thiệu từ chức. Trong điều kiện Mỹ - Ngụy còn kiểm soát được hầu hết các thành phố và hai phần ba dân số, ta chưa đánh bại đối phương trên chiến trường thì không thể đòi Thiệu từ chức ngay được.

Việc chạy đua vào Nhà Trắng lại đang thúc bách Nixon. Đó là cơ hội tốt cho ta.

Xuất phát từ thực tế đó, Hà Nội đã đi đến quyết định chuyển hướng chiến lược: “Từ chiến lược chiến tranh sang chiến lược hoà bình”. Đó là một bước ngoặt trong chỉ đạo cách mạng miền Nam.

“Theo nhận định lúc đó của Hà Nội: Việt Nam cần phát huy thế thắng, thế vững vàng và chủ

động, từ nay đến trước bầu cử Tổng thống Mỹ, lợi dụng mâu thuẫn nội bộ Mỹ và các nước khác để giành một bước thắng lợi quan trọng, kết thúc chiến tranh, chuyển sang một phương thức đấu tranh mới, lấy đấu tranh chính trị là chính, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên một bước mới, đồng thời ra sức nhanh chóng khôi phục kinh tế miền Bắc và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững chắc... Trong mấy tháng tới Việt Nam có khả năng buộc Mỹ chấp nhận một giải pháp vững chắc đối với ta, đồng thời ta vẫn chuẩn bị khả năng chiến tranh kéo dài đến sau 1972" (Thư của Nguyễn Duy Trinh gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng.).

Sau này, ngày 14 tháng 11 năm 1988, nói chuyện với một số cán bộ phụ trách tổng kết Hội nghị Paris, Lê Đức Thọ nói:

“Giữa quân ta và Mỹ có mấy vấn đề, đối với Mỹ vấn đề cơ bản là rút quân mà vẫn giữ được nguyên vẹn miền Nam. Còn đối với ta, vấn đề cơ bản nhất là Mỹ rút quân còn quân ta thì đâu cứ ở đấy. Nhưng đã ngồi vào đàm phán thì làm sao mà giành được trên chiến trường, làm sao anh đòi tất cả về anh cũng như nó đòi tất cả về nó được. Vấn đề đặt ra là phải có nhân nhượng, nhưng nhân nhượng gì và cái gì không thể nhân nhượng... Vấn đề quân Mỹ ra khỏi miền Nam và quân ta giữ nguyên trong đó là điều hết sức cơ bản và quan trọng, làm cho tương quan lực lượng trên chiến trường thay đổi có lợi cho ta về cơ bản... Ta đòi Mỹ rút hết Quân đội của Mỹ, nhưng Mỹ không đòi rút hết Quân đội của mình nữa. Lúc bấy giờ Mỹ đã thua nặng ở Campuchia, đường 9 Nam Lào rồi thì không có cách gì mà không đi vào giải pháp, nên không thể giữ nguyên như trước.

Đề ép ta đi vào giải pháp có lợi cho Mỹ, năm 1972 Mỹ đã gặp Trung Quốc, Liên Xô nhằm tranh thủ hai nước lớn này giảm giúp đỡ cho ta xuống mức thấp nhất để ngăn chặn ta đánh mạnh ở miền Nam. Ý đồ chiến lược của Mỹ là như vậy. Nixon sang Trung Quốc, Liên Xô không thể không mời Nixon để Nixon đừng đi quá xa với Trung Quốc chống Liên Xô. Còn Mỹ đặt ra là làm sao để các nước anh em giảm viện trợ cho Việt Nam nhằm hạn chế thắng lợi của ta. Cái mấu chốt chính của nó là ở đó...”.

Sau khi nêu những khó khăn của tình hình quốc tế đầu năm 1972 đối với cuộc kháng chiến của Việt Nam, Lê Đức Thọ nói tiếp:

“Tình hình quốc tế như vậy mà ta vẫn thắng ở Campuchia, ở đường 9 Nam Lào. Viện trợ giảm nhưng ta vẫn mở rộng cuộc tấn công năm 1972, giải phóng Quảng Trị và Lộc Ninh, lần đầu tiên giải phóng một thành phố và một thị trấn, đánh bại một bước Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ, buộc Mỹ phải đi vào đàm phán thực chất. Ta thắng đến mức đó là có thể đi vào đàm phán để giải quyết. Kết luận của Bộ Chính trị là tương quan lực lượng chính trị trên chiến trường thay đổi cơ bản, Ngụy yếu hơn ta, Mỹ đã ra thì khó mà trở lại”(Toàn văn kết luận của Bộ Chính trị về việc ký kết Hiệp định Paris. Xem: Lê Duẩn, Thư vào Nam. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội - 1985. Trang 359-362.).

Ta lại đánh vào năm bầu cử Tổng thống, sức ép của dư luận Mỹ càng lớn với Nixon buộc Nixon phải giải quyết... Còn phía ta đánh đến liều lượng đó, liều lượng buộc Mỹ phải nhận quân Mỹ rút mà quân ta thì ở lại ... Trong tình hình quốc tế đó ta giải quyết lúc đó là đúng. Như vậy ta mở đúng lúc mà chấm dứt cũng đúng lúc. Nếu kéo dài nữa thì bất lợi cho ta, Mỹ đã nhượng bộ ta cả về chính trị mà ta còn đòi loại bỏ Thiệu, lập Chính phủ liên hiệp ba thành phần ở miền Nam Việt Nam thì đời nào Mỹ chịu. Không những thế ta còn đòi Mỹ bồi thường chiến tranh nữa. Tình hình quốc tế lúc đó tương quan lực lượng lúc đó không cho phép ta đạt tất cả hai mục đích lớn cùng một lúc" (Lê Đức Thọ, Tư liệu đã dẫn.)

CHƯƠNG VII - THĂM DÒ VÀ MẠC CẢ

Cuộc hẹn ngày 19 tháng 7: Bước chuyển

Trong những tháng hè năm đó, chiến sự ở miền Nam có vẻ lắng dịu. Quân nguy Sài Gòn, với sự trợ giúp của không, hải quân Mỹ vẫn ra sức nhằm phản kích chiếm lại các vùng đã mất, nhất là Quảng Trị, nhưng vẫn không thành công. Lực lượng của ta cũng không giành được thêm thắng lợi lớn. Dịch vẫn giữ được An Lộc.

Nhưng nội tình nước Mỹ vẫn không ổn định. Những bước leo thang của Nixon đã bị dư luận Mỹ và phe đối lập chỉ trích mạnh mẽ. Họ gọi đó là “một hành động quân sự vô ích trong lúc tuyệt vọng - một hành động mất danh dự”. Rất nhiều giám đốc các trường Đại học bày tỏ sự lo ngại của họ không thể ủng hộ một sự nghiệp quá mất lòng dân. Việc ném bom vào các đề điều càng bị lên án gay gắt.

Đợt rút quân phụ tuyên bố hồi tháng 5 đã hết, Nixon phải tuyên bố thêm một đợt rút quân mới 10.000 người bắt đầu từ tháng 7.

Tại Quốc hội, ở Thượng viện cũng như Hạ viện, nhiều dự luật đã được đưa ra đòi Nixon rút hết quân về nước với điều kiện duy nhất là lấy được tù binh. Xu hướng này ngày càng tăng, chiếm đa số trong các thượng nghị sĩ Mỹ.

Họ chỉ muốn Mỹ rút đi, còn chiến tranh có tiếp diễn hay không là chuyện của Sài Gòn và đối phương của họ.

Ngày 10 tháng 7, Thượng nghị sĩ Mac Govern, người chủ trương chấm dứt dính líu không điều kiện ở Việt Nam và chấm dứt viện trợ quân sự cho Sài Gòn, được Đại hội Đảng Dân chủ đưa ra tranh cử Tổng thống. Nixon đứng trước một cuộc chạy đua gay gắt vào Nhà Trắng.

Cuộc họp giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ với Tiến sĩ Kissinger hôm 19 tháng 7, vẫn ở số nhà 11 phố Darthe, trong căn buồng có cửa sổ nhìn ra ngoài vườn. Hai bên có lý do để tỏ ra vui mừng khi gặp nhau. Cố vấn Nhà Trắng tươi cười hơn lần trước có lẽ vì tình hình chiến trường không quá tồi tệ như ông ta nghĩ hồi tháng 4 và 5. Còn Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ hết sức phấn khởi về thế trận mới ở miền Nam và vừa nhận được hướng dẫn rõ mục tiêu đấu tranh từ tối đa đến tối thiểu về quân sự, chính trị các vấn đề sách lược cụ thể và cả về cách tiến hành đàm phán.

Cả hai bên đều tỏ ra hữu nghị, bắt tay nhau.

Kissinger chủ động đề nghị hai bên đưa tin về cuộc gặp này mà không nói gì đến nội dung, với lý do rằng các phóng viên theo dõi ông rất chặt chẽ suốt hai mươi tư giờ. Thật ra đây là thủ đoạn mập mờ để phục vụ tuyên cử ở Mỹ đã bước vào thời kỳ sôi động. Rồi ông ta đọc dự thảo bản tin sẽ công bố ở Washington vài giờ tới. Từ hôm đó cho đến các cuộc họp sau Kissinger đều đưa ra yêu cầu này mỗi khi họp riêng. Hôm ấy Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ đồng ý, nhưng sau cuộc họp đoàn ta thấy rằng nhẽ ra ta không đồng ý thì hơn vì Mỹ sẽ lợi dụng việc ta đồng ý để gây ảo tưởng trong dư luận. Ta không đồng ý thì Mỹ cũng công bố, nhưng trách nhiệm thuộc về họ. Và từ lần sau, Xuân Thuỷ đã bác bỏ đề nghị đó của Kissinger.

Tiếp đó Kissinger lại đề cập đến các tin tức về việc ta thả tù binh cho phe đối lập, có ý ngăn cản ta về việc này nhưng ông ta mất công vô ích.

Kissinger nói rằng ông đến gặp ta lần này trong một cố gắng cuối cùng nhưng trước khi đi vào nội dung, ông ta đã có một bản thuyết trình dài. Ông ta kể rằng Mỹ đã giải quyết được những vấn đề rất quan trọng với các nước khác, thậm chí với những nước hai mươi năm nay không có quan hệ gì với Hoa Kỳ, hoặc những nước đã đối địch hàng chục năm với Hoa Kỳ. Các nước đó đã chú ý giải quyết không những vấn đề hiện nay, mà cả những vấn đề sau này. Và khi Hoa Kỳ đã làm việc đó Hoa Kỳ rất thận trọng cố giữ lời cam kết. Nhưng ông ta cũng thanh minh ngay rằng ông ta không bàn vấn đề Việt Nam với các nước đó. Ông nói rằng Hoa Kỳ đạt được kết quả ở Bắc Kinh và Matxcova vì có sự tin

cây lẫn nhau tôi thiểu... cuối cùng ông ta nói Hoa Kỳ nghiêm chỉnh muốn chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

Kissinger không quên đổ lỗi cho ta cho đến nay dùng đàm phán không phải để giải quyết mà cốt để gây sức ép trong dư luận, còn trong gặp riêng thì tìm cách làm cho Mỹ có nhân nhượng bí mật điều mà không chịu nhận công khai.

Kissinger nói rằng Việt Nam vẫn hiểu lầm về mục đích của Mỹ. Ông ta thừa nhận rằng đúng là từ trước tới nay Hoa Kỳ có ý định tách vấn đề quân sự và vấn đề chính trị nhưng không phải Hoa Kỳ tìm cơ hội để trở lại Việt Nam, không tìm cách kéo dài mãi chiến tranh mà chỉ tìm cách tách vấn đề Mỹ tham gia trực tiếp vào Việt Nam khỏi vấn đề chính trị là với ý định sau này giải quyết vấn đề chính trị ở Việt Nam là tùy thuộc vào điều kiện Việt Nam chứ không phải tùy thuộc vào hành động của Mỹ. Hoa Kỳ làm việc đó rất chân thật chứ không phải vì Hoa Kỳ muốn trở lại Việt Nam.

Kissinger cũng cho rằng Việt Nam đã bỏ lỡ thời cơ năm 1971, bỏ lỡ cơ hội ngày 2 tháng 5 vừa qua, lúc đó tình hình quân sự của Việt Nam tốt hơn bây giờ, mà thế quân sự tốt hơn thì khả năng về chính trị cũng tốt hơn. Ông ta nhắc lại Mỹ không phản đối các mục tiêu của Việt Nam nhưng không muốn thực hiện các mục tiêu đó hộ ta

Sau hơn nửa giờ, Cố vấn Nhà Trắng mới tóm lại chính sách của Mỹ ở Việt Nam là muốn tìm một giải pháp. Ông nói:

Trong một thời kỳ mà Hoa Kỳ giảm bớt sự có mặt ở châu Á, không có gì thúc đẩy Hoa Kỳ giữ quân đội, giữ căn cứ, giữ ưu thế chính trị trong góc nhỏ bé của châu Á gọi là Việt Nam này.

Trong khi Hoa Kỳ có thể chấp nhận những Chính phủ không thân Mỹ ở những nước to lớn thì tại sao Hoa Kỳ cứ đòi có Chính phủ thân Mỹ ở Sài Gòn.

Hoa Kỳ có thể chung sống với Bắc Kinh và Matxcova thì có thể chung sống với Hà Nội được. Sau này Hoa Kỳ không phải là mối đe dọa đối với Việt Nam. Một khi chiến tranh chấm dứt, Hoa Kỳ hoàn toàn có lợi nếu có một nước Việt Nam độc lập, tự chủ, phồn vinh, nhân dân Việt Nam là một nhân tố vĩnh viễn ở Đông Dương, còn Hoa Kỳ thì rời khỏi khu vực này cách xa mười hai ngàn dặm. Hoa Kỳ thành thật muốn thương lượng một giải pháp, giải pháp đó tôn trọng nền độc lập của Việt Nam và đáp ứng những quan tâm hợp lý của Việt Nam.

Hoa Kỳ quan tâm đến một khu vực Đông Nam Á độc lập và trung lập chứ không quan tâm đến những căn cứ hoặc những khối liên minh với Mỹ. Hoa Kỳ không gắn bó với một nhân vật chính trị cụ thể nào ở Nam Việt Nam. Hoa Kỳ sẵn sàng để cho tình hình chính trị ở Nam Việt Nam tiến triển một cách tự nhiên không có sự có mặt của Hoa Kỳ hoặc bị ảnh hưởng bởi ưu thế của Hoa Kỳ.

Sau khi đã nêu lên các nguyên tắc trên, Kissinger đề ra một điều tất yếu là không bên nào được áp đặt một giải pháp quân sự cho bên kia. Kết quả chính trị ra sao để cho nhân dân Nam Việt Nam quyết định, việc Mỹ rút ra không phải chỉ là một hành động quân sự mà còn là một quyết định chính trị có ảnh hưởng chính trị sâu sắc ở Đông Nam Á.

Ông ta còn nói thêm rằng bất cứ cố gắng nào nhằm lợi dụng cuộc đàm phán này để ảnh hưởng đến cuộc bầu cử ở Mỹ chỉ làm cho một giải pháp chậm lại đến sau bầu cử (Khi hỏi lại thì ông ta nói rõ rằng bất cứ một cố gắng nào nhằm lợi dụng cuộc đàm phán này để ảnh hưởng đến cuộc bầu cử ở Mỹ thì Mỹ sẽ ngừng đàm phán đến sau bầu cử ở Mỹ. Và đến sau bầu cử thì phía Việt Nam cũng không đạt được điều kiện tốt hơn đâu).

Cuối cùng ông ta đề nghị một chương trình làm việc, định ra mục tiêu tổng quát, định ra thời gian biểu cụ thể. Một lần nữa ông ta nói không bên nào có thể đánh lừa được bên kia. Mỹ đã ký được nhiều Hiệp định với Liên Xô trong một tuần ở Matxcova và đã thực hiện tất cả các điều đã ký kết. Việt Nam đã thử mọi con đường, tại sao không thử con đường này...

Lê Đức Thọ lại nói khá lâu về truyền thống về vang chống ngoại xâm, về quyết tâm của nhân dân

ta. Đây là những lời quá quen thuộc và không phải không có tác dụng đối với Kissinger và những người tham dự buổi họp. Ông cũng nêu rõ nguyên nhân đàm phán bốn năm qua không giải quyết được là do Mỹ mở rộng chiến tranh, và đòi Mỹ chấm dứt ném bom và thả mìn phong toả miền Bắc:

- Chúng tôi tự hỏi nếu Mỹ thật sự muốn thương lượng nghiêm chỉnh để tìm ra một giải pháp thoả đáng thì có thể nào Mỹ cứ tiếp tục ném bom và phong toả miền Bắc như vậy... Tiếp tục đánh phá miền Bắc, tiếp tục Việt Nam hoá chiến tranh ở miền Nam thì không khuất phục được chúng tôi, không giải quyết được vấn đề mà càng làm cho Mỹ dính líu sâu vào không biết bao giờ rút ra được ... Đã đến lúc các ông cùng chúng tôi cần đi vào thảo luận những vấn đề về thực chất... Việc giải quyết hoà bình phải là trực tiếp giữa chúng tôi và các ông. Các ông tìm những con đường khác và dùng thủ đoạn ngoại giao nào khác chỉ là uổng công vô ích, nhất định không thể giải quyết được.

Lê Đức Thọ tỏ ý nghi ngờ về lòng thành thật của Mỹ trong việc thực hiện các điều đã ký kết. Ông nói:

- Chúng tôi đã thương lượng và ký kết với các ông nhiều lần nhưng các Hiệp định đó đều bị các ông xé bỏ, cho đến cả thoả thuận hồi tháng 10 năm 1968 về chấm dứt ném bom miền Bắc các ông cũng không tôn trọng. Ngay việc nhỏ hơn như việc không công bố các cuộc gặp riêng các ông cũng không bao giờ giữ lời hứa. Chúng tôi đã bị lừa gạt quá nhiều.

Bộ trưởng Xuân Thuỷ tiếp lời Lê Đức Thọ nói một cách tổng quát mục tiêu chiến đấu của nhân dân ta, chính sách của ta đối với Lào và Campuchia, lòng mong muốn có một Đông Nam Á hoà bình ổn định hợp tác với nhau, và chính sách của ta đối với Mỹ sau này. Bộ trưởng cũng nhắc lại sự hợp tác Việt - Mỹ rất tốt đẹp trong thời kỳ chống Nhật, và nói thêm:

- Không phải ngẫu nhiên mà bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lại bắt đầu bằng câu trích trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ cách đây gần hai trăm năm. Điều đó chứng tỏ ngay khi mới giành được độc lập khi dân tộc Việt Nam bắt đầu một trang sử mới, chúng tôi đã có thiện ý muốn có quan hệ với nước Mỹ trên một cơ sở mới.

Cô vấn Nhà Trắng Kissinger nhắc lại vì tình hình trên thế giới làm cho Hoa Kỳ khi xét đến việc tiếp tục trở lại Việt Nam như trước đây thì không có lý... Hoa Kỳ có trách nhiệm với cả thế giới nên trong khi giải quyết vấn đề Việt Nam, một số khía cạnh Hoa Kỳ phải nghĩ đến hậu quả của sự giải quyết đó đến các khu vực mà Việt Nam không quan tâm.

Về nghi ngờ của ta, Kissinger nói nếu đạt được thoả thuận thì không những Mỹ sẽ tôn trọng lời văn mà cả tinh thần của nó, không những các công thức mà cả mọi khía cạnh của nó.

Trầm ngâm một lát, ông đại diện Tổng thống Mỹ đưa ra việc ngừng bắn tạm thời trong ba, bốn tháng để cho đàm phán có thể tiến triển được, nhưng ông ta lại nói ngay chắc ta không đồng ý.

Đến lúc này ông ta mới đưa ra điều mà ông ta gọi là cố gắng cuối cùng: Đề nghị năm điểm - tháng 7 năm 1972:

- 1- Ngừng bắn toàn Đông Dương có hiệu lực... trong đó có việc Hoa Kỳ hợp tác gỡ mìn ở cảng và cửa sông miền Bắc.
- 2- Rút quân Hoa Kỳ và đồng minh bốn tháng, có giám sát quốc tế
- 3- Trao trả tù binh và thương dân vô tội bắt đầu và kết thúc với việc rút quân Mỹ.
- 4- Giám sát quốc tế.
- 5- Các nguyên tắc chỉ đạo việc thương lượng - thực ra là các nguyên tắc về tương lai chính trị nội bộ miền Nam.

Đề nghị này về cơ bản giống như tuyên bố 8 tháng 5 năm 1972 của Nixon cộng thêm một số điểm về chính trị như đề nghị 25 tháng 1 năm đó. Điều đáng chú ý là có ngừng bắn tại chỗ, không đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam, thả tù binh song song với việc rút quân Mỹ chứ không phải thả tù binh trước tiên như Nixon nói hồi tháng 5.

Lê Đức Thọ nhận xét sơ bộ ngay rằng, những sửa đổi của Mỹ về cơ bản không cụ thể, hay có thể nói không có sửa đổi gì thậm chí cũng có điểm không được nói rõ như trước, như vấn đề Thiệu từ chức, thời gian tuyên cử ở miền Nam Việt Nam. Ông Thọ phê phán:

- So với lời ông phát biểu lúc đầu về thiện chí, về đi vào giải quyết cụ thể thì tôi chờ mãi trong phát biểu của ông thì không có gì cụ thể cả. Thành ra những lời ông nói lúc đầu so với những điều ông vừa trình bày không đi đôi với nhau. Phát biểu của ông ngoài đạo lý chung chung, chưa có gì tích cực.

Ngừng một lát, Lê Đức Thọ nói tiếp:

- Bước đầu này chưa mở ra triển vọng tốt đẹp ... Nếu muốn đàm phán có kết quả thì hai bên đều phải tích cực.

Sau bốn mươi lăm phút nghỉ, hai bên trở lại làm việc. Theo yêu cầu của phía Mỹ, Lê Đức Thọ nói lại hai vấn đề nói rõ thêm của ta: đòi Mỹ đưa ra một thời hạn rõ ràng cho việc rút quân và đòi Thiệu từ chức ngay, Chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách. Kissinger nêu ra một loạt câu hỏi xung quanh vấn đề này: Từ thời gian Thiệu từ chức, đến thay đổi chính sách thế nào? Giải tán bộ máy kìm kẹp là thế nào? Có giải tán cảnh sát không? Quân đội hai bên sẽ ra sao trước và trong khi thảo luận giữa hai bên? - Thời gian thành lập Chính phủ hoà hợp dân tộc? v.v.v...

Sau khi được trả lời, Kissinger nhận xét rằng một số điểm Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ nêu ra là tích cực, một số khác thì mơ hồ, nhất là vấn đề chính trị thì phía Việt Nam lại quá cụ thể.

Lê Đức Thọ:

- Ông cho rằng chúng tôi nói vấn đề chính trị quá cụ thể, chúng tôi lại nhận xét phát biểu của ông về vấn đề này lại quá mơ hồ. Hiện nay những vấn đề giữa chúng ta còn mắc mứu là vấn đề chính trị và cách đàm phán. Các ông thì muốn giải quyết vấn đề quân sự rồi ngừng bắn, còn chúng tôi thì muốn rằng giữa chúng ta thảo luận và thoả thuận cả vấn đề quân sự và chính trị xong còn các chi tiết cụ thể sẽ do các bên Việt Nam thảo luận và thoả thuận với nhau, sau đó đi đến ký Hiệp định rồi ngừng bắn.

Kissinger muốn biết ngay các bên Việt Nam là ai, nhưng ông Thọ nói ngay:

- Vấn đề đó lần sau sẽ thảo luận.

Kissinger:

- Nếu như Chính quyền Sài Gòn tồn tại hiện nay là một bên Việt Nam thì sẽ làm dễ dàng cho công việc chúng tôi nhiều lắm.

Hai bên còn trao đổi quan điểm về ngừng bắn và hẹn gặp lại vào 31 tháng 7 hoặc 1 tháng 8. Khi sắp ra cửa, Kissinger còn hỏi lại hai bên có đề nghị gì công khai không, và lấy làm yên lòng khi Xuân Thuỷ trả lời không có gì sẽ đưa ra công khai.

Ngày 26 tháng 7 năm 1972, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ nhận xét rằng:

1- Nội dung Kissinger tuyên bố về chính sách của Mỹ có thể có ý nghĩa.

2- Về giải pháp cụ thể, Mỹ vẫn giữ lập trường cũ. Nhưng:

a) Đề nghị năm điểm tháng 7 năm 1972 so với đề nghị 2 tháng 5 năm 1972 bớt ngoan cố hơn nhưng về cơ bản là lặp lại đề nghị 8 tháng 5 năm 1972 cộng thêm một số nguyên tắc về chính trị như tám điểm.

Vẫn tách vấn đề quân sự và chính trị, chỉ giải quyết các vấn đề quân sự, còn vấn đề chính trị là then chốt thì lập trường của Mỹ không thay đổi. Mỹ vẫn buộc ta phải nói chuyện với ngụy quyền Thiệu nhằm rút được sự dính líu quân sự của Mỹ, đưa được tù binh về nước mà vẫn giữ được ngụy quyền.

Về các nguyên tắc chính trị chung chung, Kissinger không đưa ra gì mới, hỏi nhiều điểm về chính trị ở miền Nam có vẻ như để tìm hiểu nhưng chính là nhằm bác bỏ giải pháp của ta.

Vấn đề chính quyền ở miền Nam là vấn đề khó khăn nhất của giải pháp, đó là do Mỹ ngoan cố

giữ nguy quyền để bám lấy miền Nam. Đồng thời vấn đề này còn có ý nghĩa chiến lược toàn cầu đối với Mỹ. Hiện nay Nixon lấy nguy quyền làm công cụ chủ yếu để thực hiện chiến lược mới gọi là học thuyết Nixon của Mỹ. Do đó ngay trong trường hợp Mỹ phải chấp nhận một giải pháp thoả hiệp về chính trị ở miền Nam Việt Nam thì cũng không thể công khai bỏ rơi nguy quyền.

b) Ngoài ra Mỹ còn đưa ra phương án ngừng bắn tạm thời bốn tháng toàn Đông Dương để đàm phán chi tiết về giải pháp về Việt Nam, thả một số tù binh bị giam giữ lâu ngày nhưng Kissinger lại nói ngay là chắc Việt Nam không tán thành. Rõ ràng đề nghị này là chuẩn bị những thủ đoạn giúp Mỹ vượt qua thời gian tuyển cử.

3- Về thái độ thương lượng. Nói chung Kissinger muốn mềm dẻo nhưng mặt khác vẫn đàm phán trên thế mạnh. Mỹ cho rằng Việt Nam không có lợi thế bằng thời điểm cuộc họp ngày 2 tháng 5, cho rằng Mỹ đã thành công trong việc tranh thủ Liên Xô, Trung Quốc giảm sự ủng hộ ta về mọi mặt, cho rằng ta muốn giải quyết trước bầu cử - do đó Kissinger đe dọa sẽ ngừng đàm phán đến sau bầu cử tháng 11 năm 1972.

4- Chỗ yếu của Mỹ là sức ép tuyển cử. Ngay từ đầu năm nay, Mỹ đã có nhiều thủ đoạn lừa bịp dư luận Mỹ về vấn đề Việt Nam phục vụ cho tuyển cử. Đặc biệt là từ giữa tháng 6 năm 1972 trở đi Mỹ ra sức ngăn chặn ta lợi dụng tuyển cử, đồng thời ra sức dùng đàm phán để lừa bịp dư luận. Mỹ đề nghị gặp ta ngày 28 tháng 6 để ngăn chặn khuynh hướng chống chiến tranh trong Đại hội Đảng Dân chủ (10 tháng 7). Ta không chịu ngày đó. Cuối tháng 6, Kissinger thông qua Liên Xô đề nghị ta không đề lộ nội dung thương lượng cho phe đối lập, tức là Đảng Dân chủ, biết và dọa sẽ tính đến khả năng hoãn thương lượng đến khi cuộc bầu cử kết thúc vào tháng 11 năm 1972.

Trong cuộc gặp riêng ngày 19 tháng 7, Mỹ tìm cách ngăn chặn ta tác động vào tuyển cử, hỏi ta về việc thả tù binh cho phe đối lập, đề nghị ta không tấn công ngoại giao công khai và nhắc lại lời đe dọa là Mỹ sẽ ngừng thương lượng cho đến sau bầu cử nếu ta lợi dụng đàm phán để ảnh hưởng đến bầu cử ở Mỹ. Trong khi đó thì Mỹ lợi dụng gặp riêng để phục vụ cho cuộc vận động tuyển cử, đề nghị công bố các cuộc gặp riêng và ngay việc Mỹ đưa ra đề nghị năm điểm tháng 7 năm 1972 và phương án ngừng bắn tạm thời bốn tháng toàn Đông Dương mặc dầu Kissinger biết chắc ta không đồng ý cũng là để chuẩn bị công bố nhằm lừa bịp dư luận.

5- Về khả năng phát triển của tình hình.

Qua cuộc gặp riêng ngày 19 tháng 7, ta chưa có đủ căn cứ để kết luận là “khả năng Mỹ đi vào giải quyết với giá phải chăng có nhiều”

Trước mắt vẫn có hai khả năng:

a) Vì thất bại của chính sách “Việt Nam hoá chiến tranh” trên chiến trường, vì những khó khăn trong cuộc bầu cử, Tổng thống Mỹ buộc phải nhận một giải pháp có lợi cho ta mà Mỹ có thể chấp nhận được (theo phương án vừa và tối thiểu) trong năm nay.

b) Nixon cho rằng ông ta có thể vượt qua tuyển cử bằng những thủ đoạn lừa bịp, Nixon ngoan cố không chịu giải quyết theo mức tối thiểu của ta. Trong trường hợp này chiến tranh còn kéo dài đến sau năm 1972.

Qua cuộc gặp riêng vừa qua, ta thấy Nixon đi vào đàm phán giải quyết với ta đồng thời ráo riết chuẩn bị dư luận và đổ trách nhiệm cho ta để vượt qua tuyển cử.

Từ nay đến cuối tháng 8 tình hình sẽ phát triển rõ hơn. Nhận xét về cuộc họp, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ cho rằng:

“Nói chung ta đã tìm hiểu thêm được một phần ý đồ chiến lược của Mỹ tuy chưa đầy đủ để nhận định hướng giải quyết chủ yếu của nó, đồng thời đã làm cho Mỹ hiểu rõ chính sách chung và thiện chí của ta”.

Trong báo cáo cho Nixon về cuộc họp này, Kissinger viết:

“Nếu sự thật là họ không nói gì để loại trừ sự quay trở lại hoàn toàn với lập trường cũ của họ thì thái độ của họ trong cuộc họp đầu tiên này gần đạt tới mức tích cực như người ta mong đợi...”

Nếu sau này họ chấp nhận một thỏa hiệp điều đó có thể là một cuộc ngừng bắn cộng với những nguyên tắc chính trị trong đường lối của đề nghị của chúng ta ngày 25 tháng 1. Nhưng để cho sự việc được rõ ràng điều này chưa xuất hiện trước cuộc gặp khác. Cũng có khả năng họ dùng cuộc nói chuyện để vạch rõ chỉ có mình Thiệu là trở ngại cho một giải pháp toàn bộ” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sdd, tr. 1369.).

Nhận xét của hai bên đều có phần đúng. Nhưng mọi việc chưa phải đã dễ dàng.

Cuộc họp ngày 1 tháng 8: Hai phương án để thăm dò và mặc cả

Để chuẩn bị cho cuộc họp ngày 1 tháng 8 năm 1972, ngày 22 tháng 7, Hà Nội thông báo tình hình cho Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ.

So sánh lực lượng chung ở miền Nam trên chiến trường Đông Dương đang phát triển có lợi cho cách mạng. Nội bộ Mỹ mâu thuẫn gay gắt giữa nhân dân Mỹ và Nixon, giữa hai đảng Cộng hoà và Dân chủ trong vấn đề Việt Nam. Trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam so sánh lực lượng ở chiến trường là chính nhưng lúc này vấn đề lợi dụng mâu thuẫn gay gắt trong cuộc bầu cử ở Mỹ rất quan trọng, cần lợi dụng đúng mức sức ép của nhân dân Mỹ và mâu thuẫn giữa hai đảng. Từ nay đến Đại hội Đảng Cộng hoà (ngày 24 tháng 8) cần bàn những nguyên tắc lớn trên cơ sở phương án cao và trung bình của ta.

Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ cho rằng:

- Chủ trương của ta là đẩy mạnh đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao, tranh thủ giải quyết vấn đề Việt Nam trong năm 1972, chuyển cuộc đấu tranh theo một chiều hướng mới bằng phương pháp đấu tranh chính trị là chính... Mặt khác đề phòng Nixon không chịu đáp ứng yêu cầu tối thiểu của ta, ta cần tích cực chuẩn bị tiếp tục cuộc chiến đấu sau năm 1972.

Trên chiến trường, về mùa mưa hoạt động của ta có hạn chế, địch cố gắng phản công, ta có những khó khăn nhất định trong việc làm cho so sánh lực lượng có lợi hơn cho ta trước khi hết mùa mưa.

Ở Mỹ, cuộc vận động tẩy cử sẽ gay gắt trong hai tháng 9 và 10 năm 1972. Thời điểm mà ta có thể lợi dụng tốt mâu thuẫn giữa hai đảng Cộng hoà và Dân chủ để giành một giải pháp có lợi cho ta là từ tháng 8.

Xuất phát từ nhận định trên, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ đã đề nghị với Bộ Chính trị:

1- Từ nay đến Đại hội Đảng Cộng hoà, hướng chính của ta trong gặp riêng là bàn những nguyên tắc lớn trên cơ sở những yêu cầu tối đa của ta nhằm thăm dò ý đồ Mỹ và nhằm buộc Mỹ đi vào giải quyết toàn bộ với ta.

Về phía Mỹ có nhiều khả năng từ nay đến đây, Nixon cũng chưa ngã con bài ra. Nhưng nếu trong thời gian này, Mỹ muốn đi vào giải quyết thì ta cũng không bỏ lỡ thời cơ. Đến Đại hội Đảng Cộng hoà, nếu Nixon chưa chịu giải quyết thì thời cơ để có thể giải quyết là vào khoảng tháng 10.

2- Từ nay đến Đại hội Đảng Cộng hoà, ta cần thảo luận với Kissinger về những phương hướng chung và hướng Mỹ đi dần vào lập trường giải quyết của ta.

a) Ta nói với Kissinger là ta ghi nhận lời tuyên bố của Mỹ trong phiên họp ngày 19 tháng 7.

b) Ta đồng ý với Mỹ muốn giải quyết được vấn đề thì phải gây được tin cậy lẫn nhau. Ta muốn tin rằng Mỹ thật sự tôn trọng và thực hiện những điều tuyên bố trên đây. Nhưng đi vào giải quyết thì những đề nghị 8 tháng 5 năm 1972 cũng như đề nghị năm điểm tháng 7 năm 1972 của Mỹ mâu thuẫn với tuyên bố trên đây. Ta vạch rõ các mâu thuẫn đó, xoáy vào vấn đề Mỹ vẫn duy trì Ngụy quyền Sài

Gòn và thực tế chống lại Chính phủ hoà hợp dân tộc.

c) Ta đưa ra hai cách giải quyết vấn đề cả quân sự và chính trị.

Về quân sự - Mỹ chấm dứt các hoạt động quân sự ở Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân đồng minh trong hai tháng, thả tù binh và thường dân bị bắt trong hai tháng. Mỹ có trách nhiệm hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng lại hai miền Việt Nam.

Về chính trị - Trong thời gian từ hoà bình lập lại đến khi tổng tuyển cử không bên nào được áp đặt chế độ chính trị của mình, không bên nào thôn tính bên nào, thành lập Chính phủ ba thành phần ngang nhau, bình đẳng với nhau, không do bên nào khống chế, tổng tuyển cử trong vòng 6 tháng (sau khi ký Hiệp định).

Ngay sau khi ký Hiệp định về một giải pháp toàn bộ thực hiện ba việc cùng một lúc: Thiệu từ chức, Chính phủ ba thành phần nhậm chức, ngừng bắn. Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ cũng đề nghị tách các vấn đề ra thành hai loại:

Các vấn đề giữa Mỹ và Việt Nam gồm có: chấm dứt mọi hoạt động quân sự và các lực lượng vũ trang Việt Nam ngừng tấn công quân Mỹ, rút quân Mỹ và đồng minh, thả các quân nhân và thường dân bị bắt. Mỹ có trách nhiệm trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam như Hiệp định Genève năm 1954 qui định, chấm dứt viện trợ cho Chính quyền Thiệu và tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam.

Các vấn đề nội bộ Việt Nam gồm có: vấn đề thống nhất Việt Nam do nhân dân Việt Nam giải quyết lấy không có can thiệp của bên ngoài, vấn đề nội bộ miền Nam gồm có vấn đề Chính quyền, ngừng bắn giữa hai bên miền Nam... sẽ do các bên miền Nam giải quyết.

Ta sẽ đưa cho Mỹ bản viết nội dung trên. Nếu Mỹ công bố nội dung gặp riêng, ta công bố văn bản này.

Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ đều hiểu rằng: Để giải quyết vấn đề Việt Nam theo yêu cầu của ta, phải giành được một sự so sánh lực lượng có lợi cho ta là chính nhưng đồng thời coi trọng lợi dụng mâu thuẫn địch. Mâu thuẫn hai phe ở Mỹ đang phát triển. Thắng lợi của Mc Govern là bất ngờ đối với mọi người. Cương lĩnh của Mc Govern về Việt Nam và về nội bộ Mỹ là tiến bộ và mạnh. Thắng lợi đó gây thêm khó khăn cho Nixon, Nixon phải tiến hành một cuộc tranh cử gay go.

Ta có thuận lợi hơn trước song song với tiến bộ trên chiến trường để ép Nixon về một giải pháp có lợi cho ta. Nhưng ta cần lợi dụng mâu thuẫn của hai phe cho đúng mức. Làm quá mức thì ta bỏ lỡ thời cơ nhưng nếu làm không đúng mức thì ta không lợi dụng được sức ép tuyển cử có lợi cho phía Việt Nam.

Hai ông cũng cho rằng: Lập trường của Mc Govern và Nixon khác nhau cơ bản là trong thái độ đối với Ngụy quyền Sài Gòn. Mc Govern đòi chấm dứt viện trợ quân sự cho ngụy quyền, chấm dứt dính líu về quân sự của Mỹ không điều kiện. Trái lại, Nixon đòi duy trì ngụy quyền làm điều kiện cho việc dính líu về quân sự của Mỹ ở Việt Nam. Ta cần khéo léo và lợi dụng lập trường của Mc Govern để vạch và ép Nixon. Lập trường của ta trong vấn đề này không thể thấp hơn lập trường của Mc Govern.

Cuộc tranh cử ở Mỹ sẽ gay gắt trong hai tháng 9 và 10. Ta cần lợi dụng thời điểm này có lợi cho ta nhất. Ngược lại, Nixon lại ra sức giảm sức ép của tuyển cử và xoa dịu dư luận để đàm phán có lợi cho họ, để vượt qua tuyển cử mà không giải quyết.

Mặt khác, lúc này Việt Nam rất cần thời gian để bố trí lại lực lượng chuẩn bị cho việc chuyển hướng cuộc đấu tranh. Thời điểm tốt nhất là cuối tháng 9 và đầu tháng 10. Cần đi hai chân, vừa đàm phán với Nixon vừa giữ khả năng gây khó khăn cho Nixon nếu ông ta muốn vượt tuyển cử để lừa bịp, mặt khác chuẩn bị đối phó với những thủ đoạn của ông ta để vượt tuyển cử mà không giải quyết. Đồng thời phải có kế hoạch làm ăn với phe đối lập trong các tình huống khác nhau: Nixon chưa đi vào giải

quyết với ta, Nixon đang đi vào giải quyết với ta và tình huống Nixon ngoan cố không chịu giải quyết.

Trong đàm phán cần tỏ cho Kissinger biết ý muốn của Hà Nội, giải quyết với Nixon nhưng đồng thời cũng sẵn sàng chiến đấu lâu dài, đừng để Mỹ hiểu ta sợ, hoãn thương lượng đến sau bầu cử. Ta làm cho Kissinger biết ta không muốn can thiệp vào nội bộ Mỹ nhưng ta không để cho Mỹ lợi dụng đàm phán để lừa bịp trong tuyển cử.

Buổi gặp riêng lần thứ 15 ngày 1 tháng 8 năm 1972 giữa hai bên vẫn diễn ra ở ngôi nhà quen thuộc phố Darthe.

Hôm đó đoàn ta đã chuẩn bị một phương án mới và cách đàm phán để trao cho Mỹ.

Nhưng khi bắt đầu gặp nhau Kissinger lại đòi đưa tin về cuộc họp. Xuân Thuỷ và Lê Đức Thọ bác bỏ ngay với lý do phía Mỹ không giữ lời hứa làm cho dư luận bàn tán nhiều và nhiều cái không đúng.

Tuy nói là vấn đề thủ tục nhưng ý Xuân Thuỷ như đã rõ là không để Nixon sử dụng diễn đàn này phục vụ cho tuyển cử. Tất nhiên nhà hoạt động chính trị nhạy cảm như Kissinger hiểu ngay và tỏ ra bức bối. Ông ta thanh minh và dọa dẫm:

“Nếu các ông không muốn tiếp tục cuộc nói chuyện của chúng ta thì tùy các ông. Chỉ có hai cách lựa chọn, hoặc là chúng ta có thể có tuyên bố chung, đó là điều chúng ta đáng lẽ nên làm, hoặc là người ta biết tôi vắng mặt thì chúng tôi có thể xác nhận”.

Lê Đức Thọ nhắc lại do phía Mỹ cứ tiếp tục làm sai nên

“Lần này chúng tôi không thoả thuận công bố như lần trước. Các ông xác nhận như thế nào là tùy các ông, chúng tôi nói thế nào là tùy chúng tôi, nhưng không nói về nội dung”.

Kissinger tiếp tục thanh minh... dọa sẽ kết thúc cuộc thương lượng. Ông ta nói: Hoa Kỳ không làm tuyên truyền, và thêm:

- Nếu phía Việt Nam muốn biến cuộc bầu cử ở Mỹ thành một cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề Việt Nam thì Hoa Kỳ không chịu việc đó.

Kissinger tỏ vẻ cay cú, nói đi nói lại nhiều lần và kéo dài hơn một giờ. Chưa hết, khi kết thúc cuộc họp dài tám giờ hôm đó, ông ta còn nhắc lại nữa.

Đi vào nội dung, Kissinger nhận nói trước, nhưng xin lỗi ngay là ông phát biểu hơi dài.

Ông ta đưa ra một kế hoạch mới mười hai điểm. Trước khi trình bày ông ta bảo đảm lại là Mỹ sẽ tôn trọng mọi sự thoả thuận không những về tinh thần và cả lời văn nữa. Hơn nữa, ông ta còn sẵn sàng bảo đảm với các đồng minh của Việt Nam về việc đó, gắn mối quan hệ quan trọng của Hoa Kỳ với Matxcova và Bắc Kinh vào thiện chí của Hoa Kỳ ở Đông Dương.

Mở đầu kế hoạch, Kissinger nói:

“Chúng tôi đồng ý cần giải quyết vấn đề quân sự và vấn đề chính trị cùng với nhau”.

Ông ta nói tiếp rằng với cố gắng lấp hố ngăn cách giữa những bất đồng của hai bên và với thái độ thiện chí, phía Mỹ đã chấp nhận hình thức căn bản của đề nghị bảy điểm và hai điểm nói rõ thêm của Việt Nam, và để có thể nhanh chóng đi đến thoả thuận hơn, Hoa Kỳ đã dùng cả cách viết của ta khi nào Hoa Kỳ có thể làm được. Kissinger cười và nhìn Xuân Thuỷ:

- Ông Bộ trưởng sẽ hài lòng vì đã có mười hai điểm rồi.

Xuân Thuỷ:

- Hôm trước ông có năm điểm, bây giờ ông tăng thêm bảy điểm.

Lê Đức Thọ:

- Như vậy nếu tính về con số thì có tiến bộ lớn.

Kissinger tuân tự đọc các điểm. Đọc đến điểm sáu thì thấy Xuân Thuỷ và Lê Đức Thọ trao đổi với nhau, Kissinger nói đùa:

- Hình như phía các ông có sự tranh luận với nhau cái gì. Chúng tôi nghĩ rằng nếu ông Cố vấn và

Bộ trưởng cãi lộn nhau thì đó là bước đầu đi đến giải quyết.

Ông ta cười thích thú và thêm:

- Nhưng tôi nghĩ việc đó không thể xảy ra trước ngày bầu cử.

Đọc sang điểm thứ bảy, Kissinger dừng lại và nói:

- Chắc các ông nghe lời lẽ quen tai lắm rồi vì giống câu của các ông. .

Đọc xong mười hai điểm, ông ta trao cho ta rồi bắt đầu giải thích:

- Các ông đòi rút toàn bộ lực lượng đồng minh và trang bị của họ và đòi huỷ bỏ các căn cứ, chúng tôi đồng ý và chúng tôi đã làm như vậy. Các ông đòi rút trong thời gian ngắn, chúng tôi đã rút ngắn thời gian đó lại. Bây giờ chỉ còn bốn tháng. Nếu thoả thuận được với nhau trước ngày 1 tháng 9 thì binh sĩ Mỹ cuối cùng sẽ rời khỏi Việt Nam trước cuối năm nay.

Vấn đề chính trị, chúng tôi đã chấp nhận nhiều nguyên tắc về vấn đề này và đã đồng ý xét song song vấn đề chính trị và vấn đề quân sự.

Các ông chủ trương Chính phủ hiện nay phải thay đổi và Chính phủ mới định ra một cơ cấu hiến pháp mới. Chúng tôi xác nhận thể thức đó và cũng chấp nhận hai giai đoạn của nó, chúng tôi long trọng tuyên bố sẽ tôn trọng kết quả của quá trình mà chúng tôi đề nghị. Chỉ một điều mà chúng tôi không làm là định trước kết quả đó ở Paris.

Chúng tôi không nhất thiết đòi phải có một Chính phủ nhất định nào nhưng chúng tôi không muốn ép một Chính phủ nào cho Nam Việt Nam... Các ông đòi chúng tôi tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Nam Việt Nam. Chúng tôi đồng ý với điều đó và sẵn sàng cam kết nghiêm chỉnh tôn trọng diễn biến ở Nam Việt Nam sau khi Hiệp định được ký kết, nghĩa là chúng tôi xác nhận những đòi hỏi của các ông ...

Cứ như vậy bằng lời lẽ rất ngọt ngào, người nghe có cảm tưởng Mỹ rất thiện chí... Ông nói tiếp đến bầu cử Tổng thống do một cơ quan độc lập có đại diện tất cả các lực lượng chính trị tổ chức và có giám sát quốc tế... Thiệu đã tuyên bố từ chức từ hai tháng trước tuyển cử và thời gian Thiệu từ chức có thể mềm dẻo...

Các ông đòi bảo đảm tự do dân chủ ở Nam Việt Nam chúng tôi đã đưa vào kế hoạch những bảo đảm về tự do dân chủ. Các ông đòi miền Nam có hiến pháp mới. Chúng tôi đồng ý là sau cuộc bầu cử mới các lực lượng chính trị ở Nam Việt Nam sẽ họp nhau để sửa đổi hiến pháp trong thời gian một năm.

Kissinger kết luận là Mỹ đã đáp ứng mọi khía cạnh của đề nghị chính trị của Việt Nam.

Còn các điểm khác trong đề nghị bảy điểm, Mỹ đã đáp ứng mọi điểm về thực chất của nó! ...

Bồi thường chiến tranh, Kissinger nói rằng Hoa Kỳ không chấp nhận được, nhưng sẵn sàng nghiên cứu một chương tình kiến thiết lớn cho cả Đông Dương. Về thời gian thi hành, Kissinger đề nghị: ba tháng sau khi thoả thuận về nguyên tắc, đàm phán xong các chi tiết về việc thi hành các nguyên tắc đó, bốn tháng thì hoàn thành việc rút quân Mỹ, năm tháng sau khi Mỹ rút, thoả thuận các chi tiết về giải pháp chính trị. Cuộc bầu cử có thể diễn ra sớm hơn. Sửa đổi hiến pháp trong một năm...

Lê Đức Thọ hỏi thêm một vài điểm cụ thể nhưng phát biểu tập chung phê phán việc Mỹ ném bom miền Bắc và diễn văn ngày 27 tháng 7 của Nixon ví miền Bắc như phát xít Hít le. Ông Thọ vạch rõ đó là lời vu khống vô đạo lý nhất, ông nói:

- Mỹ có thể đem tất cả sức mạnh của mình để tàn phá nước chúng tôi... nhưng có một điều mà Mỹ không bao giờ làm được là phá tan quyết tâm sắt đá của nhân dân chúng tôi... Chúng tôi cho rằng để cho cuộc đàm phán đó có kết quả tốt, cả hai bên phải tạo những không khí thuận lợi cho việc nói chuyện này.

“Nếu các ông cứ tiếp tục ném bom các thành phố, khu đông dân các công trình thuỷ lợi và đe điều gây ra nạn lụt ở miền Bắc thì chúng tôi không thể ngồi nói chuyện với các ông như hiện nay và

các ông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

Lê Đức Thọ đòi Mỹ chấm dứt ném bom và thả mìn.

Tiếp đó ông trao cho Kissinger bản ghi nhận các nguyên tắc về chính sách Mỹ mà Kissinger đã nói hôm 19 tháng 7. Ông cũng ghi nhận việc Mỹ đồng ý giải quyết cả vấn đề chính trị và quân sự song song.

Về kế hoạch mười hai điểm của Mỹ, Lê Đức Thọ nhận xét có một vài điểm mới nhưng về cơ bản lập trường về giải pháp của Mỹ vẫn chưa có gì thay đổi, đặc biệt trong vấn đề then chốt là vấn đề chính trị ở Nam Việt Nam.

Trong khi Kissinger chờ đợi những nhận xét khác nữa thì Lê Đức Thọ trình bày kế hoạch mười điểm mới của ta.

Đề nghị mười điểm mới của ta vẫn là phương án cao; đòi Mỹ rút quân trong một tháng, lập Chính phủ hoà hợp dân tộc ba thành phần, có đầy đủ quyền lực đối nội, đối ngoại, xoá bỏ hẳn hai Chính quyền hiện có. Chỗ mềm dẻo là không còn đòi Thiệu từ chức ngay như một điều kiện, mà đồng ý Thiệu từ chức sau khi ký kết Hiệp định toàn bộ. Đề nghị cũng mở ra việc nói chuyện giữa Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn khi Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thoả thuận về các vấn đề về nguyên tắc, điều mà trước đây ta không chịu. Đề nghị mới cũng nêu ra trách nhiệm của Chính phủ Mỹ đóng góp vào xây dựng lại hai miền Việt Nam để hàn gắn vết thương chiến tranh.

Trong phần giải thích Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ nêu ra số tiền 8 tỷ đô la: miền Bắc: 4,5 tỷ, miền Nam: 3,5 tỷ.

Về cách đàm phán ông Thọ nêu ra bốn diễn đàn:

1- Diễn đàn giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thảo luận và giải quyết những vấn đề quân sự và những nguyên tắc cùng nội dung chủ yếu các vấn đề chính trị.

2- Diễn đàn giữa Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn sau khi diễn đàn một đã được thoả thuận, sẽ mở ra để thảo luận và thực hiện những điều đã thoả thuận ở diễn đàn một và bàn bạc giải quyết những vấn đề cụ thể về quân sự và chính trị ở miền Nam Việt Nam.

3- Diễn đàn tay ba giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn để giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến hai miền.

4- Diễn đàn bốn bên giải quyết những vấn đề liên quan đến bốn bên.

Kissinger hỏi một số điểm cụ thể và nhận xét rằng phía ta cũng như phía Hoa Kỳ đã đưa ra một đề nghị có ý nghĩa và không phải như một tối hậu thư. Ông ta cũng thanh minh Hoa Kỳ không đánh vào đề điều. Việc ném bom đề điều không phải là chính sách của Washington. Mỹ không ý định gây nạn lụt ở miền Bắc. Ông ta cũng nhắc lại việc ngừng bắn tạm thời bốn tháng, việc giảm chiến sự. Sơ bộ Kissinger đưa ra một số bình luận về kế hoạch mới của ta.

- Hoa Kỳ sẽ không hoàn toàn rời khỏi Đông Dương nếu còn tù binh Mỹ ở Đông Dương. Hoa Kỳ không chấp nhận việc bồi thường chiến tranh nhưng sẵn sàng có hiểu biết và đóng góp vào chương trình tái thiết ở Đông Dương nhưng chưa cam kết được số tiền vì còn phải chờ ý kiến của Quốc hội Mỹ nhưng sẽ cố gắng để trước khi đàm phán kết thúc có được một con số thực tế để phía Việt Nam xem xét.

Kissinger cũng đồng ý bốn diễn đàn, nhưng chia làm hai bước:

Bước một - Hoa Kỳ, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thoả thuận các vấn đề quân sự toàn Đông Dương và những nguyên tắc về chính trị ở miền Nam Việt Nam, ký hiệp định chung, ngừng bắn.

Bước hai - Người Việt Nam sẽ giải quyết các vấn đề chính trị ở Nam Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc mà Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thoả thuận. Bước hai này sẽ làm xong trong ba tháng.

Hai bên hẹn gặp nhau vào ngày 14 tháng 8 năm 1972. Kissinger cho ta biết là sau đó đến tháng 9

mới gặp nhau lại được vì ông ta còn bận họp Đại hội Đảng Cộng hoà.

Cuộc họp ngày 14 tháng 8: Vừa thăm dò vừa vừa mặc cả.

Trong tháng ngày đầu tháng 8, cuộc giành giật giữa hai bên trên chiến trường vẫn diễn ra gay go và quyết liệt. Kế hoạch ba tháng của Mỹ - Ngụy nhằm chiếm lại những vùng đã mất nói chung vẫn giậm chân tại chỗ. Trong khi đó ở nhiều nơi, nhất là ở đồng bằng Mỹ - Ngụy mất thêm dân thêm đất. Ở các đô thị, Chính quyền Sài Gòn phải có những biện pháp trắng trợn hơn trong việc đàn áp các nhóm đối lập và phong trào đô thị. Tuy vậy Mỹ - Ngụy vẫn hết sức cố gắng chiếm lại thị xã Quảng Trị và thúc đẩy bình định.

Ở miền Bắc, mức đánh phá của Mỹ vẫn ác liệt liên tiếp oanh tạc các khu đông dân ở hơn hai mươi tỉnh và thành phố, kể cả Hà Nội và Hải Phòng. Mỹ tăng phi vụ B52 quanh Đồng Hới và Vĩnh Linh, đánh một số đề trong ngày 2 và 3 tháng 8 ở Thái Bình, Nghệ An và Quảng Bình, Mỹ tiếp tục đe dọa ném bom phong toả miền Bắc và đe dọa dùng B52 rộng rãi hơn trên miền Bắc.

Mặt khác Mỹ tiếp tục chống đỡ với sự lên án của ta và dư luận rộng rãi về việc ném bom giết hại thường dân, phá đề đập trong mùa lũ gây nạn lụt đồng thời phản kích lại, vu cáo ta tàn sát ở miền Nam.

Dư luận ngày càng nói nhiều đến thất bại của Mỹ trong việc ném bom và phong toả, không ngăn chặn được viện trợ từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam, không ngăn chặn được việc tấn công của Việt cộng ở miền Nam, mặc dù tháng 5 năm 1972, Mỹ đã sử dụng một số lượng bom đạn hàng tháng cao hơn tháng cao nhất dưới thời Johnson.

Tại Mỹ và trên thế giới cũng lên án mạnh mẽ việc Mỹ ném bom tàn sát thường dân. Một số chính giới có tên tuổi ở Mỹ lên tiếng tố cáo chính sách của Nixon làm tổn thương đến đạo lý và danh dự của nước Mỹ. Họ cũng công kích Nixon lấy bom đạn và tàn phá làm biện pháp giải quyết chiến tranh nhưng biện pháp đó không đạt được kết quả.

Một bộ phận dư luận cũng cho rằng Nixon tiếp tục ném bom và phong toả miền Bắc để tiếp tục duy trì chế độ Thiệu ở Sài Gòn.

Thượng nghị viện Mỹ trong vòng mười ngày đã hai lần bỏ phiếu với đa số đòi rút toàn bộ quân Mỹ trong vòng bốn tháng với điều kiện duy nhất là tù binh được thả. Tuy đa số trong Hạ viện đã bác bỏ những dư luận cho rằng thái độ của Thượng nghị viện phản ánh chiều hướng chung của công chúng Mỹ đòi sớm và dứt khoát chấm dứt dính líu của Hoa Kỳ vào Việt Nam vì bốn năm nay Nixon đã nói đến kế hoạch bí mật chấm dứt chiến tranh nhưng chiến tranh vẫn tiếp diễn.

Nhưng một bộ phận của dư luận vẫn tin luận điệu của Nixon rằng thời gian tới là thuận lợi nhất để thương lượng có kết quả vì Nixon muốn giữ lời hứa để được tái cử, vì Việt Nam có khó khăn do sức ép của Liên Xô và Trung Quốc.

Qua thăm dò dư luận về cuộc chạy đua vào Nhà Trắng, thượng nghị sĩ Mc Govern còn thua kém hơn Nixon. Dư luận cũng tỏ ra bi quan về tình hình thương lượng giữa hai bên ở Paris. Thiệu vẫn tuyên bố rất gay gắt kiên quyết chống cộng, gạt mọi ý kiến cho rằng cộng sản tham gia vào Chính quyền, kêu gọi Mỹ không ngừng bắn tại chỗ và tiếp tục ném bom miền Bắc. Trước tình hình đó dư luận cho Thiệu lo ngại có thể đi đến thoả thuận về một giải pháp bất lợi cho Thiệu.

Trên thế giới, ngày 10 tháng 8 năm 1972, Hội nghị các nước không liên kết họp ở Georgetown công nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời là thành viên chính thức của phong trào.

Tóm lại, tình hình có thuận lợi cho ta, nhưng cũng chưa cấp bách cho Nixon, nhất là trên chiến trường, và cuộc bầu cử cũng chưa đến điểm cao.

Chúng ta cho rằng sau Đại hội Đảng Cộng hoà, tùy tình hình chiến trường và bầu cử ở Mỹ, Nixon mới đi vào thương lượng, đi vào giải quyết hay không.

*

* *

Trước cuộc gặp riêng lần thứ mười sáu tại Paris, ngày 5 tháng 8 năm 1972, Mỹ gửi công hàm cho ta đòi đưa tin về cuộc gặp riêng sắp tới xem như một điều kiện cho cuộc gặp đó. Công hàm viết:

“Phía Hoa Kỳ không có lựa chọn nào khác hơn là công bố việc gặp riêng khi cuộc gặp đang diễn ra... Tuỳ phía Bắc Việt Nam quyết định liệu có muốn tiếp tục các cuộc gặp riêng trên cơ sở đó hay không ...”

Công hàm ngày 9 tháng 8 của ta trả lời cho Mỹ như sau:

“Rõ ràng phía Hoa Kỳ chỉ chú ý đến việc đưa tin về các cuộc gặp riêng nhằm mục đích tuyên truyền chứ không chú ý đem lại kết quả cho đàm phán”.

Mặc dầu vậy, cuộc họp ngày 14 tháng 8 vẫn diễn ra.

Bước vào cuộc họp, Kissinger đã đặt ra vấn đề đưa tin với lý do lần này ông vắng mặt lâu (chiều nay phải đi Thụy Sĩ về việc gia đình, ngày mai phải đi Sài Gòn để thăm dò sâu về chính trị...) nhưng không làm thay đổi được ý kiến của Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ về vấn đề này.

Hôm ấy Kissinger trao cho ta ba văn kiện: Tuyên bố về chính sách của Mỹ; một đề nghị mới mười điểm; và văn bản về cách thương lượng. Thực ra là để trả lời các văn kiện tương tự của ta đã đưa ra hôm mùng 1 tháng 8.

Trình bày kế hoạch mới, Kissinger vẫn dùng những lời lẽ ngọt ngào hấp dẫn rằng ông ta đã xem lại từng điểm một trong đề nghị của hai bên và viết lại theo danh từ mà ông tin là hai bên có thể chấp nhận được, trừ vấn đề chính trị còn để trống sẽ bổ sung sau.

Ông nhấn mạnh rằng vấn đề chính trị là trung tâm của các vấn đề đặt ra cho hai bên và nhiệm vụ của hai bên là cùng nhau vượt qua trở ngại đó thông qua một giải pháp phù hợp với những nguyên tắc sâu sắc hai bên.

Ông ta nói tiếp:

- Hoa Kỳ đã làm hết sức để đáp ứng những mối quan tâm hợp lý của Việt Nam, nhưng đến nửa đầu tháng 9 sau khi đi Sài Gòn về mới đáp ứng các đề nghị chính trị của Việt Nam một cách chi tiết.

Trước khi đi vào giới thiệu mười điểm, Kissinger trao cho Lê Đức Thọ bản tuyên bố về chính sách Mỹ gần giống như ông đã nói hôm 19 tháng 7, nhưng lại bỏ lại hai điểm về việc Hoa Kỳ không đòi có một Chính phủ thân Mỹ ở miền Nam và điểm nói về Đông Nam Á.

Trong đề nghị mười điểm mới, Mỹ chỉ nêu vấn đề quân sự nhưng để trống thời hạn rút quân Mỹ. Khi được hỏi, Kissinger nói: Tôi cho đó không phải là vấn đề phức tạp, rồi nói thêm: Có thể là ngắn hơn bốn tháng và dài hơn một tháng.

Xuân Thuỷ châm biếm:

- Trước ông nói bốn tháng còn bây giờ là ba tháng hai mươi chín ngày chứ gì?

Thực ra mười điểm này chỉ là việc sắp xếp lại các đề nghị ngày 1 tháng 8 của Việt Nam và của Mỹ, theo thứ tự của bản Việt Nam, có chỗ lấy hấn ý kiến của Việt Nam làm ra về đáp ứng yêu cầu của ta và hai bên đã thoả thuận được nhiều vấn đề lớn - nhưng cũng có điểm thụt lùi hơn đề nghị trước của họ.

Kết thúc bản trình bày, Kissinger nêu ra các lĩnh vực mà theo ông hai bên đã đồng ý với nhau về thực chất:

- Việc rút toàn bộ quân Mỹ và quân đồng minh.
- Việc thống nhất Việt Nam do Nam và Bắc Việt Nam quyết định.
- Việc tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 và 1962.
- Đông Dương là một khu vực hoà bình, độc lập, trung lập.
- Một cuộc ngừng bắn tại chỗ có giám sát quốc tế và kiểm soát quốc tế và bảo đảm quốc tế ở trong vùng.

Còn những sự khác nhau giữa hai bên là:

- Thời hạn rút quân và đồng minh - nhưng vấn đề này không phải là không giải quyết được.
- Vấn đề viện trợ quân sự cho Chính phủ Việt Nam.
- Các vấn đề chính trị - lần sau ông ta sẽ trả lời.
- Còn vấn đề tái thiết - Hoa Kỳ không cam kết bồi thường nhưng sẵn sàng đi vào một sự hiểu biết sẽ có một chương trình tái thiết toàn Đông Dương.

Về cách thương lượng, Kissinger đề nghị:

Sau khi Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thoả thuận một vấn đề thì chuyển ngay vấn đề đó cho diễn đàn khác.

Mỹ còn đòi lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam sẽ do diễn đàn ba bên ở Việt Nam giải quyết.

Cuối cùng ông ta đưa ra một nhận xét mà ông cho là quan trọng rằng phía Việt Nam có hai cách đề cập khác nhau ở gặp riêng và ở diễn đàn công khai. Ở Hội nghị Kléber phía Việt Nam tạo ra một cảm tưởng rằng hai bên đi vào chỗ bế tắc hoàn toàn nhằm tăng cường sức ép ở Mỹ để chống lại Nixon, trong khi ở gặp riêng Việt Nam lại hy vọng Hoa Kỳ nhân nhượng ở mức tối đa và không muốn tiết lộ điều này ra ngoài mặc dù có tiến bộ đáng kể ở đây.

Trước khi phát biểu, Lê Đức Thọ hỏi Kissinger về tình hình chính trị ở miền Nam trước khi ông đi Sài Gòn. Lúc đầu ông ta không muốn nói nhưng Lê Đức Thọ hỏi lại thì trả lời:

- Tôi thừa nhận thực tế là có hai quân đội mà một trong hai quân đội đó là lực lượng của các ông, còn lực lượng thứ ba tôi công nhận là có nhưng không đặt ngang hàng với hai lực lượng chính kia ... Có hai rủi.

Lê Đức Thọ liền nắm ngay vấn đề này đòi lập Chính phủ hoà hợp ba thành phần. Sau đó ông Thọ phê phán khá dài nhiều điều Kissinger đã nêu ra.

Bắt đầu ông nói ngay rằng hai bên mới gặp riêng có hai buổi, mới tỏ ra thiện chí chứ chưa có kết quả gì về cơ bản hay tiến bộ đáng kể như Kissinger nói. So sánh lập trường của hai bên còn nhiều điểm khác xa nhau. Vấn đề then chốt là vấn đề chính trị thì hai bên còn xa nhau lắm.

Lê Đức Thọ nói:

- Các ông thừa nhận thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai Chính quyền, hai lực lượng vũ trang, ba lực lượng chính trị, mà lại gạt Chính phủ Cách mạng Lâm thời ra ngoài... Đề nghị của các ông là trái với chính nguyên tắc các ông đề ra hôm 19 tháng 7. Nguyên tắc các ông đề ra so với nguyên tắc của chúng tôi chỉ giống nhau về câu chữ, còn cơ bản khác nhau... Các ông muốn duy trì Chính quyền Sài Gòn còn chúng tôi muốn có một chính quyền mới.

Về vấn đề quân sự, hôm nay ông lại đưa việc thảo luận vấn đề quân miền Bắc vào diễn đàn tay ba. Rõ ràng các ông hàm ý đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam là điều trái với tinh thần, chính trị và pháp lý mà chúng tôi không thể nào chấp nhận được...

Ngoài ra còn những vấn đề như thả tù binh, ngừng bắn toàn Đông Dương, viện trợ quân sự cho Chính quyền Sài Gòn, thay thế vũ khí, trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh... còn nhiều ý kiến khác nhau.

Lê Đức Thọ cũng nêu ra ý đồ của Mỹ trong việc vạch ra hai bước đàm phán là để duy trì chế độ độc tài phát xít ở miền Nam. Trong điều kiện Chính quyền đó tồn tại với đầy đủ bộ máy kìm kẹp trong tay thì cái gọi là cơ quan độc lập để bầu cử và vấn đề tự do dân chủ mà Kissinger nêu ra không eo nghia lý gì... Ông Thọ nhấn mạnh:

- Như vậy thì làm sao bảo đảm quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam được.

Và kết luận:

- Hoa Kỳ không thể dùng đàm phán làm một việc mà lực lượng quân sự khổng lồ của Mỹ mười năm qua đã không làm được.

Kissinger tỏ vẻ thất vọng sau khi nghe Lê Đức Thọ và nói:

- Hoa Kỳ đã có những cố gắng lớn nhưng theo lời phát biểu của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ thì chúng ta chưa đồng ý được vấn đề gì cả.

Sau này ông ta thừa nhận Lê Đức Thọ đã đưa ra “nhiều đề nghị khá nghiêm túc... và chúng ta (Mỹ) còn có cơ may để ký kết một nền hoà bình trong danh dự. Nhưng Hà Nội cũng chưa đi quá xa để sau này không thể trở lại đòi hỏi cũ của họ” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1392,1379 - 1374, 1386)

Mặt khác ông ta than thở rằng kế hoạch của ông ta đã bị những đề nghị của Lê Đức Thọ làm cho trở nên lỗi thời vô hiệu. Thực tế là kế hoạch đó không bao giờ được thảo luận đến”.

Còn Tổng thống Nixon cũng cho rằng “Không có tiên bộ nào” (tất nhiên theo yêu cầu của Mỹ - Tác giả).

“Sự thất vọng do thất bại trong thương lượng mà Kissinger thực hiện có thể sẽ tai hại về chính trị... Điều mà chúng ta cần nhất là một kế hoạch cho phép chúng ta hoặc là ngừng cuộc thương lượng hoặc là làm cho nó có hứa hẹn nếu ta tiếp tục” (H. Kissinger. Ở Nhà Trắng Sđd. tr 1375, 1387)

Hôm đó hai bên hẹn gặp lại nhau vào 15 tháng 9 năm 1972. Không ai tỏ ra vội cả.

Kết quả hai tháng thăm dò.

Đánh giá ba cuộc gặp riêng tháng 7 và tháng 8, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ nhận định:

Vừa qua ta đã nhận định tình hình chung, thế ta và thế đối phương, tình hình Mỹ năm bầu cử, tình hình quốc tế, và càng thấy trên mặt trận thương lượng ta bước vào giai đoạn giải quyết khác với trước đây. Vì vậy qua ba lần gặp riêng vừa rồi ta chủ trương:

- Đưa Mỹ đi dần vào thương lượng thực sự.

- Ta đi từng bước vừa thăm dò vừa tìm hiểu ý đồ của Mỹ vừa xem họ mở con bài đến đâu thì ta cũng mở con bài đến đó. Nói chung thì ta xem họ đưa ra cái gì thì ta mới đưa ra con bài tương đương. Tuy nhiên ta cũng linh hoạt, không nhất thiết để họ đưa trước ta đưa sau, mà có lúc ta cũng chủ động đưa trước để thăm dò họ để đưa họ vào hướng của ta.

Ta giữ vững nguyên tắc, đồng thời linh hoạt về sách lược. Ta đưa ra con bài cao nhất để rồi tùy tình hình tùy phản ứng của Mỹ đưa ra các con bài khác.

Cuộc họp thứ nhất ngày 19 tháng 7 năm 1972:

Chủ trương của ta là thăm dò ý đồ của Mỹ, tỏ ra quyết tâm và thiện chí của ta đồng thời nêu rõ quan điểm tổng quát về những vấn đề có tính chiến lược. Mặt khác ta cũng chuẩn bị sẵn sàng những điểm cụ thể về nội dung giải pháp để sử dụng khi cần.

Mỹ cũng chủ yếu thăm dò ta tập trung vào tuyên bố về chính sách mà Mỹ gọi là những nhân tố cơ bản cho một giải pháp nhằm tỏ ra thiện chí muốn đi đến giải quyết vấn đề. Nhưng giải pháp cụ thể thì Mỹ vẫn giữ vững lập trường cũ cơ bản như tuyên bố của Nixon ngày 8 tháng 5 năm 1972 có sửa đổi chút ít cộng với nguyên tắc chung chung về chính trị lấy từ tám điểm của Mỹ (Mỹ gọi đó là năm điểm - tháng 7 năm 1972).

Mỹ dùng thủ đoạn đưa tin và còn đưa ra việc không bên nào đưa vấn đề gì mới ra diễn đàn công khai nhằm lừa bịp dư luận và ngăn ta không tấn công ngoại giao để tuyên truyền phục vụ cuộc vận động bầu cử của Nixon.

' Do đó ta đã phê phán Mỹ ném bom và thả mìn miền Bắc, đòi Mỹ phải chấm dứt ném bom phong toả miền Bắc, phải tôn trọng lời cam kết tháng 10 năm 1968 của Mỹ.

Ta phát biểu về chính sách chung của ta.

Giữ vững bảy điểm và hai điểm nói rõ thêm mà không đưa vấn đề gì mới về giải pháp hoặc cách thương lượng.

Cuộc họp thứ hai: ngày 1 tháng 8 năm 1972.

Trong cuộc gặp lần đầu, hai bên đã phát biểu về chính sách chung rồi, lần gặp thứ hai này hai bên đi vào nội dung của giải pháp và nêu hai bên đều giữ nhưng điểm cũ (Mỹ tám điểm, ta bảy điểm) thì sẽ là bế tắc. Vì vậy, cả hai đều chuẩn bị đi vào nội dung của giải pháp có sửa lại mềm dẻo chút ít nhưng vẫn chưa có gì thay đổi cơ bản.

Về phía ta, ta đã ghi nhận một số điểm về tuyên bố chính sách của Mỹ đồng thời phê phán giải pháp của Mỹ đưa ra là không phù hợp với lời tuyên bố về chính sách đó. Ta chủ động đưa ra giải pháp mười điểm và đề nghị về cách đàm phán, trong đó ta đưa ra con bài cao về giải pháp chính trị, về thời hạn rút quân, về bồi thường chiến tranh... đồng thời mềm dẻo về thời gian Thiệu từ chức. Ta tập trung đòi Mỹ thoả thuận về vấn đề quân sự và cả vấn đề chính trị, về việc thành lập Chính phủ hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần như ta đã nêu ra thì mới đồng ý mở ra diễn đàn nói chuyện giữa Chính phủ Cách mạng Lâm thời với Chính quyền Sài Gòn còn Thiệu. Mặt khác ta nhấn mạnh chỉ có thể có ngừng bắn sau khi ký Hiệp định toàn bộ giữa bốn bên.

Về phía Mỹ, họ cũng đưa ra mười điểm cơ bản là tuyên bố ngày 8 tháng 5 cộng với tám điểm của Mỹ đồng thời Mỹ lấy một số câu chữ của ta đưa vào làm cho nó có vẻ là mềm dẻo nhân nhượng. Mục đích chính của Mỹ là vẫn duy trì Chính quyền Sài Gòn, kéo dài quá trình chính trị ở miền Nam Việt Nam. Mặt khác Mỹ chỉ muốn giải quyết với miền Bắc về vấn đề quân sự và một số nguyên tắc về vấn đề chính trị ở miền Nam. Tuy Mỹ có nói đến tính độc lập của cơ quan bầu cử và thi hành điều 14c (về tự do dân chủ) của Hiệp định Genève, nhưng quá trình chính trị sẽ diễn ra trong khuôn khổ hiến pháp của Chính quyền Sài Gòn.

Cuộc họp thứ ba: ngày 14 tháng 8 năm 1972.

Sau cuộc họp thứ hai ta rõ ràng ở thế chủ động tấn công, buộc Mỹ đi vào thảo luận chủ yếu vấn đề chính trị. Mỹ công nhận đề nghị của ta là xây dựng. Cho nên, trong cuộc họp thứ ba này ta vẫn giữ mười điểm, vẫn giữ đề nghị cách đàm phán của ta. Trên thế chủ động tấn công, ta phê phán mười hai điểm của Mỹ, tập trung về chính trị đòi Mỹ phải thừa nhận ở miền Nam Việt Nam có hai Quân đội, hai Chính quyền, ba lực lượng chính trị, do đó phải thành lập Chính phủ hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần.

Về phía Mỹ, họ cũng đưa ra phản đề nghị gồm ba văn kiện. Mỹ tỏ ra mềm dẻo về những vấn đề chi tiết, vấn đề phụ. Mỹ làm ra vẻ như hai bên đã thoả thuận được nhiều vấn đề nhưng chúng đặt kẻ đi xâm lược và người bị xâm lược ngang nhau, coi như có sự thoả thuận giữa hai bên. Nhưng chỗ yếu, chỗ ngoan cố nhất của Mỹ chính là vấn đề chính trị miền Nam. Mỹ để điểm bốn (chính trị) bỏ trống trong đề nghị mười điểm của Mỹ và hứa sau khi đi Sài Gòn về sẽ trả lời ta cụ thể. Mặt khác lại có thủ đoạn mảnh lới trong đề nghị về cách đàm phán.

Trong cuộc gặp thứ ba này cũng như các lần trước, hai bên còn đấu tranh gay gắt về vấn đề Mỹ ném bom thả mìn ở miền Bắc. Về vấn đề Mỹ đưa tin và bình luận về gặp riêng, ta đã phê phán Mỹ về việc lợi dụng đưa tin và đập lại những lời đe dọa của Mỹ.

Tóm lại, trong ba cuộc gặp riêng đó, ta đã từng bước vững vàng chủ động tấn công, giữ nguyên tắc của ta và có sách lược mềm dẻo. Mỹ còn ngoan cố và lăm thủ đoạn mảnh lới. Hai bên đều vào trận, vừa thăm dò nhau vừa giữ miếng, bên này đưa ra điểm này thì bên kia đưa ra điểm kia, cả hai bên đều bảo vệ gay gắt những điểm mình đưa ra. Nhưng cả hai bên đều đi dần tập trung vào vấn đề chính trị.

Về ý đồ của Mỹ và khả năng phát triển tình hình, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ đều cho rằng chiều hướng chính của Nixon không phải là chỉ muốn vượt tuyến cử mà không giải quyết vấn đề. Thật ra Nixon chuẩn bị cả hai tay, vừa muốn giải quyết vấn đề Việt Nam có lợi cho ông ta để bảo đảm chắc chắn thắng cử; vừa chuẩn bị khả năng vượt tuyến cử mà không giải quyết vấn đề Việt Nam. Hai ông đề nghị với Hà Nội:

“Xuất phát từ tình hình nhận định địch - ta, và nhận định qua ba cuộc gặp riêng, chúng tôi thấy: Một mặt Mỹ muốn giải quyết vấn đề với ta nhưng trên thế mạnh với một giải pháp có lợi cho Mỹ, mặt khác Mỹ cũng đề phòng không giải quyết vấn đề với ta thì Mỹ có kế hoạch để vượt tuyến cử. Cho nên có hai khả năng:

a) Có thể giải quyết vấn đề Việt Nam, do so sánh lực lượng, do chỗ yếu mạnh giữa hai bên ta có khả năng với con bài phải chăng buộc Mỹ giải quyết.

Cũng có khả năng do Mỹ chủ quan đánh giá ta yếu, cho là có thể lừa bịp được dư luận để thắng cử được nên họ ngoan cố chưa giải quyết trước tuyến cử ở Mỹ. Như vậy giải quyết phải để sau tuyến cử.

Trong khả năng giải quyết được vấn đề trước tuyến cử ở Mỹ thì tình hình sẽ diễn biến khá phức tạp. Có thể.

* Tình hình miền Nam sẽ ở trong trạng thái hoà bình nhưng nặng nề kéo dài, cuộc đấu tranh chính trị sẽ rất gay gắt giữa hai bên.

* Nhưng cũng có khả năng sau một thời gian chiến tranh lại tái diễn.

b) Trong khả năng không giải quyết được vấn đề, có thể là Nixon không trúng cử mà Mc Govern thắng cử do đó sẽ tạo một phân điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết nhưng ta cũng không nên ảo tưởng nhiều vào Mc Govern.

Nixon trúng cử, tình hình sẽ khá phức tạp cho ta”

Về âm mưu của Mỹ trong đàm phán, hai ông nhận định:

“1- Âm mưu cơ bản của Mỹ là muốn rút khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam nhưng cố gắng duy trì Chính quyền Sài Gòn. Tuy họ thấy không thể duy trì nguyên như trước họ vẫn tìm cách duy trì nguy quyền trong ưu thế đối với các lực lượng cách mạng miền Nam.

2- Mỹ đồng ý giải quyết với ta về cả chính trị và quân sự, nhưng chia làm hai bước.

Bước một - Mỹ và miền Bắc giải quyết cụ thể vấn đề quân sự và một số nguyên tắc về chính trị - Sau đó sẽ ngừng bắn (trước tuyến cử ở Mỹ).

Bước hai - Vấn đề chính trị cụ thể sẽ do người Việt Nam bàn và giải quyết với nhau. Chính phủ Cách mạng Lâm thời nói chuyện với Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Thời gian giải quyết sẽ kéo dài sau tuyến cử ở Mỹ. Nguyễn Văn Thiệu sẽ từ chức sau khi người Việt Nam đạt được một giải pháp. Mỹ không chịu để Thiệu từ chức ngay sau khi có ngừng bắn ở bước một.

Đây là âm mưu Mỹ trong đàm phán, nếu họ thực hiện được thì họ sẽ chuẩn bị vượt tuyến cử mà không giải quyết gì. Trong trường hợp này họ sẽ công bố công khai những đề nghị hoà bình của họ, đồng thời trên chiến trường có thể ngừng ném bom miền Bắc và có những thủ đoạn để lừa bịp dư luận, đổ trách nhiệm cho ta.

Để thực hiện âm mưu của họ trong đàm phán, từ nay đến khi rõ là giải quyết được hay không giải quyết được họ sẽ tăng cường đánh mạnh ở hai miền Nam và Bắc Việt Nam và dùng nhiều thủ đoạn mãnh khoẻ chính trị tuyên truyền lợi dụng các cuộc gặp riêng để làm áp lực trong đàm phán”.

Những nhận định trên đây hừng hực hơi nóng của cuộc đấu tranh căng thẳng phức tạp với Kissinger, được Hà Nội đánh giá cao.

Ba cuộc gặp riêng này diễn ra trong bối cảnh phía Việt Nam còn khó khăn, nhưng cơ bản là thuận lợi. Cuộc tấn công Xuân - Hè 1972 của ta đã giành được những thắng lợi chiến lược to lớn làm

cho kế hoạch Việt Nam hoá chiến tranh của Nixon thất bại một bước có ý nghĩa chiến lược và tạo một cục diện mới chưa từng có cho cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta trong thế chiến lược chung rất thuận lợi của ba nước Đông Dương. Tuy vậy, lực lượng so sánh giữa ta và địch ở miền Nam còn ngang nhau và chưa áp đảo được địch.

Mỹ hy vọng rằng những hoạt động ngoại giao của Mỹ hoà hoãn với Liên Xô, Trung Quốc và việc tiến hành chiến tranh bằng không quân với quy mô lớn và phong toả bờ biển miền Bắc sẽ làm cho không thể kéo dài được cuộc tấn công với quy mô lớn ở miền Nam quá ba tháng (4-5-6) và ép ta đàm phán theo điều kiện của Mỹ. Mỹ hy vọng với sự tham chiến của không quân Mỹ, quân Ngụy có thể thực hiện từ tháng 7 kế hoạch tái chiếm những vùng bị mất (Kế hoạch đánh chiếm Quảng Trị gắn liền với cuộc gặp riêng).

Cuộc bầu cử ở Mỹ bước vào giai đoạn sôi nổi. Vấn đề chiến tranh ở Việt Nam đã trở thành vấn đề số một trong tuyên cử ở Mỹ. Tuy vậy trong tháng 7 và tháng 8 mới diễn ra cuộc đấu tranh nội bộ của mỗi đảng. Đó là thời gian Đại hội của hai đảng. Cuộc tranh cử quyết liệt nhất trong hai tháng 7 và 8 chưa thật cấp bách với Nixon.

Chính do thế mạnh chưa từng có của Việt Nam trong đàm phán, mà Nixon buộc phải giải quyết chiến tranh mới có thể thắng cử nhưng ông ta còn ảo tưởng có thể tạo sức mạnh trong đàm phán nên còn ngoan cố. Trong ba cuộc gặp riêng vừa qua cả Việt Nam và Mỹ tỏ ra thiện chí và thăm dò nhau là chủ yếu, lập trường cơ bản của hai bên là chưa thay đổi.

Mỹ mới tỏ ra mềm dẻo về hai điểm trong lập trường về giải pháp: thừa nhận trên văn bản ngừng bắn tại chỗ, cộng với ý trong phát biểu thêm: sự tồn tại của hai cơ cấu Chính quyền, hai Quân đội hai lực lượng chính trị rưỡi (lực lượng Mặt trận Dân tộc Giải phóng - lực lượng Ngụy + nửa lực lượng thứ ba).

Triển vọng có thể như thế nào?

1- Nixon cho rằng Việt Nam bị suy yếu vì chiến tranh huỷ diệt của Mỹ ở hai miền và miền Bắc bị phong toả không đánh lớn được nữa và không thể đánh đổ ngụy quyền trước bầu cử ở Mỹ, còn ảo tưởng sự cải thiện quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho Việt Nam và hạn chế khả năng đánh lớn lâu dài của Việt Nam, còn hy vọng dùng thủ đoạn lừa bịp xoa dịu được nhân dân Mỹ. Mặt khác vấn đề giữ Ngụy là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với vấn đề thực hiện học thuyết Nixon trên thế giới. Có thể Nixon nghĩ rằng Việt Nam không muốn giải quyết với ông ta mà muốn tranh thủ Mc Govern để đánh đổ ông hoặc Việt Nam tiếp tục chiến đấu để đạt mục tiêu cao hơn.

Sự phát triển của tình hình tuy thuộc chủ yếu ở miền Nam ta thắng lớn, miền Bắc đứng vững và một phần rất quan trọng là do cuộc đấu tranh bầu cử sắp tới ở Mỹ. Vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10 mới thấy chiều hướng nào là chính.

2- Trong hoàn cảnh đó, Hà Nội chủ trương:

a) Đẩy mạnh đấu tranh trên ba mặt trận, tranh thủ giải quyết vấn đề với Nixon trước ngày bầu cử ở Mỹ đồng thời tích cực đề phòng khả năng tiếp tục chiến đấu trong những năm sau 1972.

b) Trong đấu tranh công khai vẫn là bảy điểm và hai vấn đề then chốt và trong tiếp xúc riêng vẫn là mười điểm ngày 1 tháng 8 vừa qua. Lập trường nguyên tắc giải quyết vấn đề Việt Nam là:

- Mỹ chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn mọi dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tiến hành mười năm qua một cuộc chiến tranh xâm lược hao người tốn của mà phải chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam thì đó là một thất bại to lớn của Mỹ, một thắng lợi rất to lớn của ta và của nhân dân thế giới...

- Giữ vững lực lượng chính trị và quân sự, giữ vững địa bàn của ta ở miền Nam Việt Nam là tạo điều kiện phát triển lực lượng của ta, làm suy yếu lực lượng chính trị và quân sự của Ngụy, lập được một Chính quyền ở miền Nam Việt Nam gồm ba thành phần và đảm bảo có quyền tự do dân chủ của

nhân dân. Đó là yếu tố bên trong quyết định sự phát triển của cách mạng miền Nam.

- Mỹ bồi thường chiến tranh để xây dựng lại miền Bắc có ý nghĩa rất to lớn.

c) Phát huy tác động chủ quan của ta để vừa kéo vừa ép Nixon đi vào giải quyết với ta. Đồng thời ta cần ngăn chặn Nixon vượt tuyến cử để làm tăng khả năng giải quyết trước bầu cử. Nếu Nixon còn ảo tưởng vượt được tuyến cử mà không giải quyết thì khả năng giải quyết trước tuyến cử càng ít, ta cần tập trung đấu tranh làm cho Nixon khó khăn thêm, thậm chí thất bại trong tuyến cử.

d) Trong cuộc đấu tranh, ta dựa vào sức mạnh của mình là chính nhưng ta rất coi trọng lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ Mỹ. Đó là vấn đề có ý nghĩa chiến lược. Mâu thuẫn trong tập đoàn thống trị Mỹ biểu lộ gay gắt nhất trong bầu cử là vấn đề Việt Nam. Ta đàm phán giải quyết với Nixon nhưng đến khi thấy không có khả năng giải quyết với Nixon thì phải ủng hộ phe đối lập trong việc làm cho Nixon thất bại. Tuy vậy cần làm cho nhân dân ta không có ảo tưởng vào tuyến cử ở Mỹ.

e) Trong giai đoạn đấu tranh quyết liệt và có ý nghĩa quyết định này cần tích cực tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới đoàn kết, giúp đỡ Việt Nam.

Kissinger: Chấm dứt trước 15 tháng 10

Cuối tháng 8 và đầu tháng 9 năm đó, để làm tăng khả năng giải quyết với Nixon trước tuyến cử ở Mỹ, Hà Nội một mặt chuẩn bị phương án mềm dẻo trong cuộc gặp tới, mặt khác đẩy mạnh công tác đấu tranh trên dư luận. Báo chí ở miền Bắc - và Đài Hà Nội cùng Đài phát thanh Giải phóng liên tục phê phán thái độ ngoan cố của Nixon kéo dài chiến tranh không muốn giải quyết bằng thương lượng. Tất nhiên đây còn nhằm chống lại âm mưu của ông ta vượt tuyến cử mà không giải quyết.

Ngày 11 tháng 9, Chính phủ Cách mạng Lâm thời ra tuyên bố tố cáo Mỹ tiếp tục đẩy mạnh "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và đánh phá dã man miền Bắc, tố cáo Chính quyền Thiệu hiệp chiến, đồng thời khẳng định ở miền Nam có hai Chính quyền, hai Quân đội, ba lực lượng chính trị, và đòi lập một Chính phủ hoà hợp dân tộc ba thành phần.

Cùng ngày, Lê Đức Thọ sau một thời gian về Hà Nội cũng đã đến Paris và lên án Mỹ tiếp tục chiến tranh xâm lược Việt Nam và tỏ thiện chí của ta.

Trong thời gian này Hà Nội cũng tiếp đặc phái viên của ứng cử viên Tổng thống Mc Govern, và nhân dịp Quốc khánh mừng 2 tháng 9, ta thả ba tù binh cho phong trào chống chiến tranh ở Mỹ. Dư luận lại tăng sức ép đối với Nixon.

Ngày 29 tháng 8, Nhà Trắng lại tuyên bố rút thêm 12.000 quân nữa khỏi miền Nam. Như vậy, đến cuối năm đó quân Mỹ chỉ còn lại 27.000 người. Nixon đã được Đại hội Đảng Cộng hoà đưa ra ứng cử một nhiệm kỳ nữa và dư luận Mỹ tỏ ra thuận lợi với ông ta.

Kissinger đã tính toán đến nhiều khả năng: hoặc là đạt được một giải pháp trước bầu cử, hoặc là kết thúc chiến tranh bằng một bước leo thang sau bầu cử, hoặc là để cho xung đột tiếp tục với hy vọng cuối cùng Hà Nội phải nhượng bộ và đưa ra điều kiện tốt hơn. Kissinger ủng hộ phương án một - còn Nhà Trắng muốn leo thang. Kissinger thấy rằng đến tháng 1, khi Quốc hội Mỹ họp lại chắc chắn sẽ có một loạt nghị quyết đòi chấm dứt cam kết của Mỹ với những điều kiện không thuận lợi như những điều kiện Mỹ có thể đạt được ở Paris và nếu Mỹ không lợi dụng cơ hội trước ngày bầu cử ở Mỹ thì Hà Nội sẽ nhanh chóng nhận ra tình thế bấp bênh của Chính quyền Nixon. Và bất kỳ chính sách của Mỹ như thế nào sau ngày 7 tháng 11 (kiên nhẫn hoặc leo thang) thì Hà Nội vẫn có đủ thời gian, còn Chính quyền Washington thì lại vẫn rơi vào sức ép của Quốc hội (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sđd, tr. 1385, 1380.).

Ngày 31 tháng 8, sau chuyến đi Sài Gòn, Kissinger và Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn Bunker gặp Nixon ở Honolulu để vạch đường lối thương lượng với ta ở Paris. Tất nhiên, họ phải tính đến nhiều tình huống, kể cả việc cắt đứt thương lượng, nhưng "không đưa ra được một chiến lược nào khả dĩ làm

đảo lộn một cách căn bản tương quan lực lượng ở Đông Dương nếu thương lượng thất bại" (H.Kissinger .Sdd, tr. 1385, 1380)

Mỹ cùng tìm sự ủng hộ của Trung Quốc và Liên Xô. Ngoài cuộc gặp gỡ với đại diện hai nước đó ở Washington, ngày 8 tháng 9, Kissinger lại qua Matxcova trước khi gặp Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ ở Paris

Lúc này, quân Ngụy Sài Gòn mới lấy lại được Quảng Trị.

Bước vào cuộc gặp riêng lần thứ 17, ngày 15 tháng 9 năm 1972, Cố vấn Nhà Trắng cảm thấy vị trí của ông ta được củng cố thêm.

Washington rất lo ngại nếu Hà Nội tiết lộ việc thương lượng, nhưng khi gặp ta, Kissinger lại đặt ngay vấn đề đưa tin về cuộc gặp này. Ông ta nói không thể giữ bí mật được vì lần này ông ta đi công khai và sẽ gặp Tổng thống Pompidou của Pháp. Nhưng phản ứng gay gắt nhất là đối với tuyên bố 11 tháng 9 của chính phủ Cách mạng Lâm thời và việc thả ba phi công Mỹ cho phong trào chống chiến tranh ở Mỹ. Tất nhiên ông ta không thể làm gì được.

Để tỏ ra chủ động, ông ta xin nói trước. Sau những lời lẽ về thiện chí và nghiêm chỉnh của Mỹ, ông đưa ra đề nghị mới gồm mười điểm.

Kissinger cố nói về tính mềm dẻo của những điểm mà ông gọi là mới trong đề nghị của Mỹ và kết luận:

"Hoa Kỳ đã có một nỗ lực tối đa, để chú ý tới mọi điều quan tâm của các ngài, rằng những điểm này không phải là một đề nghị "nhận thì nhận không nhận thì thôi" hoặc là một tối hậu thư... rằng Hoa Kỳ sẵn sàng có nhân nhượng trong khuôn khổ kế hoạch đó, rằng Hoa Kỳ không đánh lừa các ngài... và không còn nhiều thì giờ nữa".

Cuối cùng ông ngỏ ý muốn đi Hà Nội nếu đạt được tiến bộ đáng kể ở đây, coi như là một thiện chí của Mỹ.

Trả lời câu hỏi của Lê Đức Thọ về Ủy ban hoà giải dân tộc, Kissinger nói thêm là Ủy ban đó được tổ chức ở tỉnh hoặc ít nhất là ở quân khu, không thể chỉ ở Sài Gòn... Khi có ngừng bắn thì Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn kiểm soát thực tế trên một số địa phương nhưng Ủy ban hoà giải dân tộc sẽ làm nhiệm vụ trên toàn miền Nam.

Sau này Kissinger thừa nhận "kế hoạch đó chỉ sửa đổi đôi chút về Ủy ban bầu cử" và Ủy ban hoà giải dân tộc nhưng thực ra so với đề nghị ngày 1 tháng 8 của Mỹ thì kế hoạch mới này là một bước lùi. Không những Mỹ không tôn trọng quyền thống nhất của Việt Nam mà còn nhấn mạnh Nam Việt Nam là một Quốc gia riêng biệt, giữ hiến pháp miền Nam (có hứa hẹn sửa đổi), kéo dài thời gian lập quan hệ giữa hai miền và hạn chế quan hệ đó trong "nhiều mặt" chứ không phải "mọi mặt" như đề nghị cũ.

Vấn đề chính trị nội bộ miền Nam, quan điểm của Mỹ lại càng xấu: phủ nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời, kể cả với tư cách là một Chính quyền địa phương mà chỉ coi Mặt trận Dân tộc Giải phóng là một lực lượng trong khuôn khổ hiến pháp Ngụy. Mặt khác đề nghị mới lại nhấn mạnh đến tính hợp pháp hợp hiến của chế độ Sài Gòn, giữ chế độ đó đến sau bầu cử.

Kissinger cũng phủ nhận nguyên tắc "bình đẳng" trong việc giải quyết các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam mà chỉ nói "công bằng". Ông ta công bố việc ngừng bắn tại chỗ thay bằng "ngừng bắn chung" đi đôi với việc đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam.

Mỹ còn gán vấn đề viện trợ Mỹ cho Sài Gòn với việc viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa cho miền Bắc. Và khi giải thích thêm lại đòi miền Bắc không được viện trợ cho miền Nam để buộc ta chặt hơn. Mỹ không chịu rút hết nhân viên quân sự trong các ngành không phải quân sự như trong chương trình bình định và các Cố vấn quân sự kỹ thuật. Mỹ có một vạn Cố vấn loại này lúc đó ở miền Nam.

Mỹ vẫn găng giải pháp về Việt Nam với các vấn đề quân sự ở Đông Dương, đòi quân miền Bắc rút khỏi Lào và Campuchia mà không nói gì đến lực lượng Mỹ và Thái Lan.

Tóm lại, Mỹ chưa muốn chấm dứt hẳn dính líu quân sự ở Nam Việt Nam. Họ còn đòi giám sát và kiểm soát quốc tế đối với ngừng bắn ở Đông Dương, định đưa các nước bên tham chiến và việc giám sát ngừng bắn.

Lê Đức Thọ tỏ ra không quan tâm lắm đến mười điểm mới của Kissinger, chỉ tỏ ra đồng tình rằng thời gian đã chín muồi để đi đến một giải pháp và phải nhanh chóng đi đến giải quyết vấn đề Việt Nam.

Ông Thọ liền trình bày quan điểm của Việt Nam về ba loại vấn đề:

- Tuyên bố về chính sách của Việt Nam.
- Nội dung giải pháp.
- Cách thương lượng.

Trước khi vào tuyên bố về chính sách của ta, Lê Đức Thọ nói:

“Muốn đặt vấn đề một cách đúng đắn thì phải xuất phát từ nguyên nhân của cuộc chiến tranh chính nghĩa và nhân dân Việt Nam là nạn nhân của sự xâm lược”.

Lê Đức Thọ phê phán nguyên nhân mà văn kiện Mỹ đã nêu ra là không phù hợp với thực tế khách quan và hoàn cảnh lịch sử đó và không thể là nguyên tắc chung cho cả hai bên được. Ông cũng chất vấn Kissinger tại sao trong văn bản ngày 14 tháng 8. Mỹ lại bỏ đi hai nguyên tắc quan trọng. Có phải Mỹ vẫn muốn có một Chính phủ thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam không? Mỹ còn muốn dính líu ở miền Nam và có dịp quay trở lại Việt Nam không? Mỹ còn muốn có các căn cứ quân sự của Mỹ ở khu vực này để làm bàn đạp tấn công lại Việt Nam không?

Không đợi Kissinger trả lời Lê Đức Thọ nêu lên sáu điểm trong chính sách của ta - gồm mục tiêu chiến đấu của nhân dân ta, thái độ đối với Lào và Campuchia và việc giải quyết liên quan đến ba nước - mong muốn của ta có một khu vực Đông Nam Á hoà bình, độc lập, trung lập và hợp tác - chính sách ngoại giao theo năm nguyên tắc chung sống hoà bình của ta cùng độc lập tự chủ trong đường lối của Việt Nam và quyết tâm tôn trọng các Hiệp định sẽ được ký kết.

Tiếp đó Lê Đức Thọ phê phán mạnh mẽ những điểm tiêu cực trong đề nghị của Mỹ, kết hợp với việc trình bày kế hoạch mới của ta. Ông nói:

“Lần trước chúng tôi đã đề nghị thành lập Chính phủ hoà hợp dân tộc lâm thời ba thành phần đưa đến xoá bỏ Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn ngay sau khi Chính phủ hoà hợp dân tộc nhậm chức. Lần này chúng tôi đề nghị thành lập Chính phủ hoà hợp dân tộc ở bên trên mà Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn vẫn tồn tại.

Hai là... do chủ trương còn để tồn tại Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn nên quyền hạn của Chính phủ hoà hợp dân tộc lâm thời về đối nội có sự hạn chế nhất định. Đồng thời Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn sẽ tạm thời đảm đương việc quản lý các vùng mình kiểm soát và đương nhiên phải thi hành các quyết định của Chính phủ hoà hợp dân tộc lâm thời...”

Kissinger tỏ ra vui mừng thấy phía ta từ bỏ yêu sách lật đổ Chính quyền Sài Gòn mà ta kiên trì từ nhiều năm nay.

Sang thời hạn rút quân Mỹ, ông Thọ đưa ra thời hạn sau bốn mươi lăm ngày sau khi ký Hiệp định toàn bộ - Kissinger ghi vội vào tập giấy để trước mặt ông ta. Rõ ràng vấn đề này đã gần được giải quyết.

Về vấn đề bồi thường chiến tranh, Lê Đức Thọ đồng ý không dùng "bồi thường chiến tranh", miễn là thực chất Chính phủ Mỹ gánh vác trách nhiệm của mình và đóng góp 9 tỷ đô la (mỗi miền 4,5 tỷ) vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh.

Lê Đức Thọ còn giải thích thành phần lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam gồm hàng chục vạn con em miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 cùng những con em miền Bắc tình nguyện vào miền Nam chiến đấu tổ chức thành những đơn vị quân đội trở vào miền Nam, và tất cả đặt dưới quyền chỉ huy của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Do đó việc giải quyết vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam sẽ do Chính phủ cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn cùng nhau bàn bạc giải quyết.

Lê Đức Thọ cũng đưa ra thành phần Ủy ban Quốc tế gồm năm thành viên: Ngoài ba nước hiện có Ấn Độ - Ba Lan - Canada, mỗi bên giới thiệu thêm một nước và được bên kia thoả thuận. Về việc này Kissinger không chấp nhận Ấn Độ là một nước trung lập, không đồng ý đưa Ấn Độ vào Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế (đầu năm 1972, Ấn Độ đã nâng quan hệ với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lên hàng đại sứ và duy trì quan hệ với Sài Gòn - Tác giả). Lê Đức Thọ đề nghị đưa Cu Ba vào Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế nhưng Kissinger bác bỏ. Phía Việt Nam còn đưa ra thành phần cụ thể về Hội nghị bảo đảm quốc tế.

Về cách đàm phán, ông Thọ nhắc lại hai bên Hoa Kỳ - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải giải quyết toàn bộ mới mở ra các diễn đàn khác.

Đề cập đến việc Kissinger vào Hà Nội, Lê Đức Thọ nói:

“Chúng tôi cho rằng nếu chúng ta đạt được kết quả về cơ bản về các vấn đề thì lúc đó chúng ta sẽ thảo luận”.

Trong lúc trao đổi, Kissinger vui mừng và hỏi thêm nhiều điểm. Trả lời Kissinger xong, Lê Đức Thọ nhận xét:

- Ông Cố vấn nói tình hình đã chín muồi muốn nhanh chóng giải quyết vấn đề nhưng thời gian ông đề ra lại kéo dài và theo chúng tôi thì ông muốn kéo dài đàm phán để vượt tuyến cử. Có phải thế không?

Kissinger vội thanh minh rằng việc thương thuyết không có lợi ích gì đối với tuyến cử ở Mỹ vì đa số nhân dân Mỹ đã ủng hộ Nixon, rồi nhắc lại Mỹ muốn nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, và đề nghị gặp lại sau mười ngày.

Lê Đức Thọ lắc đầu nói:

- Các ông chưa thật sự muốn đi vào giải quyết sớm.

Chậm lại một chút, ông Thọ nói tiếp:

- Nếu các ông giải quyết sớm thì chúng tôi cũng sẵn sàng giải quyết sớm. Nếu các ông kéo dài và tiếp tục đánh mạnh hơn thì chúng tôi cũng phải có cách đối phó. Đó là lẽ đương nhiên. Trách nhiệm thuộc về các ông.

Kissinger một lần nữa nhắc lại Mỹ muốn chấm dứt chiến tranh càng sớm càng tốt và nêu ra hai khó khăn là hai bên chưa thoả thuận về nguyên tắc và chưa đề ra được một lịch công tác. Ông ta nói:

- Nếu đồng ý đề ra lịch làm việc thì tôi cho rằng hai bên có thể giải quyết được trước 15 tháng 10, nếu sớm hơn được càng tốt.

Một lát sau, ông ta nói thêm:

- Chúng ta có thể bàn tất cả các vấn đề ở đây và các diễn đàn khác xong vào cuối tháng 11 năm 1972.

Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ hình như không đề ý đến đoạn hai trong câu nói của Kissinger. Hai ông vui lòng nhận ngay thời điểm 15 tháng 10 của Kissinger vì đã lấy làm mừng thầm vì đã khéo léo kích đối phương nói ra điều mà mình mong muốn. Kissinger cũng vui:

- Có lẽ chúng ta đã đạt được thoả thuận đầu tiên trong cuộc gặp này là chúng ta sẽ cố gắng giải quyết chiến tranh trước 15 tháng 10.

Với tinh thần đó, hai bên hẹn gặp lại nhau trong hai ngày liền 26 và 27 tháng 9 năm 1972. Sau

này Kissinger viết:

“Bất thành linh Lê Đức Thọ nêu ra một câu hỏi: ông có sẵn sàng đạt được một Hiệp định về nguyên tắc đến một thời hạn nào không? Và tôi thấy rằng không có điều bất lợi gì để ấn định một thời hạn cuối cùng trong lúc mà chúng ta chưa đưa thêm nhân nhượng gì. Và chúng tôi đã thuận 15 tháng 10” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1389, 1392.)

Nhưng có lúc Kissinger lại nói đó là Lê Đức Thọ đưa ra là không đúng.

Hà Nội tăng sức ép - Washington trì hoãn.

Sau cuộc họp này, đoàn ta ở Paris báo cáo về rằng vẫn có hai khả năng: Mỹ vẫn giữ lập trường cũ và ý đồ của Mỹ rất có thể chỉ là thoả thuận với ta ở diễn đàn 1 trước bầu cử để Nixon vượt tuyến cử, nhưng mặt khác cũng thấy có khả năng Nixon muốn giải quyết trước bầu cử để bảo đảm chắc thắng, nhưng lại tỏ ra không vội, sợ tỏ ra yếu bị ta ép. Và đoàn đề nghị trong phiên họp tới tranh thủ khả năng giải quyết vào thời điểm 15 tháng 10.

Ngày 21 tháng 9, Hà Nội điện cho Paris đồng ý với nhận xét và nhận định trên đây của đoàn khẳng định một lần nữa là “cần thực hiện phương hướng nỗ lực đã được quyết định, tranh thủ giải quyết trước bầu cử ở Mỹ. Thời điểm 15 tháng 10 là phù hợp với những điều đã bàn. Đồng ý đưa phương án ba trong cuộc gặp tới như hai ông đề nghị”.

Cơ quan tham mưu của Hà Nội - lúc đó gọi là CP. 50 - cũng đã đề ra ý kiến cụ thể giải quyết những vấn đề bất đồng giữa hai bên như vấn đề viện trợ quân sự, thay thế vũ khí, tuyến cử hiến pháp và bồi thường chiến tranh. Thí dụ như:

1- Ta giữ các nguyên tắc là Mỹ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, chấm dứt dính líu và can thiệp, rút hết, rút toàn bộ quân Mỹ mà không trở lại, chấm dứt viện trợ cho Ngụy quyền Sài Gòn, không được gán vấn đề viện trợ quân sự của Mỹ cho Sài Gòn với việc viện trợ quân sự của các nước Xã hội chủ nghĩa cho Hà Nội.

Nhưng ta linh hoạt về các vấn đề thời gian rút quân Mỹ đi đôi với trao trả tù binh, hai bên miền Nam không nhận thêm vũ khí, cả hai bên có thể được thay đổi vũ khí, việc nhận viện trợ quân sự sau này sẽ do thẩm quyền của Chính phủ chính thức.

2- Về vấn đề chính trị nội bộ miền Nam, ta giữ nguyên tắc là Mỹ phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, chấp nhận hai Chính quyền, hai Quân đội, ba lực lượng chính trị và chấp nhận “một hình thức Chính quyền”, hoặc hình thức “tổ chức hoà hợp dân tộc” ở bên trên với chức năng tối thiểu là bảo đảm hoà bình, thi hành và đôn đốc thi hành các Hiệp định được ký kết, thực hiện hoà hợp dân tộc, tự do dân chủ và tổ chức tổng tuyển cử còn sẽ linh hoạt về sự tồn tại của hai Chính quyền, về thời gian Thiệu từ chức và thời gian tổng tuyển cử.

3- Về lực lượng vũ trang, ta giữ nguyên tắc không rút quân miền Bắc khỏi miền Nam, nhưng sẽ linh hoạt về giảm quân số và phục viên. Cả đến tên gọi ta cũng có thể thoả thuận với đối phương như phía Mỹ có thể gọi Chính quyền Sài Gòn là Việt Nam Cộng hoà, gọi Chính phủ Cách mạng Lâm thời là Mặt trận Dân tộc Giải phóng hoặc nhà đương cục Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Ta có thể ghi là đương cục Sài Gòn, Mỹ có thể ghi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hay đương cục Hà Nội...

Về cách đàm phán, Hà Nội cũng thấy rằng:

“Vì thời gian không còn nhiều và cần cảnh giác đề phòng việc Mỹ - Ngụy kéo dài đàm phán cho nên ta và Mỹ phải thoả thuận về một cách đàm phán thích hợp. Với sự thoả thuận của đồng minh của mình, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ thoả thuận xong tất cả các văn kiện cần ký kết và bốn bên sẽ ký kết văn kiện. Các diễn đàn khác chỉ mở ra sau khi ký các văn kiện”.

Đợt gặp hai ngày bắt đầu từ 26 tháng 9 không diễn ra tại địa điểm cũ nữa vì đã bị lộ, mà ở nhà

108 phố Général Leclerc thuộc Thị trấn Gif - sur - Yvette, ngoại ô phía Tây Paris. Đây là một biệt thự hai tầng của họa sĩ Fernand Léger - Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp - đã hiến cho Đảng sau khi ông mất. Nhà có vườn rộng, tường cao kín đáo. Chính nơi đây đã diễn ra cuộc gặp riêng trong hai tháng giữa ta và Mỹ.

Theo đề nghị của Kissinger, Lê Đức Thọ phát biểu trước. Cố vấn Nhà Trắng hy vọng được nghe ngay về nội dung các vấn đề trong giải pháp, nhưng ông Thọ lại chất vấn ngay về thời điểm mà Kissinger nêu ra hôm trước. Ông nhắc lại câu nói mập mờ nước đôi của Kissinger hôm 15 tháng 9 và nói:

“Tôi muốn hỏi ông Cố vấn một cách thẳng thắn và nghiêm chỉnh rằng Mỹ muốn kéo dài đàm phán đến sau bầu cử mới giải quyết hay muốn giải quyết chiến tranh ký kết Hiệp định toàn bộ trước 15 tháng 10? Các ông chọn hướng nào chúng tôi cũng sẵn sàng... Nếu các ông chọn hướng thứ hai thì thời gian không còn bao lâu nữa”.

Kissinger nhắc lại ý muốn giải quyết chiến tranh sớm, rằng ông sẵn sàng trở lại Paris và ở đây ba, bốn ngày liền nếu cần, nhưng nêu lên trở ngại cho Chính quyền Sài Gòn không tán thành một số đề nghị mà Mỹ đưa ra và ta còn đưa ra nhiều yêu sách.

Lê Đức Thọ yêu cầu ông ta nói rõ hơn thì Kissinger khẳng định lại là “chúng tôi muốn giải quyết trong tinh thần đó” và nói ông ta có thể đến Paris ngày 5 tháng 10 và ở lại ba, bốn ngày làm xong việc vào 7 tháng 10, sau đó mở ra các diễn đàn khác có thể ký kết trước ngày 1 tháng 11 năm 1972.

Lê Đức Thọ ghi nhận lịch công tác đó - nhưng sau khi xem lại, ông Cố vấn Nhà Trắng đề nghị lui lại đến mùng 6 tháng 10 (rồi đến 8 tháng 10 theo đề nghị của Mỹ ngày 3 tháng 10 năm 1972).

Sang vấn đề Kissinger đi Hà Nội, mà ông ta đã đề ra hôm 15 tháng 9, chứ không phải do sáng kiến của ta như Kissinger viết trong Hồi ký của ông ta (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1392.). Ta thấy rõ vấn đề này, ngoài mục đích phục vụ tuyển cử còn nhằm đề cao vai trò cá nhân ông ta trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam. Kissinger nói việc ông ta đi Hà Nội là thiết thực để góp phần vào việc giải quyết vấn đề và cần đi sớm, nhưng Lê Đức Thọ nói việc đi thăm đó chỉ có thể tiến hành sau khi đạt được thoả thuận toàn bộ và nêu ra một điều kiện: Mỹ phải chấm dứt ném bom cũng như thả mìn các cảng miền Bắc. Hôm đó việc này chưa giải quyết được và lại để đến cuộc họp sau.

Suốt buổi sáng ngày 26 tháng 9 đã mất về vấn đề thủ tục. Để tăng sức ép và đẩy nhanh đàm phán, buổi chiều ông Thọ đưa ra một kế hoạch mới với những điểm mới chủ yếu như sau:

Lập Chính phủ hoà hợp dân tộc lâm thời ba thành phần ngang nhau gồm mười hai uỷ viên làm việc theo nguyên tắc nhất trí, với quyền lực đối nội hạn chế. Lê Đức Thọ nói:

“Chúng tôi rất thực tế - chúng tôi thừa nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn tạm thời tồn tại và quản lý vùng mình kiểm soát trong thời gian từ khi ký Hiệp định toàn bộ đến khi thành lập Chính phủ chính thức ở miền Nam Việt Nam. Vì vậy chúng tôi đề nghị có một sự hạn chế nhất định về quyền lực đối nội của Chính phủ hoà hợp dân tộc lâm thời. Quyền lực đó chỉ trong phạm vi thi hành các điều khoản quân sự và chính trị của Hiệp định được ký kết”.

Tất nhiên phía Việt Nam vẫn giữ yêu cầu có bầu cử Quốc hội lập hiến - và phê phán Uỷ ban hoà giải dân tộc do Mỹ đưa ra là không có thực quyền và do đó không có hiệu lực đối với hai Chính quyền song song tồn tại.

Phía Việt Nam cũng đề nghị Uỷ ban kiểm soát và giám sát quốc tế gồm bốn nước và thành phần Hội nghị quốc tế bảo đảm.

Về vấn đề Đông Dương - trong văn bản trao cho Mỹ không có gì thay đổi.

Nhưng khi trao đổi thêm, Lê Đức Thọ đưa ra một đề nghị mà Kissinger tỏ ra rất vui mừng:

- Việc giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết vấn đề Lào và Campuchia ... Khi chúng tôi đã giải quyết xong vấn đề Việt Nam thì không có lý do gì mà

chúng tôi muốn chiến tranh ở Lào và Campuchia cứ tiếp tục...

Về vấn đề tù binh, chúng tôi đã nói với các ông rằng ở Campuchia không có tù binh Mỹ bị bắt, ở Lào thì có rất ít. Nhưng nếu các ông giải quyết được vấn đề chính trị và bồi thường thì chúng tôi có sự hiểu biết với các ông. Chúng tôi sẽ thảo luận với các bạn của chúng tôi.

Còn các vấn đề khác mà các ông nêu ra về vấn đề Đông Dương thì không giải quyết được - Nhưng xem như một sự hiểu biết giữa chúng ta, chúng tôi có thể nói với các ông như sau:

- Tất cả các lực lượng vũ trang nước ngoài ở Lào và Campuchia sẽ chấm dứt các hoạt động quân sự và sẽ rút khỏi Lào và Campuchia không được đưa quân đội và vũ khí trở lại Lào và Campuchia. Chúng tôi có thể tuyên bố như vậy, còn viết vào văn kiện thì chúng tôi không thể viết được vì vấn đề này liên quan đến thẩm quyền của Lào và Campuchia, không thuộc phạm vi Hội nghị này giải quyết.

Rất nhạy cảm, Kissinger hỏi lại ngay:

- Các ông có cho Bắc Việt Nam là nước ngoài không?

Lê Đức Thọ:

- Đối với Lào và Campuchia thì bất cứ quân đội nước nào khác ngoài Lào và Campuchia đều phải rút. Nhất định như vậy.

Lê Đức Thọ nhắc lại đó là đề nghị cuối cùng của phía Việt Nam thì Kissinger nói:

- Tôi chắc ông Cố vấn đặc biệt còn văn kiện nữa muốn đưa ra?

Ông ta cười và nói thêm:

- Tôi muốn biết ông Cố vấn còn xe tăng ở An Lộc không?

Lê Đức Thọ:

- Còn đạn và còn xe tăng. Nhưng đạn và xe tăng trong đàm phán thì đến mức độ nhất định nào đó không thể hơn được nữa.

Hôm ấy phía Mỹ cũng còn một đề nghị mới để đưa cho ta nhưng sau khi nghe Lê Đức Thọ, Kissinger xin rút lại để về sửa chữa - hứa hôm sau sẽ đưa. Nhưng khi thấy rõ có thể giải quyết được vấn đề Lào và Campuchia, ông ta lại trao văn kiện đó cho ta. Ông ta cũng nói sẽ cử tướng Haig, phó của ông ta, đi Sài Gòn.

Cuộc họp hôm sau, 27 tháng 9 năm 1972, Kissinger đưa ra đề nghị mới - đề nghị thứ năm trong năm phiên họp từ tháng 7, vẫn lập trường cũ: phủ nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời, duy trì chế độ Ngụy, bầu cử Tổng thống, nhưng có hứa sẽ xét duyệt lại hiến pháp của Sài Gòn. .

Đúng như ông ta đã nói sau này đề nghị gọi là mới này chỉ có những chỉnh lý nhỏ" trong đề nghị cũ của Mỹ (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd. tr, 1482.).

Điều đáng chú ý là ngoài đề nghị trên, hôm đó Kissinger còn trao cho ta bốn văn kiện khác:

1- Về rút quân và thả tù binh.

2- Về Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế gồm năm nước.

3- Về ngừng bắn chung toàn Đông Dương.

4- Về bảo đảm quốc tế.

Thực chất những vấn đề này là những Nghị định thư kèm theo Hiệp định sẽ ký kết.

Khi kết thúc việc trình bày đề nghị mới, Kissinger nói rằng đề nghị mới của Mỹ "đã đáp ứng mọi quan tâm của Việt Nam".

Lê Đức Thọ đã phê phán một cách gay gắt các quan điểm sai trái của Mỹ, và đòi hỏi Mỹ phải ghi rõ việc tôn trọng quyền thống nhất của Việt Nam, quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam, đặt biệt quyền tự do tổ chức, hoạt động chính trị...

Lê Đức Thọ cũng bác bỏ việc Kissinger đặt vấn đề quân miền Bắc rút khỏi miền Nam.

Lê Đức Thọ nhấn mạnh:

- Chúng tôi không thể đi quá xa ranh giới mà chúng tôi đã đề ra. Chúng tôi không thể nhân nhượng về nguyên tắc được... Nếu chúng ta cứ đàm phán theo cách này và kéo dài nữa thì chắc cuộc đàm phán không giải quyết được vấn đề gì. Chúng tôi muốn hoà bình độc lập thật sự nhưng không phải bất cứ giá nào... Phải có đi có lại mới giải quyết được. Chúng tôi đã mở ra con đường để giải quyết điều đó rõ ràng lắm... Các ông cũng có nhích lên nhưng nhích lên rất chậm. Nếu không giải quyết được thì các ông sẽ thấy chúng tôi quyết tâm lắm

Nhìn lại ba tháng trong giai đoạn chuyển tiếp, rõ ràng cuộc đàm phán đã đi vào giai đoạn thực chất và quyết định. Hai bên đã thăm dò nhau về những vấn đề cụ thể trong giải pháp.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng chiến lược của Bộ Chính trị, phía ta đã đưa ra ba đề nghị (1 tháng 8, 15 tháng 9 và 26 tháng 9), phía Mỹ đưa ra năm đề nghị trong năm phiên họp. Những đề nghị của hai bên đi hẳn vào các vấn đề của giải pháp một cách thận trọng, chặt chẽ, từ các vấn đề quân sự đến các vấn đề chính trị, đến giám sát và kiểm soát quốc tế.

Ta đưa ra phương án từ cao đến thấp. Còn phía Mỹ lần nào cũng có đề nghị mới có nhân nhượng nhưng nhỏ giọt.

Tuy nhiên về giải pháp hai bên đã gần nhau nhiều hơn, nhất là về vấn đề quân sự: Rút hết quân Mỹ và căn cứ quân sự, ngừng bắn, chấm dứt ném bom và gỡ mìn ở miền Bắc, chấm dứt dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam, rút quân các nước thứ ba ở Lào và Campuchia. Đó là mặt chủ yếu.

Về chính trị, Mỹ nhận thực hiện tự do dân chủ và có một số điều trong chức năng của Uỷ ban hoà giải dân tộc gần với quan điểm của ta trong chức năng của Chính phủ hoà giải dân tộc.

Nhưng những vấn đề bất đồng còn nhiều, có những vấn đề rất xa nhau: thời hạn rút quân Mỹ, vấn đề rút nhân viên quân sự trong các ngành kỹ thuật và không phải quân sự, viện trợ quân sự cho Chính quyền Sài Gòn và cho miền Bắc. Vấn đề rút quân miền Bắc, Kissinger chưa từ bỏ hẳn.

Trong vấn đề chính trị còn vấn đề Chính phủ hay Uỷ ban hoà giải dân tộc bầu cử Tổng thống hay Quốc hội... vai trò của Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Ý đồ cơ bản của Mỹ là giữ được Ngụy quyền Sài Gòn, chưa chịu chấm dứt hoàn toàn dính líu quân sự ở Nam Việt Nam, không nhận trách nhiệm hàn gắn vết thương chiến tranh. Ta đã có nhân nhượng lớn nhưng phía Mỹ đã dùng nhiều thủ đoạn để kéo dài: nhân nhượng nhỏ giọt về các vấn đề chi tiết, rút ngắn dần thời hạn rút quân, thêm vài chức năng không quan trọng lắm cho Uỷ ban hoà giải dân tộc, hứa hẹn sau bầu cử Tổng thống sẽ bầu cử Quốc hội. Họ dùng cả thủ đoạn vật như đưa ra ngừng bắn tại chỗ rồi lại rút lại thay đổi cách viết, hứa trả lời sau, để trống một vài chỗ, dùng những con bài phụ đánh lừa ta như Kissinger vào Hà Nội ...

Hà Nội nhận định:

“Cuộc gặp riêng vừa qua làm rõ thêm thủ đoạn của Mỹ từ cuộc gặp 19 tháng 7 năm 1972 đến nay là mỗi lần gặp Mỹ chỉ nhân nhượng từng tí một, đồng thời lại nêu lên những vấn đề mới để kéo dài đàm phán. Rõ ràng ý đồ của Mỹ là chưa muốn ký kết Hiệp định để chấm dứt chiến tranh trước bầu cử ở Mỹ mà chỉ muốn dùng đàm phán, muốn ta thoả thuận cơ bản với Mỹ, cho Kissinger vào Hà Nội, để vượt qua tuyến cử”.

Ngày 1 tháng 10, Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thông báo cho đoàn ta ở Paris:

“Chiều 30 tháng 9 các anh ở nhà đã bắt đầu thảo luận về cuộc gặp riêng 26, 27 tháng 9 và chủ trương sắp tới: Càng thấy rõ Mỹ chưa muốn ký kết để chấm dứt chiến tranh trước ngày bầu cử. Nixon chỉ muốn nuôi dưỡng đàm phán nhằm mục đích phục vụ tuyến cử. Tuy về chiến lược Mỹ phải rút khỏi về quân sự nhưng Mỹ ngoan cố giữ Ngụy quyền Sài Gòn.”

Lúc này có ba khả năng đặt ra với Hà Nội:

1- Buộc Mỹ ký kết vào thời gian 15 tháng 10 như chủ trương cũ.

2- Thoả thuận cơ bản với Mỹ trước rồi sau bầu cử ở Mỹ sẽ ký kết toàn bộ.

CHƯƠNG VIII - THỎA THUẬN THÁNG 10 VÀ SỰ LẬT LỌNG CỦA NHÀ TRẮNG

Dự thảo Hiệp định ngày 8 tháng 10 năm 1972, một sáng kiến quyết định.

Ngày 30 tháng 9, báo cáo về Hà Nội, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ cho rằng nên gạt bỏ khả năng cắt đứt đàm phán và đề nghị chủ trương là:

“Để sau tuyển cử ta khó mà buộc Mỹ nhân nhượng hơn những điểm mà ta có thể đạt được trước ngày bầu cử và còn có khả năng Mỹ - Ngụy lật lọng những điều Mỹ thoả thuận với ta trước tuyển cử.

Như Bộ Chính trị đã phân tích, căn cứ vào so sánh lực lượng ở miền Nam Việt Nam, một giải pháp chấm dứt hoàn toàn dính líu của Mỹ vào miền Nam, công nhận có hai Chính quyền, hai Quân đội, hai địa bàn và bảo đảm tự do dân chủ là điều kiện cần thiết để chuyển hình thức đấu tranh đưa cách mạng tiến lên.

Hiện nay có thể đạt được những điều cơ bản trên đây.

Ta có thể tranh thủ thời cơ bầu cử để ép Mỹ đồng thời mở đường cho Nixon bằng cách đưa ra một giải pháp với những yêu cầu nhất cần thiết cần đạt và có thể đạt được, gác những vấn đề phức tạp lại. Như vậy có khả năng tranh thủ Mỹ ký kết chấm dứt chiến tranh vào thời điểm Bộ Chính trị đã định.

Tranh thủ chấm dứt chiến tranh trước bầu cử Mỹ chuyển hình thức đấu tranh là có lợi cho ta.

Hai ông đã đề ra nội dung giải pháp và mức độ cùng khả năng trong các vấn đề:

“1- Về chấm dứt hoàn toàn dính líu của Mỹ, phải đạt được và có thể đạt được. Chỉ còn lại vấn đề Mỹ gán vấn đề chấm dứt viện trợ cho Ngụy và vấn đề viện trợ cho miền Bắc. Ta giữ lập trường cũ nhưng gạt vấn đề này cho tốt.

2- Về vấn đề nội bộ miền Nam:

a) Công nhận sự tồn tại của hai Chính quyền, hai quân đội, hai địa bàn là yêu cầu cơ bản của ta - có khả năng buộc địch công nhận trên thực tế.

b) Về yêu cầu bảo đảm các quyền tự do dân chủ là yêu cầu quan trọng, chỉ cần đấu tranh ghi thêm tự do tổ chức và tự do cư trú. Còn đòi xoá bỏ luật lệ và thể chế của Chính quyền Sài Gòn thì Mỹ rất khó nhận, ta cần xem xét thêm.

c) Yêu cầu lập Hội đồng hoà hợp dân tộc, Mỹ đã nhận Uỷ ban hoà giải dân tộc có chức năng thực hiện các Hiệp định và tổng tuyển cử, có hệ thống từ Trung ương xuống tỉnh. Ta có thể linh hoạt trong tên gọi và việc cử các uỷ viên để có thể làm ngay sau khi ký kết. Vấn đề cần đạt được là có một tổ chức liên hợp để thực hiện và bảo đảm ngừng bắn.

d) Về tổng tuyển cử, theo ý kiến chỉ đạo là có thể ghi chung chung bầu ra các cơ quan hành pháp, lập pháp hoặc bầu ra các cơ quan quyền lực Nhà nước. Ngoài các yêu cầu trên sẽ đề ra thời hạn hai tháng giải quyết các vấn đề tồn tại thuộc nội bộ miền Nam.

3- Yêu cầu Mỹ bồi thường, có khả năng đạt cam kết riêng. Số tiền 2 đến 3 tỷ như Mỹ tuyên bố.

4- Về Đông Dương, ta có thể thoả thuận với Mỹ quân đội nước ngoài chấm dứt mọi hành động chiến tranh, mọi hành động xâm phạm chủ quyền, an ninh của các nước Đông Dương. Tất cả quân đội nước ngoài rút khỏi Đông Dương.

5- Giám sát quốc tế.

a) Thỏa thuận được bốn nước thì tốt, nếu không ngoài Ba Lan và Canada ra sẽ thỏa thuận sau.

b.) Bộ máy Ủy ban Quốc tế. Sẽ do bốn bên thỏa thuận số tổ và số người. Trong khi chờ đợi thỏa thuận tiếp thì nhân viên do Ba Lan và Canada cung cấp. Việc kiểm soát các vấn đề nội bộ miền Nam do hai bên miền Nam giải quyết, chỉ yêu cầu miền Bắc và Mỹ thỏa thuận về số tổ và số người vấn đề liên quan đến các nước Đông Dương do các bên Đông Dương giải quyết.

6- Vấn đề ký kết Hiệp định. Nếu yêu cầu đối phương ký kết các Hiệp định thư như ta đã chuẩn bị thì cũng khó. Có thể đơn giản hoá hoặc bỏ bớt, nếu cần thì bổ sung vào Hiệp định”

Về thời điểm, cách đàm phán và việc Kissinger vào Hà Nội hai ông đề nghị:

“Cuộc gặp riêng ngày 7 - 8 - 9 tháng 10 năm 1972 có thể đạt thêm một thỏa thuận - Ta cho Kissinger vào Hà Nội vài ngày sau đó (Lê Đức Thọ không cần về). Việc Kissinger vào có thể tính đến việc ký kết Hiệp định trước bầu cử mà cũng có thể chưa ký văn bản giữa Hà Nội và Mỹ, với bảo đảm là sẽ ký trước ngày 1 tháng 11 năm 1972. Điều kiện Kissinger vào: Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn sông ngòi miền Bắc Việt Nam”.

Hà Nội đã họp liên tục nhiều ngày liên xem xét kỹ lưỡng tình hình thế giới, tương quan lực lượng trên chiến trường, dự kiến phát triển tình hình trong tương lai và nhất trí quyết tâm theo đường lối đúng đắn đã vạch ra từ tháng 7.

Cơ quan tham mưu dưới sự chủ tọa của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh đã soạn ra dự thảo Hiệp định và một số Nghị định thư cần thiết. Ngày 26 tháng 9, Lưu Văn Lợi trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, một trong những người dự thảo các văn kiện trên, đã mang các dự thảo cho Paris. Ngày 3 và 4 tháng 10, Bộ Chính trị còn xem lại một lần nữa.

Điện của Nguyễn Duy Trinh ngày 3 tháng 10 gửi đoàn của ta ở Paris viết:

“Hiệp định này nhằm yêu cầu chủ yếu là chấm dứt sự dính líu về quân sự của Mỹ và chỉ nêu ra một số nguyên tắc về vấn đề nội bộ miền Nam”.

Ngày 4 tháng 10, Hà Nội thông báo cho Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ như sau:

Ta cần tranh thủ khả năng chấm dứt chiến tranh trước ngày bầu cử ở Mỹ, đánh bại âm mưu của Nixon kéo dài đàm phán để vượt tuyến cử, tiếp tục Việt Nam hoá chiến tranh, thương lượng trên thế mạnh. Ta cần ép Mỹ ký kết một Hiệp định chính thức có ngừng bắn tại chỗ, rút quân Mỹ và thả tù binh. Muốn đạt được mục đích này ta cần chủ động về yêu cầu của giải pháp, nội dung của Hiệp định, thời điểm, cách đàm phán và cách đấu tranh trong cuộc gặp ngày 8, 9 và 10 tháng 10.

Yêu cầu lớn nhất của ta hiện nay là chấm dứt chiến tranh của Mỹ ở miền Nam. Mỹ rút hết, chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam và chấm dứt cuộc chiến tranh không quân, hải quân, thả mìn chống miền Bắc. Việc chấm dứt sự dính líu về quân sự của Mỹ ở miền Nam và ngừng bắn ở miền Nam đưa đến việc thừa nhận trên thực tế hai Chính quyền, hai Quân đội, hai địa bàn ở miền Nam Việt Nam. Đạt được yêu cầu này là một thắng lợi có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai miền trong điều kiện so sánh lực lượng hiện nay ở miền Nam Việt Nam, sẽ tạo ra một tình hình so sánh lực lượng mới nhất có lợi cho ta. Ngoài yêu cầu cơ bản lớn nhất đó, ta đòi tự do dân chủ ở miền Nam và đòi bồi thường.

Để tập trung mũi nhọn đấu tranh lợi dụng thời cơ ép Nixon để đạt yêu cầu trên đây của ta trước ngày bầu cử, ta cần tạm gác một số yêu cầu khác của vấn đề nội bộ miền Nam.

Những vấn đề ta chưa đạt được trong Hiệp định này là do tình hình chưa cho phép đạt được, đầu ta có tiếp tục đàm phán đến sau bầu cử Mỹ thì ta cũng không đạt được, nếu chưa có sự thay đổi mới trong so sánh lực lượng ở miền Nam Việt Nam. Nhưng nếu chấm dứt được sự dính líu quân sự ở miền Nam thì trong đấu tranh với Mỹ sau này ta có điều kiện để đạt được các vấn đề đó và giành những thắng lợi lớn hơn.

Dự thảo Hiệp định của Hà Nội dự định đưa ngày 8 tháng 10 là căn cứ vào đề nghị mười điểm

của ta ngày 26 tháng 9 và mười điểm của Mỹ ngày 27 tháng 9 gồm 10 chương, 23 điều khoản ngoài Lời nói đầu.

Chương I: Chỉ có một điều khoản là Mỹ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam: hoà bình, độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Chương II và III chấm dứt chiến sự ở miền Nam, miền Bắc, ngừng bắn, rút quân Mỹ (trong bốn mươi lăm ngày), trao trả những người của các bên bị bắt.

Chương IV là về thực hiện các quyền tự quyết của nhân dân miền Nam. Chương này, theo điện của Nguyễn Duy Trinh nói trên, gác lại những điều cụ thể về tổ chức cơ quan hoà hợp dân tộc ở miền Nam. Chỉ ghi nguyên tắc về quyền tự quyết, tổng tuyển cử, giữ gìn hoà bình, hoà hợp dân tộc và ghi một câu ngắn "thành lập Chính quyền hoà hợp dân tộc các cấp gồm ba thành phần với nhiệm vụ đôn đốc và giám sát các bên thi hành các Hiệp định ký kết".

Các chương tiếp theo là về vấn đề thống nhất Việt Nam, việc hàn gắn vết thương chiến tranh và khôi phục kinh tế hai miền, Ban liên hợp, Ủy ban quốc tế, Hội nghị quốc tế, đối với Lào và Campuchia; quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và các điều khoản khác.

Những điều khoản về quân sự, ngừng bắn, rút quân Mỹ được đề ra rất cụ thể, ký xong là thi hành ngay. Còn các vấn đề chính trị miền Nam thì sau ngừng bắn hai bên miền Nam sẽ hiệp thương để giải quyết. Ủy ban quốc tế, Nguyễn Duy Trinh còn nói thêm: "Vấn đề này rất phức tạp nên điều gì rất cần thiết mới nói, điều gì chưa thật cần thiết thì để sau này giải quyết".

Ngoài dự thảo Hiệp định ra, Hà Nội còn chuẩn bị một bản "Thoả thuận về những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam" trong đó cụ thể hoá một số các chức năng, cách làm việc của cơ quan hoà hợp dân tộc và hệ thống các cấp.

Yêu cầu của ta trong các vấn đề này là ký được "Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam" vào khoảng 15 tháng 10 năm 1972, cùng lắm có thể kéo dài đến 20 tháng 10. Nếu chậm nữa thì Nixon sẽ vượt tuyến cử mà ta không còn thời gian để chuyển hướng đấu tranh.

Về cách ký kết, chỉ thị ngày 4 tháng 10 cho Paris chỉ rõ: "ta cần chủ động... buộc Kissinger phải tiến hành cuộc gặp riêng tới theo ý đồ của ta". Theo tinh thần đó, Hà Nội chủ trương ngày 6 tháng 10, đoàn ta gửi trước văn kiện cho Mỹ, buộc Mỹ phải trả lời vào ngày mùng 8, nhưng đoàn ta ở Paris lui lại. Còn văn bản về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, Hà Nội cho Paris biết: "Ký một lúc hoặc sau cũng được, nếu ký được thì tốt, không ký được thì thôi". Nhưng thực tế sau này ngày 17 tháng 10, ta trao cho Mỹ và cả hai bên cũng không đề cập đến vấn đề đó nữa. Về việc ký kết, Hà Nội chủ trương Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Mỹ với sự thoả thuận của đồng minh ký là đủ.

Để rút ngắn thời gian, ta chủ trương không ký các Nghị định thư nữa vì nội dung chính các Nghị định thư đã đưa vào Hiệp định.

Chỉ thị cũng nói thêm:

"Nếu trong cuộc gặp gỡ ngày 8, 9, 10 tháng 10 này ta và Mỹ đạt được thoả thuận cơ bản về nội dung Hiệp định thì ta đồng ý Kissinger vào Hà Nội một vài ngày sau cuộc gặp riêng... để cùng hoàn thành việc giải quyết vấn đề Việt Nam và bàn các vấn đề hai bên quan tâm... với điều kiện là Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom và thả mìn Bắc Việt Nam".

Hà Nội cũng báo cho Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ chủ trương cần tranh thủ Liên Xô và Trung Quốc đồng tình với ta gây thêm sức ép với Mỹ. Vào khoảng mùng 6 tháng 10 Nguyễn Duy Trinh sẽ đi Liên Xô. Lê Thanh Nghị sẽ đi Trung Quốc thông báo chủ trương của ta và về hai văn kiện ta sẽ trao cho Mỹ (gần cùng một lúc với việc ta trao văn kiện đó cho Mỹ).

Thực tế thì trong ngày 9 tháng 10 tại Matxcova, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Brêgionép tiếp Nguyễn Duy Trinh và ở Bắc Kinh, Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp Lê Thanh Nghị.

Brêgionép đánh giá cao chủ trương đưa dự thảo Hiệp định của ta và cho rằng đạt được hai mục

tiêu cơ bản chấm dứt dính líu quân sự của Mỹ, công nhận thực tế ở miền Nam có hai Chính quyền là thắng lợi rất quan trọng.

Còn Thủ tướng Chu Ân Lai bày tỏ “đồng tình với sách lược đấu tranh của Việt Nam và hứa quyết tâm ủng hộ Việt Nam”.

*
* *

Gần bốn năm qua, trong điều kiện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam chưa thuận lợi cho ta, ta kiên trì đòi giải quyết hai vấn đề quân sự và chính trị song song. Đó đúng là chiến lược chờ đợi chưa giải quyết như có lúc Kissinger đã nói. Đến nay ta chủ trương giải quyết vấn đề theo hai bước đầu tiên là vấn đề quân sự và một số nguyên tắc về vấn đề chính trị ở miền Nam, bước hai là để hai bên miền Nam giải quyết các vấn đề nội bộ miền Nam. Chủ trương đó phù hợp với thực tế khách quan ở miền Nam Việt Nam và xu hướng của đa số nhân dân và chính giới Mỹ lúc bấy giờ. Trước đây Kissinger cũng đã đề ra phương hướng tương tự nhưng ta chưa chấp nhận được. Thực tế lúc này đã khác. Sự linh hoạt của Hà Nội đã tỏ ra sáng suốt và đúng đắn.

Đề nghị mới của Việt Nam: không thể bác bỏ được

Tại Paris ngày 29 tháng 9, phía Mỹ gửi công hàm cho đoàn ta nói rằng:

“Phía Hoa Kỳ nhận thấy có những yếu tố mới quan trọng trong đề nghị cuối cùng của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các yếu tố đang được nghiên cứu hết sức cẩn thận. Tuy nhiên khả năng thực tế làm cho vấn đề tiến bộ có thể bị ảnh hưởng rất lớn nếu có sự tranh luận công khai về những vấn đề này trong lúc tướng Haig còn ở Sài Gòn và trước khi Tiến sĩ Kissinger có thể thảo luận riêng những đề nghị này với đại diện Bắc Việt Nam tại phiên họp tới ngày 7 tháng 10. Phía Hoa Kỳ đồng ý là phiên họp tới sẽ có tính chất rất quan trọng”.

Điều mà công hàm nói có sự tranh luận công khai ở đây là do việc báo chí Mỹ và các nước đưa tin Bộ trưởng Xuân Thuỷ phê phán về những đề nghị của Mỹ về Ủy ban bầu cử và tính chất không thoả đáng của nó.

Thật ra trong phiên họp lần thứ 161 của Hội nghị bốn bên ngày 28 trước đó, Xuân Thuỷ có phê phán Ủy ban bầu cử độc lập mà Mỹ đưa ra ngày 25 tháng 1 năm 1972 là không có thực quyền.

Nhưng Mỹ lấy cớ đó để gửi công hàm lưu ý ta. Đây là một việc nhằm hai mục đích: ngăn chặn Việt Nam đưa nội dung gặp riêng công khai, nhưng cũng là một động tác giả tỏ cho ta biết tướng Haig đi Sài Gòn để xem xét tình hình như để nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của ta. Hôm sau ta trả lời cho Mỹ nói rõ sự việc trên và thêm:

“Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho rằng cuộc gặp trong ba ngày tới đã đến lúc phải quyết định một cách dứt khoát chiều hướng của cuộc đàm phán: hoặc là hai bên thoả thuận được về cơ bản các vấn đề đã được nêu ra thì mới có thể đảm bảo được thời điểm mà hai bên đã thoả thuận là chấm dứt chiến tranh và ký kết Hiệp định toàn bộ vào cuối tháng 10 năm 1972 hay sớm hơn càng tốt; hoặc là hai bên không đạt được thoả thuận, cuộc đàm phán sẽ bế tắc và chiến tranh sẽ tiếp tục thì Mỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

Ngày 3 tháng 10, phía Mỹ lại báo cho ta rằng vì tướng Haig phải kéo dài cuộc đi thăm ở Sài Gòn nên hoãn cuộc họp từ ngày 7 đến các ngày 8, 9 và 10 tháng 10. Họ cũng xác nhận lại các cuộc họp đó là hết sức quan trọng.

Trong đợt họp ba ngày bắt đầu từ ngày mùng 8 tháng 10, phía Mỹ có thêm tướng Haig (sau này có lúc làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ) vừa ở Sài Gòn về và bắt đầu bằng những câu chuyện vui. Trước hết là việc Kissinger xin lỗi vì ông hoãn công việc lại một ngày làm cho Xuân Thuỷ không đi Nhà thờ được và nói vui: “Nếu linh hồn các ông không được cứu thì tôi chịu trách nhiệm”.

Xuân Thủy nói:

- "Hôm nay trời đẹp mà phải đến đây làm việc vì sự nghiệp hoà bình. Chúng ta cùng xin lỗi Chúa".

Lê Đức Thọ thêm rằng:

- "Chúa cũng muốn hoà bình, không muốn chiến tranh!" .

Câu chuyện chuyển sang việc đua ngựa. Kissinger kể rằng ở trường đua Auteuil của Paris, trên đường ngựa chạy có một quãng có rặng cây che lấp ngựa. Sau rặng cây đó những người đua ngựa quyết định ai thắng ai thua.

Lê Đức Thọ hỏi ngay:

- Chúng ta chạy đua đến hoà bình hay đến chiến tranh?

Kissinger:

- Đến hoà bình và đang ở đằng sau rặng cây.

Lê Đức Thọ:

- Chúng ta vượt rặng cây hay để rặng cây chặn lại?

Kissinger:

- Chúng ta vượt và sẽ đi đến thoả thuận.

Lê Đức Thọ:

- Nếu các ông vượt thì chúng tôi cũng vượt.

Kissinger:

- Cả hai bên đều vượt.

Lê Đức Thọ:

- Hai con ngựa song song.

Kissinger:

- Nhưng vượt qua đã đến đích rồi các ông còn nói chúng tôi chưa cụ thể.

Lê Đức Thọ:

- Chắc chắn như vậy.

Xuân Thủy đề nghị bắt đầu làm việc và mời Kissinger phát biểu trước vì lần trước ông hứa nghiên cứu tài liệu của ta và cử tướng Haig đi Sài Gòn.

Kissinger giới thiệu tướng Haig và bắt đầu bằng những lời lẽ quen thuộc về thiện chí, tuyên bố sẵn sàng thảo luận với phía ta, trong bốn ngày liền và đưa một đề nghị mới.. Nhưng cũng như thường lệ, trước khi giới thiệu đề nghị mới, ông bình luận về đề nghị trước của ông ta.

Ông ta nói kế hoạch của ta có hai khuynh hướng. Trước tiên, tất cả các nghĩa vụ về kiểm soát đều nhằm vào phía Mỹ còn phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì rất ít nhiệm vụ, có quyền can thiệp không hạn chế vào các nơi trong vùng Đông Dương. Thứ hai, kế hoạch của Việt Nam chỉ nói tới Nam Việt Nam thôi, không có điều khoản nào khác nói tới các nước Đông Dương khác. Lực lượng của ta ở Lào và Campuchia, các chiến khu của Campuchia và Lào sẽ tiếp tục phục vụ các lực lượng của ta ở miền Nam Việt Nam và việc đưa quân đội của ta vào các chiến khu đó không bị hạn chế gì cả.

Ông nói nhiều lần rằng kế hoạch của ta có một số yếu tố tích cực như cơ quan ba thành phần làm việc theo lối nhất trí, có nhiều đảm bảo để không bên nào khống chế được cơ quan đó và chỉ có quyền hạn thi hành các điều khoản quân sự và chính trị và các Chính quyền hiện nay ở Nam Việt Nam vẫn tồn tại...

Ông cũng nhận phía ta có một bước tiến bộ lớn. Tuy nhiên những yếu tố tích cực nói trên không có yếu tố nào có ý nghĩa nếu các nhà cầm quyền hiện nay ở Sài Gòn không có khả năng tồn tại. Những yếu tố đó của ông ta cộng lại với nhau sẽ gây tác động tối đa với cơ cấu chính trị hiện nay ở Sài Gòn, làm cho phía Mỹ lo ngại. Rồi ông kê ra những yếu tố tiêu cực: muốn gạt Thiệu ngay sau khi ký Hiệp

định, xoá bỏ hiến pháp Sài Gòn, lập một cơ quan giống như là cơ quan Chính phủ từ Sài Gòn đến xã, muốn Mỹ rút nhanh trong khi lực lượng ta còn ở lại, muốn Mỹ chấm dứt viện trợ cho Sài Gòn trừ vấn đề thay thế vũ khí trong khi không muốn có sự kiểm soát nào đối với viện trợ quân sự cho miền Bắc và cho miền Nam nữa, mà như ông nói nhiều năm nay xe tăng của ta đưa vào miền Nam mà Mỹ không thể nào biết được... Kế hoạch của ta không dự kiến một cuộc ngừng bắn ở các nước Đông Dương.

Ông ta nói rằng nêu ra như vậy không phải đòi ta thoả mãn mà chỉ muốn ta hiểu cần phải đối phó với những vấn đề đó.

Sang đề nghị mới, Kissinger nói:

- Về vấn đề chính trị, chúng tôi thừa nhận trên thực tế nguyên tắc cơ bản cho rằng có hai Quân đội, hai Chính quyền và ba lực lượng chính trị ở Nam Việt Nam. Đề nghị của Mỹ thể hiện rõ quan niệm đó. Ngoài ra còn đáp ứng một nguyên tắc cơ bản khác nữa là cần có cơ quan ba thành phần làm trung gian và làm Cố vấn cho cả đôi bên và có thể đóng góp vào việc thi hành các Hiệp định được ký kết. Đề nghị mới của Mỹ hôm đó là một nhượng bộ lớn!

Kissinger nói:

- Hoa Kỳ chấp nhận cơ quan có 12 uỷ viên và đề rõ cách cử các thành phần, vấn đề ai làm Chủ tịch, ấn định một cách chính xác quyền tự do dân chủ, tán thành Uỷ ban sẽ quy định thể thức bầu cử và giám sát bầu cử, vì vậy vai trò của nó bây giờ giống với vai trò Chính phủ hoà hợp dân tộc của Việt Nam.

Tất nhiên Mỹ không chấp nhận đó là một Chính phủ vì theo Kissinger nhiệm vụ Uỷ ban đó không phải là của một Chính phủ và nó chỉ có tính lâm thời. Nếu Việt Nam không đồng ý chữ Uỷ ban thì sẵn sàng xem đó là uỷ hội (commission) và sẵn sàng xem xét đề nghị khác của Việt Nam.

Còn vấn đề đề bầu cử Quốc hội hay Tổng thống thì Kissinger nói chưa thuyết phục được Sài Gòn vì kế hoạch của Việt Nam chưa có đi có lại và còn mơ hồ. Trong đề nghị mới của Mỹ vấn đề này còn để trong dấu ngoặc. Kissinger hứa sẽ dùng ảnh hưởng tối đa của Mỹ đối với Sài Gòn về việc đó và đề nghị gác vấn đề này lại sau.

Ông trình bày tiếp về những điểm mới của Mỹ:

- Chấp nhận và tán thành dùng chữ Thống nhất trong các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

- Đưa thời hạn rút quân Mỹ xuống còn bảy mươi lăm ngày nhưng vẫn đòi thực hiện ngừng bắn duy nhất cho các nước toàn Đông Dương. Đề nghị hai bên dùng ảnh hưởng của mình đối với đồng minh của mỗi bên ở Lào - nay các bên đang có nói chuyện với nhau - thực hiện ngừng bắn cùng một lúc khi ký Hiệp định về Việt Nam - rồi có bộ máy kiểm soát để đáp ứng mối quan tâm của Mỹ về các con đường thâm nhập qua Lào. Đối với Campuchia, tuy chưa có nói chuyện giữa hai bên ở đó - nhưng ông đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ cùng dùng ảnh hưởng của mình thuyết phục các vị chỉ huy quân sự Campuchia họp lại để thu xếp một cuộc ngừng bắn.

- Hoa Kỳ cũng chấp nhận việc các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam do các bên Nam Việt Nam giải quyết, nhưng đề nghị khi thực hiện ngừng bắn các bên trao đổi bản kê ghi rõ vị trí các lực lượng của mình ở Nam Việt Nam để làm dễ dàng cho việc giám sát quốc tế đảm bảo rằng các đơn vị dùng vào việc tấn công mùa xuân vừa qua không còn ở Nam Việt Nam nữa.

Ông ta không quên nhắc lại quan điểm của Mỹ rằng Mỹ sẽ không ký kết một văn kiện nói về trách nhiệm của Mỹ trong việc bồi thường chiến tranh, nhưng sẵn sàng tham gia vào một chương trình tái thiết lớn trên toàn Đông Dương. Mỹ sẵn sàng viết cam kết đó trong một tuyên bố đơn phương. Kissinger cũng tuyên bố Mỹ sẽ rút các lực lượng hải quân, các lực lượng đã tăng viện vào Việt Nam mùa xuân vừa qua ra khỏi hải phận Việt Nam như Lê Đức Thọ yêu cầu là cách bờ biển Việt Nam ba trăm hải lý.

Hôm đó, ngoài đề nghị mới, phía Mỹ còn trao cho ta sáu văn kiện trong đó có ba bản nói về

việc rút lực lượng ta ra khỏi Lào và Campuchia và việc trao trả tù binh ở hai nước trên. Còn tuyên bố đơn phương của Mỹ về việc đóng góp vào tái thiết Đông Dương thì rất gọn gàng:

"Hoa Kỳ sẽ coi tất cả các nước Đông Dương là đáng được giúp đỡ trong những chương trình tái thiết sau chiến tranh..."

Hôm ấy có một buổi nghỉ trưa tương đối dài.

Quá mười sáu giờ, hai bên họp lại. Lê Đức Thọ mở đầu bằng khen Kissinger đã nêu lên một số điểm về chính trị gần với quan điểm của ta. Kissinger tỏ vẻ chăm chú hơn vì hôm nay có lẽ Lê Đức Thọ khác với mọi hôm (luôn luôn phê phán và chỉ trích như một thầy giáo giảng bài cho học trò) - Hôm nay ông Thọ có vẻ cởi mở tươi cười hơn.

Lê Đức Thọ nhắc lại thời điểm hai bên đã thoả thuận và nói:

- 'Với những vấn đề mà hai bên đã trình bày thì chúng tôi thấy chúng ta khó mà đi nhanh được, khó mà bảo đảm thời điểm mà chúng ta đã thoả thuận'.

Kissinger cũng như tướng Haig và cả đoàn Mỹ chú ý hơn. Ông Thọ nói tiếp:

- Để bảo đảm nhanh chóng chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình và để tỏ thiện chí của chúng tôi, hôm nay chúng tôi đưa ra đề nghị mới về cả nội dung và cách đàm phán rất thiết thực, đơn giản như sau.

Cả đoàn Mỹ lặng im. Lê Đức Thọ đồng ý:

- Trên cơ sở mười điểm của chúng tôi và của các ông, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ sẽ thoả thuận và ký kết "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam" mà chính ông có lúc đã đề nghị. Hiệp định này chỉ nhằm giải quyết các vấn đề quân sự như vấn đề rút quân Mỹ, vấn đề trao trả những người của các bên bị bắt trong chiến tranh, vấn đề ngừng bắn và có kiểm soát và giám sát quốc tế ở Việt Nam bao gồm cả vấn đề Hoa Kỳ chịu trách nhiệm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế miền Bắc Việt Nam. Còn các vấn đề quân sự và chính trị ở miền Nam Việt Nam thì chúng ta chỉ thoả thuận về những nguyên tắc chính, sau khi ký Hiệp định này thì sẽ ngừng bắn ngay.

Bây giờ thì Cố vấn Nhà Trắng thật sự ngạc nhiên. Ông ta không ngờ rằng điều ông ta đề xuất bốn năm - và nói lại nhiều lần trong ba năm qua thì hôm nay chính Lê Đức Thọ lại chấp nhận.

Ông Thọ nói tiếp:

- Ngoài Hiệp định nói trên, chúng ta sẽ ký một văn bản ghi "Những điều thoả thuận về việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam" bao gồm những điểm về nguyên tắc về việc giải quyết những vấn đề về lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam mà các ông và chúng tôi đã thoả thuận trong diễn đàn này. Văn bản này sẽ được chuyển cho hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận và thực hiện sau khi ngừng bắn.

Đương nhiên Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ sẽ tiếp tục gặp nhau để giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai bên hoặc giải quyết những mắc mứu ở những diễn đàn nói trên.

Trong khi đưa ra những đề nghị mới này chúng tôi không đề vấn đề chính trị miền Nam Việt Nam là vấn đề khó khăn nhất kéo dài cuộc đàm phán của chúng ta nhằm nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, đáp ứng nguyện vọng hoà bình của nhân dân hai nước, đồng thời chúng tôi đã chú ý tới những mối quan tâm nhất của các ông...

Từ khi Lê Đức Thọ nói về nội dung cụ thể, Kissinger đã chú ý ghi liên tiếp, nhưng đến đây ông ta vội nói:

- Các ông có đưa cho chúng tôi bản đề nghị này không để tôi khỏi phải ghi?

- Chúng tôi sẽ đưa bản đề nghị đó cho các ông. Lê Đức Thọ trả lời.

Kissinger thở dài khoan khoái. Ông Thọ tiếp:

- Trong đề nghị này chúng tôi không đòi lập Chính quyền hoà hợp dân tộc trước khi có ngừng

bắn, mà để hai bên miền Nam thực hiện việc đó chậm nhất trong vòng ba tháng sau ngừng bắn.

Như người vợ được của quý, Kissinger liền hỏi:

- Như vậy vấn đề đó để lại sau này?

Lê Đức Thọ:

- Đúng như vậy. Chúng tôi - ông Thọ nói tiếp - sẵn sàng mở diễn đàn hai bên miền Nam Việt Nam ngay sau khi ngừng bắn mà không đặt điều kiện nào. Như vậy là thời gian Thiệu từ chức cũng có khác trước.

Đến đây thì sự vui mừng lộ rõ trên nét mặt của Kissinger cũng như của các thành viên trong đoàn Mỹ. Lê Đức Thọ nghỉ một lát rồi giới thiệu những điểm chính trong dự thảo Hiệp định:

Điều 1- Về các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, như vậy đề nghị của các ông với chúng tôi đã thoả thuận. Về vấn đề chính trị miền Nam, trước hết là việc tổng tuyển cử chỉ cần viết một câu ngắn:

“Nhân dân Nam Việt Nam tự quyết định chế độ chính trị của miền Nam Việt Nam qua bầu cử thật sự tự do và dân chủ”.

Sau này hai bên miền Nam Việt Nam sẽ bàn với nhau về bầu cử Tổng thống hay Quốc hội.

Về chính quyền ba thành phần... nếu chúng ta thoả thuận được về quyền lực và nhiệm vụ của nó thì chúng ta có thể tìm ra được công thức thích hợp về tên gọi của nó.

Kissinger hỏi ngay:

- Tổ chức này bắt đầu làm việc từ lúc nào?

Lê Đức Thọ:

- Sau khi hai miền Nam Việt Nam thoả thuận với nhau thì mới thành lập ra tổ chức này và nó bắt đầu làm việc.

Về chức năng của tổ chức này ông Thọ nêu: chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc thi hành Hiệp định đồng thời giải quyết các vụ xung đột giữa hai bên.

Ta đòi tổ chức này có hệ thống đến tận xã.

Trong việc rút quân Mỹ, ta đề ra thời hạn sáu mươi ngày. Như vậy hai bên còn cách nhau mười lăm ngày. Lê Đức Thọ nói:

- Nếu thoả thuận thì đem mười lăm ngày chia đôi ra.

Kissinger hưởng ứng ngay:

- Ông Cố vấn đặc biệt nghĩ đúng như tôi. Tôi có đề nghị đề ra sáu mươi bảy ngày rưỡi.

Lê Đức Thọ:

- Tôi chỉ nói sáu mươi ngày thôi. Đối với chúng tôi mấy ngày không quan trọng. Các ông đã ở lại đất nước chúng tôi trên mười năm mà chúng tôi vẫn đủ sức đối phó với các lực lượng của các ông thì có thêm bảy ngày nữa cũng không sao?

Ông Thọ nói tiếp sang vấn đề viện trợ quân sự: Cả hai bên không được viện trợ cho các bên ở miền Nam Việt Nam kể cả Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính quyền Sài Gòn. Lê Đức Thọ cũng chấp nhận việc thay thế vũ khí mà phía Mỹ đề ra nhưng nhắc lại nguyên tắc công bằng và thêm: để vấn đề đó cho hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận.

Để đảm bảo ngừng bắn, dự thảo Hiệp định đề ra việc thành lập các ban liên hợp hai bên, bốn bên, bên cạnh Ủy ban Quốc tế.

Lê Đức Thọ nhắc lại những nguyên tắc giải quyết vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam là trên tinh thần hoà hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh và giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân - ông nhấn mạnh:

- Chỉ ghi nguyên tắc như vậy thôi rồi các bên miền Nam Việt Nam sẽ bàn với nhau.

Riêng về trách nhiệm của Mỹ, dự thảo Hiệp định ghi Mỹ có trách nhiệm hàn gắn vết thương

chiến tranh nhưng Lê Đức Thọ đề nghị ký Nghị định thư về việc này.

Cứ như vậy, ông Thọ giới thiệu các đề nghị về Ủy ban Quốc tế về Hội nghị Quốc tế, và nhắc lại quan điểm của Việt Nam về Lào và Campuchia.

Khi Lê Đức Thọ dứt lời, Kissinger trân trọng:

- Thưa ông Cố vấn đặc biệt, thưa ông Bộ trưởng, trước hết tôi xin nói rằng tôi hoàn toàn chia sẻ những ý kiến mà ông Cố vấn đặc biệt vừa mới phát biểu. Hai nước chúng ta phải đi tới hoà bình, phải mở ra quan hệ giữa hai nước chúng ta. Mỗi quan hệ đó sẽ thay đổi tình hình đối địch giữa hai nước chúng ta trong nhiều năm qua. Căn cứ vào lời phát biểu và cách trình bày của ông Cố vấn đặc biệt, tôi nghĩ các ông đã mở một trang sử mới trong thương lượng và có khả năng chúng ta có thể giải quyết sớm.

Kissinger đề nghị tạm nghỉ và khi hai bên họp lại ông ta nói:

- Các ông đã trao cho chúng tôi một văn kiện hết sức quan trọng và rất cơ bản.

Tiếp đó ông đưa ra một lịch công tác:

- Hai ngày tới hoặc dài hơn, hoàn thành văn kiện. Ông ta sẽ về Washington xin ý kiến Tổng thống, sau đó Sài Gòn. Rồi từ Sài Gòn đi Hà Nội, qua Guam để hoàn tất và ký tắt Hiệp định. Ngày 22 tháng 10 là xong tất cả.

Lê Đức Thọ hỏi lại:

- Ngày 22 tháng 10 là xong tất cả, ký kết ở Paris?

Kissinger khẳng định:

- Trung tuần 22 tháng 10 là xong tất cả mọi thứ.

Ông ta còn nhắc lại và nói rõ ký Hiệp định ở Paris vào ngày 25 hoặc 26 tháng 10. Trước khi nghỉ họp ông nhắc lại một số vấn đề, đặc biệt là vấn đề ngừng bắn ở Lào và Campuchia, việc rút quân Việt Nam ở hai nơi này, danh sách các đơn vị miền Bắc đã vào miền Nam trong mùa xuân vừa qua.

Về cuộc gặp này, Kissinger viết trong Hồi ký của ông như sau:

“Hầu hết các đồng sự của tôi và tôi hiểu ngay tầm cỡ của những điều chúng tôi vừa nghe. Tôi yêu cầu ngừng phiên họp ngay. Lord (thành viên trong đoàn Mỹ), và tôi nắm tay nhau và tuyên bố. Chúng ta đã thành công! Tướng Haig, người đã từng chỉ huy ở miền Nam Việt Nam xúc động tuyên bố. Chúng ta đã cứu vớt danh dự cho bao người đã chiến đấu, đau khổ và hy sinh ở nơi đó. Tôi chưa bao giờ cảm động bằng buổi quá trưa mát mẻ của ngày chủ nhật mùa thu ấy. Chúng ta sẽ đạt được điều mà chúng ta tìm kiếm: một nền hoà bình phù hợp với danh dự và trách nhiệm quốc tế của chúng ta!” (H. Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1402, 1403, 1404.)

Dự thảo Hiệp định và cách đàm phán của Hiệp định đưa ra là rất thực tế và rất khách quan. Mỹ không thể không chấp nhận. Đúng như vậy. Kissinger phân tích có ba cách: bác bỏ về nguyên tắc kế hoạch của Lê Đức Thọ xem đó là không thích đáng; chấp nhận về nguyên tắc và thương lượng để cải tiến thêm; trì hoãn thời gian bằng cách sẽ về Washington tham khảo (H. Kissinger Sđd, tr. 1402, 1403, 1404.)

“Tôi nghĩ đến cái gì sẽ xảy ra nếu chúng ta bác bỏ đề nghị đó và nếu Hà Nội đưa nó ra công khai - một điều gần như chắc chắn (Thực tế họ đã làm như vậy cuối tháng 10 - Tác giả) - Rất dễ dàng đề hình dung ra cơn bão tố mà chúng ta gây ra khi bác bỏ không nhận những đề nghị đó của chính chúng ta mà nay Hà Nội đưa ra” (H. Kissinger: Ở Nhà Trắng Sđd, tr. 1402, 1403, 1404).

Và Kissinger quyết định tiến lên. Ông ta cho rằng Hà Nội đã đáp ứng mọi yêu cầu của Mỹ. Nhưng ông ta cũng viết thêm:

"Tất nhiên không có vấn đề Quân đội ở miền Bắc Việt Nam rút khỏi miền Nam Việt Nam. Nhưng bản thân chúng ta đã từ bỏ yêu sách đó trong đề nghị ngừng bắn từ ngày 7 tháng 10 năm 1970,

trong kế hoạch bí mật bảy điểm ngày 31 tháng 5 năm 1971 và trong đề nghị công khai của Nixon ngày 25 tháng 1 năm 1972 và ngày 8 tháng 5 năm 1972... Mười năm chiến tranh và ba Chính quyền đã không làm được việc đó” (H.Kissinger: Ở Nhà Trắng Sdd tr: 1404)

Điều đó cũng đúng với phía ta đối với Chính quyền Thiệu. Phương ngôn ta có câu: "Đánh mà không được thì tha". Điều đó đúng cho cả hai bên - nhưng hai bên còn ý đồ riêng.

Tuy nhiên, nếu như Mỹ phải từ bỏ yêu sách đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam lúc đó, thì sau này theo đòi hỏi của Thiệu, Kissinger vẫn nhắc lại vấn đề này để đòi Việt Nam nhân nhượng ở các vấn đề khác.

Hôm đó, để bù lại cái vui mừng khôn xiết, cả đêm và sáng hôm sau đoàn Mỹ lẫn lung ra lao động để soạn một dự thảo Hiệp định của phía họ để hôm sau trao cho ta. Và cũng chưa xong. Họ đề nghị cuộc họp hôm sau hoãn đến mười sáu giờ, không họp từ mười bốn giờ như thoả thuận.

Về phía ta, tối hôm đó đoàn họp lại đánh giá, so sánh thời điểm của ta (ngày 15 tháng 10) và lịch phía Mỹ đưa ra, vẫn thấy có hai khả năng:

- Một là Mỹ đi vào giải quyết vào thời điểm 25 tháng 10;
- Hai là Mỹ kéo dài để vượt tuyến cử.

Nếu Mỹ thật sự muốn giải quyết thì đến ngày 25 mới ký cũng không có vấn đề gì - Nhưng họ âm mưu kéo dài để vượt tuyến cử thì phải ngăn ngừa trước. Nếu để ngày 25 tháng 10 ta mới chủ trương phá thì không kịp.

Chuẩn bị cho phiên họp sau, đoàn chủ trương:

Ta phản đối giữ thời điểm của ta, không nhận thời điểm của Mỹ. Sau hai, ba ngày tới nếu thấy họ thật sự đi vào giải quyết và chịu ký Hiệp định thì dù họ muốn kéo dài thêm dăm ba ngày ta cũng có thể nhận.

Ta cần buộc họ là: Thời điểm thứ nhất: hai, ba ngày tới phải đạt thoả thuận cơ bản; thời điểm thứ hai: ký Hiệp định vào ngày 20 tháng 10. Còn việc Kissinger có vào Hà Nội hay không thì tùy ông ta. Dĩ nhiên nếu ông ta vào thì cũng có mặt lợi.

Vào cuộc họp ngày 9 tháng 10, một lần nữa Kissinger nói rằng các vấn đề hôm qua của ta rất quan trọng và tin là có thể thoả thuận được. Ông ta đề nghị cần làm việc càng nhanh càng tốt, và đưa một lịch làm việc cụ thể hơn hôm trước:

- Ngày 11 tháng 10 năm 1972: hoàn thành Hiệp định, sau đó Kissinger về Washington. Bốn mươi tám giờ sau sẽ cho Việt Nam biết phản ứng của Nixon.
- Ngày 15 tháng 10, Kissinger đi Sài Gòn làm việc: 15, 16, 17 và 18 tháng 10.
- Chiều 18 tháng 10, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt ném bom miền Bắc.
- Ngày 19 tháng 10, Kissinger đi Hà Nội nếu Việt Nam đồng ý.
- Ngày 21 tháng 10, Kissinger trở về Washington.
- Ngày 22 hoặc 23 tháng 10... giờ Washington, công bố Hiệp định ở thủ đô của hai nước.
- Ngày 25 hoặc 26 tháng 10: ký Hiệp định.

Theo đề xuất của Kissinger, hai bên trao đổi khá lâu về việc ông ta vào Hà Nội từ nội dung đến việc đi lại, kỹ thuật tiếp đón máy bay, v.v... Lúc đó qua sông Hồng phải đi cầu phao, nên có lúc Lê Đức Thọ nói đùa là “có khi phải nhảy dù!”

Qua trao đổi này, Kissinger muốn gây cho ta ấn tượng rằng việc Kissinger đến Hà Nội hôm đó là chắc chắn, là dứt khoát không có gì thay đổi nữa. Nhưng ông Thọ vẫn tỏ ra nghi ngờ.

Dự thảo Hiệp định mà Kissinger đưa ra hôm đó dựa vào dự thảo của ta, có chương lấy nguyên cách viết của ta như Lời mở đầu và một số điều khoản khác, nhưng sắp xếp lại, đảo trật tự các chương; cũng có chương Mỹ bỏ hẳn như vấn đề trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh.

Qua dự thảo, Mỹ chấp nhận các vấn đề sau đây:

- Mỹ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam: hoà bình, độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ - nhưng đưa xuống Chương IV.
- Ngừng bắn tại chỗ, rút quân Mỹ và đồng minh trong sáu mươi ngày, chấp nhận miệng sẽ chuyển các tàu sân bay ra khỏi hải phận Việt Nam 300 dặm như ông Thọ yêu cầu.
- Không dính líu quân sự vào miền Nam - nhưng tiếp tục viện trợ quân sự cho Chính quyền Sài Gòn - vấn đề thay thế vũ khí và dụng cụ chiến tranh hao mòn và bị phá huỷ.
- Chấp nhận về nguyên tắc, trao trả những người bị bắt.
- Chấp nhận tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, bảo đảm tự do, dân chủ, hoà hợp dân tộc.

Họ cũng chấp nhận chức năng của Ban liên hợp quân sự hai bên và bốn bên.

Về chính trị họ chấp nhận chức năng của Ủy ban hoà giải dân tộc gần như chức năng Chính quyền hoà hợp dân tộc của ta nhưng không dùng danh từ “đôn đốc” các bên thi hành Hiệp định sẽ ký.

Tuy vậy, phía Mỹ giữ đòi hỏi cao ở nhiều vấn đề:

- Đòi ngừng bắn là vô thời hạn và độc lập với các điều khoản khác - đòi được thay thế các loại vũ khí đã dùng hết, và bị phá huỷ. Mỹ vẫn gấn viện trợ quân sự cho Chính quyền Sài Gòn với việc miền Bắc nhận viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.

- Đối với việc rút quân miền Bắc khỏi miền Nam, Mỹ đòi các bên trao bản kê nơi bố trí lực lượng để biết không có đơn vị nào của miền Bắc đưa vào sau ngày 25 tháng 3 năm 1972 còn ở lại trong đó. Mỹ còn bỏ Ủy ban hoà giải dân tộc cấp dưới, không nói đến tuyển cử địa phương.

- Vấn đề thâm nhập qua Lào và Campuchia là một trong những vấn đề mà Kissinger bám rất lâu vẫn đòi các bên không dùng lãnh thổ Lào và Campuchia để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác, đòi rút quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài ra khỏi các nước Đông Dương, các bên dùng ảnh hưởng tối đa của mình để ảnh hưởng đến nội bộ các nước Lào và Campuchia được giải quyết cùng một thời gian với việc hiệp thương giữa các bên Việt Nam bốn tháng.

Khi trình bày, Kissinger còn nhấn mạnh: điều 15 (của Việt Nam) chúng tôi chấp nhận gần hết, nhưng có bổ sung; điều 17 chúng tôi chấp nhận cũng gần hết; điều 18 chúng tôi chấp nhận từng chữ một, chỉ thay một danh từ và phần sau; điều 19 chúng tôi chấp nhận hoàn toàn...

Trong trao đổi, Kissinger lại nhắc lại con đường mòn Hồ Chí Minh, và Lê Đức Thọ nói:

- “Một ngày nào đó sau chiến tranh tôi sẽ đưa ông đi thăm đường Hồ Chí Minh, nhưng chỉ sợ ông không đủ sức để trèo đèo”.

Riêng vấn đề trao trả những người bị bắt, Mỹ vẫn dùng từ thường dân vô tội - và đề nghị hai bên Nam Việt Nam giải quyết với nhau. Đây là một vấn đề kéo dài mãi sau này.

Về Ủy ban Quốc tế, Mỹ vẫn đòi có năm nước - ý nói bốn nước do hai bên thoả thuận, còn nước thứ năm thì do Tổng thư ký Liên Hợp Quốc chỉ định - và ông ta đề nghị luôn Nhật và Ấn Độ vào Ủy ban Quốc tế.

Hai bên hẹn gặp nhau vào mười giờ sáng hôm sau. Nhưng đến hai mươi hai giờ hôm đó (tức bốn giờ sau khi nghỉ), phía Mỹ lại gửi ngay cho ta một công hàm, nhân danh Tổng thống Mỹ đòi ghi phát biểu của Lê Đức Thọ hôm 8 tháng 10 rằng “ngừng bắn là vô thời hạn và độc lập với bất cứ điều khoản nào”, đòi giám sát các đường thâm nhập - bản kê việc bố trí lực lượng - và tuyên bố Mỹ sẽ ngừng ném bom miền Bắc trước khi ký Hiệp định nếu ta thả một số tù binh Hoa Kỳ cho nhà cầm quyền Hoa Kỳ một tuần sau khi ký.

Thoả thuận về cơ bản

Cuộc họp hôm sau hai bên bàn từng điều khoản cụ thể. Lê Đức Thọ mở đầu bằng việc phê phán Mỹ đã xuyên tạc phát biểu của ta và nhắc lại rằng: Tôi chỉ nói rằng ngừng bắn là vĩnh viễn. - ông cũng lưu ý Kissinger là công hàm đó đã gây thêm phức tạp cho vấn đề. Ông cũng đòi hai bên thoả thuận ở đây là xong, không thể Kissinger về Washington, đi Sài Gòn rồi lại thay đổi, và như vậy sẽ đi vào bế tắc. Và nếu có sửa đổi thì chỉ vì kỹ thuật thôi, không thể sửa về nguyên tắc được.

Ông Thọ hỏi:

- Có phải các ông định ép chúng tôi hơn nữa không?

Kissinger nêu lại là phía Việt Nam đã cố gắng nhiều nhưng phía Mỹ còn phải thuyết phục người khác, nhất là trong việc thi hành Hiệp định. Hiệp định phải thoả đáng cho cả hai bên. Kissinger cũng đồng ý với Lê Đức Thọ rằng làm việc xong sẽ không thay đổi gì về nội dung và nguyên tắc nữa. Làm việc xong ở đây thì có thể xem như đã hoàn thành rồi. Còn đối với Sài Gòn, Mỹ sẽ lo. Ông Thọ nhắc lại quá khứ rằng ta rất tôn trọng các Hiệp định đã ký và việc thi hành Hiệp định phải do hai bên. Kissinger đồng ý.

Đi vào từng chương một - Lê Đức Thọ đòi "Hoa Kỳ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam" phải đặt trong Chương đầu tiên vì đó là nguyên tắc, là yêu cầu cơ bản của nhân dân Việt Nam, sẽ làm cho hố ngăn cách giữa hai bên giảm bớt và chứng tỏ quan hệ hai nước bước qua giai đoạn mới - cuộc trao đổi đi đến hai bên đồng ý như vậy.

Sang các vấn đề quân sự, ông Thọ nói:

- Qua đề nghị của các ông, chúng tôi thấy có những điểm xây dựng và thoả thuận với chúng tôi, nhưng có nhiều vấn đề các ông không chặt chẽ với các ông nhưng lại chặt chẽ đối với chúng tôi. Như vậy là chưa hợp lý.

Để thúc đẩy nhanh chóng cuộc thảo luận, Lê Đức Thọ chấp nhận sửa đổi của Kissinger nói Hoa Kỳ cam kết chấm dứt chiến tranh, chấm dứt dính líu quân sự (điều 2) chỉ bỏ đi mấy chữ "khi hoàn thành việc rút quân". Ta cũng chấp nhận vấn đề thay thế vũ khí Mỹ đưa ra nhưng giữ nguyên tắc bình đẳng ngang nhau giữa hai bên miền Nam Việt Nam.

Về việc rút quân, ông Thọ bác bỏ việc trao đổi bản kê khai sự bố trí lực lượng của hai bên nhằm thẩm tra và kiểm soát. Việc này Kissinger muốn nói đến lực lượng miền Bắc nhưng tránh chữ Bắc Việt Nam.

Lê Đức Thọ nhắc lại:

- Đây là vấn đề nguyên tắc đối với chúng tôi mà tôi đã phát biểu với ông trên bốn năm nay, cho nên tôi không thể chấp nhận câu này được. Cách đặt vấn đề như vậy không đúng và chỉ nhằm vào một phía trong khi các ông xây dựng Quân đội Nam Việt Nam lên hàng mười mấy sư đoàn và vấn đề nguyên như vậy

Ông Thọ đề nghị:

- Để giải quyết triệt để chiến tranh, tránh xung đột, các bên Nam Việt Nam giảm quân số và phục viên.

Kissinger hỏi kỹ về vấn đề này. Ông ta nói:

- Tuy không cần phải ghi một điều khoản trong Hiệp định, nhưng muốn có một sự di chuyển đơn phương nào của quân đội của các ông như là ông Thống đốc Harriman cho rằng năm 1968 các ông đã có sự di chuyển đơn phương như vậy.

Về vấn đề chính trị, Lê Đức Thọ đồng ý bổ sung "thời gian thống nhất Việt Nam do hai miền thoả thuận" và từ bỏ việc đòi lập Chính quyền hoà hợp dân tộc sang vấn đề "lập một Chính quyền lấy tên là Hội đồng tối cao hoà hợp dân tộc". Đồng ý đưa vấn đề trách nhiệm của Hoa Kỳ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh vào Chương Quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ.

Phía Mỹ cũng đáp ứng một số đề nghị của ta, như Chương I nói ở trên, bỏ việc kê khai bố trí lực

lượng nhưng đòi có sự di chuyển đơn phương nào đó của Việt Nam như đã nói ở trên.

Nhưng Kissinger nhấn mạnh nhiều đến việc kiểm soát con đường thâm nhập qua Lào, đồng ý rằng vấn đề ngừng bắn. Ở Lào không ghi vào Hiệp định về Việt Nam - nhưng đòi có sự hiểu biết rằng "hai bên làm hết sức mình để cuộc đàm phán ở Lào kết thúc thành công đồng thời với việc ký Hiệp định về Việt Nam".

Đặc biệt về vấn đề trao trả người bị bắt, cụ thể là vấn đề tù chính trị, Mỹ nêu ra một vấn đề mới ghi thành một điều khoản mới, điều 8 (c) mà sau này còn nói nhiều. Ý đồ của Mỹ - Ngụy là muốn giữ lại một số cán bộ dân sự - cùng một thời hạn với việc hoàn thành việc rút quân Mỹ, thì Kissinger tách vấn đề tù dân sự ra nói rằng "các nhân viên Việt Nam khác sẽ do các bên Nam Việt Nam giải quyết".

Còn trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, Kissinger không cam kết gì. Phía ta dùng thời gian biểu do Kissinger đưa ra để ép Mỹ, và phía Mỹ cũng dùng thời hạn tuyên cử ở Mỹ để đòi ta nhân nhượng. Họ hiểu ta muốn giải quyết trước ngày tuyên cử ở Mỹ: 7 tháng 11.

Về vấn đề này, Kissinger có lúc nói "Tôi đề nghị cứ giữ đúng thời điểm cũ", có lúc lại nói "Về phương diện chúng tôi thì chúng tôi có lợi hơn nếu chờ đợi sau bầu cử rồi mới ký", có lúc lại nói "Nên chăng chúng ta lui thời điểm vài ngày về sau để nghiên cứu các vấn đề một cách kỹ lưỡng".

Lê Đức Thọ:

- Cái đó tuy ông. Mới hôm qua chúng ta đã đồng ý với nhau về thời điểm mà hôm nay ông lại đề nghị thời điểm khác. Vừa thoả thuận xong thì đã lại thay đổi rồi. Như vậy đâu có phải nghiêm chỉnh để giải quyết.

Sau khi nghỉ giải lao, Kissinger nêu lên ba khả năng:

- Một là hai bên thoả thuận được với nhau và ông ta có thể bảo đảm chắc chắn là Washington chấp nhận.

- Hai là hai bên thoả thuận được với nhau nhưng phải sau bốn mươi tám giờ mới biết Washington có chấp nhận không

- Ba là chúng ta không đạt được thoả thuận gì.

Lê Đức Thọ chỉ nói có hai khả năng: hoặc là thoả thuận được với nhau, hai là không. Còn khả năng bốn mươi tám giờ nữa thì không có vì Kissinger có thể nói chuyện với Washington bất kỳ lúc nào.

Kết thúc buổi họp hôm đó Mỹ lại nhắc lại vấn đề Lào, còn ông Thọ nói về vấn đề dân thường bị bắt:

- Đây không phải là mục quan trọng nhưng trong bao năm nay, nhiều cán bộ nhân viên của Chính phủ Cách mạng Lâm thời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng bị Chính quyền Sài Gòn bắt giam giữ. Đó là một điều đau khổ của những người bị giam giữ trong chiến tranh. Bây giờ chiến tranh đã chấm dứt mà họ còn bị giam giữ thì ông thử nghĩ xem lương tâm của chúng tôi sẽ như thế nào. Cho nên một khi đã ngừng bắn thì phải thả tất cả những người đó ra. Hiệp định Genève năm 1954 và 1962 về Lào cũng đã làm như vậy.

Hai bên tiếp tục làm việc hôm sau, 11 tháng 10 năm 1972 một cuộc họp dài nhất trong các cuộc gặp riêng, kéo dài mười sáu giờ liên từ chín giờ ba mươi ngày 11 tháng 10 đến hai giờ sáng ngày hôm sau.

Cuộc họp hôm trước đã giải quyết được nhiều vấn đề lớn. Chiều hướng của Kissinger tỏ ra cũng muốn giải quyết. Còn lại hai vấn đề lớn: vấn đề Lào và bồi thường chiến tranh. Lúc này cuộc nói chuyện giữa hai phái ở Lào cũng đã tiến triển tốt. Qua trao đổi với ta các bạn Lào đồng ý xúc tiến nhanh hơn cuộc nói chuyện ở Viêng Chăn để có thể thực hiện việc ngừng bắn ở Lào cùng một lúc với ngừng bắn ở Việt Nam.

Lê Đức Thọ chủ động nói ngay:

- Đối chiếu những lời phát biểu của ông Cố vấn với bản dự thảo của chúng tôi, chúng tôi thấy chúng ta đã đạt được nhiều điểm quan trọng. Nhưng còn hai vấn đề lớn tồn tại giữa chúng tôi và các ông. Chúng tôi rất quan tâm đến việc Mỹ có trách nhiệm hàn gắn vết thương chiến tranh. Đó là một trong những vấn đề quan trọng nhất trong Hiệp định của chúng tôi. Đồng thời ông Cố vấn quan tâm đến một vấn đề lớn, tức là vấn đề Lào. Nếu ông Cố vấn giải quyết một cách thoả đáng về vấn đề hàn gắn vết thương chiến tranh thì chúng tôi cũng có sự hiểu biết về vấn đề Lào. Một khi ở Việt Nam đã ngừng bắn mà ở Lào còn chiến tranh thì các ông e ngại rằng chúng tôi sẽ dùng con đường Hồ Chí Minh để thâm nhập vào Lào và Campuchia và tiếp tế cho lực lượng ở miền Nam Việt Nam và những cái mà các ông gọi là chiến khu ở Lào và Campuchia.

Kissinger:

- Đúng như vậy.

Lê Đức Thọ:

- Nhưng các ông cũng hiểu đúng mối quan tâm của chúng tôi, vì miền Bắc của chúng tôi bị hai cuộc chiến tranh tàn phá thiệt hại lớn lắm. Vì vậy, việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc không những là trách nhiệm của Mỹ mà còn để mở ra một thời đại mới trong quan hệ giữa hai nước. Điều đó không những lợi cho chúng tôi mà còn lợi cho các ông nữa.

Kissinger khen Lê Đức Thọ đã hiểu rõ mối quan tâm của Mỹ và ông tỏ ra quan tâm đến yêu cầu của ông Thọ. Ông đồng ý về nguyên tắc có sự đóng góp của Mỹ trong một chương trình ba năm... với số tiền 1,5 tỷ đô la, trong đó 600 triệu dành cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Kissinger đề ra việc lập Ban Liên hợp để xây dựng kinh tế miền Bắc Việt Nam, cho đó là một sự bảo đảm tốt hơn là việc kiểm soát con đường Hồ Chí Minh. Ông nhấn mạnh:

- “Có một Ban Liên hợp như vậy chúng ta đã đạt được một nền hoà bình thật sự”.

Nhưng trong dự thảo đưa cho ta hôm đó, phía Mỹ chỉ ghi mập mờ "thi hành chính sách truyền thông của mình, Hoa Kỳ sẽ góp phần vào hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng lại sau chiến tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Đông Dương”.

Lê Đức Thọ tiếp tục nhấn mạnh mối quan tâm của ta về vấn đề này.

Kissinger nói thêm:

- Khi tôi hứa với các ông thì tôi sẽ giữ. Chúng tôi sẽ làm việc này nhanh chóng và kiên quyết để cải thiện quan hệ hai nước, nhưng để khi sang Hà Nội hai bên sẽ ra một tuyên bố về ý định. Chúng ta sẽ giữ bí mật, đầu năm sau chúng ta sẽ có thể công bố một Hiệp định chính thức giữa hai nước.

Lê Đức Thọ chủ động sang vấn đề Lào và Campuchia:

- Khách quan mà nói, vấn đề Campuchia khác với vấn đề Lào, cho nên giải quyết vấn đề Việt Nam và Lào trước vấn đề Campuchia. Cách giải quyết vấn đề đó chúng tôi tôn trọng nguyên tắc quyền dân tộc của họ. Chúng tôi sẽ bàn với đồng minh của chúng tôi ở Lào để thúc đẩy cuộc thương lượng hiện nay ở Lào đi tới kết quả. Sau khi ngừng bắn ở Việt Nam thì có thể trong vòng một tháng các lực lượng nước ngoài sẽ rút khỏi Lào, không được đưa lại quân đội, vũ khí, dụng cụ chiến tranh, không phải chỉ chúng tôi mà cả các ông nữa. Chúng ta sẽ có hiểu biết với nhau như vậy mà không ghi vào Hiệp định. Chúng tôi sẽ có một bản ghi nhận đưa cho các ông và không ghi vào Hiệp định.

Kissinger tóm tắt ý kiến của Lê Đức Thọ và hỏi:

- Lực lượng Trung Quốc có rút không?

- Chúng tôi không làm được việc đó và các ông cũng không làm được.

Kissinger nói Lê Đức Thọ chưa quan tâm tới mối quan ngại thứ hai của ông ta là vấn đề Campuchia:

- Tôi tin là các ông cũng có khó khăn hơn về chính trị đối với Campuchia hơn là vấn đề Lào vì những người bạn của các ông đặt nơi cư trú ở Bắc Kinh. Như vậy thì tình hình phức tạp hơn. Tôi hiểu

các ông.

Nhưng ông ta vẫn nói:

- Nếu không ngăn cản, các ông cứ dùng căn cứ của các ông ở Campuchia sẽ không hạn chế được viện trợ quân sự cho lực lượng quân sự của các ông ở Campuchia. Phía Mỹ đòi có sự hiểu biết rằng các lực lượng Việt Nam ở Campuchia sẽ không mở các cuộc hành quân tấn công Campuchia. Như vậy thì Mỹ sẽ dùng ảnh hưởng của mình để bảo đảm không có cuộc tấn công nào vào lực lượng Việt Nam ở Campuchia.

Lê Đức Thọ nhắc lại sự phức tạp của tình hình Campuchia, nêu rõ hiện nay chưa có đàm phán gì ở đây nên không thể giải quyết vấn đề Campuchia như vấn đề Lào được. Kissinger đành chấp nhận như vậy.

Ta đưa văn bản về Lào, nhưng Kissinger lại ghi cả vấn đề Campuchia vào như sau:

“Sau khi ngừng bắn đã được thực hiện ở Việt Nam sẽ không đưa thêm nhân viên quân sự và dụng cụ chiến tranh vào Lào và Campuchia. Hai là cuộc ngừng bắn ở Lào sẽ được thực hiện trong vòng một tháng sau cuộc ngừng bắn ở Việt Nam. Sau đó quân đội nước ngoài sẽ rút khỏi Lào càng sớm càng tốt”.

Kissinger hỏi lại Lê Đức Thọ:

- Như thế có đúng không?

Lê Đức Thọ:

- Ở đây có hai vấn đề phải phân biệt. Vấn đề Lào chúng tôi sẽ ghi rõ cho các ông như vậy. Vấn đề Campuchia chúng ta hiểu nhau thôi vì vấn đề Campuchia phức tạp lắm.

Kissinger.

- Đúng như vậy.

Sau khi thoả thuận được hai vấn đề trên, hai đoàn đi vào thảo luận từng điểm một, không những về nội dung và nguyên tắc mà cả câu chữ, danh từ. Trong vấn đề ngừng bắn tuy hai bên nhất trí là ngừng bắn tại chỗ, nhưng ta ghi rằng các lực lượng vũ trang hai bên sẽ ở nguyên vị trí trong vùng do mình kiểm soát. Kissinger tỏ ra không chấp nhận có vùng kiểm soát. Ông ta hỏi không biết quân đội ta đóng ở đâu, Chính phủ Cách mạng Lâm thời đóng trụ sở ở chỗ nào. Xuân Thủy nói rõ ba vùng: vùng do Chính phủ Cách mạng Lâm thời kiểm soát - vùng do Chính quyền Sài Gòn kiểm soát, còn một vùng tranh chấp. Kissinger chấp nhận. Nhưng ngay hôm đó, ông ta điện cho đại sứ Mỹ Bunker ở Sài Gòn “yêu cầu Thiệu phải nỗ lực đến mức cao nhất để lần chiếm thêm đất đai của Chính phủ Cách mạng Lâm thời càng nhiều càng tốt” (H. Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 1414)

Phía Mỹ còn đòi ngừng bắn vô thời hạn - Ta ghi là ngừng bắn lâu dài và vững chắc - Cuối cùng thoả thuận trong văn bản tiếng Anh ghi như danh từ Mỹ đề nghị - còn bản tiếng Việt ghi theo đề nghị của ta.

Trong việc chấm dứt ném bom ở miền Bắc, từ kinh nghiệm năm 1968, lần này ta đòi ghi: chấm dứt mọi hành động vi phạm chủ quyền an ninh của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong việc tháo gỡ mìn ở các cửa sông, Mỹ đồng ý sẽ làm, nhưng đòi phía Việt Nam phải hợp tác, điều mà ta không chịu. Mỹ lại đưa ra một câu vu vơ không rõ trách nhiệm của ai. Cuối cùng Kissinger đồng ý Mỹ sẽ tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ tất cả những mìn ở vùng biển, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc Việt Nam.

Trong việc rút quân, hai bên thoả thuận thời hạn là sáu mươi ngày. Lúc đầu Mỹ không chịu nhận rút các nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, nhân viên quân sự phụ trách bảo quản vũ khí, nhưng sau họ cũng nhận.

Về thay thế vũ khí, lúc đầu ta muốn để hai bên miền Nam bàn trong từng thời gian nhưng phía Mỹ đòi ghi cụ thể là hai bên được thay thế vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh đã bị phá huỷ, hư

hồng, hao mòn hoặc dùng hết. Họ đòi không những thay thế vũ khí bộ binh mà còn cả phương tiện chiến tranh của các binh chủng khác. Ta đòi nguyên tắc ngang nhau - trên cơ sở một đôi một - và chủ yếu là vũ khí của bộ binh. Hai bên không thoả thuận được đành gác lại.

Riêng vấn đề tù dân sự là vấn đề mất nhiều thời gian nhất, trong phiên họp này không giải quyết được - mà phiên họp sau nữa cũng chưa xong - mặc dầu Lê Đức Thọ đã nói rõ nhiều lần về trách nhiệm của người Mỹ về đạo lý, về lương tâm con người cũng như về chính trị. Kissinger tuy đuối lý nhưng vẫn tìm cách đổ trách nhiệm cho Chính quyền Sài Gòn và chỉ hứa “Mỹ sẽ dùng ảnh hưởng tối đa” đối với Sài Gòn và tin rằng có thể mang lại một sự ân xá nào đó. Và vấn đề này cũng phải để lại.

Trong vấn đề chính trị nội bộ miền Nam, Mỹ cũng chấp nhận không cam kết với bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào, không tìm cách áp đặt một Chính phủ thân Mỹ ở Sài Gòn.

Về tên gọi, ta đề nghị: một cơ cấu Chính quyền lấy tên là Hội đồng Tối cao Hoà hợp Dân tộc. Kissinger đề nghị Hội đồng Tối cao Hoà hợp Dân tộc chấp nhận chữ cơ cấu, còn chữ “chính quyền” sẽ suy nghĩ thêm.

Cuối cùng thì thoả thuận: lập một “cơ cấu chính quyền” lấy tên là “Hội đồng Quốc gia Hoà giải và Hoà hợp Dân tộc” và giao cho hai bên miền Nam hiệp thương với nhau để lập các “Hội đồng cấp dưới” trong vòng ba tháng.

Về chức năng Hội đồng này, tranh cãi lâu là chữ “đôn đốc”. Yêu cầu của ta là Hội đồng này phải “đôn đốc và giám sát” hai bên thi hành Hiệp định. Phía Mỹ cho rằng với chức năng “đôn đốc”, tổ chức này sẽ có quyền lực cao hơn hai Chính quyền hiện nay ở miền Nam - Họ muốn dùng chữ thúc đẩy.

Cuộc tranh luận về chức năng - nhất là về chữ “đôn đốc” đã trở thành một giai thoại trong cuộc đàm phán. Tất cả thành viên trong đoàn Mỹ dù không biết tiếng Việt cũng biết rõ chữ “đôn đốc” này. Tuy cuối cùng vẫn thoả thuận: “đôn đốc”.

Về tuyển cử, ta đòi "Tổng tuyển cử" - với ý nghĩa là tuyển cử trong toàn quốc. Mỹ chỉ nói tuyển cử, sau họ cũng đồng ý tổng tuyển cử, và thêm: có tuyển cử địa phương mà hai bên miền Nam thoả thuận. Ta chấp nhận. Ta còn đòi thông qua tổng tuyển cử nhân dân miền Nam sẽ quyết định chế độ chính trị của miền Nam. Mỹ không nghe, đề nghị dùng danh từ "tương lai chính trị" vì theo họ đề nghị của Hà Nội có hại cho Sài Gòn. Cuối cùng thì thoả thuận: “Các cơ quan quyền lực mà cuộc tổng tuyển cử đó sẽ bầu ra, sẽ do hai bên miền Nam qua hiệp thương mà thoả thuận”.

Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam cũng là vấn đề tranh cãi kéo dài.

Từ nhiều năm nay, ta luôn luôn bác bỏ yêu cầu rút quân miền Bắc khỏi miền Nam. Dự thảo của Mỹ vẫn ghi vấn đề này do “các bên Việt Nam bàn bạc giải quyết”. Ta đòi ghi rõ “các bên Nam Việt Nam” bàn bạc giải quyết và đề xuất việc giảm quân số và phục viên. Trước thái độ kiên quyết của Lê Đức Thọ, Kissinger chấp nhận và đề nghị ghi:

“Trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận có vấn đề các biện pháp giảm số quân của các lực lượng vũ trang hai bên và phục viên số quân đã giảm”.

Công thức này không khác công thức ta đưa ra nhiều lắm - nhưng có vẻ lòng nhún hơn, có thể giải thích quanh co hơn - và thực tế sau này sẽ xảy ra như vậy.

Đến đây thì cuộc họp đã hoàn thành về cơ bản Hiệp định. Cả Lê Đức Thọ và Kissinger đều tỏ ra vui mừng.

Kissinger vạch ra hai thời gian biểu chèn nhau một ngày.

Ngày 17 tháng 10: gặp lại.

Ngày 18 tháng 10: Kissinger đi Sài Gòn.

Ngày 21 tháng 10: Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc.

Ngày 22 tháng 10: Kissinger vào Hà Nội.

Ngày 26 tháng 10: công bố Hiệp định.

Ngày 29 tháng 10 hoặc 30 tháng 10: ký Hiệp định tại Paris.

Ông ta đưa ra một lịch công tác khác mà Lê Đức Thọ nhắc lại:

Ngày 17 tháng 10: gặp lại nhau

Ngày 22 tháng 10: Kissinger đi Sài Gòn.

Ngày 27 tháng 10: công bố Hiệp định.

Ngày 30 hoặc 31 tháng 10: ký Hiệp định.

Đây là một kế hoạch cốt để lừa ta. Kissinger sau này viết rằng: “Hà Nội giữ vững nó - và tôi không bao giờ tìm cách thúc đẩy quá trình đó” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1418).

Hai vấn đề: thay thế vũ khí và tù dân sự ở Nam Việt Nam sẽ giải quyết hôm 17 tháng 10. Lê Đức Thọ báo cho Kissinger biết sẽ về Hà Nội để đón ông ta. Còn Bộ trưởng Xuân Thuỷ sẽ gặp ông ta hôm 17 tháng 10.

Lê Đức Thọ vui vẻ nói:

- Cuộc đàm phán của chúng ta đã kéo dài bốn năm cũng là cuộc đàm phán dài nhất trong lịch sử đàm phán thế giới. Chúng tôi đã cố gắng nhiều và các ông cũng đã cố gắng nhiều. Hôm nay chúng ta đã thoả thuận được nhiều vấn đề tuy chưa hoàn thành Hiệp định vì còn hai vấn đề. Nhưng nếu chúng ta cố gắng nhất định chúng ta sẽ đạt tới việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình.

Ông Thọ chúc Kissinger sang thăm Hà Nội bình yên, Kissinger đáp lại:

- Tôi đã thương thuyết vấn đề Việt Nam từ 1967 và với ông Cố vấn đặc biệt từ năm 1969. Chúng ta đã qua nhiều giai đoạn gay go, nhưng chúng ta đã vượt qua những giai đoạn đó. Và cả hai bên chúng ta cũng như hai dân tộc chúng ta đều nhận thức được rằng hoà bình là mục đích quan trọng nhất...

Trong khi chúng ta đi từ quan hệ đối địch sang quan hệ hữu nghị, chúng ta phải nhớ rằng hai bên đã trải qua đau khổ nhiều, chúng ta không nên đặt vấn đề nói cuộc chiến tranh này bên nào thắng lợi bên nào thất bại... Thắng lợi thật sự của chúng ta bây giờ là quan hệ lâu dài giữa chúng ta. Khi chúng tôi và đồng sự của chúng tôi đến Hà Nội, chúng tôi tỏ lòng kính trọng nhân dân Bắc Việt Nam anh hùng và bắt đầu thời kỳ mới trong quan hệ giữa chúng ta. Chúng tôi biết các ông theo đuổi hoà bình với sự kiên quyết như khi các ông tiến hành chiến tranh.

Về kết quả cuộc gặp riêng này, Kissinger báo cho Nixon rằng “Lê Đức Thọ đã trình bày một đề nghị mới đáp ứng hầu hết các đòi hỏi chủ yếu của chúng ta”: ngừng bắn, lấy được tù binh, lực lượng Bắc Việt rút khỏi các nước láng giềng, và quan trọng nữa là giữ được Chính quyền Sài Gòn.

R. Nixon cho rằng có ba vấn đề lớn trong đối ngoại: Trung Quốc, Liên Xô và Việt Nam. Đến nay chúng ta mới thành công được hai: mở cửa với Trung Quốc và bước vào mối quan hệ mới với Liên Xô. Còn mục tiêu thứ ba: giải quyết chiến tranh Việt Nam: vẫn lẩn tránh chúng ta. Bây giờ, Kissinger nói: “xem ra chúng ta có thể đạt được cả ba. Lê Đức Thọ đã đưa ra một đề nghị mới đáp ứng tất cả yêu cầu lớn của chúng ta”. Nixon kể ra các yêu cầu đó và kết luận: “Tất cả những điều quy định là tương đương với một sự đầu hàng hoàn toàn của kẻ thù. Họ đã chấp nhận một giải pháp theo điều kiện của chúng ta” (R. Nixon. Hồi ký Sđd, tr 691, 692).

Washington có lý do để vui mừng.

Còn ta, sau đợt đấu tranh này, đoàn báo cáo về Hà Nội: Ta đã đạt được bốn yêu cầu (Mỹ chấm dứt dính líu quân sự; - ngừng bắn miền Nam, miền Bắc, rút quân; - công nhận hai Chính quyền, hai Quân đội, hai vùng kiểm soát; - công nhận quyền tự quyết của nhân dân Nam Việt Nam; - công nhận các quyền tự do dân chủ ở miền Nam). Ngoài ra Mỹ còn nhận đóng góp để xây dựng lại sau chiến tranh.

Tuy nhiên, đoàn vẫn cho rằng còn nhiều dấu hiệu Mỹ muốn vượt tuyến cử mà không ký kết - ta

phải hết sức cảnh giác. Đoàn đề nghị nắm chắc thể chủ động về thời điểm và cách đàm phán. Không cho Mỹ kéo dài các vấn đề tồn tại. Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng để nếu Mỹ không chịu ký kết thì ta kịp thời chuyển sang tấn công công khai.

Nixon: Hiệp định xem như đã hoàn thành.

Cuộc họp ngày 17 tháng 10, phía ta có thêm Lưu Văn Lợi, mà Kissinger đoán “chắc ông này là người dạy luật giáo hội”, phía Mỹ có thêm W. Sullivan, cựu đại sứ Mỹ ở Lào, có vai trò đối với Kissinger, theo như Kissinger nói, như vai trò của Phan Hiền đối với Xuân Thuỷ.

Chủ trương của ta là không để phiên họp kéo dài.

Nhưng phía Mỹ, cùng với những thủ đoạn xảo trá đã gây thêm những vấn đề mới.

Ngày 13, họ gửi cho ta một công hàm nói rằng Tổng thống chấp nhận bản dự thảo làm cơ sở Hiệp định, trừ một số vấn đề kỹ thuật và thay đổi thực chất thì phía Mỹ có thể chấp nhận được. Những thay đổi họ yêu cầu là ở ngay trong dự thảo của Hoa Kỳ.

Trong trả lời, đoàn ta vạch ra rằng việc Hoa Kỳ đòi thay đổi thực chất là nhằm thay đổi nội dung của hai điều khoản đã thoả thuận. Đó là trái với nguyên tắc không bên nào được sửa đổi nội dung đã thoả thuận. Ta cho rằng Mỹ đặt thêm điều kiện và gây khó khăn cho đàm phán.

Trong công hàm ngày 14 tháng 10 gửi cho Mỹ, ta nói về những người dân sự bị bắt như sau:

“Theo luật pháp quốc tế, trong cuộc chiến tranh khi chiến sự đã chấm dứt, thì tất cả những người của các bên bị bắt phải được trao trả ngay. Hơn thế nữa, với tính chất của cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam thì sau khi ngừng bắn việc trao trả những người dân sự cũng như việc trao trả những người quân sự của các bên bị bắt giữ là một nghĩa vụ mà không bên nào được thoái thác và trì hoãn.

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho rằng trong vấn đề phía Hoa Kỳ bênh vực cho một lập trường rất sai trái để một bên có thể tiếp tục giam giữ những người dân sự của bên kia. Đó là trái đạo lý không công bằng và vô nhân đạo”.

Phía Mỹ nhận rằng vấn đề này có ý nghĩa rất lớn và liên quan đến những tình cảm thiêng liêng nhất và sẽ hết sức tìm một giải pháp.

Nhưng khi vào họp, Kissinger lại nói rằng phía Hoa Kỳ chưa thuyết phục được Sài Gòn và đề nghị "Hai bên Nam Việt Nam sẽ thực hiện điều khoản này càng sớm càng tốt, làm hết sức mình để giải quyết trong ba tháng sau khi ngừng bắn".

Như vậy lại thêm vấn đề mới. Ngoài danh từ “thường dân vô tội” mà Mỹ vẫn bám giữ, họ còn kéo dài thêm thời hạn mà hai bên đã thoả thuận từ hai tháng lên ba tháng.

Kissinger giải thích thêm khó khăn của Hoa Kỳ ở hai điểm sau đây: .

- Một là các ông muốn Mỹ đồng ý để tất cả lực lượng của các ông ở lại Nam Việt Nam, điều đó đã là khó khăn lớn của Hoa Kỳ đối với Sài Gòn rồi. Hoa Kỳ chưa bao giờ đồng ý việc đó.

- Hai là thêm vào đó các ông đòi Sài Gòn phải thả 30.000 người của phía các ông một khi số người đó được thả ra họ sẽ tham chiến chống lại Sài Gòn.

Xuân Thuỷ:

- Tôi thấy lý do ông đưa ra là không đứng vững được. Thế thì Chính phủ Cách mạng Lâm thời có nên thả những người bị bắt ra không. Ngay những phi công Mỹ bị bắt chúng tôi cũng thả ra và không nghi ngại gì. Chúng tôi không đòi điều gì khác ngoài điều chúng ta đã thoả thuận là những người hai bên bị bắt phải được thả ra song song với thời hạn rút quân.

Kissinger vẫn nhắc lại sự phản đối của Sài Gòn và nói ý định của Mỹ không phải là không chịu thả trước ba tháng mà dự định trước khi ký Hiệp định, Mỹ sẽ cho ta biết một số chắc chắn những người được thả coi như ân xá và sau đó Mỹ sẽ dùng ảnh hưởng tối đa của mình để giải quyết toàn bộ

vấn đề một cách nhanh chóng - như vậy là trong thời gian hai tháng sẽ có một số lớn người được thả như nói trong Hiệp định, còn lại chúng tôi sẽ dùng ảnh hưởng tối đa để họ được thả trong ba tháng.

Xuân Thuỷ đưa ra công thức đã nói trong Hiệp định Genève năm 1954 là:

"Việc trao trả người của hai bên bị bắt và bị giam giữ vì đã tham gia bằng mọi cách vào cuộc chiến tranh chính trị và vũ trang giữa các bên sẽ được tiến hành song song và hoàn thành cùng một ngày với việc rút quân nói ở điều ... " .

Kissinger thừa nhận rằng mối quan tâm của ta là hợp lý nhưng vẫn nói vấn đề này thuộc thẩm quyền của Sài Gòn và thêm: Một là ở đây hai bên có thể thoả thuận được điều gì, hai là ông ta đi Sài Gòn rồi sẽ trở lại đây để hai bên có thể thoả thuận thêm. Ông ta tin rằng những đề nghị của Mỹ sẽ được Sài Gòn chấp nhận:

“Nếu các ngài muốn thì chúng tôi có thể giảm bớt thời hạn ba tháng xuống hai tháng”.

Hai bên chỉ có thể làm như vậy, nếu Việt Nam muốn Hoa Kỳ làm hơn nữa thì chỉ có cách ông ta mang đề nghị của Hà Nội đi Sài Gòn rồi tuần tới trở lại thảo luận thêm. Và như vậy chương trình làm việc sẽ hoãn lại ba đến sáu ngày - có lúc ông ta nói tám ngày.

Xuân Thuỷ đưa ra một công thức khác gần giống như công thức trước nhưng Kissinger vẫn không chịu và nói lại là Hoa Kỳ chỉ có thể làm được một trong hai việc: cam kết sẽ có một số lớn người được thả song song với việc rút quân; cam kết thứ hai là sẽ dùng ảnh hưởng tối đa của Hoa Kỳ để giải quyết thoả đáng trong hai tháng.

Ông ta lại đề nghị tách vài khía cạnh của vấn đề này để giải quyết sau mặc dầu làm như vậy ông ta công nhận là đau khổ.

Xuân Thuỷ:

- Chúng ta muốn chấm dứt chiến tranh, muốn nhân dân miền Nam Việt Nam không có hận thù với nhau, thế nhưng đã ngừng bắn rồi, đã ký Hiệp định rồi mà Chính quyền Sài Gòn vẫn giữ một số người không thả, bên Chính phủ Cách mạng Lâm thời cũng không thả hết, thậm chí còn giữ một số người của Mỹ thì kết quả sẽ như thế nào? Kết quả là nuôi mầm hận thù xung đột, điều đó có gì tốt đâu.

Kissinger nói chắc chắn là các nhân viên quân sự của Bắc Việt Nam, của Chính phủ Cách mạng Lâm thời sẽ được thả và một số lớn số người dân sự cũng sẽ được thả, số còn lại sẽ có một cố gắng lớn để thả không những thông qua thương lượng của các bên Nam Việt Nam mà còn thông qua việc Mỹ dùng ảnh hưởng tối đa của mình để thực hiện việc đó. Rồi ông ta nhắc lại hai cách đã nói: công thức của Mỹ hoặc đem công thức của Việt Nam đi Sài Gòn rồi tuần sau gặp lại.

Xuân Thuỷ vạch rõ trách nhiệm việc này là của Hoa Kỳ, phê phán cách giải quyết của Hoa Kỳ là không công bằng và vô nhân đạo. Vấn đề này tạm gác lại.

Sang vấn đề thay thế vũ khí, Kissinger đưa ra công thức giống công thức của Hiệp định Genève năm 1954 là hai bên được thay thế vũ khí đạn dược, dụng cụ chiến tranh bị phá hủy, hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết sau khi ngừng bắn trên cơ sở một đổi một, cùng chủng loại và đặc điểm tương tự.

Xuân Thuỷ không đồng ý - vì lý do đơn giản: Mỹ sẽ đưa vào cho Sài Gòn một số lượng lớn hơn nhiều so với số vũ khí chính phủ Cách mạng Lâm thời được thay thế. Xuân Thuỷ vẫn giữ nguyên tắc ngang nhau.

Kissinger lại viện ra việc Quân đội miền Bắc không phải rút trong khi đó (việc thay thế vũ khí cho Chính phủ Sài Gòn) lại bị Việt Nam phủ quyết.

Xuân Thuỷ đưa ra đề nghị mới: cả hai vấn đề tù dân sự và thay thế vũ khí đều viết theo công thức của Hiệp định Genève năm 1954... và thay chữ nguyên tắc ngang nhau thành nguyên tắc bình đẳng. Kissinger vẫn không chịu.

Cuối cùng Xuân Thuỷ đề nghị:

- Về hai vấn đề này - việc trao trả những người bị bắt và thay thế vũ khí - ông đi Sài Gòn rồi

ông vào Hà Nội như ta đã định với nhau. Và ở Hà Nội ông sẽ trao đổi hai vấn đề này với các nhà lãnh đạo chúng tôi, chắc chắn có thể giải quyết một cách thoả đáng.

Kissinger đề nghị sau khi ông ta đi Sài Gòn sẽ có cuộc gặp với Lê Đức Thọ ở Viên Chăn để giải quyết tất cả vấn đề, sau đó ông ta sẽ đi Hà Nội. Kissinger nói một cách lấp lửng rằng sẽ cố gắng thực hiện điều đã thoả thuận nhưng thời điểm và cách giải quyết phải phụ thuộc vào hoàn cảnh.

Thấy rõ âm mưu của Mỹ là cố kéo dài, Xuân Thuỷ phê phán ngay. Cuộc họp kết thúc một cách nặng nề không rõ ràng.

Buổi họp hôm ấy ngoài hai vấn đề trên cũng giải quyết được các bất đồng về câu chữ mà các chuyên viên đã nêu ra từ phiên họp 12 tháng 10. Phía Mỹ còn nêu ra vấn đề mới: đòi Cộng hoà Triều Tiên tham gia Ủy ban Quốc tế và Hội nghị Quốc tế, nhưng đã bị bác bỏ.

Ngày sáng 18 tháng 10, đoàn Mỹ gửi cho ta một công hàm nhân danh Tổng thống Hoa Kỳ:

1- Tổng thống cho rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ đã đến rất gần một sự thoả thuận.

2- Tổng thống không thể đồng ý về một cuộc đi thăm Hà Nội của Tiến sĩ Kissinger hoặc về một cuộc ngừng bắn đơn phương một số hoạt động quân sự của Hoa Kỳ trừ phi trong khuôn khổ của một thoả thuận đã hoàn thành.

3- Vì những bất đồng về những điều khoản 7 và 8 và vì tính chất không được thoả đáng của một vài tuyên bố đơn phương của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nên thời gian cho cuộc đi thăm như thế chưa chín muồi.

Công hàm đề nghị thêm một cuộc gặp riêng khác trong vòng hai hoặc ba ngày và đề nghị thời gian biểu sau đây: Ngày 22, 23, và nếu cần thì thêm ngày 24 tháng 10, Kissinger và Lê Đức Thọ gặp nhau ở Viên Chăn. Ngày 25 và 26 tháng 10 (hoặc 26 và 27 tùy thuộc vào thời gian dài ngắn của cuộc gặp ở Viên Chăn), Kissinger đi Hà Nội để thảo luận kế hoạch sau chiến tranh với các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 27 hoặc 28 tháng 10, Kissinger về Washington; ngày 28 hoặc 29 tháng 10 công bố điều khoản thoả thuận cuối cùng.

Ngày 19 tháng 10, hồi hai mươi giờ, nhân danh Thủ tướng Chính phủ, đoàn Việt Nam trả lời cho Mỹ:

“2- Để tỏ thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí của mình, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà làm hết sức mình để gạt bỏ những trở ngại cuối cùng nhằm hoàn thành bản Hiệp định, bảo đảm ngày Tiến sĩ Henry Kissinger vào Hà Nội và ngày ký chính thức Hiệp định như đã thoả thuận.

Do đó phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý công thức do phía Hoa Kỳ đưa ra vấn đề thay thế vũ khí nói trong điều 7 và những đề nghị của Tiến sĩ Henry Kissinger về điều 8 trong cuộc gặp ngày 17 tháng 10 năm 1972”.

Như vậy, ta chấp nhận việc thay thế vũ khí trên cơ sở một đổi một cùng đặc điểm và tính năng (điều 7).

Còn vấn đề nhân viên dân sự bị giam giữ ở miền Nam, ta cũng chấp nhận “sẽ có các bên miền Nam giải quyết trong vòng ba tháng”. Nhưng cũng ghi nhận lời cam kết đơn phương của Kissinger: “Mỹ sẽ dùng ảnh hưởng tối đa để làm cho số lớn được trao trả trong hai tháng, và số còn lại được trao trả hết trong ba tháng”.

Ta khẳng định rằng những trở ngại cuối cùng đã được giải quyết nên đòi thực hiện thời gian biểu mà hai bên đã thoả thuận ngày 11 tháng 10 năm 1972:

Mỹ chấm dứt ném bom và thả mìn miền Bắc Việt Nam ngày 21 tháng 10. Kissinger vào Hà Nội ngày 22 và 23 tháng 10 và ký Hiệp định chính thức tại Paris đúng ngày 30 tháng 10 năm 1972.

Mỹ trả lời ta rất nhanh chóng. Sáng hôm sau, 20 tháng 10, hồi mười giờ, nhân danh Tổng thống Mỹ gửi công hàm cho Thủ tướng Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có đoạn:

“1- Phía Hoa Kỳ hoan nghênh thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thể hiện trong công hàm ngày 19 tháng 10 năm 1972. với hai điều khoản trong điều 7 và 8 mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thoả thuận trong công hàm của mình, văn bản của Hiệp định bây giờ có thể xem là đã hoàn thành” (người trích gạch dưới).

Công hàm còn nêu thêm nhiều vấn đề nữa mà Mỹ quan tâm: vấn đề tù binh ở Lào và Campuchia, vấn đề ngừng bắn ở Lào và vấn đề chấm dứt các hoạt động quân sự ở Lào và Campuchia (điều 15b). trong công hàm, phía Mỹ còn trích những tuyên bố của Lê Đức Thọ trong các cuộc gặp riêng hồi tháng 9 và tháng 10, coi đó là cam kết của ta. Để tỏ ra công bằng và có thiện chí, công hàm cũng nêu ra các cam kết của Hoa Kỳ dưới hình thức “hiểu biết” (understanding) - chấm dứt hoạt động trinh sát ở miền Bắc; việc đậu các tàu sân bay xa bờ biển Việt Nam, còn vấn đề trách nhiệm của Hoa Kỳ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh “sẽ được thảo luận trong cuộc đi thăm Hà Nội của Tiến sĩ Kissinger ...”.

Công hàm còn viết:

“4- Một khi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xác nhận những hiểu biết này... thì Hiệp định có thể coi là hoàn thành” .

Tiếp đó phía Hoa Kỳ đề nghị một thời gian biểu mới, thay đổi hai mươi tư tiếng đồng hồ về thời gian ký Hiệp định:

Ngày 24 tháng 10, Kissinger tới Hà Nội và rời Hà Nội ngày 26 tháng 10.

Ngày 27 tháng 10, hồi hai mươi một giờ, giờ Washington, đưa tin về Hiệp định.

Ngày 31 tháng 10, ký Hiệp định tại Paris.

Trước đó ngày 23 tháng 10, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt ném bom và thả mìn ở Bắc Việt Nam vào chiều tối hôm đó.

Công hàm nói tiếp có vẻ khẳng định:

“Ngay sau khi nhận được những lời xác nhận thì Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể tin là phía Hoa Kỳ sẽ tiến hành theo thời gian biểu đề nghị trên”.

Công hàm kết thúc bằng việc nói rằng kết thúc chiến tranh nay đã đến rất gần sẽ đưa lại một thời kỳ mới trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 21 tháng 10, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trả lời công hàm của Tổng thống Mỹ.

Công hàm phê phán Hoa Kỳ gây thêm phức tạp mới làm trở ngại cho việc ký Hiệp định Paris đúng thời gian hai bên thoả thuận và cho phía Mỹ biết:

“2- Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ làm đúng những điều đã tuyên bố với phía Hoa Kỳ và không có gì thay đổi. Song, cần phải nói rõ rằng vấn đề Lào và Campuchia là thuộc chủ quyền của người Lào và người Campuchia. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Hoa Kỳ đều có nghĩa vụ tôn trọng chủ quyền của Lào và Campuchia như hai bên đã cam kết trong điều 15 của Hiệp định về Việt Nam đã thoả thuận”.

Công hàm cũng xác nhận lại các tuyên bố của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và cho Mỹ biết:

“Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được Mặt trận Lào yêu nước thông báo rằng họ sẵn sàng thoả thuận với phía bên kia về một cuộc ngừng bắn ở Lào trong vòng một tháng kể từ ngày 31 tháng 10 năm 1972 hoặc sớm hơn, và những người Hoa Kỳ bị bắt ở Lào sẽ được thả ngay trước ngày 30 tháng 12 năm 1972”.

Về Campuchia, công hàm viết:

“Sau khi chiến tranh ở Việt Nam chấm dứt, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tích cực góp phần vào việc lập lại hoà bình ở Campuchia. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà biết rõ rằng không có người Hoa Kỳ nào bị bắt ở Campuchia”.

Công hàm cũng xác nhận lại:

“Mọi lực lượng vũ trang nước ngoài, gồm các lực lượng vũ trang của Hoa Kỳ, của Thái Lan và của các bên Việt Nam sẽ chấm dứt hoạt động quân sự, rút hết và không đưa trở lại hai nước nói trên quân đội, vũ khí và dụng cụ chiến tranh...”

Ta cũng chấp nhận thời gian biểu mới do Mỹ đề nghị. Hai mươi ba giờ ngày 20 tháng 10 năm đó, Mỹ gửi thông điệp cho ta nói:

"Tổng thống ghi nhận và hoan nghênh công hàm của Thủ tướng (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà), công hàm đó thoả mãn tất cả những điều Tổng thống nêu ra vấn đề Lào và Campuchia cũng như vấn đề tù binh Hoa Kỳ".

Nhưng công hàm cũng nói đến việc phía Việt Nam lộ bí mật cho nhà báo Mỹ Armand Borchgrave và yêu cầu ta không có hành động công khai...

Đến đây Việt Nam thấy rõ âm mưu của Mỹ là không chịu ký kết Hiệp định như thời gian biểu mà chính họ đề nghị với một lý do giả tạo.

Thiệu cản đường. Nixon lật lọng

Mười lăm giờ ngày 23 tháng 10 năm 1972, Tổng thống Mỹ thông báo cho Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà việc khẩn cấp sau đây:

“Hoa Kỳ đã tiến hành công việc với lòng chân thành... Nhưng đã có những khó khăn sau đây: Trước hết Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tìm cách làm việc với một tốc độ quá mức. Thứ hai, cuộc phỏng vấn giữa Thủ tướng Phạm Văn Đồng với phóng viên báo Newsweek (Tin trong tuần - Tác giả) đã có ảnh hưởng rất tai hại vào một lúc quyết định ở Sài Gòn. Những cuộc Hiệp thương tế nhị có thể bị phá hoại do việc có thể coi là việc loan báo về một Hiệp định vẫn còn đang được thảo luận và bằng những việc công kích vào cơ cấu và những người mà Hiệp định đó vẫn duy trì. Thứ ba, có vấn đề là... lực lượng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở miền Nam Việt Nam. Thứ tư, có nhiều vấn đề kỹ thuật đã xuất hiện...”.

Công hàm lại đề nghị một cuộc gặp riêng nữa ở Paris và hoãn chuyến đi Hà Nội của Kissinger.

Thái độ lật lọng của Nixon đã rất rõ, và những lý do mà họ nêu là không chính đáng. Sự thật là Mỹ muốn nuôi dưỡng Thiệu, làm Thiệu mạnh hơn nữa khi Mỹ rút đi. Thiệu biết điều đó nên cố đòi Mỹ thêm nữa và gây cản trở cho Washington. Năm 1968, Thiệu đã cản trở được Johnson, nay cũng hy vọng diễn lại vở kịch đó.

Với bản chất cực kỳ hiếu chiến và phát xít, Thiệu phản đối Mỹ nói chuyện với miền Bắc, phản đối việc chấm dứt ném bom miền Bắc, phản đối giải pháp chính trị. Với một lực lượng quân sự hơn hẳn lực lượng vũ trang của cách mạng miền Nam được trang bị vũ khí tối tân, Thiệu hy vọng sẽ chiếm được tất cả các thành phố lớn nhỏ, làm chủ các địa bàn chiến lược, các đường giao thông chủ yếu, kìm kẹp được đa số nhân dân miền Nam, Thiệu cho rằng nếu Mỹ ở lại một thời gian nữa thì ông ta có thể tiêu diệt được cách mạng miền Nam và “Hà Nội có thể phải đầu hàng vô điều kiện”.

Thiệu cũng không muốn tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị vì đó là "Vùng nước nguy hiểm đối với đồng minh dễ bị tổn thương của chúng ta (tức Hoa Kỳ - Tác giả) ở Sài Gòn" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1379, 1373, 1404.).

Tóm lại, đứa con đẻ này của Washington đã quá lớn rồi từ khi nó ra đời nhưng vẫn không muốn rời cái rốn của mẹ Mỹ.

Còn Mỹ, tình thế bắt buộc phải rút khỏi Việt Nam trong danh dự và Hiệp định đã thoả thuận đảm bảo cho Mỹ điều kiện đó. Nhưng Thiệu biết cái yếu của Mỹ là không dám bỏ rơi mình nên tìm cách thọc gậy bánh xe. Trong quá trình nói chuyện ở Paris, Mỹ luôn thông báo cho Thiệu, và Thiệu có lúc

đã đồng ý không đòi quân miền Bắc rút đi (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng, Sđd tr. 1404.).

Nhưng ngày 23 tháng 9 tại Huế, Thiệu tuyên bố công khai rằng không có kẻ nào có quyền thương lượng hay chấp nhận một giải pháp ngoài nhân dân Nam Việt Nam.

Ngày 4 tháng 10, khi tướng Haig, đại diện của Nixon đến Sài Gòn thuyết phục, Thiệu chống lại tất cả các đề nghị của Mỹ. Ông ta đã khóc trước mặt Haig và sau này cả trước mặt Kissinger. Haig báo cáo về Washington rằng Thiệu bác bỏ toàn bộ các phản đề nghị của Hoa Kỳ.

Sau khi họp với Xuân Thuỷ hôm 17 tháng 10, Cố vấn Nhà Trắng đi miền Nam trong năm ngày. Khi Kissinger đến Sài Gòn, Thiệu từ chối không thảo luận nội dung Hiệp định mà Nixon cho là “đã hoàn hảo”. Có lần Cố vấn Nhà Trắng và đại sứ Mỹ Bunker vào phòng làm việc của Thiệu mà ông ta không thèm chào. Hôm ấy Nixon đã gửi cho Thiệu một bức thư nói rằng Hoa Kỳ không có giải pháp nào hợp lý hơn là chấp nhận Hiệp định đó (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr. 696). Tất nhiên, Kissinger còn được Nixon cho phép bảo đảm với Thiệu rằng Thiệu có thể tin tưởng tuyệt đối Nixon sẽ ủng hộ ông ta trong những ngày tới.

Khi Kissinger làm việc với Trần Văn Lắm, Tổng trưởng Ngoại giao của Thiệu, Lắm đòi sửa 23 điểm trong Hiệp định đã thoả thuận trong đó có những vấn đề rất quan trọng như vấn đề “cơ cấu Chính quyền”. Lắm đòi Hội đồng Quốc gia hoà hợp và hoà giải dân tộc chỉ là cơ quan bầu cử; Lắm đòi xoá bỏ tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời, đòi rút quân miền Bắc... Tóm lại, Thiệu đòi miền Nam Việt Nam là một Quốc gia riêng biệt.

Tối 22 tháng 10, khi gặp Kissinger, Thiệu đòi Mỹ hãy từ bỏ việc kinh doanh (enterprise) ở Paris (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1437, 1438.). Kissinger viết: “Chúng tôi trở thành tù binh của lịch công tác mà chúng tôi đã đề ra” (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr. 700.).

Nixon tỏ ra bức bối và đã có lúc phải tính đến việc ký Hiệp định riêng rẽ với kẻ thù. Có lúc Nixon gửi thư cho Thiệu nhấn mạnh rằng: “quyết định của ông (Thiệu) sẽ có hậu quả nghiêm trọng đến khả năng duy trì sự ủng hộ của tôi (Nixon) cho ông và cho Chính phủ Nam Việt Nam” (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr. 700.).

Nhưng Nixon không thể bỏ rơi được đứa con của bốn đời Tổng thống ở xứ xa xôi này. Ông ta còn tin vào sự thắng lợi ở cuộc bầu cử sắp tới. Ông ta lo sợ một sự tan vỡ công khai với Thiệu trước tuyển cử hơn là sợ Việt Nam công bố Hiệp định mà ông ta cho là dễ trang trải với dư luận Mỹ, nên đã chỉ thị cho Kissinger không gây nên sự đổ vỡ ở Sài Gòn mà cần có sự thoả thuận hoàn toàn với Thiệu.

Trong khi trì hoãn việc ký Hiệp định vào thời hạn đã thoả thuận, ngày 24 tháng 10, Mỹ lại gửi công hàm cho ta đề nghị có cuộc gặp gỡ riêng thêm nữa để thoả thuận ba loại vấn đề thuộc về vấn đề kỹ thuật và thực chất, trong đó có "việc thảo luận thêm về sự bố trí quân đội bên ngoài Hiệp định", "việc ngừng bắn gần như đồng thời ở Đông Dương".

Ngày hôm sau họ lại gửi công hàm nhắc lại đề nghị có thêm các cuộc gặp riêng nữa và đe dọa:

“Sẽ tùy thuộc ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quyết định xem có nên hy sinh tất cả những cái đã thực hiện được bằng một chính sách thoả mạ ở nơi công khai và không nhân nhượng trong gặp riêng hay không”.

Cùng với đề nghị này, Mỹ tăng cường vận động qua Liên Xô và Trung Quốc gây sức ép buộc Việt Nam chấp nhận đề nghị đó.

Nhưng cả Liên Xô và Trung Quốc đều ép Mỹ ký Hiệp định vào 31 tháng 10 năm 1972. Liên Xô còn ép Kissinger đi Hà Nội nhưng cũng thường xuyên truyền đạt ý kiến của Mỹ cho ta và gợi ý ta gặp lại theo đề nghị của Mỹ. Riêng trong ngày 25 tháng 10, đại sứ Liên Xô ở Hà Nội đã hai lần gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng (Một lần vào lúc 2 giờ sáng) về việc này. Đại diện Liên Xô nói:

“Ban lãnh đạo Liên Xô mong các đồng chí Việt Nam hãy làm tất cả những gì có thể làm được để cho những thoả thuận đã đạt được không tan thành mây khói. Việt Nam nên quyết định cử đồng chí Lê

Đức Thọ đi Paris...”.

Ta không cắt cầu, nhưng không chấp nhận hợp lại theo yêu cầu của Mỹ, ta vẫn đòi Mỹ ký văn bản đã thoả thuận đúng 31 tháng 10.

Trong công hàm ngày 23 tháng 10 gửi đoàn Mỹ, một lần nữa ta vạch rõ Hoa Kỳ đã vi phạm có không chính đáng để vi phạm một cách rất nghiêm trọng những điều đã thoả thuận. Ta bác bỏ việc gặp lại và cảnh cáo:

“Nếu phía Hoa Kỳ cứ vi phạm có này có khác để kéo dài đàm phán, trì hoãn việc ký kết thì nhất định chiến tranh Việt Nam sẽ tiếp tục và phía Hoa Kỳ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm... Lời tuyên bố này của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là rất nghiêm chỉnh, phía Hoa Kỳ phải chú ý thật đầy đủ”.

Hôm sau ta báo cho phía Mỹ rằng: Hiệp định đã hoàn thành, Hà Nội “sẵn sàng đón Kissinger vào để ký tắt Hiệp định, đảm bảo ký chính thức vào 31 tháng 10 năm 1972”.

Trước thái độ lật lọng quá rõ ràng của Nixon, ngày 25 tháng 10, các nhà lãnh đạo Hà Nội quyết định đưa ra công khai tình hình gặp riêng, công bố Hiệp định đã thoả thuận giữa hai bên. Đó là chủ trương đã dự tính từ trước.

Ngày 26 tháng 10 năm 1972, Chính phủ ta ra tuyên bố “về tình hình cuộc đàm phán về vấn đề Việt Nam hiện nay”, tóm tắt quá trình đàm phán ở Paris trong hơn bốn năm qua, sự tiến triển của cuộc thảo luận từ đầu tháng 10 và việc hoàn thành Hiệp định ngày 22 tháng 10, những điểm chủ yếu của thoả thuận, cùng thời gian biểu mà hai bên đã thoả thuận. Ta cũng công bố một số công hàm mà Mỹ gửi cho ta về việc này và bác bỏ những lý do không chính đáng của Mỹ nêu ra để trì hoãn việc ký kết và qui trách nhiệm kéo dài chiến tranh cho Mỹ.

Bản tuyên bố cũng khẳng định lập trường của ta giữ đúng những lời cam kết và đòi Chính phủ Hoa Kỳ cũng phải giữ đúng những điều đã cam kết, ký bản Hiệp định đã thoả thuận vào ngày 31 tháng 10 năm 1972.

Đây là một đợt đấu tranh công khai có tiếng vang rất rộng. Đoàn ngoại giao ở Hà Nội được thông báo tương đối đầy đủ. Các đại sứ và đại diện ta ở nước ngoài cũng thông báo cho các nước sở tại. Rất nhiều cuộc họp báo đã được tổ chức ở Hà Nội, Paris và thủ đô của nhiều nước. Các hãng thông tấn báo chí, đài phát thanh các nước trong nhiều ngày liên tiếp đưa tin tức về việc này.

Hãng U.P.I. của Mỹ đưa tin rằng Bắc Việt Nam đã đưa quả bóng sang sân Mỹ. Hãng A.F.P. của Pháp nhận xét: Nixon bị dồn vào chân tường... bị đặt vào tình thế nghiêm trọng phải lựa chọn giữa các khả năng: ký sớm Hiệp định, hoặc bỏ rơi Thiệu hoặc tiếp tục chiến tranh.

Nhiều nhân vật quan trọng trong chính giới Mỹ, chủ yếu là phe đối lập đòi Nixon phải ký sớm Hiệp định, không để Thiệu bác bỏ.

Nửa đêm hôm đó, Thủ tướng Chu Ân Lai của Trung Quốc tiếp đại diện của hai miền Nam Bắc Việt Nam và nói: "Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công bố là cần thiết, đòi Nixon ký Hiệp định vào ngày 31 tháng 10 là đòi hỏi đúng... Mỹ không thể trốn tránh trách nhiệm của mình".

Sáng hôm sau, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Còxưghin cũng tiếp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Cách mạng Lâm thời và nói: “Đêm 26 tháng 10, Bộ Chính trị Liên Xô họp nghiên cứu tuyên bố của Việt Nam và ủng hộ một trăm phần trăm”.

Trong các ngày sau đó, Chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa cùng nhiều Chính phủ khác, các tổ chức hoà bình và hữu nghị trên thế giới... đều lên tiếng ủng hộ ta, tố cáo Mỹ kéo dài chiến tranh và lên án gay gắt Chính quyền Thiệu.

Nixon viết: “Ngày thứ năm, 25 tháng 10, điều mà chúng ta vẫn lo sợ đã xảy ra: người Bắc Việt Nam đã công bố hiệp định hoà bình... Họ tiết lộ hai trong số các điện của tôi gửi Phạm Văn Đồng và nhấn mạnh rằng chúng ta kéo dài cuộc nói chuyện nhằm âm mưu duy trì Chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn nhằm mục đích kéo dài chiến tranh xâm lược” (R.Nixon. Hồi ký. Sdd, tr 794 - 705.).

Về phần mình, Kissinger viết:

“Người ta đánh thức tôi dậy vào lúc năm giờ ba mươi sáng thứ năm, 25 tháng 10 để báo cho tôi biết rằng Hà Nội đã công bố trong nhiều giờ... sự giải thích của họ về các vấn đề xảy ra và tiết lộ quá trình đàm phán trong tháng qua... Sau sự tiết lộ của Hà Nội, chúng ta không có cách nào khác là phải giải thích lại...” (H. Kissinger. Ở nhà Trắng Sdd, tr 1456-1459.)

Và trong cuộc họp báo hôm đó, Kissinger tuyên bố “hoà bình đã ở trong tầm tay”.

Đây là một tuyên bố bịp bợm, mà Nixon thừa nhận đã gây ra cho ông ta nhiều "lo lắng" vì ông ta muốn leo thang sau bầu cử. Kissinger cũng tự trách mình và cũng có lúc đề nghị xin từ chức vì lời tuyên bố đó.

Kissinger cũng thừa nhận rằng lời tuyên bố đó của ông, ngay lập tức bị các báo chí Mỹ nắm lấy xem đó là tượng trưng cho trò lá mặt lá trái của Chính phủ... trong vấn đề Việt Nam.

*

* *

Việc lật lọng này đã được Nhà Trắng tính toán từ trước:

Sau khi miền Nam được giải phóng ta tìm thấy trong Dinh Độc lập biên bản hội đàm giữa Nguyễn Văn Thiệu và Kissinger trong những ngày 17 và 18 năm 1972 tại Sài Gòn. Biên bản có đoạn:

"Tiến sĩ Kissinger nói rằng hiện nay Hoa Kỳ đang trải qua một thời kỳ sôi động và càng sôi động với cuộc bầu cử Tổng thống sắp đến. Đảng Dân chủ cố biến vấn đề Việt Nam thành đề tài chính của cuộc tranh cử. Các bộ máy tuyên truyền của đảng này cùng với báo chí và truyền thanh, truyền hình tại Hoa Kỳ đều đòi một giải pháp nhanh, rất có hại cho Việt Nam (Sài Gòn) ... Do đó nhu cầu đối với chúng ta (tức Mỹ - Sài Gòn - Tác giả) là làm cách nào để khỏi bị cộng sản ép buộc làm theo ý họ, nghĩa là xoay sở cách nào để cho qua được hai tháng sắp tới. Sau thời gian này mọi việc sẽ dễ dàng hơn”.

Tiếp đó Kissinger trình bày dự thảo đề nghị của Mỹ sẽ đưa ra trong cuộc họp ngày 15 tháng 9 tới và nói với Thiệu;

"Chúng ta phải đáp ứng với cộng sản bằng mọi đề nghị mà họ có thể chấp nhận được hòng tránh sự kiện họ đơn phương công bố đề nghị của họ. Hơn nữa đề nghị mới của chúng ta cũng phải cho dư luận thấy rằng Hoa Kỳ muốn giúp nhưng miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình".

Kissinger nói thêm rằng, chúng ta phải để cho đề nghị mơ hồ, đừng quá chính xác hầu (để còn) bàn cãi các chi tiết sau này trong các diễn đàn khác. Kissinger nói ông sẽ gặp lại Lê Đức Thọ vào ngày 15 tháng 9 tại Paris và sẽ đưa đề nghị mới này cho cộng sản. Theo ông Kissinger thì sau này khi đưa đề nghị này, sẽ diễn biến như sau:

a) Nếu Bắc Việt chấp nhận đề nghị:

Ngày 15 tháng 9, đưa đề nghị cho cộng sản.

Ngày 1 tháng 10, cộng sản trả lời chấp nhận.

Mở ngay các diễn đàn và thảo luận chi tiết, thời gian một tháng.

b) Nếu Bắc Việt không chấp nhận đề nghị:

Ngày 15 tháng 9, đưa đề nghị cho cộng sản.

Ngày 1 tháng 10, cộng sản trả lời không chấp nhận.

Ngày 5 tháng 10, Hoa Kỳ công bố đề nghị, giải thích cho dư luận (sẽ thêm được một tháng đến sau tuần “trăng mật” với dư luận).

Nhưng dù trường hợp nào đi nữa, chúng ta cũng có lợi vì phụ thêm thời gian, giúp Tổng thống Nixon vượt qua cuộc tranh cử

CHƯƠNG IX - THỎA THUẬN VÀ THƯƠNG LƯỢNG LẠI

Sau khi vượt bầu cử

Nixon trúng cử nhiệm kỳ Tổng thống thứ hai với tỷ lệ cao: 60,7% phiếu bầu so với 37,5% phiếu bầu cho Mc Govern. Nỗi lo của Nixon về cuộc bầu cử đã qua, nhưng ở Thượng viện, Đảng Cộng hoà lại mất ba ghế, và ở Hạ viện Đảng Dân chủ vẫn nắm đa số. Như vậy lực lượng đối lập với Nixon

không những không giảm đi mà còn tăng thêm. Xu hướng đòi chấm dứt nhanh chóng cam kết của Mỹ ở Đông Dương lại mạnh lên. Khó khăn của Tổng thống mới vẫn còn đó.

Mâu thuẫn giữa Washington và Sài Gòn vẫn gay gắt và bùng nổ công khai. Nếu như Nixon coi thoả thuận tháng 10 với ta là “hoàn hảo” thì ngày 01 tháng 1 tại Sài Gòn, Thiệu tuyên bố công khai rằng đó là một Hiệp định “đầu hàng”.

Nixon cho rằng “sau bầu cử nhiệm vụ đầu tiên là phải chấm dứt chiến tranh” nhưng Thiệu tỏ ra phản đối mà Nixon không thể bỏ rơi ông ta được.

Nixon phải cử tướng Haig đi Sài Gòn thuyết phục Thiệu, nói cho ông ta rõ rằng Thượng viện Mỹ còn bỏ câu hơn trước bầu cử, mặt khác Mỹ tổ chức cầu hàng không - với cái tên Enhance plus tăng cường nữa- ô ạt đưa vũ khí vào Sài Gòn.

Thiệu vẫn gửi thư cho Nixon đòi sửa đổi trên 60 điểm trong hiệp định - những đòi hỏi mà Nixon cho là không thực tế.

Trên đường sang Pháp gặp Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ, Kissinger mang theo đòi hỏi của Thiệu - đặc biệt các vấn đề liên quan đến khu phi quân sự - tình hình riêng biệt của miền Nam và vấn đề rút một phần Quân đội miền Bắc khỏi miền Nam.

Nixon biên thư cho Thiệu một mặt hứa sẽ hết sức cố gắng để thực hiện các sửa đổi của Thiệu, nhưng mặt khác cũng nhắc Thiệu rằng đừng nuôi dưỡng nhiều ảo tưởng vào khả năng và nghị lực của Mỹ có thể đi quá xa trong việc sửa đổi để làm tốt hơn nữa một Hiệp định mà Mỹ xem như đã hoàn hảo (R.Nixon. Hồi ký. Sdd, tr. 717, 718).

Ngày 18 tháng 11, Thiệu còn cử đặc phái viên Nguyễn Phú Đức sang Washington gặp Nixon. Thiệu muốn trì hoãn cuộc gặp giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Nhà cầm quyền Mỹ còn gặp đại diện Liên Xô và Trung Quốc để tìm cách tác động đến Hà Nội theo hướng ôn hoà hơn, nghĩa là theo yêu cầu của Mỹ.

Trong buổi chiều đãi Kiều Quán Hoa, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc cầm đầu phái đoàn Bắc Kinh tại khoá họp của Liên Hợp Quốc ở New York, Kissinger đã nêu lên nhiều vấn đề, đặc biệt là vấn đề Campuchia.

Như ta đã biết, Washington muốn có ngừng bắn cùng một lúc ở ba nước Đông Dương để cứu vớt bọn Lon Nol mà Kissinger gọi là “đứa con mồ côi của Mỹ” (H.Kissinger ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 1471). Ông ta nhấn mạnh với Kiều Quán Hoa sự thống nhất về quyền lợi giữa Trung Quốc và Mỹ đối với một nước Campuchia độc lập, không bị nước ngoài (ám chỉ Việt Nam) đô hộ. Kiều chỉ gợi ý Kissinger gặp Sihanuc đang ở Bắc Kinh. Kissinger từ chối.

Lúc ấy, qua tiếp xúc với Việt Nam, Hoàng thân Sihanuc tỏ ra muốn thương lượng, nhưng lực lượng kháng chiến ở trong nước do Khome đồ chỉ huy không muốn nói chuyện. Họ muốn chiến thắng hoàn toàn.

Tại Paris ngày 27 tháng 10, Mỹ gửi công hàm cho Việt Nam nói rằng "Hoa Kỳ hiểu sự không hài lòng do sự không thực hiện được thời gian biểu gây ra" và đề nghị một đợt gặp riêng khác bắt đầu từ ngày 1 tháng 11 năm 1972 và “kéo dài chừng nào cần thiết để hoàn thành Hiệp định”.

Phía Hoa Kỳ cũng khẳng định lại là một khi đã thoả thuận được một văn bản tại Paris và trong khi những cuộc trao đổi tiếp sau đó Hoa Kỳ sẽ hoàn toàn chấm dứt ném bom miền Bắc. Hoa Kỳ cũng đồng ý không yêu cầu thêm sự thay đổi nào nữa sau khi đạt tới thoả thuận sau cuộc gặp tới Hoa Kỳ (gạch dưới - Tác giả). Hoa Kỳ cũng khẳng định lại Kissinger sẽ đi Hà Nội ký tắt văn bản Hiệp định vào 20 tháng 11.

Mãi đến ngày 4 tháng 11, ta mới trả lời công hàm này. Ta chọn thời điểm này để tỏ ra ta không vội vã, cũng không trông chờ kết quả bầu cử ở Mỹ. Điều đó cũng có nghĩa nếu Mc Govern hay Nixon thắng cuộc, ta đều chủ động. Trong công hàm ta đề nghị cuộc họp tới bắt đầu từ 14 tháng 11.

Ngày 7 tháng 11, Mỹ nhận hợp vào 15 tháng 11. Nhưng do Lê Đức Thọ ốm nên ta lui lại 20 tháng 11.

Đi vào giai đoạn đàm phán lại này hai bên đã có một cơ sở chung là văn bản Hiệp định 20 tháng 10 năm 1972. Ta có tư thế vững vàng, thuận lợi hơn từ sau tuyên bố 26 tháng 10. Dư luận quốc tế đồng tình và ủng hộ ta, đòi Mỹ sớm ký Hiệp định. Ta có cơ sở để giữ vững nguyên tắc và nội dung. Tuy ta có cơ sở vững vàng còn Mỹ thì yếu về đạo lý, nhưng ta dễ sa vào thế phòng ngự.

Về thời gian, ta không bị thúc bách như hồi tháng 10, trái lại Mỹ ở vào thế phải sớm chấm dứt chiến tranh, nhất là Quốc hội mới sắp bắt đầu họp lại.

Nhưng vấn đề phức tạp trong giai đoạn mới này là việc Thiệu tham gia - tuy không trực tiếp - vào cuộc nói chuyện làm cho nó gay gắt hơn.

Chủ trương của ta trong cuộc đàm phán lại là giữ vững những vấn đề về nguyên tắc và nội dung đã đạt được, đòi Mỹ không được sửa đổi các nguyên tắc và nội dung đó và phải sớm ký kết Hiệp định. Từ lâu ta đã thấy Mỹ dùng con bài thể thức hoặc trao đổi với Ngụy để kéo dài. Ta phải tìm cách ngăn chặn. Ta phấn đấu buộc Mỹ ký Hiệp định vào khoảng 20 tháng 1 năm 1973.

"Hà Nội cũng tính đến khả năng thứ hai là nếu Mỹ - Ngụy giành được lợi thế trên chiến trường, Mỹ lợi dụng được hoà hoãn với Liên Xô, Trung Quốc, gây khó khăn cho ta, bám giữ những yêu sách vô lý và dùng ngụy để kéo dài đàm phán thì chiến tranh còn tiếp tục Cần hết sức đề phòng và chuẩn bị cho khả năng này".

Khi nhận được công hàm ngày 7 tháng 11 của Mỹ, đoàn ta ở Paris đã phát hiện nhiều ẩn ý của Washington. Họ đề ra một chương trình làm việc trong bốn ngày, mà ngày đầu tiên là bàn về những vấn đề thuộc về nội dung Hiệp định. Ngày thứ hai, thứ ba là bàn về các thay đổi về kỹ thuật và so sánh hai bản tiếng Việt và tiếng Anh, ngày thứ tư giải quyết những vấn đề còn lại.

Đó là mâu thuẫn nổi bật so với công hàm ngày 27 tháng 10 của họ và trái với tuyên bố của Mỹ nói rằng văn bản Hiệp định "xem như đã hoàn thành". Mỹ lại đòi "có hai tuần sau khi hoàn thành văn bản Hiệp định để có những cuộc trao đổi cuối cùng" (với Sài Gòn - Tác giả). Họ còn đòi thêm, bàn cả Nghị thư và Ủy ban Quốc tế. Đó là những vấn đề rất dễ kéo dài.

Mỹ đã lật lọng thì những ẩn số đó càng làm cho Hà Nội thêm cảnh giác.

Ngày 20 tháng 11, các nhà báo đã vây ngôi nhà của họa sĩ F.Léger, và từ bên kia đường General Leclerc, đối diện với ngôi nhà của họa sĩ Pháp, một số nhà báo đã dựng lên những chòi cao để từ đó quan sát và chụp ảnh quang cảnh bên trong và các Đại biểu hai bên khi nghỉ ngơi ra dạo ngoài sân hay trong vườn. Kissinger cho rằng việc này do ta bố trí, còn Lê Đức Thọ thì nói đó là nhờ Kissinger sắp xếp hộ.

Dự đoán được sự bức bối của ta sau sự lật lọng của Hoa Kỳ, Kissinger tìm cách làm cho không khí hoà dịu thoải mái. Ông ta nhắc lại lời mời Lê Đức Thọ sang giảng bài ở Đại học Havard có thể ngay trong học kỳ mùa xuân sắp tới - vui vẻ hỏi thăm sức khoẻ của Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch hôm đó cũng đến dự. Khi Xuân Thuỷ đề nghị hôm nay làm việc đến 16 giờ thì Kissinger vui vẻ nhận lời ngay, cho như vậy là quá sớm vì ông ta đã quen làm việc đêm...

Nhưng tất cả không ngăn được Lê Đức Thọ đọc một bài chuẩn bị sẵn dài năm trang, nói lên thiện chí của Việt Nam, tố cáo sự lật lọng của Mỹ và kết luận:

"Chúng tôi đã bị người Nhật, người Pháp, người Mỹ lừa dối, nhưng chưa bao giờ sự lừa dối lại trắng trợn như lần này".

Về sự cần thiết phải có sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, Lê Đức Thọ nhắc lại lời nói đó của Kissinger trước đây và hỏi:

- Ông nói với chúng tôi như vậy rồi ông lại lật ngược đi thì ông nghĩ chúng tôi hiểu ông là người như thế nào?

Tuy bị phê phán Kissinger cố giữ bình tĩnh mà còn khen Lê Đức Thọ vẫn khỏe mạnh, vẫn mở cuộc tấn công như thường lệ. Ông ta còn nói rằng đã góp phần thống nhất hai miền vì “cả miền Nam lẫn miền Bắc đều ghét tôi”. Ông khen Lê Đức Thọ và Xuân Thủy thương thuyết có nguyên tắc, nói là biểu dương công khai thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh của ta sau ngày 8 tháng 10.

Bây giờ Kissinger mới thanh minh rằng cuộc chiến tranh này đã quá kéo dài nên khi đi đến gần giải pháp thì mới thấy nảy ra những vấn đề phức tạp... cả những vấn đề chưa kịp suy nghĩ tới. Ông ta cho rằng Việt Nam có nhiều tuần lễ để suy nghĩ trao đổi với đồng minh trước khi đưa ra dự thảo ngày 8 tháng 10. Còn Mỹ thì thời gian sau ngày đó rất chật hẹp. Cuối cùng ông ta nhắc lại ý muốn chấm dứt chiến tranh sớm, không muốn kéo dài thương lượng. Ông ta còn bịa ra câu chuyện rằng ông ta được tin chắc chắn là sẽ mở cuộc tấn công lớn khi ông ta vào Hà Nội do đó việc Mỹ không ký Hiệp định là một việc may mắn

Kissinger trình trọng tuyên bố.

- Chúng tôi giữ nguyên tắc đã được thoả thuận, giữ thực chất đã đạt được trong tháng 10. Chúng tôi chắc rằng chúng ta có thể giải quyết được vấn đề trong mấy tuần sắp tới. Chúng tôi chắc rằng có thể làm xong phần lớn văn bản trong tuần này. Sau khi chúng tôi thoả thuận xong trong tuần này thì chúng tôi không đòi thêm gì nữa.

Lê Đức Thọ hỏi lại:

- Vừa rồi ông nói là ông giữ nguyên tắc và thực chất đã đạt được trong tháng 10?

Kissinger:

- Tôi đã nói như vậy.

Lê Đức Thọ:

- Nếu các ông có thái độ như vậy thì chúng tôi cũng có thái độ như vậy.

Kissinger, với lời lẽ lắt léo:

- Hai bên sẽ có ý kiến khác nhau thực chất là như thế nào.. Chúng ta sẽ bàn...

Lê Đức Thọ:

- Tôi cũng tạm thời đồng ý với ông như ông đã nói dứt khoát không thay đổi nữa. Lần này mà thay đổi thì chắc chắn là chỉ còn có tiếp tục chiến tranh.

Cuộc thăm dò về ý đồ thương lượng lại của nhau như vậy đã mất hết buổi sáng.

Buổi chiều, Kissinger đưa ra những sửa đổi.

Đầu tiên ông ta đòi xoá bỏ tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Lời mở đầu cũng như ở tất cả các chỗ khác nơi nào có ghi tên chính thức của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Họ không muốn thừa nhận có hai Chính quyền ở miền Nam!

Điều lớn thứ hai là Kissinger đòi rút tất cả lực lượng không phải Nam Việt Nam ra khỏi miền Nam. Họ không muốn công nhận có hai Quân đội ở Nam vĩ tuyến 17. Kissinger còn đòi số quân mà hai bên phải phục viên phải trên cơ sở bên này một thì bên kia cũng một, và đưa ra số quân phục viên về sinh quán của họ. Ông ta còn đòi một sự di chuyển của lực lượng vũ trang đó trên thực tế - không phải ghi vào Hiệp định - một sự di chuyển về thực tế mà người ta có thể chấp nhận được.

Trong vấn đề Lào và Campuchia, Kissinger đòi lực lượng vũ trang các nước Đông Dương phải ở bên trong các Quốc gia của họ, đòi thay đổi vùng do các bên kiểm soát thành vùng đóng quân khi ngừng bắn. Họ không chấp nhận có hai địa bàn ở Nam Việt Nam.

Về vấn đề trao trả người của các bên bị bắt còn bị giam giữ, Kissinger không nói gì đến các nhân viên dân sự của Chính phủ Cách mạng Lâm thời còn bị tù đầy mà còn đòi ta phải trao trả càng sớm nếu có thể được một số tù binh Mỹ trên toàn Đông Dương cho nhà cầm quyền Washington và phải cam kết với Mỹ và Uỷ ban Quốc tế về những người của Mỹ bị mất tích.

Về vấn đề chính trị nội bộ miền Nam, ngoài việc đòi bỏ tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời,

Kissinger đòi xoá bỏ ba thành phần của Uỷ ban hoà hợp hoà giải dân tộc, bỏ hệ thống cấp dưới, và tổ chức này không có khả năng đôn đốc hai Chính quyền trong việc thi hành Hiệp định. Cố vấn Nhà Trắng nói nhiều đến khu phi quân sự, đòi tổ chức Hội nghị bảo đảm quốc tế ở Genève chứ không phải ở Paris. Ông ta còn đòi thảo luận các Nghị định thư về Uỷ ban Quốc tế và Uỷ ban Liên hợp song song với việc thảo luận Hiệp định tại Hội nghị bốn bên ở Kléber.

Kissinger cố tình giảm nhẹ trách nhiệm của Mỹ.

Ông ta nói về điều 1:

“Tổng thống tôi nhận thấy rằng viết như thế này thì Mỹ dường như là người phạm tội và nếu chúng ta xác nhận lại mối quan hệ trong thời gian tới thì viết như thế là điều không tốt. Chúng tôi sẵn sàng có nghĩa vụ tôn trọng độc lập, chủ quyền... của Việt Nam nhưng chúng tôi không có cách nào để ký một Hiệp định mà trong đó chúng tôi tự cho mình như người phạm tội”.

Ông ta đưa ra công thức:

“Nền độc lập, thống nhất, chủ quyền của Việt Nam phải được tất cả các nước công nhận”.

Ông ta cũng bỏ cả đoạn trong văn bản tháng 10 nói

“Hoa Kỳ không cam kết với bất cứ xu hướng chính trị nào hoặc cá nhân nào ở miền Nam, không tìm cách áp đặt một Chính phủ thân Hoa Kỳ nào ở Sài Gòn”.

Kissinger không nói gì về trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam, không nói gì đến số tiền mà có lúc ông ta đã hứa. Kissinger để lộ sẽ thông qua vấn đề Mỹ viện trợ để giải quyết việc này như đối với các Quốc gia khác xin viện trợ của Mỹ.

Cố vấn Nhà Trắng còn đòi ngừng bắn cùng một lúc ở Lào và ở Campuchia sau khi có ngừng bắn ở Việt Nam. Ông nói sẽ đề nghị với đồng minh của Mỹ ở Phnom Pênh ra một tuyên bố đơn phương và mong rằng phía bên kia cũng làm như vậy. Ngoài ra ông còn đòi lập lại Uỷ ban Quốc tế ở Campuchia.

Kissinger thêm rằng ông ta đã nói với Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Kiều Quán Hoa về hậu quả nghiêm trọng nếu chiến tranh tiếp diễn ở Campuchia để ông này nói với những người đến Bắc Kinh thì nói cho người đó biết là ý kiến của Mỹ. Kissinger thêm:

- Tôi cũng đã nói với ông Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc là sau một thời gian yên tĩnh ở Campuchia thì triển vọng cuộc thương lượng sẽ lớn hơn nhiều.

- Tôi muốn biết ông Kiều Quán Hoa trả lời như thế nào? - ông Lê Đức Thọ hỏi.

Kissinger nói:

- Tôi cho rằng họ không nói trái với quan điểm của chúng tôi, tức là đồng ý với chúng tôi. Nhưng cũng có thể vì lịch sự mà họ không muốn nói gì trái. Cảm tưởng của tôi là họ đã hiểu lập trường của chúng tôi về vấn đề này.

Trước khi đến Paris, Lê Đức Thọ cũng đã dừng chân ở Bắc Kinh nên Kissinger hỏi ông về thái độ của Trung Quốc về vấn đề Campuchia.

Lê Đức Thọ trả lời:

- Họ nói với chúng tôi lúc nào cũng phải tôn trọng các quyền dân tộc của mỗi nước. Việc giải quyết công việc của mỗi nước là công việc của nhân dân nước đó.

Kissinger tiếp tục nói về đề nghị mới của Mỹ trong cách đàm phán: bỏ việc ký kết hai bên mà đề ra việc ký bốn bên cùng một lúc với một số Nghị định thư. Ông ta lại đưa ra một thời gian biểu mới:

- Thoả thuận xong các văn bản Hiệp định cuối tuần này, hai ngày sau đó thì chấm dứt ném bom miền Bắc, ký tắt vào ngày 10 tháng 12 chính thức ký Hiệp định ngày 15 tháng 12.

Nhìn lại một cách tổng quát thì Mỹ đòi sửa lại hầu hết các chương trong Hiệp định, nhất là các chương về ngừng bắn, rút quân và chính trị nội bộ miền Nam, gồm các vấn đề thực chất sau đây: Đòi rút quân miền Bắc, không công nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời, hạ thấp vai trò của Uỷ ban hoà

hợp hoà giải dân tộc muôn duy trì miền Nam thành một Quốc gia riêng, giảm nhẹ trách nhiệm của Mỹ, nâng cao yêu sách về Campuchia và Lào.

Tất cả các sửa đổi đó nhằm nâng cao thế mạnh về chính trị và pháp lý cho Ngụy quyền Sài Gòn, hạ thấp uy thế của cách mạng miền Nam - không muốn công nhận trên danh nghĩa hai Chính quyền, hai Quân đội, hai địa bàn ở miền Nam, chuẩn bị cho những hoạt động phá hoại sau này của Ngụy.

Kissinger sau này viết:

“Bài phát biểu cốt để gây cảm xúc nhưng tác dụng của nó đã bị hỏng ngay lập tức khi tôi đề cập đến sáu mươi chín điều sửa đổi do Sài Gòn đòi hỏi. Đó là một sai lầm nặng nề về chiến thuật. Danh sách đó quá vô lý, nó vượt quá những điều mà tôi đã dự tính công khai cũng như trong nội bộ và chắc chắn nó làm tăng thêm ý đồ vốn mạnh mẽ của Hà Nội giữ nguyên lập trường cũ của họ và chờ đợi cho chúng ta bị nghẹt thở vì thời gian mà Quốc hội định ra cho chúng ta. Nếu tôi đưa ra những yêu sách đó là cốt để cho người ta khỏi trách tôi là không chú ý tới quyền lợi của Sài Gòn và đề nghị cho Thiệu để chấp nhận" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1476).

Một điều đáng chú ý là trong suốt buổi gặp này Kissinger luôn tỏ ra vui vẻ, luôn nói rằng các đề nghị ông ta đưa ra không phải là thực chất, chỉ là câu chữ, sửa đổi như vậy là để rõ ràng hơn, để dễ dàng cho công việc. Khi Lê Đức Thọ nhận xét những điều ông ta đưa ra là tiêu cực thì ông ta vội bào chữa rằng sửa đổi đó là trung lập xen thêm vào các câu nói bông đùa và những khái niệm lý thuyết về triết học, cốt là cho đối phương nuốt trôi được những cục xương quá cứng. Kissinger tỏ ra không hiểu đối phương. Ông ta còn nói rằng người ta còn yêu cầu ông ta sửa đổi nhiều hơn nữa nhưng ông ta không làm và mong ông Thọ hiểu cho.

Lê Đức Thọ nói cho Kissinger biết những vấn đề ông ta nêu ra có những vấn đề thực chất và nguyên tắc. Đó là khó khăn lớn và nhấn mạnh:

- Nếu đó là những đề nghị cuối cùng của các ông không thay đổi nữa thì không giải quyết được.

Kissinger đáp:

- Đó là những đề nghị cuối cùng nhưng không phải là tối hậu thư.

Thương lượng lại

Sau cuộc gặp này, đoàn ta ở Paris thấy rằng ngoài một số câu chữ, Kissinger đã đề ra đến sáu vấn đề về thực chất.

Trong lúc Mỹ tăng cường hoạt động quân sự và tăng cường lực lượng cho Ngụy để giành ưu thế trên chiến trường thì trong đàm phán và hoạt động ngoại giao họ đã đưa ra nhiều đòi hỏi quá đáng, ép ta phải lùi so với những điều kiện hai bên đã thoả thuận trước, nhất là những vấn đề liên quan đến yêu cầu tối thiểu của ta đã nói ở trên.

Hà Nội cho rằng ý đồ của Mỹ là nếu ép được ta nhượng bộ thì Mỹ có thể giải quyết nhanh để kết thúc chiến tranh có lợi cho Mỹ, nếu không thì Mỹ kéo dài đàm phán, tiếp tục chiến tranh.

Vấn phải đề phòng hai khả năng:

- Nếu trong đàm phán Mỹ phải lùi trên những vấn đề về thực chất thì có thể ký Hiệp định trước ngày 20 tháng 1 năm 1973.

- Nếu Mỹ giữ lập trường ngoan cố thì điều đó chứng tỏ Mỹ muốn kéo dài đàm phán để tiếp tục chiến tranh.

Nhưng dù Mỹ muốn đi vào giải quyết sớm thì cũng khó đi đến thoả thuận trong đợt gặp riêng này mà còn phải kéo dài vài cuộc gặp nữa.

Ta cũng cho rằng về thời gian ta không vội. Nếu Nixon muốn giải quyết chiến tranh trước khi nhận nhiệm vụ nhiệm kỳ mới 20 tháng 1 năm 1973 và muốn đưa một số tù binh về nước trước lễ Noel thì chính họ bị thời gian thúc bách. Ta cần phát huy lợi thế của ta để buộc họ phải giữ nội dung đã thoả thuận.

Hà Nội vẫn theo đường lối đã có: vừa đấu tranh công khai và bí mật, vừa kết hợp trong và ngoài nước, kết hợp hoạt động ngoại giao và đấu tranh trên dư luận tố cáo âm mưu của địch.

Hà Nội cũng tăng cường những biện pháp phòng thủ để sẵn sàng đánh trả những bước phiêu lưu đầy tội ác của Nixon. Đợt gặp lại trong thời gian này dưới con mắt của Hà Nội đã trở thành một cuộc thương lượng lại đầy khó khăn do Mỹ gây ra.

Hôm sau, 21 tháng 11, khi bước vào cuộc họp, Lê Đức Thọ tỏ rõ ngay một thái độ không khoan nhượng. Ông nhắc lại công hàm của Nixon nói Hiệp định xem như đã hoàn thành, và bài phát biểu của Phó Tổng thống Mỹ Agnew hôm 29 tháng 10 năm 1972, nói rằng chỉ còn vài câu chữ cần nói rõ thêm chứ không thêm gì về thực chất, và ông Thọ phê phán khá gay gắt những vấn đề lớn mà Kissinger đưa ra hôm qua không phải là những vấn đề chi tiết mà là những vấn đề về thực chất và nguyên tắc quan trọng mà ta không thể chấp nhận được.

Trước hết, Lê Đức Thọ nêu ra việc Kissinger đòi bỏ hết vai trò của chính phủ Cách mạng Lâm thời mà chỉ nói các bên tham gia Hội nghị, và nhất quyết đòi ghi tên Chính phủ cách mạng Lâm thời và tên các Chính phủ khác vào Hiệp định. Ông Thọ nêu rõ vai trò to lớn của Chính phủ Cách mạng Lâm thời ở miền Nam cũng như trên trường quốc tế lúc đó đã được hơn sáu mươi nước công nhận.

Thứ hai, Lê Đức Thọ nêu rõ rằng từ nhiều năm nay ở miền Nam Việt Nam có ba vùng - một vùng do Chính quyền Sài Gòn kiểm soát - một vùng do chính phủ Cách mạng Lâm thời kiểm soát và một vùng tranh chấp. Việc Kissinger đòi xoá bỏ các vùng do Chính phủ Cách mạng Lâm thời kiểm soát - một điều cả quân Mỹ và quân Ngụy không làm được từ xưa tới nay - là một đòi hỏi vô lý, ông Thọ đòi phải giữ lại quy định cũ ghi rõ chữ "vùng kiểm soát của mỗi bên" trong Hiệp định.

Lê Đức Thọ bác bỏ mạnh mẽ nhất là việc Mỹ đòi rút quân miền Bắc. Ông nhắc lại quan điểm của ta nhiều năm nay, khẳng định quyền chống xâm lược của nhân dân Việt Nam và vạch rõ không thể đặt việc rút quân gọi là "miền Bắc" ngang hàng với việc rút quân Mỹ. Đặt vấn đề như vậy không chính đáng, trái với đạo lý, chính trị và pháp lý mà Kissinger trước đây đã phải công nhận.

Lê Đức Thọ lại nhắc đến diễn văn của Phó Tổng thống Mỹ không thể đề ra việc rút quân miền

Bắc khởi miền Nam được. Duối lý Kissinger nói:

- Chúng tôi phải cách chức người đã soạn diễn văn đó cho Agnew.

Sang Chương III, về việc trao trả những người bị bắt, Lê Đức Thọ càng tỏ ra cứng rắn thêm: rút lui sự thoả thuận của ta hồi tháng 10 đối với tù chính trị ở miền Nam và đòi thả hết các nhân viên dân sự miền Nam còn bị giam giữ cùng một thời gian với việc rút quân Mỹ. Ông Thọ nói lại: đây là trách nhiệm của Mỹ chứ không phải Sài Gòn. Dẫn chứng từ báo cáo của đoàn điều tra của Hạ viện Mỹ ở miền Nam, ông Thọ nói rõ chính các nghị sĩ Mỹ đã vạch rõ Mỹ đã bỏ tiền túi xây nhà tù ở miền Nam. Lê Đức Thọ nói:

- Bây giờ ông nêu ra ký bốn bên thì bốn bên phải thả hết. Mỹ đã không chịu ký Hiệp định vào thời điểm đã thoả thuận cho nên vấn đề này lại phải đặt ra. Và đây là vấn đề chúng tôi không thể chấp nhận như cũ được.

Rồi ông hỏi Kissinger:

- Ông thấy trên thế giới có cuộc chiến tranh nào giữa các bên khi đã chấm dứt rồi, một bên trao trả những người bị bắt, còn bên kia cứ giữ lại không? Nếu một bên giữ lại thì bên kia cũng giữ lại. Đó là công bằng và hợp lý nhất... Và vấn đề này không giải quyết được thì không những nhân dân Việt Nam mà cả nhân dân thế giới cũng phản nộ.

Lê Đức Thọ còn đòi rút hết nhân viên dân sự Mỹ đưa vào làm các việc liên quan đến quân sự.

Ông dành nhiều thời gian để phê phán những sửa đổi của Mỹ về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam:

- Có thể nói các ông đã sửa đổi đến một mức không còn giá trị gì nữa. Những vấn đề Hội đồng hoà hợp dân tộc ba thành phần là vấn đề nguyên tắc và thực chất mà các ông đã đồng ý - bây giờ các ông lại đòi sửa đổi. Đó là điều không chấp nhận được.

Để tăng thêm sức phản kích, Lê Đức Thọ đòi lập Hội đồng ba thành phần 15 ngày sau ngừng bắn, đòi tổng tuyển cử ở miền Nam 6 tháng, đòi Thiệu phải từ chức hai tháng trước tuyển cử - hai điểm này Kissinger đưa ra hôm 15 tháng 9.

Lê Đức Thọ nói những đề nghị mà Kissinger đưa ra không thể xem xét được mà đòi lập cơ cấu Chính quyền ba thành phần như cũ. Ông nhấn mạnh:

- Hội đồng Quốc gia hoà hợp hoà giải dân tộc không phải là một Chính phủ, cũng không phải là một cơ quan hành chính, mà nó phải có quyền lực trong phạm vi nhất định trong nhiệm vụ đơn độc việc thi hành các Hiệp định đình chiến, thực hiện tự do dân chủ...

Tuy vậy, Lê Đức Thọ cũng đồng ý với một số đề nghị mà phía Mỹ đưa ra: đổi giờ Đông Dương trong văn bản cũ thành giờ GMT, ký Hiệp định bốn bên.

Về Điều 1, Lê Đức Thọ nói:

- Đúng là Hoa Kỳ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhưng vì chiếu cố đến danh dự của các ông nên chúng tôi đồng ý viết lại là: "Tất cả các nước tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam".

Cùng với lý do trên, ông Thọ đồng ý thay câu: "Hoa Kỳ không được áp đặt một xu hướng chính trị hay một cá nhân nào cho miền Nam Việt Nam", bằng chữ: "Nước ngoài".

Ta cũng đồng ý khi ký các Hiệp định thì ký luôn các Nghị định thư, nhưng không đồng ý với việc Mỹ đòi thay thế các loại vũ khí "đã dùng hết".

Ngoài ra Lê Đức Thọ cũng đưa ra một công thức về khu phi quân sự: "Trong khi chờ đợi thống nhất Việt Nam, miền Nam và miền Bắc tôn trọng khu phi quân sự và sẽ thoả thuận về qui chế khu phi quân sự và định ra thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời".

Kissinger hoan nghênh ngay và cho đó là một tiến bộ về thực chất. Nhưng sau này ta sẽ thấy nó trở thành vấn đề rất phức tạp.

Lê Đức Thọ cũng dự kiến trong tuần làm xong văn bản Hiệp định. Hai mươi bốn giờ sau đó Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc, dành một tuần nữa cho Mỹ trao đổi với Sài Gòn. Sau đó Kissinger vào Hà Nội ký tắt.

Sau khi ký tắt có thể ngừng bắn trên thực tế.

Kissinger hoan nghênh những nhân nhượng mà ông Thọ mới nêu ra nhưng cho rằng những nhân nhượng đó chỉ cải thiện không khí thương lượng chứ không ảnh hưởng gì đến các điều khoản thật sự và thực chất thi hành Hiệp định.

Ông ta vẫn giữ ý kiến cho rằng bốn bên sẽ ký với tên gọi chính thức của họ - vẫn hỏi tại sao không thể ngừng bắn cùng một lúc ở Lào và Campuchia.

Ông ta còn than phiền rằng Lê Đức Thọ đã rút đi tất cả những nhân nhượng mà Việt Nam đã đưa ra hồi tháng 10 về vấn đề tù dân sự còn bị giữ ở miền Nam. Ông ta nói những đề nghị bầu cử ở miền Nam trong sáu tháng mà ông đưa ra hồi tháng 9 đã lỗi thời. Kissinger nói rằng chắc chắn Sài Gòn sẽ không chấp nhận rằng tất cả lực lượng được gọi là kẻ địch vẫn ở lại đất nước của họ, hơn nữa lực lượng đó lại được bổ sung 30.000 người đang bị giam giữ. Ông ta nói:

- Nếu các ông giải quyết thoả đáng vấn đề lực lượng quân sự thì vấn đề tù dân sự sẽ được giải quyết một cách dễ dàng hơn. Tôi tin chắc rằng nếu có một sự rút lui các lực lượng thì việc thả người bị giam giữ có thể được thúc đẩy dễ dàng hơn.

Kissinger nêu ra một khó khăn về kỹ thuật là nếu sau này Việt Nam nói có lực lượng miền Bắc ở miền Nam thì ông ta e ngại rằng các đơn vị này của Bắc Việt Nam sẽ không bị ràng buộc bởi các điều khoản ngừng bắn của Hiệp định.

Lê Đức Thọ phản ứng ngay:

- Ông chỉ nói có một nửa câu thôi, vì cái mà ông gọi là lực lượng Bắc Việt Nam đó là những đơn vị gồm những con em miền Nam, có những người thanh niên miền Bắc tổ chức thành những đơn vị vào thật. Những đơn vị đó thuộc lực lượng Quân đội Giải phóng miền Nam và do đó đã nói trong Hiệp định rồi.

Kissinger cố thuyết phục ông Thọ rằng có hai chỗ ông ta nói về phục viên số quân đã giảm về sinh quán và việc lực lượng vũ trang các nước Đông Dương ở trong biên giới của mình - cốt cho cụ thể hơn - và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không cần phải thú nhận là có lực lượng vũ trang ở ngoài biên giới Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

“Chúng tôi hiểu vấn đề nguyên tắc của các ông... chúng tôi đồng ý không nói rõ trong Hiệp định... mà thêm vào cốt đề duy trì nguyên tắc đã nói tới nhưng chưa rõ”.

Kissinger vẫn không chịu ghi "vùng kiểm soát" của hai bên.

Kết thúc buổi họp, Kissinger nói hai bên đã vượt được một chặng đường dài và hy vọng hòa bình sẽ được lập lại trong mấy tuần tới.

- Điều đó không tùy thuộc chúng tôi mà tùy thuộc các ông - Lê Đức Thọ trả lời.

Cuộc thảo luận bước sang ngày thứ ba (22 tháng 11). Kissinger chấp nhận điều 1 sửa đổi mà Lê Đức Thọ đã nêu ra. Nhưng vẫn đòi làm rõ tất cả các lực lượng có mặt tại Nam Việt Nam phải chấm dứt hoạt động quân sự khi ngừng bắn. Ông ta cũng đề nghị các nhân viên dân sự Mỹ đưa vào không được làm những nhiệm vụ mà họ đã không làm trước ngày 1 tháng 11 hay 15 tháng 10. Về vấn đề này ông Thọ trả lời ngay:

- Chúng tôi vẫn giữ lập trường cũ. Nếu là nhân viên dân sự Mỹ về kinh tế thì các ông giữ lại, còn những nhân viên dân sự phục vụ quân sự thì phải rút đi. Ý các ông muốn tiếp tục chiến tranh hay hoà bình là ở chỗ này.

Trở lại vấn đề rút các lực lượng không phải Nam Việt Nam, Kissinger nói rằng vấn đề này có tính chất quyết định đối với việc Chính quyền Sài Gòn có chấp nhận hay không Hiệp định này. Nhưng

để tỏ thiện chí một lần nữa chúng tôi chấp nhận như cũ.

Nhưng Kissinger vẫn đòi được thay thế vũ khí đã dùng hết. Lê Đức Thọ nói ngay:

- Đây cũng là để tỏ thiện chí, chúng tôi đồng ý để các ông dùng chữ đã dùng hết. Đó là một nhân nhượng lớn lắm. Như vậy là các ông thả cửa đưa vũ khí vào!.

Kissinger:

- Không phải. Chúng tôi không muốn tiếp tục chiến tranh. Vấn đề quan trọng ở đây là dù có ghi điều khoản như thế nào đi nữa, nếu chúng ta muốn tiếp tục chiến tranh thì chúng ta cũng có cách tiếp tục chiến tranh. Một khi các ông chiến đấu trở lại thì các ông lại chiến đấu lâu dài.

Lê Đức Thọ vừa cười vừa thăm dò:

- Chắc là nếu chiến đấu một lần nữa thì các ông không vào nữa

Kissinger:

- Tôi chỉ nói rằng nếu Hiệp định bị vi phạm thì tình hình sẽ rất nguy hiểm.

Lê Đức Thọ:

- Nhưng nếu vi phạm thì chắc chắn là không phải chúng tôi vi phạm trước.

Về vấn đề tù dân sự ở miền Nam, Kissinger đề nghị:

- Chúng tôi cho rằng giữ văn bản cũ mà chúng ta đã thoả thuận là cơ sở tốt nhất để giải quyết vấn đề này.

Lê Đức Thọ:

- Đó không phải là tốt nhất - Chúng tôi chưa đồng ý.

Sang vấn đề chính trị nội bộ miền Nam, Kissinger vẫn giữ lập trường hôm trước, chỉ đồng ý thêm:

“Hai bên Nam Việt Nam sẽ tham khảo về tổ chức chi tiết”.

- Câu này đúng là trù tượng? - Lê Đức Thọ nhận xét ngay.

Vào cuối buổi, Kissinger đưa ra một thời điểm:

Thỏa thuận xong văn bản vào thứ bảy hay chủ nhật.

Ngày 3 tháng 12, Kissinger đi Sài Gòn; ở đó các ngày 5-6-7 tháng 12.

Ngày 8 và 9 tháng 12, Kissinger đi Hà Nội.

Ngày 10 tháng 12, Kissinger về Mỹ.

Ngày 11 tháng 12, tối, ...: giờ Washington, công bố Hiệp định ngừng bắn trên thực tế.

Ngày 14 hoặc 15 tháng 12, ký Hiệp định tại Paris.

Cuộc họp tạm nghỉ. Khi họp lại lúc mười bảy giờ, Lê Đức Thọ nhận xét là Kissinger cũng có một số thiện chí nhưng trong những vấn đề nguyên tắc lớn mà ông Thọ đưa ra thì Kissinger chưa đáp ứng, như vấn đề những người dân sự bị bắt, việc ghi tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời, vấn đề chính trị nội bộ miền Nam. Còn vấn đề gọi là quân miền Bắc thì Kissinger tuy có sửa đổi một số câu chữ nhưng ông ta vẫn còn bị ám ảnh. Ngoài ra còn một số vấn đề cụ thể chưa thấy ông ta nói.

Kissinger:

- Chỗ ám ảnh về quân miền Bắc chỉ còn hai câu.

- Như thế là chưa bỏ hẳn - ông Thọ nói.

Kissinger nói đại ý:

- Trong những sửa đổi của Mỹ có ba điểm lớn: Một là vấn đề Hội đồng hoà hợp hoà giải dân tộc; hai là lực lượng vũ trang miền Bắc ở Nam Việt Nam - và một sự thay đổi về điều 20 (về Campuchia và Lào).

Lê Đức Thọ:

- Nhưng đó là những thay đổi quan trọng đối với chúng tôi, và những vấn đề sửa đổi của Mỹ là những vấn đề chính trị lớn lắm.

Kissinger nói rằng ông ta đã bỏ đi những điều gây khó khăn cho Việt Nam - không nói đến lực lượng miền Bắc ở Nam Việt Nam nữa. Trước Hoa Kỳ nói mập mờ về quá trình chính trị nay không nói như vậy nữa.

Một lần nữa ông lại nói:

- Chúng tôi nhận thấy rằng có hai Chính quyền, hai Quân đội về thực chất hai bên ở Nam Việt Nam. Đó là lý do chúng tôi nói đến các lực lượng khác một cách chung chung ở miền Nam. Chúng tôi không phủ nhận thực tế của vấn đề. Trong vấn đề giảm quân số, chúng tôi chỉ nói rõ thêm về thủ tục: phục viên về nguyên quán. Trong vấn đề Lào và Campuchia chúng tôi cũng muốn nói cho rõ thêm.

Lê Đức Thọ không trả lời về các vấn đề này mà nói về thời điểm mà Kissinger đưa ra:

- Tôi cho rằng phải cố gắng giải quyết theo thời điểm mà ông nêu ra. Nhưng ông Cố vấn đừng dùng thời điểm này để ép tôi như lần trước. Chúng ta đã định ra thời điểm thì phải làm cho đúng.

- Có lẽ ta nói 15 tháng 1 vậy - Kissinger đáp.

Lê Đức Thọ:

- Điều đó tùy ông, chúng tôi không có ý kiến gì vì tôi rút kinh nghiệm lần trước. Ông Cố vấn đề tôi về Hà Nội, rồi ông không vào. Ông là người trực tiếp lừa dối tôi. Tôi là người bị ông trực tiếp lừa dối.

Kissinger tỏ ra hối tiếc về việc đã xảy ra và nói:

- Lần này chúng tôi thận trọng hơn, không tùy tiện, không lừa dối các ông, không làm cho các ông bất lợi vĩnh viễn.

Cuộc họp kết thúc. Phía Mỹ đưa cho Việt Nam hai dự thảo Nghị định thư về Ủy ban Quốc tế và Ủy ban Liên hợp quân sự bốn bên ở Việt Nam.

Hai bên hẹn gặp lại nhau ngày mai, 23 tháng 11 năm 1972.

Ngày hôm sau, khi vào họp, Lê Đức Thọ đã lưu ý ngay Kissinger đến việc Mỹ tăng cường dùng B52 ném bom dữ dội từ vĩ tuyến 20 trở vào với mức độ rất ác liệt có thể nói là cao nhất từ trước tới nay. Ông nói rõ những hành động đó làm trở ngại cho đàm phán và yêu cầu Kissinger chuyển lời phản đối của Việt Nam đến Tổng thống Mỹ. Kissinger hứa sẽ làm việc đó và tỏ ý hy vọng sớm đạt được kết quả để chấm dứt ném bom.

Lê Đức Thọ nói đến vấn đề thủ tục, nhắc lại rằng lần này hai bên thoả thuận xong là thôi, không thay đổi gì nữa. Kissinger đồng ý và nêu ra hai vấn đề mà hôm qua ông chưa đề cập đến: vấn đề khu phi quân sự và nhân viên dân sự Mỹ.

Về vấn đề nhân viên dân sự Mỹ, Kissinger nói Hoa Kỳ không biến những chức năng quân sự thành những chức năng dân sự, mà Hoa Kỳ có một số lớn làm việc đó ở miền Nam. Và để tỏ thiện chí, Hoa Kỳ đã giảm bớt đi rất nhiều số người đó, số còn lại chỉ ở lại trong một thời gian hạn chế để huấn luyện người Nam Việt Nam sử dụng vũ khí và sau khi làm xong nhiệm vụ họ sẽ rút.

Lê Đức Thọ nêu ra còn hai chương rất khó khăn, đó là Chương III (Vấn đề trao trả người bị bắt) và Chương IV (vấn đề chính trị miền Nam), nhưng ông tạm gác lại và đòi giải quyết các vấn đề khác trước.

Trước hết là Phần mở đầu của Hiệp định, Lê Đức Thọ vẫn một mực đòi ghi rõ bốn bên là ai, còn sau đó trong nội dung thì có thể viết đơn giản hơn cũng được.

Ông nói rõ:

- Chính phủ Cách mạng Lâm thời sẽ không ký nếu không ghi tên chính thức của họ.

Kissinger vẫn giữ cách làm của Mỹ là không ghi Sài Gòn, cũng không ghi Chính phủ Cách mạng Lâm thời, nhưng mỗi bên khi ký Hiệp định thì ghi tên chính thức của họ. Ông Thọ không chấp nhận và đòi ghi rõ như trong Hiệp định Genève năm 1954 và 1962 về Lào tên các Chính phủ ký Hiệp định.

Còn nhân viên dân sự Mỹ, Lê Đức Thọ đòi rút hết trong 60 ngày. Ông tiếp tục đòi bỏ câu "lực

lượng các nước Đông Dương phải ở trong biên giới của mình", và hỏi Kissinger:

- Đối với Mỹ, có điều nào nói Quân đội Mỹ phải ở trong biên giới của mình đâu.

Lê Đức Thọ đưa ra cách viết về Lào và Campuchia:

"Các bên tham gia Hội nghị Paris sẽ triệt để tôn trọng các nghĩa vụ của mình đối với Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và 1952 về Lào, và sẽ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Lào và Campuchia".

Kissinger đồng ý nhưng vẫn đòi ngừng bắn đồng thời ở Lào cùng với ngừng bắn ở Việt Nam. Ông ta cho rằng đó là một sự hợp lý. Vì sau khi chiến tranh ở Việt Nam chấm dứt mà chiến tranh ở Lào kéo thêm một tháng thì Mỹ sẽ phải ném bom và phía Việt Nam cũng bị lôi cuốn vào.

Tiếp đó Kissinger đưa ra công thức về khu phi quân sự:

"Miền Nam và miền Bắc sẽ tôn trọng khu phi quân sự và lãnh thổ của nhau như đã qui định trong (điều 24) Hiệp định Genève năm 1954".

Hàm ý của Mỹ là muốn nêu lại vấn đề về tập kết quân vào Hiệp định như chuyện giữa ta và Pháp năm xưa.

Lê Đức Thọ đề nghị lại:

"Trong khi chờ đợi thống nhất Việt Nam, miền Nam và miền Bắc Việt Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời".

Ông giải thích thêm:

- Trước đây chúng tôi chiến đấu chống Pháp, nay chúng tôi chiến đấu chống các ông. Khi các ông rút ra rồi thì cả hai bên đều phải tôn trọng và cả hai bên đều không đưa vũ khí, dụng cụ chiến tranh vào miền Nam.

Kissinger nói:

- Tôi bị ám ảnh ở hai điều: về đường mòn Hồ Chí Minh và về cái gọi là lực lượng miền Bắc. Đường mòn Hồ Chí Minh chúng ta đã giải quyết xong rồi, còn về vấn đề cái gọi là quân miền Bắc, hôm qua chúng tôi rút đề nghị đó nhưng chúng tôi muốn nêu ra một ý kiến là: "Trước khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau đó một, hai ngày có lẽ hai bên bố trí lại lực lượng của họ như là một cử chỉ đơn phương... Việc bố trí lại lực lượng này không phải là một bộ phận của Hiệp định..." Nếu bố trí lại lực lượng đó thì người ta đã thấy đó là một việc đóng góp tích cực rất nhiều. Ví dụ các lực lượng ở trong phần miền Bắc của Nam Việt Nam được bố trí lại thì thấy được rất dễ.

Lần trước khi Kissinger yêu sách thêm về vấn đề Lào, Lê Đức Thọ đã khó chịu. Lần này Kissinger lại huỷ bỏ điều hôm qua ông ta vừa chấp nhận, ông Thọ càng bức bối.

Lê Đức Thọ nói đúng vào thâm ý của Kissinger:

- Trong Hiệp định chúng tôi loại trừ tất cả những gì làm cho người ta có thể hiểu rằng đó là ám chỉ tới quân miền Bắc. Chúng tôi không bao giờ nhận để ghi vào Hiệp định một chữ nào để cho người ta có thể hiểu như thế. Chúng tôi kiên quyết và dứt khoát về chỗ đó. Chúng tôi đề ra việc giảm quân số và phục viên là thiện chí lắm rồi, là công bằng và hợp lý rồi.

Kissinger cho rằng như vậy chúng ta sẽ hướng việc chuyển vũ khí bằng đường mòn Hồ Chí Minh và ông ta lại bị ám ảnh một lần nữa.

Lê Đức Thọ nói:

- Các ông luôn luôn bị ám ảnh về đường mòn Hồ Chí Minh còn chúng tôi thì luôn luôn nghĩ tới các lực lượng của các ông ở Thái Lan, ở Philippin và hạm đội của các ông ở Thái Bình Dương rồi đây chưa biết sẽ ra sao.

- Khi hoà bình lập lại Hoa Kỳ sẽ giảm các lực lượng đó đi - Cố vấn Nhà Trắng trả lời.

Sau giờ nghỉ, Lê Đức Thọ cho là đã có tiến bộ như trong vấn đề thay thế vũ khí, vấn đề khu phi quân sự, nhưng còn lại một câu trong vấn đề Lào và Campuchia và tên bốn Chính phủ.

Lê Đức Thọ trở lại Chương III, Chương IV và nói:

- “Để giải quyết toàn bộ Chương III và chương IV, nếu các ông giữ đúng các điều đã thoả thuận ở Chương IV và giải quyết vấn đề ở Chương III như ý kiến chúng tôi thì chúng tôi có thể có những hiểu biết về quan tâm của các ông đến một thực tế là chúng tôi sẽ thảo luận với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam điều chỉnh lại một số lực lượng ở phía Bắc của Nam Việt Nam tức là phía Nam khu phi quân sự một cách tương trưng. Và với việc ngừng bắn ở Lào, chúng tôi có thể bàn với đồng minh của chúng tôi để làm sao có thể ngừng bắn sớm hơn một tháng như trước đây chúng tôi đã nói với các ông”.

Kissinger hỏi ngay, giọng có vẻ khiêu khích:

- Sớm hơn một ít là thế nào, có phải là 28 ngày không? Tại sao không ngừng bắn ở Lào cùng một lúc với ngừng bắn ở Việt Nam?

Lê Đức Thọ nói một cách bức bối:

- Đây là vấn đề của nước khác, chúng tôi phải bàn với họ. Chúng tôi không thể bắt người ta làm ngay mà phải bàn với họ. Và trong đàm phán, có cái họ đồng ý, có cái họ chưa đồng ý. Về vấn đề Lào, trước đây các ông nói đã thoả mãn rồi nay các ông lại đòi thêm nữa. Cho nên các ông phải hết sức cố gắng về vấn đề tù binh và về vấn đề chính trị miền Nam, nếu không thì đàm phán sẽ bế tắc. Chúng tôi không thể có cố gắng nào nữa. Thiện chí của chúng tôi cũng có giới hạn. Không thể có hoà bình với bất cứ giá nào? Và cũng không thể có việc giải quyết nào mà bỏ hết nguyên tắc. Đó là cố gắng cuối cùng của chúng tôi.

Kissinger hỏi Lê Đức Thọ sẽ di chuyển lực lượng đi đâu, lực lượng đó là bao nhiêu - có phải về Tây Nguyên không. Ông ta còn nhận xét thêm rằng ta đưa ra hai yêu sách quan trọng, một là liên quan đến những người dân sự bị bắt, hai là rút nhân viên dân sự Hoa Kỳ, ngoài ra vấn đề khu phi quân sự và ngừng bắn ở Lào cũng có thay đổi chút ít. Còn việc di chuyển một số lực lượng ở phía Bắc của Nam Việt Nam thì ta chưa nói rõ số lượng.

Lê Đức Thọ:

- Đó là đề nghị của chúng tôi. Ông muốn điều chỉnh lực lượng bao nhiêu, ông muốn ngừng bắn ở Lào như thế nào? Nếu các ông đáp ứng Chương III và Chương IV thì chúng tôi có đáp ứng những điều nói trên. Nhưng tôi nhắc ông rằng Chương IV các ông đã thoả thuận với chúng tôi rồi, đáng lẽ không cần có sự hiểu biết nào nữa, nhưng đằng này chúng tôi đã có thiện chí nhiều lắm rồi.

Kissinger:

- Chúng ta không nên tranh cãi Chương IV đã được thoả thuận hay chưa thoả thuận. Hai bên chúng ta đang thảo luận để đi tới thoả thuận.

Lê Đức Thọ:

- Chính công hàm của Tổng thống gửi cho chúng tôi đã nói văn bản Hiệp định đã hoàn thành. Vậy thì lời nói của Tổng thống các ông thế nào?

Cuộc họp trở nên rất căng thẳng. Lê Đức Thọ nhấn mạnh:

- “Đây là cố gắng cuối cùng của chúng tôi. Nếu các ông không chịu giải quyết thì có thể nói đàm phán sẽ bế tắc không có cách nào khác. Hoà bình hay chiến tranh điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào các ông”

Mặc dầu ta đã tỏ thiện chí muốn giải quyết vấn đề, nhưng Kissinger vẫn không chấp nhận. Ông ta vẫn nói rằng Sài Gòn không thể chấp nhận và vấn đề bây giờ chưa giải quyết.

Về Chương IV, ông ta đồng ý chữ tổng tuyển cử thay cho chữ tuyển cử trong toàn quốc và thêm:

- Nếu như ông Cố vấn đặc biệt đồng ý như chúng tôi đề nghị Hội đồng Quốc gia hoà giải dân tộc đại diện cho tất cả các xu hướng chính trị ở Nam Việt Nam và các thành viên sẽ được lựa chọn bằng nhau thì chúng tôi sẵn sàng nói về hội đồng các cấp dưới như cũ.

Kissinger đòi giao cho chuyên viên bàn về nhiệm vụ “đôn đốc các bên” của Hội đồng. Ông ta vẫn nhắc lại cơ cấu hành chính trong văn bản tiếng Việt, và nói vấn đề giảm quân số và phục viên số quân đã giảm còn phải xem lại.

Lê Đức Thọ tỏ ra bức mình hơn:

- Việc trao trả những người bị bắt và giam giữ, chính ông Cố vấn nói với chúng tôi có sự hiểu biết về việc điều chỉnh lại một số lực lượng ở phía Bắc của Nam Việt Nam thì sẽ dễ dàng cho việc giải quyết vấn đề nhân viên dân sự bị bắt. Nhưng bây giờ chúng tôi đề ra việc đó thì ông lại không giải quyết gì cả. Như vậy thì đàm phán thế nào?

Kissinger tìm cách thay đổi ý kiến trước đó nên nói rằng ông ta muốn nói việc bố trí một số lực lượng là để làm cho việc đi đến Hiệp định. Đó là điều quan trọng nhưng không quyết định. Thứ hai là ông ta muốn việc bố trí lại một cách đáng kể một số lượng nhiều hơn là một số lượng tượng trưng thì sẽ làm dễ dàng việc giải quyết những vấn đề người dân sự bị giam giữ.

Lê Đức Thọ:

- Nếu chỉ là vấn đề ký Hiệp định thì không có gì, chúng tôi phải có sự hiểu biết về việc bố trí lại lực lượng vì Hiệp định này đã được thoả thuận giữa các ông và chúng tôi rồi.

Lê Đức Thọ nhắc lại công hàm của Nixon. Kissinger tỏ ra bí nhưng vẫn ngoan cố, nói phải xin ý kiến của Tổng thống. Ông ta đề nghị nghỉ để ngày mai thảo luận các Nghị định thư. Lê Đức Thọ từ chối:

- Mới hôm qua đây ông đồng ý với chúng tôi là thảo luận xong Hiệp định mới thảo luận Nghị định thư, bây giờ chưa thảo luận xong Hiệp định, ông lại đề nghị thảo luận Nghị định thư. Vậy thì lời nói của ông có giá trị như thế nào?

Kissinger nói khiêu khích:

- Vì thấy Bộ trưởng Xuân Thuỷ ít việc làm nên chỉ làm mỗi việc là tuyên bố mập mờ.

Lê Đức Thọ tiếp tục:

- Chúng tôi đã cố gắng hết sức. Cả thế giới đều biết. Còn bây giờ các ông đề nghị không thảo luận nữa chúng tôi cũng tán thành.

Và hỏi lại Kissinger:

- Các ông có muốn đàm phán nữa không? Nếu ông Cố vấn muốn thôi thì chúng tôi cũng thôi, mà muốn bàn nữa thì chúng tôi bàn, mà bàn thì phải có đi có lại.

Kissinger hỏi:

- Ông Cố vấn đưa ra một tối hậu thư?

Lê Đức Thọ đáp bàn:

- Về Chương IV thì đúng như thế. Mấy chữ chúng tôi nói không thể nào thay đổi: ba thành phần, hội đồng các cấp, tên hội đồng. Ba điều đó chúng tôi không nhân nhượng!

Kissinger:

- Tôi phải về xin ý kiến Tổng thống?

Lê Đức Thọ:

- Tuỳ các ông. Giải quyết được thì có hoà bình, không giải quyết được thì chiến tranh tiếp tục.

Cuộc thảo luận kết thúc trong không khí nặng nề. Không hẹn ngày gặp lại - Kissinger chỉ nói sáng mai sẽ liên hệ với Việt Nam. Tình thế tỏ ra bế tắc.

Họp họp - Gián đoạn

Nhưng ngay đêm đó Kissinger đã gửi cho ta một công hàm đề nghị một cuộc họp họp vào sáng

hôm sau tại số nhà 11 phố Darthé. Phía Mỹ có hai người: Kissinger và Haig, còn bên ta có Lê Đức Thọ, Xuân Thuỷ và phiên dịch.

Sau khi nhắc lại ý muốn hoà bình của hai bên và hai bên đã đi đến bước quyết định, Kissinger đọc một bức điện Nixon gửi riêng cho ông, mà đáng lẽ là không nên đọc ra, nhưng thấy cần cho ta biết thái độ của Nixon.

"Tôi thấy bức mình về giọng nói và thực chất trong phiên họp vừa qua. Trong hoàn cảnh như vậy, trừ phi phía bên kia tỏ ra sẵn sàng chú ý tới sự quan tâm hợp lý của chúng ta, tôi chỉ thị cho ông ngừng đàm phán và chúng ta sẽ phải tiếp tục lại các hoạt động quân sự cho đến khi phía bên kia sẵn sàng đàm phán theo điều kiện có danh dự. Phải làm cho phía bên kia từ bỏ những ý nghĩ của họ là chúng ta không có sự lựa chọn. nào khác ngoài việc phải giải quyết theo như điều kiện hiện nay. Ông phải trực tiếp báo cho họ là chúng ta có cách khác.

Nếu họ ngạc nhiên là Tổng thống có hành động mạnh mẽ như trước ngày gặp gỡ cấp cao ở Matxcova và trước ngày bầu cử thì họ sẽ thấy rằng chúng ta bây giờ sẽ tiến hành mọi hành động cần thiết để bảo vệ lợi ích của Hoa Kỳ".

Trong khi đọc, Kissinger nhắc lại đây không phải là thông điệp chính thức nên lời lẽ không được ngoại giao lắm.

Đọc xong, Kissinger nói thêm: tôi chưa có liên lạc với Tổng thống. Chúng tôi có được quyền để có thêm một cố gắng tối đa nữa sẽ đưa ra trong ngày mai. Rồi ông ta lại giải thích khó khăn của Mỹ: phải chú ý đến ý kiến của Sài Gòn. Ông ta nói rằng Mỹ cần một văn kiện trong đó họ có thể chứng minh một cách quyết tâm rằng một số ý kiến của Sài Gòn đã được lắng nghe - mà các văn kiện có thể dự kiến thấy được còn rất xa với sự đòi hỏi của Sài Gòn. Nếu bị đẩy quá giới hạn tối đa thì bế tắc hoàn toàn. Bây giờ hai bên đang đứng trước ngã ba đường. Cả hai chúng ta đã đến một điểm như cái tú đã rộng hết rồi.

Ông đề nghị sáng mai có phiên chính thức vào mười hai giờ trưa. Ai cũng thấy đây là một sự đe dọa. Nhưng sau buổi họp hôm qua, Lê Đức Thọ trở lại bình tĩnh và nói:

- Chúng tôi không thể nào ký một Hiệp định trong đó lại ghi điểm nói rằng quân miền Bắc phải rút khỏi miền Nam.

Tổng thống Nixon nói đến danh dự của Mỹ, chúng tôi cũng có danh dự của chúng tôi. Các ông đem quân đến xâm lược nước chúng tôi, bây giờ các ông phải rút đi, và đòi chúng tôi, những người chống xâm lược cũng rút đi. Nếu có như vậy trong Hiệp định thì nhân dân chúng tôi làm sao mà chịu nổi. Làm sao chúng tôi có thể ký một Hiệp định trong khi hàng vạn người của chúng tôi còn bị giam giữ mãi

Thứ ba, trong vấn đề chính trị miền Nam, chúng tôi đã cố gắng rất lớn. Bây giờ chỉ còn một cái Hội đồng như vậy với ba thành phần, còn phải do hai bên lựa chọn - ngoài ra hai bên còn ba tháng hiệp thương rồi mới lựa chọn - Hội đồng các cấp do hai bên lựa chọn ra. Chỉ còn ba vấn đề đó thôi.

Ông có thể tưởng tượng xem chúng tôi có thể ký một Hiệp định có câu ám chỉ quân miền Bắc, những người bị bắt không được thả, Chính phủ ba thành phần không được lập, Thiệu vẫn còn nguyên, Hội đồng còn phải sửa nữa!

Lê Đức Thọ còn nói đã chiếu cố đến quan tâm của Mỹ đối với ngừng bắn sớm hơn ở Lào, và tiếp tục:

- Tôi cũng đồng ý bây giờ đã đến bước quyết định - chỉ còn có cách giải quyết hoà bình hay chiến tranh. Chúng tôi muốn hoà bình, nhưng thiện chí của chúng tôi cũng có mức độ. Nhân nhượng quá mức chỉ là đầu hàng trá hình. Nhân dân chúng tôi không bao giờ đầu hàng.

Kissinger cũng mong ta thông cảm khó khăn của Mỹ không thể nào nói với Sài Gòn ký một Hiệp định mà còn 200.000 người đối địch trên lãnh thổ của họ. Cho nên việc bố trí lại một số lực lượng là

một cử chỉ rất có ích. Và ông ta đưa ra con số 100.000 quân (một trăm ngàn).

Lê Đức Thọ:

- Tôi xin nói là ý nghĩ của ông quá chủ quan.

Cuối cùng ông Thọ mới phê phán bức điện đe dọa của Nixon:

- Đe dọa chúng tôi chẳng tác dụng gì đâu. Chúng tôi đã đánh nhau với các ông mười năm rồi, và cũng đã thương lượng với nhau nhiều năm rồi, nên nay phải có thái độ đi đến giải quyết, không thể dùng đe dọa được đâu?

Cuộc họp hẹp hôm ấy rất ngắn. Chỉ có 1 giờ 30 phút, kể cả việc phiên dịch.

Cái nan giải của Mỹ, một cường quốc mạnh nhất thế giới, là đã đưa một đội quân lớn hơn nửa triệu người đi quá nửa vòng quả đất mà không đàn áp nổi một phong trào giải phóng dân tộc ở một nước kém phát triển.

Kissinger đã nhận định: “đối với chiến tranh du kích, không thua nghĩa là thắng, còn đối với quân đội chính quy, không thắng có nghĩa là thua” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr 242.).

Và trong tình thế phải rút quân về không thể không thương lượng với đối phương được. Trong thương lượng với ta, Kissinger đã nói Mỹ chẳng may mà gặp ta chứ họ không chọn đối phương là ta

Còn cái không may của Kissinger, một nhà ngoại giao nhiều thủ đoạn, nhà thuyết khách có tài, lại đối mặt với một người như Lê Đức Thọ, một chiến sĩ đã được tôi luyện trong đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, một nhà lãnh đạo quyền uy, biết tiến biết thoái, biết cương, biết nhu. Đấu tranh với Kissinger, ông nặng lòng thông cảm với nỗi đau của đồng bào đồng chí, và vững tin ở sức mạnh ngàn năm của dân tộc. Bất kể vũ khí, thủ đoạn hay đe dọa nào, một Nixon, một Kissinger không thể khuất phục được con người đó!

Ngày 23 tháng 11, Nixon điện cho Kissinger:

“Thỏa thuận 8 tháng 10 là phù hợp với quyền lợi của chúng ta. Ông cần chú ý để cải thiện được càng nhiều càng tốt những điều kiện của Sài Gòn. Nhưng điều quan trọng hơn cả là chúng ta phải thừa nhận rằng thực tế cơ bản là chúng ta không có lựa chọn nào khác là đạt được thỏa thuận theo đường lối của các nguyên tắc ngày 8 tháng 10” (R.Nixon, Hồi ký Sdd, tr. 722).

Nhưng Kissinger vẫn đưa ra quá nhiều yêu sách về thực chất so với nội dung mà lúc đầu thương lượng lại ông ta nói sẽ giữ vững. Ông ta lại cãi bừa rằng văn bản “chưa thỏa thuận” mà đang đi đến thỏa thuận! Rồi có lúc lại trắng trợn tuyên bố không chấp nhận thỏa thuận đã công bố. Lúc đầu nói bố trí lại lực lượng một cách tượng trưng sau đòi bố trí một lực lượng đáng kể. Lê Đức Thọ xem Kissinger là con người quá đáng, Nixon cũng phải nói: “Kissinger đã không phân biệt giữa những điều chúng ta cần thay đổi và những điều chúng ta thay mặt người Nam Việt Nam đưa ra.” (R.Nixon, Hồi ký Sdd, tr. 722.)

Khi Kissinger khẳng định không chịu nhận các nguyên tắc về chính trị nội bộ miền Nam đã thỏa thuận từ tháng 10, thì ông Thọ không giữ được bình tĩnh nữa.

Và khi Kissinger hỏi: “ông Cố vấn đưa ra tối hậu thư?” thì Lê Đức Thọ đập bàn và nói to:

- Về Chương IV thì đúng như thế.

Đó là nguyên nhân có điện của Nixon mà Kissinger đọc hôm họp hẹp 24 tháng 11, và thái độ mềm mỏng của Lê Đức Thọ sau đêm 23.

Một người nào đó trong đoàn Mỹ đã tiết lộ sự kiện ngày 23 trong cuộc họp riêng cho báo chí biết. Và hôm 25 tháng 11 khi bước vào cuộc họp hẹp, Kissinger đưa ngay vấn đề đó ra với Lê Đức Thọ - và vu cho phía ta đã để lộ tin đó cho các báo. Ông Thọ kiên quyết bác bỏ.

Kissinger nói:

- Chúng tôi không thể nói với báo chí rằng ông Cố vấn đặc biệt đã đập bàn và đưa ra tối hậu

thư.

Ông ta còn nói rằng có nhà báo đã nói là có một người ở phía Việt Nam đưa tin đó ra cho họ.

Lê Đức Thọ kiên quyết bác bỏ tin đó:

- Nếu ông biết người nào phía chúng tôi tiết lộ thì yêu cầu ông cho tôi biết. Chúng tôi sẽ thi hành kỷ luật một cách nghiêm khắc.

Nhưng Kissinger không đưa ra được tên ai cả.

Cuộc họp họp hôm 25 tháng 11 không mang lại một kết quả nào. Cái cố gắng tối đa mà Kissinger hứa hôm qua cũng mất tăm. Ông ta xin nghỉ một tuần. Lê Đức Thọ trả lời:

- Nếu ông Cố vẫn muốn thảo luận nữa thì chúng tôi thảo luận. Nếu ông Cố vẫn ngừng lại một thời gian, chúng tôi cũng tán thành. Ông Cố vẫn có cố gắng lớn để giải quyết thì chúng tôi cũng có cố gắng lớn. Cái đó tùy ông.

Kissinger đề nghị trong thời gian nghỉ, chuyên viên hai bên bàn về Nghị định thư, nhưng Lê Đức Thọ không đồng ý, chỉ sẵn sàng gặp Kissinger vào ngày 4 tháng 12.

Phía Mỹ phải đề nghị hoãn lại vì thực tế không thể tiếp tục được. Nghỉ một thời gian Mỹ hy vọng sẽ gây thêm áp lực với ta, làm việc với nguy Sài Gòn, tìm lối thoát, và để vận động thêm Liên Xô và Trung Quốc.

Kissinger viết: "Chúng ta cần có sự nghỉ ngơi dù chỉ là để tránh bị lôi cuốn vào một tình thế bị bế tắc và để tìm thêm cách vận dụng sức ép thế nào".

Kissinger cũng cho rằng những nhân nhượng của Hà Nội là nhỏ bé và chưa phải là cuối cùng (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 1482.).

Ngày 28 tháng 11 năm 1972, báo cáo về đợt gặp riêng từ 20 đến 23 tháng 11, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ nhận định:

"Mỹ đã thay đổi nội dung Hiệp định, lật ngược lại toàn bộ vấn đề quan trọng, coi như đàm phán lại. Chương nào cũng sửa đổi về thực chất, hoặc sửa đổi bằng các Nghị định thư. Những yêu sách vô lý của Mỹ về rút quân miền Bắc, về giảm quân số và phục viên về sinh quán, việc huỷ bỏ qui định vùng kiểm soát của mỗi bên ở miền Nam sau ngừng bắn; về Chính quyền ở miền Nam, xoá bỏ ba thành phần của Hội đồng Quốc gia hoà giải hoà hợp dân tộc và bỏ hệ thống cấp dưới của Hội đồng; về khu phi quân sự, về kiểm soát và giám sát Quốc tế, về vấn đề Lào và Campuchia... rõ ràng nhằm thay đổi điều cơ bản đã thỏa thuận là ở miền Nam có hai Chính quyền, hai quân đội, hai địa bàn và ba lực lượng chính trị, chưa chịu chấm dứt sự dính líu về quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam...

Do ta đấu tranh, Mỹ đã lùi trên một số vấn đề đã sửa đổi nhưng vẫn ngoan cố giữ một số điểm rất quan trọng thuộc nội dung và thực chất của giải pháp, nhất là đòi ta rút một số lớn quân miền Bắc.

Đi đôi với thủ đoạn đưa ra thời gian biểu để che đậy việc Mỹ ngoan cố, Mỹ lại dùng thủ đoạn đe dọa rất láo xược..."

Sau khi nhắc lại ý đồ của Mỹ là giành lợi thế cho Ngụy... duy trì lợi ích chủ nghĩa thực dân mới ở Đông Nam Á... báo cáo nêu rõ:

"Rõ ràng ý đồ của Mỹ là tuy ở thế phải giải quyết vấn đề Việt Nam, nhưng do những khó khăn của Mỹ ở trong nước và trên thế giới và do những yêu cầu của Mỹ về chiến lược toàn cầu, Mỹ muốn giành thêm lợi thế cho Ngụy và đạt một giải pháp càng lợi cho Mỹ càng tốt"

Ta có đầy lùi được một số yêu sách của Mỹ, nhưng đưa ra một số nhân nhượng quá sớm như đối với điều 1, hoặc về khu phi quân sự, hay việc bố trí lại lực lượng, làm cho Mỹ càng lấn tới.

Những thiếu sót đó tất nhiên sẽ ảnh hưởng tới đợt đấu tranh sắp tới

Còn Kissinger, trong báo cáo về Washington, đề xuất với Nixon hai lựa chọn:

- Cắt đứt đàm phán.

- Bỏ các yêu cầu của Thiệu - như vậy có nghĩa là gây đổ vỡ giữa Washington và Sài Gòn.

Nhưng Nixon không thể bỏ thương lượng được. Ông ta muốn để cho phía Việt Nam chịu trách nhiệm về việc tan vỡ đàm phán trước dư luận.

Vì chưa có lối thoát, Nixon điện cho Kissinger ngừng đàm phán một tuần.

CHƯƠNG X - ĐỔI CHÁC VÀ BÉ TẮC

Mỹ lại đề nghị hoãn

Chủ trương của phía Việt Nam trong thời gian tới vẫn là:

"Tiếp tục thực hiện phương hướng Bộ Chính trị đã đề ra... tranh thủ khả năng giải quyết sớm trên cơ sở bảo đảm yêu cầu của ta, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng khả năng chiến tranh kéo dài.

Vấn đề quan trọng nhất là giữ vững văn bản đã thoả thuận... Ta kiên trì đấu tranh đòi Mỹ từ bỏ việc sửa đổi Hiệp định đồng thời ta cũng sẵn sàng rút một số điểm ta mới thêm để buộc Mỹ phải tôn trọng văn bản Hiệp định đã thoả thuận. Trên cơ sở đó ta có thể có một số điểm mềm dẻo để mở đường kéo Mỹ đi vào giải quyết càng sớm càng tốt. Nhưng ta không vội không gò bó về thời điểm và phải kiên trì đấu tranh đánh bại ý đồ đàm phán trên thế mạnh của Mỹ.

Mặt khác ngay từ bây giờ ta cần chuẩn bị sẵn sàng đối phó với trường hợp Mỹ liều lĩnh đánh phá trở lại trên toàn miền Bắc".

Hà Nội cũng đề ra phương hướng đấu tranh để giữ vững những điều cụ thể đã thoả thuận.

Ngày 27 tháng 11, Mỹ gửi công hàm cho Việt Nam nêu rõ họ sẽ đến cuộc gặp tới với một cố gắng cuối cùng. Mỹ sẽ tôn trọng các nguyên tắc của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhưng nhấn mạnh

rằng những nguyên tắc của họ phải được tôn trọng... Hai bên phải có cố gắng lớn vào ngày 4 tháng 12.

Trong Hồi ký của mình, Tổng thống Nixon đã báo cho Thiệu biết rằng nếu Thiệu là cản trở duy nhất cho việc ký Hiệp định thì những nghị sĩ trung thành và ủng hộ mạnh mẽ chính sách của Nixon ở Việt Nam sẽ lãnh đạo việc chống lại Thiệu khi Quốc hội (Mỹ) họp lại (R.Nixon. Hồi ký Sdd, tr. 724.).

Sáng 4 tháng 12, vẫn họp hẹp, mỗi bên ba người theo yêu cầu của Mỹ. Lê Đức Thọ nói:

- Điềm lại sáu ngày họp vừa qua chúng tôi thấy là các ông chưa thật sự đáp ứng một yêu cầu nào ... sau đó các ông lại gián đoạn đàm phán, rồi ông lại đến đây với lời lẽ đe dọa chúng tôi. Sau đó các ông lại liên tiếp gửi hai công hàm trong đó cũng nói nếu không giải quyết thì hậu quả không thể lường trước được. Trong mười năm chiến tranh chúng tôi đã biết hết sự tàn khốc của chiến tranh, đặc biệt dưới Chính quyền Nixon thì sự tàn khốc đó có thể nói là ghê gớm lắm. Chúng tôi cũng tính nếu không giải quyết được thì chiến tranh sẽ rất tàn khốc, có thể các ông đem B.52 ném bom ô ạt san bằng cả Thành phố Hà Nội và Hải Phòng. Các ông nói Tổng thống có quyết tâm lắm, chúng tôi biết Tổng thống Nixon có quyết tâm xâm chiếm đất nước chúng tôi và quyết tâm tàn phá đất nước chúng tôi. Chúng tôi không hiểu sai điều đó... Chúng tôi đã chịu đựng hàng chục triệu tấn bom đạn tương đương với năm, sáu quả bom nguyên tử nhưng chúng tôi không hề khiếp sợ... Chúng tôi quyết tâm chống lại các ông ... chúng tôi không chịu khuất phục, không chịu làm nô lệ. Cho nên những lời đe dọa của các ông và việc các ông không giữ đúng lời hứa chứng tỏ các ông chưa thật sự đàm phán nghiêm chỉnh.

Lê Đức Thọ nêu ra những hoạt động quân sự của Mỹ trên chiến trường và các yêu sách vô lý của Mỹ trong đàm phán, và kết luận những đòi hỏi sửa đổi Hiệp định của Mỹ là không thể chấp nhận được. "Các ông phải có cố gắng lớn, chúng tôi cũng cố gắng" thì hai bên giải quyết được.

Kissinger thanh minh rằng hai bên đã gặp nhau trong hai mươi ba phiên họp rồi: "Tôi không thấy có thời kỳ nào mà Hoa Kỳ đe dọa nền độc lập của Việt Nam!".

Ông ta lại nêu ra khó khăn với Sài Gòn và nói chỉ còn bốn hay năm vấn đề khó khăn tồn tại giữa hai bên... và chỉ khác nhau về câu chữ thôi. Ông ta giải thích tại sao Hoa Kỳ không đáp ứng đề nghị ngày 23 tháng 11 của Việt Nam (bổ trí lại một số lực lượng tượng trưng đổi lấy Chương III về trao trả những người bị bắt) vì không thể thuyết phục được Sài Gòn.

Kissinger nói rằng có thể đi tới một thỏa thuận về nguyên tắc tối ngày mai và đưa ra một thời điểm mới:

- Sau thỏa thuận ngày 5 tháng 12 thì thứ tư (6 tháng 12) Phó Tổng thống Hoa Kỳ cùng tướng Haig đi Sài Gòn mang theo Hiệp định. 48 giờ sau khi thỏa thuận ở đây, Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc. Ngày 16 và 17 tháng 12, Kissinger đi Hà Nội, ký Hiệp định không trễ hơn 22 tháng 12.

Trong Hồi ký của mình, Kissinger nói rằng đây là thỏa thuận giữa ông ta và Lê Đức Thọ, điều đó không đúng (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sdd, tr. 1487.).

Tiếp đó Kissinger đưa ra đề nghị tối đa của Mỹ:

1- Về tên chính phủ Cách mạng Lâm thời, Hoa Kỳ sẵn sàng ký với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một văn kiện có Lời mở đầu nói rõ tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Chính quyền Sài Gòn ký một văn bản có mở đầu riêng biệt. Như vậy các bên trao đổi bốn văn kiện trong đó ba văn kiện giống nhau và một cái khác về Lời mở đầu. Trừ Lời mở đầu ra, các văn kiện đó hoàn toàn giống hệt nhau. Như vậy là sẽ ký bốn văn kiện, sau đó các bên trao đổi văn kiện cho nhau và mỗi bên giữ ba văn kiện.

2- Hoa Kỳ chấp nhận ba thành phần ngang nhau trong Hội đồng Quốc gia hoà giải hoà hợp dân tộc, thành viên sẽ do hai bên lựa chọn ngang nhau. Việc thành lập Hội đồng cấp dưới Hoa Kỳ chấp nhận như cũ. Về cơ cấu Chính quyền, văn bản tiếng Việt phải ghi là "cơ cấu hành chính".

3- Về lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam, Kissinger vẫn giữ như cũ: giảm quân số một đôi một, phục viên về sinh quán.

4- Về khu phi quân sự, Kissinger thêm vào một đoạn: Miền Nam và miền Bắc tôn trọng khu phi

quân sự và lãnh thổ của nhau.

5- Trong điều 8c - trao trả người dân sự bị bắt - Kissinger vẫn giữ như cũ. Hoa Kỳ sẽ dùng ảnh hưởng của mình đối với Sài Gòn nếu Việt Nam bố trí lại lực lượng.

6- Liên quan đến Lào và Campuchia, Kissinger bỏ câu: “Lực lượng vũ trang phải ở trong biên giới Quốc gia”, thay bằng câu: “Không dùng vũ lực đối với nhau”.

Kết thúc cuộc họp buổi sáng, hai bên thoả thuận buổi chiều họp lại với sự tham gia của các Cố vấn. Phía Mỹ đề nghị hôm sau đổi địa điểm, đến một nơi mà phía Mỹ đã chọn. Họ sẽ bố trí đủ tiện nghi để hai bên ghi biên bản, kể cả ghi âm. Nhưng mãi tới ngày 8 tháng 12, hai bên mới họp tại đó – (Neuilly-sur-seine).

Buổi chiều cuộc họp bắt đầu lúc 16 giờ tại một ngôi nhà ở Saint Gemme. Lê Đức Thọ nêu ra các vấn đề lớn để giải quyết:

Về vấn đề quân sự, cái gọi là “quân miền Bắc”, ông Thọ nói:

- Trong vấn đề này còn hai điểm ám chỉ việc rút quân miền Bắc. Chúng tôi không chấp nhận: “phục viên về sinh quán” - Khi đã phục viên thì số người đó muốn về đâu thì tùy họ - “Lực lượng vũ trang ở trong biên giới Quốc gia” các ông bỏ đi rồi, nhưng lại thêm? “Không dùng vũ lực với nhau”. Câu đó là thừa vì các nước Đông Dương đã cam kết không đưa quân đội vũ khí vào các nước của nhau.

Vấn đề thứ hai - Nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự - Mỹ phải rút hết. Chúng ta có thể có một sự hiểu biết riêng đối với các nhân viên dân sự đó: có thể rút một tháng sau khi Mỹ rút hết quân.

Về khu phi quân sự, Lê Đức Thọ phê phán Mỹ có ý đồ chia cắt lâu dài Việt Nam, và đề nghị của Mỹ là trái với Hiệp định Genève năm 1954. Ông Thọ đề nghị:

- Miền Bắc và miền Nam sẽ thoả thuận về qui chế khu phi quân đội và thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời.

Về vấn đề chính trị, ông Thọ nêu ba vấn đề:

- Về Hội đồng... chúng tôi vẫn giữ nguyên những đề nghị của chúng tôi.

- Về tên Hội đồng - chúng tôi đề nghị vẫn ghi cơ cấu Chính quyền. Chữ Structure administrative có thể dịch: cơ cấu hành chính, cơ cấu Chính quyền, cơ cấu cai trị. Các ông viết “cơ cấu hành chính”, còn chúng tôi viết “cơ cấu quyền lực”.

Về ba thành phần ngang nhau - Chúng tôi vẫn giữ như cũ, nghĩa là chỉ ghi: “Hội đồng hoà giải và hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau, sau đó hai bên miền Nam sẽ bàn cách lựa chọn trên tinh thần bình đẳng” - (Kissinger muốn bỏ chữ bình đẳng).

Về lề lối làm việc của Hội đồng, chúng tôi vẫn giữ chữ “đôn đốc”. Hội đồng phải có nhiệm vụ “đôn đốc” chứ không phải chỉ “khuyến khích”. Nhiệm vụ đôn đốc hai bên thi hành Hiệp định là bình thường.

Về tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời - trong phần đầu của Hiệp định phải ghi rõ tên bốn Chính phủ. Điều đó đúng với ý nghĩa chính trị và pháp lý.

Vấn đề thứ ba là vấn đề chính trị quan trọng. Trước đây có ghi ở Chương I: "Hoa Kỳ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam". Lần trước chúng tôi đã chiếu cố đến đề nghị của ông, nhưng tôi được chỉ thị của Chính phủ chúng tôi phải giữ lại điều này như cũ.

Lê Đức Thọ thêm:

- Ở đây khác với Hội nghị Genève năm 1954 và 1962 về Lào. Hội nghị Genève năm 1954 là Hội nghị Quốc tế nên mới ghi: Các nước tôn trọng các quyền dân tộc của Việt Nam. Còn bây giờ các ông đàm phán với chúng tôi thì phải ghi trong Hiệp định? “Hoa Kỳ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản

của Việt Nam”. Đó là bình thường. Nhân dân Việt Nam rất tin tưởng Mỹ sẽ không bao giờ can thiệp vào công việc nội bộ chúng tôi nữa, quan hệ hữu nghị của hai nước sẽ tốt hơn lên. Còn danh dự của nước Mỹ là vấn đề tồn tại của Chính quyền Sài Gòn và vấn đề Thiệu từ chức thì đề nghị ngày 8 tháng 10 của chúng tôi là đã giải quyết vấn đề danh dự của Mỹ rồi.

Vấn đề cuối cùng trong vấn đề chính trị là vấn đề tù dân sự ở miền Nam. Lê Đức Thọ đòi thả trong hai tháng. Để giải quyết một cách dễ dàng vấn đề này, chúng tôi có sự hiểu biết về việc điều chỉnh lại một số lực lượng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời ở phần Bắc của Nam Việt Nam.

Kissinger tỏ rõ sự thất vọng sau khi nghe Lê Đức Thọ nói. Lúc đầu ông ta tỏ ra lạc quan là có thể đi đến Hiệp định hôm nay, nhưng bây giờ ông ta không còn thấy khả năng đó nữa. Ông ta nói phía Việt Nam đã tăng thêm yêu sách. Kissinger nói lại từng điểm một và kết luận:

- Tất cả những sửa đổi của các ông cộng lại với nhau thì sẽ có hậu quả thực tế là phá hoại thực chất của Hiệp định.

- Chính các ông phá hoại chứ không phải chúng tôi? - Lê Đức Thọ trả lời - Nếu các ông giữ nguyên Hiệp định thì chúng tôi cũng giữ nguyên hoàn toàn không thay đổi một chữ.

Ông Thọ nói câu này nhiều lần một cách rõ ràng:

- Nếu các ông không sửa chữ nào thì chúng tôi cũng không sửa chữ nào, kể cả điều 8c (tù dân sự) cũng giữ nguyên, vấn đề nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự cũng không nêu ra, thời hạn thành lập Hội đồng mười lăm ngày cũng bỏ. Tóm lại chúng tôi sẵn sàng bỏ tất cả những điều mới thêm.

Phát biểu của Lê Đức Thọ đã gây tác động mạnh đối với Kissinger. Ông ta nói phải xin ý kiến của Tổng thống và mặc dầu ông ta đã đề nghị hôm sau họp lại, nhưng sáng sớm ngày 5 tháng 12, ông xin hoãn cuộc họp lại hai mươi bốn giờ.

Kissinger báo cáo về Nixon là:

“Cuộc nói chuyện đã đi đến chỗ gần như chắc chắn sẽ tan vỡ, và đề nghị hai cách lựa chọn: trở lại và chấp nhận các điều khoản của Hiệp định tháng 10, không thay đổi bất cứ điều gì; hoặc là chấp nhận nguy cơ tan vỡ của cuộc thương lượng. Ông ta đề nghị Mỹ “phải sẵn sàng chuẩn bị cho sự tan vỡ” và đẩy mạnh ném bom miền Bắc để gây áp lực với Việt Nam” (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr. 725, 726, 727, 728.). Ông ta cũng nêu lại việc xin từ chức.

Nixon không chấp nhận và chỉ thị tiếp tục thương lượng. “Trong bất cứ trường hợp nào Hoa Kỳ không được chủ động cắt đứt cuộc nói chuyện - Chúng ta cần yêu cầu hoãn cuộc họp để tham khảo thêm” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1489.).

Cũng đêm 4 tháng 12, theo thông báo của đại sứ Trung Quốc Hoàng Chấn cho ta, Kissinger đã gặp đại sứ Hoàng Chấn với vẻ bức dọc bi quan, lời lẽ tức tối. Kissinger đã tường thuật lại cuộc họp riêng 4 tháng 12.

Ngày 5 tháng 12, Kissinger xin hoãn họp một ngày. “ông nhận định sự tan vỡ hầu như chắc chắn” (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr. 722.).

Lê Đức Thọ: Có hai cách lựa chọn... Tuỳ các ông!

Trước thái độ của Việt Nam, Mỹ tính đến việc giảm bớt yêu cầu của Chính quyền Thiệu.

Sáng 6 tháng 12, Lê Đức Thọ đưa ra dự thảo về vấn đề tù binh: tách hai vấn đề quân nhân và nhân viên dân sự.

Kissinger đặt nhiều câu hỏi, đặc biệt ông muốn biết rõ số phận 108 tù binh Mỹ trong tay Chính phủ Cách mạng Lâm thời và 495 người bị mất tích ở miền Nam, mối liên quan trong việc trao trả ở miền Bắc và miền Nam, trách nhiệm của Mỹ trong việc trao trả nhân viên dân sự của hai bên Nam Việt Nam.

Lê Đức Thọ nhắc lại đề nghị cũ về việc bố trí lại một số lực lượng tượng trưng ở phần Bắc của Nam Việt Nam đòi lấy việc trao trả tù dân sự ở Nam Việt Nam trong 60 ngày. Kissinger muốn biết con số cụ thể về lực lượng sẽ được bố trí lại.

Lê Đức Thọ nói:

- Nó có con số của nó nhưng điều quan trọng là ông có tán thành đề nghị của chúng tôi không?

Hôm nay Kissinger trở lại vui vẻ hơn hôm trước và kể câu chuyện vui châm biếm:

- Trong chiến tranh người ta bàn phương pháp chống tàu ngầm. Có người nói là làm cho nước bề nóng sôi lên. Nhưng khi người ta hỏi là làm thế nào thì người đó trả lời: đó là sáng kiến của tôi còn cách thực hiện các ông phải nghĩ ra. Điều đó cũng như ông Cố vấn đặc biệt đưa ra ý kiến và nói rằng cách thi hành là tùy thuộc vào chúng tôi.

Trực tiếp vào đề nghị của ông Thọ, Kissinger nói:

- Hậu quả khách quan là phía Việt Nam không chịu rút đi cái gọi là quân miền Bắc. Quân đội đó là Quân đội miền Bắc hoặc là những người theo chủ nghĩa hoà bình thì mới không có quân đội trên đất mình. Tôi không nghĩ các ông là người hoà bình chủ nghĩa.

Ông ta nhận xét thêm là theo đề nghị của ta vẫn đề thả những người bị bắt được coi là nghĩa vụ pháp lý còn việc bố trí lại lực lượng chỉ là sự hiểu biết không ghi vào đâu cả. Ông đề nghị giữ toàn bộ điều 8c (tù chính trị) như cũ nhưng thêm vào đó có sự hiểu biết và Mỹ cũng ghi lại là việc thả những người bị bắt gắn liền với việc bố trí lại lực lượng.

Kissinger đưa ra công thức theo đó: Chính quyền Sài Gòn sẽ thả một số đáng kể thường dân bị giam giữ đồng thời với việc triển khai một số đáng kể quân đội ở phần Bắc của Việt Nam. Ba tháng sau khi ký Hiệp định, hai bên Nam Việt Nam sẽ thu xếp những hành động đồng thời tiếp theo để có thêm thường dân bị giam giữ sẽ được thả theo một số tỷ lệ liên quan trực tiếp với số quân đội do hai bên được giải ngũ.

Như vậy là Kissinger lợi dụng ta đưa ra việc điều chỉnh lực lượng để nâng giá mặc cả nhằm ép ta chấp nhận điều 8c.

Lê Đức Thọ không trả lời cũng không phê phán đề nghị đó, mà nói:

- Hai bên đều muốn giải quyết vấn đề thì phía Mỹ phải cố gắng lớn.

Kissinger thêm vào:

- Nói hai bên cùng cố gắng cho công bằng.

- Không! Chúng tôi có cố gắng lớn như các ông đã biết - Lê Đức Thọ trả lời.

Nhân việc Kissinger nói về khó khăn của Mỹ đối với Sài Gòn, Lê Đức Thọ cũng kể khó khăn của ta. Như đối với Chính phủ Cách mạng Lâm thời, trong vấn đề Indônêxia tham gia Ủy ban Quốc tế. Hồi đó, sau khi Tổng thống A.Xukacnô đổ, Đảng Cộng sản Indônêxia bị đàn áp và tan rã, thái độ của Jacacta đối với cách mạng miền Nam cũng có khác trước.

Lê Đức Thọ nói:

- Đối với Lào, chúng tôi và các ông đồng ý trong Hiệp định, Lon Nol thì hoan nghênh, nhưng ông Khiêu Xăm Phon lại tuyên bố cuộc đàm phán ở Paris không vượt qua đầu Campuchia được. Đây là ám chỉ chúng tôi chứ không ai khác là không được can thiệp vào công việc của người ta. Ông Phouma thì tuyên bố ngừng bắn ở Lào trong một tuần hay mười lăm ngày, nhưng Neo Lào Hắc Xát lại điện hỏi chúng tôi có phải điều đó Việt Nam điều đình với các ông không?

Ông Thọ tỏ ra thân mật:

- Ngay trong những người cộng sản cũng có khi có những mâu thuẫn rất gay gắt.

Kissinger cũng tỏ vẻ đồng tình.

Tiếp đó Lê Đức Thọ nêu ra những việc Mỹ leo thang trong các yêu sách của họ rồi nói một cách dứt khoát:

- Mỗi bên đều có khó khăn của nhau và bây giờ chỉ có hai cách:

Một là chúng ta sẽ trở lại Hiệp định mà chúng ta đã thoả thuận trong văn bản trước đây và có sửa lại thì chỉ sửa về chi tiết, không thuộc về thực chất và nguyên tắc.

Hai là hai bên đều sửa đổi. Các ông sửa đổi điểm này thì chúng tôi sửa đổi điểm khác. Nếu sửa đổi như vậy thì thành ra chúng ta lại thảo luận lại một số vấn đề. Mỗi bên đều có nguyên tắc và lập trường của mình. Như vậy thảo luận sẽ kéo dài và có khó khăn hơn.

Trong hai cách đó, các ông muốn cách nào chúng tôi cũng sẵn sàng. Tuy ông. Nhưng theo chúng tôi cách tốt nhất là giữ cơ bản của Hiệp định.

Đề nghị của Lê Đức Thọ rất hợp lý và mở ra triển vọng giải quyết vấn đề bế tắc của Mỹ nên Kissinger hưởng ứng ngay:

- Lời phát biểu của ông Cố vấn đặc biệt có tính xây dựng?

Ông ta hứa sẽ xin ý kiến Tổng thống và sẽ cố gắng lớn giảm bớt những thay đổi mà ông ta đưa ra.

Trước khi nghỉ, Kissinger còn nhắc lại chữ “cơ cấu Chính quyền”, cho rằng đối với Nixon điều đó gần giống như một nguyên tắc của tôn giáo không chấp nhận điều gì có nghĩa là Chính quyền liên hiệp và yêu cầu ông ta ghi “cơ cấu hành chính”.

Ông ta còn thêm rằng những sửa đổi mà ta đã chấp thuận trong tháng 11 sẽ được xem như những chi tiết. Ông ta muốn nuốt trôi những nhượng bộ của ông Thọ trong phiên họp 23 tháng 11.

Lê Đức Thọ đòi bỏ tất cả những câu có ám chỉ đến quân miền Bắc nhất là câu: “hai miền tôn trọng lãnh thổ của nhau”.

Hôm sau, 7 tháng 12, Kissinger đưa ra "cố gắng cuối cùng" một lập trường tuyệt đối tối thiểu không thể lùi thêm được nữa.

Trước hết là giữ nguyên tất cả những thay đổi mà hai bên đã thoả thuận trong tuần trước (tháng 11).

Bỏ một số đề nghị ông ta mới đưa ra hôm 4 tháng 12. Bỏ câu “Các thành viên Hội đồng Quốc gia hoà giải hoà hợp dân tộc sẽ do hai bên lựa chọn bằng nhau”, và trở lại văn bản tháng 10, nhưng vẫn ghi “cơ cấu hành chính” trong văn bản tiếng Việt.

Bỏ việc giảm quân số trên cơ sở “một đổi một” và câu “đưa họ về quê quán”, nhưng vẫn ghi: “hai bên Nam Việt Nam sẽ bàn việc giảm quân số trong ba tháng”.

Bỏ hai miền tôn trọng lãnh thổ của nhau trong vấn đề khu phi quân sự, nhưng thêm “Bắc và Nam Việt Nam không dùng vũ lực chống lại nhau”, và “hai miền sẽ thảo luận thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời”

Kissinger đã có bước lùi, nhưng Lê Đức Thọ thấy Mỹ vẫn đòi sửa đổi nhiều đổi với ta, nên lại phê phán Mỹ lại có ý đồ chia cắt Việt Nam, kéo dài đàm phán. Ông nhắc lại thiện chí của ta và nêu rõ:

- Trong 9 vấn đề có ý nghĩa quan trọng Mỹ đã đề ra và chúng tôi đã thoả thuận, trong đó có các vấn đề như khu phi quân sự, thay thế vũ khí, giảm bớt nhiệm vụ Hội đồng Quốc gia hoà hợp hoà giải dân tộc v.v... thì nay chúng tôi vẫn đồng ý giữ nguyên 6 vấn đề

Còn lại Lê Đức Thọ đòi sửa hai điểm và giữ nguyên điểm 1 như văn bản tháng 10.

Kissinger nói:

- Đây là bản Hiệp định đầu tiên của nhiệm kỳ mới của Tổng thống Nixon mà nó mở đầu bằng một chương riêng biệt, đặc biệt lại nhằm về phía Hoa Kỳ. Đó là điều hết sức khó khăn, cho nên về điểm 1, chúng tôi phải xin ý kiến Nixon - ông ta chấp nhận bỏ chữ “nghĩa vụ” trong vấn đề Lào và Campuchia trong điều 20.

Cuộc tranh luận tỏ ra gay gắt chung quanh câu Mỹ đưa ra: “Hai miền không dùng vũ lực chống lại nhau” và vấn đề tù dân sự. Nhưng căng nhất là vấn đề khu phi quân sự.

Kissinger nói:

- Hậu quả của đề nghị của các ông là xoá bỏ khu phi quân sự.

Phía Mỹ đề nghị hôm sau họp ở nhà do phía họ bố trí ở Neuilly - sur - Seine, mỗi bên ba người, phía Mỹ chỉ có Kissinger, Haig và Sullivan. Còn phía Việt Nam, Kissinger đề nghị mang theo ông Thạch. Ông ta nói rằng: mỗi khi chúng ta đến gần thoả thuận thì ông Thạch lại viết giấy đưa cho ông Cố vấn.

Xuân Thuỷ:

- Ông Sullivan thì cũng không kém!

Ngày 8 tháng 12 năm 1972 - tại Neuilly - sur - Seine, Kissinger phát biểu trước, nêu những vấn đề tồn tại như sau:

Vấn đề Lời mở đầu.

Chữ cơ cấu Chính quyền.

Vấn đề phục viên trong chín mươi ngày.

Vấn đề giữ nguyên điều 1 như trước.

Vấn đề quy chế khu phi quân sự.

Lê Đức Thọ:

- Còn vấn đề nhân viên dân sự (Mỹ) liên quan đến quân sự, điều 8c... còn một hai vấn đề nữa tôi sẽ nói sau.

Cuộc họp hôm ấy mang tính đối chác quá rõ ràng nhưng cũng không phải nói toạc móng heo, mà các nhà thương lượng còn thăm dò, rào đón trước sau, bằng những câu đạo lý, những lời thuyết minh để chứng minh khó khăn và cố gắng cũng như thiện chí của mỗi bên.

Kissinger nói:

- Về Lời mở đầu, Mỹ không sẵn sàng ký một Hiệp định mà trong Lời mở đầu ghi rõ tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Về điều 1: Đây là vấn đề rất khó khăn đối với chúng tôi. Chúng tôi hiểu khi nói: Tất cả các nước... thì có nghĩa là khoảng một trăm năm mươi nước. Chúng tôi đề nghị: Các bên sẽ tôn trọng... như vậy chỉ còn bốn bên. Nếu để Hoa Kỳ ngay từ đầu thì chẳng khác gì nhìn nhận một sự đầu hàng.

Lê Đức Thọ:

- Như vậy là chúng tôi tôn trọng chúng tôi.

- Về vấn đề “Nam và Bắc Việt Nam sẽ không dùng vũ lực đối với nhau”, chúng tôi - Kissinger tiếp - sẵn sàng rút câu đó nếu các ông sẵn sàng phục hồi cái câu trước là: hai bên sẽ tôn trọng khu phi quân sự.

Rồi ông ta vẫn đòi ghi “cơ cấu hành chính” trong bản tiếng Việt, vẫn đòi hai bên miền Nam bàn vấn đề phục viên quân đội trong ba tháng.

Lê Đức Thọ nhận xét ngay:

- Ông chưa thay đổi gì. Chỉ có vấn đề không dùng vũ lực với nhau các ông thêm vào, trong Hiệp định không có, nay bỏ đi thì không phải là nhân nhượng.

Nhìn lại thì toàn các ông đưa ra những sửa đổi và chưa đáp ứng được điểm nào của chúng tôi. Ông có cố gắng lớn thì chúng tôi cũng có cố gắng lớn, ông có cố gắng vừa thì chúng tôi cũng có cố gắng vừa. Ông có cố gắng nhỏ thì chúng tôi có cố gắng nhỏ. Nếu không giải quyết được thì trách nhiệm hoàn toàn ở các ông. Chúng tôi không bao giờ ký một Hiệp định mà không có ghi tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời trong Hiệp định.

Kissinger:

- Về tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời, Hoa Kỳ có thể thuyết phục được Sài Gòn nhận Hiệp định nếu các ông chấp nhận ghi lại: hai miền tôn trọng lãnh thổ của nhau... hoặc có điều nói: “bốn

nước Đông Dương”.

Lê Đức Thọ:

- Nếu bốn bên ký thì ghi rõ bốn tên Chính phủ, nếu hai bên ký thì ghi: Chính phủ Hoa Kỳ với sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với sự thoả thuận của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Nếu các ông chấp nhận những điều trên thì chúng tôi đồng ý bỏ chữ cơ cấu Chính quyền và đồng ý như các ông: chỉ đề chữ Hội đồng Quốc gia hoà hợp và hoà giải dân tộc thôi. Về các nước Đông Dương, trước kia chúng ta đã thoả thuận ba nước Đông Dương, vừa rồi các ông sửa là các nước Đông Dương. Chúng tôi đã đồng ý. Như vậy là hợp tình hợp lý lắm rồi.

Kissinger nhắc lại điểm 1 và nói:

- Hoa Kỳ sẵn sàng nhận cả điều đó nhưng với điều kiện là phải đưa xuống Chương IV (về quyền tự quyết của Nam Việt Nam).

Lê Đức Thọ vẫn đòi đề nguyên Chương I và nói:

- Để chiếu cố đến các ông... để tránh hiểu là chỉ có Hoa Kỳ mới tôn trọng, tôi đề nghị viết là “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam”

Kissinger nói câu này xấu hơn nhưng sẵn sàng nhận nếu đề xuống Chương IV.

Lê Đức Thọ nói không phải xấu hơn mà tốt hơn câu cũ và đây là chỉ thị của Chính phủ không thay đổi được. Ông Thọ cho Kissinger biết: kỳ này tôi về Hà Nội thì điều này tôi bị chỉ trích nhiều nhất.

Lê Đức Thọ đã nói đúng sự thật. Trong điện ngày 1 tháng 12, Bộ Chính trị đã nêu rõ điều 1 phải đòi ghi lại như cũ.

Về việc phục viên lực lượng vũ trang hai bên ở miền Nam, ông Thọ đề nghị:

- Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ cố gắng hết sức mình để hoàn thành việc giảm quân số và phục viên càng sớm càng tốt.

Về vấn đề nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự, đề nghị phần lớn rút hết trong sáu mươi ngày. Số còn lại sẽ rút trong vòng một trăm hai mươi ngày sau khi ký Hiệp định - và sẽ có sự hiểu biết riêng với Mỹ về việc này.

- Mỹ có hàng vạn Cố vấn loại này ở miền Nam.

Kissinger:

- Chỉ có 1.300 người làm việc cho Chính phủ, còn 5.000 làm việc cho các công ty.

Mỹ đưa ra thời hạn hai năm để rút hết. (trong Hiệp định tháng 10 không nói tới vấn đề này).

Kissinger nói vui rằng ông Thọ rất tế nhị - những nhân nhượng của ông không bao giờ là nhân nhượng cuối cùng - và những điều ông Thọ rút đi cũng không bao giờ rút đi hoàn toàn.

Kissinger lại nhắc đến vấn đề tù chính trị, mà ông ta tưởng phía Việt Nam đã đồng ý.

Lê Đức Thọ nói:

- Trong hai vấn đề này nếu các ông giữ nguyên như Hiệp định đã thoả thuận thì chúng tôi không đề cập thêm nữa.

Kissinger lại nêu ra khó khăn với Sài Gòn, đến quan hệ tương lai giữa hai nước - và đòi có đi có lại giữa điều khoản này với điều khoản khác.

Kết thúc phiên họp, ông ta nói:

- Chỉ có một lĩnh vực mà Hoa Kỳ có khả năng sửa đổi được, đó là vấn đề liên quan đến dính líu của Hoa Kỳ, không phải là lĩnh vực về nhân viên dân sự và khu phi quân sự. Về hai vấn đề đó chúng tôi không thể đi xa hơn được.

Kissinger đề nghị hôm sau họp ở Gif - sur - Yvette.

Ngày 9 tháng 12, cả hai bên muốn giải quyết nhanh. Sau mấy câu đạo lý chung chung, Kissinger nói:

- Tổng thống nay chấp nhận đề nghị của Việt Nam đưa ra về điều 1 (Hoa Kỳ và các nước tôn trọng độc lập...) và để ở đầu Hiệp định. Hoa Kỳ cũng chấp thuận giảm quân số và phục viên càng sớm càng tốt, chấp nhận ghi Chính phủ Cách mạng Lâm thời trong Lời mở đầu và cho rằng cách viết như hồi tháng 10 là tốt nhất : Hoa Kỳ (với sự thoả thuận của ... hoặc hành động chung với...) Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (với sự thoả thuận của ... hoặc hành động chung với...) Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Lê Đức Thọ hỏi thêm về cách ký, Kissinger cho biết: sẽ do Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký và sau đó sẽ có thư gia nhập của Chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Lê Đức Thọ nói:

- Tôi lạc quan về việc Mỹ nhận một số vấn đề, nhưng không lạc quan khi Mỹ vẫn đòi để điều 4. Như vậy Mỹ vẫn tiếp tục dính líu quân sự vào nội bộ miền Nam Việt Nam. Rõ ràng ông Cố vấn đưa ra một tay và tay kia lấy lại thì kết quả vẫn như cũ.

Về khu phi quân sự, tôi đề nghị ghi: "Tôn trọng khu phi quân sự và hai miền Nam và Bắc Việt Nam sẽ thoả thuận về thể thức đi lại qua giới tuyến quân sự tạm thời".

- Như thế là quy định thể thức đi lại của dân chúng? - Kissinger hỏi lại.

- Thể thức đi lại qua giới tuyến - ông Thọ trả lời.

Về thời hạn, đề nghị rút các nhân viên dân sự ở miền Nam trong hai tháng như các ông đã nói với Bộ trưởng Xuân Thuỷ hôm 17 tháng 10.

Kissinger cho là Lê Đức Thọ tăng thêm nhiều điều kiện trong một số vấn đề và làm cho cuộc thương lượng như một việc buôn bán ngựa.

Lê Đức Thọ nói Mỹ nêu lên các sửa đổi rồi lại rút đi để nói là nhân nhượng, và nói:

- Ở Việt Nam không có từ buôn ngựa mà người ta thường nói "lái trâu".

Sau khi nghĩ, Kissinger đề nghị:

- Nếu tất cả các vấn đề khác mà giải quyết một cách thoả đáng thì Hoa Kỳ đồng ý để điều 1 và điều 4 trong Hiệp định. Đề nghị rút nhân viên dân sự trong 15 tháng.

Lê Đức Thọ nói sẵn sàng bỏ điều ghi về nhân viên dân sự trong đề nghị của Việt Nam và có sự hiểu biết riêng nhưng không ghi vào Hiệp định. Ông Thọ cũng đồng ý để Ấnô-nê-xia tham gia Ủy ban Quốc tế. Nhưng thời gian rút nhân viên dân sự 15 tháng thì dài quá.

Kissinger nói Việt Nam nhân nhượng ít quá, không đủ cho Phó Tổng thống Mỹ đi Sài Gòn mà ông ta nói từ đầu.

Hai bên lại bàn đến vấn đề khu phi quân sự.

Kissinger đề nghị:

- Trong việc lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt có vấn đề cho phép đi lại của dân thường qua giới tuyến quân sự tạm thời.

- Nếu các ông chấp nhận câu đó thì chúng tôi đồng ý bỏ câu nói "tôn trọng lãnh thổ của nhau"

Lê Đức Thọ:

- Tôi không có quyền quyết định.

Kissinger:

- Tôi cũng vậy.

- Tôi phải hỏi Chính phủ. Tôi không có quyền. - ông Thọ nói

- Tôi cũng thế, tôi tin ở ông - Kissinger đáp.

Lê Đức Thọ lại nói:

- Tôi bị phê phán rất dữ. Tôi phải tìm một công thức như thế là quá lắm rồi. Trong tuần qua tôi đã trao đổi nhiều lần với Hà Nội. Nhưng Chính phủ chúng tôi còn chỉ thị cho tôi cao hơn công thức mà tôi nêu với ông. Sự thật bây giờ ở vùng giới tuyến một bên là miền Bắc, một bên là vùng giải phóng

của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Đáng lẽ chúng tôi không có gì phải quy định vấn đề qua lại giới tuyến này, nhưng vì cố gắng để giải quyết với các ông chúng tôi mới tìm ra công thức đó. Đó là thực tế.

Lê Đức Thọ nói thêm:

- Tôi còn phải hỏi lại rồi đến ngày kia (11 tháng 12) gặp lại.

Đúng là hôm trước đoàn nhận được chỉ thị của Bộ chính trị: Về khu phi quân sự ta kiên trì không ghi công thức của Mỹ vì như vậy sẽ để ra nhiều vấn đề phức tạp. Ta ghi theo công thức của Bộ Chính trị đã thông qua: “Hai miền sẽ thoả thuận về quy chế khu phi quân sự và định ra thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời”.

Hai bên thoả thuận phải xin chỉ thị của Chính phủ, và trong khi chờ đợi, các chuyên viên sẽ họp vào sáng chủ nhật 10 tháng 12, mỗi bên ba người, để rà soát lại văn bản.

Hôm đó là một cuộc họp căng thẳng. Huyết áp của Lê Đức Thọ lên cao, phải nghỉ nhiều lần và kết thúc cuộc gặp riêng không thoả mái gì cho cả hai bên.

Bế tắc

Tối hôm đó, đoàn Mỹ gửi cho ta một công hàm nhân danh Tổng thống nói rằng Nixon chưa chấp nhận công thức của Kissinger đưa ra và đòi phục hồi lời lẽ Chương V mà Việt Nam đã thoả thuận hôm 23 tháng 11 về khu phi quân sự đưa ra hôm qua là hết sức đúng đắn và hợp tình hợp lý.

Cuộc họp hôm 11 tháng 12 thực ra chỉ còn một vấn đề lớn: Khu phi quân sự. Nhưng khi vào họp, Lê Đức Thọ nói chưa nhận được chỉ thị của Chính phủ, có lẽ sáng mai mới có trả lời và chiều mai mới thảo luận được.

Kissinger tỏ ra bức bối và thất vọng. Ông ta nói rằng ở Washington bầu không rất căng thẳng, người ta không còn kiên nhẫn nữa. Ông đưa ra nhiều lý do để nói người ta ngày càng bức tức: Phó Tổng thống Agnew cứ chờ mãi để đi Sài Gòn, bây giờ lại phải hoãn lại. Còn ông ta tối mai phải về Washington và do đó không thể đi Hà Nội cho đến sau lễ Noel. Ông đổ cho Việt Nam kéo dài đàm phán.

Nhưng ông ta cũng đồng ý thảo luận vấn đề ký kết và lại đưa một thời điểm:

- Nếu ngày mai đạt được thoả thuận thì tối mai Phó Tổng thống Mỹ đi Sài Gòn. Tối thứ năm ông trở về Washington. Sau đó đi Hà Nội vào thứ tư hoặc thứ năm tuần tới. Đó là cách duy nhất làm xong trước Noel. Nếu không thì phải trì hoãn tất cả hoặc bỏ cuộc đi Hà Nội của ông ta.

Kissinger cũng dự định ký Hiệp định ở Paris vào ngày 27 hoặc 28 tháng 12.

Để tỏ rõ sự bức bối, ông ta đề nghị nghỉ họp để đi báo cáo Nixon. Không khí trở nên căng thẳng thêm.

Về cách ký kết, Lê Đức Thọ không đồng ý đề nghị cũ của Mỹ là Chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng Lâm thời gửi thư tham gia vào văn bản Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ ký. Ông đề nghị cả hai bên và bốn bên cùng ký một văn bản. Kissinger không chịu. Cuối buổi, Lê Đức Thọ đưa ra công thức: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ ký một văn bản. Chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng Lâm thời ký vào hai bản khác nhưng nội dung giống nhau. Tức là có ba văn bản nội dung giống nhau mà có lần Kissinger đã đề ra. Phía Mỹ hứa nghiên cứu.

Về các hiểu biết. Vì có nhiều phức tạp do yêu cầu hai bên khác nhau, nên cuộc họp thoả thuận ngày 12 tháng 12, các đại diện Mỹ, đại sứ Porter, đại sứ Sullivan gặp lại Xuân Thuỷ và Nguyễn Cơ Thạch để duyệt lại.

Lê Đức Thọ nói nếu ngày mai xong thì ông cũng quay về, mà không xong thì cũng về.

Ngày 12 tháng 12, khi vào họp Lê Đức Thọ nói:

- Chúng tôi mới nhận được chỉ thị đáp ứng yêu cầu các ông về khu phi quân sự như sau:

“Miền Bắc và miền Nam tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời. Miền Bắc và miền Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề thương lượng có vấn đề thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời”.

Công thức này gần giống công thức Mỹ đưa ra hôm 7 tháng 12 và hôm 9 tháng 12 - chỉ khác có hai chữ: Mỹ viết “cho phép đi lại của thường dân” (thay dân sự)

Kissinger hỏi lại ngay:

- Việc đi lại của dân chúng có phải không?

Lê Đức Thọ:

- Không - Vấn đề thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời, đúng như hôm trước ông đề nghị.

Kissinger nói rằng công thức đó Mỹ đã rút đi rồi và châm biếm:

- Con trâu có đi lại được không?

- Trâu sắt thì không, còn trâu thường thì không có vấn đề gì. Ông Thọ trả lời.

Chúng tôi quan sát thấy nhiều “con voi” (đoàn xe - tiếng Anh) qua khu phi quân sự - Kissinger nói.

- Không, các ông nhầm đấy. Đó là những con voi thật đấy - Lê Đức Thọ trả lời.

Tiếp đó ông Thọ nói luôn đến cách ký kết. Ông đòi hai bên ký rồi bốn bên cùng ký. (Như vậy là thay đổi luôn ý kiến ta mới đưa ra hôm qua). Ông nói:

- Đó là chỉ thị của Chính phủ chúng tôi để nói với các ông như vậy... Nếu không giải quyết được thì tôi phải về rồi sau đó tôi sẽ gửi công hàm cho các ông. Vì tôi không có quyền giải quyết.

Trước khi bình luận, Kissinger châm biếm:

- Đại sứ Sullivan cho rằng ông Cố vấn có nhiều trâu nhất ở Việt Nam.

- Ông thì có nhiều ngựa nhất ở Mỹ - Lê Đức Thọ nói rồi cười.

Cuộc thảo luận tiếp tục.

Kissinger nhắc lại nhiều lần “Hoa Kỳ quan tâm đến vấn đề đi lại của thường dân”.

- Nếu ta ghi lại: việc đi lại của thường dân hay đi lại dân sự thì Hoa Kỳ đồng ý ngay.

Ông Thọ nhắc lại:

- Tôi không có quyền.

Thực ra Lê Đức Thọ ở trong tình trạng rất khó khăn.

Về vấn đề khu phi quân sự:

Trong thoả thuận tháng 10 giữa ta và Mỹ không có vấn đề về khu phi quân sự. Chỉ có một câu: “Giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 là tạm thời, không phải ranh giới về chính trị hay lãnh thổ”.

Ngày 20 tháng 11, theo yêu cầu của Sài Gòn, phía Mỹ đề nghị thêm: “Trong khi chờ đợi thống nhất Việt Nam, khu phi quân sự phải được hai bên tôn trọng”. Ý đồ của Mỹ là muốn làm rõ miền Nam Việt Nam là một Quốc gia riêng biệt.

Hôm sau đoàn ta đề nghị:

“Hai miền tôn trọng khu phi quân sự và thoả thuận về quy chế và định ra thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời”.

Ngày 23, ta thoả thuận bỏ đoạn “về quy chế và thể thức” mà chỉ ghi “miền Bắc và miền Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời”.

Hà Nội không tán thành công thức này. Trong chỉ thị ngày 1 tháng 12 năm 1972, Hà Nội chỉ thị cho đoàn: “Cần ghi thêm là quy chế sẽ do hai bên thoả thuận”. Hôm sau lại chỉ thị thêm cho đoàn “Nếu không nói rõ quy chế sẽ do hai miền thoả thuận thì Mỹ có thể giải thích là ta tôn trọng khu phi quân sự như quy chế cũ. Do đó có thể gây thêm phức tạp quanh vấn đề này”.

Ngày 4 tháng 12, theo chỉ thị của Hà Nội, Lê Đức Thọ bổ sung thêm “Hai miền sẽ thoả thuận về

quy chế khu phi quân sự và thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời". Phía Mỹ không chịu, cho ta rút đi sự thoả thuận quan trọng nhất đạt được hồi tháng 11, làm cho cuộc thảo luận căng thẳng.

Ngày 7 tháng 12, Mỹ đề nghị "trong các vấn đề thảo luận có vấn đề thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời". Họ không nói gì đến quy chế khu phi quân sự và đặt vấn đề đi lại giữa hai miền.

Ngày 9 tháng 12, ta dựa vào công thức của Mỹ đưa ra công thức "Miền Nam và miền Bắc sẽ thảo luận về thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời" liên sau câu tôn trọng khu phi quân sự như đã nói ở trên.

Báo cáo về Hà Nội, Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ viết:

"Nếu ta cứ đòi cả thoả thuận về quy chế về thể thức thì cứng quá mà chỉ nên đề thể thức qua lại, vì bản thể thức qua lại là bản cả quy chế rồi, như vậy vừa đạt yêu cầu vừa mềm dẻo".

Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ nhận được trả lời của Hà Nội.

"Ta kiên quyết không ghi vấn đề khu phi quân sự theo cách của Mỹ vì như vậy sẽ đẻ ra nhiều vấn đề phức tạp". Đây là âm mưu rất lớn của Mỹ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành một nước riêng, tạo điều kiện cho Ngụy trở lại vấn đề "rút quân miền Bắc" về phía Bắc khu phi quân sự theo các điều khoản Hiệp định Genève năm 1954... Hà Nội đã thảo luận kỹ vấn đề này mà họ không giải quyết. Còn ta không nên vì muốn giải quyết mà bỏ vấn đề nguyên tắc này.

Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ hiểu rằng vấn đề khu phi quân sự là vấn đề nguyên tắc, càng cương quyết đấu tranh. Nhưng nếu thấy trở lại công thức có cả qui chế khu phi quân sự thì Mỹ khó chấp nhận, hai ông báo cáo về Hà Nội:

"Nếu Mỹ không nhận thì có khả năng đàm phán có thể gián đoạn một thời gian, chiến tranh tiếp tục, tuy họ không có khả năng kéo dài nhưng sẽ đánh ồ ạt tập trung sau một thời gian lại yêu cầu đàm phán lại. Nếu ta không gặp thì chiến tranh tiếp tục và Mỹ sẽ đổ trách nhiệm cho ta. Nếu ta công bố mà nội dung chỉ còn một vấn đề khu phi quân sự thì ta sẽ khó giải thích; dư luận còn có thể hiểu lầm rằng ta không muốn tôn trọng khu phi quân sự, ta còn muốn tiếp tục đưa quân. Nếu ta nhận gặp thì lúc đó ta ở thế bị sức ép mà cũng chỉ đặt vấn đề khu phi quân sự như công thức Bộ Chính trị nhưng cũng có thể không đạt, mặt khác ta lại bị thiệt hại thêm ở miền Bắc do đó ảnh hưởng một phần ở miền Nam.

Ta không (bị) thúc bách nhưng cần thấy thời cơ. Hiện nay Mỹ đang cần giải quyết, nếu đề quá thì sẽ lỡ và ép họ thì cũng ít tác dụng vì mọi việc đều có giới hạn...".

Ngày 12 tháng 12, Hà Nội nói rõ quan điểm cho đoàn ở Paris:

"Không thể theo công thức 23 tháng 12 và đồng ý công thức sau:

"Miền Nam và miền Bắc sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời và sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt".

Nếu Mỹ không đồng ý công thức này, ta có thể lấy công thức của Mỹ sửa lại như sau:

"Miền Nam và miền Bắc Việt Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự hai bên giới tuyến quân sự tạm thời. Miền Nam và miền Bắc sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề thương lượng có vấn đề thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời. Nhất định là không nhận ghi đi lại về dân sự của Mỹ".

Chiều 12 tháng 12, Lê Đức Thọ đưa ra công thức này cho Kissinger, nhưng Mỹ nhất định không công nhận vì không nói rõ đi lại dân sự. Như vậy là bế tắc, chỉ còn khác nhau hai chữ dân sự.

Trong phiên họp ngày 12 tháng 12 ấy còn vấn đề ký kết nữa. Sau khi Lê Đức Thọ thay đổi ý kiến về cách ký kết, Kissinger nói Việt Nam đưa thêm vấn đề mới ông ta phải hỏi ý kiến của Tổng thống và sẽ trao đổi công hàm với phía ta.

Tuy vậy, sau khi thảo luận quá căng mà không giải quyết được vấn đề khu phi quân sự, không khí trở lại bình tĩnh hơn và hai bên thoả thuận được ba văn bản: hiểu biết về việc Lào và Campuchia, về định nghĩa các bên trong Chương, về trao trả tù binh.

Cuộc thương lượng đã thật sự bế tắc. Nhưng hai bên vẫn thoả thuận hôm sau chuyên viên hai bên rà soát văn bản và 10 giờ 30, Lê Đức Thọ và Kissinger lại gặp nhau ở Neuilly để duyệt.

Hôm sau (13 tháng 12) cuộc họp bắt đầu, Kissinger hỏi Lê Đức Thọ hôm nào về tới Hà Nội. Một câu hỏi xã giao hay hữu ý? Vì ngày 18 là bắt đầu các cuộc ném bom bằng B52.

Và hai bên đi vào xem xét lại văn bản.

Hôm qua khi thảo luận về vấn đề này Kissinger đã nói rằng: Về văn bản thì ông Lưu Văn Lợi và ông Negroponte là những kẻ phá hoại, còn về nội dung thì ông Sullivan và ông Nguyễn Cơ Thạch là những kẻ phá hoại. Ông Lưu Văn Lợi là người cầm đầu nghiệp đoàn buôn trâu.

Hôm nay, khi vào cuộc họp Kissinger phàn nàn rằng chuyên viên phía ta đã nêu lên 17 vấn đề trong đó có nhiều vấn đề Lê Đức Thọ và Kissinger đã thoả thuận xong rồi. Đúng là Lưu Văn Lợi có bỏ chữ phá huỷ trong vấn đề thay thế vũ khí, sửa lại đoạn đầu điều 20 (a) - sửa ba tháng thành hai tháng trong vấn đề trao trả tù binh, và bỏ đi 9 chỗ có ghi Việt Nam Cộng hoà, vì tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời đã bị bỏ đi. Trong nhiệm vụ Hội đồng ta vẫn giữ từ “đôn đốc” - mà phía Mỹ không chịu... Trong các điểm sửa đó có ba điểm theo chỉ thị của Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh hôm 7 và 12 tháng 12.

Cuộc thảo luận về từ ngữ cũng trở nên căng thẳng. Tình hình nhiệm vụ của Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc hồi tháng 10, Mỹ đưa ra bốn chữ “khuyến khích”, ta không đồng ý, sau đó họ đưa ra ba từ: “to promote” (thúc đẩy), “to oversee” (trông nom, giám sát) và “to see to” (chăm lo), còn ta vẫn dùng chữ “đôn đốc”. Cuối cùng phía Mỹ đồng ý bỏ bớt tên Việt Nam Cộng hoà trong Hiệp định nhưng sẽ qua công hàm để xác nhận. Ta đồng ý điều 8c (tù dân sự miền Nam) vẫn để ba tháng nhưng có hiểu biết riêng - còn các vấn đề khác gác lại.

Trong khi thảo luận, Kissinger vừa đùa cợt vừa đả kích Lưu Văn Lợi (một nhà luật, nhà báo, trợ lý Bộ trưởng, chuyên viên về văn bản của ta). "ông Lưu Văn Lợi muốn được Huân chương nên có nhiều ý kiến trong việc dùng từ ngữ", "Cần cho ông Lưu Văn Lợi phục viên về sinh quán", "Hoa Kỳ không có chuyên viên nào đủ mức tể nhị như ông Lợi!", "Phải xây dựng tượng ông Lợi cạnh một cái hồ...".

Lê Đức Thọ cũng tỏ ra vui vẻ thêm vào: chân bức tượng đó phải ghi những đề nghị sửa đổi Hiệp định của ông Lợi.

Kissinger đổ cho ta kéo dài đàm phán, việc sửa đổi nhiều về từ ngữ càng củng cố thêm ý nghĩ đó của ông ta, nếu không nói ta quá chặt chẽ về câu chữ.

Hai bên còn trao đổi về Nghị định thư. Mỹ quan tâm đến Nghị định thư về Ủy ban Quốc tế và Ủy ban Liên hợp nhưng chưa giải quyết được.

Kissinger bắt tay Lê Đức Thọ, hai người chúc nhau lên đường bình yên. Khi bắt tay Lưu Văn Lợi, ông ta hỏi:

- Bao giờ tượng ông sẽ được dựng?

Lê Đức Thọ hài hước nói chen vào:

- Mỹ có tiếng là giỏi về khoa học và kỹ thuật, nhưng không hiểu có làm nổi bức tượng ông Lợi có hai mắt nháy được không?

Cuộc chia tay nếu không là hữu nghị thì ít nhất cũng là bình thường. Sự thật mây đen từ chân trời xa do phía Mỹ tạo nên đang dần dần kéo về phía máy bay của Lê Đức Thọ đang đi tới.

Mùa Noel của Nixon

Như trên đã nói, để đáp lại sự tiết lộ xuyên tạc của Mỹ, ngày 26 tháng 10 năm 1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công bố sự thật về các cuộc gặp riêng giữa Lê Đức Thọ - Xuân Thuỷ và

Kissinger và công bố bản Hiệp định mà Hà Nội và Washington đã đạt được ngày 20 tháng 10 năm 1972, và tố cáo Mỹ trì hoãn việc ký kết Hiệp định đó, tố cáo Nguyễn Văn Thiệu mưu toan phá hoại việc ký kết đó. Từ ngày đó, các cuộc thương lượng Việt Mỹ bước sang một thời kỳ mới rất phức tạp.

Ngày 24 tháng 10, Nguyễn Văn Thiệu đọc diễn văn trước Quốc hội Sài Gòn công khai lên án và bác bỏ Hiệp định 20 tháng 10 năm 1972.

Ngày 14 tháng 11, Thiệu đích thân đưa cho tướng Haig, phái viên của Tổng thống Nixon, bức giác thư yêu cầu sửa 69 điểm trong Hiệp định ngày 20 tháng 10 năm 1972, bảo lưu các Nghị định thư, lưu ý phía Mỹ tới các hiểu biết (understanding). Ngày 18 tháng 11, Sài Gòn lại gửi một giác thư mới nêu các vấn đề “sinh tử” như vấn đề quân miền Bắc, Hội đồng hoà giải và hoà hợp dân tộc không gồm ba thành phần, Ủy ban Quốc tế gồm toàn nước trung lập. Thiệu cử đặc phái viên Nguyễn Phú Đức sang gặp Nixon, cử Phạm Đăng Lâm hàng ngày gặp Kissinger để nắm tình hình thương lượng với Lê Đức Thọ - Xuân Thuỷ, cử các đại sứ Sài Gòn ở London và Washington phụ tá cho Lâm, v.v...

Hạ nghị viện Sài Gòn thông qua nghị quyết lên án mọi giải pháp liên hiệp với cộng sản. Tổng trưởng Ngoại giao Sài Gòn ra tuyên bố nói sẵn sàng chấp nhận ngừng bắn nhưng không chấp nhận giải pháp đi ngược lại lợi ích của 17,5 triệu nhân dân miền Nam.

Từ đây Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu trở thành một bên thương lượng tuy là gián tiếp.

Thiệu dùng chiến thuật hai mặt: một mặt đòi sửa đổi nhiều điều khoản mà Mỹ đã thoả thuận với ta, mặt khác đòi Chính quyền Nixon tiếp tục đưa vũ khí vào miền Nam Việt Nam theo kế hoạch Enhance Plus (tăng cường hơn nữa). Nixon vẫn thuyết phục Thiệu chấp nhận Hiệp định nhưng đồng thời hạn chế những yêu cầu của Thiệu chẳng hạn không đồng ý mở rộng thành phần nói chuyện riêng, trì hoãn việc tiếp phái viên Nguyễn Phú Đức.

Nixon cố ép Thiệu nhưng bị Thiệu ép lại mạnh hơn, cố ép Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhưng bị đòn ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tấn công mạnh. Sức ép của chính giới và nhân dân Mỹ trước khi Quốc hội Mỹ họp, sức ép của dư luận quốc tế càng thôi thúc Nixon phải lựa chọn: hoặc là cắt đứt đàm phán (và đương nhiên là ném bom trở lại) hoặc là gạt các yêu cầu của Thiệu.

Đợt đàm phán lại (từ 20 tháng 11) bốn phiên họp chính thức, hai phiên họp hẹp, đạt được một số thoả thuận, trong đó một số điểm có ý nghĩa. Tuy vậy, đến 23 tháng 11 nhiều vấn đề lớn vẫn chưa được giải quyết như Chương III, Chương IV (về vấn đề rút nhân viên dân sự Mỹ) đối với ta, vấn đề giảm quân số 1-1, phục viên về sinh quán, bỏ ba thành phần Hội đồng hoà giải và hoà hợp dân tộc, hai miền tôn trọng lãnh thổ của nhau, quân đội các nước Đông Dương ở trong biên giới của nước mình, v.v... đối với Mỹ.

Đến lúc này Kissinger thấy các điểm sửa đổi đạt được còn cách rất xa yêu cầu của Thiệu và con bài mặc cả không có, không ép được Việt Nam sửa đổi, tiếp tục họp nữa chỉ càng bế tắc. Kissinger báo cáo với Nixon hai khả năng lựa chọn: một là cắt đứt đàm phán và tăng cường ném bom, hai là chấp nhận các sửa đổi đã đạt được cải thiện chút ít về vấn đề chính trị để vớt vát thể diện cho Sài Gòn.

Lúc đầu Nixon điện cho Kissinger không tán thành phương án một. Tuy đã chỉ thị cho Kissinger rằng “chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc đạt được một Hiệp định theo những đường lối của nguyên tắc ngày 8 tháng 10 (đúng ra là 20 tháng 10), nhưng hôm sau ông ta vẫn điện cho Kissinger ngừng đàm phán một tuần lễ để tham khảo ý kiến Chính phủ. Ông ta nói: Tôi có thể sẵn sàng cho phép ném bom ồ ạt miền Bắc Việt Nam trong thời gian nghỉ ngơi đó" (R.Nixon. Hồi ký. Sđd, tr. 730 - 734.)

Trong đợt đàm phán lại đầu tháng 12 năm 1972, bắt đầu ngày 4, quan điểm hai bên vẫn còn xa nhau. Cuối cùng ngày 4, Lê Đức Thọ nói rõ ràng: “Nếu các ông muốn giữ Hiệp định như cũ thì chúng tôi cũng sẵn sàng giữ nguyên như cũ không thay đổi một chữ. Nếu các ông không sửa một chữ nào thì

chúng tôi cũng không sửa một chữ nào”, và ông Thọ còn rút đi nhiều điều quan trọng mà phía ta mới thêm vào.

Kissinger thấy ý nghĩa của đề nghị phải chăng đó là xin hoãn phiên sau đến ngày 6 để xin chỉ thị Tổng thống. Người ta không hiểu tại sao 12 giờ đêm ngày hôm đó ông ta lại đến gặp Đại sứ Trung Quốc Hoàng Chấn với vẻ nghiêm trọng, bức dọc, bi quan, và nói: “Nếu ngày thứ tư 6 tháng 12, Bắc Việt Nam vẫn giữ lập trường của họ thì chúng tôi buộc phải cắt đứt đàm phán”.

Trong dịp này, tự nhận đã thất bại trong đàm phán, Kissinger nêu vấn đề từ chức với Tổng thống.

Ngày 5 tháng 12, Nixon điện cho Kissinger: "Tôi nhất quyết cho rằng chúng ta không được tự dòn mình vào góc bằng cách nói rằng đây là đề nghị cuối cùng của chúng tôi hoặc đây là cuộc họp cuối cùng của chúng tôi. Hãy để một chỗ hờ ở cửa cho các cuộc họp tiếp" (R.Nixon Hồi ký. Sđd, tr.730-734.)

Giải thích thế nào thái độ của Kissinger: ông ta bi quan thật hay suy tính điều gì?

Qua ngày 6 tháng 12, Lê Đức Thọ lại nhắc lại đề nghị hai bên rút hết mọi đề nghị sửa đổi và trở lại Hiệp định đã thoả thuận: “Nếu sửa thì chỉ sửa một số chi tiết không thuộc thực chất và nguyên tắc; hai là hai bên đều sửa đổi. Đã sửa đổi thì bên này sửa lớn, bên kia cũng sửa lớn; bên này sửa nhỏ bên kia cũng sửa nhỏ, không thể chỉ một bên sửa một bên không sửa. Cứ như thế, sửa đi sửa lại mãi, không thể hoàn thành được. Trong hai cách đó, phía Mỹ chọn cách nào chúng tôi cũng sẵn sàng, nhưng chúng tôi cho rằng cách tốt nhất là cơ bản giữ Hiệp định”.

Đề nghị của Lê Đức Thọ làm cho không khí dịu hơn và dù cuộc tranh luận có lúc căng thẳng, khiến Lê Đức Thọ nhiều lúc huyết áp tăng, nhiều vấn đề tồn tại cũng đã được lần lần giải quyết.

Đến ngày 12 chỉ còn hai vấn đề sẽ giải quyết bằng trao đổi công hàm: cách ký văn kiện và vấn đề khu phi quân sự. Hai bên còn thoả thuận sáng 13 rằng nhóm chuyên viên sẽ rà soát văn bản Hiệp định và tiếp tục bàn các hiểu biết và Nghị định thư. Kissinger giới thiệu Porter, Sullivan, Aldrich; Lê Đức Thọ giới thiệu Nguyễn Cơ Thạch vào nhóm chuyên viên.

Nhưng nhiều vấn đề Lê Đức Thọ và Kissinger tưởng đã giải quyết xong lại trở thành vấn đề tranh cãi trong nhóm chuyên viên rà soát văn bản. Thí dụ: bản tiếng Việt viết là: Hội đồng đôn đốc thi hành Hiệp định và các Nghị định thư kèm theo và chữ “đôn đốc” ở đây tương đương với các từ: “to direct”, đề nghị “encourage”, phía Việt Nam bác chữ đó; cuối cùng đồng ý chữ “to promote”. Ta chấp nhận chữ “to promote” nhưng đòi bản tiếng Việt vẫn để là “đôn đốc”. Phía Mỹ cũng không nhận chữ “đôn đốc” trong bản tiếng Việt

Đến ngày 13, ngoài những vấn đề tồn tại trong văn bản, quan điểm hai bên trong các Nghị định thư cũng xa nhau. Lê Đức Thọ và Kissinger thoả thuận tạm ngừng các cuộc họp chính thức để hai bên về xin chỉ thị Chính phủ mình và trao đổi công hàm; Lê Đức Thọ đề nghị và Kissinger đồng ý rằng trong thời gian đó, chuyên viên hai bên tiếp tục làm việc. Lê Đức Thọ nói cả đi cả về cũng mất mười hai đến mười lăm ngày.

Ngày 15 tháng 12, Lê Đức Thọ lên đường về nước qua Matxcova và Bắc Kinh. Ngày 16, mặc dầu tình hình không có gì mới và không có trao đổi gì với Lê Đức Thọ - khi đó còn ở Matxcova - Kissinger họp báo và đổ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kéo dài đàm phán. Và ngày 18, khi Lê Đức Thọ vừa từ sân bay Gia Lâm về tới nhà ở phố Nguyễn Cảnh Chân, trung tâm Hà Nội, máy bay chiến lược B52 âm thầm giới bom xuống Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố khác.

Đây là một kế hoạch tập kích chiến lược đã được chuẩn bị sẵn sàng dưới cái tên Linebaker II. Nội dung của nó là thả mìn lại Hải Phòng, dùng B.52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng. Tư tưởng của các nhà lãnh đạo và tướng lĩnh Hoa Kỳ trước sau vẫn là dùng sức mạnh quân sự để ép đối phương.

Từ ngày 14 tháng 12, sau cuộc trao đổi ý kiến với Henry Kissinger và tướng A.Haig, Nixon đã ra lệnh: ngày 17 thả mìn Hải Phòng, ngày 18 dùng B.52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng.

Nixon nói với đô đốc Moorer, chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân:

“Điều may mắn của ông là được dùng một cách có hiệu quả sức mạnh quân sự của chúng ta để thắng cuộc chiến tranh này, nếu ông không làm được việc đó, tôi sẽ coi ông là người chịu trách nhiệm” (R.Nixon. Hồi ký. Sdd, tr. 1722.).

Nixon nhấn mạnh phải đánh, đánh ác liệt nếu không coi như không làm gì cả. Dùng đòn mạnh nhất để thúc đẩy thương lượng, hay, như Kissinger nói, "tung con chủ bài cuối cùng" (le dernier coup de dé). Không phải là vấn đề đơn giản: nếu nó không thành công thì đến ngày 3 tháng giêng 1973, Quốc hội Mỹ trở lại họp thì có nguy cơ phái phản đối chiến tranh sẽ thông qua một nghị quyết cắt ngân sách cho việc tiếp tục chiến tranh. Đó là chưa kể cái giá chính trị phải trả ở trong nước và ngoài nước. Ít nhất Nixon đã nói thật khi ông viết trong Hồi ký: “Lệnh ném bom lại trước Noel là quyết định khó khăn nhất của tôi trong cuộc chiến tranh này nhưng cũng là một trong những quyết định dứt khoát nhất và cần thiết nhất (không nhất thiết - Tác giả)" (R.Nixon. Hồi ký. Sdd, tr. 730.).

Các cuộc ném bom lại vào Việt Nam ác liệt chưa từng thấy ở Việt Nam. Trong ngày 18 tháng 12, Hoa Kỳ đã sử dụng tới 129 máy bay B52 đánh Bắc Việt Nam, ngày 20, 98 B52 đánh Hà Nội, ngày 21, 30 B52. Ngày 24 nghỉ để xem lại kế hoạch tấn công. Ngày 26, 116 B52 ném bom các mục tiêu khu vực Hà Nội và Hải Phòng. Chỉ trong tuần đầu từ 18 đến 24 tháng 12, Quân đội Việt Nam đã bắn rơi 46 máy bay Mỹ trong đó có 17 máy bay B52, 5 máy bay F111 và bắt được nhiều phi công Mỹ.

Dư luận, nhất là ở Mỹ, hiểu thế nào là những trận “rải thảm” bằng B52, mỗi chiếc mang 30 tấn bom loại 500 và 700 cân Anh, cho nên ở Mỹ cũng như trên thế giới sự công phẫn nổi bùng lên. Phái điều hâu cổ vũ Nixon nhưng đa số nghị sĩ Quốc hội, trong đó một số là đảng viên Đảng Cộng hoà, lên tiếng phản đối.

Các tờ báo lớn phê phán cực kỳ mạnh mẽ:

“Hàng triệu người Mỹ cúi đầu vì xấu hổ và nghi ngờ sức khỏe tâm thần của Tổng thống của họ”, đây là một hành động "khủng bố vô đạo làm hoen ố uy danh nước Mỹ”, các cuộc ném bom này là “kiểu chiến tranh nổi khùng”, Tổng thống là “một bạo chúa lên cơn điên” ... "ném bom khủng bố nhân danh hoà bình”.

Jerry Gordon, điều phối viên của Liên minh toàn quốc vì hoà bình, tuyên bố trong một cuộc họp báo: “Một lần nữa, người ta đã lừa dối nhân dân Mỹ. Thay vì một nền hoà bình trong tầm tay, là một cuộc chiến tranh tăng cường. Thay vì chấm dứt tàn sát ở Việt Nam là sự leo thang”.

Không một Đồng minh NATO nào ủng hộ Mỹ. Chính phủ Thụy Điển ví người Mỹ với những “Đức quốc xã” (R.Nixon. Hồi ký. Sdd, tr. 737-738.). Các Chính phủ Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Hà Lan, Bỉ... cũng phản đối việc ném bom lại. Phong trào càng phát triển mạnh trong các nước Á Phi, trừ nước đồng minh của Mỹ.

Nhưng nỗi lo nhất của Tổng thống Nixon là ở chỗ khác. “Nỗi lo nhất của tôi, trong cái tuần lễ đầu này, không phải là làn sóng phê phán nổi lên ở trong nước cũng như ngoài nước như đã dự kiến, mà là sự tổn thất lớn về máy bay B.52”(R.Nixon. Hồi ký. Sdd, tr. 737.). “Xin hiểu kể cả số phi công bị bắt, những thứ không dễ thay thế như B.52. Dư luận phương Tây gọi thắng lợi của Việt Nam trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 là: Điện Biên Phủ trên không”.

Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam đã công bố thắng lợi đó như sau: bắn rơi 81 máy bay trong đó có 34 B52, 5 F111, bắt 43 phi công trong đó có 32 lái B52.

Sau khi phía Việt Nam nhận họp lại cấp chuyên viên ngày 2 tháng giêng 1973 và cấp Cố vấn ngày 8 tháng giêng, ông Nixon coi đó là “sự đầu hàng tuyệt vời của địch theo các điều kiện của chúng ta”. Ông có quyền tin và nói như thế để giải thích chính sách của mình nhưng sự thật vẫn là sự thật.

Đúng lúc đợt B52 đầu tiên kéo đến Hà Nội và Hải Phòng và cũng là lúc Cố vấn Lê Đức Thọ vừa mới từ sân bay về nhà, giờ Paris là 14 giờ ngày 18 tháng 12 năm 1972, ông Võ Văn Sung, đại diện

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhận được công hàm của Mỹ đổ lỗi cho phía Việt Nam trì hoãn các cuộc thương lượng đồng thời đề nghị nối lại đàm phán bất cứ lúc nào sau ngày 26 tháng 12 năm 1972. Phía Việt Nam đã không trả lời tối hậu thư và chấp nhận sự thách thức quân sự của Mỹ.

Tại Paris, Bộ trưởng Xuân Thuỷ họp báo lên án thái độ của Washington, Thứ trưởng Nguyễn Cơ Thạch đã tuyên bố lên án cuộc ném bom của Mỹ. Tại Kléber, đoàn Đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đoàn Đại biểu Chính phủ Cách mạng Lâm thời sau khi tuyên bố phản đối Mỹ cùng bỏ phòng họp.

Ngày 21, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra tuyên bố lên án Chính quyền Nixon leo thang chiến tranh, trì hoãn ký Hiệp định.

Ngày 22, phía Mỹ gửi tiếp một công hàm đề nghị Kissinger và Lê Đức Thọ gặp nhau vào 3 tháng giêng 1973 và nếu Việt Nam chấp nhận thì Mỹ sẽ ngừng ném bom phía Bắc từ vĩ tuyến 20 trở lên từ ngày 30 tháng 12. Phía Việt Nam cũng chưa vội trả lời.

Ngày 26, Hà Nội mới trả lời: Sau khi tình hình trở lại như trước ngày 18 tháng 12 năm 1972, cuộc họp giữa đại diện và chuyên viên hai bên sẽ tiếp tục để bàn về các Nghị định thư, và cuộc họp giữa Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thuỷ với Kissinger sẽ được tiến hành. Hà Nội đề nghị cuộc gặp này sẽ vào ngày 8 tháng 1 năm 1973.

Ngày 27, Mỹ gửi công hàm đề nghị gặp chính thức ngày 8 tháng 1, gặp chuyên viên ngày 2 tháng 1 năm 1973 trên cơ sở các nguyên tắc của văn bản tháng 10 và những thoả thuận đạt được trong tháng 11 và tháng 12. Ngày 28, Hà Nội gửi công hàm xác nhận. Ngày 29, Mỹ thông báo sẽ ngừng ném bom ở phía Bắc vĩ tuyến 20 hồi 7 giờ chiều, giờ Washington ngày 29 tháng 12 năm 1972 (tức 7 giờ ngày 30 tháng 12 năm 1972, giờ Hà Nội).

Thế là Chính quyền Nixon đã ngừng đàm phán để ném bom, nay lại ngừng ném bom để nối lại đàm phán.

CHƯƠNG XI - HIỆP ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ HIỆP ĐỊNH PARIS

Pháo đài bay không lật được thế cờ

Ngày 6 tháng 1 năm 1973, Lê Đức Thọ tới Paris. Năm 1968, Bộ trưởng Xuân Thuỷ tới phi trường De Gaulle trong vòng nguyệt quế của Tết Mậu Thân. Hôm nay Cố vấn Lê Đức Thọ tới trong hào quang của "trận Điện Biên Phủ trên không".

Xuân Thuỷ, đông đảo bà con Việt kiều, các bạn Pháp, Lào, Campuchia, Phi, Mỹ la tinh, hàng trăm nhà báo, hồ hởi vây quanh ông. Có thể nói đó là một cuộc mít tinh nhỏ chào mừng nhân dân Hà Nội, bất chấp pháo đài bay của Mỹ, đã đánh lui ý chí của Nixon muốn dùng sức mạnh áp đặt điều kiện với nhân dân Việt Nam.

Trong lúc đoàn Việt Nam trở lại bàn Hội nghị trên tư thế người chiến thắng thì đoàn Mỹ chỉ gọi lên những hình ảnh tàn phá và đau thương còn nóng rực hơi bom trong lễ Giáng sinh.

Những sự kiện chính trị mới nhất ở Washington còn theo họ như cái bóng: Nghị quyết ngày 2 tháng 1 năm 1973 của khối Dân chủ đối lập ở Hạ viện đòi cắt tất cả những chi phí cho các hoạt động dân sự Mỹ ở Đông Dương trừ kinh phí cho việc rút quân và hồi hương tù binh; tiếp theo là Nghị quyết tương tự của khối Dân chủ ở Thượng viện; phong trào đòi chấm dứt chiến tranh ở khắp nơi.

Khốn khổ cho Kissinger! Bóng ma phản chiến theo ông ta đến mức như ông ta kể lại trong Hồi ký, ngày 13 tháng 1 năm 1973 (sau khi cơ bản hoàn thành các văn kiện ở Paris) Kissinger về đến

Washington, nhưng rất nhiều nhà báo đã tập trung đón ông, nên đài chỉ huy phải cho máy bay của ông ta đỗ ở một góc cách xa căn cứ Homestead ngoài cả tầm của máy thu hình (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 1526.).

Đã dùng đến con chủ bài mạnh nhất mà không đạt được mục tiêu trước sức ép của Quốc hội và quần chúng, Chính quyền Nixon sẽ làm gì trong cuộc gặp gỡ sắp tới các đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời?

Cuộc họp đầu tiên của đợt đàm phán này diễn ra tại ngôi nhà quen thuộc ở Gif-sur-yvette bắt đầu từ 11 giờ sáng. Đoàn Việt Nam, khác với những lần trước, không ra đón Kissinger ngoài cổng. Khi đoàn xe Mỹ tới, người bảo vệ Pháp ra mở cổng, đoàn xe tiến vào sân, sân không có người Việt Nam nào. Chắc cũng hiểu ý nghĩa của sự lạnh nhạt đó, Kissinger dẫn đoàn của mình vào thẳng phòng họp để đón nhận cái chào lịch sự nhưng cũng lạnh nhạt của các đồng sự Việt Nam.

Lê Đức Thọ nổ phát súng đầu, phê phán mạnh mẽ thái độ lật lọng của Mỹ, lên án cuộc ném bom tàn bạo 12 ngày đêm, rồi nói:

- Các ông lấy cớ đàm phán gián đoạn để ném bom lại miền Bắc Việt Nam giữa lúc tôi vừa về đến nhà. Việc các ông "đón" tôi khi về đến Hà Nội có thể nói là rất "lịch sự"! Tôi có thể nói rằng hành động của các ông rất trắng trợn và thô bạo. Các ông tưởng rằng làm như vậy là có thể khuất phục được chúng tôi, nhưng các ông nhầm... Chính các ông đã làm cho cuộc đàm phán khó khăn, chính các ông đã làm cho danh dự nước Mỹ bị hoen ố.

Ông đòi Mỹ chấm dứt thủ đoạn thương lượng trên thế mạnh và đi vào đàm phán nghiêm chỉnh.

Kissinger không bào chữa hăng hái như những lần trước, chỉ thanh minh rằng sở dĩ có những sự việc vừa qua là vì cách đàm phán của Việt Nam trong tháng 12 làm cho Washington cho là Việt Nam kéo dài đàm phán, không muốn giải quyết:

- Bây giờ số vấn đề tồn tại đã giảm xuống con số rất nhỏ; nếu lần này chúng ta không thể giải quyết được thì tôi chắc rằng các lần sau cũng không thể giải quyết được. Tôi hy vọng rằng kết thúc đợt họp này thì chúng ta đã đem lại hoà bình ở Việt Nam và Đông Dương...

Lê Đức Thọ tiếp tục phê phán Mỹ gay gắt.

- Tôi có nghe những tính từ, tôi đề nghị không dùng những từ đó! Kissinger nói.

- Tôi dùng những tính từ đó cũng là kiểm chế lắm rồi - ông Thọ đáp - Chứ dư luận thế giới, các nhà báo và chính các nhân vật ở Mỹ còn dùng những câu chữ dữ dội hơn nhiều.

Kissinger ngồi im.

Chuyển sang bàn chương trình nghị sự, không khí vẫn căng thẳng. Kissinger yêu cầu dựa trên cơ sở những thoả thuận ngày 23 tháng 11 năm 1972, như đã nêu trong các công hàm gửi Hà Nội ngày 18 tháng 12 và 27 tháng 12 năm 1972 (tức là đòi Quân đội miền Bắc rút về miền Bắc). Lê Đức Thọ bác bỏ quan điểm đó và khẳng định rằng cơ sở tiếp tục thảo luận là kết quả làm việc cho đến ngày 13 tháng 12 năm 1972, do vậy trong Hiệp định chỉ còn hai vấn đề lớn: khu phi quân sự và cách ký các văn kiện; ngoài ra có một số vấn đề không phải là quan trọng do chuyên viên nêu lên.

Cuộc tranh luận xoay quanh vấn đề cơ sở thảo luận là gì, thoả thuận ngày 23 tháng 11 năm 1972, hay các thoả thuận cho đến ngày 13 tháng 12 năm 1972, kéo dài đến hết buổi sáng.

Lê Đức Thọ nói:

- Không, bây giờ dứt khoát đi. Chỉ còn hai vấn đề đó để thảo luận thôi rồi đến các vấn đề cụ thể khác. Nếu ông đồng ý hai vấn đề đó thì chúng tôi thảo luận. Tôi giữ đúng điều trong thông điệp của các ông gửi cho chúng tôi. Lờ các ông nói còn đó, biên bản còn đó? Tôi thấy ông là người rất quanh co.

Đến đầu buổi chiều mới thoả thuận được chương trình làm việc: giải quyết hai vấn đề lớn trong Hiệp định; bàn các hiểu biết và nguyên tắc các Nghị định thư, sau đó bàn vấn đề thời gian biểu.

Hai vấn đề lớn tồn tại của Hiệp định

Ngày 9 tháng 1, họp tại nhà của một nhà kinh doanh Mỹ ở Saint-nom-la- Bretèche trên một ngọn đồi nhỏ do phía Mỹ sắp xếp. Bàn hai vấn đề tồn tại của Hiệp định.

Đến phiên họp ngày 12 tháng 12 năm 1972, trong vấn đề khu phi quân sự chỉ còn một chỗ khác là ghi vấn đề đi lại của nhân dân hay ghi vấn đề qua lại dân sự. Người ngoài cuộc có thể thắc mắc có gì vướng mắc giữa hai khái niệm đó để không thể thoả thuận được?

Người ta nhớ Hiệp định Genève năm 1954 qui định việc thành lập một khu phi quân sự ở hai bên vĩ tuyến 17 được coi là giới tuyến quân sự tạm thời nhằm giải quyết vấn đề tập kết chuyển quân, cách ly hai miền Nam, Bắc Việt Nam trong hai năm chờ đợi thống nhất nước Việt Nam. Hai bên đã đồng ý giữ khu phi quân sự, giới tuyến quân sự tạm thời, nhưng mỗi bên có sự lo lắng riêng của mình. Phía Việt Nam coi nước Việt Nam là thống nhất, mọi qui định về khu phi quân sự coi hai miền Nam, Bắc là hai Quốc gia riêng biệt đều không thể chấp nhận được, đây là vấn đề nguyên tắc không thể nhân nhượng. Phía Việt Nam cũng không muốn có sự hạn chế nào đối với sự đi lại của lực lượng quân sự của mình. Còn về phía Mỹ và Sài Gòn, họ muốn coi giới tuyến quân sự tạm thời là biên giới Quốc gia và muốn ngăn chặn lực lượng quân sự vũ khí đạn dược, lương thực từ miền Bắc vào miền Nam. Phía Mỹ đòi ghi công thức “qua lại dân sự” để muốn nói rõ rằng việc “qua lại quân sự” là mặc nhiên bị cấm. Phía Việt Nam không chịu ghi “qua lại dân sự” là muốn mở cửa cho việc đi lại quân sự. Thật ra phía Việt Nam cũng nêu quá cao vấn đề vì khi đó Quân Giải phóng miền Nam đã hoàn toàn làm chủ phần Nam của khu phi quân sự, nếu Hiệp định được ký kết trên nguyên tắc ngừng bắn tại chỗ thì họ vẫn có quyền đóng tại phần Nam khu phi quân sự. Về phía Mỹ, họ đã chịu mất khu phi quân sự, toàn tỉnh Quảng Trị nối với Tây Nguyên thì việc ngăn cấm lực lượng quân sự chỉ mang ý nghĩa lý thuyết nếu không phải là vô tích sự.

Trong cuộc thương lượng về khu phi quân sự, đến ngày 23 tháng 11 năm 1972, hai bên đã thoả thuận công thức “hai miền tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời”. Ngày 12 tháng 12 năm 1972, phía Việt Nam đề nghị ghi "Trong các vấn đề thương lượng qua lại giới tuyến quân sự tạm thời", Kissinger nói nếu thêm chữ dân sự thì có khả năng xem xét. Tuy vậy vấn đề vẫn bị treo lại.

Vào phiên họp hôm nay, Lê Đức Thọ khai thông việc giải quyết vấn đề khu phi quân sự bằng cách đưa công thức "trong các vấn đề sẽ thương lượng có vấn đề đi lại của nhân dân...". Kissinger nói có thể đồng ý nếu thêm “phù hợp với tính chất đặc biệt của khu phi quân sự và với các điều khoản của Hiệp định và các Nghị định thư kèm theo Hiệp định”.

Đến đây lại nổ ra cuộc tranh luận gay gắt về đề nghị của Kissinger.

Lê Đức Thọ giải thích rằng nhân dân không bao hàm quân đội lực lượng vũ trang, nhưng cuối cùng đưa ra công thức "trong vấn đề thương lượng có vấn đề thể thức qua lại dân sự giới tuyến tạm thời". Kissinger chấp nhận.

Kissinger còn đòi sửa lại điều I - Mỹ không muốn thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Lê Đức Thọ bác bỏ ngay. Kissinger phải gác lại và xin hoãn họp ngày hôm sau.

Các vấn đề nhỏ khác được thay đổi bằng cách đổi chác. Trong điều 12 - b về nhiệm vụ Hội đồng hoà giải hoà hợp dân tộc, Mỹ đồng ý giữ chữ “đôn đốc” trong bản tiếng Việt để Việt Nam bỏ câu “và các Nghị định thư kèm theo Hiệp định này”. Mỹ đồng ý sửa câu đầu của điều 20 - a để Việt Nam đồng ý để chữ “đã bị phá huỷ” trong điều 7. Câu đầu điều 20-a trong văn bản thoả thuận ngày 20 tháng 10 năm 1972 là "bốn Chính phủ (đủ tên) triệt để tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Lào và nhân dân Campuchia đã được Hiệp định Genève năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Genève năm

1962 về Lào công nhận...".

Ngày 7 tháng 12 hai bên đã thoả thuận: ‘các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam triệt để tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và Hiệp định Genève năm 1952 về Lào triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của...'. Hôm nay hai bên giải quyết xong vấn đề về công thức: "Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam triệt để tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 về Campuchia và Hiệp định Genève năm 1962 về Lào đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Lào và Campuchia: độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của các nước đó".

Đến đây văn bản Hiệp định coi như đã hoàn thành.

Các hiểu biết

Cuối ngày 9, ngày 10 và sáng ngày 11, hai bên chủ yếu bàn giải quyết cho xong các hiểu biết.

Đặc điểm của Hiệp định Paris về Việt Nam là ngoài các Nghị định thư, Phụ lục ra, còn có những hiểu biết (understanding). Đây là một loại hình thoả thuận mà các bên ký kết, vì lý do của mình, thấy không nên hoặc không cần ghi vào Hiệp định hoặc Nghị định thư kèm theo. Nội dung các hiểu biết có thể là những vấn đề cụ thể, có thể là vấn đề nguyên tắc. Các hiểu biết tuy vậy vẫn được coi là bộ phận của Hiệp định.

Kèm theo Hiệp định Paris lần này có tám hiểu biết: năm bản có ý nghĩa thực chất, ba bản có ý nghĩa kỹ thuật.

Hiểu biết về việc Mỹ chấm dứt trinh sát đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Mỹ đã chấp nhận vấn đề này, nhưng hôm nay hai bên mới thoả thuận cách viết, thực tế là thông qua văn bản hai bên đã chấp nhận ngày 12 tháng 12 năm 1972.

Hiểu biết về trao trả nhân viên dân sự bị bắt

Ngày 10 tháng 1 năm 1973, Kissinger đọc “hiểu biết” về nhân viên dân sự Việt Nam bị giam giữ ở miền Nam Việt Nam.

"Hoa Kỳ sẽ dùng ảnh hưởng của mình để thúc đẩy các bên miền Nam Việt Nam trao trả trong khuôn khổ thời gian định ra bởi các điều khoản phù hợp của Hiệp định và trao trả đa số có thể được trong vòng 60 ngày. Tuy nhiên Hoa Kỳ nói rõ rằng tác dụng của ảnh hưởng đó trực tiếp chịu ảnh hưởng của 1) mức độ của việc bố trí lại lực lượng thuộc quyền chỉ huy của Chính phủ Cách mạng Lâm thời cũng như Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đề nghị ngày 23 tháng 11 năm 1972, và 2) mức độ tiến bộ về việc phục viên Lực lượng vũ trang Nam Việt Nam theo điều 131”.

Lê Đức Thọ:

- Tôi hoàn toàn bác bỏ đề nghị này của ông. Tôi không thể chấp nhận được.
- Tại sao ông bác bỏ? - Kissinger hỏi.

Lê Đức Thọ:

- Vì rằng đề nghị của tôi với ông về cái gọi là Lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời bố trí lại một cách tượng trưng. Chúng tôi đề nghị điều đó trong khuôn khổ yêu sách của chúng tôi đòi thay đổi điều 8c (nhân viên dân sự Việt Nam bị giam giữ), về sau ông không chịu, chúng tôi để nguyên điều 8c và chúng tôi chỉ giữ điều cam kết mà ông đã nói với chúng tôi. Chúng tôi cũng nhắc tới điều đó trong thông điệp của chúng tôi gửi cho Tổng thống Mỹ. Vì vậy cho nên sự trả lời của Tổng thống đã tỏ ra thoả mãn với sự trả lời của chúng tôi về điều 8c và về việc thay thế vũ khí, và do đó đã coi văn bản Hiệp định là hoàn thành. Trong thông điệp chúng tôi có nhắc đến

lời cam kết đó cho nên chúng tôi vẫn giữ cái đó.

Bây giờ ông đặt ra vấn đề phức tạp như thế này thì tôi cho rằng sẽ không giải quyết được và tôi cho rằng bằng cách đặt vấn đề như thế này ông sẽ làm trở ngại cho việc giải quyết vấn đề Việt Nam. Cho nên chúng tôi không bao giờ chấp nhận điều đó, tôi đã nói điều này nhiều lần lắm rồi.

Lê Đức Thọ còn phê phán Kissinger đã lật ngược các điều cam kết của Kissinger rất nhiều lần.

Kissinger cố gắng thanh minh và nói:

- Những điều chúng tôi nói trong đoạn 2 trong văn bản này là những điều kiện khách quan, nhưng thôi, chúng tôi thấy không cần nói như vậy trong một sự hiểu biết. Do đó để giải quyết công việc nhanh chóng, chúng tôi xin rút lui đoạn thứ 2.

Sang vấn đề hiểu biết về việc rút tàu chiến và tàu sân bay Mỹ ra khỏi bờ biển Việt Nam. Có hai vấn đề phải thảo luận là xa bờ biển Việt Nam hay xa bờ biển Bắc Việt Nam thôi. Lê Đức Thọ đọc dự thảo đòi các tàu chở máy bay của Hoa Kỳ sẽ di chuyển nơi đậu ra xa cách bờ biển Việt Nam 300 hải lý - căn cứ vào thông điệp của Hoa Kỳ ngày 30 tháng 10 năm 1972, và bắt đầu thi hành từ ngày ký Hiệp định.

Kissinger đưa ra nhiều lý do để lùi lại 60 ngày mới thực hiện việc đó và chỉ rút cách bờ biển Bắc Việt Nam 300 hải lý - còn đối với bờ biển Nam Việt Nam thì không thể như thế được.

Lê Đức Thọ phê phán Kissinger là lật ngược lại lời tuyên bố 20 tháng 10 năm 1972 của ông ta, và như vậy Mỹ vẫn uy hiếp miền Nam Việt Nam. Hôm đó chưa giải quyết được. Đến ngày 13 tháng 1 năm 1973, phía Mỹ nhận có hai hiểu biết; - một hiểu biết nói: "Hoa Kỳ có ý định chắc chắn chuyển các tàu chở máy bay của mình ra khỏi bờ biển Bắc Việt Nam quá 300 hải lý... - một hiểu biết miêng đối với miền Nam Việt Nam: "Sau khi rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ có ý định chắc chắn không đậu các tàu chở máy bay của mình cách xa bờ biển Việt Nam dưới 100 hải lý"

Hiểu biết về nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự.

Để cho Chính quyền Sài Gòn có thể đứng được, Nixon ồ ạt đưa thêm vũ khí vào miền Nam Việt Nam theo kế hoạch ENHANCE PLUS đồng thời lập Văn phòng tùy viên quốc phòng (DAO) để thay Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn. Nhân viên dân sự nói đây là những quân nhân mặc dân sự của DAO.

Mỹ đã chấp nhận rút rồi, vấn đề còn lại là trong thời hạn nào. Lúc đầu phía Mỹ đòi 15 tháng, phía Việt Nam đòi 6 tháng. Phía Mỹ xuống dần 14 tháng rồi 12 tháng. Phía Việt Nam đồng ý 12 tháng.

Hiểu biết về vấn đề Lào và Campuchia

Trong đợt đàm phán lại tháng 11 năm 1972, Mỹ tỏ ra muốn có ngừng bắn sớm ở Lào đồng thời hoặc vài ba ngày sau ngừng bắn ở Việt Nam; và muốn cùng Việt Nam dùng ảnh hưởng để chấm dứt các hoạt động tấn công và khôi phục Ủy ban Quốc tế ở Campuchia. Đây là những vấn đề liên quan đến chủ quyền của Lào và Campuchia, Việt Nam không thể thay mặt hai nước đó mà bàn bạc với Mỹ được. Tuy vậy ta có thể bàn bạc với Lào vì Neo Lào Hắc Xát là đồng minh thân thiết của ta (Neo Lào Hắc Xát đã thông báo chính thức cho ta đồng ý sẽ sớm ký Hiệp định với Chính phủ Phouma. Và ngày 21 tháng 2 năm 1973 Hiệp định về lập lại hoà bình ở Lào đã được ký kết tại Lòng Chăn, sau Hiệp định về Việt Nam ba tuần (xem lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập II, trang 540, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 1995)).

Đối với Campuchia, vấn đề có khó khăn hơn vì Trung Quốc có ảnh hưởng ở đây và phái Pol Pot lại chống Việt Nam. Lần này phía Mỹ muốn ngừng bắn sớm hơn và đặt lại vấn đề Campuchia. Đoàn Việt Nam kiên quyết không bàn thêm về vấn đề Campuchia và nhận sẽ bàn với đồng minh Lào ngừng

bản trong vòng 15 ngày sau khi Hiệp định về Việt Nam được ký kết. Sau hai bên thoả thuận chỉ có hiểu biết về Lào.

Còn về Campuchia, phía Mỹ đành bằng lòng với đoạn c: "Sau khi chiến tranh ở Việt Nam chấm dứt, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tích cực góp phần mình vào việc lập lại hoà bình ở Campuchia" trong công hàm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 21 tháng 10 năm 1972, trả lời công hàm ngày 20 tháng 10 năm 1972 của Tổng thống Mỹ về vấn đề này (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng Sdd, tr. 1523.).

Ngoài năm hiểu biết trên đây, còn ba hiểu biết nữa có tính chất kỹ thuật giao cho chuyên viên duyệt lại.

Cách ký Hiệp định

Cách ký là một vấn đề kỹ thuật nhưng thật ra lại là vấn đề chính trị mà cả bốn bên đều quan tâm. Đây là một cuộc Hội nghị gồm bốn bên thuộc hai phe, các bên khác phe không ai công nhận ai, riêng Mỹ không công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về ngoại giao nhưng công nhận là một bên đàm phán có giá trị và đã nhận sẽ cùng ký. Và làm sao có thể khác được khi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là địch thủ chính của Mỹ? Ý của Mỹ và Nguyễn Văn Thiệu là không công nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam sẵn sàng ký với Chính phủ Việt Nam Cộng hoà nhưng kiên quyết không chấp nhận việc gạt bỏ tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong các văn kiện và cách nêu tên người ký kết. Như vậy không chỉ có vấn đề cách ký mà cả vấn đề nêu tên các bên ký kết và chức vụ người ký kết.

Trong đợt đàm phán lại tháng 12 năm 1972, lúc đầu Kissinger đề nghị: Mỹ, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời (ba bên) ký chung một văn bản có lời mở đầu ghi đủ tên bốn chính phủ và Bộ trưởng Ngoại giao ký: Chính phủ Cộng hoà Việt Nam ký riêng một bản với Lời mở đầu "Việt Nam Cộng hoà hành động phối hợp vớ các bên tham gia Hội nghị Paris...". Năm ngày sau, Kissinger lại đề nghị: Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký một văn bản với Lời mở đầu và điều 23 đầy đủ (điều 23 qui định Hiệp định do Bộ trưởng Ngoại giao ký); Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Chính phủ Việt Nam Cộng hoà mỗi bên ký dưới hình thức công hàm gia nhập (adherence).

Lê Đức Thọ không đồng ý cả hai cách và ngày 11 tháng 12 đề nghị: ký ba văn bản: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ ký một văn bản, Chính phủ Cộng hoà Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời mỗi bên ký một văn bản Hiệp định cùng một nội dung, nhưng ngày 13 tháng 12 lại rút lại.

Trong đợt đàm phán lại tháng 1 năm 1973, Lê Đức Thọ đòi hai bên ký và bốn bên ký. Kissinger không đồng ý và đề ra ba cách ký để chọn một;

- Chỉ có hai bên Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký như đã thoả thuận tháng 10 năm 1972.
- Ký bốn bên nhưng không có tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời và Việt Nam Cộng hoà trong Lời mở đầu, không có chức vụ người ký.
- Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký một văn bản, Lời mở đầu và điều 23 đầy đủ; Chính phủ Việt Nam Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời ký hai văn bản riêng, nội dung Hiệp định đầy đủ nhưng Lời mở đầu không có tên bốn Chính phủ, ký tên nhưng không có chức vụ.

Cả ba cách giống nhau ở một điểm: không có tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời và chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Ngày 9 tháng 1, Lê Đức Thọ đề nghị công thức mới: Mỹ - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chỉ ký tắt, bốn bên ký chính thức với Lời mở đầu có tên bốn Chính phủ, người ký có nêu chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao. Phía Mỹ không chấp nhận. Sau khi văn bản Hiệp định hoàn thành, Lê Đức Thọ đưa một

công thức mới, mềm dẻo hơn:

- Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký với Lời mở đầu và điều 23 đầy đủ.

- Bốn bên ký với Lời mở đầu "Các bên tham gia Hội nghị Paris" (không nêu tên bốn Chính phủ),

Hiệp định sẽ do bốn Ngoại trưởng ký đồng thời.

Ngày 11 tháng 1, hai bên tập trung giải quyết vấn đề cách ký. Dựa vào đề nghị trên của Lê Đức Thọ, Kissinger đề nghị: hai bên ký, bốn bên ký nhưng trong bản bốn bên thì mỗi bên ký một tờ riêng biệt và cả bốn tờ đó gộp chung vào Hiệp định; người ký đều có ghi chức vụ.

Đến đây coi như đã thỏa thuận sẽ ký hai bên và bốn bên.

Về văn bản hai bên ký, Lê Đức Thọ đề nghị: Lời mở đầu ghi đủ tên bốn Chính phủ, điều 23 ghi: "Văn bản này do Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký, và văn bản Hiệp định cùng nội dung và lời văn do Bộ trưởng Ngoại giao (kể đủ bốn Chính phủ) ký cùng ngày hôm nay hợp thành một Hiệp định quốc tế lấy tên là Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam". Kissinger chỉ thêm bớt câu chữ và cuối cùng chấp nhận.

Về văn bản bốn bên ký, Lê Đức Thọ đề nghị về Lời mở đầu: "Các bên tham gia Hội nghị Paris (không ghi tên bốn Chính phủ) đã thỏa thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây...". Về điều 23 ông đề nghị công thức: "Hiệp định này do Bộ trưởng Ngoại giao của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký và Hiệp định có cùng nội dung và lời văn như Hiệp định này do Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký cùng ngày hôm nay hợp thành một Hiệp định quốc tế lấy tên là...".

Kissinger đồng ý nhưng cho rằng trong văn bản, điều 23 không cần và không nên ghi Bộ trưởng Ngoại giao mà chỉ nên ghi: "Đại diện của các bên". Tất nhiên ông Thọ không chịu. Cuối cùng, Kissinger cam kết rằng Mỹ, dù không ghi Bộ trưởng Ngoại giao, sẽ dùng ảnh hưởng của mình để Bộ trưởng Ngoại giao Sài Gòn ký và các bên ghi rõ chức vụ. Lê Đức Thọ chấp nhận ghi điều 23: "Hiệp định sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký...".

Về số trang dành để ký, hôm trước Lê Đức Thọ đề nghị bốn bên cùng ký tên trên một trang, Kissinger đề nghị bốn bên ký bốn trang riêng. Hôm nay hai bên thỏa thuận ký trên hai trang, một trang Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời ký, một trang Mỹ và Chính phủ Cách mạng Lâm thời ký. Các trang này đều đánh số thứ tự trong Hiệp định. Sẽ có hai lễ ký riêng biệt nhưng cùng trong một ngày: buổi sáng bốn bên ký, buổi chiều Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ ký. Địa điểm ký: Trung tâm Hội nghị Quốc tế ở đại lộ Kléber.

Các Nghị định thư

Chiều 11 tháng 1 năm 1973, Bill Sullivan, được sự đồng ý của Nguyễn Cơ Thạch, thay mặt hai đoàn chuyên viên trình bày với Lê Đức Thọ và Kissinger những vấn đề lớn của các Nghị định thư để hai Cố vấn giải quyết:

- Cần bao nhiêu Nghị định thư?
- Tổng số nhân viên của Ủy ban Quốc tế và Ban Liên hợp quân sự.
- Vấn đề vùng kiểm soát và vị trí đóng quân.
- Vấn đề thăm trại giam.

Về vấn đề thứ nhất, Lê Đức Thọ đề nghị thêm một Nghị định thư về bồi thường. Kissinger nói rằng Mỹ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh nhưng không nên có một Nghị định thư ngay khi tù binh Mỹ chưa được thả, và lại số tiền đóng góp còn phải được Quốc hội Mỹ thông qua. Kissinger đề nghị dùng hình thức trao công hàm viết và sẽ bàn sau. Ông Thọ đồng ý.

Vấn đề tổng số nhân viên của Ủy ban Quốc tế và Ban Liên hợp quân sự bốn bên phải bàn lâu là vì quan điểm của hai bên rất khác nhau. Đối với Mỹ, Ủy ban Quốc tế phải có quyền hạn rộng, được tự do đi lại, có người rải khắp miền Nam, kể cả khu phi quân sự. Lúc đầu họ đề nghị tổng số nhân viên Ủy ban Quốc tế từ 7000 đến 12000 người, 334 tổ công tác.

Hôm nay họ hạ xuống 2000 người. Đối với Việt Nam, Ban Liên hợp quân sự là đại diện cho các bên ký kết và chủ quyền của hai bên miền Nam Việt Nam, do đó nó phải có chức năng “phát hiện và ngăn chặn vi phạm”, còn Ủy ban Quốc tế chỉ có chức năng giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp định. Ban Liên hợp quân sự phải có ở cấp Trung ương và tất cả các khu vực và các tỉnh, do đó cần tổng số nhân viên là 4000 người. Phía Mỹ nói chỉ cần Ban Liên hợp Trung ương, Ban liên hợp các khu vực, các tổ liên hợp, do đó cần khoảng 500 người. Hôm nay Kissinger chịu nâng tổng số Ban Liên hợp quân sự lên 2500 người. Cuối cùng hai bên thỏa thuận tỷ lệ 3/1: tổng số nhân viên Ban Liên hợp quân sự 3, tổng số nhân viên Ủy ban Quốc tế 1. Cụ thể là: Ban Liên hợp quân sự 3300 người, Ủy ban Quốc tế 1150 người.

Hai bên đã đồng ý có Ban Liên hợp quân sự hai bên ở miền Nam. Mỹ đề nghị 48 giờ sau ngừng bắn, đại diện hai bên miền Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên gặp nhau để bàn việc tổ chức Ban Liên hợp quân sự hai bên. Lê Đức Thọ đề nghị nếu Ban Liên hợp quân sự chưa thành lập được thì người của hai bên miền Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên vừa làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự bốn bên vừa làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên. Phía Mỹ đồng ý.

Vấn đề vùng kiểm soát và vị trí đóng quân nổi lên trong khi bàn bạc Nghị định thư về ngừng bắn. Điều 3-b của Hiệp định ghi: “Ban Liên hợp quân sự hai bên nói trong điều 17 sẽ qui định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân”.

Phía Việt Nam đòi có vùng kiểm soát để thể hiện nguyên tắc hai Chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát. Phía Mỹ nhấn mạnh vị trí trú quân. Hai bên tranh luận mãi về tiêu chuẩn vùng kiểm soát, về tiêu chuẩn vị trí trú quân. Cuối cùng trong Nghị định thư không ghi thêm điều khoản về vùng kiểm soát và vị trí trú quân, chỉ căn cứ điều 3-b của Hiệp định cũng được.

Vấn đề thăm trại giam liên quan tới những tù chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng bị tra tấn và giam cầm trong những điều kiện cực kỳ tồi tệ như Côn Đảo, Phú Lợi, Phú Quốc... Hai bên đã thỏa thuận Ủy ban Quốc tế và Ban Liên hợp quân sự đi kiểm tra trại giam của các quân nhân bị giam giữ (điều 8-a), nay ta nêu vấn đề kiểm tra trại giam, Kissinger không chịu. Lê Đức Thọ tiếp tục giữ yêu cầu kiểm tra này nhưng đề nghị giao Hội chữ thập đỏ bốn nước trong Ủy ban Quốc tế làm việc này, còn Ủy ban Quốc tế và Ban Liên hợp quân sự thì kiểm tra nơi giam giữ cuối cùng. Kissinger chấp nhận.

- Đến đây điều 8c đã xong - Lê Đức Thọ nói.

- Có lẽ chúng ta phải im lặng một phút để tưởng nhớ điều 8c.

Kissinger đáp:

- Nhưng sau khi ký Hiệp định rồi, ông và tôi vẫn còn phải nhắc tới điều 8c.

Về ngân sách của Ủy ban Quốc tế hai bên thoả thuận là sẽ do bốn bên ký Hiệp định Paris cung cấp. Ủy ban Quốc tế định ra ngân sách của mình và chuyển cho bốn bên để chuẩn y.

Đến chiều ngày 12 tháng 1 năm 1973, các vấn đề lớn có tính chất nguyên tắc đã được giải quyết xong. Lê Đức Thọ và Kissinger giao chuyên viên hai bên tiếp tục làm việc để hoàn thành các Nghị định thư. Đến ngày 19 tháng 1, thoả thuận xong các Nghị định thư về ngừng bắn và các Ban Liên hợp quân sự, về Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát, việc trao trả nhân viên các bên bị bắt và giam giữ. Bắt đầu bàn ngày 24 tháng 1 năm 1973, Nghị định thư về gỡ mìn, mãi cuối tháng 1 năm 1973 mới hoàn thành.

Vấn đề Mỹ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh

Hồi tháng 10 năm 1972, Kissinger hứa: “Mỹ sẽ đóng góp cho mục đích hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng lại miền Bắc Việt Nam ước lượng trị giá 3 tỷ đô la Mỹ”. Trong thông điệp gửi Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 20 tháng 10 năm 1972, Tổng thống Nixon viết: “Quan hệ kinh tế Mỹ - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ được thảo luận khi Tiến sĩ Kissinger vào Hà Nội”. Trong các đợt đàm phán lại tháng 11 và 12 năm 1972, hai bên chưa bàn thêm vấn đề này. Chiều ngày 11 tháng 1 năm 1973, khi bàn các Nghị định thư, Lê Đức Thọ đưa ra một dự thảo Nghị định thư về đóng góp của Mỹ trong đó có ghi con số 5 tỷ đô la. Như trên đã viết ông Thọ đã đồng ý với Kissinger là sẽ bàn sau một hình thức công hàm. Trong phiên họp cuối cùng ngày 13 tháng 1 năm 1973, sau khi những vấn đề khác đã giải quyết xong, Lê Đức Thọ nêu lại vấn đề.

Kissinger nói sau khi Hiệp định được ký kết, ngày 30 tháng 1 năm 1973, Tổng thống Nixon sẽ gửi công hàm cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng nêu những nguyên tắc về việc Hoa Kỳ tham gia vào công cuộc xây dựng lại kinh tế Việt Nam sau chiến tranh, phù hợp với điều 21 của Hiệp định. Tiếp đó Kissinger trình bày dự thảo công hàm để phía Việt Nam xem xét:

- Sự đóng góp của Hoa Kỳ sẽ căn cứ vào các yếu tố, nhu cầu của Bắc Việt Nam, khả năng của Bắc Việt Nam tiếp nhận viện trợ, chương trình cung cấp ngân sách hàng năm của Quốc hội Hoa Kỳ.
- Chương trình tham gia của Hoa Kỳ sẽ vào khoảng 3 tỷ đô la trong 5 năm.
- Lập Ủy ban kinh tế hỗn hợp Hoa Kỳ - Việt Nam Dân chủ cộng hoà để thoả thuận về bộ máy quản lý chương trình.

Lê Đức Thọ nói chấp nhận hình thức công hàm và sẽ có công hàm ghi nhận. Về nội dung không chấp nhận sự đóng góp sẽ căn cứ vào khả năng tiếp nhận viện trợ của Bắc Việt Nam, cũng đề nghị không nêu “chương trình cung cấp ngân sách của Quốc hội Hoa Kỳ”. Lê Đức Thọ yêu cầu ghi rõ nguyên tắc viện trợ không hoàn lại và không kèm theo điều kiện chính trị. Về số tiền, ông đòi 4,5 tỷ đô la Mỹ. Hai Cố vấn giao Nguyên Cơ Thạch và Sullivan sửa lại lời văn công hàm, còn vấn đề số tiền sẽ giải quyết trước khi ký tắt.

Bốn ngày sau khi Hiệp định được ký kết, ngày 1 tháng 2 năm 1973, Tổng thống Nixon gửi cho Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công hàm và bản ghi về việc Hoa Kỳ tham gia công cuộc xây dựng lại miền Bắc Việt Nam sau chiến tranh với nội dung đúng như hai đoàn đã thoả thuận. Ngày 23 tháng 2 năm 1973, Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi cho Tổng thống Nixon công hàm và bản ghi ghi nhận nội dung các văn bản của Hoa Kỳ.

Ngày họp cuối cùng

Ngày 13 tháng 1 năm 1973, hai bên họp phiên họp cuối cùng tại Saint-nom-la-bretèche.

Lê Đức Thọ và Kissinger bàn vấn đề đóng góp xây dựng lại Bắc Việt Nam (xem trên), duyệt hai hiểu biết về tù chính trị và nơi đậu tàu sân bay của Mỹ và giải quyết nốt vài điểm cụ thể.

Phần còn lại và cũng là phần lớn thời giờ hai ông bàn về thời gian biểu triển khai việc ký kết và các công việc sắp tới liên quan đến Hiệp định.

Kissinger đề nghị không đọc diễn văn và chỉ có chúc tụng từng người ở bên ngoài. Ông ta cũng nói rằng đó sẽ là ngày trang trọng ở Mỹ, và ở Việt Nam lại càng trang trọng hơn nữa. Vì vậy chúng ta nên khởi đầu với một thái độ hoà giải, quảng đại và nồng nhiệt đối với nhau.

Lê Đức Thọ vui vẻ đồng ý ngay.

Kissinger cũng nói:

- Chắc các ông sẽ không dùng từ chiến thắng chiến tranh xâm lược

Lê Đức Thọ cũng tỏ vẻ đồng tình. Hai bên thoả thuận về thời gian biểu như sau:

1- Ngày 15 tháng 1 năm 1973: 12 giờ, giờ Washington (24 giờ, giờ Hà Nội) ngừng ném bom và thả mìn ở toàn miền Bắc Việt Nam

2- Ngày 19 tháng 1 năm 1973: thông báo cho chủ nhà Pháp biết.

3- Ngày 23 tháng 1 năm 1973: gặp chính thức Lê Đức Thọ - Xuân Thuỷ - Kissinger để hoàn thành đàm phán và ký tắt Hiệp định tại Trung tâm các Hội nghị Quốc tế tại đại lộ Kléber.

4- Ngày 24 tháng 1 năm 1973: công bố tin Hiệp định đã được ký tắt. Công bố toàn văn Hiệp định và các Nghị định thư.

5- Ngày 27 tháng 1 năm 1973: Lễ ký chính thức tại Trung tâm Kléber. Ký bốn bên buổi sáng, ký hai bên Hoa Kỳ - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà buổi chiều.

6- Ngày 27 tháng 1 năm 1973: 24 giờ giờ GMT ngừng bắn có hiệu lực trên toàn miền Nam Việt Nam.

7- Ngày 29 tháng 1 năm 1973: Ban Liên hợp quân sự bốn bên họp tại Sài Gòn. Hai bên miền Nam bàn việc thành lập Ban Liên hợp quân sự hai bên. Ủy ban Quốc tế bắt đầu hoạt động.

8- Ngày 30 tháng 1 năm 1973: Tổng thống Hoa Kỳ gửi công hàm cho Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc Hoa Kỳ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh.

9- Ngày 31 tháng 1 năm 1973: Đưa tin Kissinger sẽ vào Hà Nội

10- Ngày 7 hoặc 8 tháng 2 năm 1973: Tiến sĩ Kissinger vào Hà Nội.

11- Ngày 26 tháng 2 năm 1973: Họp Hội nghị Quốc tế.

Sau khi nghỉ, Lê Đức Thọ và Kissinger trao đổi về nội dung thảo luận giữa Kissinger và các nhà lãnh đạo Hà Nội. Hai bên thoả thuận:

- Việc Hoa Kỳ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh.

- Vấn đề quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ.

- Việc triệu tập Hội nghị Quốc tế.

- Những vấn đề khác mà mỗi bên nêu ra.

Lê Đức Thọ đề nghị duy trì bốn đoàn đàm phán của bốn bên tại Paris trong thời gian 60 ngày để quan hệ với nhau trong việc thúc đẩy thi hành Hiệp định, hai bên miền Nam gặp nhau ngay để bàn việc triệu tập Hội nghị Hiệp thương giữa hai bên miền Nam. Kissinger chấp nhận.

Mười chín giờ ngày 13 tháng 1 năm 1973, cuộc đàm phán kết thúc, trừ vài vấn đề sẽ giải quyết sau.

Trưa hôm đó, trong một không khí cởi mở và niềm vui chung, hai đoàn ăn bữa cơm chung.

Lê Đức Thọ nâng cốc nói với Kissinger:

- Như vậy là hôm nay chúng ta kết thúc cuộc hội đàm. Tuy đây là kết quả bước đầu nhưng bước

đầu rất quan trọng và cơ bản để lập lại hoà bình ở Việt Nam ... Tôi đồng ý với ông là sẽ không thay đổi một tí gì trong văn bản và thời điểm. Chúng tôi sẽ làm đúng như thế. Đó là lời hứa của chúng tôi. Và chúng tôi tin là không mấy ngày nữa hoà bình sẽ được lập lại ở Việt Nam.

- Tôi coi Hiệp định, các hiểu biết và Nghị định thư đã hoàn thành - Kissinger đáp - Tôi cam kết là phía chúng tôi sẽ không có gì thay đổi ... và tôi chắc rằng đến lúc này thì hoà bình sẽ trở lại Đông Dương, sẽ trở lại với hai dân tộc chúng ta vào ngày 27 tháng 1 ngày ký Hiệp định, chúng tôi sẽ tôn trọng Hiệp định ấy. Hiệp định này phải là một Hiệp định đánh dấu sự bắt đầu của một nền hoà bình thật sự. Cái bảo đảm tốt nhất cho nền hoà bình thật sự này là cải thiện quan hệ giữa nhân dân hai nước chúng ta. Chúng ta đã qua nhiều năm đau khổ, tôi muốn nói với ông là chúng tôi quyết tâm hết sức mình để cải thiện quan hệ giữa hai nước.

- Chúng ta sẽ không quên ngày hôm nay.

- Cả hai chúng ta đều không ai quên được.

Nhà Trắng vui mừng đã kết thúc đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, nhưng chưa phải đã hết chuyện với Nguyễn Văn Thiệu. Theo lời kể của Kissinger, Nixon đã nói với ông Thiệu như sau: "ông sẽ hiểu thế nào là sự tàn bạo nếu tên khốn kiếp đó (ce salaud) không chịu chấp nhận, ông hãy tin lời tôi". Đến đoạn chót của cuộc đàm phán Paris và sau khi trả giá đắt cho các cuộc ném bom tháng Chạp 1972, ông không thể dung thứ cho Thiệu cản chân ông. Đại tướng Haig trao cho Thiệu bức thư ngày 16 tháng 1 năm 1973 của Nixon, bức thư mà Kissinger gọi là bốc lửa. Trong thư này đoạn quan trọng nhất là:

"Vì vậy chúng tôi đã quyết định dứt khoát (irrévocablement) sẽ ký tắt Hiệp định ngày 23 tháng 1 năm 1973 tại Paris. Nếu cần thế, tôi sẽ làm đúng thế một mình. Trong trường hợp đó, tôi phải giải thích công khai rằng Chính phủ của ông cản trở hoà bình. Kết quả là sự chấm dứt không tránh khỏi và lập tức của viện trợ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ - và một sự sắp xếp lại Chính quyền của ông cũng chẳng thay đổi được tình hình. (Phải chăng Nixon có ý định thay Thiệu - Tác giả). Tuy vậy, sau tất cả những gì hai nước chúng ta đã cùng nhau chia sẻ và đau buồn trong cuộc chiến tranh, chúng ta sẽ đi cùng với nhau để bảo vệ hoà bình và gặt hái những kết quả" (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1526 - 1527).

Nixon yêu cầu trả lời chiều ngày 17 tháng 1 năm 1973. Ngày 17, Thiệu trao thư trả lời yêu cầu Hoa Kỳ cố gắng chút nữa để sửa thêm vài chỗ và mong được trả lời trước buổi sáng ngày 20 tháng 1 (là ngày Nixon lên nhậm chức nhiệm kỳ 2).

Nixon trả lời ngay hôm đó cho Thiệu và bảo đảm với Thiệu rằng "Hoa Kỳ công nhận Chính phủ ngài là Chính phủ hợp pháp duy nhất ở Nam Việt Nam" (R.Nixon, Hồi ký. Sđd, tr. 749 - 750)

Vừa bị đe dọa vừa được bảo đảm như vậy, Thiệu cử Tổng trưởng Ngoại giao Trần Văn Lắm sang Paris để nắm tình hình đợt đàm phán chót, một hình thức giữ thể diện.

Nixon yêu cầu Thiệu trả lời đồng ý với Hiệp định vào 12 giờ ngày 21, nếu không ông sẽ tuyên bố với các lãnh đạo Quốc hội rằng Thiệu khước từ đi chung với Hoa Kỳ. Ngày 21 Thiệu trả lời đồng ý, chỉ đòi hỏi Hoa Kỳ ra tuyên bố đơn phương công nhận Chính phủ Sài Gòn là Chính phủ hợp pháp của Việt Nam và nói rằng Hà Nội không có quyền gì có quân ở miền Nam. Đề nghị đó phù hợp với ý đồ của Hoa Kỳ đối với Hiệp định nên họ đáp ứng ngay.

Chín giờ ba mươi lăm ngày 23 tháng 1 năm 1973, Lê Đức Thọ - Xuân Thuỷ gặp lại Kissinger tại Hội trường Kléber với đông đủ chuyên viên của mình. Không khí hồ hởi.

Cố vấn Nhà Trắng hỏi Lê Đức Thọ về địa điểm và cách trao trả tù binh Mỹ. Lê Đức Thọ cho ông biết các phi công Mỹ bị bắt ở miền Nam cũng sẽ được trao trả ở miền Bắc - còn phi công Mỹ bị bắt ở Lào - Việt Nam sẽ trao đổi với bạn Lào

Lê Đức Thọ còn nhắc lại việc Mỹ hàn gắn vết thương chiến tranh, việc triệu tập Hội nghị Quốc

tế, nội dung làm việc khi Kissinger vào Hà Nội, việc hai bên miền Nam Việt Nam gặp nhau ở Sài Gòn.

Lê Đức Thọ còn gợi ý hai bên miền Nam Việt Nam thay trưởng đoàn. Và một lần nữa Kissinger đọc lại “hiểu biết về việc rút tàu chở sân bay của Mỹ” thông báo cho ông Thọ biết 48 giờ sau khi ký Hiệp định Paris về Việt Nam, Chính phủ của Lonnot ở Campuchia sẽ ra tuyên bố chấm dứt các cuộc tấn công, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt các hoạt động trên không sau 72 giờ. Nếu không có cuộc tấn công trở lại quân Mỹ và quân Campuchia thì Mỹ sẽ không oanh tạc trở lại.

Kissinger còn trao cho ta một bản dự thảo công hàm của Mỹ về xây dựng lại miền Bắc Việt Nam và hứa 30 tháng 1 năm 1973, sẽ trao bản chính thức cho ta. (Thực tế ngày mùng 1 tháng 2 năm 1973, Mỹ mới trao). Lê Đức Thọ nhắc lại con số 4 tỷ đô la cho miền Bắc, và sau cùng thoả thuận 3 tỷ 250 triệu. Viện trợ biểu không mỗi năm 650 triệu đô la; viện trợ với điều kiện nhân nhượng: 1 đến 1,5 tỷ đô la Mỹ. Viện trợ không hoàn lại sẽ dùng hình thức công hàm; viện trợ khác dùng bản ghi (note).

Hai bên hồ hởi vì đã làm xong mọi việc.

Ký tất xong, Kissinger trao cây bút của ông vừa ký cho Lê Đức Thọ và nói:

- Tôi xin tặng ông cây bút này để nhớ mãi ngày lịch sử này.

Lê Đức Thọ tươi cười nhận và tặng lại Kissinger cây bút mình vừa ký và nói:

- Tôi tặng lại ông cây bút này - và xin ông nhớ cho ký rồi phải giữ lấy lời nhé!

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, lễ ký kết Hiệp định bốn bên và hai bên cũng tại Hội trường Kléber.

11 giờ 00 ngày hôm đó, đúng lúc bắt đầu lễ ký, với quân hàm đại tá, Lưu Văn Lợi rời Paris để đi Sài Gòn nhận chức Phó Trưởng đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và bảo đảm sự có mặt tại chỗ của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực. Cùng đi còn có Đại sứ Stawiersky, Phó trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế, trung tá Mỹ Adams có nhiệm vụ tháp tùng, Đặng Văn Thu, Phó trưởng đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời và một số sĩ quan, phiên dịch của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Tiếp đó các công việc khác được tiến hành theo đúng lịch đã thoả thuận.

Hiệp định ngày 20 tháng 10 năm 1972 và Hiệp định chính thức

(Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ngày 27 tháng 1 năm 1973)

So sánh hai văn bản này tức là xét việc Washington lật lọng, từ bỏ Hiệp định đã thoả thuận ngày 20 tháng 10 năm 1972 thì được gì, mất gì?

Kissinger đã coi Hiệp định ngày 20 tháng 10 là thích đáng. Trả lời thông điệp ngày 19 tháng 10 năm 1972 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ngày 20 tháng 10, Tổng thống Nixon đã khẳng định:

“Với hai điều khoản trong điều 7 và 8 mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thoả thuận, văn bản Hiệp định bây giờ có thể xem là đã hoàn thành”.

Mặc dầu vậy, theo lối chơi hình như quen thuộc của ông, Nixon đòi xét lại văn bản đó, nêu ra 69 chỗ cần sửa của Nguyễn Văn Thiệu, trong đó tất nhiên có cả những điểm của Nhà Trắng, thậm chí dùng cả đòn nặng cân B52 để ép Việt Nam chấp nhận sửa đổi theo ý Mỹ.

Người ta đã thấy: Mỹ dùng B52 thì Việt Nam hạ B52, Mỹ muốn thương lượng lại, Hà Nội và Washington đã hoàn toàn đi tới thống nhất một văn bản mới tức là Hiệp định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973.

Về hình thức, điểm mới là: tháng 10 năm 1972 chỉ định ký một Hiệp định song phương giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ, ngoài ra không có văn bản nào khác, nay thì có văn bản ký hai

bên, có văn bản ký bốn bên, ngoài Hiệp định chính thức còn có nhiều Nghị định thư, nhiều hiểu biết. Khách quan mà nói nếu thiếu điều quy định cụ thể của các Nghị định thư thì chắc chắn việc thi hành Hiệp định song phương ngày 20 tháng 10 năm 1972 sẽ gặp nhiều khó khăn phải bàn bạc thêm mới giải quyết được. Các nhà thương lượng hai bên không phải không biết còn thiếu những quy định cụ thể để làm dễ dàng việc thi hành Hiệp định nhưng có lẽ họ có những tính toán riêng đều xuất phát từ một điểm chung: ngày bầu cử Tổng thống 7 tháng 11 năm 1972. Nixon muốn tung tin hoàn thành Hiệp định để giành phần chắc thắng trong dịp bầu cử, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lo ngại Washington rút lại những điều khoản đã thoả thuận sau khi thắng cử cho nên muốn ép họ ký vào ngày 30 tháng 10. Một bên là muốn đánh một cú Poker, một bên thì nghi ngờ, kết quả là hai bên đều chấp nhận một văn bản Hiệp định còn thiếu nhiều điều khoản cụ thể để thi hành.

Ý đồ lớn của Washington và Sài Gòn là không ghi tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời trên bất cứ văn bản nào, bất cứ ở chỗ nào cần phải ghi. Nếu ký hai bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ thì không có vấn đề gì, nhưng ký bốn bên thì đề ra vấn đề ngăn không cho tên Chính phủ Cách mạng Lâm thời được ghi trong văn bản, không cho đại diện Chính phủ Cách mạng Lâm thời ký với chức vụ đầy đủ. Nhưng trong văn bản Hiệp định ngày 27 tháng 1, Sài Gòn phải cùng ký Hiệp định mà còn chịu để Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình ký với đầy đủ chức vụ: Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Sài Gòn và Washington không muốn thừa nhận miền Nam có hai Chính quyền, hai Quân đội, hai vùng kiểm soát, không muốn có Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc ba thành phần, không muốn Hội đồng đó là một cơ cấu Chính quyền có chức năng duy trì sự ngừng bắn, giữ vững hoà bình. Nhưng trong Hiệp định ngày 27 tháng 1 năm 1973, họ chịu chấp nhận:

- Các lực lượng vũ trang miền Nam, sau khi ngừng bắn, sẽ “ở nguyên vị trí của mình” và “sẽ quy định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân”. Nghĩa là công nhận có quân đội hai bên và mỗi bên có vùng kiểm soát của mình.

Miền Nam có Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau, có các Hội đồng cấp dưới, có nhiệm vụ “đôn đốc hai bên miền Nam Việt Nam thi hành Hiệp định, thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ”, tổ chức tổng tuyển cử và tự do dân chủ. Tuy vậy, phía Việt Nam phải rút chữ cơ cấu Chính quyền và “duy trì ngừng bắn giữ vững hoà bình”.

Washington và Sài Gòn muốn đẩy quân miền Bắc trở về miền Bắc. Nhưng trong Hiệp định ngày 27 tháng 1 năm 1973, họ chịu chấp nhận:

- Trong vòng 60 ngày, rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi Quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và các nước ngoài khác (trong khi đó quân miền Bắc vẫn ở nguyên tại chỗ trong vùng kiểm soát của họ).

- Hai bên miền Nam sẽ thảo luận những biện pháp giảm số quân của họ và phục viên số quân đã giảm (họ không ghi được yêu cầu: phục viên trở về sinh quán, ý muốn nói miền Bắc).

Washington muốn Ủy ban Quốc tế cao hơn Ban Liên hợp Quân sự: Ủy ban Quốc tế từ 7000 đến 12.000, có 334 tổ công tác rải khắp miền Nam Việt Nam. Ủy ban Quốc tế gồm 5 nước trung lập. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho rằng trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về các bên ký kết, do đó Ban Liên hợp Quân sự phải cao hơn Ủy ban Quốc tế, còn Ủy ban Quốc tế chỉ làm nhiệm vụ giám sát và kiểm soát.

Trong Hiệp định ngày 27 tháng 1 năm 1973, Washington chấp nhận:

- Ủy ban Quốc tế gồm đại diện bốn nước: Ba Lan, Canada, Hunggari, Ấn độ, có 1160 nhân viên và 59 tổ các loại.

- Ban Liên hợp Quân sự có 8300 nhân viên, 1 Ban Liên hợp Quân sự Trung ương, 7 Ban Liên

hợp Quân sự khu vực và 26 tổ Liên hợp Quân sự địa phương.

Phía Việt Nam đồng ý sửa “Hoa Kỳ tôn trọng” trong “Hiệp định tháng 10” thành “Hoa Kỳ và các nước tôn trọng”, chấp nhận thêm “Hai miền tôn trọng khu phi quân sự” vào Hiệp định tháng 10 năm 1972.

Tóm lại, phía Việt Nam vẫn giữ được nội dung chủ yếu của văn bản ngày 20 tháng 10 năm 1972.

- Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút hết quân, chấm dứt dính líu quân sự (ngoài ra còn đòi Mỹ phải rút hết nhân viên dân sự liên quan đến quân sự trong một hiệp biết riêng).

- Giữ vững lực lượng chính trị vũ trang của phía Việt Nam; công nhận miền Nam có hai Chính quyền, hai Quân đội, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị, giữ được về cơ bản chức năng của Hội đồng Quốc gia hoà hợp dân tộc, gạt được ý đồ của Mỹ - Thiệu muốn hạ nó xuống thành một cơ quan bầu cử đơn thuần.

- Giữ nguyên các điều khoản về thực hiện tự do dân chủ, hoà hợp dân tộc. - Mỹ nhận đóng góp xây dựng lại Bắc Việt Nam sau chiến tranh với con số cao hơn hồi tháng 10 năm 1972.

Trong Hồi ký, Kissinger nói về các sửa đổi so với văn bản tháng 10, cũng đặt câu hỏi: “Điều đó có bổ không? Những sự thay đổi liệu có đủ quan trọng để biện minh cho nỗi lo âu và cay đắng trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh không? Không! đối với chúng ta, hẳn rồi, gần như là chắc chắn đối với Sài Gòn mà sự sống sót, nói cho cùng, là cái cớ của chiến tranh” (H.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sđd, tr. 1524 - 1525).

Những sửa đổi đó có bổ công không? Câu trả lời chính xác nằm trong sự so sánh khách quan văn bản tháng 10 năm 1972 và các văn bản ký kết tháng 1 năm 1973.

LỜI BẠT

27 tháng 1 năm 1973 - 27 tháng 1 năm 2002

Hiệp định Paris được ký kết đến nay đã được gần ba mươi năm. Với khoảng cách thời gian chưa dài lắm nhưng cũng đủ để những tình cảm sôi nổi lắng đọng xuống, chúng ta có thể bình tĩnh đánh giá Hiệp định đó và việc thi hành nó.

Hiệp định Paris đã được thương lượng đi thương lượng lại từ ngày 8 tháng 10 năm 1972 đến ngày 20 tháng 1 năm 1973 dưới mọi khía cạnh chính trị, ngoại giao, pháp lý, trong sự giao tiếp lịch sự, nhiều khi trong những đôi đáp nẩy lửa, thậm chí trong tiếng bom man rợ. Ngay cả những yêu sách quá đáng của Nguyễn Văn Thiệu cũng được nêu ra, xem xét. Nó phản ánh đúng đắn so sánh lực lượng giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, giữa Chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Anh em Kalb nói hóm hỉnh: “Nixon được tù binh trở về. Lê Đức Thọ được Mỹ rút ra. Thiệu được giữ lại Chính quyền và Chính phủ Cách mạng Lâm thời (Chính phủ Việt cộng) được một mức độ hợp pháp chính trị ở Nam Việt Nam. Mỗi người được một cái gì đó nhưng không có ai được tất cả mọi cái” (Marvin Kalb và Bemard, Kissinger Sđd tr. 477. Xem thêm: J. Amter, Sđd, tr. 290.).

Tuy vậy việc thi hành các điều khoản không phải đều giống nhau. Các điều khoản về rút quân Mỹ và đồng minh, trao trả tù binh Mỹ, ngừng bắn đối với miền Bắc Việt Nam (kể cả gổ mìn), trao trả tù chính trị, về thành lập Ủy ban Quốc tế, Ủy ban Liên Hợp quân sự Trung ương và khu vực, địa phương nói chung được thi hành nghiêm chỉnh. Một số điều khoản bị vi phạm "trước khi Hiệp định được ký kết". Đó là trường hợp các điều khoản cấm đưa vũ khí, đạn dược, nhân viên quân sự Mỹ vào miền Nam sau khi Hiệp định có hiệu lực.

Đề sau này khởi mang tiếng là vi phạm, trong ba tháng - từ tháng 10 năm 1972 đến tháng 1 năm 1973 - Mỹ đã lập một cầu hàng không dưới mật danh Enhance Plus (Tăng cường hơn nữa) để hồi hả và ô ạt đồ vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh vào miền Nam nhằm tăng cường Quân đội Sài Gòn. Dự kiến Bộ Tư lệnh quân Mỹ ở Sài Gòn (MACVI) mà báo chí quen gọi là Lầu Năm Góc Phương Đông, sẽ phải rút khỏi miền Nam, Washington lập ngay một tổ chức thay thế gọi là DAO (Văn phòng tùy viên quốc phòng), như vậy vẫn duy trì được sự có mặt quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Sở chỉ huy lực lượng không quân Mỹ ở Sài Gòn cũng được sơ tán sang căn cứ Na khom Phanom cách đó vài trăm dặm.

Về điều khoản ngừng bắn ở miền Nam, Quân đội Sài Gòn đã có cả một kế hoạch vi phạm chuẩn bị từ trước. Kissinger viết: Ngày 11 tháng 10 1972 (tức ba ngày sau khi Lê Đức Thọ trao dự thảo Hiệp định cho Mỹ) "tôi điện cho Bunker để nhắc y (Thiệu) phải nỗ lực tối đa để chiếm thêm được càng nhiều đất đai có thể được, đặc biệt là các vùng quan trọng đông dân quanh Sài Gòn" (Henry A.Kissinger. Ở Nhà Trắng. Sdd, tr. 1414.).

Không nói ai cũng hiểu cái gì đã xảy ra trong thời gian trì hoãn việc ký kết Hiệp định. Đó là kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", lấn chiếm, bình định.

Bảy giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, đúng lúc phải bắt đầu ngừng bắn, bộ binh, xe tăng của Sài Gòn tấn công Cửa Việt, một căn cứ do quân Giải phóng kiểm soát ở gần khu phi quân sự. Quân Sài Gòn còn đánh chiếm Sa Huỳnh và nhiều nơi khác thuộc miền Trung, lấn chiếm hầu hết vùng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong mấy tháng đầu ngừng bắn, Sài Gòn đã lấn chiếm gần 400 ấp, đóng thêm hơn 100 đồn thuộc vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng Lâm thời, dồn hơn một triệu dân vào vùng kiểm soát của họ.

Ngay từ ngày 23 tháng 1 năm 1973, tức là trước khi Hiệp định hoà bình được ký kết, Tổng thống Nixon công bố sẽ không ủng hộ tổng tuyển cử và sẽ "tiếp tục thừa nhận Chính phủ Nam Việt Nam là chính phủ hợp pháp duy nhất ở miền Nam Việt Nam". Lời tuyên bố trắng trợn này, cộng với tất cả các biện pháp khẩn cấp mà ông đã làm trong thời gian trì hoãn việc ký kết để cho chính quyền Sài Gòn đủ sức chơi với Việt Cộng sau khi quân Mỹ rút, càng khuyến khích Nguyễn Văn Thiệu vi phạm ngay từ đầu và ngày càng nghiêm trọng Hiệp định Paris.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời không giấu giếm mục tiêu lâu dài là phấn đấu để thống nhất nước Việt Nam, nhưng trước mắt họ chấp nhận Hiệp định Paris, chấp nhận độ sức chính trị, quyết tâm nghiêm chỉnh thi hành mọi điều khoản của nó. Họ tin rằng Hiệp định được các bên thi hành sòng phẳng thì nước Việt Nam sẽ được thống nhất trong sự hoà giải và hoà hợp dân tộc. Nhưng Thiệu ngày càng lấn tới việc họ tham gia cuộc hiệp thương với Chính phủ Cách mạng Lâm thời tại La Celle - Saint Cloud chỉ là cái bình phong che đậy việc phá hoại Hiệp định trên chiến trường. Sự kiên nhẫn của Hà Nội có giới hạn. Tháng 10 năm 1973, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã xem xét tình hình và dự kiến tình hình sẽ phát triển theo hai khả năng.

Một là do đấu tranh tích cực trên cả ba mặt chính trị, quân sự ngoại giao, ta có thể từng bước buộc Chính quyền Sài Gòn phải thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam, hoà bình được thật sự lập lại cuộc đấu tranh của nhân dân ta nhằm hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ tuy còn lâu dài,

khó khăn gian khổ nhưng ngày càng phát triển và ở tư thế tiến lên mạnh mẽ.

Hai là do Mỹ cố bám lấy Đông Dương, do tính chất cực kỳ phản động, ngoan cố của Mỹ và tập đoàn tay sai ở Sài Gòn, Hiệp định tiếp tục bị chúng phá hoại, xung đột quân sự có thể ngày càng tăng cường độ, ta lại phải tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để giành thắng lợi hoàn toàn.

Do tình hình như vậy, Hội nghị đề ra chủ trương hết sức tranh thủ thực hiện khả năng thứ nhất nhưng phải tích cực chuẩn bị sẵn sàng mọi mặt cho khả năng thứ hai.

Thực hiện nghị quyết trên, các địa phương và đơn vị của cách mạng từ Quảng Trị đến Tây Nam Bộ đã chặn được các cuộc hành quân bình định của Sài Gòn.. Nguyễn Văn Thiệu phải kêu gọi đẩy nhanh bình định: “Hiện nay bình định là biện pháp chiến lược hàng đầu, là keo sống mái cuối cùng, sống là đây và chết cũng là đây”. Vùng Thiệu kiểm soát đã mất thêm hơn 3000 đồn bót, hơn 800 ấp với hơn một triệu dân.

Từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 8 tháng 10 năm 1974, rồi từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị đã phân tích kỹ tình hình từng chiến trường và tình hình chung để cuối cùng hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch chiến lược 1975-1976, và nếu có thời cơ thì giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Thời cơ đã đến với việc tiêu diệt thị xã Buôn Ma Thuột, tiếp đó là các chiến dịch giải phóng Tây Nguyên, chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định ngày 30 tháng 4 năm 1975 dẫn tới việc giải phóng hoàn toàn Nam Bộ. Chế độ Sài Gòn hoàn toàn sụp đổ. Miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng. Nước Việt Nam được tái thống nhất.

Người ta biết rằng Nixon đã cùng Kissinger hoàn thiện khái niệm linkage, nghĩa là trong thương lượng mình chỉ có thể lấy được cái mình muốn nếu cho đối phương cái họ cần. Ông chấp nhận Hiệp định Paris nghĩa là chịu chấm dứt chiến tranh, chấm dứt dính líu để đổi lấy việc rút hết quân Mỹ và lấy được tù binh Mỹ về, còn về miền Nam Việt Nam ông vẫn chủ trương duy trì Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, coi nó là duy nhất hợp pháp, cấp tốc cung cấp vũ khí để nó mạnh hơn và tiêu diệt được Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Sau này ông cho rằng Thiệu sụp đổ là vì bị Mỹ bỏ rơi. Nhưng ông đã tính đến tình huống Chính quyền Thiệu phải một mình đối diện với Việt cộng, không còn quân Mỹ và không quân Mỹ hậu thuẫn nữa, và đã chuẩn bị cho nó có thể đứng vững được, có phải không tính đâu?

Như vậy chế độ Nguyễn Văn Thiệu sụp đổ hoàn toàn ngày 30 tháng 4 năm 1975 không phải là vì Hiệp định Paris mang tính chất áp đặt đối với Mỹ - Thiệu, có những điều khoản không vừa lòng họ, mà chính vì Nixon chỉ muốn thi hành các điều khoản về ngừng ném bom, rút được quân Mỹ và lấy được tù binh Mỹ về, còn thì khuyến khích Nguyễn Văn Thiệu vi phạm các điều khoản khác, từ việc tôn trọng ngừng bắn đến việc hiệp thương với Chính phủ Cách mạng Lâm thời để giải quyết các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Còn chính sách của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam rất rõ ràng: thi hành nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hiệp định Paris và sẵn sàng chấp nhận cuộc đọ sức chính trị; nếu Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu có tình phá hoại Hiệp định thời đương nhiên Việt cộng phải gánh trả lại cho tới khi toàn thắng. Chân lý lịch sử của ngày 30 tháng 4 năm 1975 là thế.

PHỤ LỤC

- I. Bản đồ: Phạm vi hoạt động của các Ban Liên hợp quân sự trên phần lục địa Việt Nam.
- II. Bản đồ: Phạm vi hoạt động của các tổ quốc tế trên phần lục địa Việt Nam.
- III. Công hàm của Mỹ gửi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 18 tháng 10 năm 1972.
- IV. Công hàm của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi Mỹ tối ngày 19 tháng 10 năm 1972.
- V. Công hàm của Mỹ gửi Việt Nam Dân chủ cộng hoà sáng ngày 20 tháng 10 năm 1972.
- VI. Văn bản thoả thuận ngày 20 tháng 10 năm 1972.
- VII. Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam
- VIII. Nghị định thư về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự
- IX. Nghị định thư về việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.
- X. Nghị định thư về ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.
- XI. Nghị định thư về tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ mìn ở vùng biển, các cảng, sông ngòi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
- XII. Các hiểu biết
- XIII. Công hàm của Tổng thống Hoa Kỳ gửi Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 1 tháng 2 năm 1973, về đóng góp của Mỹ vào hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc Việt Nam.

PHỤ LỤC 1 -CÔNG HÀM CỦA MỸ GỬI VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ NGÀY 18 THÁNG 10 NĂM 1972

Tổng thống đã xem lại kỹ biên bản cuộc gặp giữa Tiến sỹ Kissinger và Bộ trưởng Xuân Thuỷ. Tổng thống đã chỉ thị là message sau đây cần nhân danh Tổng thống chuyển cho các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

1- Tổng thống cho rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ đã đến rất gần một sự thoả thuận. Trong khi giải quyết một cuộc chiến tranh có thời gian và cường độ như vậy không tránh khỏi các thời gian biểu phải được thỉnh thoảng điều chỉnh lại.

2- Tổng thống không thể đồng ý về một cuộc đi thăm Hà Nội của Tiến sỹ Kissinger, hoặc về một cuộc ngừng bắn đơn phương một số hoạt động quân sự của Mỹ trừ phi trong khuôn khổ của một thoả thuận đã hoàn thành.

3- Vì những sự bất đồng về điều 7 và điều 8 và vì tính chất không thoả đáng của một vài tuyên bố đơn phương của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nên thời gian cho một cuộc đi thăm như vậy chưa chín muồi.

4- Tổng thống cho rằng một cuộc gặp khác giữa Tiến sỹ Kissinger và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ hoặc với bất cứ thành viên nào khác của Ban lãnh đạo Hà Nội sẽ đưa tới một sự thoả thuận trong vòng hai hoặc ba ngày.

5- Vì lý do đó phía Mỹ đề nghị một thời gian biểu sau đây:

- Ngày 22, 23 và nếu cần thì ngày 24 tháng 10 có một cuộc gặp giữa Tiến sỹ Kissinger và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ ở Vientiane. Nơi gặp sẽ luân phiên giữa Sứ quán Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Ngày 25 và 26 tháng 10 (hoặc ngày 26 và 27 tháng 10 tùy thuộc vào thời gian dài ngắn của cuộc gặp ở Vientiane) Tiến sỹ Kissinger đi Hà Nội thảo luận kế hoạch sau chiến tranh với các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Ngày 27 hoặc 28 tháng 10, Tiến sỹ Kissinger trở về Washington.

- Ngày 28 hoặc 29 tháng 10 công bố đồng thời sự thoả thuận cuối cùng.

Thời gian biểu này có thể sẽ chậm chỉ ba hoặc bốn ngày so với kế hoạch đã định lúc đầu.

5- (Theo nguyên bản của Mỹ có thể là sai - người dịch). Nếu Vientiane là nơi không thể chấp nhận được, Tiến sỹ Kissinger sẽ sẵn sàng trở lại Paris vào bất cứ ngày nào thích hợp với Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ trong tuần lễ từ 23 tháng 10. Tuy nhiên điều đó sẽ ít hiệu quả hơn.

6- Mỹ có thể sẽ chấm dứt ném bom ngày hôm trước cuộc đi thăm Hà Nội của Tiến sỹ Kissinger như đã thoả thuận giữa ông ta và cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ.

7. Như là một dấu hiệu của thiện chí, Mỹ sẽ duy trì những sự hạn chế ném bom hiện nay trong khi các cuộc thương lượng đang tiếp diễn.

8- Tổng thống muốn xác định lại ý định nghiêm chỉnh của ông để hoàn thành sự thoả thuận trong thời gian biểu mới đề nghị. Với cố gắng và hiểu biết chung, chúng ta có thể thành công.

Tiến sỹ Kissinger đã yêu cầu rằng bản dự thảo đính theo đây được chuyển đến ông Xuân Thuỷ. Bản dự thảo đó không nói lên lập trường đã được thoả thuận toàn bộ hoặc là bộ phận trong giai đoạn này của cuộc thương lượng.

PHỤ LỤC II - CÔNG HÀM CỦA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ GỬI MỸ NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1972

Các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nhận được message của Mỹ chuyển hồi 16 giờ ngày 18 tháng 10 năm 1972 nhân danh Tổng thống Mỹ.

Sau đây là message nhân danh Thủ tướng chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chuyển đến Tổng thống Mỹ.

1- Sau nhiều lần gặp riêng, đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Mỹ đã đi đến thoả thuận về những vấn đề cơ bản để chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Hai bên cũng đã thoả thuận về ngày Tiến sĩ Henry A.Kissinger vào Hà Nội và ngày ký kết chính thức Hiệp định tại Paris. Đúng như Tổng thống Mỹ khẳng định trong message của Mỹ ngày 18 tháng 10 năm 1972, hai bên chỉ còn chưa thoả thuận về hai vấn đề còn lại là điều 7 và điều 8 bản dự thảo Hiệp định.

2- Để tỏ thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí của mình, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà làm hết sức mình để gạt bỏ những trở ngại cuối cùng nhằm hoàn thành bản Hiệp định, bảo đảm ngày Tiến sĩ Henry A.Kissinger vào Hà Nội và ngày ký chính thức Hiệp định như đã thoả thuận.

Do đó, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý công thức do phía Mỹ đưa ra về vấn đề thay thế vũ khí nói trong điều 7 và những đề nghị của Tiến sĩ Henry A.Kissinger về điều 8 trong cuộc gặp ngày 17 tháng 10 năm 1972.

Về vấn đề thay thế vũ khí trong điều 7, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý công thức mà Mỹ đưa ra trong lần gặp ngày 17 tháng 10 năm 1972: “Vì mục đích duy trì hoà bình, không phải để tấn công, hai bên miền Nam sẽ được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh bị hao mòn hoặc hư hỏng từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, có sự giám sát của Ban Liên Hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam và của Uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát”.

Về điều 8, căn cứ vào đề nghị của Mỹ trong cuộc gặp riêng ngày 17 tháng 10 năm 1972, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý công thức do Mỹ đã đưa ra như sau:

Điều 8

a). Việc trao trả những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành cùng một ngày với việc rút quân nói trong điều 5. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài nói trên vào ngày ký kết Hiệp định này.

b) Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mồ mả của những người bị chết, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có những biện pháp khác cần thiết để tìm kiếm tin tức những người vẫn còn coi là mất tích trong chiến đấu.

c) Vấn đề các nhân viên dân sự Việt Nam khác bị giam giữ ở miền Nam Việt Nam không bao gồm trong điều 8 (a) ở trên sẽ do các bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở những nguyên tắc của điều 21 (b) của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 1954. Những bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận để giảm đau khổ và đoàn tụ các gia đình.

"Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề trong vòng ba tháng sau

khí ngừng bắn có hiệu lực"

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ghi nhận lời cam kết đơn phương của Tiến sĩ Henry A.Kissinger: "Chính phủ Mỹ sẽ dùng ảnh hưởng tối đa của mình để làm cho số lớn những nhân viên dân sự bị giam giữ ở miền Nam Việt Nam được trao trả trong hai tháng và số còn lại sẽ được trao trả hết trong tháng thứ ba".

Với cố gắng lớn để giải quyết những trở ngại cuối cùng nói trên, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà coi như vậy là văn bản Hiệp định đã được hai bên thoả thuận hoàn toàn về tất cả các vấn đề. Hai bên không được có sự thay đổi gì nữa, như Tiến sĩ Henry A.Kissinger đã hứa hẹn trong các cuộc gặp riêng.

3 - Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho rằng việc thoả thuận về hai vấn đề còn lại cuối cùng để hoàn thành văn bản của Hiệp định đã gạt bỏ mọi trở ngại cho việc ký kết chính thức Hiệp định vào ngày 30 tháng 10 năm 1972 tại Paris theo đúng thời gian biểu mà hai bên đã thoả thuận trong lần gặp ngày 11 tháng 10 năm 1972. Do đó cần phải thực hiện những điều đã thoả thuận về việc Tiến sĩ Henry A.Kissinger vào Hà Nội theo thời gian đã định, mà không cần có cuộc gặp mới giữa Tiến sĩ Henry A.Kissinger và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ tại một địa điểm khác trước khi Tiến sĩ Henry A.Kissinger vào Hà Nội như phía Mỹ mới đề nghị trong message ngày 18 tháng 10 năm 1972. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý với phía Mỹ là cuộc gặp giữa những nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, kể cả Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, với Tiến sĩ Henry A.Kissinger ở Hà Nội sẽ thảo luận về quan hệ giữa hai nước sau chiến tranh. .

4- Như vậy là Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà một lần nữa đã có những cố gắng rất lớn để bảo đảm thực hiện đúng thời gian biểu mà hai bên đã thoả thuận, nhằm nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình.

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhắc lại những việc chính trong thời gian biểu mà hai bên đã thoả thuận trong lần gặp riêng ngày 1 tháng 10 năm 1972:

- Mỹ chấm dứt ném bom và thả mìn miền Bắc Việt Nam ngày 21 tháng 10 năm 1972.
- Tiến sĩ Henry A.Kissinger gặp những nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hà Nội ngày 22 và ngày 23 tháng 10 năm 1972; đồng thời ký tắt Hiệp định tại Hà Nội.
- Ký Hiệp định chính thức tại Paris giữa Bộ trưởng Ngoại giao của hai bên đúng ngày 30 tháng 10 năm 1972.

5- Để đáp ứng thiện chí của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Mỹ có trách nhiệm giữ đúng những điều đã thoả thuận trong nội dung Hiệp định và đúng thời gian biểu đã thoả thuận.

Nếu phía Mỹ cứ tiếp tục mượn cớ này hoặc cớ khác trì hoãn việc thực hiện thời gian biểu mà hai bên đã thoả thuận thì cuộc đàm phán nhất định sẽ hoàn toàn tan vỡ, chiến tranh ở Việt Nam sẽ kéo dài và phía Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những việc xảy ra đó trước nhân dân Mỹ, nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới.

PHỤ LỤC III - CÔNG HÀM CỦA MỸ GỬI VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1972

Mười giờ sáng ngày 20 tháng 10 năm 1972

Sau đây là message nhân danh Tổng thống nước Mỹ gửi cho Thủ tướng Nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hoà.

1- Phía Mỹ hoan nghênh thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thể hiện trong message ngày 19 tháng 10 năm 1972. Với hai điều khoản trong Điều 7 và 8 mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thoả thuận trong message của mình, văn bản của Hiệp định bây giờ có thể xem là đã hoàn thành. Nhằm mục đích làm cho rõ ràng và tránh những chỗ khó hiểu, phía Mỹ đã xoá bỏ khoản đầu của đoạn 2 trong điều 7, và nay toàn bộ điều 7 như phía Mỹ chấp nhận là như sau:

“Điều 7 - Kể từ khi thực hiện ngừng bắn cho tới khi thành lập Chính phủ như qui định trong những điều 9(b) và 9(i) của Hiệp định này, hai bên Việt Nam sẽ không nhận việc đưa quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh vào Nam Việt Nam. Hai bên Nam Việt Nam sẽ được phép thay thế trong từng thời kỳ vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh đã bị hao mòn hoặc hư hỏng sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, dưới sự kiểm soát của Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát”.

2- Tuy nhiên vẫn còn phải giải quyết vấn đề những tuyên bố đơn phương của hai bên. Để tránh mở đầu quan hệ mới trên cơ sở những sự hiểu lầm, nhất thiết cần phải nói rõ về những lời tuyên bố này.

a) Đối với vấn đề tù binh, phía Mỹ đã tuyên bố rất nhiều lần là dù trong bất cứ trường hợp nào Mỹ cũng không có thể ký một Hiệp định mà không bảo đảm một cách vô điều kiện việc trao trả lại tất cả những tù nhân quân sự và dân sự trên khắp Đông Dương. Do đó, lời lẽ trong bản tuyên bố đơn phương của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trao ngày 17 tháng 10 trong đó có nói là việc trao trả những tù nhân ở Lào là phụ thuộc vào một giải pháp ở Lào và không nói tới những tù nhân ở Campuchia, là không thể chấp nhận được. Phía Mỹ đã làm việc trên giả định của những lời bảo đảm của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ chịu trách nhiệm về việc trao trả mọi tù nhân quân sự và dân sự Mỹ bị giam giữ trên khắp Đông Dương. Do đó Mỹ yêu cầu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra một bản tuyên bố đơn phương theo tinh thần bản đã trao ngày 8,9 và 12 tháng 10 năm 1972, nói như sau:

“đối với những quân nhân và thường dân Mỹ bị bắt giữ ở những nước Đông Dương ngoài Việt Nam, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cam kết sẽ thu xếp để xác minh và trao trả (identification and return) cho các nhà chức trách Mỹ theo cùng thời gian với việc thả những quân nhân và thường dân Mỹ bị bắt giữ ở Việt Nam. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng bảo đảm rằng điều khoản trong Hiệp định toàn bộ về việc xác định (verification) những quân nhân và thường dân Mỹ coi là mất tích trong chiến đấu cũng sẽ áp dụng ở Lào và Campuchia”.

b) Đối với Lào, phía Mỹ chấp nhận văn bản của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trao ngày 13 tháng 10 năm 1972, giống như bản của Mỹ trao ngày 12 tháng 10 năm 1972, như sau:

“Trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc của Hiệp định Genève năm 1962 về Lào, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ hoan nghênh những cuộc thương lượng hiện nay giữa hai bên hữu quan Lào, và sẽ tích cực góp phần để mau chóng đưa những cuộc thương lượng đó tới thành công, để có thể có một cuộc ngừng bắn ở Lào trong vòng 1 tháng sau khi Hiệp định về ngừng bắn và lập lại hoà bình ở Việt Nam có hiệu lực”.

“Sau khi ngừng bắn ở Lào, những người nước ngoài ở Lào sẽ thu xếp những thủ tục thực hiện điều 15 (b) của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam”.

c) Đối với Campuchia, phía Mỹ hành động trên cơ sở những tuyên bố sau của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ tại những cuộc gặp riêng với Tiến sĩ Kissinger ngày 26 và 27 tháng 9 và ngày 8 và 11 tháng 10 năm 1972.

Những vấn đề chiến tranh ở Việt Nam và Campuchia liên quan chặt chẽ với nhau; khi chiến

tranh đã giải quyết ở Việt Nam thì không có lý do gì tiếp tục ở Campuchia (27 tháng 9).

- Một khi vấn đề Việt Nam đã giải quyết, thì vấn đề Campuchia chắc chắn sẽ được giải quyết; và việc chấm dứt chiến tranh Việt Nam sẽ gây ra một ảnh hưởng rất lớn dẫn đến chấm dứt chiến tranh ở Campuchia có lẽ ngay tức khắc. (8 tháng 10).

- Hai bên chúng ta hiểu với nhau là Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tôn trọng nguyên tắc là mọi lực lượng nước ngoài, kể cả lực lượng của chính Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, phải chấm dứt hoạt động quân sự ở Campuchia và rút khỏi Campuchia và không được đưa trở lại. (ngày 26 tháng 9).

- Ở Campuchia, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng sẽ theo những nguyên tắc như ở Nam Việt Nam và Lào, nghĩa là sẽ không đưa vào trở lại Campuchia quân đội, vũ khí và dụng cụ chiến tranh (ngày 11 tháng 10); và

- Như đã nói trong điều 18, những nghĩa vụ do Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày ký Hiệp định. (ngày 11 tháng 10).

Mỹ nhắc lại quan điểm của mình như Tiến sĩ Kissinger đã trình bày vào ngày 11 tháng 10 năm 1972, là nếu như trong khi chờ đợi một giải pháp ở Campuchia, lại có những hành động tấn công ở đó làm nguy hại đến tình hình hiện tại, thì những hành động như vậy sẽ trái với tinh thần điều 15 (b) và những giả định (assumption) làm cơ sở cho Hiệp định này.

3- Đối với những tuyên bố đơn phương của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trao ngày 17 tháng 10 năm 1972, lập trường của Mỹ là như sau;

A- Đối với những quan hệ kinh tế giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong thời kỳ sau chiến tranh, vấn đề này sẽ được thoả thuận trong cuộc đi thăm Hà Nội của Tiến sĩ Kissinger và có thể được giải quyết một cách thỏa đáng.

B- Đối với những hoạt động trinh sát, phía Mỹ xác nhận là khi Hiệp định này có hiệu lực thì những hoạt động trinh sát chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ chấm dứt.

C- Đối với những tàu chở máy bay của Mỹ, phía Mỹ không thể chấp nhận một sự hạn chế nào về việc quá cảnh của những tàu chở máy bay, như Tiến sĩ Kissinger đã vạch rõ với Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ ngày 11 tháng 10 năm 1972. Như vậy sự hiểu biết (understanding) về vấn đề này là chỉ nói về nơi đậu (stationing) của những tàu chở máy bay của Mỹ.

D- Đối với những phát triển tình hình nội bộ ở Nam Việt Nam, vấn đề được đề cập tới trong tuyên bố của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thảo luận trong khuôn khổ những đề nghị của Mỹ ngày 26 và 27 tháng 9 năm 1972. Những đề nghị trên này bị Hiệp định đang được hoàn thành này vượt qua rồi (superseded). Phía Mỹ cho rằng vấn đề những phát triển tình hình nội bộ ở Nam Việt Nam đã được nói đầy đủ trong điều 9 của bản dự thảo Hiệp định và không có sự hiểu biết nào thêm.

4- Một khi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xác nhận (confirm) những hiểu biết này như nói trong đoạn (2) và (3) ở trên, thì Hiệp định coi là hoàn thành.

5- Với giả định là vấn đề những tuyên bố đơn phương sẽ được giải quyết thỏa đáng, phía Mỹ đề nghị thời gian biểu sau, thời gian biểu này sẽ chỉ mang lại một sự thay đổi 24 tiếng đồng hồ về thời gian ký Hiệp định.

A- Vì có những sự chậm trễ gây ra do sự cần thiết nhận được những trả lời về những vấn đề còn lại, phía Mỹ đề nghị rằng Tiến sĩ Kissinger sẽ tới Hà Nội vào ngày 24 tháng 10, vào thời giờ đã thỏa thuận và sẽ rời Hà Nội ngày 26 tháng 10.

B- Sẽ có sự đưa tin đồng thời về Hiệp định tại Washington và Hà Nội vào ngày 27 tháng 10 năm 1972 vào hồi 21 giờ 00 (giờ Washington).

C- Việc ký Hiệp định sẽ tiến hành ngày 31 tháng 10 tại Paris.

D- Tuy Hiệp định đến khi ký kết mới có hiệu lực, nhưng phía Mỹ, để tỏ thiện chí, sẵn sàng thực hiện ngừng bắn từ ngày 28 tháng 10, vào hồi 12 giờ trưa, giờ Washington, và sẽ thu xếp để những lực

lượng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng sẽ có hành động tương tự.

E- Giả định rằng phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đồng ý về thời gian biểu sửa đổi này, Mỹ sẽ chấm dứt ném bom ở Bắc vĩ tuyến 20 vào sáng ngày 23 tháng 10 năm 1972 và mọi cuộc ném bom bắn phá và thả mìn ở Bắc Việt Nam vào chiều tối ngày 23 tháng 10 năm 1972.

F- Phía Mỹ yêu cầu xác nhận gấp (urgent) về những sự hiểu biết nói trong message này. Phía Mỹ cũng yêu cầu phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xác nhận về những điều thu xếp về việc loan báo (ublicity) cuộc đi thăm Hà Nội của Tiến sĩ Kissinger như đã nói trong tài liệu do Tiến sĩ Kissinger trao cho Bộ trưởng Xuân Thuỷ ngày 17 tháng 10 năm 1972. Ngay sau khi nhận được những lời xác nhận (confirmation) thì phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có thể tin là phía Mỹ sẽ tiến hành theo thời gian biểu đề nghị ở trên.

G- Phía Mỹ tiếc là có sự trì hoãn 48 tiếng đồng hồ trong việc thực hiện thời gian biểu này, nhưng cho rằng đó là những điều không thể tránh khỏi bởi vì vấn đề phức tạp và cần phải hiểu nhau một cách rõ ràng (precise). Mỹ không tin rằng nay là lúc hai bên đã tới rất gần sự kết thúc của một cuộc xung đột rất lâu dài, mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lại tiến hành trên cơ sở những sự đe doạ.

H- Phía Mỹ nhắc lại sự tin tưởng là việc kết thúc chiến tranh, nay rất gần, sẽ đưa lại một thời kỳ mới trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

PHỤ LỤC IV - VĂN BẢN THỎA THUẬN NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1972

Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với sự thoả thuận của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Chính phủ Mỹ với sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà.

Nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng cố hoà bình ở châu Á và thế giới.

Đã thoả thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

Chương I.

CÁC QUYỀN DÂN TỘC CƠ BẢN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 1

Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam đã công nhận.

Chương II

CHẤM DỨT CHIẾN SỰ - RÚT QUÂN

Điều 2

Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ 24 giờ (giờ GMT), ngày 27 tháng giêng năm 1972 (giờ Đông Dương) , nghĩa là... giờ, ngày..., tháng... năm 1972 (giờ

GMT).

Cùng ngày giờ nói trên, Mỹ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Mỹ chống lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển, bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mỹ sẽ tháo gỡ, làm mất liệu lực vĩnh viễn, phá huỷ tất cả những mìn ở vùng biển, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc Việt Nam, ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Việc chấm dứt hoàn toàn chiến sự nói trong điều này là lâu dài vững chắc.

Điều 3

Các bên cam kết giữ vững ngừng bắn, bảo đảm hoà bình lâu dài và vững chắc.

Bắt đầu từ khi ngừng bắn:

a) Những lực lượng của Mỹ và của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch rút quân. Ban liên hợp quân sự bốn bên nói trong điều 11 sẽ qui định những thể thức.

b) Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình. Ban Liên hợp quân sự hai bên nói trong điều 12 sẽ qui định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân.

c) Các lực lượng chính quy thuộc mọi quân chủng và binh chủng và các lực lượng không chính quy của các bên ở miền Nam Việt Nam phải ngừng mọi hoạt động tấn công nhau và nghiêm chỉnh tuân theo những điều qui định sau đây:

- Ngăn cấm mọi hoạt động vũ lực trên bộ, trên không và trên biển;
- Ngăn cấm mọi hành động đối địch, khủng bố và trả thù của cả hai bên.

Điều 4

Mỹ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Điều 5

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Hiệp định này, việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên kỹ thuật quân sự, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà, sẽ hoàn thành. Cố vấn của các nước nói trên cho các tổ chức bán quân sự và lực lượng cảnh sát cũng sẽ rút trong thời hạn đó.

Điều 6

Việc huỷ bỏ tất cả các căn cứ quân sự của Mỹ và các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà ở miền Nam Việt Nam sẽ hoàn thành trong thời hạn 60 ngày, kể từ khi ký Hiệp định này.

Điều 7

Từ khi thực hiện ngừng bắn cho đến khi thành lập Chính phủ qui định trong điều 9(b) và 9(i) của Hiệp định này, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không được nhận việc đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự kể cả nhân viên kỹ thuật quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị phá huỷ, bị hao mòn hoặc hư hỏng, từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, có sự kiểm soát của Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam

và của Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Chương III

VỀ NHỮNG NGƯỜI CỦA CÁC BÊN BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

Điều 8

a) Việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và những nhân viên dân sự nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành cùng một ngày với việc rút quân nói trong điều 5. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên quân sự và những nhân viên dân sự nước ngoài nói trên vào ngày ký kết Hiệp định này.

b) Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và những nhân viên dân sự nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mồ mả của những người bị chết nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có những biện pháp khác cần thiết để tìm kiếm tin tức những người còn coi là mất tích trong chiến đấu.

c) Vấn đề những nhân viên dân sự Việt Nam khác bị giam giữ ở miền Nam Việt Nam và không bao gồm trong điều 8(a) ở trên sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở những nguyên tắc của điều 21 (b) của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 1954. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận để giảm đau khổ và đoàn tụ các gia đình.

Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng hai tháng sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Chương IV

VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 9

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Mỹ cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam sau đây:

a) Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng.

b) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

c) Hai bên miền Nam Việt Nam cam kết tôn trọng ngừng bắn và giữ vững hoà bình ở miền Nam Việt Nam; giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.

d) Mỹ tuyên bố tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; Mỹ không cam kết với bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào ở miền Nam Việt Nam và không tìm cách áp đặt một Chính phủ thân Mỹ ở Sài Gòn.

e) Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

- Thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, xoá bỏ thù hận, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia.

- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

f) Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập một cơ cấu Chính quyền lấy

tên là Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau. Hội đồng sẽ làm việc theo nguyên tắc nhất trí. Sau khi Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc nhận chức, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương về việc thành lập các hội đồng cấp dưới. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ký một Hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt và làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng ba tháng sau khi ngừng bắn có hiệu lực, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam là hoà bình, độc lập và dân chủ.

g) Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc có nhiệm vụ “đôn đốc” hai bên miền Nam Việt Nam thi hành các Hiệp định ký kết giữa các bên, duy trì ngừng bắn, giữ vững hoà bình, thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ. Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ như đã nói trong điều 9 (b) và qui định thủ tục và thể thức tổng tuyển cử. Các cơ quan quyền lực mà cuộc tổng tuyển cử đó sẽ bầu ra sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam thông qua hiệp thương mà thoả thuận.

Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc cũng sẽ qui định thủ tục và thể thức tuyển cử địa phương theo như hai bên miền Nam Việt Nam thoả thuận.

h) Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh. Trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận có vấn đề các biện pháp giảm số quân của các lực lượng vũ trang hai bên và phục viên số quân đã giảm.

i) Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, độc lập, tôn trọng những điều khoản quân sự của Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam qui định việc không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, Cố vấn quân sự, nhân viên quân sự trên đất mình. Miền Nam Việt Nam sẽ duy trì quan hệ với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị và xã hội, nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều kiện chính trị.

Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam Việt Nam sẽ thuộc thẩm quyền của Chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam.

Chương V

VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NƯỚC VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA HAI MIỀN NAM, BẮC VIỆT NAM

Điều 10

Như Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam đã qui định, giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời, không phải là ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ.

Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở bàn bạc và thoả thuận giữa miền Nam và miền Bắc Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do miền Nam và miền Bắc Việt Nam thoả thuận.

Trong khi chờ đợi thống nhất đất nước, miền Nam và miền Bắc Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng, nhằm lập lại quan hệ bình thường về mọi mặt.

Trong khi chờ đợi thống nhất đất nước, miền Nam và miền Bắc Việt Nam không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, Cố vấn quân sự, nhân viên quân sự trên đất mình, như Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam đã qui

định.

Chương VI

CÁC BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ - ỦY BAN QUỐC TẾ KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT - HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Điều 11

- a) Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam, chính phủ Mỹ và Chính phủ Việt Nam Cộng hoà sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ phối hợp các bên trong việc thực hiện các điều sau đây của Hiệp định này:
- Đoạn đầu của điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam.
 - Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng của Mỹ và của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà.
 - Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa các bên ở miền Nam Việt Nam;
 - Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân Mỹ và quân của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà.
 - Điều 6 về việc huỷ bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ và của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà ở miền Nam Việt Nam.
 - Điều 8 về việc những người của các bên bị bắt.
- b) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí. Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.
- c) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ bắt đầu hoạt động ngay sau khi ký kết Hiệp định này và chấm dứt hoạt động sau khi việc thi hành đoạn đầu của điều 2, điều 3 (a), điều 3 (c), điều 5, điều 6 và điều 8 đã hoàn thành.
- d) Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về tổ chức, thể thức làm việc, phương tiện hoạt động và chi phí của Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Điều 12

- Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Cộng hoà sẽ cử ngay đại diện để thành lập một Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam có nhiệm vụ phối hợp hai bên miền Nam Việt Nam trong việc thực hiện các điều sau đây của Hiệp định này liên quan đến hai bên:
- Đoạn đầu của điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình.
 - Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam.
 - Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình.
 - Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và về các qui định khác của điều này.
 - Điều 9 (h) về vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam.
- Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.
- Sau khi Hiệp định này được ký kết, Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ thoả thuận ngay những biện pháp và tổ chức nhằm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hoà bình ở miền Nam Việt Nam.

Điều 13

- a) Sau khi ký kết Hiệp định này, thành lập ngay ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Cho đến khi Hội nghị Quốc tế bảo đảm có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với bốn bên những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam.
- Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng của Mỹ và của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà.
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa các bên ở miền Nam Việt Nam.
- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân Mỹ và quân của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà.
- Điều 6 về việc huỷ bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ và của các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà ở miền Nam Việt Nam.
- Điều 8 về việc những người của các bên bị bắt.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Các bên sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ kiểm soát đó.

c) Cho đến khi Hội nghị Quốc tế bảo đảm có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với hai bên miền Nam Việt Nam về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam;
- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam;
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn ở giữa các bên ở miền Nam Việt Nam;
- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và về các quy định khác của điều này;
- Điều 9 (b) về tổng tuyển cử tự do, dân chủ ở miền Nam Việt Nam ;
- Điều 9 (h) về những sự thoả thuận đạt được giữa hai bên miền Nam Việt Nam về việc giảm số quân của các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam và việc phục viên số quân giảm đó.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thoả thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ kiểm soát đó.

d) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ gồm đại diện của bốn nước: Ba lan, Canada, Hunggari, Indônêxia. Đại diện các nước trong Ủy ban Quốc tế sẽ luân phiên làm chủ tịch trong từng thời gian do Ủy ban Quốc tế quy định.

e) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thi hành nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

f) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí.

g) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ bắt đầu hoạt động khi ngừng bắn có hiệu lực ở Việt Nam. Đối với các điều liên quan đến bốn bên nói trong điều 13 (b), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình khi nhiệm vụ kiểm soát và giám sát của Ủy ban đối với các điều đó đã hoàn thành. Đối với các điều liên quan đến hai bên miền Nam Việt Nam nói ở điều 13 (c) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình theo yêu cầu của chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói ở điều 9 (b).

h) Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về tổ chức, phương tiện hoạt động và chi phí của Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Mỗi quan hệ giữa ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và Hội nghị Quốc tế bảo đảm nói ở điều 14 sẽ do Ủy ban Quốc tế và Hội nghị Quốc tế thoả thuận.

Điều 14

Các bên thoả thuận về việc triệu tập Hội nghị Quốc tế trong vòng 30 ngày kể từ khi ký Hiệp định này để ghi nhận các Hiệp định đã ký kết, bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hoà bình ở Việt Nam, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần vào hoà bình và bảo đảm hoà bình ở Đông Dương.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ sẽ đề nghị các bên sau đây tham gia Hội nghị Quốc tế này: Liên bang Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Xô viết, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Cộng hoà Pháp, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Nhĩ Lan, bốn nước trong Uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và Tổng thư ký Liên Hợp Quốc cùng với các bên ở Hội nghị Paris về Việt Nam.

Chương VII

ĐỐI VỚI CAMPUCHIA VÀ LÀO

Điều 15

a) Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ và Chính phủ Việt Nam Cộng hoà triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào đã được các Hiệp định Gionevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Gionevơ năm 1962 về Lào công nhận: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các Quốc gia đó. Các Chính phủ nói trên tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ và Chính phủ Việt Nam Cộng hoà cam kết không dùng lãnh thổ của Campuchia và Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác.

b) Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Lào và Campuchia, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c) Công việc nội bộ của Campuchia và Lào do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d) Những vấn đề liên quan giữa ba nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Chương VIII

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ VÀ MỸ

Điều 16

Nước Mỹ mong rằng Hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hoà giải với Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà cũng như với tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Thi hành chính sách truyền thống của mình, nước Mỹ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và toàn Đông Dương.

Điều 17

Việc chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam và việc thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định này sẽ tạo điều kiện thiết lập những quan hệ mới bình đẳng và cùng có lợi giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và không can thiệp vào công việc

nội bộ của nhau. Đồng thời, những việc đó sẽ bảo đảm hoà bình vững chắc ở Việt Nam và góp phần giữ gìn hoà bình lâu dài ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Chương IX
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 18
Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định này.
Làm tại Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973, bằng tiếng Việt Nam, tiếng Anh và tiếng Pháp. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh là những bản chính thức và có giá trị như nhau. Bản tiếng Pháp để tham khảo sẽ soạn thảo sau.

PHỤ LỤC V - HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với sự thoả thuận của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.
Chính phủ Hoa Kỳ với sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà.
Nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng cố hoà bình ở châu Á và thế giới.
Đã thoả thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây;

Chương I
CÁC QUYỀN DÂN TỘC CƠ BẢN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 1
Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm một nghìn chín trăm năm mươi tư (1954) về Việt Nam đã công nhận.

Chương II
CHẤM DỨT CHIẾN SỰ - RÚT QUÂN

Điều 2
Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ hai mươi bốn giờ (24 giờ - giờ GMT) ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.
Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Hoa Kỳ sẽ tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ tất cả những mìn ở vùng biên, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc Việt Nam ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Việc chấm dứt hoàn toàn chiến sự nói trong điều này là vững chắc và không thời hạn.

Điều 3

Các bên cam kết giữ vững ngừng bắn, bảo đảm hoà bình lâu dài và vững chắc.

Bắt đầu từ khi ngừng bắn:

a) Các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đồng minh của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng hoà sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch rút quân. Ban Liên hợp quân sự bốn bên nói trong Điều 16 sẽ qui định những thể thức.

b) Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình. Ban Liên hợp quân sự hai bên nói trong Điều 17 sẽ qui định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân.

c) Các lực lượng chính quy thuộc mọi quân chủng và binh chủng và các lực lượng không chính quy của các bên ở miền Nam Việt Nam phải ngừng mọi hoạt động tấn công nhau và triệt để tuân theo những điều qui định sau đây:

- Ngăn cấm mọi hoạt động vũ lực trên bộ, trên không và trên biển .
- Ngăn cấm mọi hoạt động đối địch, khủng bố và trả thù của cả hai bên.

Điều 4

Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Điều 5

Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này, sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a). Cố vấn quân sự của các nước nói trên cho tất cả các tổ chức bán quân sự và lực lượng cảnh sát cũng sẽ rút trong thời hạn đó.

Điều 6

Việc huỷ bỏ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a) sẽ hoàn thành trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này.

Điều 7

Từ khi thực hiện ngừng bắn cho đến khi thành lập Chính phủ nói ở Điều 9 (b) và Điều 14 của Hiệp định này, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Hai bên miền Nam Việt Nam được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị phá huỷ, hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, có sự giám sát của Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Chương III

VIỆC TRAO TRẢ NHÂN VIÊN QUÂN SỰ BỊ BẮT, THƯỜNG DÂN NƯỚC NGOÀI BỊ BẮT VÀ NHÂN VIÊN DÂN SỰ VIỆT NAM BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

Điều 8

a) Việc trao trả nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành không chậm hơn ngày hoàn thành việc rút quân nói trong Điều 5. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài bị bắt nói trên vào ngày ký kết Hiệp định này.

b) Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mồ mả của những người bị chết, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có những biện pháp khác cần thiết để tìm kiếm tin tức những người còn coi là mất tích trong chiến đấu.

c) Vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở những nguyên tắc của Điều 21 (b) của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 1954. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình.

Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Chương IV

VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 9

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Hoa Kỳ cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam sau đây:

a) Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng.

b) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

c) Các nước ngoài sẽ không áp đặt bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào đối với nhân dân miền Nam Việt Nam.

Điều 10

Hai bên miền Nam Việt Nam cam kết tôn trọng ngừng bắn và giữ vững hoà bình ở miền Nam Việt Nam, giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.

Điều 11

Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

- Thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, xoá bỏ thù hận, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia.
- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

Điều 12

a) Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau. Hội đồng sẽ làm việc theo nguyên tắc nhất trí. Sau khi Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc nhậm chức, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương về việc thành lập các Hội đồng cấp dưới. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ký một Hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt, và sẽ làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam là hoà bình, độc lập và dân chủ.

b) Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc có nhiệm vụ đôn đốc hai bên miền Nam Việt Nam thi hành Hiệp định này, thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ. Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ như đã nói trong Điều 9 (b) và qui định thủ tục và thể thức của cuộc tổng tuyển cử này. Các cơ quan quyền lực mà cuộc tổng tuyển cử đó sẽ bầu ra sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam thông qua hiệp thương mà thoả thuận. Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc cũng sẽ qui định thủ tục và thể thức tuyển cử địa phương theo như hai bên miền Nam Việt Nam thoả thuận.

Điều 13

Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh. Trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận có các biện pháp giảm số quân của họ và phục viên số quân đã giảm. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hoàn thành việc đó càng sớm càng tốt.

Điều 14

Miền Nam Việt Nam sẽ thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, độc lập. Miền Nam Việt Nam sẵn sàng thiết lập quan hệ với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị và xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều kiện chính trị. Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam Việt Nam sẽ thuộc thẩm quyền của Chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói trong Điều 9 (b).

Chương V

VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NƯỚC VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA MIỀN BẮC VÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 15

Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở bàn bạc và thoả thuận giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do miền Bắc và miền Nam Việt Nam thoả thuận.

Trong khi chờ đợi thống nhất:

a) Giới tuyến quân sự giữa hai miền tại vĩ tuyến 17 chỉ là tạm thời và không phải là một ranh

giới về chính trị hoặc về lãnh thổ, như qui định trong đoạn 6 của Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ năm 1954.

b) Miền Bắc và miền Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời.

c) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề sẽ được thương lượng, có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời.

d) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào và không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, Cố vấn quân sự và nhân viên quân sự trên đất mình, như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam qui định.

Chương VI

CÁC BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ, ỦY BAN QUỐC TẾ KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT - HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Điều 16

a) Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam.
- Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này.
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam.
- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a)
- Điều 6 về việc huỷ bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a)
- Điều 8 (a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt.
- Điều 8 (b) về việc các bên giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu.

b) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí. Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ bắt đầu hoạt động ngay sau khi ký kết Hiệp định này và chấm dứt hoạt động trong thời hạn sáu mươi ngày, sau khi việc rút quân của Hoa Kỳ và quân của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a) và việc trao trả nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt đã hoàn thành.

d) Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về tổ chức, thể thức làm việc, phương tiện hoạt động và chi phí của Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Điều 17

a) Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự hai bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của hai bên miền Nam Việt Nam trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban

Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam.

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và tất cả những điều khoản khác của điều này.

- Điều 8 (c) về việc trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam.

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam Việt Nam và phục viên số quân đã giảm.

b) Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Sau khi Hiệp định này được ký kết, Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ thoả thuận ngay những biện pháp và tổ chức nhằm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hoà bình ở miền Nam Việt Nam.

Điều 18

a) Sau khi ký kết Hiệp định này, thành lập ngay Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Cho đến khi Hội nghị Quốc tế nói ở điều 19 có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với bốn bên những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2, về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam.

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam.

- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a)

- Điều 6 về việc huỷ bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a).

- Điều 8 (a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát lập những tổ kiểm soát để làm những nhiệm vụ của mình. Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó.

Các bên sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

c) Cho đến khi Hội nghị Quốc tế có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với hai bên miền Nam Việt Nam những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam. .

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình.

- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và tất cả các điều khoản khác của điều này.

- Điều 8 (c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam.

- Điều 9 (b) về tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam Việt Nam.

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam Việt Nam và phục viên số quân đã giảm.

Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thoả thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Hai bên miền Nam

Việt Nam sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

d) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ gồm đại diện của bốn nước: Ba Lan, Canada, Hunggari, Ấn Độ. Các thành viên của Ủy ban Quốc tế sẽ luân phiên làm chủ tịch trong từng thời gian do Ủy ban Quốc tế quy định.

e) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thi hành nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

f) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí.

g) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ bắt đầu hoạt động khi ngừng bắn có hiệu lực ở Việt Nam. Đối với các điều khoản liên quan đến bốn bên nói trong Điều 18 (b), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình khi nhiệm vụ kiểm soát và giám sát của Ủy ban đối với các điều khoản đó đã hoàn thành. Đối với các điều khoản liên quan đến hai bên miền Nam Việt Nam nói ở Điều 18 (c), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình theo yêu cầu của Chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói ở Điều 9 (b).

h) Bốn bên thoả thuận ngay về tổ chức, phương tiện hoạt động và chi phí của Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Mọi quan hệ giữa Ủy ban Quốc tế và Hội nghị Quốc tế sẽ do Ủy ban Quốc tế và Hội nghị Quốc tế thoả thuận.

Điều 19

Các bên thoả thuận về việc triệu tập một Hội nghị Quốc tế trong vòng ba mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này để ghi nhận các Hiệp định đã ký kết; bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hoà bình ở Việt Nam, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; góp phần vào hoà bình và bảo đảm hoà bình ở Đông Dương.

Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Hoa Kỳ, thay mặt các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam, sẽ đề nghị các bên sau đây tham gia Hội nghị Quốc tế này: Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Cộng hoà Pháp, Liên bang Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết, Liên hiệp Vương quốc Anh, bốn nước trong Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, cùng với các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Chương VII ĐỐI VỚI CAMPUCHIA VÀ LÀO

Điều 20

a) Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam phải triệt để tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Campuchia và Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước đó. Các bên phải tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào.

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam cam kết không dùng lãnh thổ của Campuchia và lãnh thổ của Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của nhau và của các nước khác.

b) Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Campuchia và Lào, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c) Công việc nội bộ của Campuchia và Lào phải do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d) Những vấn đề liên quan giữa các nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc

nội bộ của nhau.

Chương VIII
QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ VÀ HOA KỲ

Điều 21

Hoa Kỳ mong rằng Hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hoà giải với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng như với tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Theo chính sách truyền thống của mình, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và toàn Đông Dương.

Điều 22

Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và việc thực hiện triệt để Hiệp định này sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời, những việc đó sẽ bảo đảm hoà bình vững chắc ở Việt Nam và góp phần giữ gìn hoà bình lâu dài ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Chương IX
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 23

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam sẽ có hiệu lực khi văn kiện này được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký và khi một văn kiện cùng nội dung được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Cộng hoà ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Hiệp định này và các Nghị định thư của Hiệp định.

Làm tại Paris, ngày 27 tháng giêng năm 1973 bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như sau.

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ HOA KỲ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

PHỤ LỤC VI - HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH - LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng cố hoà bình ở châu Á và thế giới.

Đã thoả thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

(Từ điều 1 đến điều 22, giống như điều 1 đến điều 22 của Hiệp định do hai bên ký - Phụ lục V).

Chương IX NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 23

Hiệp định này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Hiệp định này và các Nghị định thư của Hiệp định.

Làm tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HOÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình

THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOA KỲ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao William P.Rogers

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Tổng trưởng Ngoại giao Trần Văn Lắm

PHỤ LỤC VII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với sự thoả thuận của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Chính phủ Hoa Kỳ với sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà.

Thực hiện đoạn đầu Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 16 và Điều 17 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này, qui định việc ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và việc thành lập các Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên.

Đã thoả thuận như sau:

Về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam

Điều 1

Các Bộ chỉ huy của các bên ở miền Nam Việt Nam phải nhanh chóng và kịp thời ra lệnh cho tất cả các lực lượng vũ trang chính quy, không chính quy và cảnh sát vũ trang dưới quyền mình chấm dứt hoàn toàn chiến sự trên khắp miền Nam Việt Nam đúng vào ngày giờ quy định trong Điều 2 của Hiệp định và sẽ bảo đảm tất cả các lực lượng vũ trang và cảnh sát vũ trang đó tuân theo các lệnh trên và tôn trọng ngừng bắn.

Điều 2

a) Bắt đầu từ khi ngừng bắn có hiệu lực cho đến khi có quy định của các Ban Liên hợp quân sự, tất cả các lực lượng chiến đấu trên bộ, trên sông, trên biển và trên không của các bên ở miền Nam Việt Nam ở nguyên vị trí của mình; nghĩa là để bảo đảm ngừng bắn vững chắc, sẽ không có sự bố trí lại lực lượng lớn hoặc không có sự di chuyển nào mở rộng vùng kiểm soát của mỗi bên, hoặc dẫn tới sự tiếp xúc giữa các lực lượng vũ trang đối địch và các hành động xung đột có thể xảy ra.

b) Mọi lực lượng vũ trang chính quy, không chính quy và cảnh sát vũ trang của các bên ở miền Nam Việt Nam phải tuân theo những điều cấm chỉ sau đây:

1- Cấm các cuộc tuần tra vũ trang sang vùng do lực lượng vũ trang đối phương kiểm soát và cấm những chuyến bay của các loại máy bay ném bom, máy bay chiến đấu trừ những chuyến bay không vũ trang với mục đích huấn luyện và bảo quản.

2- Cấm tấn công vũ trang vào bất cứ người nào, quân sự hoặc dân sự, bằng bất cứ phương tiện nào, kể cả sử dụng vũ khí nhỏ, súng cối, đại bác, ném bom, bắn phá bằng máy bay và bất cứ vũ khí hoặc vật có thể nổ khác.

3- Cấm tiến hành mọi cuộc hành quân chiến đấu trên bộ, trên sông, trên biển và trên không.

4- Cấm các hành động đối địch, khủng bố và trả thù.

5- Cấm mọi hành động xâm phạm đến tính mạng và tài sản công và tư.

Điều 3

a) Những điều ngăn cấm nói trên không được cản trở hoặc hạn chế.

1- Việc tiếp tế dân sự, việc tự do đi lại, tự do làm ăn sinh sống, tự do buôn bán của nhân dân và giao thông vận tải dân sự giữa tất cả các vùng ở miền Nam Việt Nam.

2- Mỗi bên trong vùng kiểm soát của mình sử dụng những đơn vị hậu cần như đơn vị công binh và vận tải trong việc sửa chữa và xây dựng những tiện nghi công cộng và việc vận chuyển, tiếp tế cho nhân dân.

3- Mỗi bên trong vùng kiểm soát của mình tiến hành việc huấn luyện quân sự bình thường, khi tiến hành có chú ý tới an toàn công cộng.

b) Các Ban Liên hợp quân sự sẽ thoả thuận ngay về các hành lang, các tuyến đường và các quy định khác cho việc di chuyển của các máy bay vận tải quân sự, các loại xe vận tải quân sự và tàu thuyền vận tải quân sự của bên này phải đi qua vùng do các bên kia kiểm soát.

Điều 4

Để tránh xung đột và để bảo đảm sinh hoạt bình thường của các lực lượng vũ trang ở những nơi đang trực tiếp tiếp xúc, và trong khi chờ đợi việc quy định của các Ban Liên hợp quân sự, ngay sau khi ngừng bắn có hiệu lực, những người chỉ huy của các lực lượng vũ trang đối diện nhau và đang trực tiếp tiếp xúc ở những nơi đó sẽ gặp nhau để đi tới thoả thuận về các biện pháp tạm thời nhằm tránh xung đột và bảo đảm việc tiếp tế, cứu thương cho các lực lượng vũ trang đó.

Điều 5

a) Trong vòng mười lăm ngày kể từ khi ngừng bắn có hiệu lực mỗi bên phải làm hết sức mình để hoàn thành việc tháo gỡ hoặc làm mất hiệu lực những vật gây huỷ hoại, bãi mìn, cạm bẫy, các vật chướng ngại và các vật nguy hiểm khác đặt từ trước để khỏi làm trở ngại cho sự đi lại, làm ăn của nhân dân, trước hết trên các đường thuỷ, đường bộ và đường sắt ở miền Nam Việt Nam. Những mìn không thể tháo gỡ hoặc làm mất hiệu lực trong thời gian đó phải được đánh dấu rõ ràng và phải tiếp tục tháo gỡ hoặc làm mất hiệu lực cho xong càng sớm càng tốt.

b) Cấm đặt mìn, trù trường hợp phòng thủ sát chung quanh các cơ sở quân sự, ở những nơi không làm trở ngại cho sự đi lại, làm ăn của nhân dân và sự đi lại trên các đường thuỷ, đường bộ và đường sắt. Có thể để lại những mìn và những vật chướng ngại khác đã đặt từ trước sát chung quanh các cơ sở quân sự, ở những nơi không làm trở ngại cho sự đi lại, làm ăn của nhân dân và sự đi lại trên các đường thuỷ, đường bộ và đường sắt.

Điều 6

Cảnh sát dân sự và nhân viên an ninh dân sự của các bên miền Nam Việt Nam có trách nhiệm duy trì trật tự trị an, phải triệt để tôn trọng những điều ngăn cấm nêu ở Điều 2 của Nghị định thư này. Theo nhu cầu nhiệm vụ, bình thường họ sẽ được phép mang súng ngắn, nhưng khi hoàn cảnh đặc biệt đòi hỏi, thì họ được phép mang vũ khí cá nhân cỡ nhỏ khác.

Điều 7

a) Việc đưa vào thay thế vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh ở miền Nam Việt Nam theo Điều 7 của Hiệp định sẽ được tiến hành dưới sự giám sát và kiểm soát của Ban Liên hợp quân sự hai bên và Uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và chỉ qua những cửa khẩu do hai bên miền Nam Việt Nam chỉ định. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thoả thuận về các cửa khẩu này trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Hai bên miền Nam Việt Nam có thể chọn nhiều nhất là sáu cửa khẩu không nằm trong danh sách các địa điểm sẽ có tổ của Uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát đóng, như nói rõ trong Điều 4 (d) trong Nghị định thư về Uỷ ban Quốc tế. Đồng thời hai bên miền Nam Việt Nam cũng có thể chọn các cửa khẩu trong danh sách các địa điểm nói rõ trong Điều 4 (d) của Nghị định thư đó.

b) Những cửa khẩu đã quy định chỉ được dùng cho bên miền Nam Việt Nam nào kiểm soát cửa khẩu đó. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ có một số cửa khẩu ngang nhau.

Điều 8

a) Thực hiện Điều 5 của Hiệp định, Hoa Kỳ và các nước ngoài khác nói trong Điều 5 của Hiệp định sẽ mang đi với họ mọi vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của họ.

Sau khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, không được chuyển giao những thứ nói trên nhằm để lại những thứ đó ở miền Nam Việt Nam, trừ trường hợp chuyển giao những dụng cụ thông tin, vận tải và những dụng cụ khác không phải để chiến đấu cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên hoặc Uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Trong vòng năm ngày sau khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực Hoa Kỳ sẽ báo cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát biết những chương trình chung về thời gian biểu cho việc rút hoàn toàn quân đội sẽ được tiến hành làm bốn đợt, mỗi đợt mười lăm ngày. Dự kiến là số quân rút trong các đợt không khác nhau nhiều mặc dầu không thể bảo đảm các số quân đó ngang nhau. Số quân đại thể rút trong mỗi đợt sẽ được báo cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế trước một thời gian đủ để cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế có thể thực hiện một cách thích đáng nhiệm vụ của họ đối với vấn đề này.

Điều 9

a) Thực hiện Điều 6 của Hiệp định, Hoa Kỳ và các nước ngoài khác nói trong điều này sẽ tháo dỡ và chuyển ra khỏi miền Nam Việt Nam hoặc phá huỷ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài nói trong điều đó, kể cả những vũ khí, mìn và những thiết bị quân sự khác tại những căn cứ này, để không được dùng vào những mục đích quân sự.

b) Hoa Kỳ sẽ cung cấp cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát những thông báo cần thiết về kế hoạch huỷ bỏ căn cứ để các Ban đó có thể thi hành một cách thích đáng nhiệm vụ của họ đối với những việc đó.

Về các Ban Liên hợp quân sự

Điều 10

a) Việc thi hành Hiệp định là trách nhiệm của các bên ký kết. Ban Liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện Hiệp định bằng cách giữ mỗi liên lạc giữa các bên, bằng cách đặt những kế hoạch và quy định những thể thức thực hiện, phối hợp, theo dõi và kiểm tra sự thực hiện các điều khoản nói trong Điều 16 của Hiệp định, và bằng cách thương lượng và giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến việc thi hành những điều khoản đó.

b) Những nhiệm vụ cụ thể của Ban Liên hợp quân sự bốn bên là: .

1- Phối hợp, theo dõi và kiểm tra bốn bên trong việc thực hiện các điều khoản nói trên của Hiệp định.

2- Ngăn ngừa vi phạm và phát hiện vi phạm, giải quyết các trường hợp vi phạm và các vụ xung đột, tranh chấp giữa các bên về các điều khoản nói trên.

3- Sẽ tuyền trường hợp cử ngay không trì hoãn một hay nhiều tổ liên hợp đi bất kỳ nơi nào trong phạm vi miền Nam Việt Nam để điều tra những điều cho là vi phạm Hiệp định và giúp các bên tìm biện pháp tránh những trường hợp tương tự xảy ra

4- Tiến hành quan sát tại những nơi cần thiết để thực hiện chức năng của mình.

5- Thực hiện những nhiệm vụ mà Ban nhất trí quyết định đảm nhiệm thêm.

Điều 11

a) Sẽ có một Ban Liên hợp quân sự Trung ương đóng tại Sài Gòn. Mỗi bên sẽ chỉ định ngay một đoàn Đại biểu quân sự gồm năm mươi chín người để đại diện cho mình ở Ban Trung ương. Sĩ quan đứng đầu do mỗi bên chỉ định sẽ là một sĩ quan cấp tướng hoặc tương đương.

b) Sẽ có bảy Ban Liên hợp quân sự khu vực đóng tại các vùng ghi trong bản đồ kèm theo và đóng ở các địa điểm sau đây:

Khu vực I: Huế;

Khu vực II: Đà Nẵng;

Khu vực III: Pleiku;

Khu vực IV: Phan Thiết;

Khu vực V: Biên Hoà;

Khu vực VI: Mỹ Tho;

Khu vực VII: Cần Thơ.

Mỗi bên sẽ chỉ định một đoàn Đại biểu quân sự gồm mười sáu người để đại diện cho mình ở Ban Liên hợp quân sự khu vực. Sĩ quan đứng đầu do mỗi bên chỉ định sẽ là một sĩ quan từ cấp trung tá đến đại tá hoặc tương đương.

c) Sẽ có một số tổ liên hợp quân sự hoạt động ở mỗi địa phương ghi trong biểu đồ kèm theo và đóng tại mỗi địa điểm sau đây ở miền Nam Việt Nam:

Khu vực I: Quảng Trị, Phú Bài

Khu vực II: Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai

Khu vực III: Kontum, Hậu Bồn, Phù Cát, Tuy An, Ninh Hoà, Ban Mê Thuột

Khu vực IV: Đà Lạt, Bảo Lộc, Phan Rang

Khu vực V: An Lộc, Xuân Lộc, Bến Cát, Củ Chi, Tân An

Khu vực VI: Mộc Hoá, Giồng Trôm

Khu vực VII: Tri Tôn, Vĩnh Long, Khánh Hưng, Vị Thanh, Quản Long.

Mỗi bên sẽ cử bốn người có thẩm quyền vào mỗi tổ liên hợp quân sự. Người đứng đầu do mỗi bên chỉ định sẽ là một sĩ quan từ cấp thiếu tá đến trung tá hoặc tương đương.

d) Các Ban Liên hợp quân sự khu vực sẽ giúp đỡ Ban Liên hợp quân sự Trung ương làm nhiệm vụ của Ban và sẽ giám sát hoạt động của các tổ liên hợp quân sự. Vùng Sài Gòn - Gia Định do Ban Liên hợp quân sự Trung ương chịu trách nhiệm và Ban Liên hợp quân sự Trung ương sẽ chỉ định các tổ liên hợp quân sự để hoạt động trong vùng này.

e) Mỗi bên sẽ được cung cấp nhân viên giúp việc và cảnh vệ cho các phái đoàn của mình ở Ban Liên hợp quân sự Trung ương và các Ban Liên hợp quân sự khu vực và cho các thành viên của mình ở các tổ liên hợp quân sự. Tổng số nhân viên giúp việc và cảnh vệ của mỗi bên sẽ không quá năm trăm năm mươi người.

f) Ban Liên hợp quân sự Trung ương có thể lập những tiểu ban Liên hợp, Nhóm Liên hợp và các tổ liên hợp quân sự tùy theo hoàn cảnh. Ban Trung ương sẽ quyết định số nhân viên cần thiết cho các tiểu ban, các nhóm hoặc các tổ mà Ban lập thêm, mỗi ban sẽ cử một phần tư số nhân viên của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, bao gồm tất cả các nhóm, các tổ và nhân viên giúp việc của Ban, sẽ không quá ba nghìn ba trăm người.

g) Các đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam có thể thành lập qua sự thoả thuận với nhau những tiểu ban và những tổ liên hợp quân sự lâm thời để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể quy định cho họ theo Điều 17 của Hiệp định.

Đối với Điều 7 của Hiệp định, hai đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ lập những tổ liên hợp quân sự tại những cửa khẩu vào miền Nam Việt Nam dùng cho việc thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh quy định theo Điều 7 của Nghị định thư này.

Từ khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên có thể hoạt động, các đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ thành lập một tiểu ban và các tổ liên hợp quân sự lâm thời để thực hiện nhiệm vụ đối với những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ. Khi cần thiết để làm những việc trên hai bên miền Nam Việt Nam có thể thoả thuận về việc cử số nhân viên thêm vào số nhân viên đã quy định cho những đoàn Đại biểu của hai bên trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Điều 12

a) Theo Điều 17 của hiệp định quy định hai bên miền Nam Việt Nam cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự hai bên, hai mươi bốn giờ sau khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực, các đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam được chỉ định vào Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ gặp nhau ở Sài Gòn để thoả thuận càng sớm càng tốt về tổ chức hoạt động của Ban Liên hợp quân sự hai bên, cũng như các biện pháp và tổ chức nhằm bảo đảm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hoà bình ở miền Nam Việt Nam.

b) Từ khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên có thể hoạt động được, hai đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên các cấp sẽ đồng thời làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên các cấp ngoài nhiệm vụ của họ là những đoàn Đại biểu trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

c) Nếu đến lúc Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động theo Điều 16 của Hiệp định mà chưa đạt được sự thoả thuận về tổ chức của Ban Liên hợp quân sự hai bên, thì các đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam làm việc trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở các cấp sẽ tiếp tục làm việc tạm thời với nhau như là một Ban Liên hợp quân sự hai bên lâm thời và làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên ở các cấp cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên bắt đầu hoạt động được.

Điều 13

Thi hành nguyên tắc nhất trí, các Ban Liên hợp quân sự sẽ không có chủ tịch, và các cuộc họp của Ban sẽ được triệu tập theo yêu cầu của bất cứ Đại biểu nào. Các Ban Liên hợp quân sự sẽ thông qua những thể thức làm việc thích hợp để thi hành chức năng và nhiệm vụ của các Ban một cách có hiệu quả.

Điều 14

Các Ban Liên hợp quân sự và ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau trong khi thi hành nhiệm vụ của mình. Mỗi Ban Liên hợp quân sự sẽ thông báo cho Ủy ban Quốc tế về việc thi hành những điều khoản trong Hiệp định mà Ban Liên hợp quân sự đó có trách nhiệm và thuộc thẩm quyền của Ủy ban Quốc tế. Mỗi Ban Liên hợp quân sự có thể yêu cầu Ủy ban Quốc tế tiến hành những hoạt động quan sát cụ thể.

Điều 15

Ban Liên hợp quân sự Trung ương bốn bên bắt đầu hoạt động hai mươi bốn giờ (24 giờ) sau khi ngừng bắn có hiệu lực. Các Ban Liên hợp quân sự khu vực bắt đầu hoạt động bốn mươi tám giờ (48 giờ) sau khi ngừng bắn có hiệu lực. Các tổ liên hợp quân sự đóng tại địa điểm ghi trong Điều 11 (c) của Nghị định thư này sẽ bắt đầu hoạt động chậm nhất là mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực. Các đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ đồng thời bắt đầu làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên như Điều 12 của Nghị định thư này quy định.

Điều 16

a) Các bên phải dành mọi sự bảo vệ đầy đủ và mọi sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết cho Ban Liên hợp quân sự các cấp trong việc thi hành nhiệm vụ của họ.

b) Các Ban Liên hợp quân sự và nhân viên của các Ban này trong khi thi hành nhiệm vụ được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ tương đương với quyền dành cho các phái đoàn ngoại giao và nhân viên ngoại giao.

c) Nhân viên của Ban Liên hợp quân sự được mang súng ngắn và mang phù hiệu riêng do mỗi

Ban Liên hợp quân sự Trung ương quy định. Những nhân viên của mỗi bên trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, nhà ở hoặc thiết bị của mình, có thể được mang những vũ khí cá nhân cỡ nhỏ khác, theo sự quy định của mỗi Ban Liên hợp quân sự Trung ương.

Điều 17

a) Đoàn Đại biểu của mỗi bên trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ban Liên hợp quân sự hai bên có cơ quan, phương tiện thông tin và hậu cần, phương tiện giao thông riêng của mình, kể cả máy bay khi cần thiết.

b) Mỗi bên trong các vùng kiểm soát của mình sẽ cung cấp trụ sở, nhà ở và những tiện nghi thích hợp cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ban Liên hợp quân sự hai bên các cấp.

c) Các bên sẽ cố gắng cung cấp dưới hình thức cho mượn, cho thuê hoặc tặng cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ban Liên hợp quân sự hai bên những phương tiện hoạt động chung gồm những thiết bị thông tin, tiếp tế vận tải kể cả máy bay khi cần thiết. Các Ban Liên hợp quân sự có thể mua từ bất cứ nguồn nào những phương tiện thiết bị cần thiết và thuê người giúp việc cần thiết mà các bên không cung cấp được. Các Ban Liên hợp quân sự sẽ sở hữu và sử dụng các phương tiện thiết bị đó.

d) Những phương tiện và thiết bị chung trên đây sẽ trả lại cho các bên khi các Ban Liên hợp quân sự chấm dứt hoạt động.

Điều 18

Những chi phí chung cho các Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ do bốn bên chia đều nhau chịu và những chi phí chung cho Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên chia đều nhau chịu.

Điều 19

Nghị định thư của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự sẽ có hiệu lực khi văn kiện này được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký và khi một văn kiện cùng nội dung được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Cộng hoà ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng Giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT

CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT

CHÍNH PHỦ HOA KỲ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

William P. Rogers

PHỤ LỤC VIII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam

Thực hiện đoạn đầu Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 16, Điều 17 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này, quy định việc ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và việc thành lập các Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên.

Đã thoả thuận như sau:

(Từ Điều 1 đến Điều 18, giống như từ Điều 1 đến Điều 18 của Nghị định thư hai bên ký - Phụ lục VII).

Điều 19

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng Giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HOÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình

THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOA KỲ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao William P. Rogers

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Tổng trưởng Ngoại giao Trần Văn Lắm

PHỤ LỤC IX - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Về việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với sự thoả thuận của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Chính phủ Hoa Kỳ với sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà.

Thực hiện Điều 8 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này quy định việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

Đã thoả thuận như sau:

Việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt và thường dân nước ngoài bị bắt

Điều 1

Các bên ký kết Hiệp định sẽ trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt nói ở Điều 8 (a) của Hiệp định như sau:

- Tất cả nhân viên quân sự của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói ở Điều 3 (a) của Hiệp định bị bắt sẽ được trao trả cho các nhà chức trách của Hoa Kỳ.
- Tất cả các nhân viên quân sự Việt Nam bị bắt, thuộc các lực lượng vũ trang chính quy, sẽ được trao trả cho hai bên miền Nam Việt Nam; những người này phục vụ dưới sự chỉ huy của bên miền Nam Việt Nam nào thì sẽ được trao trả cho bên miền Nam Việt Nam đó.

Điều 2

Tất cả những người thường dân bị bắt thuộc Quốc tịch Hoa Kỳ hoặc của bất cứ nước ngoài nào khác nói trong Điều 3 (a) của Hiệp định sẽ được trao trả cho các nhà chức trách Hoa Kỳ.

Tất cả những người dân nước ngoài khác bị bắt sẽ được trao trả cho những nhà chức trách của nước mà họ là công dân, do một trong các bên ký kết sẵn sàng và có khả năng làm việc đó.

Điều 3

Các bên sẽ trao đổi vào ngày hôm nay danh sách đầy đủ những người bị bắt nói trong Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này.

Điều 4

a) Việc trao trả những người bị bắt nói ở Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này sẽ được hoàn thành trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày ký Hiệp định, với nhịp độ không chậm hơn nhịp độ rút các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác ra khỏi miền Nam Việt Nam nói ở Điều 5 của Hiệp định.

b) Những người ốm nặng, bị thương hoặc tàn phế, những người già và phụ nữ sẽ được trao trả trước, những người còn lại sẽ được trao trả theo cách trao trả hết gọn số người ở từng nơi giam giữ hoặc theo thứ tự bị bắt trước sau, bắt đầu từ người bị giam giữ lâu nhất.

Điều 5

Việc trao trả và tiếp nhận những người nói ở Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này sẽ tiến hành ở những địa điểm thuận tiện cho các bên liên quan. Các địa điểm trao trả sẽ được Ban Liên hợp quân sự bốn bên thoả thuận. Các bên sẽ bảo đảm an toàn cho những nhân viên làm nhiệm vụ trao trả hoặc tiếp nhận những người đó.

Điều 6

Mỗi bên sẽ trao trả hết những người nói trong Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này, không được trì hoãn và sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc trao trả và tiếp nhận họ. Các bên giam giữ không được từ chối hoặc trì hoãn việc trao trả với bất kỳ lý do gì, kể cả lý do người bị bắt đã bị truy tố hoặc bị kết án vì bất cứ nguyên do gì.

Việc trao trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ

Điều 7

a) Vấn đề trao trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở các nguyên tắc của Điều 21 (b) của Hiệp định đình chỉ chiến sự về Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 1954 được viết như sau:

“Danh từ "thường dân giam giữ" có nghĩa là tất cả những người đã tham gia bất cứ dưới hình thức nào vào cuộc đấu tranh vũ trang và chính trị giữa đôi bên, và vì thế mà bị bên này hay bên kia bắt và giam giữ trong khi chiến tranh”

b) Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

c) Trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ trao đổi danh sách các nhân viên dân sự Việt Nam bị mỗi bên bắt và giam giữ và danh sách những nơi giam giữ họ.

Việc đối xử với những người bị bắt trong thời gian họ bị giam giữ

Điều 8

a) Tất cả các nhân viên quân sự của cả hai bên và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ luôn luôn được đối xử nhân đạo và phù hợp với tập quán quốc tế.

Họ sẽ được bảo vệ chống lại mọi hành động bạo lực xúc phạm đến tính mạng và thân thể, nhất là việc giết hại họ bằng mọi hình thức, việc làm cho họ bị tàn phế, việc tra tấn, nhục hình và mọi hành động xúc phạm đến nhân cách, phẩm giá con người. Không được cưỡng ép họ tham gia lực lượng vũ trang của bên giam giữ.

Họ phải được ăn, mặc, ở đầy đủ và được chăm sóc về y tế theo nhu cầu của tình hình sức khoẻ. Họ được phép trao đổi bưu thiếp, thư từ với gia đình và được nhận quà.

b) Tất cả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ luôn luôn được đối xử nhân đạo và phù hợp với tập quán quốc tế.

Họ sẽ được bảo vệ chống lại mọi hành động bạo lực xúc phạm đến tính mạng và thân thể, nhất là việc giết hại họ bằng mọi hình thức, việc làm cho họ bị tàn phế, việc tra tấn, nhục hình và mọi hành động xúc phạm đến nhân cách, phẩm giá con người. Các bên giam giữ không được từ chối hoặc trì hoãn việc trao trả họ với bất kỳ lý do gì kể cả lý do người bị bắt đã bị truy tố hoặc bị kết án vì bất cứ nguyên do gì. Không được cưỡng ép họ tham gia lực lượng vũ trang

của bên giam giữ.

Họ phải được ăn, mặc, ở đầy đủ và được chăm sóc về y tế theo nhu cầu của tình hình sức khoẻ. Họ được phép trao đổi bưu thiếp, thư từ với gia đình và được nhận quà.

Điều 9

a) Để góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt, trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, các bên sẽ thoả thuận và được chỉ định hai Hội Hồng thập tự Quốc gia hoặc nhiều hơn để đi thăm mọi nơi giam giữ nhân viên quân sự bị bắt và thường dân nước ngoài bị bắt.

b) Để góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ, trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thoả thuận về việc chỉ định hai Hội Hồng thập tự Quốc gia hoặc nhiều hơn để đi thăm mọi nơi giam giữ nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

Đối với những người chết và mất tích

Điều 10

a) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ bảo đảm phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện Điều 8(b) của Hiệp định. Khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã chấm dứt hoạt động của mình thì một tổ liên hợp quân sự bốn bên sẽ được duy trì để tiếp tục nhiệm vụ đó.

b) Đối với những nhân viên dân sự Việt Nam bị chết và mất tích ở miền Nam Việt Nam, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những người bị mất tích, xác định vị trí và bảo quản mồ mả của những người bị chết, trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Các điều khoản khác

Điều 11

a) Các Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên có trách nhiệm quy định ngay các thể thức thực hiện các điều khoản của Nghị định thư này phù hợp với trách nhiệm của từng Ban Liên hợp theo Điều 16 (a) và Điều 17 (a) của Hiệp định.

Trong khi thi hành nhiệm vụ của mình, trong trường hợp các Ban Liên hợp quân sự không thể thoả thuận về một vấn đề liên quan đến việc trao trả những người bị bắt thì họ sẽ yêu cầu sự giúp đỡ của Uỷ ban Quốc tế.

b) Ngoài những tổ đã qui định trong Nghị định thư về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự, Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ thành lập một Tiểu ban và những tổ liên hợp quân sự cần thiết về những người bị bắt để giúp Ban làm nhiệm vụ.

c) Từ khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên có thể hoạt động, các đoàn Đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ thành lập một Tiểu ban và những tổ liên hợp quân sự lâm thời để thực hiện nhiệm vụ đối với những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

d) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ cử những tổ liên hợp quân sự để quan sát việc trao trả những người nói trong các Điều 1 và 2 của Nghị định thư này, tại mỗi nơi ở Việt Nam mà những người đó đang được trao trả và tại những nơi giam giữ cuối cùng mà từ đó những người này sẽ được đưa đến những nơi trao trả. Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ cử những tổ liên hợp quân sự để quan sát việc

trao trả những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ tại mỗi nơi ở miền Nam Việt Nam mà những người đó đang được trao trả và tại những nơi giam giữ cuối cùng mà từ đó những người này sẽ được đưa tới những nơi trao trả.

Điều 12

Thực hiện Điều 18 (b) và Điều 18 (c) của Hiệp định, Ủy ban Quốc tế có nhiệm vụ kiểm soát và giám sát việc thi hành những Điều từ 1 đến 7 của Nghị định thư này bằng cách quan sát việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt và thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở mỗi nơi ở Việt Nam có việc trao trả những người đó và ở những nơi giam giữ cuối cùng trước khi những người đó được đưa đến nơi trao trả, bằng cách xem xét các danh sách và điều tra các vụ vi phạm những điều khoản của các Điều nói trên.

Điều 13

Trong vòng năm ngày sau khi ký Nghị định thư này, các bên sẽ công bố và thông báo toàn văn Nghị định thư đến tất cả những người bị bắt nói trong Nghị định thư này mà bên mình đang giam giữ.

Điều 14

Nghị định thư của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam về việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ sẽ có hiệu lực khi văn kiện này được Bộ trưởng Bộ ngoại giao chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký và khi một văn kiện cùng nội dung được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Cộng hoà ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng Giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ HOA KỲ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
William P. Rogers

PHỤ LỤC X - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Về việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Thực hiện Điều 8 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này quy định việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

Đã thoả thuận như sau:

(Từ Điều 1 đến Điều 13, giống như từ Điều 1 đến Điều 13 của Nghị định thư hai bên ký - Phụ lục IX).

Điều 14

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HOÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình

THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOA KỲ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao William P. Rogers

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Tổng trưởng Ngoại giao Trần Văn Lắm

PHỤ LỤC XI - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Về Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát

Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà với sự thoả thuận của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam

Chính phủ Hoa Kỳ với sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà

Thực hiện Điều 18 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này, quy định việc thành lập Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Việc thi hành Hiệp định là trách nhiệm của các bên ký kết. Nhiệm vụ của Ủy ban Quốc tế và kiểm soát giám sát việc thi hành những điều khoản nói trong Điều 18 của Hiệp định. Trong khi thực hiện nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế sẽ:

a) Theo dõi việc thực hiện những điều khoản trên đây của Hiệp định qua liên lạc với các bên và

quan sát tại chỗ những nơi cần thiết.

b) Điều tra các vụ vi phạm những điều khoản thuộc thẩm quyền kiểm soát và giám sát của Ủy ban.

c) Khi cần thiết, hợp tác với các Ban Liên hợp quân sự trong việc ngăn ngừa và phát hiện vi phạm các điều khoản nói trên.

Điều 2

Ủy ban Quốc tế sẽ điều tra những vụ vi phạm các điều khoản nói trong Điều 18 của Hiệp định theo yêu cầu của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, hoặc của Ban Liên hợp quân sự hai bên, hoặc của bất cứ bên nào, hoặc, đối với Điều 9 (b) của Hiệp định về tổng tuyển cử, của Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc, hoặc trong bất cứ trường hợp nào mà Ủy ban Quốc tế có đầy đủ căn cứ khác để cho rằng đã xảy ra vi phạm đối với các điều khoản đó. Cần hiểu rằng, khi tiến hành nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế sẽ hành động với sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết của các bên có liên quan.

Điều 3

a) Khi Ủy ban Quốc tế thấy có một sự vi phạm nghiêm trọng đối với việc thực hiện Hiệp định hoặc thấy có nguy cơ đe dọa hoà bình mà Ủy ban không đi đến một biện pháp thích đáng, thì Ủy ban sẽ báo cáo việc đó cho bốn bên ký kết Hiệp định để bốn bên hiệp thương giải quyết.

b) Theo Điều 18 (f) của Hiệp định, các bản báo cáo của Ủy ban Quốc tế phải được sự nhất trí thoả thuận của đại diện tất cả bốn thành viên. Trong trường hợp không có sự nhất trí, thì Ủy ban sẽ chuyển những ý kiến khác nhau cho bốn bên theo Điều 18 (b) của Hiệp định hoặc cho hai bên theo Điều 18 (c) của Hiệp định, nhưng không được coi đó là báo cáo của Ủy ban.

Điều 4

a) Trụ sở của Ủy ban Quốc tế đặt ở Sài Gòn.

b) Sẽ có bảy tổ khu vực đặt tại các khu vực ghi trong bản đồ kèm theo và đóng tại các địa điểm sau đây:

Khu vực I Huế.

Khu vực II Đà Nẵng

Khu vực III Pleiku

Khu vực IV Phan Thiết

Khu vực V Biên Hoà

Khu vực VI Mỹ Tho.

Khu vực VII Cần Thơ

Ủy ban Quốc tế cử ba tổ cho khu vực Sài Gòn - Gia Định.

c) Sẽ có hai mươi sáu tổ hoạt động trong các địa phương ghi trong bản đồ kèm theo và đóng tại các địa điểm sau đây ở miền Nam Việt Nam.

Khu vực I: Quảng Trị, Phú Bài

Khu vực II: Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai

Khu vực III: Kontum, Hậu Bồn, Phù Cát, Tuy An, Ninh Hoà, Ban Mê Thuột

Khu vực IV: Đà Lạt, Bảo Lộc, Phan Rang

Khu vực V: An Lộc, Xuân Lộc, Bến Cát, Củ Chi, Tân An

Khu vực VI: Mộc Hoá Giồng Trôm

Khu vực VII: Tri Tôn, Vĩnh Long, Khánh Hưng, Vị Thanh, Quản Long.

d) Sẽ có mười hai tổ bố trí theo như bản đồ kèm theo và đóng tại những địa điểm sau đây;

Gio Linh (Hoạt động trong vùng phía Nam giới tuyến quân sự tạm thời)

Lao Bảo

Nha Trang

Vũng Tàu

Xa Mát

Bến Hét

Đức Cơ

Chu Lai

Quy Nhơn

Sân Bay Biên Hoà

Hồng Ngự

Cần Thơ

e) Sẽ có bảy tổ, trong số đó sáu tổ có thể được cử đến các cửa khẩu không nằm trong danh sách nói ở đoạn (d) trên đây, mà được hai bên miền Nam Việt Nam chọn làm nơi cho phép đưa vào miền Nam Việt Nam vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh được phép thay thế theo Điều 7 của Hiệp định. Tổ nào hoặc những tổ nào không cần cho nhiệm vụ nói trên thì có thể dùng vào nhiệm vụ khác phù hợp với trách nhiệm kiểm soát và giám sát của Ủy ban.

f) Sẽ lập bảy tổ kiểm soát và giám sát việc trao trả người của các bên bị bắt và giam giữ.

Điều 5

a) Để thực hiện nhiệm vụ của mình về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt trong Điều 8 (a) của Hiệp định, Ủy ban Quốc tế sẽ trong thời gian tiến hành trao trả, cử một tổ kiểm soát và giám sát tới mỗi nơi ở Việt Nam có việc trao trả những người bị bắt và tới những nơi giam giữ cuối cùng trước khi những người đó được đưa đến nơi trao trả.

b) Để thực hiện nhiệm vụ của mình về việc trao trả những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam nói trong Điều 8 (c) của Hiệp định, ủy ban Quốc tế sẽ, trong thời gian tiến hành trao trả, cử một tổ kiểm soát và giám sát tới mỗi nơi ở miền Nam Việt Nam có việc trao trả những người bị bắt và giam giữ nói trên và tới những nơi giam giữ cuối cùng trước khi những người đó được đưa đến nơi trao trả.

Điều 6

Để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến Điều 9 (b) của Hiệp định về cuộc tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam Việt Nam, Ủy ban Quốc tế sẽ tổ chức thêm những tổ, nếu thấy cần thiết. Ủy ban Quốc tế sẽ thảo luận trước vấn đề này với Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc. Nếu cần có thêm những tổ nhằm mục đích đó, thì những tổ đó sẽ được thành lập ba mươi ngày trước cuộc tổng tuyển cử.

Điều 7

Ủy ban Quốc tế sẽ luôn luôn xem lại vấn đề số nhân viên của mình, và sẽ giảm bớt số tổ, số Đại biểu hoặc số nhân viên khác, hoặc cả hai, khi các tổ, Đại biểu hoặc nhân viên ấy đã hoàn thành nhiệm vụ mà họ đã được giao và không cần cho nhiệm vụ khác, đồng thời Ủy ban Quốc tế giảm các chi phí một cách tương ứng

Điều 8

Mỗi thành viên Ủy ban Quốc tế luôn luôn phải cung cấp số nhân viên có thẩm quyền sau đây:

- a) Một trưởng đoàn và hai mươi sáu người khác cho cơ quan Ủy ban.
- b) Năm người cho mỗi tổ trong số bảy tổ khu vực.
- c) Hai người cho mỗi tổ khác của Ủy ban Quốc tế, trừ các tổ ở Gio Linh và ở Vũng Tàu thì mỗi tổ có ba người.
- d) Một trăm mười sáu người để giúp việc tại cơ quan Ủy ban Quốc tế và các tổ.

Điều 9

- a) Ủy ban Quốc tế, và mỗi tổ của Ủy ban Quốc tế, hành động như một cơ quan thống nhất bao gồm Đại biểu của tất cả bốn thành viên.
- b) Mỗi thành viên có trách nhiệm bảo đảm sự có mặt của các Đại biểu của mình ở tất cả các cấp của Ủy ban Quốc tế. Trong trường hợp một Đại biểu vắng mặt, thành viên hữu quan phải cử người thay thế.

Điều 10

- a) Các bên sẽ dành sự hợp tác, giúp đỡ và bảo vệ đầy đủ cho Ủy ban Quốc tế.
- b) Các bên sẽ thường xuyên giữ liên lạc đều đặn và liên tục với Ủy ban Quốc tế. Trong thời gian tồn tại của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, các đoàn Đại biểu của các bên trong Ban này sẽ đồng thời làm chức năng liên lạc với Ủy ban Quốc tế. Sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã chấm dứt hoạt động, sự liên lạc đó sẽ được duy trì thông qua Ban Liên hợp quân sự hai bên, các phái đoàn liên lạc, hoặc bằng các cách thích hợp khác.
- c) Ủy ban Quốc tế và các Ban Liên hợp quân sự hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau trong khi tiến hành nhiệm vụ của mình.
- d) Tổ đóng hoặc hoạt động ở vùng nào, thì bên có liên quan cử sĩ quan liên lạc bên cạnh tổ để hợp tác và giúp đỡ tổ tiến hành nhiệm vụ kiểm soát và giám sát mà không có sự cản trở. Khi một tổ tiến hành một cuộc điều tra, sĩ quan liên lạc của mỗi bên liên quan sẽ có cơ hội cùng đi với tổ miễn là việc đó không làm trì hoãn cuộc điều tra.
- e) Mỗi bên sẽ thông báo trước với một thời gian hợp lý cho Ủy ban Quốc tế về tất cả những hành động dự định tiến hành có liên quan đến các điều khoản của Hiệp định và Ủy ban Quốc tế phải kiểm soát và giám sát.
- f) Ủy ban Quốc tế, kể cả các tổ, được đi lại quan sát theo sự cần thiết hợp lý để thực hiện đúng đắn nhiệm vụ của mình như đã quy định cho Hiệp định. Trong khi thực hiện các nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế, kể cả các tổ, sẽ được mọi sự giúp đỡ, hợp tác cần thiết của các bên hữu quan.

Điều 11

Trong khi giám sát việc thực hiện tổng tuyển cử tự do và dân chủ nói trong Điều 9 (b) và Điều 12 (b) của Hiệp định theo những thể thức sẽ được thoả thuận giữa Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc với Ủy ban Quốc tế, Ủy ban Quốc tế sẽ được sự hợp tác và giúp đỡ đầy đủ của Hội đồng Quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc.

Điều 12

Ủy ban Quốc tế và nhân viên của Ủy ban có quốc tịch của một nước thành viên, trong khi thi hành nhiệm vụ, sẽ được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ tương đương với quyền dành cho các phái đoàn ngoại giao và nhân viên ngoại giao.

Điều 13

Ủy ban Quốc tế được sử dụng những phương tiện thông tin và vận tải cần thiết để thi hành nhiệm vụ. Mỗi bên miền Nam Việt Nam sẽ cung cấp cho Ủy ban Quốc tế, do Ủy ban quốc tế trả tiền, trụ sở, nhà ở, những tiện nghi thích hợp và sẽ giúp đỡ Ủy ban Quốc tế có các tiện nghi đó. Ủy ban Quốc tế có thể nhận của các bên, theo điều kiện hai bên đều thoả thuận, phương tiện thông tin, vận tải cần thiết và có thể mua từ bất cứ nguồn nào những thiết bị cần thiết và thuê phục vụ cần thiết không nhận được của các bên. Ủy ban Quốc tế sẽ sở hữu các phương tiện nói trên.

Điều 14

Chi phí cho các hoạt động của ủy ban Quốc tế sẽ do các bên và các thành viên Ủy ban Quốc tế chịu theo các điều khoản của Điều này:

- a) Mỗi nước thành viên của Ủy ban Quốc tế sẽ trả lương và phụ cấp cho nhân viên của mình.
- b) Tất cả các chi phí khác của Ủy ban Quốc tế sẽ lấy ở một quỹ do bốn bên đóng góp, mỗi bên hai mươi ba phần trăm (23%) và do các thành viên của Ủy ban Quốc tế đóng góp, mỗi nước hai phần trăm (2%).
- c) Trong vòng ba mươi ngày sau khi Nghị định thư này có hiệu lực, mỗi bên trong bốn bên sẽ cấp cho Ủy ban Quốc tế một số tiền đầu tiên tương đương với bốn triệu năm trăm nghìn (4.500.000) đồng pho-răng Pháp bằng loại tiền có thể đổi ra được; số tiền này sẽ được tính vào số tiền mà bên đó phải trả trong ngân sách đầu tiên.
- d) Ủy ban Quốc tế sẽ dự trù các ngân sách của mình. Sau khi ủy ban Quốc tế thông qua một ngân sách, Ủy ban sẽ chuyển ngân sách đó cho tất cả các bên ký kết Hiệp định để được thông qua. Chỉ sau khi ngân sách đã được bốn bên ký kết Hiệp định thông qua thì các bên đó mới có nghĩa vụ đóng góp. Tuy nhiên, trong trường hợp các bên ký kết Hiệp định chưa thoả thuận được ngân sách mới, Ủy ban Quốc tế sẽ tạm thời chi tiêu theo ngân sách trước trừ các khoản đặc biệt chỉ chi một lần về đặt cơ quan và mua trang bị, và các bên sẽ tiếp tục đóng góp trên cơ sở đó cho đến khi ngân sách mới được thông qua.

Điều 15

- a) Cơ quan Ủy ban Quốc tế sẽ sẵn sàng hoạt động và có mặt ở vị trí hai mươi bốn giờ sau khi ngừng bắn.
- b) Các tổ khu vực sẽ sẵn sàng hoạt động và có mặt ở vị trí và ba tổ kiểm soát và giám sát việc trao trả nhân viên bị bắt và giam giữ sẽ sẵn sàng hoạt động và sẵn sàng được cử đi trong vòng bốn mươi tám giờ sau khi ngừng bắn.
- c) Các tổ khác sẽ sẵn sàng hoạt động và có mặt ở vị trí trong vòng mười lăm đến ba mươi ngày sau khi ngừng bắn.

Điều 16

Các cuộc họp sẽ do chủ tịch triệu tập. Ủy ban Quốc tế sẽ thông qua các thủ tục làm việc khác thích hợp để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình và phù hợp với việc tôn trọng chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

Điều 17

Các thành viên của ủy ban Quốc tế có thể nhận nghĩa vụ theo Nghị định thư này bằng cách gửi công hàm chấp nhận cho bốn bên ký kết Hiệp định. Thành viên nào trong Ủy ban Quốc tế quyết định rút khỏi Ủy ban Quốc tế thì họ có thể làm như vậy bằng cách gửi công hàm trước ba tháng cho bốn bên

ký kết Hiệp định; trong trường hợp đó, bốn bên ký kết Hiệp định sẽ hiệp thương với nhau để thoả thuận về một thành viên thay thế

Điều 18

Nghị định thư của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam về Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ có hiệu lực khi văn kiện này được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký và khi một văn bản cùng nội dung được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Cộng hoà ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ HOA KỲ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
William P. Rogers

PHỤ LỤC XII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

Về ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Thực hiện Điều 18 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này qui định việc thành lập Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Đã thoả thuận như sau:

(Từ Điều 1 đến Điều 17, giống như từ Điều 1 đến Điều 17 của Nghị định thư hai bên ký - Phụ lục XI)

Điều 18

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HOÀ MIỀN NAM VIỆT NAM
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình

THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOA KỲ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao William P. Rogers

THAY MẶT CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HOÀ
Tổng trưởng Ngoại giao Trần Văn Lắm

PHỤ LỤC XIII - NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

**Về tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ mìn ở vùng biển, các cảng, sông ngòi Việt Nam
Dân chủ Cộng hoà**

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà,

Chính phủ Hoa Kỳ,

Thực hiện đoạn hai Điều 2 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam
ký vào ngày này,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Hoa Kỳ sẽ quét sạch tất cả mìn mà Hoa Kỳ đã đặt tại vùng biển, các cảng, sông ngòi Việt Nam Dân chủ cộng hoà. Việc quét sạch mìn này sẽ thực hiện bằng cách làm mất tác dụng thông qua việc tháo vót, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ.

Điều 2

Nhằm bảo đảm an toàn lâu dài cho người và tàu thuyền qua lại bảo vệ các công trình quan trọng, sẽ tiến hành tháo vót hoặc phá huỷ mìn trên những khu vực theo yêu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và những nơi nào không tháo vót được hoặc phá huỷ thì làm mất hiệu lực vĩnh viễn, cần đánh dấu những nơi có mìn đã làm mất hiệu lực.

Điều 3

Công việc quét sạch mìn sẽ bắt đầu vào hai mươi bốn giờ (24 giờ giờ GMT) ngày 27 tháng giêng năm 1973. Đại diện của hai bên sẽ gặp nhau ngay trao đổi những yếu tố có liên quan để thoả thuận về thời gian phấn đấu hoàn thành sớm nhất việc quét sạch mìn.

Điều 4

Công việc quét sạch mìn sẽ tiến hành theo ưu tiên và thời gian được hai bên thoả thuận. Nhằm mục đích đó, Đại biểu của hai bên sẽ sớm gặp nhau để thoả thuận về chương trình và kế hoạch thực hiện.

Nhằm mục đích này:

- a) Hoa Kỳ sẽ cung cấp kế hoạch của mình trong công việc quét sạch mìn, kể cả những bản đồ những bãi mìn và tài liệu về chủng loại, số lượng và tính năng mìn.
- b) Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ cung cấp bản đồ, tài liệu thuỷ văn mình có và nêu rõ những chỗ có mìn, vật có thể gây nguy hiểm cho công việc quét sạch mìn mà Việt Nam Dân chủ Cộng hoà biết.
- c) Hai bên sẽ thoả thuận về thời gian thực hiện mỗi bộ phận trong kế hoạch và kịp thời thông báo cho công chúng ít ra bốn mươi tám tiếng đồng hồ trước khi bắt đầu công việc quét sạch mìn cho bộ phận đó.

Điều 5

Hoa Kỳ sẽ chịu trách nhiệm về việc quét sạch mìn tại các sông ngòi thuộc nội địa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ tích cực tham gia với hết khả năng của mình vào việc quét sạch mìn cùng với sự cung cấp của Hoa Kỳ về phương tiện để xác định vị trí mìn, phương tiện tháo vót, phá huỷ mìn, và sự hướng dẫn kỹ thuật.

Điều 6

Nhằm bảo đảm an toàn cho người và tàu thuyền đi lại trên sông, trên biển, trong quá trình tiến hành việc quét sạch mìn, Hoa Kỳ sẽ kịp thời thông báo tin tức về sự tiến triển của công việc quét sạch mìn tại mỗi khu vực và những mìn còn lại sẽ phải phá huỷ. Hoa Kỳ sẽ ra một thông cáo khi công việc đã hoàn thành.

Điều 7

Trong khi tiến hành công việc quét sạch mìn, các nhân viên Hoa Kỳ tham gia việc quét sạch mìn sẽ tôn trọng chủ quyền của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sẽ không có hoạt động gì không phù hợp với Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam và Nghị định thư này. Các nhân viên Hoa Kỳ tham gia việc quét sạch mìn sẽ được miễn trừ về mặt pháp lý đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong thời gian làm nhiệm vụ quét mìn.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ bảo đảm an toàn cho các nhân viên Hoa Kỳ trong thời gian họ ở trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để làm công tác quét sạch mìn, và sẽ cung cấp cho các nhân viên đó mọi sự giúp đỡ có thể được và những phương tiện tại Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà hai bên đã thoả thuận.

Điều 8

Nghị định thư của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam về việc quét sạch mìn Mỹ tại các vùng biển, cảng, cửa sông Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ có hiệu lực khi được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký. Hai bên sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Nguyễn Duy Trinh

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ HOA KỲ
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
William P.Rogers

PHỤ LỤC XIV - CÁC HIỂU BIẾT

1- Về tàu chở máy bay

Vì cuộc xung đột kéo dài nay đang đi đến kết thúc ở Việt Nam và nhằm đóng góp vào việc làm giảm căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, phía Hoa Kỳ tuyên bố ý định chắc chắn của mình là đậu các tàu chở máy bay của Hoa Kỳ cách bờ biển miền Bắc Việt Nam ít nhất là 300 hải lý sau cuộc rút các lực lượng vũ trang của Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tuyên bố này tất nhiên không ảnh hưởng đến việc quá cảnh.

Thoả thuận ngày 13 tháng 1 năm 1973

2- Về việc Mỹ chấm dứt trinh sát đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Về những hoạt động trinh sát, phía Mỹ khẳng định rằng khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam có hiệu lực thì những hoạt động trinh sát đối với lãnh thổ Việt Nam Dân chủ cộng hoà sẽ chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn.

Thoả thuận ngày 12 tháng 1 năm 1973

Đúng như thoả thuận ngày 12 tháng 12 năm 1972

3- Về nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam

Phía Hoa Kỳ khẳng định lại lời tuyên bố của Tiến sĩ Henry A.Kissinger, phụ tá của Tổng thống Hoa Kỳ, ngày 17 tháng 10 năm 1972 là Hoa Kỳ sẽ dùng ảnh hưởng tối đa của mình để đạt được việc trao trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam. Trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc giữa hai bên miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ dùng ảnh hưởng đó để thúc đẩy việc trao trả phần lớn những người bị giam giữ nói trên trong vòng 60 ngày sau khi ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và tất cả những người bị giam giữ nói trên được trao trả hết trong vòng 90 ngày theo đúng điều khoản của Hiệp định.

Thoả thuận ngày 22 tháng 1 năm 1973

4- Hiểu biết về vấn đề Lào

Trong cuộc gặp riêng ngày 10 tháng giêng năm 1973 giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, sau khi đã tham khảo ý kiến với các bên liên quan ở Lào, đã thoả thuận rằng thời gian một tháng tiếp theo sau khi ký Hiệp định đặc biệt trong việc trao đổi công hàm nói trên liên quan đến việc ngừng bắn ở Lào, sẽ giảm thời gian xuống không quá 15 ngày.

Trong cuộc gặp riêng ngày 9 tháng giêng năm 1973, đã thoả thuận thêm rằng tất cả các nhân viên quân sự và dân sự của Hoa Kỳ bị giam giữ ở Lào sẽ được trao trả trong vòng không quá 60 ngày sau khi Hiệp định được ký kết.

5- Hiểu biết về việc rút nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự

Hoa Kỳ xác nhận rằng sẽ rút khỏi Nam Việt Nam tất cả nhân viên dân sự làm việc trong lực lượng vũ trang của Việt Nam Cộng hoà và sẽ không đưa họ trở lại. Số lượng của những nhân viên dân sự nói trên sẽ được giảm bớt dần dần. Việc rút lui của họ sẽ hoàn thành trong vòng 12 tháng từ khi ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và phần lớn trong số nhân viên dân sự đó sẽ rút đi trong vòng 10 tháng sau khi ký Hiệp định. Trong lúc họ rút khỏi Nam Việt Nam, không một người nào trong số nhân viên dân sự nói trên sẽ tham gia vào các cuộc hành quân hoặc trong việc huấn luyện quân sự.

Thoả thuận ngày 13 tháng 1 năm 1973

Thông qua ngày 20 tháng 1 năm 1973

Còn 3 hiểu biết:

6- Định nghĩa từ: "của các bên" trong điều 8a, 8b.

7- Định nghĩa từ: "nhất trí" trong điều 12a, 16b, 18f.

8- Về mối quan hệ giữa Ủy ban Quốc tế và Hội nghị Quốc tế

PHỤ LỤC XV - CÔNG HÀM CỦA TỔNG THỐNG HOA KỲ GỬI THỦ TƯỚNG VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Ngày 1 tháng 2 năm 1973

Tổng thống thông báo cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà những nguyên tắc sẽ chỉ đạo sự tham gia của Hoa Kỳ về việc xây dựng lại sau chiến tranh ở Bắc Việt Nam. Như đã nêu trong Điều 21 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, Hoa Kỳ thực hiện sự tham gia này theo chính sách truyền thống của mình.

Những nguyên tắc đó là:

1- Chính phủ Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào công việc xây dựng lại sau chiến tranh ở Bắc Việt Nam mà không có bất cứ điều kiện chính trị nào.

2- Việc nghiên cứu sơ bộ của Hoa Kỳ cho thấy rằng những chương trình thích hợp cho sự đóng góp của Hoa Kỳ vào công cuộc xây dựng lại sau chiến tranh sẽ là khoảng 3,25 tỷ đô la viện trợ không hoàn lại trong một thời gian 5 năm. Những hình thức viện trợ khác sẽ được Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xét duyệt lại và thoả thuận chi tiết.

3- Hoa Kỳ sẽ đề nghị với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là sẽ thành lập một Ủy ban hỗn hợp kinh tế Mỹ - Bắc Việt Nam trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi công hàm này.

4- Chức năng của Ủy ban này sẽ là đề ra các chương trình cho việc đóng góp của Hoa Kỳ vào công cuộc xây dựng lại ở Bắc Việt Nam. Sự đóng góp của Hoa Kỳ sẽ tiến hành trên cơ sở những yếu tố sau đây:

a) Các nhu cầu của Bắc Việt Nam do những tàn phá của chiến tranh gây nên.

b) Các yêu cầu của công cuộc xây dựng lại sau chiến tranh trong các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp của nền kinh tế Bắc Việt Nam.

5- Ủy ban hỗn hợp kinh tế sẽ gồm những đại diện ngang nhau của mỗi bên. Ủy ban sẽ thoả thuận về một bộ máy để quản lý chương trình đóng góp của Hoa Kỳ vào công cuộc xây dựng lại Bắc Việt Nam. Ủy ban sẽ cố gắng hoàn thành sự thoả thuận này trong vòng 60 ngày sau khi được thành lập.

6- Hai thành viên của Ủy ban sẽ hoạt động trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Những trụ sở của Ủy ban sẽ đặt tại một nơi sẽ được thoả thuận giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

7- Hoa Kỳ cho rằng việc thực hiện những nguyên tắc nói trên sẽ thúc đẩy những quan hệ kinh tế

thương mại và các quan hệ khác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sẽ góp phần vào việc bảo đảm một nền hoà bình vững chắc và lâu dài ở Đông Dương. Những nguyên tắc này phù hợp với tinh thần của Chương VIII của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973.

Điều ghi chú về những hình thức viện trợ khác

Về những hình thức viện trợ khác, việc nghiên cứu của Hoa Kỳ cho thấy rằng những chương trình thích hợp có thể là vào khoảng 1 đến 1,5 tỷ đô la tùy theo nhu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về lương thực và hàng hoá khác.

Hiểu biết về Chương trình xây dựng lại kinh tế

Có sự hiểu biết là những đề nghị của ủy ban hỗn hợp kinh tế nói trong công hàm của Tổng thống gửi Thủ tướng sẽ do mỗi thành viên thực hiện theo những qui định của Hiến pháp của mình.

NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH (1945-1976)

1945

2-9. Thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

1946

6-3. Hiệp định sơ bộ được ký giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Cộng hoà Pháp. Pháp thừa nhận Việt Nam là một nước tự do trong Liên hiệp Pháp.

31-5. Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường thăm chính thức nước Cộng hoà Pháp.

19-12. Pháp gây ra cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất .

1948

5-6. Tại Vịnh Hạ Long, Tướng Nguyễn Văn Xuân, thay mặt Bảo Đại và Cao uỷ Pháp E.Bô-la-e ký tuyên bố (bí mật) theo đó Pháp thừa nhận độc lập của Việt Nam.

1949

8-3. Tổng thống Pháp Vanh-xăng O-ri-ôn và Bảo Đại ký Hiệp ước Ê li dê trao trả độc lập cho Việt Nam.

1-7. Bảo Đại thành lập Quốc gia Việt Nam.

1950

18-1. Trung Quốc rồi sau đó Liên Xô (30-1) công nhận và lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

2-2. Mỹ chính thức công nhận Quốc gia Việt Nam.

8-5. Mỹ viện trợ quân sự và kinh tế cho Đông Dương (qua Pháp).

2-8. Thành lập phái đoàn Cố vấn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) ở Sài Gòn.

23-12. Mỹ ký Hiệp nghị viện trợ phòng thủ chung với Pháp và "ba nước liên kết" ở Đông Dương.

1954

18-2. Hội nghị Berlin (Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô) quyết định triệu tập Hội nghị Genève về Triều Tiên và Đông Dương.

7-5. Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ.

8-5. Hội nghị Genève về Đông Dương khai mạc.

20-7. Ký Hiệp định Genève về Việt Nam.

8-9. Ký Hiệp ước Manila thành lập Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) và đặt miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia vào khu vực bảo hộ của tổ chức này.

23-10. Tổng thống Đ.D.Aisenhower gửi thư cho Thủ tướng Ngô Đình Diệm hứa viện trợ trực tiếp cho Chính quyền Sài Gòn

31-12. Thủ tướng Lào Cạtay D. Xa-xô-rít cho quân đội tấn công chiếm hai tỉnh Phong Sa lý và Sầm Nưa do Pa-thét Lào kiểm soát.

1955

- Tháng 1. Mỹ viện trợ trực tiếp cho quân miền Nam Việt Nam.
- 12-1. Mỹ nắm quyền huấn luyện Quân đội Sài Gòn.
- 16-5. Ký Hiệp nghị viện trợ quân sự của Mỹ cho Campuchia.
- 6-6. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đề nghị với Chính quyền Sài Gòn hai miền hiệp thương vào ngày 20 tháng 7 để bàn về tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Chính quyền Ngô Đình Diệm bác bỏ.
- 26-10. Thành lập Việt Nam Cộng hoà (miền Nam Việt Nam) Ngô Đình Diệm trở thành Tổng thống.

1956

- 11-1. Chính quyền Ngô Đình Diệm công bố lệnh: an trí hoặc cưỡng bức cư trú hoặc biệt trú những người coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh công cộng.
- 21-4. Campuchia bác bỏ sự bảo hộ của khối SEATO.
- 21-6. Ký Hiệp ước về việc Trung Quốc viện trợ kinh tế cho Campuchia.
- 20-7. Chính quyền Sài Gòn từ chối tổng tuyển cử để thống nhất Việt Nam.
- 10-8. Thủ tướng Xu-va-na Phu-ma và Hoàng thân Xu-pha-nu-vông đại diện cho Pa-thét Lào ký thông cáo chung về nguyên tắc thành lập Chính phủ Hoà hợp dân tộc ở Lào.

1957

- Tháng 5. Ngô Đình Diệm đi thăm Mỹ.
- 16-10. Chính phủ Vương quốc Lào và Pa-thét Lào ký thông cáo chung về việc lập chính phủ đoàn kết dân tộc ở Lào.
- 4-11. Quốc hội Campuchia thông qua đạo luật về nền trung lập của Campuchia.

1958

- 8-3. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đề nghị gặp Chính quyền Sài Gòn để bàn việc giảm quân số và trao đổi buôn bán giữa hai miền. Chính quyền Sài Gòn từ chối.
- 22-7. Chính phủ Xu-va-na Phu-ma ở Lào đổ, Phủi Xa-na-ni-con lên làm Thủ tướng gạt bỏ các Đại biểu Pa-thét Lào ra khỏi Chính phủ Liên hiệp.

1959

- Tháng 1. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam: dùng khởi nghĩa giành Chính quyền. Đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị ở miền Nam Việt Nam.
- 6-5. Chính quyền Ngô Đình Diệm công bố Luật 10-59, lập toà án đặc biệt xử những người chống đối.
- 11-5. Phủi Xa-na-ni-con gây lại nội chiến ở Lào và vu cáo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xâm lược Lào.
- 31-12. Phu-ni Nô-xa-văn làm đảo chính lật đổ Chính phủ Phủi Xa- na-ni-con ở Lào, đưa Cu Áp-hay lên làm Thủ tướng.

1960

- 9-8. Đại úy Coong-le làm đảo chính ở Lào.
- 17-8. Hoàng thân Xu-va-na Phu-ma lập Chính phủ mới ở Lào, tuyên bố theo đường lối trung lập.

13-12. Phu-mi Nô-xa-văn chiếm lại Viêng Chăn đưa Hoàng thân Bun ưm làm Thủ tướng. Chính phủ Xu-va-na Phu-ma về Xiêng Khoảng.

20-12. Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Cuối năm 1960 số nhân viên quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên 900 người.

1961

20-1. Tổng thống J.F.Kennedy nhậm chức.

16-5. Hội nghị Genève (gồm mười bốn nước) bàn về vấn đề Lào khai mạc.

4-6. J.F.Kennedy gặp N.Khơ-rúp-xốp, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ở Viên (Áo) thoả thuận trung lập hoá Lào.

16-11. Mỹ đưa thêm lực lượng đặc biệt vào miền Nam Việt Nam.

Tháng 12. Số nhân viên quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên tới ba nghìn hai trăm người.

1962

4-1. Mỹ và Chính quyền Diệm công bố kế hoạch quân sự kinh tế Xta-lây Tay-lơ nhằm bình định miền Nam Việt Nam trong mười tám tháng.

8-2. Mỹ lập Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự (MAVC) ở Sài Gòn.

15-5. Pa-thét Lào giải phóng Nậm Thà. Mỹ đưa năm nghìn quân thuộc lực lượng đặc biệt vào Thái Lan, đe dọa can thiệp vào Lào .

23-6. Ba Hoàng thân ở Lào thoả thuận lập Chính phủ ba phái do Xu va-na Phu-ma làm Thủ tướng.

23-7. Hội nghị Genève về Lào bế mạc, ký văn kiện về nền trung lập ở Lào.

1963

8-5. Ngô Đình Diệm đàn áp sinh viên và Phật tử nhân ngày Phật đản ở Huế. Cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật phát triển ở khắp miền Nam

2-10. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Macnamara thăm miền Nam Việt Nam. Ông ta nói: Mỹ có thể thắng vào cuối năm 1965.

1-11. Đảo chính ở Sài Gòn. Anh em Ngô đình Diệm - Ngô Đình Nhu bị sát hại. Tướng Dương Văn Minh lên cầm quyền.

Tháng 12. Số quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên mười sáu nghìn người.

1964

30-1. Nguyễn Khánh làm đảo chính lật đổ Dương Văn Minh.

1-2. Bộ Quốc phòng Mỹ thông qua chương trình 34-A tấn công bí mật miền Bắc Việt Nam ở trên bộ, trên không và dưới biển do Bộ Chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn điều khiển.

17-3. Tướng Nguyễn Khánh, Tướng Phu-mi Nô-xa-văn (Lào) cùng bọn phản động ở Campuchia hợp ở Đà Lạt nhằm phối hợp hành động mở rộng chiến tranh ở ba nước Đông Dương.

19-4. Đảo chính ở Viêng Chăn do Cu-pra-xít và Si Hô tổ chức lật đổ Chính phủ ba phái ở Lào. Phu-mi Nô-xa-văn vẫn được mời ra giữ chức vụ Thủ tướng.

21-5. Xu-va-na Phu-ma đồng ý để máy bay Mỹ do thám và bắn phá vùng Pa-thét Lào (chiến dịch I-an Ki-tim).

2-6. Hội nghị Honolulu: Hoa Kỳ quyết định "đánh bại quyết tâm và tiềm năng của Bắc Việt, buộc Bắc Việt Nam chấm dứt ủng hộ Việt cộng".

8-7. Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc U-thant kêu gọi triệu tập lại Hội nghị Genève về Đông Dương

để giải quyết vấn đề Việt Nam.

27-7. Liên Xô đề nghị triệu tập Hội nghị Genève về Lào.

2 và 4-8. Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" để đổ trách nhiệm cho Việt Nam.

5-8. Máy bay Mỹ đánh phá các căn cứ của Hải quân Việt Nam Dân chủ Cộng hoà: Cẩm Phả, Hải Phòng, Lạch Trường, Vinh và Đồng Hới.

7-8. Quốc hội Mỹ trao quyền đặc biệt cho Tổng thống L.B.Johnson kể cả việc sử dụng lực lượng vũ trang ở Đông Nam Á.

16-8. Hội đồng tướng lĩnh Sài Gòn bầu Nguyễn Khánh làm Chủ tịch

27-8. Nguyễn Khánh, Dương Văn Minh và Trần Thiện Khiêm lập chế độ cầm quyền ba người. Cho đến cuối năm 1964 đã diễn ra ít nhất bốn lần thay đổi Chính phủ ở Sài Gòn. Ba Hoàng thân Lào gặp nhau ở Paris, nhưng cuộc gặp gỡ thất bại.

14-12. Chiến dịch ném bom của Mỹ ở Lào lấy tên là Ba-ren Rôn.

16-12. Mỹ đưa nhiều phi đội máy bay chiến đấu "Thần Sấm" vào miền Nam Việt Nam.

Tháng 12. Quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên hai mươi ba nghìn người.

1965

Tháng 1. Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố với nhà báo Mỹ E.Snow: Trung Quốc sẽ không đưa quân sang đánh nhau với Mỹ ở Việt Nam.

27-1. Hội đồng quân sự Sài Gòn lật đổ Chính phủ dân sự. Tướng Nguyễn Khánh lại nắm hết quyền hành.

6 đến 12-2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N.Cô-xư-ghin thăm Việt Nam. Quyết định tăng viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

7 và 8-2. Mỹ cho máy bay đánh phá vùng Vĩnh Linh và Quảng Bình mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại chống Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bằng không quân và hải quân.

18-2. Tướng Nguyễn Khánh bị gạt khỏi chức vụ Chủ tịch Hội đồng tướng lĩnh ở Sài Gòn.

24-2. Tại cuộc hội đàm Trung - Mỹ ở Vasava, Mỹ thông báo cho Trung Quốc chính sách hạn chế của Mỹ ở Việt Nam.

7-3. Những đơn vị chiến đấu của Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng.

7-4. Tuyên bố Ban-ti-mô của Tổng thống L.B.Johnson về việc Mỹ sẵn sàng "thương lượng không điều kiện".

8-4. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa ra lập trường bốn điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam.

15-4. Biểu tình ở nhiều thành phố lớn ở Mỹ đòi chấm dứt ném bom miền Bắc, rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam.

24-4. Ấn Độ đề nghị đưa quân Á - Phi vào giữ khu phi quân sự.

12-5. Mỹ ngừng ném bom sáu ngày ở miền Bắc Việt Nam để vận động hoà bình.

18-6. Nguyễn Cao Kỳ lên làm Thủ tướng, Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng thống miền Nam Việt Nam.

28-7. Tổng thống L.B.Johnson quyết định tăng thêm một số đáng kể quân Mỹ vào miền Nam. Trước mắt, ông ta cho đưa ngay năm mươi nghìn quân vào miền Nam Việt Nam.

9-8. Tướng Oét-mo-len, Tư lệnh Quân đội Mỹ ở miền Nam tung lực lượng Mỹ ra mở cuộc hành quân đầu tiên tên là Ánh Sao ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) trong chiến lược "tìm và diệt" của ông ta.

15 đến 17-10. Ủy ban phối hợp hành động chống chiến tranh Việt Nam ở Mỹ, tổ chức tuần lễ phản kháng ở sáu mươi tỉnh, thành phố Mỹ.

15-12. Mỹ ném bom Nhà máy điện Uông Bí (Quảng Ninh) mở đầu việc đánh phá các cơ sở công nghiệp miền Bắc Việt Nam.

24-12. Mỹ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam trong dịp lễ Nô-en.

29-12. Mỹ công bố lập trường mười bốn điểm, cử các quan chức cao cấp đi khắp nơi trên thế giới để vận động hoà bình. Đại sứ Mỹ ở Miền Điện gặp Tổng lãnh sự Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để trao thông điệp.

Đến cuối năm, lực lượng Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên một trăm tám mươi lăm nghìn người.

1966

24-1. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho sáu mươi Nguyên thủ Quốc gia và Thủ tướng các nước trên thế giới.

31-1. Chấm dứt ba mươi bảy ngày ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam. Mỹ đưa vấn đề Việt Nam ra Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Tháng 4. Tổng thống Ấn Độ đề nghị đưa quân các nước Á - Phi vào miền Nam thay thế quân Mỹ.

29-6. Mỹ ném bom kho dầu Đức Giang, Hà Nội và kho dầu Hải Phòng, mở đầu bước leo thang đánh vào Thủ đô Hà Nội và cảng Hải Phòng.

5-7. Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp ông Jean Sainteny, đặc phái viên của Tổng thống Pháp De Gaulle.

7-7. Thủ tướng Ấn Độ đưa ra kế hoạch bảy điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam trong đó có yêu cầu Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.

17-7. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

15-8. Tại Phnôm Pênh, Tổng thống Pháp De Gaulle yêu cầu Mỹ vạch ra một thời hạn cho việc rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam.

19-9. Thư luân lưu của Giáo hoàng Pôn VI kêu gọi tập trung hoạt động cho hoà bình ở Việt Nam để “tránh tai hoạ khủng khiếp”.

24 và 25-10. Hội nghị Manila giữa Tổng thống Mỹ và những người đứng đầu các nước có quân tham chiến ở miền Nam Việt Nam.

14 và 15-11. Đại sứ Cabot Lodge ở Sài Gòn gặp Đại sứ Ba Lan Lewandowski tại nhà Đại sứ Italia Giô-van-ni Đ’Oóc-lan-đi đưa ra kế hoạch hai giai đoạn A và B giải quyết vấn đề Việt Nam.

15-11. Phiên họp đầu tiên của Toà án quốc tế Béc-tơ-răng Rút-xen họp ở Luân Đôn xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

3 và 4-12. Mỹ ném bom ác liệt khu dân cư Hà Nội.

13 và 14-12. Mỹ ném bom ác liệt nội thành Hà Nội.

30-12. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh Gioóc-giơ Brao đề nghị Mỹ, Bắc Việt Nam và Chính quyền Sài Gòn gặp nhau trên lãnh thổ Anh để bàn chấm dứt chiến tranh.

Cuối năm quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên đến ba trăm tám mươi chín nghìn người.

1967

2-1. Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố với nhà báo Mỹ Ha-ri-xon Xôn-xơ-ri của tờ Thời báo New York tại Hà Nội “Bốn điểm là cơ sở cho một giải pháp, không phải điều kiện cho việc nói chuyện”.

10-1. Đại biện lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Lê Trang ở Mát-xcơ-va gặp đại biện Mỹ I Gót-tơ-rai theo yêu cầu của phía Mỹ.

12-1. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp hai ông H.S.A-xmô-rơ và W C.Bách thuộc Trung tâm nghiên cứu các thể chế dân chủ ở Mỹ.

28-1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì có thể có nói chuyện giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ.

6-2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N.Cô-xư-ghin thăm Anh. Hai bên bàn vấn đề Việt Nam.

8-2. Tổng thống Johnson gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

14-2. Mỹ ném bom trở lại miền Bắc sau bảy ngày ngừng ném bom trong dịp Tết.

20 và 21-3. Johnson và Nguyễn Văn Thiệu gặp nhau ở Gu-am, nhấn mạnh đến các cố gắng về kinh tế và xã hội bên cạnh nỗ lực về quân sự.

19-4. Mỹ đề nghị mở rộng khu phi quân sự và tuyên bố sẵn sàng nói chuyện. Hôm sau, Mỹ ném bom Nhà máy điện Hải Phòng.

10-5. U Thant, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc kêu gọi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc, ông tin rằng sẽ có nói chuyện trong vòng từ ba đến bốn tuần lễ sau khi chấm dứt ném bom.

19-5. Mỹ ném bom Nhà máy điện Hà Nội.

2-6. Mỹ ném bom cảng Cẩm Phả, một tàu Liên Xô trúng bom.

20-6. Bộ Ngoại giao Mỹ gửi công hàm cho Liên Xô tỏ ý tiếc về việc tàu Liên Xô bị trúng bom.

24 và 25-7. Hai nhà khoa học Pháp Héc-be Mác-vô-vích và Ray- mông Ô-brắc đến Hà Nội.

3-8. Johnson ấn định: mức tối đa số quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam là năm trăm hai mươi lăm nghìn người.

29-9. Johnson đưa ra công thức Xan An-tô-ni-ô: về điều kiện nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

20-11. Toà án Quốc tế Béc-tơ-răng Rút-xen họp phiên thứ hai ở Thủ đô Đan Mạch lên án Mỹ phạm tội xâm lược, chống hoà bình và chống loài người.

30-12. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố: “Cuộc nói chuyện giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ bắt đầu sau khi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc”

1968

25-1. Clác-clíp-phốt, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố: “Nếu Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc, Việt Nam được tiếp tế bình thường cho lực lượng của họ ở miền Nam”.

28-1. Hà Nội tuyên bố thả và giao ba phi công Mỹ bị bắt cho phong trào hoà bình Mỹ. Ngày 16 tháng 2, ba người này đã tới Viêng Chăn.

30 và 31-1. Lực lượng giải phóng miền Nam tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân ở toàn miền Nam.

10-3. Oét-mo-len xin thêm hai trăm linh sáu nghìn quân.

31-3. Tổng thống Johnson đọc diễn văn về việc ném bom hạn chế miền Bắc Việt Nam và đề nghị nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

3-4. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố: “sẽ cử đại diện tiếp xúc với đại diện Mỹ”.

2-5. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ thoả thuận lấy Paris là điểm tiếp xúc.

13-5. Hội nghị Paris giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ chính thức làm việc.

31-10. Tổng thống L.B.Johnson tuyên bố: “Chấm dứt tất cả mọi việc ném bom bằng không quân và hải quân và bắn phá bằng pháo binh chống miền Bắc Việt Nam bắt đầu từ ngày 1 tháng 11 năm 1968”.

6-11. R.Ních-xơn trúng cử Tổng thống Mỹ

27-11. Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận tham dự Hội nghị Paris cùng với Mỹ, Việt Nam Dân chủ

1969

- 25-1. Hội nghị bốn bên: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Mặt trận Dân tộc Giải phóng - Hoa Kỳ - Chính quyền Sài Gòn (Việt Nam Cộng hoà) khai mạc ở Paris.
- 23-2. R.Nixon ra lệnh ném bom 'đất thánh' của "Việt cộng" ở Campuchia.
- 27-3. R.Nixon đi thăm một số nước châu Á. Tại Giam, ông đưa ra "Học thuyết Nixon", sau đó ghé qua Sài Gòn.
- 8-5. Mặt trận Dân tộc Giải phóng đưa ra giải pháp hoà bình mười điểm.
- 14-5. R.Nixon đưa ra đề nghị tám điểm.
- 6-6. Thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.
- 8-6. R.Nixon gặp Thiệu ở đảo Midway - sau đó ông ta tuyên bố đợt rút quân Mỹ đầu tiên gồm 25.000 quân khỏi miền Nam Việt Nam, bước đầu của "Việt Nam hoá chiến tranh".
- 16-7. R.Nixon gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- 4-8. H.A.Kissinger bí mật gặp Xuân Thuỷ lần đầu ở Paris.
- 25-8. Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời thư của Nixon.
- 2-9. Hồ Chủ tịch từ trần.
- 15-10. Bắt đầu đợt "tạm ngừng hoạt động" ở Mỹ phản đối chiến tranh Việt Nam. Biểu tình rầm rộ ở các thành phố lớn ở Mỹ.
- 3-11. R.Nixon tuyên bố sẽ giải quyết vấn đề Việt Nam bằng thương lượng hoặc thông qua Việt Nam hoá chiến tranh.

1970

- Tháng 1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định đẩy mạnh đấu tranh toàn diện ở miền Nam Việt Nam từ cuối năm 1970 và 1971 chuẩn bị cho bước quyết định vào 1972.
- 21-2. Lê Đức Thọ - Xuân Thuỷ gặp Kissinger. Bắt đầu gặp riêng giữa Lê Đức Thọ và Kissinger.
- Tháng 3. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị và ngoại giao, đòi thành lập Chính phủ liên hiệp ở miền Nam.
- 18-3. Lon Nol làm đảo chính lật đổ N.Sihanuc ở Campuchia.
- 22-3. Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Phạm Văn Đồng hội đàm với Quốc trưởng Campuchia N.Sihanuc ở Bắc Kinh. Sau đó Sihanuc thành lập FUNK (mặt trận Thống nhất Dân tộc Khome) chống Mỹ.
- 24-4. Hội nghị nhân dân cấp cao ba nước Đông Dương họp ở Quảng Châu.
- 26-4. Quốc hội Mỹ huỷ bỏ Nghị quyết về Vịnh Bắc Bộ năm 1964 cho phép Tổng thống đưa quân Mỹ sang Đông Nam Á.
- 28-4. N.Sihanuc lập Chính phủ Kháng chiến Campuchia (GRUNK).
- 30-4. Quân Mỹ và quân Sài Gòn tiến vào Campuchia.
- 4-5. Chính quyền Nixon cho cảnh sát bắn chết 4 sinh viên phản đối chiến tranh Việt Nam ở Trường Đại học Keng.
- 9-5. Ngày toàn quốc phản đối chiến tranh Việt Nam ở khắp nước Mỹ.
- 30-6. Quân Mỹ phải rút khỏi Campuchia theo quyết định của Quốc hội Mỹ.
- 17-9. Chính phủ Cách mạng Lâm thời đưa ra giải pháp tám điểm về Việt Nam trong đó có việc rút quân Mỹ và thả tù binh cùng một thời hạn.
- 18-10. R.Nixon đưa ra đề nghị năm điểm mà không đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam Việt Nam.

19-11. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.Côxughin thăm Việt Nam.

10-12. Chính phủ Cách mạng Lâm thời đòi quân Mỹ rút khỏi miền Nam vào ngày 31 tháng 7 năm 1971.

1971

7-2. Mỹ và Chính phủ Sài Gòn mở chiến dịch Lam Sơn 719 nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh ở Sêpôn, Hạ Lào.

21-4. Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai mời R.Nixon thăm Bắc Kinh.

31-5. Tại cuộc gặp riêng, Kissinger đưa ra đề nghị "cuối cùng" bảy điểm.

26-6. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đưa ra chín điểm.

1-7. Tại Hội nghị bốn bên, Chính phủ Cách mạng Lâm thời đưa ra bảy điểm đòi rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam trong năm 1971.

9-7. Kissinger đi Trung Quốc chuẩn bị cho Nixon đi Bắc Kinh.

13-7. Thủ tướng Chu Ân Lai bí mật sang Việt Nam.

16-8. Tại cuộc gặp riêng, Kissinger đưa ra tám điểm.

25-10. Trung Quốc gia nhập lại Liên Hiệp Quốc.

20-11. Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Bắc Kinh.

1972

25-1. R.Nixon đơn phương công bố nội dung các cuộc gặp riêng và đề nghị tám điểm đưa ra hôm 16 tháng 8 năm 1971.

31-1. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công bố đề nghị chín điểm.

17-2. R.Nixon lên đường thăm Bắc Kinh.

28-2. Trung Quốc và Hoa Kỳ ký thông cáo chung Thượng Hải.

22-3. Mỹ tuyên bố ngừng họp Hội nghị Paris vô thời hạn.

30-3. Quân Giải phóng miền Nam mở cuộc tấn công lớn từ Quảng Trị đến Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

6-4. R.Nixon hạ lệnh ném bom lại miền Bắc Việt Nam.

2-5. Toàn tỉnh Quảng Trị được giải phóng.

2-5. Lê Đức Thọ và Xuân Thuỷ gặp lại Kissinger.

8-5. Mỹ thả mìn các cảng và phong tỏa miền Bắc.

20-5. R.Nixon lên đường sang Liên Xô.

Tháng 6. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam quyết định chuyển sang chiến lược hoà bình.

14-6. Chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô Pôtgotnuri thăm Việt Nam.

19-7. Tại cuộc gặp riêng, Việt Nam và Mỹ đều đưa ra tuyên bố về chính sách chung.

1-8. Mỹ đưa ra mười hai điểm - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đưa ra mười điểm.

14-8. Mỹ đưa ra đề nghị mới mười điểm.

8-10. Việt Nam đưa ra dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam”.

20-10. Tổng thống Mỹ tuyên bố “Hiệp định xem như đã hoàn thành”. Hai bên thoả thuận sẽ ký ngày 30 tháng 10 năm 1972. Mỹ lập cầu hàng không gọi là “Enhance Plus” tiếp tế ô ạt vũ khí cho Sài Gòn.

23-10. Mỹ lại nêu nhiều trở ngại để trì hoãn việc ký Hiệp định.

26-10. Việt Nam công bố thoả thuận đã đạt được.

- 26-10. Kissinger tuyên bố “Hoà bình trong tâm tay”.
- 2-11. R.Nixon ra lệnh B52 tiến công phía Bắc khu phi quân sự.
- 7-11. R.Nixon trúng cử lại Tổng thống Mỹ.
- 20-11. Thương lượng lại: Mỹ đòi sửa đổi hầu hết các vấn đề thực chất trong tất cả các chương theo yêu cầu của Chính quyền Sài Gòn.
- 13-12. Thương lượng bế tắc. Hai bên ngừng họp để xin chỉ thị Chính phủ của mình.
- 18-12. R.Nixon cho B52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng mở đầu “cuộc hành quân Lineblecker II” kéo dài 12 ngày đêm, đồng thời Mỹ gửi công hàm cho Việt Nam yêu cầu họp lại. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không trả lời.
- 22-12. Mỹ lại gửi công hàm yêu cầu họp lại với điều kiện Mỹ sẽ chấm dứt ném bom trên vĩ tuyến 20.
- 26-12. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đòi trở lại tình hình trước ngày 18 tháng 12 thì hai bên sẽ họp lại. Mỹ chấp nhận.
- 30-12. Mỹ chấm dứt ném bom trên vĩ tuyến 20.

1973

- 8-1. Hợp lại. Kissinger đòi trở lại thoả thuận ngày 23 tháng 11 năm 1972 và xét lại Điều 1 về các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam nhưng bị bác bỏ.
- 10-1. Kissinger lại đòi “điều chỉnh” lực lượng ở miền Nam, (tức rút quân miền Bắc), nhưng cũng bị bác bỏ.
- 13-1. Hoàn thành Hiệp định. Đây là cuộc gặp riêng cuối cùng.
- 16- 1. R. Nixon gửi thư cho Thiệu - coi Chính quyền của Thiệu là hợp pháp duy nhất ở miền Nam Việt Nam.
- 23-1. Lê Đức Thọ và Kissinger ký tắt Hiệp định.
- 27-1. Bốn bên ký Hiệp định Paris về Việt Nam.
- 28-1. Ngừng bắn trên toàn miền Nam.
- 30-1. Nixon gửi công hàm cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc Hoa Kỳ đóng góp hàn gắn chiến tranh ở Việt Nam.
- 8-2. H.Kissinger vào Hà Nội.
- 21-2. Ký Hiệp định Vientiane về chấm dứt chiến tranh ở Lào.
- 2-3. Ký Định ước Paris về Việt Nam.
- 29-3. Người lính Mỹ cuối cùng rời khỏi Việt Nam.

1975

- 30-4. Giải phóng Sài Gòn.
- 2-7. Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra đời.

SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

SÁCH, BÁO TIẾNG VIỆT

- 1. Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập I và II. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1985-1986.
- 2. Hồ Chí Minh: tuyển tập, tập I và II. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1980.

3. Lê Duẩn: Thư vào Nam. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1985.
4. Thắng lợi có tính thời đại và cuộc đấu tranh trên mặt trận đối ngoại của nhân dân ta. Viện Quan hệ Quốc tế. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1985.
5. Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc ba mươi năm qua. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1980.
6. Việt Nam - Liên Xô, ba mươi năm quan hệ 1950-1980, Bộ Ngoại giao Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Ngoại giao Liên Xô. Nhà xuất bản Tiến Bộ - Mát-xcơ-va, 1983.
7. Hồi ký Bớc-sét. Nhà xuất bản Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1985.
8. Gio-dép A.Am-tơ: Lời phán quyết về Việt Nam. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1985.
9. Pi-tơ A.Pu-lơ: Nước Mỹ và Đông Dương từ Roosevelt đến R.Ních-xơn. Nhà xuất bản Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1985.
10. Những sự kiện lịch sử Đảng, tập I. Nhà xuất bản Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1980.
11. Mai Văn Bộ: Tấn công ngoại giao và tiếp xúc bí mật. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
12. Báo Nhân dân từ năm 1964 - 1967.
13. Hồ Chí Minh. Toàn tập. Tập 34-35-36. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1985.
14. Lê Đức Thọ - Chiến thắng vĩ đại của nhân dân Việt Nam có tính thời đại sâu sắc. Trả lời phỏng vấn của TTXAPN (Liên Xô) nhân kỷ niệm lần thứ 10 ngày ký Hiệp định Paris về Việt Nam.
15. Báo Nhân dân ngày 27 tháng 1 năm 1983; Về tổng kết chiến tranh và biên soạn lịch sử quân sự. Tạp chí Lịch sử Quân sự, Số 1 ((25), 1988 - Số 2 (26), 1988. Viện Lịch sử, Bộ Quốc phòng; Những ý kiến chính về cuộc thương lượng Paris, ngày 14 tháng 11 năm 1988. Lưu trữ Bộ Ngoại giao.
16. Nguyễn Duy Trinh. Mặt trận ngoại giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước, 1965-1975. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1979.
17. Đại tướng Văn Tiến Dũng. Toàn thắng. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991.
18. Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tập I và tập II. Viện Lịch sử, Bộ Quốc phòng. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1990.
19. Lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam. Viện Lịch sử, Bộ Quốc phòng Tập III, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội 1990.
20. Những sự kiện lịch sử Đảng Về kháng chiến chống Mỹ cứu nước Tập III. Nhà xuất bản Thông tin Lý luận. Hà Nội, 1985.

SÁCH, BÁO XUẤT BẢN Ở NƯỚC NGOÀI

1. The Secret Diplomacy of the Vietnam War: The Negotiating Volumes of the Pentagon Papers. Edited by Georges C.Herring. University of Texas Press - Austin, 1983.
2. The Pentagon Paper. The Defence Department History of United States. Decision on Vietnam Senator Gravel Ed. Boston - Beacon Press 1971
3. United States - Vietnam Relations 1945-1957. Study Prepared by the Department of Defense, U.S Government, Books 2, Washington, 1971.
4. L.B Johnson: Ma vie de Président - Edition Buchet-Chastel, Paris, 1972.
5. Michael Mc.Lear: Vietnam: The Ten Thousand Day War. Thames Methuen, London, 1982.
6. Chester L.Cooper: The Lost Crusade: American in Vietnam. Dood - Maad Co, N.Y, 1970.
7. David Kraslow & Stuart H.Loory: The Secret Search for Peace - in Vietnam, Random House, New York, 1968.
8. W.C.Gibbon: The U.S Government and the Vietnam War. Congressional Research service,

Washington, 1984, Part I.

9. Robin Clarke, *La Course à la Mort ou La Technocratie de la Guerre*. Seuil, Paris, 1971.

10. R.Nixon. *The Memoirs of R.Nixon*. Grosset and Dunlap, New York 1978.

11. H.A.Kissinger. *A la Maison Blanche*. 1968-1973, Ed. Fayard, Paris, 1979.

12. *The Pentagon Papers. The Defence Department History of United States Decision Making on Vietnam*. Senator Gravel Ed. Boston-Beacon Press 1971.

13. W.Manchester. *La Splendeur et le Rêve*. Histoire de l'Amérique contemporaine. Tome II. Ed. Robert Laffont, Paris 1976.

14. Daniel S.Papp. *Vietnam, The Views from Moscow-Peking- Washington*. Mc Farland Co INC, North Carolina 1981.

15. Gareth Porter. *A Peace Denied: The United States, Vietnam and the Paris Agreement*. Bloomington, Indiana University Press, 1975.

16. *The Broken Promise to Hanoi*. The Nation, April 30, 1977.

17. Marvin Kalb and Bernard Kalb. *Kissinger* New York, Dell, 1975.

18. Joseph A.Amter. *Vietnam Verdict. A citizen's history*. Continuum. New York 1982

19. Michael Mc. Lear. *Vietnam: The Ten Thousand Day War*. Thames Methuen. London 1982.

20. Claude Dulong. *La Dernière Pagode*. Bernard Grasset, Paris 1989.

21. Vernon. A. Walters. *Silent Mission*. Double Day, New York 1978.

22. Sự thật về quan hệ Trung Quốc - Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề quốc tế - Viện Nghiên cứu vấn đề quốc tế - Trung Quốc số 2 năm 1981 phát hành tháng 10.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>